TS. LÊ ANH XUÂN1
NGUYỄN THÚY HỒNG - NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN - VŨ THỊ HỒNG LÊ
BÙI THÙY LINH - NGÔ THỊ THANH

199 BÀI VÀ ĐOẠN VĂN HAY

LỚP 8





NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TS. LÊ ANH XUÂN - NGUYỄN THÚY HỒNG
NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN - VŨ THỊ HỒNG LÊ - BÙI THÙY LINH - NGÔ THỊ THANH

199
BÀI VÀ ĐOẠN VĂN HAY
Lớp 8

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỜI NÓI ĐẦU

Bài văn là nơi thể hiện rõ nhất năng lực, kỹ năng và kiến thức của người học văn. Yêu cầu học sinh *làm văn* là hình thức kiểm tra đánh giá phổ biến của môn Ngữ văn. Hầu hết các đề thi (thi học kỳ, thi thử, thi tốt nghiệp, thi tuyển sinh), đề kiểm tra (kiểm tra 45 phút, 15 phút) đều yêu cầu học sinh làm văn. Tuy nhiên, tùy cấu trúc đề thi, mục đích kiểm tra đánh giá và thời gian làm bài mà người ra đề có thể yêu cầu học sinh viết *bài văn* hay *đoạn văn*.

Nhằm gợi mở một cách làm văn cho học sinh khi học và thi môn Ngữ văn, chúng tôi biên soạn bộ sách ***199 bài và đoạn văn hay***. Bộ sách được biên soạn theo chương trình Tiếng Việt (đối với cấp Tiểu học), chương trình Ngữ văn (đối với cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông). 199 đề bài trong sách bao gồm các mức độ từ dễ đến khó để phù hợp với yêu cầu của người học từ cơ bản đến nâng cao.

199 bài và đoạn văn hay lớp 8 bao gồm các nội dung:

Phần I: Văn tự sự

Phần II: Văn thuyết minh

Phần III: Văn nghị luận

Bộ sách không tránh khỏi những hạn chế. Chúng tôi mong nhận được ý kiến góp ý của bạn đọc.

Nhóm tác giả

Phần I
VĂN TỰ SỰ

Đề 1: Kể lại những kỉ niệm ngày đầu tiên đi học.

Bài làm

Trong cuộc sống của mình, tôi có những kỉ niệm thật ý nghĩa và rất khó phai. Ngày đầu tiên đi học là một ngày như thế.

Tôi còn nhớ rất rõ cảm giác hồi hộp, lo âu của đêm trước ngày đến lớp. Mẹ đã cẩn thận sắp sẵn sách vở vào cặp cho tôi vậy mà tôi vẫn băn khoăn lấy ra đếm lại. Một cuốn vở, hai cuốn vở... sách tập đọc, sách toán... bút chì, bút mực... "Ơ mẹ ơi! Thước ê–ke của con đâu mẹ?". Tim tôi thót lên! Trời ơi, nếu tôi không kiểm tra lại thì ngày mai đến lớp có phải sẽ bị thiếu không! Nhưng mẹ lại mỉm cười nhìn tôi rất ngộ: "Các con đâu đã dùng đến thước ê–ke!". Rồi như sợ tôi lo lắng quá, mẹ nói thêm: "Hôm trước cô không dặn đâu. Cặp con đã nặng lắm rồi, không nên cho thêm con ạ". Rồi mẹ ôm tôi vào lòng đưa tôi đi ngủ. Nằm trong vòng tay âu yếm của mẹ, tôi vẫn không nén được những trằn trọc, tôi gỡ tay mẹ rồi xoay ngang xoay dọc hồi lâu mới ngủ được...

Sáng hôm ấy, một buổi sáng mùa thu trong xanh và dịu mát. Mẹ đèo tôi trên chiếc xe đạp người vẫn dùng đi làm hàng ngày. Khác với mọi hôm, sớm nay, mẹ đi rất chậm và ít nói. Dường như mẹ đang đợi tôi hỏi điều gì. Xung quanh tôi thì ồn ào đến lạ. Từng nhóm học sinh lớn nắm tay nhau cười nói vui vẻ. Dọc đường đến trường, có hàng chục nhóm học sinh như vậy. Duy chỉ bầu trời vẫn mênh mang lặng im. Gió thổi rất nhẹ, mơn man trên những sợi tóc tơ của tôi. Hàng cây hai bên đường lao xao, chúng dường như xanh hơn mọi ngày thì phải. Chiếc xe càng đến gần trường, tim tôi càng đập mạnh. Sự im lặng của mẹ khiến tôi phải rụt rè hỏi rất ngây ngô: "Mẹ, vậy đến trưa con có được về không?". Mẹ đáp: "Có chứ con. Con học với cô giáo và các bạn một lát buổi sáng thôi, đến trưa, mẹ lại đón con về với bố mẹ". "Vậy.. vậy... cô giáo con có ghê không mẹ? Lại toàn các bạn mới, các bạn ấy có bắt nạt con không...?". Tôi gần như suýt khóc khi bật lên câu hỏi ấy: Tôi đã nghĩ về nó suốt đêm qua. Mẹ lại dịu dàng đáp: "Không đâu con. Cô giáo con rất hiền và xinh nữa. Cô sẽ dạy con những điều mà mẹ không thể dạy được. Các bạn con cũng đáng yêu như con vậy. Các bạn ấy sẽ trở thành những người bạn tốt của con, giống như cô Thuỷ với mẹ hay chú Đức và bố ấy". Tôi đã an tâm hơn và vòng tay ôm lấy người mẹ...

Cổng trường tiểu học hiện ra trước mặt tôi lộng lẫy và trang nghiêm quá. Cánh cổng to rộng đã được mở ra; phía trên cổng là những lá cờ rực rỡ sắc màu gió thổi tung bay vô cùng đẹp mắt. Trong sân trường, đông đảo học sinh, giáo viên đang trò chuyện sôi nổi. Chậm rãi theo bước chân mẹ vào

sân trường, tôi thấy mình bé nhỏ và đơn độc quá. Nhưng mọi người chẳng ai để ý đến tôi, và gương mặt ai cũng hớn hở. Bất chợt, giọng mẹ vang lên rất nhẹ:

– Em chào cô giáo ạ!

Tôi giật mình nhìn lên: Cô giáo chủ nhiệm của tôi mặc áo dài trắng đang tươi cười nhìn mẹ và tôi. Cô đáp:

– Tôi chào chị và cháu. Chị cho tôi đón cháu vào lớp.

Mẹ đẩy nhẹ tôi về phía cô rồi nói:

– Gia đình rất mong cô giúp đỡ cháu, cháu nhút nhát lắm!

Rồi quay sang tôi, mẹ mỉm cười:

– Con phải nghe lời cô giáo và học hành chăm chỉ nhé!

Nói rồi mẹ chào cô giáo quay về. Trong khoảnh khắc, tôi như thấy thời gian ngưng đọng lại, mẹ cứ xa tôi dần... Nhưng giọng cô giáo ấm áp, dịu dàng vang lên khiến tôi bình tĩnh lại: "Cô đưa Trung vào lớp nhé!". Theo chân cô, tôi bước vào lớp học, lớp đã gần như kín hết chỗ ngồi, những gương mặt ngơ ngác, ngại ngùng, lo lắng... cùng quay về phía tôi. Cô đưa tôi vào một bàn gần bục giảng, ở đó đã có một cô bé xinh xắn, lém lỉnh ngồi sẵn.

Cô trở về bàn giáo viên rồi nói với cả lớp:

– Hôm nay là buổi học đầu tiên của các em. Cô hi vọng các em sẽ chăm chỉ học tập để bố mẹ và cô vui lòng. Các em có đồng ý không?

Tiếng "có" vang lên yếu ớt và lẻ tẻ. Cô mỉm cười rất dịu dàng. Tôi còn nhớ, hôm ấy chúng tôi học bài Tập đọc "ò ó O". Tiếng cô giáo thật dịu dàng, tóc cô thật dài và áo cô thật đẹp. Tiếng "ò ó O" thỉnh thoảng lại vang lên từ một bạn nào đó rất ngộ. Suốt giờ ra chơi, đám học sinh chúng tôi làm quen với nhau bằng tiếng gà gáy nhộn nhịp ấy. Cô bạn ngồi cạnh tôi rất bạo dạn, bạn ấy luôn miệng bình luận "tiếng gáy" của các bạn trong lớp rồi kết luận:

– Người gáy hay nhất là ấy đấy!

Sau giờ Tập đọc là giờ học Toán. Tôi đã được mẹ dạy đếm từ trước nên tiết học đầu tiên khá dễ dàng. Tôi còn dạy cô bạn cùng bàn cách dùng que tính nữa, bạn ấy không có que tính mà.

Buổi học đầu tiên không đáng sợ như tôi tưởng tượng. Lúc mẹ đến đón tôi vẫn ngỡ ngàng vì phải chào cô giáo và các bạn. Nhìn gương mặt tôi hớn hở, mẹ rất vui. Suốt dọc đường về và cả ngày hôm đó, tôi ríu rít kể cho mẹ nghe về tiếng "ò ó O" của lớp và cô bạn cùng bàn...

Buổi học đầu tiên trong đời tôi đã qua đi nhưng vẫn còn đó những dư âm trong trẻo, tươi vui và xúc động. Tôi không thể quên được hình ảnh của mẹ, hình ảnh của cô, của những người bạn học đầu tiên trong đời và bài học đầu đời đáng yêu của mình.

Đề 2: Về một kỉ niệm đáng nhớ đối với một con vật nuôi mà em yêu thích.

Bài làm

Tuổi thơ của ai cũng gắn bó với một loài vật nuôi đáng yêu, đó có thể là chú rùa, chú chim hay chú mèo... Riêng với tôi, tuổi thơ của tôi gắn với chú chó Phi Phi dũng cảm.

Phi Phi là chú chó lai béc–giê mà tôi đã... nhặt được trong công viên! Chuyện là thế này: cách đây chừng một năm, vào buổi chiều tôi đi tập thể dục trong công viên. Đang chạy bộ, tôi chợt nghe tiếng rên yếu ớt trong lùm cây. Tò mò, tôi rẽ đám lá nhìn vào thì thấy một chú chó nhỏ yếu ớt đang nằm rên trong chiếc hộp giấy. Thương chú quá, tôi mang về nuôi. Tôi không ngờ, lúc mang Phi Phi về bố mẹ không những không trách tôi mà còn giục tôi đi lấy sữa cho chú uống nữa!

Bây giờ thì Phi Phi đã lớn lắm. Lông chú màu đen mượt, bốn chân cao và chắc. Hai tai lúc nào cũng dựng lên lắng nghe mọi âm thanh xung quanh. Cái mũi thì lúc nào cũng có vẻ khịt khịt như đánh hơi mọi thứ. Phi Phi rất ngoan và can đảm. Khi tối trời, chú luôn ra ngoài hiên nằm canh. Có Phi Phi ở ngoài, cả nhà tôi rất yên tâm đi ngủ. Thế rồi, đến một ngày, có chuyện xảy ra, gia đình tôi đã cảm nhận được sâu sắc sự dũng cảm và lòng trung thành của Phi Phi.

Đó là một đêm mùa đông gió rét. Như mọi hôm, Phi Phi vẫn nằm canh ở ngoài hiên. Cả nhà tôi đang ngủ thì chợt nghe tiếng Phi Phi sủa dữ dội, tiếng chú giằng dây xích loảng xoảng. Bố vội vàng bật dậy rồi nhẹ nhàng cầm gậy lách ra ngoài. Cuối góc vườn, một bóng đen khả nghi đang di chuyển. Thấy động, hắn vội vàng trèo tường hòng thoát ra ngoài. Bố vừa hô hoán hàng xóm vừa lao theo tên trộm. Phi Phi cũng lồng lộn chồm lên, dây xích bị giằng co hết mức. Bố đuổi theo tên trộm, bất ngờ, hắn quay lại đạp mạnh vào bố. Bị lỡ đà, bố ngã xuống. Hắn lợi dụng lúc ấy đè lên người bố, tay phải rút mạnh con dao ra rồi vung lên. Chính lúc ấy, Phi Phi từ đâu lao đến ngoạm vào tay cầm dao của hắn rồi mặc cho gã gian phi đẩy, đạp đánh như thế nào cũng kiên quyết không nhả tay hắn ra. Cuộc vật lộn dừng lại khi các cô bác hàng xóm ùa đến trói gô tên trộm lại. Mẹ tôi vừa xuýt xoa dìu bố vào nhà vừa nhắc chị em tôi lấy sữa cho Phi Phi và đưa chú vào nhà.

Sau hôm ấy, Phi Phi nổi tiếng cả khu phố với câu chuyện "cứu chủ". Kẻ gian bị bắt sau đó đã khai ra rất nhiều vụ trộm mà hắn nhúng tay vào. Gia đình tôi và Phi Phi còn được tuyên dương nữa!

Phi Phi vẫn sống cùng gia đình tôi cho đến bây giờ. Chú luôn được cả nhà cưng chiều và yêu quý, đặc biệt là tôi. Phi Phi tuy là một chú chó nhưng có nhiều điều đáng để chúng ta học tập đúng không các bạn!

Đề 3: Một kỷ niệm sâu sắc của tuổi thơ em.

Bài làm

Bình Đại – Bến Tre, quê tôi đó. Nơi đã nuôi dưỡng và cho tôi mầm sống ngay từ buổi chào đời cho đến lúc lớn khôn. Chiếc nôi ấm áp mát ngọt hương vị của xứ dừa. Nghèo mà vui, cực mà thấy sướng. Tuổi học trò trôi êm đềm bên luỹ tre xanh, cánh đồng rộng, con đường quanh quanh.

Thân thương biết bao ngôi trường bé nhỏ, mang tên gọi thật bình thường "Trường Tiểu học Bình Đại". Nó là tâm điểm cho các xã lân cận để mỗi đứa chúng tôi yên việc học hành. Trường đứng bơ vơ giữa những vuông ruộng mênh mông, nghèo nàn thô thiển. Nhưng đối với thời gian nó rất bền gan. Nắng mưa bão táp đã nhiều, những cơn bão vô tình cuốn nóc bay đi, thầy trò chúng tôi đã bao lần thay áo cho nó. Chúng tôi gắn bó với ngôi trường giữa khoảng không gian bao la, mặc tình đùa giỡn. Nhà ở xa, cách trường vài cây số. Đứa nào cũng vậy, ngày đi học phải qua con đường đá đỏ, kế đó là quẹo vào con đường đất nhỏ. Hai mùa mưa nắng thay nhau, nhưng đối với những đứa học trò chúng tôi chẳng có nghĩa lý gì, miễn đến trường là được. Mùa mưa thì sình lầy, đất đá đỏ dính vào phải biết, mùa nắng thì chịu khó tắm mình trong bụi đất đỏ nếu như vô tình gặp phải chuyến xe chở hàng hay chở khách chạy ngang.

Thế đấy, bỗng chốc đã năm năm ròng rã trôi đi. Rồi đến ngày mỗi đứa một nơi. Chúng tôi tan tác như chim non vỡ tổ khi đã đủ lông đủ cánh để bay vào những khoảng trời khác nhau. Nhớ như in ngày tổng kết năm học lớp 5, mấy đứa nhìn nhau muốn khóc, không muốn chia tay. Nhao nhao một câu rất vô tư nhưng ăn sâu vào tiềm thức mỗi đứa: "Nhất định lên cấp hai phải học cùng nhau". Chia tay... lòng thổn thức...

Kỷ niệm ngày nào cứ len nhẹ, len nhẹ mà nghe buồn rưng rức. Bỗng chốc thấy mình đã lớn rồi. Sau này, khi bước chân vào đại học, tôi nhất định sẽ chọn ngành sư phạm. Một ngày không xa, tôi cũng xuôi ngược lại đường xưa cảnh cũ. Tôi lại đến trường đến lớp, nhưng bây giờ đã khác, chững chạc trên bục giảng và bắt đầu chắp cánh ước mơ cho những thế hệ đàn em.

Đề 4: Em hãy kể lại một câu chuyện cười mà em đã gặp trong cuộc sống.

Bài làm

Trong cuộc sống, ai ai cũng gặp vài ba tình huống đáng cười. Riêng tôi, tôi đã gặp không dưới chục lần những chuyện có thể cười cả ngày. Nhưng có một lần, tôi gặp một tình huống cười ra nước mắt!

Gia đình cậu tôi có thể nói là đông con. Các bạn biết rằng, ở quê tôi người ta rất coi trọng con trai, nếu chưa có con trai họ cứ sinh con cho đến khi nào có được một cậu "quý tử" mới thôi. Biết là sinh quá nhiều sẽ không

phù hợp với quy định của nhà nước nhưng "phép vua thua lệ làng" biết làm sao đây? Gia đình cậu tôi cũng thế. Cậu đã có ba đứa con gái, đứa nào cũng xinh xắn, học giỏi, ngoan ngoãn nhưng vì chưa có con trai nên cả nhà ai cũng thấy chưa hài lòng. Cách đây nửa năm, mợ tôi sinh một em trai, cả họ nhà tôi mừng lắm!

Thỉnh thoảng, tôi vẫn vào trông em cho cậu. Nhà cậu có một chiếc võng để đo trẻ em. Nhưng thật không may, tôi không thể ngồi được võng. Các bạn biết đấy, những người say tàu xe nếu ngồi võng sẽ thấy rất chóng mặt. Vậy là dù thằng bé có khóc toáng lên, tôi vẫn phải ôm nó mà nhún nhảy dỗ dành. Thêm nữa, em vốn quen nằm võng rồi, đặt xuống giường một lúc là nó khóc toáng lên! Chẳng biết làm sao nữa, vậy là dù nó thức hay ngủ, tôi vẫn phải ôm nó khư khư trên tay!

Một hôm, tôi vào trông em cho mợ. Sáng hôm ấy, cậu tôi không ra đồng mà ở nhà sửa lại cái cánh cửa. Chiều hôm ấy, tôi có bài kiểm tra tiếng Việt nên vừa trông em vừa nhẩm bài. Thằng bé con đang ngủ ngon lành trên tay tôi, còn tôi đang nhăn trán nhớ lại mấy câu thành ngữ. Đột nhiên, cậu chặt chat một cái vào miếng gỗ, thằng bé giật mình khóc thét. Tôi vẫn đang nhẩm lại câu thành ngữ thấy vậy cũng giật mình nói to lên: "Quýt làm cam chịu!". Ôi thôi! Thế là cậu tôi quay sang trừng mắt nhìn tôi:

– Mày không bế thì thôi, bảo cậu một tiếng cậu nhờ người khác. Con cậu đẻ thì mấy đứa cậu cũng nuôi được không khiến mày nói vào. Đi học mới được tí chữ đã về nói kháy cậu mợ!

Thế là trong khi tôi còn sững người chưa hiểu cậu nói gì thì cậu đã ôm lấy thằng bé con. Trời ạ! Vậy hoá ra, cậu nghĩ tôi nói câu ấy là có hàm ý bảo cậu sinh nhiều con để tôi phải bế chúng nó vất vả, khổ sở. Nào tôi có ý ấy, sự vô tình trùng hợp giữa câu nói trong bài học với hoàn cảnh thực tế đã khiến cậu hiểu nhầm tôi. Nhưng liệu cậu có tin đó chỉ là ngẫu nhiên trùng hợp? Tôi đau khổ, vừa buồn cười vừa ấm ức nhưng vẫn phải cố lấy bộ mặt ăn năn nhất ra xin lỗi cậu.

Tôi biết mình không chủ động gây lỗi trong chuyện này nhưng rõ ràng tôi đã vô ý mà khiến cậu thấy bị xúc phạm. Lần sau, tôi sẽ phải cẩn thận hơn trong mọi tình huống, nhất là cẩn thận với lời nói của mình. Tôi giật mình nhớ đến lời của ai đó đã nói: Một câu nói có thể giết chết một con người!

Đề 5: Kể một việc em đã làm khiến bố mẹ rất vui lòng.

Bài làm

Tôi chạy một mạch từ trường về nhà trong niềm vui khôn xiết: tôi muốn thông báo ngay cho bà tin quan trọng, đó là việc tôi đạt giải nhất kì thi học sinh giỏi của huyện môn Văn. Cất tiếng gọi bà từ ngoài cổng tôi chẳng thấy bà đâu. Đáp lại tiếng gọi háo hức của tôi chỉ là sự im lìm lạ lẫm.

Cảm giác hụt hẫng xen lẫn phần lo sợ, tôi đẩy nhanh cửa bước vào nhà, căn phòng khách trống trơn, phòng bếp rồi căn phòng của bà cũng chẳng thấy bà đâu. Tôi cất tiếng gọi vang, giọng run run:

– Bà ơi, bà! Bà ở đâu thế?

Tôi lập cập đẩy cửa phòng vệ sinh tầng, căn phòng duy nhất chưa kiểm tra. Trời ơi! Bà tôi đang nằm lả trên nền đá hoa, tay vẫn đang cầm chiếc áo của tôi, bên cạnh là chậu quần áo bà đang lấy từ máy giặt ra, cặp mắt nhắm nghiền, hơi thở hổn hển, nước da tái nhợt. Tôi vội xốc bà lên, nhưng không nổi. Tôi vừa mếu máo khóc vừa chạy ra cửa gọi to bác Nội bên hàng xóm sang giúp. May quá, bác ấy có nhà. Hai bác cháu vực đưa bà ra nằm ở ghế sa lông phòng khách. Bác xoa ngực, xoa đầu, chân tay cho bà và giục tôi gọi điện cho bố mẹ. Tôi cuống quít quay máy, vì sợ hãi lo âu khiến tôi bấm cứ nhầm số lung tung cả. Đến khi quay được số máy của cơ quan bố thì chú bảo vệ lại thông báo bố vừa đi vắng. Quay số máy cơ quan mẹ. May quá mẹ vừa họp xong, nghe tôi thông báo tin về bà, mẹ vội vã dập máy. 15 phút sau mẹ đã có mặt ở nhà.

Có bác Nội sơ cứu, bà tôi đã tỉnh hơn nhưng vẫn chưa thể ngồi dậy, chỉ có thở đều hơn, mắt vẫn chưa mở được, tay bà run rẩy chỉ vào ngực trái, tôi hiểu rằng chắc bà đau tim.

Mẹ tôi về gọi theo xe cấp cứu, bác Nội giúp mẹ tôi đưa bà vào bệnh viện rồi dặn vội tôi trông nhà, dọn dẹp nhà cửa giúp mẹ. Còn lại một mình tôi vừa làm việc vừa suy nghĩ miên man. Tôi nghĩ về bà nhiều lắm. Bà ra ở với gia đình tôi từ khi tôi đi học, thấm thoắt đã 8 năm rồi, với tôi ngoài bố mẹ, bà là người thương yêu gần gũi nhất. Bà chăm tôi lắm, bà không nói thành lời cưng chiều nhưng trong mỗi việc làm của bà tôi cảm nhận được tình yêu thương đặc biệt bà dành cho tôi. Mỗi buổi tôi học về tay bà đón cháu cất cặp, pha nước mát cho tôi; mỗi tối học bài, bà qua lại căn phòng hôm quả táo, miếng lê; hôm cam sành, bánh tẻ... ánh mắt hiền từ nhìn tôi đầy khích lệ... Bà chăm tôi thế nên giờ vắng bóng bà làm sao tôi không trống trải cho được?

Nói là làm giúp mẹ nhưng suốt từ lúc mẹ và bà đi tôi đâu có biết làm gì vì tôi quen có bà rồi mà. Cảm giác trống vắng khiến tôi tìm cớ để quên đi, tôi chỉ biết quét nhà rồi đi loanh quanh lục lọi những thứ đồ nho nhỏ trong nhà ra xem. Tôi tìm được cuốn album gia đình. Những tấm ảnh chụp toàn cảnh gia đình khiến hình ảnh bà lại dội về trong tâm trí với bao kỷ niệm: đây là ảnh bà đưa tôi đi công viên, ngày tôi học lớp hai, tôi chụp với bà trên thuyền con vịt, kia là hình ảnh bà ngồi bên tôi với nụ cười tươi trong ngày sinh nhật tôi lên 10...

Biết làm gì để giúp bà mau khỏi ốm nhỉ? Có tiếng chuông cửa. A, bố về rồi, tôi sung sướng thoát khỏi cảnh cô đơn một mình. Thôi thông báo cho bố tình hình sức khoẻ của bà bằng giọng lo lắng, bố bảo bố biết rồi vì mẹ đã gọi điện, tôi hỏi xin bố cho tôi vào viện thăm bà.

– Để bố nấu cháo cho bà đã rồi bố con mình vào một thể. Bố nói vậy rồi đi xuống bếp.

Trời ạ! Nấu cháo! Thế mà từ nãy giờ tôi chẳng nghĩ ra là làm gì đó cho bà.

– Bố để con nấu cho. Tôi xăng xái theo gót chân bố.

Rồi tôi tra gạo vào nồi, vừa làm vừa hỏi bố cách bắc bếp, số lượng gạo, nước như thế nào cho vừa.

Tôi hỏi bố về sức khoẻ của bà, bố nói, bà bị bệnh tim, huyết áp cao, nên phải nghỉ khá lâu ở viện. Tôi hì hụi nấu cháo dưới sự hướng dẫn của bố.

Bố con tôi ăn cơm xong rồi hối hả vào viện. Bệnh viện Bạch Mai cách nhà tôi 3km, quãng đường không xa nhưng tôi cảm thấy dài ghê. Bố gửi xe xong, ba bố con lên phòng bà. Tôi xách cặp lồng cháo cho bà, bố tôi xách cặp lồng cơm cho mẹ.

Nhìn bà nằm trên giường bệnh, lòng tôi bỗng nhói đau. Bộ quần áo bệnh nhân, mái tóc trắng như cước của bà xoã trên gối. Da mặt đã hồng hơn nhưng dáng điệu mệt mỏi của những cơn đau vật vã vẫn còn. Bà đang thiu thiu ngủ, nghe tiếng tôi bà bừng tỉnh, mỉm cười đưa tay đỡ lấy tay tôi.

– Con mang cháo vào để bà xơi đây ạ! Cháo con tự nấu đấy bà ạ.

Bà gật đầu khen tôi:

– Cháu tôi giỏi quá!

Mẹ và bố đỡ bà ngồi dậy. Mẹ bón cháo cho bà từng thìa cẩn trọng. Bà chỉ ăn khoảng nửa bát rồi lắc đầu. Cả nhà tôi cố động viên nhưng bà nói không ăn thêm được.

Cứ thế một tuần liền, tôi trở thành người nội trợ thay bà. Bố mẹ thay nhau nghỉ để chăm sóc bà ở viện. Bà đỡ dần, bác sĩ bảo cuối tuần khoẻ có thể đưa bà ra viện về điều trị ngoại trú...

Thứ bảy, nhà tôi đón bà từ viện về. Đúng 8 giờ, chiếc taxi đỗ ngay cửa nhà. Bà bước xuống xe, cái vẻ đẹp của bà tiên trong ký ức tôi lại hiện hữu. Dáng người dong dỏng, mái tóc trắng, nụ cười hiền hậu... Bà bước vào nhà, căn phòng trở lại ấm cúng. Các bác hàng xóm sang chơi hỏi thăm bà. Khách khứa ra về, tôi mới sà vào bên bà thủ thỉ:

– Bà ơi, bà khoẻ nhanh nhé! Từ nay con sẽ nấu cơm, dọn nhà thay bà!

Xoa đầu tôi, bà cười:

– Cô Tấm của bà giỏi rồi. Một tuần làm cô Tấm chăm bà thế là được. Bây giờ phải lo việc học của cháu chứ. Bà khoẻ rồi mà, có thể lại dọn dẹp, nấu cơm và chăm sóc các con được rồi. Con làm được những việc vừa rồi bà cảm động lắm.

Mẹ và bố không nói gì, chỉ nhìn tôi âu yếm. Tôi hiểu rằng cha mẹ tôi cũng rất vui lòng trước những gì tôi đã làm. Không phải con biết tự ý thức đâu mẹ ạ, đấy là tình thương bà dành cho con đã giúp con biết suy nghĩ và hành động theo trái tim mách bảo mà thôi.

Đề 6: Kể lại một việc làm của em khiến bố mẹ đau lòng.

Bài làm

Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào...

Không có gì cao quý, thiêng liêng bằng tấm lòng bao la của mẹ. Bởi vậy, làm mẹ buồn là một tội lỗi rất lớn. Đáng tiếc thay, hôm chủ nhật vừa qua em đã khiến mẹ buồn vì hành động thiếu suy nghĩ đó là ném đá vào bạn.

Hôm đó em cùng mấy bạn hàng xóm rủ nhau đi chơi chọi đá. Em chơi rất hăng say thì bỗng "bốp". Hòn đá rơi trúng đầu Hoàng. Nó khóc thét lên vì đau đớn. Em sợ quá cũng nói: "Thôi chết rồi". Sau đó em cùng mấy bạn đưa nó về nhà. Bố mẹ nó đưa nó lên ngay bệnh viện. Thật khổ thân, nó phải khâu bốn mũi. Bố mẹ em phải đền một khoản tiền rất lớn. Còn phải mua quà bánh thăm hỏi. Em đã đến nhà Hoàng xin lỗi. Bố mẹ Hoàng và Hoàng đều tha lỗi cho em. Em cảm thấy cũng nhẹ được bớt phần nào trong người. Chiều hôm đó, em đang ngồi học bài thì mẹ gọi em xuống với giọng rất bực tức. Người em lại run lẩy bẩy vì sợ mẹ lại nói đến chuyện của Hoàng. Đúng vậy, mẹ đã mắng cho em một trận nhớ đời. Em tức lắm, em cảm thấy mẹ không còn thương em nữa. Tối hôm đó, khi ăn cơm xong em lên đi chơi tới khuya mới về. Trò chơi ở đó cũng chẳng có gì lý thú nhưng em muốn mẹ phải lo lắng, ân hận về những hành động của mình.

Em đã về nhưng nép ngoài cửa không dám bước vào nhà. Em nhìn qua khe cửa thì thấy mẹ đang ngồi khâu áo thi thoảng lại nhìn ra ngoài xem em về chưa. Bỗng trên khuôn mặt gầy gò của mẹ nhoà nước mắt. Không biết vì mẹ lo lắng hay quá yêu thương em. Chắc mẹ khóc vì có một người con hư hỏng. Mẹ có ghét mình đâu, mẹ chỉ làm như thế để giáo dục mình nên người như câu tục ngữ: "Thương cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi". Em bước vào cửa. Mẹ vội lau nước mắt rồi hỏi: "Sao hôm nay con đi chơi về khuya thế?". Em biết mẹ cố tình giấu nước mắt nên xin lỗi mẹ rồi oà lên khóc. Còn mẹ thì âu yếm em và tha lỗi cho em.

Mẹ như mái nhà che chở cho em những lúc vui buồn. Em rất ân hận về việc làm của em. Em hứa sẽ học tập thật tốt cho mẹ vui lòng.

Đề 7: Kể lại một giấc mơ trong đó em được gặp lại người thân đã xa cách lâu ngày.

Bài làm

Đề bài tập làm văn về nhà tạo cho tôi một cảm giác bâng khuâng khó tả: "Kể về bà của em". Bà tôi ra đi từ khi tôi còn học lớp 6. Đề văn của cô khiến bao nhiêu hình ảnh của bà cứ ùa về trong tâm trí tôi. Nhưng thú thật, sự xúc động khiến tôi không thể nào cầm được cây bút... Cơn gió thổi nhè nhẹ, giàn thiên lí xanh rợp trước hiên... không biết từ lúc nào, tôi ngủ thiếp đi mất và có một giấc mơ tuyệt đẹp. Trong mơ, tôi thấy mình được gặp lại bà và được nghe bà kể rất nhiều chuyện mà tôi chưa biết.

Tôi thấy mình đang ở trong ngôi nhà của bà ngày trước. Tất cả đồ đạc đều gọn gàng, ngăn nắp và sạch sẽ. Ngoài sân có một bóng người gầy gầy, xương xương, lưng cũng đã còng thế nhưng dáng vẫn còn nhanh nhẹn lắm. Tôi chạy vội ra sân mà không biết đó là ai. Nghe thấy tiếng chân chạy, "người đó" quay lại. Điều bất ngờ nhất là khi quay người lại, tôi chợt reo lên vui sướng "Bà, bà ơi". Đúng, đó là bà tôi, người bà mà tôi luôn yêu quý. Bà thấp, nhỏ người, khuôn mặt rạn vết chân chim của bao thời gian vất vả. Đôi mắt đã không còn vẻ sáng ngời mà nó đã trở nên mờ nhoà. Mái tóc bà bạc trắng, được vấn lên gọn gàng. Khi nghe thấy tiếng reo của tôi, bà xoa đầu tôi và bảo: "Vào trong nhà đi cháu, ngoài này nắng to lắm, vào đi không lại ốm". Giọng bà mang đậm chất của quê tôi – vùng quê Hà Tĩnh ấm áp lạ lùng. Tôi ngoan ngoãn nghe theo lời bà, chạy vào trong nhà. Một lát sau, bà cũng vào và bảo: "Lâu lắm rồi cháu mới về chơi với bà được một hôm nhỉ?". Tôi cười và nói: "Cháu cũng muốn về lắm nhưng chẳng có thời gian". Bà cười hiền từ, đôi mắt nhìn tôi âu yếm: "Cố học cho giỏi rồi sau này bà sẽ lên chơi với cháu thường xuyên hơn". Tôi dựa đầu vào vai bà mà cảm thấy trong lòng mình một niềm vui khôn xiết. Giọng bà chợt ngậm ngùi: "Thời gian trôi qua nhanh thật, mới ngày nào còn bé tí cứ khóc suốt ngày nhưng được cái nhanh nín. Thế mà bây giờ đã...". Bà bỏ lửng câu nói rồi thở dài. Tôi bỗng thầm ước mình có thể bé đi được để bà có thể dẫn đi chơi, được bà mua kẹo cho sau mỗi lần bà đi chợ về. Nước mắt tôi chợt chảy ra giàn giụa. Bà cười, lau nước mắt cho tôi rồi nói: "Lớn tướng rồi mà còn khóc nhè như trẻ con thế". Tôi ôm chặt lấy bà mà thấy chưa bao giờ hạnh phúc như lúc này.

Suốt cả ngày hôm đó, tôi cứ bám lấy bà như cái "đuôi". Bà đi xuống bếp tôi cũng đi theo, bà ra vườn tôi cũng chẳng rời nửa bước. Ở ngoài vườn, cây cối xum xuê, trĩu trịt quả chín. Tôi với một quả ổi, gặm thấy ngon hơn những quả ổi mà mẹ mua ở chợ. Bà cười nheo nheo mắt và nói: "Cả vườn cây này bà trồng dành cả cho cháu. Người ta cũng tới mấy lần muốn mua hoa quả đấy nhưng bà không muốn vì sợ cháu về lại không có cái gì ăn...". Hơn lúc nào hết, tôi cảm nhận được tình yêu thương của bà dành cho tôi. Lúc đó tôi chỉ muốn nói thật to: "Bà ơi, cháu yêu bà lắm" nhưng lại thấy nghẹn ngào không nói được thành lời. Trong lòng tôi, tôi chỉ muốn thời gian ngừng trôi để cho tôi luôn được sống trong sự chở che, yêu thương của bà dành cho tôi. Lúc ăn cơm, bà chẳng ăn mấy, chỉ chăm chăm gắp hết thức ăn cho tôi. Vừa gắp cho tôi, bà vừa nói: "Món này bà biết cháu thích ăn nhất nên bà làm. Ăn nhiều vào cho chóng lớn".

Bất chợt gương mặt phúc hậu với nụ cười hiền từ của bà nhoà đi, tôi thấy má mình bị cào nhè nhẹ. Mở mắt ra tôi thấy chú mèo mướp đang "Meo meo" nhìn mình. Trời, mèo ơi! Mày làm tao tỉnh một giấc mơ thần tiên đấy biết không? Tôi dụi mắt rồi ôm chú mèo vào lòng. Một tay tôi cứ ôm chú như thế, một tay cầm cây bút và lấp đầy trang giấy kiểm tra bằng những dòng kí ức thiêng liêng cảm động về bà.

Đề 8: Kể lại một việc làm khiến em cảm thấy ân hận.

Bài làm

Năm nay tôi học lớp 8. Nhà tôi tuy nghèo nhưng tôi luôn được cha mẹ quan tâm và cũng luôn cố gắng là con ngoan trò giỏi. Ấy vậy mà, cuối năm học lớp 7 tôi đã một lần làm mẹ buồn.

Hôm đó, tôi dậy sớm để đánh răng rửa mặt chuẩn bị đi học. Hàng sáng, mẹ tôi thường để chảo cơm trên bếp, sao hôm nay lại chẳng thấy đâu. Tôi lên hỏi mẹ: "Mẹ ơi sao mẹ vẫn chưa rang cơm cho bọn con ăn hả mẹ?". Mẹ nhẹ nhàng nói: "Hôm nay nhà mình hết tiền mua gạo, phải đợi tiền lương của bố và chị con, hay con chịu khó bỏ ăn sáng một buổi có làm sao đâu?". Tôi bực mình dậm chân dậm tay tỏ vẻ không bằng lòng. Tôi thoáng nhìn thấy nét mặt mẹ rất buồn. Mẹ bảo: "Thôi đi học đi con, mẹ phải đi làm việc của mẹ". Tôi tức quá phát khóc lên, bỏ cả cặp sách lên giường ngủ tiếp. Tôi không nhớ là hôm nay có bài để chuẩn bị cho tiết kiểm tra ngày mai, thú thực lúc đấy tôi rất bực nên chỉ vì chuyện nhỏ mà quên hết mọi thứ. Tôi chỉ khóc và lẳng lặng lấy chăn ra đắp. Lúc mẹ tôi đánh răng rửa mặt song mẹ lên nhà khoá cửa để đi làm, mẹ có biết đâu là tôi ở trong nhà. Thế là tôi nằm trong chăn ấm áp, chiếc chăn ru tôi vào giấc ngủ êm đềm. Đến khi thức dậy thì đã quá muộn. Tôi giật mình, bổ chồng bổ choảng vùng dậy thì chao ôi, cửa nhà đã khoá. Tôi ngồi trong nhà kêu ầm ĩ lên nhưng vô hiệu, mọi người đều đi làm hết. Nhà tôi là nhà tập thể, xung quanh lúc đó chỉ có mấy đứa trẻ con. Tôi gọi chúng và bảo: "Các em giúp chị mở cửa ra với". Một đứa nhanh nhảu nói: "Thế chìa khoá nhà chị để đâu thì chúng em mới mở được chứ!". Tôi đứng ngẩn người ra, quay lại nhìn đồng hồ thì thấy đã mười giờ rưỡi. Bụng tôi lúc này như có móng tay sắc nào cào vào. Mắt tôi hoa lên vì đói. Tôi lục hết mọi thứ trong nhà xem có cái gì ăn không nhưng vô hiệu, chả có gì cả. Tôi nhìn ra ô cửa sổ thì thấy bạn Lan nhà bên bảo: "Nguyệt ơi sao hôm nay bạn không đi học? Thầy giáo phê bình bạn đấy". Tôi liền nói: "Lan ơi, hôm nay có bài nào không cho tớ mượn để tớ chép?". Lan rút trong cặp ra đưa cho tôi bài chuẩn bị cho tiết kiểm tra. Tôi học vẹt được vài bài nhưng không chịu nổi cơn đói. Vừa hay lúc đó mẹ tôi về bảo: "Ơ, sao hôm nay con không đi học?". Tôi bảo: "Mẹ nhốt con trong nhà thì làm sao con đi được". Mẹ bảo: "Mẹ không biết, cho mẹ xin lỗi". Rồi mẹ rút trong túi ra gói mỳ. Tôi không kịp bỏ vào bát mà vơ lấy vơ để ăn sống. Mẹ tôi ngồi nhìn tôi ăn, chảy cả nước mắt. Tôi nhìn mẹ cũng cảm thấy mẹ không có lỗi trong chuyện này mà chính là mình đã làm mẹ lo. Sáng hôm sau đi học, tôi cố gắng làm bài kiểm tra một tiết, may sao được 5 điểm. Tôi ngượng quá vì mình làm lớp phó học tập mà điểm kém như thế.

Tôi rất ân hận vì đã làm đau lòng mẹ, và phí công thầy cô đã bỏ sức ra để dạy tôi. Tôi hứa sẽ không bao giờ tái phạm nữa.

Đề 9: Kể lại một kỷ niệm đáng nhớ thời thơ ấu của mình.

Bài làm

Năm ấy tôi vào lớp sáu, còn bé Hồng thì bước sang lớp bốn. Bố mẹ Hồng cũng đã về sống với nhau sau hơn một năm sống ly thân. Tôi và Hồng tuy chẳng phải họ hàng nhưng thân thiết lắm! Kỉ niệm đáng nhớ nhất thời thơ ấu của tôi bắt đầu từ những ngày ấy...

Tội nghiệp bé Hồng. Bố nó ham mê cờ bạc, rượu chè đi suốt từ sáng đến tối mới về lại còn hay đánh vợ chửi con. Mẹ nó không chịu được, quyết định đưa nó về bà ngoại. Nhà bà ngoại nó ở cuối xóm, cạnh nhà tôi. Thế là anh em quen nhau từ đó.

Một buổi chiều hè, tôi rủ bé đi chơi vì biết bé rất buồn. Tôi hỏi:

– Bây giờ em thích cái gì để anh làm cho?

Bé Hồng nói:

– Anh biết không! Ngày xưa em mơ ước nhà em như một con thuyền lớn. Bố là cột buồm vững chãi còn mẹ là khoang thuyền che chở nắng mưa. Con thuyền nhà em sẽ chở những ước mơ của em đến đích. Vậy mà bây giờ nó chẳng bao giờ có thể thực hiện được.

– Đừng buồn em ạ! Hãy cố gắng lên! Nào, đi! Đi với anh!

Tôi dắt bé Hồng đi hái những lá tre thật to để gập thuyền lá thả trôi sông. Tôi chọn lá to nhất gập một con thuyền thật đẹp tặng bé Hồng. Hồng không giữ được, bé thả ngay xuống nước. Nhưng con thuyền lại không trôi. Nó mắc cạn vào ngay đám rong đang bò lổm ngổm ở giữa dòng. Bé Hồng nói:

– Đấy! Gia đình em bây giờ cũng như con thuyền đó, chẳng thể nào nó đi được, chỉ có thể chìm thôi!

Tôi vừa tiếc, lại vừa thương Hồng, bèn cứ mang cả quần áo lội xuống sông vớt chiếc thuyền lên. Nước đến bụng rồi đến cổ. Bỗng "sụt" chân tôi trượt phải một hố bùn giữa sông ngay lúc tôi vừa với được chiếc thuyền. Tôi cố gắng chới với trong khi một tay vẫn dâng chiếc thuyền lên khỏi mặt nước. Mấy phút sau, tôi bò lên được tới bờ khi bụng đã uống no nước nhưng rất may con thuyền không nát. Bé Hồng mặt tái mét nhưng rất ngoan ngoãn nghe tôi nói:

– Em hãy giữ nó làm kỷ niệm và tin rằng có ngày nó sẽ được bơi thoả thích trên sông.

Hôm đó, vì sợ mẹ mắng, tôi và bé Hồng ngồi ở bờ sông cho đến khô quần áo mới dám về. Đêm, tôi bị sốt cao nhưng vẫn giấu chuyện ban chiều không nói. Mẹ thì cứ tưởng tôi dãi nắng nên bị sốt. Cũng may sáng hôm sau, tôi đã đỡ hơn nhiều.

Ngay hôm bố mẹ Hồng hoà giải và về sống với nhau, nó rủ tôi đem chiếc thuyền ra sông thả. Nhưng chiếc thuyền đã không không còn thả được. Thế là anh em tôi mải miết gấp những chiếc thuyền tre khác.

Những chiếc thuyền gấp buổi chiều hôm ấy, chiếc nào cũng trôi về tận cuối dòng sông.

Kỉ niệm và cũng là bí mật nho nhỏ ấy giữa tôi và bé Hồng vẫn còn được gìn giữ đến tận bây giờ. Và bắt đầu từ đó, tôi và Hồng đã có một tình bạn đầy tin tưởng, gắn bó mà tôi biết mình sẽ rất trân trọng, nâng niu.

Đề 10: Kể lại chuyện mình (hoặc một bạn) từng mắc lỗi.

Bài làm

Con người ai cũng từng mắc phải lỗi lầm, có những lỗi lầm kịp sửa chữa, nhưng cũng có những lỗi lầm khiến ta day dứt và nhớ suốt đời. Tiếc thay, đã có một lần tôi mắc phải một lỗi lầm như vậy.

Hồi đó, tôi học lớp năm. Trong lớp, tôi là một trong những đứa gia đình giàu có nhất nên nhóm mấy đứa chúng tôi luôn tỏ ra kỳ thị với những đứa bạn nghèo cùng trang lứa. Lớp tôi có một bạn gái tên Trang (nhưng lúc ấy chúng tôi toàn gọi xếch mé là con bé Trang). Trang nhà nghèo, lại không có bố nên luôn là đối tượng trêu chọc của tụi tôi.

Một hôm, Trang vừa bước vào lớp, năm đứa chúng tôi đã nhảy ra đồng loạt hô to: "Con không cha như nhà không nóc! Ô hô! Ô hô!", rồi cứ chạy quanh trêu chọc đủ điều.

Thay vì ứng xử bằng khuôn mặt lỳ lợm và đôi mắt thoáng buồn như mọi hôm, hôm nay, Trang chạy nhanh về chỗ rồi gục mặt xuống bàn. Thấy vậy tụi tôi lại càng tiếp tục trò chơi quái ác. Trang không thể chịu được, đành bật khóc. Đúng lúc đó thì...

– Tùng! Tùng! Tùng!

Năm phút sau cô giáo bước vào. Thấy mắt Trang đỏ hoe và vẫn còn nức nở, cả lớp lặng im phăng phắc, hình như cô giáo đã đoán được mọi điều. Nhưng trái với dự tính của tôi, cô không hề to tiếng mà lại nhẹ nhàng nhắc nhở:

– Chúng ta ai cũng có những niềm hạnh phúc nhưng trong một lúc nào đó ai mà tránh khỏi được những nỗi đau. Điều quan trọng nhất là ta phải động viên nhau, đừng bao giờ có ý khơi lên nỗi đau của người khác.

Cô vừa nói đến đó thì cả lớp tôi đều ngoái lại vì Trang không kìm được mà bật lên tiếng khóc. Tôi thấy xấu hổ vô cùng, tưởng như tất cả mọi ánh mắt đang nhìn thẳng vào mình. Cô lại tiếp:

– Cũng vì một lý do đặc biệt mà bạn Trang lớp mình mới có một hoàn cảnh như vậy. Sống trong cùng một tập thể, các em hãy tỏ ra thông cảm và chia sẻ với bạn. Đó cũng là giúp bạn bớt đi những nỗi buồn.

Sau đó lớp tôi bước vào bài học mới. Điều lạ nhất hôm đó là cô giáo không hề nhắc đến mấy đứa chúng tôi. Cô cũng chẳng trách phạt gì. Vậy mà chúng tôi thấm thía lắm. Mấy đứa bàn nhau, định một lúc nào đó gặp để xin lỗi bạn Trang.

Nhưng thật bất ngờ, sau đó ba hôm, Trang chuyển đi trường khác. Nghe nói, Trang cùng mẹ đi vùng kinh tế mới. Chúng tôi thấy ân hận vô cùng.

Không biết bây giờ Trang ở đâu. Nhiều lần tôi tự hỏi không biết có phải trò đùa quái ác năm xưa của lũ chúng tôi mà Trang phải ra đi như thế? Ra đi khi chưa cho chúng tôi nói một lời xin lỗi. Nghĩ đến bạn, tôi thấy ân hận vô cung và càng thấm thía sai lầm của mình. Tôi sẽ phải sống tốt hơn với bạn bè mình, nhất là những bạn có hoàn cảnh thiệt thòi như Trang.

Đề 11: Kể lại một lần đi tham quan cùng các bạn trong lớp.

Bài làm

"Côn Sơn ca" là văn bản thơ nổi tiếng chúng em đã được học ở lớp 7. Sau ngày học văn bản ấy, em đã nuôi trong mình niềm mong ước được một lần đến với Côn Sơn. Thật sung sướng vì giữa năm học này niềm mong ước ấy của em đã trở thành hiện thực: Sáng thứ bảy tới trường em tổ chức cho khối lớp 8 đi tham quan Côn Sơn!

Biết em háo hức với chuyến đi, bố mẹ em rất nhiệt tình động viên. Mẹ chuẩn bị đồ cho em rất kĩ, bố sưu tầm khá nhiều tài liệu về Côn Sơn cho em rồi nhắc em phải đến những địa điểm này, địa điểm kia vì đó là những nơi đặc biệt nổi tiếng của vùng đất thiêng này. Sáng sớm hôm đó, khi trời vẫn còn chưa rõ mặt người, bố mẹ đã đưa em ra xe. Lên xe, vẫy tay rối rít chào bố mẹ, chúng em hát vang những bài tập thể: "Một con vịt", "Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng", "Nối vòng tay lớn",... đến cả bài "Đội ca" cũng được cả xe đồng thanh ca hát. Thấy chúng em hào hứng, vui vẻ, bác lái xe cũng cười vang hát theo. Chú phụ xe còn nhiệt tình cho chúng em mượn mi-cờ-rô để "hát cho có hứng!". Đoàn tham quan đã có một không khí đầy hứng khởi như thế!

Khi trời sáng rõ cũng là lúc chúng em đến Côn Sơn. Nhìn từ xa, Côn Sơn là một vùng đồi núi bạt ngàn cây xanh. Nhiều nhất là những đồi thông xanh rì. Vừa tới cổng khu vực tham quan, chúng em đã chỉ cho nhau nhìn một tấm bảng lớn có đề dòng chữ: "Lấy chí nhân để thay cường bạo". Cô giáo dạy văn của chúng em giải thích rằng: "Đó là câu văn nổi tiếng trong áng thiên cổ hùng văn *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi, bài cáo được coi là bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của dân tộc. Câu văn thể hiện tư tưởng nhân nghĩa đầy tiến bộ của tác giả". Trong xe có tiếng loạt xoạt của giấy vở, nhiều bạn vội ghi ngay câu văn ấy cùng lời giải thích của thầy. Em cũng vội mở ba lô: mẹ cũng đã chuẩn bị cho em một cuốn sổ nhỏ và cây bút bi để ghi chép.

Xuống xe, chúng em ngồi nghỉ ngơi, nghe cô giáo chủ nhiệm nhắc lại lịch trình và nội quy đoàn tham quan. Nơi chúng em được đến đầu tiên là nhà tưởng niệm Nguyễn Trãi. Chúng em được đi cùng một chị hướng dẫn viên xinh đẹp. Theo lời chị thuyết minh về cuộc đời vị danh nhân lịch sử – văn hóa nổi tiếng của dân tộc, những đôi tai chúng em chăm chú lắng nghe,

những cây bút cặm cụi chạy không ngừng trên trang giấy. Quả là những điều lí thú về cuộc đời của một con người tài danh mà bạc mệnh. Khi học bài "Côn Sơn ca" chúng em đã được cô giáo khái quát về cuộc đời Nguyễn Trãi nhưng chúng em không ngờ ông lại gặp nhiều trắc trở trong chốn quan trường cũng như trong cuộc đời đến vậy. Tài năng của ông động đến đất trời, đến lòng người. Và nỗi oan khuất của ông cũng làm rung bao trái tim nhân loại.

Rời khu tưởng niệm, chúng em hào hứng nô nức đua nhau leo lên "Đỉnh bàn cờ" những mong chiêm ngưỡng "Bàn cờ tiên", nơi được đồn là xưa kia có tiên đến đánh cờ. Đường lên núi cao được xây dựng bằng những bậc đá, một bên là những hàng thông xanh mát, một bên là sườn núi trông ra một khoảng không mờ ảo trắng xóa. Khoảng trắng ấy mới nhìn ngỡ tưởng một dòng sông nào ngờ đó lại là dòng sông sương buổi sớm! Em đi chậm lại, mắt lơ đãng ngước nhìn những tán thông xanh đang dạo những khúc nhạc vi vu. Có phải năm trăm năm trước khi viết câu thơ "dưới màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn" Nguyễn Trãi cũng ngước nhìn tán thông "xanh mát" này?

Đường lên đỉnh Bàn Cờ thật xa, nhiều bạn nóng quá đã bỏ áo khoác thắt ngang eo rồi nhặt những cành củi khô bên đường làm gậy chống lên núi. Ban đầu tiếng cười nói còn rộn rã, bây giờ thì yếu dần vì mọi người đã thấm mệt. Nhưng kìa, đỉnh Bàn Cờ hiện lên và tiếng vẫy gọi của những người đến trước khiến tất cả phấn chấn hẳn lên. Tất cả lại hăm hở leo lên bất chấp mồ hôi đã rỏ thành giọt trên trán... Lên đến nơi, mọi người lại xuýt xoa đọc những dòng chữ khắc trên bia viết về di tích Bàn Cờ. Đứng trên đỉnh núi, nhìn sang bốn hướng thấy mênh mông sương và mờ ảo màu xanh của núi rừng xanh mát. Có bạn lúi húi tìm nhặt những quả thông mang về làm quà. Có bạn lại đứng lặng im, đôi mắt khẽ nhắm lại, bạn nói bạn đang lắng nghe tiếng nói của rừng Côn Sơn, gió Côn Sơn đang kể chuyện những vị tiên đánh cờ, thông Côn Sơn đang kể chuyện Nguyễn Trãi năm xưa làm thơ, hưởng nhàn...

Buổi chiều, chúng em còn đến giếng Ngọc, ngắm dãy núi Phượng Hoàng linh thiêng. Lúc xuống núi, chúng em còn được đi men những con suối cạn chảy giữa những vòm cây rậm mát bên trên. Chúng tôi được trải nghiệm tất cả những cảm giác của người thi sĩ ngày xưa: được ngồi, rồi nằm trên đá, trên những mảng rêu khô, được nghe tiếng nói chảy như tiếng đàn cầm, được phả lên mặt dòng nước suối mát lạnh đến rùng mình... Thật là một cảm giác tuyệt diệu.

Hôm ấy, chiều muộn chúng em mới rời Côn Sơn và khi trời đã tối mới về tới nhà. Tất cả đều rất mệt nhưng vô cùng vui vẻ. Riêng với em, chuyến đi ấy có rất nhiều ý nghĩa. Nó đã giúp em hiểu thêm về một danh nhân lịch sử – văn hóa, hiểu thêm về một vùng đất của non sông, hiểu thêm về thầy cô, bạn bè. Và vì vậy, nó khiến em thêm yêu cuộc sống, yêu việc học tập và biết nuôi lớn những ước mơ bé nhỏ của mình.

Đề 12: Hãy kể về việc làm mà nhờ đó, mình đem lại niềm vui cho người khác.

Bài làm

Danh ngôn có câu "Người hạnh phúc nhất là người đem lại niềm vui cho nhiều người nhất". Còn tôi, tôi cảm thấy mình chính là một người hạnh phúc bởi việc làm của tôi đã đem lại niềm vui cho người khác. Đó là hôm tôi đã giúp một em nhỏ đi lạc trở về nhà của mình. Đến giờ nghĩ lại, tôi vẫn cảm thấy tràn ngập niềm vui.

Cũng phải cách đây mấy tháng rồi. Hôm đó đúng là một ngày học dài và căng thẳng. Trời đã sẩm sẩm tối, tôi tự nhủ: "Ngày mai có nhiều bài tập quá, nếu không mau về nhà làm thì sẽ không kịp mất!". Biết vậy nên tôi rảo nhanh bước chân mà trong đầu phân vân không biết làm bài bắt đầu từ đâu. Ngoài đường, dòng xe cộ đông đúc, hối hả. Người thì muốn thật nhanh về nhà, người lại vội đi làm ca đêm. Chợt tôi nhận ra trong tiếng ồn ào nhộn nhịp đó có tiếng khóc nức nở của một đứa trẻ. Quay người lại tôi bắt gặp hình ảnh một cậu bé độ chừng bốn, năm tuổi nước mắt giàn giụa đang gọi mẹ. Thấy vậy, tôi liền đến bên cậu bé, lấy khăn lau nước mắt cho mà hỏi:

– Em bé, em tên là gì? Mẹ em đâu? Sao em lại đi ra đường một mình thế này?

Cậu bé vừa nói, vừa khóc nấc lên:

– Em... em theo mẹ ra chợ... Nhưng... đông người quá... em bị lạc mất mẹ rồi!

Ra là vậy, thì ra cậu bé bị lạc mất mẹ. Tôi phải đứng hồi lâu suy nghĩ: "Có nên giúp cậu bé này tìm mẹ không nhỉ? Đó là một việc làm tốt, mình nên làm. Nhưng nếu như vậy thì mọi người ở nhà sẽ vô cùng lo lắng khi thấy mình về muộn. Rồi còn bao nhiêu bài tập mình chưa làm nữa. Nếu giúp thì mọi người lo lắng, bài tập bỏ dở, mà nếu không giúp để mặc em bé như vậy thì cũng không đành lòng. Thật khó xử". Nhưng cuối cùng tôi vẫn quyết định giúp cậu bé đó tìm mẹ còn việc về muộn thì có thể giải thích sau. Tôi an ủi cậu bé:

– Thế này nhé, bây giờ chị sẽ giúp em tìm mẹ. Em đi theo chị, được không? Tìm thấy mẹ rồi thì không còn lo gì nữa. Ta đi nào.

Tôi nói vậy nhưng cũng khá lo lắng, không biết làm thế nào. Bỗng tôi nhớ ra đồn công an phường ở ngay gần đó, tôi liền dẫn cậu bé đi ngay. Đến nơi, tôi thấy một người phụ nữ đang vừa khai báo một việc gì đó, vừa khóc, nét mặt hiện rõ vẻ phiền muộn, đau khổ. Thì ra cô ấy đến nhờ công an tìm giúp đứa con bị lạc. Cũng thật bất ngờ, đó chính là mẹ của cậu bé này. Cậu bé vừa thấy mẹ đã vội chạy đến ùa vào lòng mẹ. Người mẹ nét mặt rạng rỡ, xúc động khôn tả. Chú công an thường trực hỏi tôi rõ ngọn ngành xong, thay mặt đồn công an cảm ơn tôi vì việc làm này. Tôi thấy vui hơn bao giờ

hết, vậy là tôi đã làm được một việc tốt, đem lại niềm vui cho người khác. Sự lo lắng về bài tập giờ không còn làm phiền tôi nữa. Tôi bước về như nhanh hơn, rộn ràng hơn. Tới nhà, mọi người đang lo lắng về tôi. Không biết vì sao tôi về muộn, lỡ đã xảy ra chuyện gì. Không chần chừ, tôi kể cho mọi người nghe việc tốt hôm đó làm tôi đã làm. Mọi người đều rất vui, bỏ qua việc tôi về muộn, và còn động viên tôi nữa.

Ngày hôm đó, nhờ việc làm tốt đó mà tôi đã đem lại niềm vui cho nhiều người. Tôi thực sự vui sướng và hạnh phúc. Chỉ mong có thể làm được nhiều việc tốt hơn nữa để đem niềm vui đến cho mọi người.

Đề 13: Kể lại một việc tốt mà em (hoặc bạn) đã làm.

Bài viết

Bây giờ tôi và Thu đã là những học sinh giỏi toàn diện, là những đội viên gương mẫu của trường, đặc biệt chúng tôi luôn là những chủ công xuất sắc trong những cuộc thi học sinh giỏi của huyện và tỉnh. Thời gian trôi qua nhanh thật! Nghĩ lại, tôi mới thấy tình bạn thật là kỳ diệu.

Trong lớp 6B hồi ấy, tôi được bạn bè khẳng định là một thằng thông minh nhưng lì lợm. Tôi và Thu không ghét nhau nhưng những lời gán ghép trêu chọc của bạn bè khiến chúng tôi chẳng bao giờ nói chuyện. Ở trong lớp, ngoài Hưng thì Thu là đứa học ngang ngửa với tôi. Tất cả sẽ chẳng có gì thay đổi nếu như không có một ngày.

Hôm ấy, giữa buổi học thằng Hưng ốm xin phép cô về trước. Nó nhờ tôi mang chiếc cặp về sau. Buổi học tan, trời bỗng dưng đổ mưa tầm tã. Tôi nán lại chút ít hỏi cô về một bài toán khó. Hỏi xong, bước ra khỏi lớp tôi chỉ thấy lác đác còn một vài bạn ở sân trường. Mưa vẫn như trút nước làm những lá bằng lăng ướt sũng, trĩu xuống quệt ngang đầu. Tôi mặc áo mưa cẩn thận, che kín hai chiếc cặp rồi vội vã bước đến nhà xe. Nhưng lạ thật! Tôi chưa phải là người về cuối cùng trong lớp. Vẫn còn một chiếc xe của ai đó. Hình như nó giống xe của Thu. Nhìn quanh, tôi thấy Thu vẫn đứng ngay ở hành lang trước cửa lớp, chỗ tôi vừa đi qua nhưng không để ý. Tôi đoán Thu không có áo mưa.

Kệ! Mình cứ về không mai lại nghe tụi nó ca "bài ca bất tử" tôi nghĩ Và tôi quyết định phóng xe. Nhưng vừa ra tới cổng, tôi nhớ ra mình còn dư một chiếc áo mưa trong cặp của Hưng. Giả như không có mình về cũng chẳng sao, nhưng,...

Tôi quyết định quay lại:

– Áo mưa này Thu, cậu về đi không tối.

Hôm đó, đi đến giữa đường, tôi gặp bố Thu đi đón bạn. Bố Thu đã mời tôi về nhà và cảm ơn tôi.

Sáng hôm sau, không hiểu sao bọn lớp tôi lại biết và đúng như tô dự

đoàn, bọn nó lại ca những bài ca cũ. Nhưng khác hẳn với mọi hôm, hôm nay, Thu bước đến bàn tôi nói:

– Cảm ơn cậu, từ nay bọn mình sẽ là bạn của nhau nhé!

Từ đó, thỉnh thoảng tôi và Thu lại trao đổi với nhau về những bài toán hay bài văn khó. Lũ bạn thấy tụi tôi chơi thân, cũng không còn trêu chọc nữa. Thế là tôi và Thu trở thành bạn tốt.

Năm vừa qua, tôi và Thu rất mừng khi được huyện chọn đi thi học sinh giỏi tỉnh và cả hai đều đạt đoạt giải. Lên lớp 8, chúng tôi hứa với cô giáo cũ sẽ lại cùng giúp nhau để học tập tốt hơn.

Thế đấy các bạn ạ! Từ một việc làm rất nhỏ thôi, tôi đã có được một tình bạn lớn.

Đề 14: Hãy kể một chuyện vui (hoặc chuyện buồn) xảy ra trong lớp.

Bài viết

Những năm tháng tuổi thơ đang vội vã qua nhanh. Vừa đó thôi mà chúng ta đã phải chia tay thời tiểu học. Nhớ ngày nào mới bước đến cổng trường, tay cứ níu chắc không chịu rời bàn tay mẹ. Thế mà thoáng cái đã đến những ngày cuối cấp. Hôm chia tay mái trường cấp một, lũ chúng tôi đứa nào đứa nấy sóng mắt đỏ hoe nhưng đó lại là kỷ niệm vui nhất, sâu sắc nhất của chúng tôi – tập thể lớp 5C.

Thời gian trôi nhanh không níu lại được. Sau những kỳ thi háo hức và vất vả, hôm ấy chúng tôi tổ chức buổi chia tay lớp và cô giáo chủ nhiệm.

Khác hẳn mọi hôm, hôm ấy không khí lớp trầm hẳn. Mọi người nhìn nhau ái ngại khi nghĩ rằng chỉ mấy tiếng nữa thôi, ai sẽ về nhà nấy, rồi mỗi người sẽ đến một ngôi trường mới chẳng biết bao giờ sẽ họp mặt được nhau. Tuy chưa hiểu lắm, nhưng chúng tôi đứa nào cũng thấy buồn.

Đúng bảy rưỡi, cô giáo chủ nhiệm bước vào. Hôm nay cô mặc một bộ quần áo mới, giản dị nhưng vẫn toát lên được vẻ thanh nhã và đôn hậu. Đôi mắt hơi nâu của cô nhìn chúng tôi hiền từ và trìu mến. Giọng của cô vẫn quen thuộc quá, nhẹ nhàng mà sâu sắc như mỗi lúc giảng bài.

– Hôm nay các em như những con chim đã lớn. Ngày mai dù các em có đi tới mái trường nào thì cũng luôn nhớ phải phát huy hơn nữa truyền thống học tập và đoàn kết của lớp 5C. Cô hy vọng và chờ mong các em thành đạt.

Bạn lớp trưởng thay mặt lớp đứng lên cảm ơn cô nhưng chưa nói hết lời nước mắt cứ chảy ròng ròng. Trong các bạn cán bộ, tôi là bạn nam duy nhất. Tôi mạnh mẽ đứng lên:

– Em thưa cô, hôm nay là ngày lớp ta tổng kết. Em xin phép cô, chúng em muốn dành tặng cô và bạn Hải Minh một sự bất ngờ.

Nói rồi tôi dõng dạc bước lên tay cầm bó hoa tươi thắm:

– Thưa cô! Tuy cô chỉ chủ nhiệm chúng em có một năm nhưng tình cảm mà cô dành cho chúng em thật là sâu sắc. Chúng em xin dành tặng cô bó hoa này để bày tỏ lòng biết ơn và tình cảm yêu kính đến cô.

Tôi bước tới cô, cả lớp rộn ràng tiếng vỗ tay không ngớt.

– Em thưa cô! Tôi tiếp: thật là đặc biệt, ngày chia tay lớp hôm nay lại đúng là ngày sinh nhật bạn Hải Minh. Hải Minh có hoàn cảnh khó khăn nhất lớp mình nhưng thành tích học tập của bạn thì chúng em không ai là không nể phục. Buổi liên hoan hôm nay, chúng em muốn cảm ơn cô và cũng là để chúc mừng bạn Hải Minh. Chúc tất cả các bạn luôn thành công trong cuộc sống.

Cả lớp lại rộn lên tiếng vỗ tay. Buổi liên hoan diễn ra vui vẻ trái với dự đoán của tụi cán bộ lớp chúng tôi. Chỉ thoáng thấy có vài giọt nước mắt còn thì không khí sôi nổi y như những ngày học đã qua. Mọi người tíu tít chào nhau, những lời chúc, những ước nguyện tràn ngập căn phòng.

Buổi sáng trôi qua nhanh chóng. Chúng tôi ra về vẫn trong cảm giác xôn xao khó tả nhưng không phải là buồn mà là sự hồi hộp đợi chờ một tương lai tốt đẹp sẽ đến với tất cả mọi người.

Đề 15: Kể lại một buổi cắm trại cùng các bạn trong lớp.

Bài viết

Cứ hai năm một lần, trường em lại tổ chức thi cắm trại cho học sinh vào đúng ngày thành lập đội. Các bạn học sinh lớp sáu, lớp bảy náo nức chuẩn bị cho buổi cắm trại có khi trước đó đến hàng tuần lễ. Chả là, các em ấy mới vào trường cấp 2 nên háo hức với các hoạt động mới. Năm vừa rồi em học lớp bảy và buổi cắm trại cùng các bạn đã trở thành một kỷ niệm khó quên.

Buổi sáng hôm đó trời thật đẹp! Mùa hè nhưng trời không có nắng, gió mát dịu. Những cơn gió nhẹ làm vơi đi những giọt mồ hôi trên trán mỗi bạn nam. Bắt đầu từ sáng sớm, chúng em đã tập trung ở nhà bạn Duy Anh để cùng nhau chuyển ngôi nhà của lớp đến trường. Tụi con trai hí hửng lắm vì đó là thành quả của cả một tuần mà. Ra tới trường, chúng em tiến hành dựng trại ngay. Vừa dựng xong cổng trại, thì chúng em nhận được hiệu lệnh ở lại còn tất cả tập trung cho lễ khai mạc của trường.

Màn duyệt nghi thức diễn ra trang trọng và buổi cắm trại chính thức được bắt đầu sau lời tuyên bố của thầy hiệu trưởng. Lễ khai mạc diễn ra nhanh chóng. Các lớp được trở về khu vực cắm trại của mình. Hội ý xong, lớp em chia thành ba nhóm. Một nhóm chuẩn bị cho màn thi văn nghệ, một nhóm hoàn thiện trại và trang trí. Nhóm còn lại chuẩn bị nội vụ cho bữa ăn trưa. Thế là chúng em hồ hởi mỗi người một việc.

Hơn một tiếng trôi qua, chúng em nhận được liên tiếp hai tin mừng. Màn thi văn nghệ của lớp em được ban giám khảo cho số điểm cao nhất và ngôi nhà của lớp cũng đã được các bạn nam năng nổ làm xong. Khuôn viên sân trước trại được thiết kế y như một ngôi nhà. Từ cổng đi vào có vườn cây, ao cá, có nhà sàn, lại có cả một khu chung cư cao tầng, bên cạnh là một khu liên hợp thể thao. Đây rõ ràng là sản phẩm của Bình cận, bởi nó là đứa vừa tôn trọng tính hiện đại lại vừa luôn đề cao tính dân tộc mà. Sâu vào bên trong (phần lều trại) các bạn nam đã thiết kế nó y như một mái nhà mà chỉ bằng những vật liệu giản đơn là tre với tàu dừa. Phần trong trí mới tuyệt làm sao. Các "nàng" đã vận dụng hết các mẹo cắt hoa học được từ báo "Mực tím" để tạo nên một bức tranh đa màu sắc và trông đẹp mắt vô cùng.

Thoáng cái, buổi sáng đầy bổ ích đã trôi qua. Bữa trưa đã được các bạn nữ bày sẵn với đồ ăn ngọt và hoa quả. Một bữa liên hoan nhẹ diễn ra vui vẻ, xen lẫn tiếng hát, tiếng vỗ tay và tiếng cười đùa không ngớt.

Đầu buổi chiều, chúng em xếp thành hai hàng hát vang những bài ca truyền thống để đón mừng các thầy cô vào thăm và chấm trại. Cả một ngày chờ đợi, thời gian hồi hộp nhất cũng đã đến khi cô tổng phụ trách lên công bố kết quả cắm trại trước toàn trường, lời cô dõng dạc:

– Hôm nay, trại của các chi đội đều rất đẹp. Điều đó chứng tỏ các em có một sự chuẩn bị công phu. Nhưng để chọn ra ba trại đẹp nhất thì ban giám khảo quyết định chọn chi đội 8E, 9D và 7A (lớp em). Trại của mỗi chi đội lại có một vẻ riêng. 7A có khuôn viên trại hợp lý nhất. Trại của 8E lại độc đáo và gây ấn tượng hơn cả. Còn 9D, ngôi nhà của các em chứng tỏ một sự cố gắng vượt sức rất nhiều. Nhưng cuộc thi nào cũng phải có người giải nhất. Ban giám khảo sau khi cân nhắc, quyết định trao giải nhất, nhì, ba lần lượt cho chi đội 8E, 7A và 9D.

Cả trường vỗ tay rộn vang không ngớt. Cô lại tiếp: mặc dù 8E nhất phần thi trại nhưng cộng tổng điểm ngày hôm nay, giải nhất toàn diện đã thuộc về chi đội 7A!

Cả lớp đều phấn khởi, vỗ tay reo mừng không ngớt. Buổi cắm trại đã thành công. Đối với chúng em điều quan trọng không phải là đã dành được giải nhất. Mà điều quan trọng là tinh thần đoàn kết của tập thể lớp 7A thân yêu.

Đề 16: Kể lại một buổi sinh hoạt lớp.

Bài viết

Tuần học trước đối với lớp tôi là một tuần thật vô cùng tồi tệ. Lớp tôi đã tụt hơn 10 bậc trong bảng xếp loại thi đua. Sắp đến giờ sinh hoạt, không khí lớp nặng nề. Dù không muốn nhưng hình như ai cũng đoán chắc rằng cả lớp sẽ được nghe rất nhiều lời trách phạt của cô chủ nhiệm.

Tùng! Tùng! Tùng!

Trống vào tiết năm vừa điểm, cô giáo chủ nhiệm bước vào lớp với ánh mắt nghiêm trang, cả lớp tôi im phăng phắc. Cô có vẻ hơi ngạc nhiên vì cô mới đi công tác xa về. Cũng giống như mọi khi, cô gọi Huyền Trang lên thông qua tình hình của lớp trong tuần. Bạn lớp trưởng chầm chậm đứng lên. Ở dưới, chúng tôi nhận rõ vẻ mặt thất vọng của cô sau mỗi lời nói của Huyền Trang. Bản thông báo được đọc nhanh chóng, ngắn gọn nhưng đầy đủ. Kết quả, lớp tôi tụt từ vị trí số một xuống vị trí thứ 15.

Cả lớp tôi vừa buồn, vừa sợ hãi lại vừa hối hận chờ đợi từ cô những lời trách phạt. Cô không giấu vẻ mặt thất vọng nhưng trông cô vẫn điềm tĩnh vô cùng:

– Cô đi công tác có một tuần mà công tác tự quản của các em kém quá! Ai lại mang tiếng một lớp mũi nhọn của trường mà lại xếp thứ 15. Bản báo cáo của Huyền Trang đã nêu ra quá nhiều những cái tên mắc lỗi nhưng trước khi phê bình, cô muốn nghe lớp mình phát biểu.

Cả lớp vẫn im phắc trong một không khí nặng nề nhưng rồi cuối cùng, Huyền Trang cũng lên tiếng trước:

– Em thưa cô! Tuần qua lớp mình sút kém là vì các bạn thực hiện nề nếp không nghiêm và lại còn sao nhãng trong việc học hành. Là cán bộ lớp mà không nhắc nhở được các bạn, em xin nhận lỗi về mình.

Nói xong, lớp trưởng bật khóc ngồi thụp xuống bàn. Ngay lúc đó, bạn Mi thành viên của tổ bốn đứng lên:

– Thưa cô! Tuần qua các mặt thi đua của lớp mình đều sút kém, theo em có mấy nguyên nhân. Thứ nhất, ở cổng trường ta vừa khai trương một quán trò chơi điện tử. Em thấy lớp mình có nhiều bạn hay la cà ở đó vì thế mới xảy ra chuyện không học bài trước khi đến lớp và chuyện đi muộn thường gặp ở các nam. Thứ hai, các bạn nữ lớp mình gần đây hay mang đến lớp đồ ăn, quà bánh nên thường gây mất trật tự và còn ảnh hưởng đến công tác vệ sinh. Còn nữa, tuần vừa qua cô đi vắng, lớp mình lại là lớp mới của cấp hai nên các bạn còn có thói quen xao nhãng nếu không có ai nhắc nhở thường xuyên. Thưa cô! nếu giải quyết được những nguyên nhân ấy, em tin lớp mình sẽ tốt hơn.

Chờ đợi một lúc không thấy còn ai có ý kiến gì, cô kết luận:

– Vậy là ngay chính bản thân các em đã tự chỉ ra nguyên nhân mắc lỗi của mình. Cô khen bạn Trà Mi đã góp ý rất kịp thời. Cô sẽ giữ bản báo cáo này xem tuần sau các em sửa chữa ra sao? Nếu các em đã biết lỗi của mình mà các em còn mắc lỗi cô sẽ phạt nặng gấp đôi.

Buổi sinh hoạt tan, lớp tôi ra về nhiều bạn thấy mình nhẹ nhõm vì không bị cô trách phạt gì. Nhưng ai cũng lo ngay ngáy và nghĩ phải làm sao cố gắng để không bị cô trách phạt trong giờ sinh hoạt tuần sau.

Đề 17: Kể về một "Bài học đường đời đầu tiên" của mình.

Bài viết

Em là một đứa con hư. Lúc nào em cũng tự trách mình như vậy, mặc dù đã ba bốn năm nay em chưa bao giờ làm điều gì khiến cha mẹ phải phiền lòng. Thời gian trôi qua cũng đã khá lâu mà cái bài học đường đời đầu tiên của em vẫn không hề phai nhạt. Nó vẫn trở về khiến em luôn day dứt và nhói đau.

Ngày ấy em đang học lớp 3. Nhà chỉ có một mình nên em được cả cha và mẹ nuông chiều. Lũ bạn chơi cùng không đứa nào được sung sướng như em. Nhưng tất cả lại bắt đầu từ đó.

Sống cùng gia đình em còn có thêm bà nội. Trong nhà chỉ có bà là hay nhắc nhở những thói quen xấu của em. Nội nói: sáng dậy con phải thu dọn giường chiếu gọn gàng, chỗ nghỉ lúc nào cũng phải ngăn nắp. Đi học về hay lúc học bài xong, con nhớ cất gọn đồ dùng học tập. Con chớ mải chơi, phải chú ý vào việc học hành vì cả tương lai của mình ở đó...". Nhưng vốn tính ham chơi lại được bố mẹ nuông chiều, thú thật có nhiều lần em đã cãi lại bà. Mặc dù sau mỗi lần như vậy em lại thấy mình có lỗi, muốn xin lỗi bà nhưng không sao nói được.

Hôm ấy mới sáng sớm lũ bạn đã réo ầm ngoài cổng dù còn lâu mới đến giờ vào lớp. Nhà ở cách trường không quá xa, bố mẹ lại hay bận đi làm sớm nên hầu như hôm nào em cũng cùng lũ bạn tự đi đến lớp. Em khoác vội chiếc áo còn chưa kịp cài khuy để chạy theo lũ bạn cốt để được đến trường đùa nghịch trước giờ vào lớp. Nhưng mới đến sân, bà đã gọi giật em trở lại:

– Khánh à! Hôm nay trời sẽ mưa to đấy! Cháu đã mang theo áo mưa chưa?

Em giật mình nhưng không dừng lại, vừa chạy tung ra cổng, em còn cãi lại một câu:

– Cháu không mang đâu! Cặp cháu hôm nay nặng lắm! Mưa thì mặc kệ mưa!

Không ngờ hôm ấy trời đổ mưa to thật. Tan buổi học, lũ bạn đã ra về hết tất cả còn trơ lại mình em. Lúc đó em nghĩ, bố mẹ thì đi làm đến tối mới về, còn bà thì lúc đi đã nhắc mình, mình còn cãi lại, bây giờ chắc chẳng ai đến đón mình về.

Nhưng chưa kịp hết băn khoăn thì em đã nhận thấy bóng ai thấp thoáng như bóng bà. Bà ra đón em về thật. Hôm đó hai bà cháu đội mưa về nhà dưới cái lạnh căm căm. Em không bị ướt nhưng bà bị mưa tạt ướt hết vì che cho em lúc gió to. Không ngờ đêm hôm đó nội em bị cảm lạnh. Đến sáng, nội đi.

Em đứng lặng trước bàn thờ nội một ngày liền không ăn không nói. Bố mẹ cứ nghĩ em đau xót vì bà đã ra đi nhưng bố mẹ em đâu biết em đang sám hối về những tội lỗi của mình. Bà ơi! Giờ đây cháu đã nhận ra tất cả

những lầm lỗi của mình. Bây giờ cháu mới hiểu ý nghĩa những lời dạy dỗ của bà, mới hiểu sự lo lắng âm thầm của bà đối với cháu con. Nhưng bà ơi! Sẽ chẳng bao giờ cháu kịp nói lời xin lỗi với bà được nữa.

Các bạn ạ! Trong cuộc sống không ai là không có lỗi lầm. Nhất là ở tuổi như của chúng ta, những lỗi lầm sinh ra từ việc không nghe lời chẳng ít. Nhưng có những lỗi lầm kịp sửa, và còn có cơ hội để sửa sai, có những lỗi lầm sẽ theo ta day dứt suốt cuộc đời.

Từ ngày nội mất, tôi đã cố gắng rất nhiều nhưng không hiểu sao, vết gợn trong lòng về cái bài học đường đời đầu tiên lúc nào cũng quặn đau mỗi khi ai đó nhắc đến bà. Các bạn ạ! Chỉ vì một lần không nghe lời mà tôi đã mất đi người bà yêu quý. Nỗi đau ấy thật xót xa.

Câu chuyện tôi kể cho các bạn nghe hôm nay thật vô cùng xấu hổ. Nhưng tôi hy vọng rằng qua câu chuyện này, các bạn đừng bao giờ để rơi vào hoàn cảnh như tôi.

Đề 18: Nhân dịp cùng bố mẹ đi tham quan (hay du lịch), em đã được làm quen với một người bạn mới. Dù cuộc gặp gỡ thật ngắn ngủi nhưng tình bạn ấy vẫn là một kỷ niệm khó phai. Em hãy kể lại.

Bài làm

Tôi đã đi nhiều nơi và hầu hết là đi biển. Nhưng hè năm nay, bố lại có một đề nghị khác. Để mừng lần đầu tiên con gái đạt giải học sinh giỏi, gia đình ta sẽ đi nghỉ mát ở Tam Đảo hai ngày. Không giấu nổi niềm vui, mẹ tôi vỗ tay tán thưởng vui mừng. Còn tôi và thằng Ti thì chạy ào đến quàng lên vai, lên lưng bố mà cảm ơn rối rít.

Ngày hôm trước khi đi đúng là một ngày bận rộn của mẹ. Mẹ chuẩn bị không biết là bao nhiêu thứ nhưng lại còn có thêm cả mấy chiếc áo thu đông. Thấy lạ, tôi liền hỏi mẹ:

– Mẹ ơi! Sao đi nghỉ hè mẹ lại chuẩn bị cả áo thu đông như vậy?

Mẹ trả lời bí ẩn:

– Cứ lên đó! Con sẽ hiểu tại sao?

Câu trả lời của mẹ dường như làm tăng thêm sự thú vị của Tam Đảo trong tôi.

Sáng hôm sau, mới sáu giờ, chiếc xe bố thuê ở ngoài phố đã sẵn sàng đưa cả gia đình đi suốt cuộc hành trình. Chiếc xe băng nhanh ra khỏi nội thành. Phía sau cửa kính, cả tôi và bé Ti cứ mải miết nhổm lên mà ngắm những cánh đồng lúa mênh mông bát ngát. Loáng cái xe đã đến Nội Bài, Phúc Yên rồi rẽ Vĩnh Yên, xe vào đường Tam Đảo (tên những địa danh tôi đọc được trên những biển chỉ đường). Thấy biển đề *Tam Đảo*, tôi bỗng reo lên:

– A! Đến nơi rồi!

Nhưng bố nói: "Chưa đến đâu con ạ! Còn mấy chục cây nữa cơ! Bây giờ bắt đầu đến đoạn đường đi khó, hai con phải ngồi cho ngoan và cẩn thận". Bố vừa nói dứt lời thì tôi chợt nhận ra con đường trước mặt ngoằn ngoèo như con rắn và dường như cứ hun hút đi lên. Ngồi trong xe mà cả nhà tôi cứ lắc qua lắc lại đến chóng cả mặt. Để rồi khi bố nói đã đến nơi, bước chân xuống xe mà tôi vẫn không tưởng tượng nổi đó là Tam Đảo. Một vùng đồi núi mờ mờ ẩn hiện khác hẳn với trí tưởng tượng trước đó của tôi.

Về khách sạn nhận phòng rồi ăn xong bữa sáng nhẹ nhàng nhờ sự khéo tay của mẹ, gia đình tôi bắt đầu cuộc hành trình "chinh phục tháp truyền hình". Ngọn tháp cao hun hút đến nỗi mẹ và em Ti phải bỏ cuộc giữa chừng còn tôi và bố dù đã lên tới đỉnh nhưng lúc xuống cũng phải ngồi nghỉ không dưới mười lần. Buổi sáng, cả gia đình tôi còn kịp đi thăm thêm vài điểm nữa trước khi về khách sạn vào lúc chân tay ai cũng thấy mệt nhoài.

Đầu giờ chiều mẹ nói, hôm nay gia đình sẽ đi sắm một ít đồ kỷ niệm. Lúc ấy tôi mới chợt nhớ ra lời dặn của Hùng "nghệ sĩ", cậu bạn thân nhất của tôi. Chả là Hùng thổi sáo rất hay. Biết tôi lên Tam Đảo, nó đã dặn kỹ, thế nào cũng phải mua cho nó một cây sáo trúc.

Ôi! Cơ man nào là đồ kỷ niệm, lại có không biết bao nhiêu đồ làm từ tre trúc. Tôi đi qua một lượt trong tiếng mời chào không ngớt rồi dừng lại trước quán hàng của một cậu bạn xem chừng trạc tuổi tôi.

– Bạn mua sáo đi, mang về xuôi tặng bạn bè nào biết thổi để làm kỷ niệm – Cậu bán hàng mời.

Tôi bị ấn tượng ngay vì quán của cậu chỉ bán sáo. Cây nào cũng đề chữ "Hà Vinh – Tam Đảo" chứ không phải "Kỷ niệm Tam Đảo" như những quán tôi đã đi qua. Thấy tôi có vẻ thắc mắc, người bán hàng đón được ý, liền giải thích ngay:

– Hà Vinh là tên của mình. Ở đây người ta bán sáo chủ yếu để làm kỷ niệm. Còn sáo mình làm vừa để làm kỷ niệm vừa để tặng những ai chơi được, thậm chí chơi sáo hay. Mình nghĩ tặng quà cũng nên như vậy.

Tôi ngớ người, người bán nói trúng ý của mình. Tôi bèn nói:

– Mình ở dưới xuôi lên lại chẳng biết gì về sáo, thấy cậu có vẻ cũng trạc tuổi mình nên đánh bạo ra mua.

– Thế cậu học lớp mấy? – Hà Vinh hỏi:

– Năm nay mình lớp sáu.

– Vậy cậu ít tuổi hơn mình nhưng chúng ta cứ gọi nhau là bạn bè thôi. Nhà mình vất vả nên vừa học, mình vừa làm thêm giúp mẹ bằng nghề này.

– Em là Minh, người Hà Nội, rất vui được quen anh. Nhờ anh chọn giúp em một cây sáo để tặng một người bạn của em. Bạn ấy chơi sáo được.

Hà Vinh chọn rất nhanh và lại còn thử cho tôi nghe một vài tiểu khúc nữa. Tiếng sáo của Hà Vinh chẳng kém gì Hùng nghệ sĩ – cậu bạn được đào tạo bài bản từ lúc nhỏ. Anh Vinh nói:

– Mình tặng Minh một cây làm kỷ niệm, không lấy tiền đâu!

– Thế thì không được. Anh còn phải giúp mẹ cơ mà. Em không dám nhận!

– Không sao Minh ạ! Thứ nhất mình chưa tặng cho ai bao giờ. Thứ hai, mình muốn có thêm một người bạn mới và rất vui vì biết có người chơi được sáo hay và có sở thích giống mình.

Chiều đã muộn, tôi đành nhận cây sáo rồi ra về trong lòng cảm kích vô cùng. Anh Hà Vinh sâu sắc nhưng thật thà, giản dị và tốt quá.

Hôm sau tôi về mà không gặp anh Vinh (chắc buổi sáng anh đi học). Mấy hôm sau tôi theo địa chỉ gửi cho Hà Vinh mấy cuốn sách hay. Anh thích lắm và rất cảm ơn tôi trong lá thư đáp lại. Chuyến đi Tam Đảo đã cho tôi một tình bạn khó phai từ ngày ấy. Còn Hùng nghệ sĩ thì mỗi lúc gặp tôi lại cảm ơn rối rít vì không biết tôi mua thế nào mà lại được cây sáo trúc vừa đẹp vừa hay.

Đề 19: Hãy kể lại một câu chuyện mà em thích.

Bài làm

Trong số những con vật trong nhà, em thân nhất với con Miu màu tam thể. Nó theo bà em từ quê ra vào đầu năm ngoái. Lúc ấy nó còn nhỏ tí. Nhưng từ ngày Miu xuất hiện, lũ chuột nhà không biết tự dưng biến đi đâu hết cả. Em quý Miu con lắm. Nhưng có lẽ điều khiến em thích thú nhất từ khi chú mèo xuất hiện, đó là lần chú bắt chuột điệu nghệ và tài tình ấy.

Lần ấy, nội em ở quê ra. Thú thực, đó là lần đầu tiên em nhìn thấy một con mèo. Lông của nó hoà trộn ba màu đen, trắng, vàng trông đến là thích mắt. Lúc mới ở quê ra, nó nằm thu mình ở góc nhà với ánh mắt ngơ ngác và sợ sệt. Nhưng chỉ hai ngày sau hình như nó đã làm quen với tất cả mọi người nên chỗ nào nó cũng tung tăng chạy. Buổi tối có hôm Miu còn leo cả lên giường của em nằm ngủ ngon lành đến sáng. Nó hồn nhiên như vậy nhưng ngoan ngoãn lại không ăn vụng nên cả nhà em ai cũng thích.

Chuyện xảy ra vào một buổi sáng khi cả nhà em đều đi vắng. Ngủ dậy muộn, rửa mặt xong, em xuống bếp lấy đồ ăn sáng. Em nhón từng bước chân xuống cầu thang khi mắt còn đang ngái ngủ cay xè. Nhưng đi gần hết cầu thang, em thấy cửa bếp mở tung, trên bàn mẹ đặt một đĩa bánh nhưng chắc vì đi làm vội nên mẹ quên không đậy. Xuống thêm hai bậc nữa, em bỗng giật mình vì từ trong gầm cầu thang Miu con đang rón rén từng bước từng bước chân đi về phía bên cửa bếp.

– Thôi hỏng rồi, chắc chú mèo lại sinh thói ăn vụng đây mà, em nghĩ.

Không bước tiếp xuống cầu thang em ngồi thụp xuống và quan sát. Phen này ắt sẽ bắt được tận tay "tên kẻ cắp".

Nhưng thật lạ, đi đến gần cửa Miu con lại không vào nhà. Chú nép mình vào sau chiếc bình mà hôm nọ bố em mua về định dùng để trồng cây

cảnh. Chú giấu mình kín đến mức nếu không theo dõi từ đầu thì nhất định em cũng không nhìn thấy. Hành động của Miu con khiến em cảm thấy hấp dẫn vô cùng. Em kiên nhẫn đợi chờ, xem sự việc diễn biến ra sao.

Năm phút sau không hiểu từ đâu một, hai rồi ba con chuột lục tục nối đuôi nhau kéo vào nhà bếp. Bây giờ thì em đã hiểu mình đang nghi oan cho chú mèo. Thì ra Miu con đang rình bắt chuột. Lũ chuột hung hăng và đánh mùi rất thính. Chúng leo ngay qua những chiếc ghế lên bàn rồi ngang nhiên ngồi xơi đĩa bánh của em một cách ngon lành. Xem chừng không có ai ở nhà, chúng tỏ ta sơ ý khi cứ cắm cúi vào ăn. Có vẻ như thời cơ đã đến, Miu con men theo tường vì rìa tường nhiều đồ đạc. Bàn chân nhung rất nhẹ khiến lũ chuột không tài nào phát hiện được ra. Khi chỉ cách bàn ăn chừng hơn một mét, chú lấy hết sức phóng mình nhằm thẳng chú chuột đầu tiên. Trong lúc ấy chú còn dùng một bàn chân tát thẳng vào chú chuột thứ hai. Lũ chuột bị tấn công bất ngờ hoảng loạn băng mình bỏ chạy. Nhưng con chuột thứ nhất đã bị chú cắn cho một nhát chết luôn. Mèo con băng mình đuổi theo con thứ hai vừa bị mình tát cho văng xuống đất. Có vẻ như con thứ hai bị choáng vừa vùng chạy mà lại lao thẳng vào tường. Mèo con chồm tới, không cắn mà dùng bốn chân vờn cho chú chuột kia sợ đến mất mật. Con chuột thứ ba thoát được.

Bữa ấy Miu con được chén một bữa ngon lành còn em đành chấp nhận ủ một gói mì tôm. Xong việc, Miu con ra sân nằm phơi nắng rồi sau đó bỏ đi đâu tới tận tối mới về. Mẹ tỏ ra ngạc nhiên lắm vì hôm nào xong bữa chú cũng đòi ăn mà hôm nay thì chẳng thấy gì. Cả nhà chỉ có em hiểu chuyện. Em bế Miu con vào lòng, vừa thấy vui vừa thấy vô cùng cảm phục.

Đề 20: Hãy kể lại một việc làm khiến bố mẹ em vui lòng.

Bài viết

Con đường về nhà hôm nay sao mà dài thế! Dài hơn rất nhiều so với niềm vui mừng phấn khởi của em. Em đạp xe về nhà, vội vã hơn thường lệ, để chỉ mong được khoe với mẹ về việc làm hữu ích của mình trong buổi sáng hôm nay.

Sáng nay trời chuyển sang thu, tiết trời hơi lạnh. Em đạp xe tới trường mà miệng không ngớt xuýt xoa vì những cơn gió heo may và những giọt mưa lất phất gọi cái rét đầu mùa. Hình như người ta cảm thấy lạnh hơn lúc mới mưa thì phải. Đang mải mê với những câu hát vu vơ, em bỗng giật mình: Sao mới sáng sớm mà đã có một cụ già trông tội nghiệp thế kia. Em quyết định dừng xe dù rất vội vì có vẻ như cụ già đang rất lạnh và lại bị lạc đường thì phải. Vừa xuống xe em liền hỏi:

– Cháu chào cụ ạ! Hình như cụ đang muốn hỏi đường có phải không?

Cụ bà ngẩng mặt lên. Bây giờ em mới quan sát kỹ: cụ già chừng 75 tuổi,

khuôn mặt nhăn nhúm lộ rõ một cuộc đời vất vả. Cụ mặc chiếc áo nâu đã cũ và khá mỏng. Em đoán chắc nó không đủ che ấm cho cụ lúc này.

– Bà mới ở quê ra. Nhà con trai bà trước ở gần đây nhưng giờ đã chuyển ra chỗ mới, cụ thì lại không rõ đường đi đằng nào. Mà trời hôm nay sao tự dưng lạnh quá.

À thì ra là vậy! Nhưng mình cũng đâu có biết đường, em nghĩ. Nhưng có cách rồi:

– Cháu cũng không rõ đường ạ! Nhưng cháu sẽ giúp bà đến chỗ các chú công an đằng kia để hỏi đường và trước hết để bà nghỉ cho đỡ lạnh.

Mải đưa cụ già qua những làn xe dày đặc để đến đồn công an, em quên béng đi giờ học. Lúc vừa quay lại thì đã muộn giờ. Em chỉ kịp chào bà lão, nói với lại chú công an địa chỉ của mình rồi lên xe đạp vội.

Đến lớp em bị muộn mười lăm phút đầu giờ và bị cô giáo phê bình. Ngại ngùng, em lí nhí trình bày sự việc với cô. Cô tươi cười nói:

– Trước hết cô xin lỗi Ngọc Linh vì không hỏi kỹ đã vội phê bình. Các em ạ! Hôm nay bạn Linh đi muộn không phải vì cố tình vi phạm nội quy mà là vì bạn ấy đã giúp một cụ già bị lạc tìm thấy nhà của con trai mình. Trước tập thể, cô khen ngợi Ngọc Linh. Còn các em, cô nghĩ đó cũng là một bài học tốt đối với tất cả chúng ta.

Buổi học hôm ấy lại tiếp tục sôi nổi và ý nghĩa. Còn em, em vừa vui vừa rất tự hào. Chắc hẳn bố mẹ em cũng sẽ rất hài lòng về việc làm hữu ích của con gái mình.

Đề 21: Kể lại một câu chuyện làm em cảm động.

Bài viết

Trong cuộc sống em đã được chứng kiến rất nhiều câu chuyện cảm động. Đó là những chuyện gợi lên tình thương yêu và sự đùm bọc của con người. Nhưng có lẽ chuyện làm em cảm động nhất lại đến từ một lần em được chứng kiến tình thương yêu của mẹ con bầy chim sẻ.

Ngày xưa, lúc em còn học lớp ba, em ham chơi lắm. Trò gì của lũ trẻ ở nông thôn em cũng đều biết cả nhưng trò mà em và anh Tùng (anh trai của em) thích nhất là trò bắt những đàn chim sẻ về nuôi. Nuôi để làm gì ư? Chẳng để làm gì, chỉ nuôi cho thích. Thú thực đã không ít lần mải vui em đã bỏ đói khiến những con chim sẽ chết thật là tội nghiệp.

Hôm ấy không biết thế nào mà chỉ sau mỗi buổi trưa anh Tùng đã mang về cho em hai chú chim non vừa mọc xong lông cánh. Hai chú chim non rìa mỏ còn vàng rộm, đúng đến lúc tập chuyền trông đến là thích mắt. Em bắt hai chú chim non đem thả vào lồng nhưng chúng cứ bay loạn xạ và kêu nhão nhác. Hơn một ngày chúng chẳng chịu ăn gì, cứ vỗ cánh phành phạch và tìm đường trốn chạy trong tuyệt vọng. Hình như một chú chim đã bắt

đầu mệt mỏi, nằm im ở góc lồng, mắt lim dim. Dỗ chúng ăn mãi không được, em tức quá bỏ đi chơi. Buổi tối đi chơi về muộn em cũng chẳng để ý gì. Ăn cơm xong em leo lên giường ngủ sớm. Sáng hôm sau tỉnh dậy em thấy ngại vô cùng. Hình như hai chú chim non đang hấp hối, nhưng biết làm sao bây giờ, chỉ còn mười lăm phút nữa là vào giờ học.

Buổi học hôm ấy thật dài. Trên đường về, em tin chắc hai chú chim non đã chết. Nhưng không ở trong lồng kia hai chú chim non đang nhảy nhót, ở đáy lồng em còn thấy có con cào cào bị ăn dở dang. Chưa kịp hiểu tại sao thì em lại thấy một chú sẻ già cứ chao đi chao lại trên đầu, miệng kêu ríu rít. Em chợt nghĩ ra chắc đó là chim sẻ mẹ.

Buổi chiều em cho hai chú chim ăn nhưng chúng lại không ăn và chỉ vỗ cánh bay phành phạch. Sáng hôm sau em lại đến trường và lại thấy hai chú chim non đang chờ chết. Nhưng kỳ lạ! Buổi trưa về hai con chim sẻ lại khoẻ mạnh rất giống hôm qua và ở trên kia chim sẻ mẹ vẫn kêu rối rít như giận dỗi như van lơn. Em bắt đầu hiểu chuyện. Lũ chim non quyết định không ăn bởi nếu không được tự do, chúng thà chịu chết còn hơn. Còn chim sẻ mẹ, một mặt dỗ dành an ủi các con, mặt khác cứ ríu rít kêu cầu mong em thả bầy con của nó. Khi đã hiểu ra, em quyết định mở cánh cửa lồng. Ba mẹ con đàn chim sẻ bay tung nhưng còn lộn qua lộn lại ba vòng trước khi bay mất không bao giờ trở lại.

Từ ngày ấy không bao giờ em chơi chim sẻ nữa. Không ngờ mẹ con loài vật bé nhỏ kia đã dạy cho em rất nhiều điều. Trong đó điều quan trọng nhất là sự thương yêu đùm bọc lẫn nhau và hơn nữa, khát vọng tự do luôn là khát vọng vĩnh viễn của muôn loài.

Đề 22: Em hãy kể về một chuyến về thăm quê nội hoặc quê ngoại.

Bài viết

Quê nội em ở rất xa thành phố nên chẳng mấy khi em được về thăm. Năm nay dù đã mười ba tuổi nhưng em cũng mới chỉ được về thăm ông bà nội có một lần. Lần ấy lâu lắm rồi, từ khi em còn nhỏ lắm nên hầu như em chẳng nhớ điều gì nữa. Thế nhưng tuần vừa qua, cảm ơn những ngày nghỉ của bố, em đã được về quê nội.

Bố báo tin mừng trước ba ngày. Ba ngày là khoảng thời gian quá lâu để hâm nóng niềm vui và chờ đợi. Thế rồi cuối cùng em cũng chờ được đến lúc lên tàu. Chuyến tàu hôm ấy đông đúc và ồn ã lắm. Dường như em có cảm giác ai cũng về quê thì phải. Con tàu lăn bánh rời khỏi sân ga trong một niềm vui mừng bâng khuâng khó tả. Tàu chạy gần cả một ngày nhưng em không muốn ngủ. Cảnh vật bên đường mới thích mắt làm sao? Hết làng mạc lại đến cánh đồng, rồi đồi bãi bát ngát mênh mông. Hai bên đường lúc thì rợp một màu xanh, lúc lại nhộn nhịp vô cùng khi tàu đi qua phố chợ. Em đang miên man suy nghĩ thì tàu đến sân ga.

Nhà nội cách sân ga chưa đầy nửa cây số nên bố quyết định cả nhà đi bộ. Bước trên con đường mà dưới chân sỏi và đá cứ kêu lạo xạo, em thấy có một cái gì đó lạ vô cùng. Một cảm giác em chưa từng được trải qua. Loáng cái đã đến cổng nhà ông bà nội. Chiếc cổng bằng tre cũ kỹ, che một phần giàn mướp sai trĩu quả ở bên trong. Thấy cả nhà đã về tới cổng, ông bà nội vui mừng ra đón. Em vứt ngay túi đồ xuống đất sà vào lòng bà nội. Buổi tối hôm ấy qua đi trong một giấc ngủ ngon lành cùng ông bà nội.

Sáng hôm sau bà gọi em dậy sớm và hình như em cũng không muốn ngủ lười như ở trên thành phố. Bây giờ em mới kịp quan sát kỹ ngôi nhà của ông bà nội. Ngôi nhà ba gian lâu ngày đã bị gió sương làm chuyển sang màu nâu bạc. Nhưng nên trong vẫn toát lên vẻ ấm cúng, thiêng liêng và gần gũi vô cùng. Trong bữa cơm buổi sáng, em cố khớp những hình ảnh đã hình dung với hình ảnh thực của ông bà nội. Ông bà trẻ hơn so với suy nghĩ của em. Dù đã ngoài bảy mươi nhưng ông vẫn khoẻ mạnh và quắc thước. Bà nội tóc có bạc hơn nhưng bà vẫn còn nhanh nhẹn lắm.

Bữa cơm vừa xong là lúc em bắt đầu được thưởng thức những cảm giác thú vị của đồng quê. Trong khi ông bà miệng bỏm bẻm nhai trầu cùng bố mẹ em và các chú bàn công chuyện thì em được các anh chị họ rủ ra đồng chơi. Hôm nay em là nhân vật trung tâm nên anh chị nào cũng giành phần để chăm chút cho cậu em từ thành phố mới về. Ôi! Những ngày ở quê, các anh chị đã cho em biết thêm bao điều thú vị. Và có lẽ điều vui mừng hơn cả là những trò chơi của tụi nhỏ ở nông thôn. Lần đầu tiên em biết thế nào là một con diều sáo. Và lại còn được anh hai cho cầm dây mới thích chứ. Rồi còn biết thêm trò chơi chọi dế, đánh cỏ gà, đá bóng bằng trái bưởi phơi khô... lại còn cả những buổi được đi chăn trâu thật là ngộ nghĩnh. Chỉ vài ngày mà em quen thêm bao nhiêu người bạn mới. Điều lạ là ai cũng dễ gần, cũng dễ chơi và nhanh thân thiết lắm chẳng như trên thành phố.

Những ngày ở quê vội vã qua đi trong sự nuối tiếc của em vì hầu hết những cuộc chơi còn đang dang dở. Ngày trở về thành phố ông bà còn cho rất nhiều quà. Bà ôm em vào lòng khóc nhưng không rơi nước mắt. Bà nói: Cháu bà ngoan! Về thành phố nhớ chăm chỉ học hành, lần sau trở lại chắc cháu bà lớn lắm. Ở trong lòng bà em cảm thấy quê nội ấm áp, thiêng liêng, cao quý mà gần gũi xiết bao.

Đề 23: Người ấy sống mãi trong lòng tôi.

Bài làm

Trong trái tim mỗi chúng ta luôn có chỗ cho tất cả những người ta yêu thương quý mến: ông bà, bố mẹ, thầy cô, anh chị, bạn bè, ... Dầu vậy, vẫn có một góc riêng đặc biệt để chúng ta lưu giữ những kỉ niệm thầm kín, thiêng liêng về một người ta không thể quên. Trong trái tim tôi cũng có một người sống mãi như vậy, một người bạn thuở ấu thơ mà đã lâu lắm rồi tôi không được gặp.

Bạn có một cái tên rất lạ – nghe như tên con trai: Việt Anh. Lần đầu nghe tên bạn, tôi bật cười thích thú và ấn tượng ngay với cô bạn gầy gầy, nhỏ nhỏ trông như cái kẹo. Việt Anh thấp hơn tôi, tóc cắt ngắn rất tươi tắn. Nhưng ngoài cái tên giống con trai ra bạn còn một điều ngộ nghĩnh nữa: bạn có một chiếc răng nanh bị sâu. Nó bị thủng một lỗ đen. Điều đó khiến cái cười của bạn trở nên ngộ hết sức. Tôi chủ động đến nói chuyện với bạn vì những ấn tượng rất vui vẻ ấy.

Càng nói chuyện càng thấy hợp nhau, hai đứa tôi kết thành đôi bạn thân thiết. Dù ở cùng xóm nhưng đến tận lúc ấy – hai đứa quen nhau ở lớp 1 trường làng, chúng tôi mới biết nhà nhau. Nhà Việt Anh hai tầng khang trang. Trong làng tôi khi ấy, đa phần là nhà ngói, hiếm hoi lắm mới có ngôi nhà mái bằng, nhà tầng – đó là những giàu. Trong khi những người lớn (trong đó có bố mẹ tôi) suốt ngày phải đi làm đồng thì tôi thấy mẹ Việt Anh chỉ ở nhà nấu nướng dọn dẹp. Tôi thấy Việt Anh kể bố bạn là thầy giáo ở trường quân đội to lắm. Nhưng bác đi làm suốt, tôi chẳng gặp bao giờ. Sau lần đầu tiên đến nhà bạn, tôi trở nên dè dặt, nghĩ rằng mình nên ít chơi với Việt Anh hơn... Nhà tôi nghèo hơn nhà bạn nhiều lắm. Nhà tôi lụp xụp mái ngói cứ mùa mưa là hứng nước trong nhà, tát nước ngoài sân. Trong khi nhà bạn nhìn đâu cũng thấy đồ điện thì tôi vẫn phải học bằng đèn dầu. Vì thế, đã mấy lần Việt Anh giục về nhà tôi chơi nhưng tôi vẫn chần chừ, lần lữa. Bạn sẽ khinh tôi mất! Tôi cứ lảng tránh dần những câu chuyện với bạn trên lớp, những lời rủ về nhà chơi của bạn...

Thế rồi một hôm...

Tôi đang chuẩn bị đi kiếm củi. Thay bộ đồng phục, tôi mặc bộ quần áo đã rách vá mấy miếng. Đang tìm cái tải để vơ lá, cắt mấy cái dây chuối để bó củi, bất chợt tôi nghe tiếng gọi quen thuộc:

- Nhung ơi! Nhung!

Trời ơi, Việt Anh! Tôi chạy ra sân.

- Làm sao bạn tìm được nhà tớ?

- Tớ hỏi mọi người đấy. Tớ mang búp bê sang nhà cậu chơi.

Việt Anh vui vẻ bước vào nhà tôi. Không để ý đến cái sân trơn trượt rêu mốc, cả bức tường đã loang lổ những mảng vữa lở. Bạn vô tư ngồi xuống chiếc giường duy nhất trong nhà bày búp bê biết mở mắt nhắm mắt ra.

- Ơ... tớ phải đi kiếm củi bây giờ...

- Kiếm củi á? Về nhà tớ lấy đi. Nhà tớ nhiều lắm!

Nói rồi bạn để lại đồ chơi hăm hở kéo tôi về nhà mình. Vậy là chúng tôi lại xích lại gần nhau hơn nữa, ngày càng thân thiết hơn. Con búp bê đẹp đẽ được đặt tên Nguyệt Hằng và được chúng tôi may cho những bộ quần áo xinh xắn. Vườn chuối nhà tôi đã mấy lần hai đứa bói quả bằng cách lấy dao chém ngang thân cây (trong khi mẹ tôi bảo chỉ chặt nhẹ hai ba lần áo ngoài thôi!). Và biết bao bờ rào, rặng cây trong xã in dấu chân

hai con bé kiếm củi, nhặt lá...

Thời gian êm đềm trôi qua. Đã hết năm lớp 1, hai đứa đã cùng học cùng chơi và đều là học sinh giỏi. Bố Việt Anh thưởng cho bạn một chuyến đi chơi. Lúc trở về bạn mang cho tôi bao nhiêu là quà: bánh kẹo, đồ chơi,...

Tôi còn đang tần ngần, băn khoăn, trước những món quà của Việt Anh thì bạn nhìn tôi vẻ bí mật:

– Này, chúng mình kết nghĩa chị em nhé!

Tôi ngẩng lên nhìn Việt Anh sửng sốt. Kết nghĩa? Kết nghĩa là sao?

– Là không phải chị em ruột nhưng coi nhau là chị em ruột. Không chờ tôi hỏi tiếp, bạn kể cho tôi nghe bạn xem phim người ta làm lễ kết nghĩa ăn thề như thế nào, sống chết vì nhau ra sao.

– Cắt một tí tóc thì được (chắc mẹ tớ không biết đâu). Nhưng cắt tay lấy máu thì eo ôi đau lắm!

– Không, bọn mình không cắn tay lấy máu. Lấy cái gì màu đỏ đỏ là được mà.

Thế là chúng tôi kết nghĩa chị em. Lén cắt một ít tóc vàng hoe, chúng tôi trộn tóc hai đứa vào nhau rồi chia ra hai phần bằng nhau mỗi đứa giữ một nửa. Việt Anh còn viết hai tờ "Giấy kết nghĩa" giống hệt nhau với những câu "sống chết có nhau", "sướng khổ có nhau"... khiến tôi khá căng thẳng. Sau đó nó mắm môi vẩy rõ mạnh cho mực trong cái bút bi đỏ trào ra rồi "hướng dẫn" tôi xoa ngón tay trỏ vào mực, điểm chỉ vào hai tờ "Giấy kết nghĩa". Nó tự nhận làm em và gọi tôi là chị vì tôi cao hơn. Để cho thân mật, tên Việt Anh chuyển thành Vịt, còn tôi được gọi là Mập vì người tôi béo tròn.

Tôi đã trở thành chị của Vịt như thế. Tuổi thơ êm đềm trôi qua được bốn năm.

Thế rồi một ngày, Vịt tức tưởi khóc và chạy sang nhà tôi. Tôi sửng sốt cả người: chưa bao giờ tôi thấy Vịt khóc. Thế mà nay, trước mắt tôi, em khóc nức nở, người nấc lên từng nhịp. Vịt kể bố mẹ Vịt chia tay, bố không được làm giáo viên nữa... Nghĩa là từ đó, Vịt sống với mình mẹ, bố Vịt về quê ở tận Hà Tĩnh. Mẹ Vịt lại làm ruộng như bao nhiêu người khác. Đồ đạc trong nhà dần dần phải đem bán đi... Tội nghiệp nhất là Vịt đang từ một cô công chúa được chiều chuộng nâng niu giờ em lấm lem bùn đất. Đi học về, Vịt rủ tôi nhặt củi ven đường để nấu cơm, đun nước.

Cuộc sống khó khăn dần. Một hôm tôi giật mình nghe cô giáo nhắc tên Việt Anh trong danh sách những người đóng tiền học muộn (thực ra danh sách ấy chỉ có tên một người). Tôi lặng người đưa mắt thầm nhìn đứa bạn thân. Mặt bạn đờ đẫn tội nghiệp. Ngay buổi học hôm ấy, tôi hăm hở rủ Vịt chạy khắp các phòng học trong trường để nhặt giấy vụn bán lấy tiền đóng học. Nhưng tiền học hàng tháng, rồi tiền tham quan, tiền quỹ lớp,... Cả lớp tôi lo lắng. Chúng tôi gom góp một chút tiền gửi tặng bạn nhưng dĩ nhiên

bạn từ chối. Dần dần tôi lại phát hiện ra một sự thật khủng khiếp: đã cả tháng nay Vịt không được ăn cơm. Nhà hết gạo đã lâu, bạn chỉ ăn khoai và củ. Dù còn non nớt nhưng một đứa bé lớp 4 như tôi thừa hiểu không có cơm ăn nghĩa là thế nào. Mẹ Vịt không nuôi cho Vịt ăn học được nữa...

Và chuyện gì đến sẽ phải đến.

Mùa hè lớp 4, tôi khóc ròng khi Vịt báo tin vào Nghệ An sống với bố. Trước hôm Vịt đi, chúng tôi nước mắt ngắn dài viết thêm vào "Giấy kết nghĩa" hẹn mười năm sau sẽ gặp lại. Vịt bảo lúc ấy cả hai đứa đã học đại học, đã đi làm thêm được, đã có tiền và có thể đi xa để thăm nhau. Tôi như đứa mất hồn những ngày sau đó. Tôi chẳng muốn chơi với ai nữa. Nhưng việc học hành vẫn phải chú tâm vì tôi sợ nếu không vào được đại học sẽ không gặp được em Vịt của tôi. Và hơn thế, tôi cũng không muốn học kém hơn đứa em kết nghĩa của mình.

Suốt những năm qua, Vịt viết thư cho tôi luôn. Nhiều lắm. Vịt kể vào đó, Vịt có rất nhiều bạn, mọi người rất quý Vịt nhưng Vịt không bao giờ quên tôi. Tôi tin điều đó, niềm tin của tôi nơi Vịt không bao giờ thay đổi. Tôi chỉ sợ một điều thay đổi là chính bản thân tôi thôi. Tôi nhận ra điều đó khi vào ngày hè khắc nghiệt, tôi xem trên tivi thấy cảnh một vùng đất bị lũ lụt tràn về. Bao nhiêu trâu bò, bao nhiêu mái nhà, bao nhiêu đồ đạc,... bị cuốn phăng đi... Tôi giật mình khi nghe tên vùng bị nạn: Đức Thọ, Hà Tĩnh – trời ơi, là quê của Việt Anh đó! Vậy là bạn đã phải chịu bao nhiêu khó khăn, bao nhiêu mất mát,... nhưng chưa bao giờ bạn than thở với tôi. Không, đúng hơn là chưa bao giờ tôi hỏi thăm bạn. Tôi nhớ đến những lời hỏi thăm rất vội, những lời chúc rất sáo,... mình gửi cho bạn. Và nghẹn lòng nhớ đến những lá thư tới rất kịp thời vào dịp sinh nhật, Tết hay Noel,... của bạn. Vâng, dù tôi có thế nào, tình cảm yêu thương mà Việt Anh dành cho tôi vẫn không hề thay đổi, điều đó giống với tên cuốn sách mà bạn gửi tặng tôi vào dịp sinh nhật vừa rồi: "Mãi mãi là yêu thương".

Tôi ấp ủ trong mình những ước mơ lớn trong tương lai và ước mơ mười năm cũng sẽ không bao giờ tắt. Hình ảnh người bạn thuở ấu thơ sẽ chẳng bao giờ phai nhoà trong tôi bởi vẫn còn nguyên vẹn đó những yêu thương trong lòng mà hai chúng tôi thắp lên cho nhau trong nhau suốt những ngày thơ ấu.

Đề 24: Nếu là người được chứng kiến cảnh lão Hạc kể chuyện bán chó với ông giáo trong truyện ngắn của Nam Cao thì em sẽ ghi lại câu chuyện đó như thế nào?

Bài làm

Năm nay tôi đã ngoài bảy mươi tuổi, nhưng mỗi lần nghe đứa cháu nội hỏi về chuyện xưa khi mình còn nhỏ được chứng kiến ngày giặc Pháp đô hộ và câu chuyện *Lão Hạc* trong sách giáo khoa *Ngữ văn 8* cháu học là có thật không, thì lòng tôi lại trào lên bao cảm xúc với kỷ niệm về người hàng xóm

già. Đó chính là nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn của Nam Cao. Ký ức sâu đậm về lần ông lão kể chuyện bán chó cho thầy Thứ của tôi cứ hiện lên mồn một.

Ngày ấy tôi mới lên mười, xã hội hỗn loạn, nay thấy đánh nhau chỗ này, mai thấy Tây đi càn chỗ kia. Thầy giáo Thứ đang dạy chúng tôi lớp đệ nhị ở trường làng bên, phải cho đám trò nghỉ. Tôi không biết vì sao, chỉ thấy người ta láo pháo đồn rằng thầy tôi ghét Tây, ngán cảnh chúng dòm ngó trường lớp nên cho chúng tôi nghỉ.

Ngày ngày thầy vẫn sang nhà lão Hạc trò chuyện với ông cụ. Tôi ở gần hay sang qua lại cùng thầy lúc giúp lão dọn nhà, lúc đùa nghịch với con chó Vàng. Không ngờ những chuyện thật về lão Hạc lại được thầy giáo tôi viết thành câu chuyện cảm động đến thế. Cái cảnh lão Hạc kể với thầy tôi về chuyện bán chó là lúc tôi chứng kiến tất cả.

Chả là hôm ấy, tôi đang giúp thầy nhặt đống khoai và lân la hỏi thầy về mấy chữ Hán khó hiểu. Thầy đang giảng cho tôi thì thấy lão Hạc tiến vào. Cái dáng điệu gầy gò của lão, hôm nay trông buồn thảm quá. Vừa nhìn thấy thầy Thứ, lão đã báo ngay:

– Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!

– Cụ bán rồi?

– Bán rồi! Họ vừa bắt xong.

Lão Hạc cố làm ra vẻ vui vẻ nhưng tôi thấy lão cười như mếu và đôi mắt ầng ậng nước. Thầy tôi chắc cũng ái ngại cho lão nên chỉ ôm đôi bờ vai lão vỗ nhẹ như đồng cảm. Tôi thấy đôi mắt của thầy Thứ cũng như muốn khóc. Thầy hỏi lão Hạc:

– Thế nó cho bắt à?

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những nếp nhăn xô lại với nhau ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão nghẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...

– Khốn nạn... Ông giáo ơi!... Nó có biết gì đâu! Nó thấy tôi gọi thì chạy ngay về vẫy đuôi mừng. Tôi cho nó ăn cơm. Nó đang ăn thì thằng Mục nấp trong nhà, ngay đằng sau nó, tóm lấy, hai cẳng sau nó dốc ngược nó lên. Cứ thế là thằng Mục và thằng Xiên, hai thằng chỉ loay hoay một lúc đã trói chặt cả bốn chân nó lại. Bây giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết!... Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Nó cứ nằm im như trách tôi, nó kêu ư ử, nhìn tôi như muốn bảo rằng "A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão đối xử với tôi như thế này à?". Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó!

Thầy Thứ lại an ủi lão:

– Cụ cứ tưởng thế chứ nó chẳng hiểu gì đâu! Vả lại ai nuôi chó mà chả bán hay giết thịt! Ta giết nó chính là ta hoá kiếp cho nó đấy. Hoá kiếp để cho nó làm kiếp khác.

Lão Hạc chua chát bảo:

– Ông giáo nói phải! Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hoá kiếp cho nó để nó làm kiếp người, may ra nó sung sướng hơn một chút... Kiếp người như tôi chẳng hạn!...

Câu nói của lão làm tôi bùi ngùi, thầy Thứ hạ giọng:

– Kiếp ai cũng thế thôi, cụ ạ! Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng?

– Thế thì không biết nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng?

Lão cười và ho sòng sọc. Thầy tôi nắm lấy cái vai gầy của lão, ôn tồn bảo:

– Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng: Bây giờ cụ ngồi xuống phản chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm nước chè tươi thật đặc, ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc lào... thế là sung sướng.

– Vâng! Ông lão dậy phải! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng.

Lão nói xong lại cười đưa đà. Tiếng cười gượng nhưng nghe đã hiền hậu lại, thấy vậy tôi te tái đứng lên:

– Thầy để con đi luộc khoai thầy nhé.

– Ừ, luộc giúp thầy, nhặt những củ to ấy, để thầy pha nước mời ông xơi – thầy tôi nhắc nhở.

– Nói đùa thế chứ ông giáo cho để khi khác... Lão Hạc ngần ngại.

– Việc gì còn phải chờ khi khác... Không bao giờ nên hoãn sự sung sướng lại, cụ cứ ngồi xuống đây.

Tôi đi luộc khoai. Thầy Thứ và lão Hạc ngồi nói chuyện lâu lắm, thầy tôi là người nhiều chữ nghĩa, hiểu biết và thương người nên có chuyện gì lão Hạc cũng tâm sự và sẻ chia.

Vừa luộc khoai, tôi vừa nghĩ về lão Hạc nhiều lắm. Tôi thương lão, con người già cả cô đơn nhưng ai cũng quý lão bởi lão sống lương thiện và nhân hậu. Tôi biết lão quý con Vàng của mình lắm vì nó là kỷ vật của anh con trai lão để lại mà. Tôi hiểu vì bần cùng lão mới làm như vậy.

Đã 60 năm, đất nước đổi thay chế độ, lão Hạc không còn, cuộc sống của người nông dân ngày nay đã khác. Nhưng hình ảnh lão Hạc đau đớn vì bán con chó cứ ám ảnh tôi mãi. Đó là kỷ niệm một thời khổ đau của đất nước mà người nông dân phải chịu nhiều cơ cực nhất. Nhưng chính trong hoàn cảnh đó tôi hiểu hơn về họ, về tình yêu thương chia xẻ của người thầy giáo tôi với những con người khốn khổ, về nhân cách và vẻ đẹp của người nông dân.

Đề 25: Vào vai Giôn-xi kể lại câu chuyện *Chiếc lá cuối cùng* của O. Hen-ri.

Bài làm

Tôi là Giôn-xi, một cô hoạ sĩ nghèo của nước Mĩ xa xôi. Là một người nghệ sĩ tôi phải đi nhiều nơi để tìm cảm hứng sáng tác. Vì vậy, tôi đã gặp nhiều chuyện bất ngờ, có thể kể cho các bạn nghe hàng giờ. Nhưng trong tất cả những điều ấy, câu chuyện bất ngờ nhất lại là câu chuyện về chính bản thân tôi. Câu chuyện "Chiếc lá cuối cùng".

Ngày ấy, tôi và Xiu-đi – một chị bạn vô cùng thân thiết, tốt bụng – sống trong một khu nhà trọ rẻ tiền. Hàng xóm của chúng tôi hầu hết đều là những người lao động nghèo, trong đó có một người hoạ sĩ già tên là Bơ-men. Cụ Bơ-men cũng có một niềm đam mê rất lớn tới nghệ thuật nhưng có lẽ cụ chưa tìm được nguồn cảm hứng sáng tác. Trong phòng cụ có một tấm vải vẽ căng ra đã từ lâu lắm và ông cụ suốt ngày có vẻ say khướt.

Mùa đông năm ấy, trời rét dữ dội. Trong xóm trọ của chúng tôi lan tràn một căn bệnh quái ác, căn bệnh viêm phổi. Cuộc sống nhiều thiếu thốn, đói và rét, cộng với thể lực vốn yếu ớt, tôi cũng bị gã khổng lồ độc ác ấy hỏi thăm. Người mệt rã rời, những cơn ho dữ dội tưởng chừng không dứt khiến người tôi như tan ra thành bụi. Tôi đã hoàn toàn bị căn bệnh đánh gục. Chị Xiu hoảng hốt chăm lo chạy chữa cho tôi. Với số tiền ít ỏi, dường như Xiu đã phải nhịn ăn nhiều bữa để lo bác sĩ. Chị ít ngủ và hay khóc thầm. Ngoài Xiu và vị bác sĩ già đáng mến, cụ Bơ-men cũng thường hay lên thăm tôi. Mỗi khi thấy tôi thều thào ho khan cụ đều lắc đầu ngao ngán. Và nhất là khi thấy tôi từ chối những thìa cháo của Xiu, cụ thường không tiếc lời mắng mỏ tôi là con bé ngu ngốc.

Dần dần, tôi thấy người mình yếu đi. Những cơn ho dai dẳng hơn, tôi không đủ sức để mà ho lớn. Tôi nằm ẹp xuống giường, không thể tự dậy được. Tôi thấy sự sống đang từ bỏ mình từng ngày từng phút. Căn phòng quanh tôi trống vắng, lạnh lẽo vô cùng. Tôi thẫn thờ nhìn qua cửa sổ: ngoài kia, những chiếc lá thường xuân đang lặng lẽ rời cành. Chao ôi! Cuộc đời tôi cũng đang lặng lẽ rời bỏ sự sống như thế. Từng phút, từng phút một... và tôi biết, khi chiếc lá cuối cùng lìa cành thì cuộc đời tôi cũng lìa bỏ nhân gian. Tôi nói ý nghĩ ấy với Xiu, chị ôm lấy tôi vào lòng an ủi:

– Con mèo con của chị... Em đừng nghĩ vớ vẩn như thế. Bác sĩ nói em sắp bình phục rồi.

Tôi biết đó chỉ là lời nói dối. Xiu đi lấy thuốc cho tôi, chị gặp cụ Bơ-men, nói gì đó với cụ. Tôi lại thấy cụ mắng tôi rất lớn:

– Ngu ngốc! Thật là con bé ngu ngốc! Ai lại đi gắn đời mình vào những chiếc lá ngớ ngẩn!

Đêm hôm ấy, mưa gió dữ dội. Tôi nghe ngoài trời từng đợt lá ràn rạt rơi. Tôi biết, ngoài kia, chiếc lá thường xuân cuối cùng sắp rụng. Tôi chỉ chờ đến ngày mai nhìn thân cây trơ trụi để trút hơi thở cuối cùng.

Sáng hôm sau, tôi thức dậy thấy chị Xiu vẫn ngủ gục trên bàn: tối qua có lẽ chị đã thức khuya lắm để chăm tôi. Tôi chăm chú nhìn gương mặt hốc hác, xanh xao của chị mà thấy thương chị vô cùng. Bất giác, tôi xót xa mong chờ giây phút chiếc lá cuối cùng rơi cành để khỏi làm phiền những người xung quanh. Chị Xiu thức dậy, lại gần hỏi xem tôi có cần gì không. Tôi không nhìn Xiu, lạnh lùng bảo chị kéo tấm rèm lên. Xiu uể oải, chán chường và lo lắng căng thẳng miễn cưỡng kéo tấm rèm lên. Ô kìa! Ngoài kia một chiếc lá thường xuân vẫn còn đó! Chiếc lá kiên trung bám vào thân cây bò trên tường. Chiếc lá còn xanh, chỉ rìa lá thì đã ngả vàng. Trận mưa giông dữ dội đêm qua không làm chiếc lá mất đi thì tại sao tôi lại vội rời bỏ cuộc sống tươi đẹp? Rời bỏ ước mơ trở thành họa sĩ? Rời bỏ Xiu yêu quý của tôi? Tôi nhìn sang Xiu, chị cũng đang kinh ngạc trân trân nhìn chiếc lá. Tôi vui vẻ bảo chị lấy tôi chút chút rượu nhẹ. Xiu sung sướng rời khỏi phòng.

Dần dần, tôi thấy tinh thần phấn chấn hơn. Người thấy mạnh mẽ dần lên. Bác sĩ vào thăm bệnh cho tôi cũng thấy vui vẻ hẳn. Một buổi sáng, trong lúc chờ Xiu đi lấy thuốc, tôi khẽ lấy cuộn len và chiếc que đan để thử làm chút gì sau thời gian dài nằm giường bệnh. Lát sau, Xiu vào phòng, tôi thấy gương mặt Xiu vô cùng xúc động. Chị bước tới giường, nhìn sâu vào mắt tôi:

– Con mèo con của chị...! Cụ Bơ–men đã mất rồi. Mất vì bệnh viêm phổi. Vào cái đêm mưa gió hãi hùng hôm trước, người ta tìm thấy cụ khi người cụ đã ướt mềm. Sau đêm ấy, cụ nằm liệt giường và vừa mất sáng nay. Dưới chân tường trước cửa sổ phòng chị em mình – Xiu hướng ánh mắt đến chiếc lá thường xuân bất động – người ta thấy rơi vài những chiếc bút vẽ, những bảng màu... Giôn–xi! Có bao giờ em thắc mắc tại sao không bao giờ em thấy chiếc lá cuối cùng rung động...? Cụ Bơ–men đã vẽ nó vào cái đêm tất cả những chiếc lá khác rời cành.

Nói rồi Xiu khóc nức nở. Tôi trân trân nhìn chiếc lá cuối cùng. Lòng trào lên niềm một xúc động vô bờ.

Giờ đây, tôi đã là một hoạ sĩ có tên tuổi. Dưới mỗi bức vẽ của mình tôi đều kí tên Bơ–men. Hàng năm, vào ngày giỗ của cụ, tôi vẫn trở về khu nhà trọ xưa viếng mộ cụ. Kỉ niệm về cụ và chiếc lá cuối cùng tôi vẫn còn lưu giữ trọn vẹn trong tim. Tôi đã nhiều lần thử vẽ lại chiếc lá ấy nhưng lần nào cũng đành bất lực ngồi trước mảnh vải trắng trơn. Tôi biết, chỉ có lao động nghệ thuật hết mình tôi mới có thể đền đáp sự hi sinh vĩ đại của người hoạ sĩ già đáng kính ấy.

Đề 26: Là người chứng kiến cảnh cô bé bán diêm trong đêm giao thừa, em hãy kể lại câu chuyện *Cô bé bán diêm* của An-đéc-xen.

Bài làm

Tôi là một cây thông – loài cây đáng yêu được nhà nhà kiếm tìm trong dịp Noel. Sau ngày lễ tưng bừng trang trọng ấy, tôi lại được đem vào trồng lại trong rừng để đến mùa sau tiếp tục góp vui cho con người. Như vậy nghĩa là tôi đã đi qua nhiều mùa Noel lắm và cũng chứng kiến nhiều câu chuyện cảm động. Nhưng có một câu chuyện khiến tôi nhớ mãi. Câu chuyện về cô bé bán diêm trong một đêm giao thừa rét mướt.

Phải, đó là một đêm giao thừa, cái rét ùa về như cắt da cắt thịt. Tôi được đặt trong phòng khách sang trọng một ngôi nhà có cửa kính nhìn ra ngoài đường. Tôi đang trầm ngâm chờ thời khắc giao thừa thì ngoài đường có tiếng la ầm ĩ của bọn trẻ con. Tôi nhìn ra, thấy đám trẻ con nhà giàu hư đốn đang chuyền nhau chiếc giày rách nát của một cô bé bán diêm. Cô bé gầy gò, yếu ớt, ăn mặc rách rưới đuổi theo chúng đến ngã nhào trên tuyết. Chiếc giày còn lại của cô tuột ra, một chiếc xe trượt tuyết chạy qua, cô né người vội tránh, bánh xe nghiến vào chiếc giày rồi cuốn cả đi. Cô bé ôm mặt khóc nức nở đầy bất lực. Lòng tôi trào lên niềm thương xót khôn nguôi. Cô bé là con cái nhà ai mà tội vậy?

Tôi đem câu hỏi ấy hỏi cậu bàn ăn trong phòng. Cậu ta lắc đầu ngậm ngùi kể cho tôi nghe về cô bé. Trước đây, nhà cô ở ngay phía sau ngôi nhà tôi đang đứng. Đó cũng là một ngôi nhà bình thường như bao ngôi nhà khác, không giàu có sang trọng nhưng rất ấm áp yên vui. Thế rồi mẹ cô bé mất, bà nội – người yêu thương cô nhất cũng ra đi. Cha cô buồn tủi, chán chường suốt ngày uống rượu không thiết đến chuyện làm ăn khiến gia cảnh ngày một lụn bại. Thế rồi, ngôi nhà bị tịch thu, hai cha con phải dọn đến một ngôi nhà tồi tàn để ở. Cô bé phải đi bán diêm từ ngày ấy. Hàng ngày, cô đi rao suốt dọc phố từ sáng sớm đến tận tối mịt mới về, vậy mà vẫn còn bị cha đánh đập. Đêm nay giao thừa, có lẽ cha cô lại uống say bắt con đi bán diêm...

Cô bé vẫn bơ vơ trên đường. Người như co lại trong chiếc áo choàng rách nát. Gặp ai cô cũng đưa diêm ra mời. Nhưng trong cái đêm đặc biệt như đêm nay, ai ai cũng vội vàng đi về với gia đình, có ai để ý đến một cô bé bán diêm? Hai chân cô bé như tím bầm, đông cứng lại, cô không bước tiếp được nữa. Ánh mắt cô bé nhìn về phía chúng tôi thèm thuồng, xót xa. Rồi cô nhìn xuống những bao diêm... Cô cố gắng len chân về phía khe tường giữa hai ngôi nhà kề nhau. Tôi thấy cô lặng lẽ giở một bao diêm và quẹt que diêm đầu tiên. Ánh sáng của que diêm phản chiếu ánh mắt lấp lánh của bé. Tôi thấy trong đôi mắt ấy hiện lên một lò sưởi ấm áp, đôi chân cô bé khẽ duỗi ra như để sưởi cho ấm. Thế rồi que diêm thứ nhất vụt tắt. Đôi mắt cô bé như hụt hẫng, cô do dự thoáng chốc rồi quẹt tiếp que diêm thứ

hai. Đôi mắt cô long lanh, bờ môi khẽ cử động, có lẽ cô đang thấy hình ảnh một bàn ăn đủ đầy, sang trọng. Que diêm thứ hai vụt tắt, cô quẹt tiếp que diêm thứ ba. Lần này, khi ánh sáng vừa loé lên, tôi như thấy chính hình ảnh của mình trong mắt cô bé. Trên mình tôi treo rất nhiều thứ đồ chơi và cô bé đang sung sướng chạy nhảy xung quanh tôi. Nhưng rồi ảo ảnh lại vụt tan, cô bé háo hức quẹt tiếp que diêm thứ tư. Tôi không rõ cô bé nhìn thấy gì trong que diêm ấy, chỉ biết gương mặt cô sáng bừng lên một cách kì lạ. Đôi mắt rạo rực, ấm áp và say mê. Khi que diêm thứ tư vụt tắt, tôi nghe cô hoảng hốt nói trong nước mắt giàn giụa:

– Bà ơi! Bà đừng bỏ cháu! Bà cho cháu đi theo bà về với Thượng đế chí nhân! Bà đã hứa là sẽ không bao giờ bỏ cháu....!

Vừa nói cô vừa vội vàng quẹt hết que diêm này đến que diêm khác. Cũng chính lúc ấy, giờ giao thừa đã điểm. Trong ngôi nhà tôi đang đứng, mọi người ùa đến quanh tôi. Tôi phải trở lại với công việc của mình không tiếp tục dõi theo cô bé bán diêm được nữa.

Sáng hôm sau, tôi thấy có tiếng lao xao nơi khe tường tối qua cô bé bán diêm đã đứng. Tôi thấy người ta tụ tập rất đông bàn tán. Cô bé bán diêm đêm qua đã chết. Cô chết giữa rất nhiều những que diêm đã cháy.

– Có lẽ nó muốn sưởi cho ấm – tiếng một ai đó cất lên bình thản.

Đã nhiều mùa Giáng sinh qua đi, cái chết của cô bé bán diêm khiến tôi bị ám ảnh khôn nguôi. Tôi không còn thấy vui mừng mỗi khi Giáng sinh về mà ngoài đường còn có những cô bé bán diêm... Và tôi ước trên đời này sẽ không còn những cô bé, cậu bé bán diêm như vậy nữa.

Đề 27: Em hãy tưởng tượng mình là nhân vật que diêm trong câu *Cô bé bán diêm* của An-đéc-xen để kể lại câu chuyện này theo một cách kết thúc khác.

Bài làm

Trời đã tối, cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sực nức mùi ngỗng quay. Giây phút đón giao sắp đến. Vậy mà chúng tôi vẫn cùng cô bé tội nghiệp rong ruổi qua từng con phố. Chúng tôi tự nhủ hãy nằm yên, nằm yên và cầu nguyện để tất cả chúng mình sẽ đi về nhà ai đấy. Chỉ có vậy và chỉ có vậy thôi, cô chủ mới được về nhà để đón tết trong ấm cúng.

Thế nhưng thật oái oăm thay. Đêm ba mươi, ai còn đi mua diêm làm chi nữa. Giờ này họ đã yên ổn cả rồi. Họ đang ngồi bên lò sưởi và chờ đến giờ phá cỗ. Chúng tôi biết vậy và cả cô chủ nhỏ tội nghiệp của chúng tôi cũng thế. Nhưng cô vẫn cứ đi, lang thang trong rét mướt và hy vọng. Niềm hy vọng ấy trong cái đêm nay thật quá nhỏ nhoi. Vậy mà nó chỉ chực chờ để tan biến mất.

Trời đã về khuya. Và chúng tôi cảm thấy đôi bàn tay của cô chủ đang cứng lại. Cô dừng lại và ngẫm nghĩ về một điều gì đó. Bỗng đột nhiên, cô

rút một trong số chúng tôi ra và quẹt sáng. Anh bạn của chúng tôi bén lửa rất nhanh loáng qua rồi biến đi trên nền than hồng rực. Chúng tôi không biết cô bé nghĩ gì nhưng ánh mắt cô bé rất vui và hình như miệng cô còn ánh lên cả một nụ cười thì phải.

Cô bé duỗi chân ra nhưng đờ đẫn nhìn que diêm vụt tắt. Cô lại bần thần và suy nghĩ hồi lâu. Chắc cô bé đang lo không bán được diêm, về nhà sẽ bị cha chửi mắng.

Thế rồi, mạnh mẽ hơn, cô lại quẹt lửa anh bạn thứ hai. Lửa lại cháy và sáng rực. Ánh mắt cô bé lại vui lên. Khuôn mặt đỏ hồng rạng rỡ. Nhưng không đầy một phút sau, anh bạn tôi vụt tắt. Trước mặt cô bé chỉ còn là những bức tường lạnh lẽo, dày đặc, tối tăm. Phố xá vẫn vắng teo và lạnh buốt. Tuyết phủ trắng xóa, gió bấc vi vu và mấy người khách qua đường quần áo ấm áp vội vã đi đến nơi hò hẹn.

Cô chủ không còn nghĩ về cha. Cô không còn sợ. Cô quẹt thêm một que diêm nữa. Lần này cảm giác như anh bạn của chúng tôi bốc cháy lâu hơn. Niềm vui cũng dừng lại trên khuôn mặt của cô chủ tôi lâu hơn đôi chút. Không biết lúc này cô bé đang nghĩ đến cái gì, đến cây thông Nô-en hay đến người bà yêu quý.

Cô bé lại quẹt thêm một que diêm nữa. Một ánh sáng xanh tỏa ra xung quanh. Cô bé cười và reo lên hạnh phúc:

– Bà ơi! Cho cháu đi với! Cháu biết rằng diêm tắt thì bà cũng biến đi mất như lò sưởi, ngỗng quay và cây thông Nô–en ban nãy. Nhưng xin bà đừng bỏ cháu ở nơi đây. Trước khi bà về với thượng đế chí nhân, bà cháu ta đã từng sung sướng biết nhường nào. Dạo ấy bà từng bảo cháu rằng nếu cháu ngoan ngoãn, cháu sẽ được gặp lại bà. Bà ơi! Cháu van bà, bà xin với thượng đế chí nhân cho cháu về với bà. Chắc người không từ chối đâu.

Anh bạn thứ tư của chúng tôi vụt tắt. Thế là cái ảo ảnh rực sáng trên khuôn mặt cô chủ nhỏ cũng biến mất luôn. Nhưng cô bắt đầu lôi ra tất cả chúng tôi và quẹt sáng. Dường như cô chủ của chúng tôi đang muốn níu kéo một điều gì. Chúng tôi nối nhau chiếu sáng như giữa ban ngày. Và chúng tôi nhận ra trên khuôn mặt kia đang nở ra một nụ cười mãn nguyện. Một xó tường bỗng vụt sáng lên nhưng cũng chỉ một phút sau nó lại trở về với cái tối tăm lạnh lẽo. Chúng tôi đã thắp lên những tia sáng cuối cùng còn cô chủ của chúng tôi thì bỗng nhiên gục xuống. Có lẽ cô mệt quá. Cô đã không ăn và không nghỉ suốt những ngày qua nên chắc bây giờ đang đói lả. Chúng tôi thương cô chủ quá và cầu mong sao cho đêm giao thừa qua thật nhanh

Sáng ngày mùng một, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng và chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Chúng tôi – những que diêm còn sót lại trong túi của cô chủ đêm qua bỗng nghe thấy tiếng gọi của một người phụ nữ:

– Cháu bé ơi! Cháu bé ơi! Cháu là con cái nhà ai mà ra nông nỗi thế này.

Người đi đường cũng bắt đầu xúm lại. Họ tò mò đoán và ngắm nghía cô gái có đôi má hồng và đôi môi đang cười mỉm nằm giữa những bao diêm, trong đó có một bao đã đốt hết hẳn. Người đàn bà khi này rẽ đám đông ra để chen vào. Tay bà mang theo một cốc sữa đang còn nóng và một chiếc áo lông cừu đang còn mới. Uống một cách khó khăn vài ngụm sữa, cô chủ đã mơ màng tỉnh lại. Mấy người đàn ông giúp người phụ nữ đưa cô chủ về một ngôi nhà nhỏ rồi họ tản mát đi. Bây giờ cô chủ đã tỉnh hẳn và đang ngồi bên lò sưởi.

- Cháu cảm ơn bà! Cô chủ nói.

Người phụ nữ nhanh nhảu đáp:

- Không có gì đâu cháu ạ! Nhìn cháu ta đã đoán ra tất cả mọi việc rồi. Ta cũng buồn như cháu. Trước đây ta cũng có một cô cháu gái nhưng thượng đế chí nhân đã rước nó đi. Giờ ta gặp cháu đây phải chăng là thượng đế thương ta mà trả cho ta đứa cháu. Nhà ta nhỏ nhưng rất rộng lòng thương. Nếu cháu muốn, cháu có thể ở đây với ta làm bạn.

Cô bé không đáp lời người phụ nữ. Mắt cô bé rưng rưng nhìn những bông tuyết đang rơi trắng xóa ngoài khung cửa. Nhưng rồi bỗng nhiên cô quay lại, sà vào vòng tay âu yếm của người thiếu phụ và nức nở: Bà ơi! Bà ơi! Bà thương cháu mà trở về với cháu thật hay sao!

Đề 28: Tóm tắt truyện ngắn *Cô bé bán diêm* An-đéc-xen.

Bài làm

Trong đêm giao thừa, trời rét mướt, có một cô bé đầu trần, chân đi đất, bụng đói đang rầu rĩ đi bán diêm trong bóng tối. Cô bé bán diêm ấy đã mồ côi mẹ và cũng đã mất đi người thương yêu em nhất là bà nội. Em không dám về nhà vì sợ bố sẽ đánh em. Vừa lạnh vừa đói, cô bé ngồi nép vào một góc tường rồi khẽ quẹt một que diêm để sưởi ấm. Que diêm thứ nhất cho em có cảm giác ấm áp như ngồi bên lò sưởi. Em vội quẹt que diêm thứ hai, em được thấy một bàn ăn thịnh soạn hiện lên. Rồi em quẹt que diêm thứ ba và được thấy cây thông Nô-en. Quẹt que diêm thứ tư: bà nội hiền từ của em hiện lên đẹp đẽ, gần gũi và phúc hậu biết mấy. Nhưng ảo ảnh đó nhanh chóng tan đi sau sự vụt tắt của que diêm. Em vội vàng quẹt hết cả bao diêm để mong níu bà nội lại. Cô bé bán diêm đã chết trong giá rét khi mơ cùng bà bay lên cao mãi.

Đề 30: Tóm tắt truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng* của O. Henri.

Bài làm

Xiu và Giôn-xi là hai nữ hoạ sĩ trẻ sống trong một khu nhà trọ. Cụ Bơ-men, một hoạ sĩ già cũng sống ở đó với họ, cả đời cụ khao khát vẽ một kiệt tác nhưng chưa thoả ý. Chẳng may, mùa đông năm ấy, Giôn-xi bị bệnh sưng phổi rất nặng. Bệnh tật khiến cô tuyệt vọng và nghĩ rằng khi chiếc lá

thường xuân cuối cùng rụng xuống là sẽ là lúc mình lìa đời. Xiu vô cùng lo lắng và hết lòng chạy chữa cho bạn nhưng vô ích, Giôn–xi vẫn bi quan như vậy. Cô gái tội nghiệp âm thầm đếm từng chiếc lá.

Biết được ý nghĩ điên rồ đó của Giôn–xi, cụ Bơ–men ban đầu mắng um lên nhưng sau đó lại âm thầm thức suốt đêm mưa gió bão bùng để vẽ chiếc lá thường xuân. Chiếc lá cuối cùng giống như thật. Nó đã không rụng trong đêm bão lớn khiến Giôn–xi suy nghĩ lại, cô hi vọng và muốn được sống, được sáng tạo. Giôn–xi từ cõi chết trở về nhưng cụ Bơ–men lại chết vì bệnh sưng phổi sau đêm sáng tạo kiệt tác chiếc lá cuối cùng để cứu Giôn–xi. Xiu lặng lẽ đến bên Giôn–xi báo cho bạn về cái chết của cụ Bơ–men và bí mật của chiếc lá cuối cùng.

Đề 31: Tóm tắt đoạn trích *Tức nước vỡ bờ (Tắt đèn* – Ngô Tất Tố).

Bài làm

Được bà lão hàng xóm cho vay chút gạo chị Dậu liền nấu cháo cho anh Dậu ăn. Chị vừa múc bát cháo bưng lên cho chồng, anh Dậu còn chưa kịp ăn thì tên cai lệ và người nhà lí trưởng xông vào đòi bắt trói. Ban đầu, chị Dậu vừa lo lắng cho chồng, vừa sợ hãi trước hành động cử chỉ của đám tay sai đã rất thiết tha van nài các "ông" tha cho chồng "cháu". Nhưng lũ đầu trâu mặt ngựa vẫn hung hăng lao vào bắt trói anh Dậu. Nỗi tức tối đã chiến thắng nỗi sợ hãi, chị Dậu cãi lí: chồng tôi đau ốm các ông không được bắt. Những tưởng lí do rất chính đáng đó có thể ngăn cản hành vi mất hết nhân tính của bọn cai lệ và người nhà lí trưởng nhưng vô hiệu. Bị bọn chúng đánh lại, chị Dậu uất ức vùng lên thách thức: "Mày trói chồng bà, bà cho mày xem" và quật ngã cả hai tên tay sai.

Đề 32: Hãy tóm tắt văn bản trích *Tức nước vỡ bờ* (trích *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố) trong khoảng 5 câu đến 7 câu, trong đó có sử dụng ít nhất một câu ghép.

Bài làm

Anh Dậu vừa ở đình về. Bà hàng xóm sang chơi cho bát gạo. Chị Dậu vừa múc bát cháo lên cho chồng ăn, anh Dậu còn chưa kịp ăn thì tên cai lệ và người nhà lí trưởng xông vào đòi bắt trói. Mặc dầu chị Dậu hết lời van xin, cai lệ vẫn toan hành hạ anh Dậu. Chị Dậu xông vào đỡ, bị cai lệ đánh, chị túm cổ đẩy tên này ngã chổng quèo. Người nhà lí trưởng sấn sổ giơ gậy định đánh thì bị chị Dậu túm tóc lẳng cho một cái ngã nhào ra thềm.

Đề 33: Tóm tắt dòng cảm xúc của nhân vật "tôi" trong văn bản *Tôi đi học* của Thanh Tịnh.

Bài làm

Tôi đi học được bố cục theo dòng hồi tưởng của nhân vật "tôi" về những kỉ niệm buổi tựu trường. Tiết trời vào những ngày cuối thu, hình ảnh các em nhỏ đến trường gợi cho nhân vật "tôi" nhớ lại ngày đầu tiên đi học. "Tôi" nhớ lại con đường cùng mẹ đến trường, cảnh vật trên đường vốn rất quen nhưng lần này tự nhiên thấy lạ, "tôi" cảm thấy có sự thay đổi lớn trong lòng mình. Đó là cảm giác trang trọng và đứng đắn trong chiếc áo vải dù đen dài, cùng mấy quyển vở mới trên tay. Bàn tay cẩn thận, nâng niu mấy quyển vở, lúng túng muốn thử sức nên xin mẹ được cầm cả bút, thước như các bạn khác. Khi nhìn thấy ngôi trường ngày khai giảng, "tôi" thấy ngạc nhiên vì sân trường hôm nay dày đặc cả người, ai cũng ăn mặc sạch sẽ, gương mặt tươi vui và sáng sủa. Ngôi trường vừa xinh xắn vừa oai nghiêm khác thường, "tôi" cảm thấy mình bé nhỏ, do đó lo sợ vẩn vơ. Đặc biệt, lúc ngồi vào chỗ của mình trong giờ học đầu tiên, nghe thày giáo gọi tên, bắt đầu học bài học thứ nhất,... nhân vật chính của thiên truyện vừa thấy hồi hộp, ngỡ ngàng lại vừa tự tin, sung sướng.

Đề 34: Viết một đoạn văn từ 8 đến 10 câu tóm tắt truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao.

Bài làm

Lão Hạc có một hoàn cảnh gia đình bất hạnh: vợ lão mất sớm, còn một người con trai thì anh ta vì phẫn chí mà bỏ đi cao su. Lão Hạc còn lại một mình với một mảnh vườn và một con chó vàng. Con chó ấy là của anh con trai để lại, lão cưng chiều nó như con, luôn miệng gọi "cậu Vàng". Nhưng cuộc sống khốn khó, lão bán chó để dành mảnh vườn cho con dù vô cùng đau khổ, dằn vặt. Lão mang tiền dành dụm được gửi ông giáo và nhờ ông trông coi mảnh vườn. Không muốn phiền đến mọi người, lão từ chối hết thảy sự giúp đỡ của ông giáo. Một hôm, lão xin Binh Tư một ít bả chó nói là muốn bẫy một con chó lạc. Ông giáo rất thất vọng khi nghe chuyện ấy. Nhưng rồi lão Hạc bỗng nhiên chết – cái chết thật dữ dội, đau đớn. Ông giáo hiểu ra tất cả, vô cùng đau đớn nghĩ về cái chết của lão Hạc và chiêm nghiệm về cuộc đời.

Đề 35: Tóm tắt đoạn trích *Đánh nhau với cối xay gió* (trích *Đôn Ki-hô-tê* của Xéc-van-téc).

Bài làm

Hai thầy trò Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô đang trên đường đi tìm những chiến công thì chợt phát hiện thấy ba bốn chục chiếc cối xay gió giữa đồng. Đôn Ki-hô-tê liền chỉ cho người giám mã của mình thấy rằng đó là những

tên khổng lồ và bày tỏ ý định giao chiến. Xan–chô biết ông chủ của mình nhầm đã hết sức can ngăn nhưng không thành. Đôn Ki–hô–tê hăng hái cầm giáo, thúc con ngựa gầy gò lao vào. Bỗng lúc đó gió nổi lên, cối xay gió bắt đầu chuyển động và Đôn Ki–hô–tê ngã lăn kềnh. Giáo gãy, ngựa và người văng ra, Đôn Ki–hô–tê bị đau như trời giáng.

Nhưng dẫu bị thương rất nặng như thế, anh chàng hiệp sĩ mộng mơ vẫn quyết không kêu đau vì nghĩ rằng: "các hiệp sĩ giang hồ có bị thương thế nào cũng không được rên rỉ". Đã vậy, chàng còn kiên quyết không ăn uống, chỉ nghĩ đến tình nương đã đủ no rồi! Xan –chô thấy vậy bèn bỏ rượu thịt ra đánh chén no nê một mình. Bác giám mã cảm thấy cái nghề đi tìm kiếm chuyện phưu lưu này kể ra cũng chẳng vất vả gì. Đôn Ki–hô–tê suốt đêm không ngủ và chỉ tiếp tục miên man nghĩ đến tình nương. Hôm sau, hai thầy trò đi về phía cảng La–pi–xê, vì Đôn Ki–hô–tê nghĩ: "con đường này có lắm người qua lại chẳng thể nào không gặp nhiều chuyện phiêu lưu khác nhau".

Đề 36: Tóm tắt tiểu thuyết *Đôn Ki–hô–tê* của Xéc–văn–téc.

Bài làm

Tại đất nước Tây Ban Nha, xứ Mantra có một nhà quý tộc sa sút tên là Ki–ha–đa. Lão đã chừng năm mươi tuổi, gầy gò và cao lênh khênh. Suốt ngày lão say mê đọc tiểu thuyết kiếm hiệp nên nỗi đầu óc mụ mẫm lú lẫn. Ki–ha–đa mơ ước trở thành hiệp sĩ giang hồ để phò nguy cứu khổ, diệt trừ cái ác, lập lại công bằng cho thiên hạ.

Để thực hiện ước mơ của mình, Ki–ha–đa lục lọi tìm tòi bằng được bộ trang phục kị sĩ cũ kỹ, han rỉ của cụ tổ để lại rồi đem sửa chữa, lau chùi cẩn thận, chuẩn bị lên đường. Để cho đúng với tư cách một nhà quý tộc, Ki–ha–đa tự phong cho mình là hiệp sĩ Đôn Ki–hô–tê xứ Mantra; phong cho con ngựa gầy còm của mình là kị mã Rôxinantê. Học theo các hiệp sĩ trong truyện tranh, Ki–ha–đa cũng tự tìm cho mình một tình nương trong mộng tưởng, gã nhớ tới cô gái làng Tôbôxô và đặt cho nàng một cái tên thật kêu: Công nương Đuynxinêa làng Tôbôxô.

Một buổi sớm, Đôn Ki–hô–tê nai nịt chỉnh tề, ngồi ngất ngưởng trên lưng con ngựa Rôxinantê ra đi, bắt đầu cuộc đời hiệp sĩ giang hồ. Tới một quán trọ bên đường, gã tưởng tượng đó là một tòa lâu đài, chủ quán là lãnh chúa và trịnh trọng xin ông làm lễ tấn phong cho gã.

Sung sướng vì đã trở thành một hiệp sĩ, gã háo hức rong ruổi khắp nẻo đường để diệt trừ cái ác, làm sáng danh hiệp sĩ xứ Mantra. Gặp một mục đồng bị trói và bị đánh đòn, gã thúc ngựa tới. Được biết em bị chủ đánh vì để lạc mất một con cừu, gã dương oai ra lệnh cho người chủ cởi trói ngay cho em và hứa không bao giờ đánh đập em nữa. Nhưng Đôn Ki–hô–tê đi chưa được bao xa, người chủ lại tiếp tục hành hạ đứa trẻ dã man hơn. Một lần khác, gã phải ra tay với lòng căm giận khôn nguôi vì bọn lái buôn

không chịu thừa nhận nàng Đuynxinêa đuy Tôbôxô của gã là người đẹp nhất trần gian. Song Đôn Ki-hô-tê bị một trận đòn nhừ tử, may có bác nông dân nhận ra gã và đưa gã trở về làng.

Không bao lâu, Đôn Ki-hô-tê lại lên đường. Đi trước là hiệp sĩ Đôn Ki-hô-tê ngật ngưỡng trên lưng con Rôxinantê, theo sau là bác giám mã Xantrô Panxa - một nông dân cùng làng, với túi thức ăn và bình rượu lớn, cưỡi con lừa thấp tịt. Thấy những chiếc cối xay gió, tưởng đó là bọn khổng lồ độc ác, Đôn Ki-hô-tê hăm hở thúc ngựa xông tới, tay cầm khiên, tay lăm lăm ngọn giáo quyết tiêu diệt bọn khổng lồ. Cánh quạt cối xay gió quật cả người và ngựa ngã chổng kềnh ra đất.

Tiếp đó, thầy trò Đôn Ki-hô-tê gặp các tu sĩ và đoàn kỵ binh hộ tống xe ngựa chở một phu nhân, tưởng bọn này bắt cóc nàng công chúa xinh đẹp, Đôn Ki-hô-tê ra lệnh họ phải tha công chúa rồi thúc ngựa tấn công các tu sĩ. Mấy ngày sau, nhìn đàn cừu, Đôn Ki-hô-tê nghĩ đó là một đội quân, gã la hét, thúc ngựa xông thẳng vào đàn cừu. Ngay sau đó, gã bị những người chăn cừu đánh cho một trận nên thân.

Không nản lòng, thầy trò Đôn Ki-hô-tê tiếp tục cuộc hành trình. Bỗng nhiên họ gặp đám tang một nhà quý phái. Đôn Ki-hô-tê cho rằng một hiệp sĩ nào đó bị tử thương và chàng - một hiệp sĩ xứ Mantra phải có trách nhiệm trả thù cho bạn. Gã hùng hổ xông vào tấn công đám tang.

Vào một đêm nọ, tại quán trọ, Đôn Ki-hô-tê thấy mình bước vào cuộc đấu rất vinh quang của đời hiệp sĩ. Gã đâm chém bao tên khổng lồ, máu chảy chan hòa. Chủ quán vô cùng giận dữ vì ông khách trọ mê ngủ này đã chọc thủng những túi rượu nho làm rượu chảy lênh láng khắp nhà...

Một hôm, cha xứ và người thợ cạo láng giềng phải lập mưu để đưa Đôn Ki-hô-tê về nhà. Nhưng rồi gã lại cùng giám mã của mình tiếp tục lên đường. Lần này, Xantrô được cai trị một hòn đảo. Song đó chỉ là trò mà vợ chồng quận công bày ra để tiêu khiển. Đôn Ki-hô-tê còn gây nên bao chuyện buồn cười, ngớ ngẩn khác. Cuối cùng gia đình và bạn bè tìm cách buộc Đôn Ki-hô-tê phải rời bỏ con đường hiệp sĩ giang hồ. Gã vô cùng buồn khổ và ngày càng trở nên ốm yếu. Trên giường bệnh, gã mới nhận ra những việc làm rồ dại của mình. Đôn Ki-hô-tê viết chúc thư chia tài sản rồi qua đời.

Đề 37: Tóm tắt vở kịch *Trưởng giả học làm sang* của Mô-li-e.

Bài làm

Kịch xảy ra tại Pari. Lão Juôcđanh nhờ bố mẹ có cửa hiệu buôn bán lớn cạnh cửa ô Xanh Inôxang mà trở nên giàu có. Khao khát muốn trở thành nhà quý tộc, lão kiếm hai tên hầu nhưng chẳng biết sai bảo chúng làm gì. Là người "hiểu biết tồi", "nói năng quàng xiên về tất cả mọi chuyện", lão

mời thầy dạy nhạc, thầy dạy múa về dạy cho lão. Để ra dáng nhà quý phái, lão phải mặc bộ áo dài để nghe nhạc. Hàng tuần Juôcđanh đều tổ chức một buổi hòa nhạc tại nhà vì lão được biết những người sang trọng đều làm như vậy. Lão còn nhờ thầy dạy nhạc dạy cách thức chào mời để chuẩn bị đón bà hầu tước Đôrimen. Mải chuyện dông dài, chưa học được gì thì thầy dạy kiếm đến. Sau đó, thầy triết học cũng tới. Juôcđanh tha thiết mong thầy dạy cho môn chính tả vì lão muốn viết bức thư cho một bà quý phái. Bác phó may mang tới cho Juôcđanh bộ lễ phục may hoa ngược, khiến lão tức giận. Nhưng khi nghe bác ta nói những người quý tộc đều mặc như vậy, lão tỏ vẻ rất hài lòng. Lão muốn ra phố nhưng diện bộ quần áo mới cùng với đám quân hầu của mình. Bà Juôcđanh ngạc nhiên trước những trò hề của chồng, tìm mọi cách can ngăn nhưng đều vô ích.

Biết Juôcđanh hợm hình muốn được giới thiệu với giới thượng lưu, gã quý tộc bá tước Đôrăng lợi dụng lão, thả sức vay tiền để tiêu xài vung phí. Cũng vì muốn kết thân với nữ hầu tước Đôrimen (hiện là tình nhân của Đôrăng), Juôcđanh đã nhờ gã bá tước "bợm già" môi giới. Lão đã bỏ ra rất nhiều tiền mua quà tặng và tổ chức những cuộc vui tại nhà mong làm đẹp lòng Đôrimen. Song gã bá tước gian ngoan, quỷ quyệt đã khiến nữ hầu tước hiểu rằng chính gã bỏ tiền chiêu đãi và mua những quà tặng đắt tiền cho bà.

Mộng trở thành quý tộc làm cho Juôcđanh trở nên mê muội. Lão ngăn cản không cho Luyxin, con gái yêu quý của mình lấy Clêông chỉ vì chàng không phải là quý tộc. Lão dự định phải kiếm bằng được một chàng rể thuộc giới thượng lưu. Biết cuồng vọng của Juôcđanh, Côviên, đầy tớ của Clêông sắp đặt trò phong tước Mamamusi (Mamamouchi) cao quý của Thổ Nhĩ Kỳ cho lão để lão bằng lòng gả Luyxin cho Clêông đóng giả hoàng tử Thổ Nhĩ Kỳ.

Trưởng giả học làm sang là một trong những vở hài kịch thành công nhất của Môlie. Ông đã tạo nên bức tranh xã hội Pháp thế kỷ XVII vô cùng sinh động và chân thật: những gã trọc phú học đòi quý tộc một cách ngu ngốc, ngô nghê, kệch cỡm, những tên quý tộc kiểu cách rởm đời, giả dối, xảo trá, tham lam. Môlie đặt niềm tin ở thế hệ trẻ (Luyxin, Clêông), những người có hiểu biết, giàu lòng nhân ái. Ông đề cao giá trị đích thực của cá nhân. Nhà viết kịch đã sử dụng tiếng cười như một vũ khí sắc bén, tấn công lối sống cầu kỳ rởm của tầng lớp quý tộc Pháp đương thời và những trưởng giả lố bịch đang quý tộc hóa.

Phần II
VĂN THUYẾT MINH

Đề 38: Giới thiệu về nhà văn Nguyên Hồng và văn bản *Trong lòng mẹ*.

Bài làm

Trong văn đàn Việt Nam, nhà văn Nguyên Hồng được đồng nghiệp và bạn đọc ưu ái gọi bằng một "danh hiệu": Nhà văn của phụ nữ và trẻ em.

Nhà văn Nguyên Hồng sinh năm 1918 mất năm 1982. Tên khai sinh của ông là Nguyễn Nguyên Hồng, quê ở thành phố Nam Định. Nguyên Hồng sống chủ yếu ở thành phố cảng Hải Phòng. Nguyên Hồng từng có một tuổi thơ bất hạnh. Hồi kí *Những ngày thơ ấu* được coi là những dòng hồi ức sinh động, chân thực đầy cay đắng về tuổi thơ không êm đềm của nhà văn.

Ông viết nhiều thể loại truyện ngắn, tiểu thuyết, kí, thơ. Các tác phẩm chính của Nguyên Hồng: *Bỉ vỏ* (tiểu thuyết, 1938); *Những ngày thơ ấu* (hồi kí, 1938); *Trời xanh* (tập thơ, 1960); *Cửa biển* (bộ tiểu thuyết 4 tập: 1961, 1967, 1973, 1976); *Núi rừng Yên Thế* (bộ tiểu thuyết lịch sử nhiều tập chưa viết xong); *Bước đường viết văn* (hồi kí, 1970).

Trong những tác phẩm của Nguyên Hồng, hình ảnh người phụ nữ và trẻ em trong xã hội cũ được nhà văn dành nhiều niềm yêu thương, đồng cảm. Với những đóng góp của Nguyên Hồng dành cho nền văn học dân tộc, ông được nhà nước truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 1996.

Văn bản *Trong lòng mẹ* được trích từ tập hồi kí *Những ngày thơ ấu. Hồi kí* là một thể thuộc loại kí, nhằm ghi những sự việc thuộc quá khứ, qua sự nhớ lại. Hồi kí đòi hỏi phải hết sức tôn trọng tính chân thực của câu chuyện; sự việc, số liệu, thời gian phải chính xác. Bởi thế, tác phẩm được coi là thiên truyện kể về tuổi thơ cay đắng của chính tác giả. Đó là cả một quãng đời cơ cực mồ côi cha, không được sống với mẹ mà phải sống với người cô độc ác được tái hiện lại sinh động. Chính tình mẫu tử thiêng liêng, tình yêu tha thiết đối với mẹ đã giúp chú bé vượt qua giọng lưỡi xúc xiểm độc ác của người cô cùng với những dư luận không mấy tốt đẹp về người mẹ tội nghiệp. Đặc biệt, đoạn truyện tả cảnh đoàn tụ giữa hai mẹ con là một đoạn văn thấm đẫm tình cảm và thể hiện sâu sắc tinh thần nhân đạo. Nó góp phần lí giải tại sao Nguyên Hồng được trân trọng gọi là "nhà văn của phụ nữ và trẻ em".

Đề 39: Em hãy giới thiệu về hoàn cảnh ra đời của tiểu thuyết *Đôn Ki-hô-tê* (Xéc-van-téc). Từ đó cho biết ý nghĩa của tác phẩm.

Bài làm

Đôn Ki-hô-tê là tác phẩm nổi tiếng của Xéc–van–téc và của nền văn học Tây Ban Nha. Ông viết tiểu thuyết *Đôn Ki-hô-tê* khi thời đại của lối sống hiệp sĩ đã qua rồi. Trong thời đại công nghiệp, không ai còn sống theo kiểu đó nữa. Tuy nhiên, trong xã hội lúc bấy giờ, không ít người nuối tiếc quá khứ một thời, cố bám víu lấy nó bằng cách xây dựng cho mình những ảo vọng, những lí tưởng phù du, xa rời thực tế. Họ say mê đọc những cuốn tiểu thuyết hiệp sĩ được bày bán nhan nhản trên hè phố khiến cho đầu óc ngày càng mê muội. Xéc–van–téc nhận thấy rõ căn bệnh xã hội này và tiểu thuyết *Đôn Ki-hô-tê* ra đời là một thông điệp của nhà văn trước hiện tượng đó.

Xéc–van–téc viết *Đôn Ki-hô-tê* không phải để ca ngợi tinh thần hiệp sĩ mà là để phê phán một tư tưởng đã quá lỗi thời. Ông sáng tác một tác phẩm theo đúng kiểu tiểu thuyết hiệp sĩ nhưng đọc lên ai cũng hiểu ông muốn nói gì. Ông xây dựng một nhân vật hiệp sĩ già nua (dấu hiệu của sự hết thời), đầu óc chứa đầy những ý tưởng tốt đẹp nhưng phi thực tế, do đó không sao thực hiện nổi bởi lực bất tòng tâm và hoàn cảnh xã hội cũng không còn như trước nữa. Những thất bại liên tiếp trong trạng thái u mê của nhân vật này chính là lời cảnh tỉnh đối với những người chỉ thích sống trong hoài niệm cùng những lí tưởng viển vông.

Đề 40: Giới thiệu về tiểu thuyết *Tắt đèn* và đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* của nhà văn Ngô Tất Tố.

Bài làm

"Tắt đèn" là cuốn tiểu thuyết tiêu biểu của Ngô Tất Tố, cây bút truyện kí tiêu biểu của văn học Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám.

Tác phẩm có 26 chương mà chương XVIII là chương xảy ra xung đột cơ bản nhất của người nông dân với bọn cường hào ác bá trong làng. Qua "Tức nước vỡ bờ" (một đoạn trích của chương XVIII), Ngô Tất Tố đã vẽ lên bức tranh xã hội đương thời, một xã hội thối nát tàn bạo và bẩn thỉu ghê tởm. Cái xã hội thực dân phong kiến đã đày đoạ người nông dân đến đường cùng mà biểu hiện trong "Tức nước vỡ bờ" chính là tên cai lệ hống hách, tàn ác; bọn người nhà lý trưởng hèn yếu mà cũng dã man không kém. Chúng như những con chuột ma ranh cố mà đục, mà khoét. Từ những của cải vật chất nhỏ nhoi của người nông dân đến những người sức lực điền mạnh mẽ nay chỉ còn là những hơi tàn sức kiệt chúng vẫn không buông tha, vẫn "dai như đỉa" mà hành hạ.

Cũng qua vài trang ngắn ngủi mà đậm nét chân thực, sinh động của "Tức nước vỡ bờ", Ngô Tất Tố đã lên án gay gắt, căm ghét tột cùng cái xã

hội thực dân phong kiến tàn ác, dã man kia để cho một kết thúc chị Dậu quật ngã tên cai lệ và người nhà lý trưởng; đồng thời tác giả cũng bày tỏ một sự cảm thông sâu sắc chân thành với số phận cùng quẫn, bi thương của người nông dân mà cụ thể là chị Dậu. Ôi! Cái gia đình đầm ấm yên vui của chị đã bị chính sách sưu thuế ác nghiệt kia làm cho tan nát. Số phận và tiền đồ của chị thật tối tăm như bầu trời đêm 30 không trăng sao vậy.

Không chỉ lên án gay gắt xã hội thực dân phong kiến, cảm thông sâu sắc với người nông dân, Ngô Tất Tố còn đề cao những nhân phẩm cao quý của họ với những nét đẹp truyền thống tiềm tàng: phẩm chất thương yêu chồng con tha thiết của chị Dậu, sẵn sàng hy sinh để bảo vệ người chồng ốm yếu; phẩm chất thanh cao "gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn" không ham danh lợi tiền tài của chị và đặc biệt là sức sống tiềm tàng đã ấp ủ bấy lâu trong lòng người phụ nữ nông dân đã bùng cháy đúng lúc để cứu chồng thoát khỏi nanh vuốt của lũ hùm sói cai lệ và người nhà lý trưởng. Và cuối cùng qua "Tức nước vỡ bờ" Ngô Tất Tố đã quan tâm đến vấn đề hết sức bức thiết trong cuộc sống đương thời, đó là nhu cầu được sống những ngày bình yên, được hưởng hạnh phúc trong mái ấm gia đình bình dị của người nông dân. Đặc sắc nghệ thuật trong "Tức nước vỡ bờ" của Ngô Tất Tố thực sự làm chúng ta khâm phục. Nhà văn đã xây dựng một nhân vật chị Dậu điển hình, là tượng trưng cho tất cả những người phụ nữ nông dân với những phẩm chất cao đẹp, đáng quý nhất của loài người chúng ta. Và đặc biệt nhà văn đã sử dụng những lời lẽ hết sức dân dã, đời thường mà sinh động, chân thực, làm chúng ta như đang sống giữa cuộc sống bất công đương thời để chứng kến những điều ngang trái. Và chính sự kết hợp tài tình giữa 3 phương thức: tự sự, miêu tả và biểu cảm để làm nổi bật tình huống mâu thuẫn cơ bản của tác phẩm giữa hai giai cấp đối kháng đã thực sự thể hiện tài năng tiểu thuyết xuất chúng của Ngô Tất Tố.

"Tức nước vỡ bờ" nói riêng và "Tắt đèn" nói chung sẽ mãi là một tác phẩm đặc sắc trong nền văn học hiện đại nước ta. Nó đã có những thành công vang dội và ảnh hưởng rõ rệt đến xã hội đương thời. Song vẫn còn có những hạn chế nho nhỏ. Nhưng "Tức nước vỡ bờ", "Tắt đèn" sẽ luôn là một tuyệt tác để chúng ta khâm phục và nhớ đến Ngô Tất Tố – nhà văn hiện thực xuất sắc.

Đề 41: Viết một đoạn văn giới thiệu nhà văn Ngô Tất Tố, trong đó có sử dụng hai *câu phủ định* (gạch dưới chân câu văn đó).

Bài làm

Nhà văn Ngô Tất Tố sinh năm 1893 mất năm 1954 quê ở làng Lộc Hà (nay thuộc huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội). Ông không đến ngay với nghề viết như nhiều nhà văn khác. Trước năm 1945, Ngô Tất Tố từng làm nhiều nghề như dạy học, bốc thuốc rồi sau đó mới làm báo, viết văn. Trong

Cách mạng tháng Tám, ông tham gia Uỷ ban Giải phóng xã (Lộc Hà). Năm 1946 ông gia nhập Hội Văn hoá Cứu quốc và lên chiến khu Việt Bắc tham gia kháng chiến chống Pháp; từng là Chi hội trưởng Chi hội Văn nghệ Việt Bắc, hoạt động ở Sở Thông tin khu XII, tham gia viết các báo: *Cứu quốc khu VII, Thông tin khu VII*, Tạp chí *Văn nghệ*, báo *Cứu quốc* Trung ương... và viết văn. Ông đã là Uỷ viên Ban chấp hành Hội văn nghệ Việt Nam (trong Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ I – 1948). Tác phẩm của Ngô Tất Tố sau này được tập hợp trong tuyển tập: *Ngô Tất Tố và tác phẩm*, gồm 2 tập, do Nhà Xuất bản *Văn học* ấn hành, 1971 – 1976. Nhà văn đã được nhận hai giải thưởng trong giải thưởng văn nghệ 1949 –1952 của Hội Văn nghệ Việt Nam: Giải ba dịch (*Trời hửng, Trước lửa chiến đấu*) và giải khuyến khích (vở chèo *Nữ chiến sĩ Bùi Thị Phác*); Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (năm 1996).

Đề 42: Giới thiệu về nhà văn Ngô Tất Tố, tác giả của tiểu thuyết *Tắt đèn*.

Bài làm

Nhắc đến truyện ký Việt Nam trước cách mạng tháng Tám có lẽ không ai là không nhớ đến Ngô Tất Tố, một cây bút lỗi lạc của văn học hiện thực đương thời: "Tắt đèn" là tác phẩm tiêu biểu của ông viết về người nông dân và hiện thực xã hội Việt Nam trong những ngày sưu thuế ở nông thôn mà chương XVIII của tác phẩm với đoạn trích "Tức nước vỡ bờ" đã để lại cho người đọc nhiều ấn tượng.

Ngô Tất Tố sinh năm 1893, mất 1954, quê ở làng Lộc Hà, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh (nay thuộc Đông Anh, ngoại thành Hà Nội). Ông xuất thân la một nhà nho gốc nông dân, là một học giả với nhiều công trình triết học và văn học cổ có giá trị; một nhà báo nổi tiếng với nhiều bài mang khuynh hướng dân chủ tiến bộ và giàu tính chiến đấu; một nhà văn hiện thực xuất sắc chuyên viết về nông thôn trước cách mạng. Sau cách mạng nhà văn tận tuy trong công tác tuyên truyền văn nghệ phục vụ kháng chiến chống Pháp. Ông đã hy sinh trên đường công tác ở sau lưng địch. Ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị thuộc nhiều thể loại tiêu biểu như: Các tiểu thuyết: *Tắt đèn* (1939), *Lều chõng* (1940)... ; các phóng sự: *Tập ăn cái đình* (1939); *Việc làng* (1940)...

Với những đóng góp lớn lao của bản thân cho nền văn học nghệ thuật nước nhà, Ngô Tất Tố đã được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn hoá nghệ thuật đợt 1 năm 1996.

Đề 43: Giới thiệu về Trần Quốc Tuấn và hoàn cảnh ra đời của văn bản *Hịch tướng sĩ*.

Bài làm

Trần Quốc Tuấn (1231 – 1300), tức Hưng Đạo Vương là một danh tướng kiệt xuất của dân tộc. Năm 1285 và năm 1287, quân Mông – Nguyên xâm lược nước ta, lần nào ông cũng được Trần Nhân Tông cử làm Tiết chế thống lĩnh các đạo quân ra trận, và cả hai lần đều thắng lợi vẻ vang. Đời Trần Anh Tông, ông về trí sĩ ở Vạn Kiếp (nay là xã Hưng Đạo, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương) rồi mất ở đấy. Nhân dân tôn thờ ông là Đức thánh Trần và lập đền thờ ở nhiều nơi trên đất nước.

Nửa cuối thế kỉ XIII, chỉ trong ba mươi năm (1257 – 1287), giặc Mông – Nguyên đã ba lần kéo quân sang xâm lược nước ta. Lúc bấy giờ thế giặc rất mạnh, muốn đánh bại chúng phải có sự đồng tình, ủng hộ của toàn quân, toàn dân. Trần Quốc Tuấn đã viết bài hịch này để kêu gọi tướng sĩ hết lòng đánh giặc.

Để kêu gọi lòng dân, người viết có thể dùng nhiều cách khác nhau. Có khi chỉ cần nêu lên thực trạng, khơi gợi truyền thống yêu nước, căm thù giặc... Trong bài *hịch* này, Trần Quốc Tuấn đã sử dụng một giọng điệu, cách viết rất phong phú. Khi thì ông lấy tấm gương của người đời xưa, khi thì dùng cách "khích tướng", có khi lại an ủi, vỗ về đối với đối tượng... Đó chính là cái hay, cái độc đáo của tác phẩm này.

Đề 44: Thuyết minh về một nhà văn địa phương.

Bài làm

Đông Anh, một vùng đất ngoại thành Hà Nội quê em là mảnh đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa. Nơi đây đã sản sinh cho đất nước nhiều văn sĩ có tài. Nhà văn Ngô Tất Tố cũng là một người con ưu tú của vùng quê địa linh nhân kiệt này.

Ngô Tất Tố sinh năm 1894 ở xã Mai Lâm, xưa kia là làng Lộc Hà, tổng Hội Phụ, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh. Từ nhỏ, ông đã theo học chữ Nho. Năm Nhâm Tý 1912, ông bắt đầu dự thi. Đến năm ất Mão 1915 ông đỗ đầu kì sát hạch, nên được gọi là đầu xứ Tố. Năm 1926, Ngô Tất Tố ra Hà Nội làm báo rồi cùng với Tản Đà vào Sài Gòn. Sau gần ba năm ở Sài Gòn không thành công, Ngô Tất Tố trở ra Hà Nội vẫn với hai bàn tay trắng.

Từ đó đến trước Cách mạng tháng Tám, ông từng làm nhiều nghề: dạy học, bốc thuốc, làm báo, viết văn,... Ông viết bài cho các báo: *Phổ thông, Tương lai, Công dân, Đông Pháp, Thời vụ, Hà Nội tân văn*... với nhiều bút danh khác nhau như: Thục Điểu, Lộc Hà, Lộc Đình, Thôn Dân, Phó Chi, Tuệ Nhơn, Thuyết Hải, Xuân Trào, Hy Cừ...

Trong cách mạng tháng Tám, ông tham gia Uỷ ban giải phóng xã Lộc Hà. Năm 1946 gia nhập Hội văn hoá Cứu quốc và lên chiến khu Việt Bắc tham gia kháng chiến chống Pháp, ông từng là Chi hội trưởng Chi hội Văn

nghệ Việt Nam, hoạt động ở sở thông tin khu XII, tham gia viết báo Cứu quốc khu VII, Thông tin khu VII, tạp chí Văn nghệ,... và viết văn. Ông đã là Uỷ viên Ban chấp hành Hội văn nghệ Việt Nam (Trong Đại hội Văn nghệ lần thứ nhất – 1948).

Ngô Tất Tố có viết nhiều công trình nghiên cứu như: *Phê bình Nho giáo của Trần Trọng Kim* (1938), *Mặc Tử* (1942), *Kinh dịch* (1944)... trong đó ông phê phán những tư tưởng tiêu cực của Nho học. Những tác phẩm đã xuất bản của ông đa dạng ở nhiều thể loại: *Ngô Việt xuân thu* (dịch, 1929); *Hoàng Hoa Cương* (dịch, 1929); *Vua Hàm Nghi với việc kinh thành thất thủ* (truyện kí lịch sử, 1935); *Đề Thám* (truyện kí lịch sử, viết chung, 1935); *Tắt đèn* (tiểu thuyết, báo Việt Nữ, 1939; Mai Lĩnh xuất bản, 1940); *Lều chõng* (phóng sự tiểu thuyết, 1940; đăng báo Thời vụ, 1941; Mai Lĩnh xuất bản, 1952); *Thơ và tình* (dịch thơ Trung Quốc, 1940); *Đường Thi* (sưu tầm, chọn và dịch, 1940); *Việc làng* (phóng sự, báo Hà Nội tân văn, 1940; Mai Lĩnh xuất bản, 1941); *Thi văn bình chú* (tuyển chọn, giới thiệu, 1941); *Văn học đời Lí* (tập I) và *Văn học đời Trần* (tập II, trong bộ Việt Nam văn học – nghiên cứu, giới thiệu, 1942); *Lão Tử* (soạn chung, 1942); *Mặc Tử* (biên soạn, 1942); *Hoàng Lê nhất thống chí* (dịch, tiểu thuyết lịch sử, 1942; báo Đông Pháp, 1956); *Kinh dịch* (chú giải, 1953); *Suối thép* (dịch, tiểu thuyết, 1946); *Trước lửa chiến đấu* (dịch, truyện vừa, 1946); *Trời hửng* (dịch, truyện ngắn, 1946); *Duyên máu* (dịch, truyện ngắn, 1946); *Doãn Thanh Xuân* (dịch, truyện ngắn, 1946, 1954); *Nữ chiến sĩ Bùi Thị Phác* (chèo, 1951).

Hai sáng tác nổi tiếng của Ngô Tất Tố là "Lều chõng" và "Tắt đèn".

Trong cuốn tiểu thuyết *Lều chõng*, ông mô tả cảnh thi cử dưới chế độ xã hội phong kiến xưa, nêu lên sự sụp đổ tinh thần của những nho sĩ suốt đời lấy khoa cử làm con đường tiến thân nhưng lại bị hoàn toàn thất vọng.

Tắt đèn là tác phẩm thành công nhất của Ngô Tất Tố, trong đó ông nêu lên cảnh cơ khổ cùng cực của tầng lớp nông dân Việt Nam dưới sự bóc lột cay nghiệt của giới địa chủ. Tác phẩm phản ánh không khí ngột ngạt, căng thẳng của một làng quê trong những ngày sưu thuế. Gia đình chị Dậu thuộc loại "cùng đinh" nhất nhì trong làng, không có tiền đóng sưu cho chồng và người em chồng đã mất (!). Chị cay đắng bán con, bán chó lấy tiền đóng sưu nhưng vẫn không đủ. Anh Dậu bị bắt giam lại, đường cùng, chị chống trả sự bắt bớ của chính quyền một cách quyết liệt. Vì vậy, chị bị bắt giải lên huyện. Tên tri phủ Tư Ân dùng tiền để lợi dụng chị nhưng chị kiên quyết chống lại. Để có tiền nộp sưu cho chồng, chị phải đi ở vú, bị tên quan phủ già định giở trò bỉ ổi, chị đã vùng chạy ra sân, giữa lúc trời tối đen như mực.

Ghi nhận những đóng góp của Ngô Tất Tố, Hội văn nghệ Việt Nam và Nhà nước đã dành tặng nhà văn những giải thưởng cao quý. Đó hai giải thưởng trong giải thưởng văn nghệ 1949 – 1952 của Hội văn nghệ Việt Nam: giải ba dịch (*Trời hửng, Trước lửa chiến đấu*) và giả khuyến khích (vở chèo *Nữ chiến sĩ Bùi Thị Phác*). Sau khi qua đời, ông đã được Hội đồng

Nhà nước quyết định truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật đợt 1 năm 1996.

Đề 44: Em hãy viết đoạn văn nêu ngắn gọn những nét chính trong tiểu sử của Nguyễn Trãi.

Bài làm

Nguyễn Trãi (1380–1442), hiệu là Ức Trai, con của Nguyễn Phi Khanh, quê gốc ở xã Chi Ngại, huyện Chí Linh, Hải Dương, sau dời đến làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây cũ. Năm 1407, giặc Minh xâm lược nước ta, cha con Hồ Quý Li bị bắt, Nguyễn Phi Khanh cũng bị bắt. Nguyễn Trãi định đi theo cha để tỏ lòng trung nước, hiếu phụ nhưng Nguyễn Phi Khanh khuyên con trở về tìm cách rửa nhục cho nước, trả thù cho cha. Sau đó, Nguyễn Trãi tìm đường giúp Lê Lợi khởi nghĩa. Trong quá trình kháng chiến chống quân Minh, Nguyễn Trãi trở thành người quân mưu cho Lê Lợi, thay mặt Lê Lợi giao dịch, trở thành vị quân sư xuất sắc. Năm 1427, cuộc chiến đấu chống quân Minh thắng lợi, Nguyễn Trãi thay mặt Lê Lợi viết "Bình ngô đại cáo". Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, Nguyễn Trãi giữ trọng trách quan trọng của đất nước. Những năm sau đó, ông giúp Lê Lợi trị vì đất nước. Nhưng dần dần, triều đình bắt đầu phân chia bè phái, dèm pha, nghi kị lẫn nhau, đặc biệt là một số công thần đã bị hãm hại. Năm 1442, Nguyễn Trãi mắc phải án oan Lệ Chi viên bị khép vào tội mưu sát vua. Cuộc đời Nguyễn Trãi gắn liền với những biến động của lịch sử dân tộc. Ông là bậc đại anh hùng dân tộc, là nhân vật toàn tài số một của lịch sử Việt Nam trong thời đại phong kiến. Nguyễn Trãi vừa là nhà chính trị, quân sự, vừa là nhà ngoại giao, vừa là một nghệ sĩ lớn, một nhà văn hóa kiệt xuất của dân tộc. Năm 1962, nước ta đã tổ chức 520 năm ngày mất của Nguyễn Trãi. Năm 1980, Việt Nam cùng hiệp hội UNESCO kỉ niệm 600 năm ngày sinh của ông. Nguyễn Trãi là người Việt Nam đầu tiên được ghi vào danh sách những danh nhân thế giới.

Đề 46: Giới thiệu tác gia Nguyễn Trãi.

Bài làm

Nguyễn Trãi sinh năm 1380, mất năm 1442, tên tự là Ức Trai, sống ở thời kì lịch sử sôi động của dân tộc, từ cuối đời Trần, trải qua đời Hồ và tới đầu đời Lê. Cha ông là Nguyễn Ứng Long, hiệu là Nguyễn Phi Khanh, quê gốc ở xã Chi Ngại, huyện Chí Linh, Hải Dương, sau dời đến làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Tây cũ. Nguyễn Ứng Long nổi tiếng hay chữ, học giỏi, được Trần Nguyên Đán gả con cho. Năm 1374, Nguyễn Ứng Long đậu bảng nhãn nhưng không được ra làm quan, về quê dạy học. Năm 1385, ông ngoại Nguyễn Trãi là Trần Nguyên Đán về trú ẩn ở Côn Sơn, đem theo cả

Nguyễn Trãi, bởi vậy, tuổi nhỏ cuộc đời Nguyễn Trãi gắn với Côn Sơn. Năm 1390, ông ngoại Trần Nguyên Đán mất, Nguyễn Trãi về sống với cha. 1400, Hồ Quý Li cướp ngôi nhà Trần, lập nhà Hồ, mở khoa thi, Nguyễn Trãi đậu Thái học sinh. 1401, Nguyễn Ứng Long đổi tên thành Nguyễn Phi Khanh, cả hai cha con đều được mời ra làm quan. Năm 1407, giặc Minh xâm lược, cha con Hồ Quý Li bị bắt, Nguyễn Phi Khanh cũng bị bắt. Nguyễn Trãi định đi theo cha để tỏ lòng trung nước, hiếu phụ nhưng Nguyễn Phi Khanh khuyên con trở về tìm cách rửa nhục cho nước, trả thù cho cha. Trên đường về, Nguyễn Trãi bị giặc Minh bắt, giam lỏng ở thành Đông Quan, bị mua chuộc ra làm quan cho giặc, nhưng ông không nghe. Năm 1417, Nguyễn Trãi trốn khỏi Đông Quan, tìm đường giúp Lê Lợi, dâng Bình ngô sách cho Lê Lợi. Trong quá trình kháng chiến chống quân Minh, Nguyễn Trãi trở thành người trù hoạch quân mưu cho Lê Lợi, thay mặt Lê Lợi giao dịch, trở thành vị quân sư xuất sắc. Năm 1427, cuộc chiến đấu chống quân Minh thắng lợi, Nguyễn Trãi thay mặt Lê Lợi viết "Bình ngô đại cáo". Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, Nguyễn Trãi giữ trọng trách quan trọng của đất nước. Những năm sau đó, ông giúp Lê Lợi trị vì đất nước. Năm 1429, Nguyễn Trãi viết chiếu cầu hiền tài. Năm 1430, viết chiếu chống quan đại thần tham lam, lười biếng. Sau đó, triều đình bắt đầu phân chia bè phái, dèm pha, nghi kị lẫn nhau, đặc biệt là một số công thần đã bị hãm hại. Nguyễn Trãi bất đắc chí, lui về ở ẩn ở Côn Sơn, nhưng tấm lòng vẫn canh cánh việc nước. Năm 1440, vua Lê Thái Tông thấu hiểu tài đức của Nguyễn Trãi, mời ông ra là quan. Lúc này, tuy tuổi đã già nhưng Nguyễn Trãi vẫn nguyện cống hiến hết sức lực của mình. Năm 1442, Nguyễn Trãi về kinh đô làm chủ khảo kì thi hội. Người vợ thiếp của ông là Nguyễn Thị Lộ được làm quan Lễ nghi nữ học sĩ, trông coi việc dạy bảo, học hành của các cung nữ. Cũng trong năm đó, Lê Thái Tông đi Đông Triều, ghé thăm Côn Sơn của Nguyễn Trãi. Khi trở về vua chết đột ngột ở vườn vải (Lệ Chi viên). Sau đó triều đình khép ông vào tội mưu sát vua, bị tru di tam tộc.

Cuộc đời Nguyễn Trãi gắn liền với những biến động của lịch sử dân tộc. Ông là bậc đại anh hùng dân tộc, là nhân vật toàn tài số một của lịch sử Việt Nam trong thời đại phong kiến. Nguyễn Trãi vừa là nhà chính trị, quân sự, vừa là nhà ngoại giao, vừa là một nghệ sĩ lớn, một nhà văn hóa kiệt xuất của dân tộc. Cuộc đời ông chịu nhiều oan khiên thảm khốc nhưng vẫn hết lòng vì dân tộc, vì con người. Năm 1962, nước ta đã tổ chức 520 năm ngày mất của Nguyễn Trãi. Năm 1980, Việt Nam cùng hiệp hội UNESCO kỉ niệm 600 năm ngày sinh của ông. Nguyễn Trãi là người Việt Nam đầu tiên được ghi vào danh sách những danh nhân thế giới.

Nguyễn Trãi để lại một sự nghiệp văn học với khối lượng đồ sộ, phong phú. Ông là người viết nhiều nhất trong các tác giả văn học cổ, ở nhiều thể loại khác nhau, cả chữ Hán và chữ Nôm. Bộ phận văn chương chữ Hán của ông chủ yếu là văn chính luận, được in trong *Quân trung từ mệnh tập*, bao

gồm trên dưới 70 bài, chủ yếu là thư gửi tướng tá nhà Minh. Bộ *Lam Sơn thực lục* là tập kí sự lịch sử ghi lại toàn bộ cuộc kháng chiến chống Minh, nổi tiếng nhất là *Bình Ngô đại cáo*. Bộ *Dư địa chí* bao gồm những vấn đề địa lí, lịch sử, dân tộc học, có giá trị rất lớn. *Ức Trai thi tập* bao gồm hơn 100 bài thơ chữ Hán đặc sắc, phong phú. Bộ phận văn chương chữ Nôm nổi tiếng nhất là *Quốc âm thi tập* gồm khoảng 254 bài thơ viết bằng chữ Nôm. Ngoài ra, sáng tác của Nguyễn Trãi cũng bị mất một số trong vụ án Lệ Chi viên. Năm 1467, Lê Thánh Tông mới hạ chỉ tập hợp, sưu tầm thơ Nguyễn Trãi sau khi đã rửa oan cho ông.

Tiếng thơ Nguyễn Trãi thể hiện tấm lòng yêu nước, thương dân sâu nặng. Chủ nghĩa yêu nước trong thơ ông không trừu tượng mà gắn chặt với nhiệm vụ lịch sử cụ thể. Yêu nước là nhân nghĩa, là căm thù giặc, là chiến đấu không khoan nhượng, là ý thức tự lực, tự cường, là khát vọng hòa bình sâu thẳm. Chủ nghĩa yêu nước tiếp thu tinh thần hào khí Đông A, phát triển rực rỡ ở tính chiến đấu mạnh mẽ. Chủ nghĩa yêu nước thơ văn Nguyễn Trãi có nội dung phong phú, trở thành tập đại thành của truyền thống yêu nước trong lịch sử và trong văn học, tạo ngọn cờ rực rỡ cho thơ văn yêu nước thế kỉ XV. Thơ ông còn là tiếng nói bi phẫn, đau đời, thể hiện khát vọng tự do tự tại và bộc lộ tình yêu thiên nhiên, con người nồng nàn, tha thiết. "Có người nói thơ của Nguyễn Trãi buồn vì cảnh đời của Nguyễn Trãi buồn. Thơ Nguyễn trãi có bài buồn, có câu buồn vì lẽ gì chúng ta đều biết nhưng cả tập thơ của ông là thơ của một người yêu đời, yêu người. Tâm hồn của Nguyễn Trãi sống một nhịp với non sông, đất nước tươi vui" (Phạm Văn Đồng). Nguyễn Trãi cho đến tận bây giờ và mãi mãi về sau vẫn luôn xứng đáng là bậc đại thi hào của dân tộc. Không phải ngẫu nhiên ông được Lê Thánh Tông viết "Ức Trai tâm thượng quang khuê tảo". Sự vĩ đại của Nguyễn Trãi không chỉ ở tài năng mà còn ở tâm hồn, tấm lòng. Đó là hình ảnh của bậc đại anh hùng với "tâm hồn lộng gió thời đại, hình ảnh con người đầu đội trời Việt Nam, chân đạp đất Việt Nam" (Phạm Văn Đồng).

Đề 47: Giới thiệu về tác giả Ai-ma-tốp và văn bản *Hai cây phong*

Bài làm

Ai-ma-tốp là nhà văn nước Cộng hoà Cư-rơ-gư-xtan, một nước cộng hoà ở vùng Trung Á, thuộc Liên Xô trước đây. Hoạt động văn học của Ai-ma-tốp bắt đầu từ năm 1952, khi ông là sinh viên Trường Đại học Nông nghiệp Cư-rơ-gư-xtan. Từ năm 1956 đến năm 1958 ông học Trường viết văn M. Goóc-ki ở Mát-xcơ-va. Sau khi tốt nghiệp (1959), Ai-ma-tốp làm phóng viên báo *Sự thật* thường trú tại Cư-rơ-gư-xtan. Tác phẩm đầu tiên khiến Ai-ma-tốp nổi tiếng là tập truyện *Núi đồi và thảo nguyên* (được tặng giải thưởng Lê-nin về văn học năm 1963). Các tác phẩm chủ yếu tiếp theo là: *Cánh đồng mẹ* (1963), *Vĩnh biệt Gun-xa-rư* (1967), *Con tàu trắng* (1970),... Đề tài chủ yếu trong

các truyện ngắn của Ai–ma–tốp là cuộc sống khắc nghiệt nhưng cũng đầy chất lãng mạn của người dân vùng đồi núi Cư–rơ–gư–xtan, tình yêu, tình bạn, tinh thần dũng cảm vượt qua những thử thách hi sinh thời chiến tranh, thái độ tích cực đấu tranh của tầng lớp thanh niên, trước hết là nữ thanh niên để thoát khỏi sự ràng buộc của những tập tục lạc hậu.

Nhiều tác phẩm của ông từ lâu đã rất quen thuộc với bạn đọc Việt Nam như *Cây phong non trùm khăn đỏ, Người thầy đầu tiên, Con tàu trắng*....

Phần trích *Hai cây phong* trong sách giáo khoa do người biên soạn đặt. Bối cảnh của truyện là một vùng quê hẻo lánh thuộc Cư–rơ–gư–xtan giữa những năm 20 của thế kỉ XX khi nơi đây tư tưởng phong kiến và gia trưởng còn nặng nề, do đó phụ nữ và trẻ mồ côi bị coi thường và rẻ rúng.

Hình ảnh hai cây phong được miêu tả với một tâm trạng đầy xúc động của người kể chuyện. Nó dẫn dắt người đọc trở lại với 40 năm trước để chứng kiến những tình cảm sâu nặng giữa thầy Đuy–sen và cô trò nhỏ An–tư–nai. Người kể chuyện xưng "tôi" (có lúc là "chúng tôi") cũng là người gắn bó với làng quê Ku–ku–rêu, nơi có hai cây phong thân thuộc, gắn với bao kỉ niệm tuổi thơ của mình.

Đề 48: Giới thiệu về nhà thơ Tế Hanh, tác giả của bài thơ *Quê Hương*.

Bài làm

Nhà thơ Tế Hanh (tên khai sinh là Trần Tế Hanh), sinh năm 1921 tại xã Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; hiện ở quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tham gia cách mạng từ tháng 8–1945, Tế Hanh đã trải qua các công tác văn hoá, giáo dục ở Huế, Đà Nẵng. Năm 1948, ông ở trong Ban phụ trách Liên đoàn kháng chiến Nam Trung Bộ; Uỷ viên Thường vụ cho Hội Văn nghệ Trung ương. Năm 1957 khi thành lập Hội Nhà văn Việt Nam, ông là Uỷ viên Thường vụ Hội khóa I, II, Uỷ viên Thường vụ Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam (1963), ông tham gia nhiều khóa Ban chấp hành Hội Nhà văn, giữ các chức vụ: Trưởng ban đối ngoại (1968), Chủ tịch Hội đồng dịch (1983), Chủ tịch Hội đồng thơ (1986).

Ông đã cho xuất bản các tập thơ: *Hoa niên* (1945); *Hoa mùa thi* (1948); *Nhân dân một lòng* (1953); *Bài thơ tháng bảy* (1961); *Hai nửa yêu thương* (1963); *Khúc ca mới* (1966); *Đi suốt bài ca* (1970); *Câu chuyện quê hương* (1973); *Theo nhịp tháng ngày* (1974); *Giữa những ngày xuân* (1977); *Con đường và dòng sông* (1980); *Bài ca sự sống* (1985); *Tế Hanh tuyển tập* (1987); *Thơ Tế Hanh* (1989); *Vườn xưa* (1992); *Giữa anh và em* (1992); *Em chờ anh* (1994); Ngoài ra ông còn xuất bản các tập tiểu luận, và nhiều tập thơ viết cho thiếu nhi. Ông cũng đã xuất bản nhiều tập thơ dịch của các nhà thơ lớn trên thế giới.

Ông đã được nhận nhiều giải thưởng văn học: Giải Tự lực văn đoàn năm 1939; Giải thưởng Phạm Văn Đồng do Hội Văn nghệ Liên khu V tặng. Ông được nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học, nghệ thuật (năm 1996).

Đề 49: Thuyết minh về một nhà văn đã được tìm hiểu trong chương trình *Ngữ văn 8*.

Bài làm

Nhà văn Nam Cao sinh năm 1915, tên khai sinh là Trần Hữu Tri, quê ở làng Đại Hoàng (nay thuộc xã Hoà Hậu, huyện Lí Nhân, tỉnh Hà Nam).

Khi con nhỏ, Nam Cao ở làng và thành phố Nam Định. Từ 1936, bắt đầu viết văn in trên các báo: *Tiểu thuyết thứ bảy, ích hữu...* Năm 1938, dạy học tư ở Hà Nội và biết báo. Năm 1941, ông dạy học tư ở Thái Bình. Năm 1942, ông trở về quê, tiếp tục viết văn. Năm 1943, Nam Cao gia nhập Hội Văn hoá cứu quốc. Cách mạng Tháng Tám 1945, ông tham gia cướp chính quyền ở phủ Lí Nhân và được cử làm chủ tịch xã. Năm 1946, ông ra Hà Nội, hoạt động trong Hội Văn hoá cứu quốc và là thư kí toà soạn tạp chí *Tiên phong* của Hội. Cùng năm đó, ông tham gia đoàn quân Nam tiến với tư cách phóng viên, hoạt động ở Nam Bộ. Sau đó lại trở về nhận công tác ở Ti Văn hoá Nam Hà. Mùa thu 1947, Nam Cao lên Việt Bắc, làm phóng viên báo *Cứu quốc* và là thư kí toà soạn báo *Cứu quốc Việt Bắc*. Năm 1950, ông nhận công tác ở tạp chí *Văn nghệ* (thuộc Hội Văn nghệ Việt Nam) và là Uỷ viên Tiểu ban Văn nghệ Trung ương. Năm 1951, ông tham gia đoàn công tác thuế nông nghiệp ở khu III, bị địch phục kích và hi sinh.

Những sáng tác của Nam Cao trước cách mạng tập trung vào hai đề tài chính: Cuộc sống của những người tiểu tư sản trí thức nghèo và cuộc sống của người nông dân. Dù viết về đề tài nào thì điều mà Nam Cao quan tâm trước tiên là tình trạng người lao động bị tha hóa biến chất vì bát cơm manh áo.

Ở đề tài tiểu tư sản trí thức nghèo, đáng chú ý nhất là các tác phẩm "Trăng sáng", "Đời thừa", "Mua nhà ", "Truyện tình", "Quên điều độ", "Nước mắt", "Những truyện không muốn viết", ... đặc biệt là tiểu thuyết "Sống mòn" (1944). Trong những tác phẩm này, Nam Cao đã miêu tả hết sức chân thực và cảm động tình trạng nghèo khổ, sống dở, chết dở của người trí thức nghèo. Qua đó, tác giả còn đặc biệt đi sâu vào những tấn bi kịch tâm hồn của họ. Đó là tấn bi kịch dai dẳng, thầm lặng mà đau đớn của những tri thức có ý thức sâu sắc về giá trị sự sống và nhân phẩm, có hoài bão lớn về một sự nghiệp tinh thần cao cả, nhưng lại bị gánh nặng cơm áo, và cuộc sống tàn nhẫn đầy rẫy bất công vô lý đẩy vào cảnh "chết mòn" về tinh thần và sống cuộc "Đời thừa". Phê phán cái xã hội phi nhân đạo đã bóp nghẹt sự sống và tàn phá tâm hồn con người, Nam Cao đồng thời cũng thể hiện niềm khao khát tới một cuộc sống đẹp đẽ xứng đáng với con người.

Về đề tài người nông dân: là nhà văn sinh ra và lớn lên nơi chốn bùn lầy nước đọng, Nam Cao hiểu biết khá sâu sắc cuộc sống của những con người thấp cổ bé họng này. Ông đã để lại chừng hai chục truyện ngắn có giá trị về tài nông dân, đáng chú ý là "Lão Hạc", "Chí phèo", "Trẻ con không được ăn thịt chó", "Mua danh", "Tư cách mõ", "Một bữa no", "Một đám cưới", "Dì Hảo", "Điếu văn", “Lang Rận”, “Nửa đêm", ... Qua những tác phẩm trên, Nam Cao không chỉ mô tả một cách thấm thía và cảm động những số phận tăm tối, hẩm hiu, bị ức hiếp, bị tha hoá, lăng nhục mà còn phát hiện và khẳng định phẩm chất lương thiện đẹp đẽ của họ ẩn giấu đằng sau những tâm hồn tưởng như tăm tối và cằn cỗi đó. Chiều sâu mới mẻ của ngòi bút hiện thực và nhân đạo của Nam Cao chính là ở đấy.

Cũng như các nhà văn tiểu tư sản khác chưa nắm được chân lý cách mạng, Nam Cao đã không thấy được khả năng đổi đời của người nông dân và triển vọng của xã hội. Song trong truyện ngắn "Điếu văn" (1944), Nam Cao đã viết những dòng dự báo đầy hào hứng "Cuộc đời không thể cứ mù mịt mãi thế này đâu. Tương lai phải sáng sủa hơn. Một rạng đông đã báo rồi!". Đó là lời chào đón chân thành tha thiết tia sáng rạng đông đang báo hiệu ở chân trời lúc bấy giờ.

Sau cách mạng tháng Tám: Nam Cao là một trong số ít nhà văn đã đến với cách mạng ngay từ đầu. Năm 1948, Ông được kết nạp vào Đảng. Ông tham gia Hội văn hoá cứu quốc, tích cực hoạt động cách mạng, kháng chiến, làm Thư ký Tạp chí "Tiền Phong". Năm 1947 làm thư ký toà soạn báo "Cứu quốc Việt Bắc". Năm 1950 nhận công tác ở tạp chí "Văn nghệ".

Nam Cao được xem là một trong những cây bút tiêu biểu nhất trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Thời kỳ này, ông viết được nhiều tác phẩm có giá trị như: Nhật ký "Ở rừng" (1948) "Chuyện biên giới" (1950), đặc biệt là truyện ngắn "Đôi mắt" (1948) ra đời giữa lúc giới văn nghệ đang vất vả "nhận đường" là một thành công xuất sắc của văn nghệ kháng chiến lúc đó. Thông qua việc phê phán một nghệ sĩ có "đôi mắt" lệch lạc trong việc nhìn người, nhìn đời, có lối sống trưởng giả, kênh kiệu, nhởn nhơ, lạc lõng giữa cuộc kháng chiến sôi nổi của toàn dân tộc và khẳng định một người nghệ sĩ mới dứt khoát từ bỏ con người cũ, lối sống cũ, và quyết tâm "cách mạng hoá tư tưởng, quần chúng hoá sinh hoạt", trở thành người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá, "Đôi mắt" xứng đáng là một tuyên ngôn nghệ thuật của tầng lớp văn nghệ tiểu tư sản đi theo kháng chiến.

Nam Cao có biệt tài trong việc diễn tả phân tích tâm lý con người. Ngôn ngữ của Nam Cao sống động uyển chuyển, tinh tế rất gần với lời ăn, tiếng nói của quần chúng.

Ghi nhận những đóng góp của Nam Cao đối với nền văn học nước nhà, Nhà nước đã tặng thưởng ông giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học – nghệ thuật (đợt I – năm 1996). Nam Cao xứng đáng là lá cờ đầu của truyện ngắn Việt Nam đầu thế kỉ XX.

Đề 50: Giới thiệu về nhà thơ Thế Lữ và bài thơ *Nhớ rừng*.

Bài làm

Nhà thơ Thế Lữ sinh năm 1907 mất năm 1989, tên khai sinh là Nguyễn Thứ Lễ, sinh tại ấp Thái Hà, Hà Nội. Quê quán: làng Phù Đổng, huyện Tiên Du (nay là Tiên Sơn), tỉnh Bắc Ninh.

Thuở nhỏ, Thế Lữ học ở Hải Phòng. Năm 1929, học xong bậc Thành chung, ông vào học Trường Cao đẳng Mĩ thuật Đông Dương, sau đó một năm (1930), ông bỏ học. Năm 1932, Thế Lữ bắt đầu tham gia Tự lực văn đoàn và là một trong những cây bút chủ lực của báo *Phong hoá, Ngày nay*. Năm 1937, ông bắt đầu hoạt động sân khấu, làm diễn viên, đạo diễn, lưu diễn tại các tỉnh miền Trung... và có hoài bão xây dựng nền sân khấu dân tộc. Cách mạng tháng Tám, ông hào hứng chào đón cách mạng, và lên Việt Bắc tham gia kháng chiến.

Tác giả đã xuất bản: *Mấy vần thơ* (thơ, 1935); *Vàng và máu* (truyện, 1934); *Bên đường Thiên lôi* (truyện, 1936),... Ngoài ra Thế Lữ viết nhiều kịch bản: *Cụ Đạo sư ông* (kịch, 1946); *Đoàn biệt động* (1947); *Đợi chờ* (1949); *Tin chiến thắng Nghĩa Lộ* (1952); Thế Lữ cũng là dịch giả của nhiều vở kịch của Sếch–xpia, Gơ–tơ, Sin–le và Pô–gô–đin,...

Thế Lữ là một trong những nhà thơ hàng đầu của phong trào Thơ mới. Bài *Nhớ rừng* đã gắn liền với tên tuổi của ông. Nói đến Thế Lữ không thể không nói đến *Nhớ rừng*.

Sự xuất hiện của phong trào *Thơ mới* những năm đầu thế kỉ XX đã tạo ra sự bùng nổ mãnh liệt, một cuộc cách mạng thật sự trong địa hạt văn chương, nhất là thơ. Những thể thơ cũ (tiêu biểu từ thơ Đường luật) với khuôn khổ cứng nhắc, niêm luật gò bó đã không dung chứa nổi, không còn phù hợp với những tư tưởng, cảm xúc dào dạt, mới mẻ, lúc nào cũng chỉ chực tung phá. Đổi mới thể thơ, đổi mới hình thức câu thơ, các nhà thơ mới đồng thời đưa vào đó những dòng cảm xúc dạt dào, mạnh mẽ, tựa như những dòng nham thạnh bỏng đang tuôn chảy tràn trề. *Nhớ rừng* là một trong những tác phẩm tiêu biểu cho trào lưu mới này.

Đề 51: Thuyết minh về một thể loại văn học hoặc văn bản.

Bài làm

Hài kịch là "Thể loại kịch trong đó có tính cách, tình huống và hành động được thể hiện dưới dạng buồn cười hoặc ẩn chứa cái hài nhằm giễu cợt, phê phán cái xấu, cái lố bịch, cái lỗi thời để tống tiễn nó một cách vui vẻ ra khỏi đời sống xã hội". Hài kịch cho đến thế kỉ XVII được coi như là thể loại đối lập với bi kịch, và tác phẩm của nó kết thúc nhất thiết phải có hậu.

Hài kịch, như trên đã nói, hướng vào sự cười nhạo cái xấu xa, lố bịch

đối lập với lí tưởng xã hội hoặc chuẩn mực đạo đức. Nhân vật của hài kịch thường không có sự tương xứng giữa thực chất bên trong với danh nghĩa bên ngoài của mình nên đã trở thành lố bịch. Cái tính cách trong hài kịch thường được mô tả một cách đậm nét, cận cảnh và ở trạng thái tĩnh, nhất là những nét gây cười. Phạm vi phản ánh của hài kịch hết sức rộng lớn: từ những vấn đề chính trị xã hội đến những thói xấu trong sinh hoạt hàng ngày. Trong hài kịch cũng có thể mô tả nỗi đau khổ của con người, song chỉ có thể cho phép ở một mức độ nhất định cho nỗi đau không lấn át cái cười để từ đó hài kịch chuyển thành chính kịch.

Hài kịch ra đời rất sớm, gần như đồng thời với bi kịch. A-ri-xtô-phan (khoảng 445 – 385 trước Công nguyên) nhà viết kịch Hi Lạp cổ đại được coi là "cha đẻ" của hài kịch.

Do nội dung, tính chất, cung bậc của tiếng cười, hài kịch chia thành nhiều tiểu loại khác nhau như hài kịch tính cách, hài kịch tình huống, hài kịch sinh hoạt, hài kịch trào phúng, v.v.

Cho đến nay, những tác phẩm của nhà hài kịch vĩ đại người Pháp Mô-li-e (1622 – 1673) được coi là hình thức cổ điển của thể loại hài kịch.

Đề 52: Thuyết minh về thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

Bài làm

Thể thơ thất ngôn bát cú được hình thành từ thời nhà Đường. Một thời gian dài trong chế độ phong kiến, thể thơ này đã được dùng cho việc thi cử tuyển chọn nhân tài. Thể thơ này đã được phổ biến ở nước ta vào thời Bắc thuộc và chủ yếu được những cây bút quý tộc sử dụng.

Cấu trúc bài thơ thất ngôn bát cú gồm 8 câu, mỗi câu 7 chữ. Nếu tiếng thứ hai của câu 1 là vần bằng thì gọi là thể bằng, là vần trắc thì gọi là thể trắc. Thể thơ quy định rất nghiêm ngặt về luật bằng trắc. Luật bằng trắc này đã tạo nên một mạng âm thanh tinh xảo, uyển chuyển cân đối làm lời thơ cứ du dương như một bản tình ca. Người ta đã có những câu nói vấn đề về luật lệ của bằng trắc trong từng tiếng ở mỗi câu thơ: các tiếng nhất – tam – ngũ bất luận còn các tiếng: nhị – tứ – lục phân minh. Tuy nhiên trong quá trình sáng tác bằng sự sáng tạo của mình, các tác giả đã làm giảm bớt tính gò bó, nghiêm ngặt của luật bằng – trắc để tâm hồn lãng mạn có thể bay bổng trong từng câu thơ. Ví dụ trong bài "Qua Đèo Ngang" được viết theo thể bằng:

"Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà

t T b B t T B

Cỏ cây chen đá lá chen hoa

t B b T t B B

Về vần, thể thơ thường có vần bằng được gieo ở tiếng cuối các câu 1 – 2 – 4 – 6 – 8. Vần vừa tạo sự liên kết ý nghĩa vừa có tác dụng tạo nên tính nhạc cho thơ. Ví dụ trong bài "Qua Đèo Ngang", vần được gieo là vần "a".

Thể thơ còn có sự giống nhau về mặt âm thanh ở tiếng thứ 2 trong các cặp câu: 1 – 8, 2 – 3, 4 – 5, 6 – 7. Chính điều này tạo cho bài thơ một kết cấu chặt chẽ va nhịp nhàng trong âm thanh. Trong bài thơ "Qua Đèo Ngang": câu 1 – 8 giống nhau ở tất cả các tiếng, trừ tiếng thứ 6 (TTBBTB) câu 2 – 3 giống nhau ở các tiếng 2, 4, 6 (BTB)...

Về đối, thể thơ có đối ngẫu tương hỗ hoặc đối ngẫu tương phản ở các câu: 3 – 4, 5 – 6. ở bài thơ "Qua Đèo Ngang" câu 3 – 4 hỗ trợ nhau để bộc lộ sự sống thưa thớt, ít ỏi của con người giữa núi đèo hoang sơ, câu 5 – 6 cùng bộc lộ nỗi nhớ nước thương nhà của tác giả. Các câu đối cả về từ loại, âm thanh, ý nghĩa.

Cấu trúc của thể thơ thất ngôn bát cú gồm bốn phần: Hai câu đề nêu cảm nghĩ chung về người, cảnh vật, hai câu thực miêu tả chi tiết về cảnh, việc, tình để làm rõ cho cảm xúc nêu ở hai câu đề; hai câu luận: bàn luận, mở rộng cảm xúc, thường nêu ý tưởng chính của nhà thơ; hai câu kết: khép lại bài thơ đồng thời nhấn mạnh những cảm xúc đã được giãi bày ở trên. Cấu trúc như vậy sẽ làm tác giả bộc lộ được tất cả nguồn cảm hứng sáng tác, ngạch cảm xúc mãnh liệt để viết lên những bài thơ bất hủ.

Còn về cách ngắt nhịp của thể thơ, phổ biến là 3 – 4 hoặc 4 – 3 (2 – 2 – 3; 3 – 2 – 2). Cách ngắt nhịp tạo nên một nhịp điệu êm đềm, trôi theo từng dòng cảm xúc của nhà thơ.

Thể thơ thất ngôn bát cú thực sự là một thể tuyệt tác thích hợp để bộc lộ những tình cảm da diết, mãnh liệt đến cháy bỏng đối với quê hương đất nước thiên nhiên. Chính điều đó đã làm tăng vẻ đẹp bình dị của thể thơ. Có những nhà thơ với nguồn cảm hứng mênh mông vô tận đã vượt lên trên sự nghiêm ngặt của thể thơ phá vỡ cấu trúc vần, đối để thể hiện tư tưởng tình cảm của mình. Tóm lại, thể thơ thất ngôn bát cú mãi mãi là một trang giấy thơm tho để muôn nhà thơ viết lên những sáng tác nghệ thuật cao quý cho đời sau.

Đề 53: Thuyết minh về cây bút bi.

Bài làm

Đồ dùng nào là vật không thể thiếu đối với người học sinh khi đến trường? Sách, vở, cặp hay thước...? Có thể sẽ có rất nhiều đáp án nhưng chắc chắn rằng nếu không có cây bút thì chúng ta không thể ghi lại bài học trên lớp. Và trong thời đại ngày nay, cây bút bi là một đồ dùng học tập vô cùng quan trọng.

Có rất nhiều loại bút như bút chì, bút mực. Nhưng khi bút bi ra đời, nó liền tạo nên một cuộc cách mạng rộng khắp và ngày nay bút bi đã khẳng định mình là công cụ dùng để viết phổ biến nhất.

Người đầu tiên trên thế giới xin cấp bằng sáng chế bút bi là một người Mĩ vào năm 1888. Nhưng lúc ấy, bút bi vẫn chưa được chú ý lắm. Năm 1938, László Bíró – một biên tập viên người Hungary – để giảm thiểu những hạn chế của bút mực như tốn thời gian tiếp mực, mực lâu khô, đầu bút quá nhọn, hay làm lem bẩn giấy tờ,... đã tạo ra loại bút bi sử dụng mực in báo khô rất nhanh. Loại bút này có chứa một ống mực đặc, mực được viết lên giấy nhờ chuyển động lăn của viên bi nhỏ gắn nơi đầu ống chứa mực. Bíró được nhận bằng sáng chế lần lượt tại Anh rồi Argentina. Năm 1945, nhờ sự hợp tác của nhiều nhà sản xuất mà cây bút bi được thay đổi, cải tiến về kiểu dáng và bán thị trường Hoa Kỳ. Theo thời gian, cây bút bi dần chiếm lĩnh thị trường bút châu Âu rồi toàn thế giới. Kể từ năm 1990, ngày 29 tháng 9, ngày sinh nhật của Bíró – cha đẻ cây bút bi – đã được chọn là ngày của những nhà phát minh tại Argentina.

Chiếc bút bi ngày nay dù khác nhau về hình dáng song về cấu tạo cơ bản vẫn giống nhau. Nó bao gồm một ống mực đặc, một đầu có gắn một viên bi nhỏ với đường kính khoảng từ 0,7 đến 1 mm. Loại mực dùng cho bút bi khô rất nhanh, thường là ngay sau khi được viết lên giấy. Theo thời gian, người ta cũng chế tạo ra nhiều loại màu mực khác nhau: màu đen, màu xanh, màu đỏ,... Bao ngoài ống mực – hay còn gọi là ruột bút – là một vỏ bút. Vỏ bút có rất nhiều hình dáng, màu sắc đa dạng khác nhau. Chúng thường được trang trí rất ấn tượng để tạo sự hấp dẫn đối với người sử dụng. Bút bi có thể sử dụng nắp để đạy đầu bi tránh làm khô mực, hỏng bút hoặc dùng đầu bấm để đầu bi rụt vào bên trong vỏ bút. Loại phổ biến nhất hiện nay là bút bi bấm. Để đưa đầu bi vào trong cần phải có lò xo để kéo vào. Việc điều khiển đầu bi có thể dùng nhiều cách khác nhau như dùng nút bấm ở đầu, xoay thân bút, hoặc trượt.

Nhắc đến bút bi là nhắc đến tác dụng viết, ghi chép các kí tự: ghi bài trên lớp, sáng tác thơ ca, ghi lại tiến trình buổi họp,... hay đơn giản là ghi lại một thông tin cần lưu ý. Ngày nay, trong thời đại truyền thông phát triển, bút bi còn trở thành một phương tiện... quảng cáo hữu hiệu. Bút bi thường được tặng miễn phí như một dạng quảng cáo – tên công ti, sản phẩm được in trên thân bút. Những năm gần đây, bút bi cũng trở thành phương tiện sáng tác nghệ thuật. Người ta có thể dùng bút bi để vẽ những bức tranh ấn tượng. Nhiều người còn dùng bút bi để vẽ hình lên người họ, còn được gọi là hình xăm bằng bút bi. Có nhiều tác dụng như vậy nhưng giá một chiếc bút bi lại rất rẻ, thường chỉ dao động từ một đến hai, ba nghìn đồng. Bởi sự gọn nhẹ, kinh tế và tiện ích nên bút bi hiện diện khắp nọi nơi: trong giỏ xách, trong cặp, trong túi, trong cốp xe,... Theo một thống kê đáng tin cậy, trên thế giới cứ mỗi giây lại có 57 chiếc bút bi được bán ra.

Chiếc bút bi từ lâu đã trở thành một người bạn thân thiết đối với mọi người đặc biệt là những người học sinh, sinh viên. Để bảo quản những người bạn thân thiết này chỉ cần lưu ý vài chi tiết nhỏ. Một là khi viết

xong nhớ đậy nắp hoặc bấm nút để ngòi bi rụt vào bên trong vỏ. Hai là tránh để bút rơi bởi có thể gây gãy thân bút; đặc biệt là tránh làm rơi khiến đầu bi đập xuống đất: khi ấy bút sẽ hỏng hoàn toàn, bi bị vỡ, mực không ra được nữa. Người bạn ấy quan trọng nhưng không hề "làm cao" chút nào, ngược lại thật dễ tính!

Có thể khẳng định rằng bất cứ ai có thể viết đều đã ít nhất một lần sử dụng bút bi trong đời. Thuận tiện, kinh tế và không cần cầu kì trong việc bảo dưỡng, bút bi đã trở thành một cuộc cách mạng trong cách viết của con người.

Đề 54: Thuyết minh về cặp kính đeo mắt.

Bài làm

Nếu nói rằng đôi mắt là cửa sổ tâm hồn của mỗi chúng ta thì ắt rằng những cặp kính chính là những người giúp việc tận tâm, những người bảo vệ vững chắc, những vật trang trí duyên dáng cho khung cửa mộng mơ ấy.

Quả không quá khi nói như vậy về cặp kính đeo mắt bởi kính có rất nhiều loại và rất nhiều tác dụng, phù hợp với hầu hết nhu cầu của mọi người. Với những người bị bệnh về mắt như cận thị, viễn thị, loạn thị kính giúp họ khắc phục được điểm hạn chế của bản thân. Người cận thị có thể nhìn được những vật ở xa, người viễn thị thì nhờ kính mà nhìn được những vật ở gần... Đối với người làm những công việc đặc thù như bơi, trượt tuyết, đi xe máy tốc độ cao,... kính lại giúp mắt họ tránh khỏi nước, tuyết, gió, bụi,... Những người không bị bệnh về mắt, không có những hoạt động trên, khi ra đường cũng nên mang theo một cặp kính: để tránh nắng chói và gió bụi. Thậm chí, có những người sử dụng kính như một vật trang trí đơn thuần. Giá trị thẩm mĩ của kính có được bởi sự đa dạng của kiểu dáng và màu sắc.

Dù chủng loại phong phú như vậy nhưng về cơ bản, cấu tạo của các cặp kính rất giống nhau. Một chiếc kính đeo mắt gồm có hai bộ phận: Tròng kính và gọng kính. Gọng kính làm khung cho kính và là bộ phận nâng đỡ tròng kính. Gọng kính cũng gồm hai phần được nối với nhau bởi một khớp sắt nhỏ. Phần sau giúp gá kính vào vành tai. Phần trước đỡ lấy tròng kính và giúp tròng kính nằm vững trước mắt. Gọng kính có thể được làm bằng kim loại nhưng phổ biến nhất vẫn là gọng nhựa bền, nhẹ. Bộ phận quan trọng nhất của kính – tròng kính – thì không thể thay đổi cấu tạo gốc và có một tiêu chuẩn quốc tế riêng. Hình dáng tròng kính rất phong phú, nó phụ thuộc vào hình dáng gọng kính: tròn, vuông, chữ nhật,... Tròng kính có thể làm bằng nhựa chống trầy hay thủy tinh nhưng đều cần tuân theo quy tắc chống tia UV và tia cực tím (hai loại tia được phát ra bởi mặt trời, rất có hại cho mắt). Ngoài ra, một chiếc kính đeo mắt còn có một số bộ phận phụ như ốc, vít... Chúng có kích thước rất nhỏ nhưng lại khá quan trọng, dùng để neo giữ các bộ phận của chiếc kính.

Bên cạnh loại kính gọng còn có loại kính áp tròng. Đó là một loại kính đặc biệt, nhỏ, mỏng, được đặt sát vào tròng mắt. Riêng với loại kính này phải có sự hướng dẫn sử dụng tỉ mỉ của bác sĩ chuyên ngành.

Việc sử dụng kính tác động rất lớn đến sức khoẻ của mắt bởi vậy cần sử dụng kính đúng cách. Để lựa chọn 1 chiếc kính phù hợp với đôi mắt, cần phải theo tư vấn của bác sĩ. Không nên đeo loại kính có độ làm sẵn vì loại kính này được lắp hàng loạt theo những số đo nhất định nên chưa chắc đã phù hợp với từng người. Mỗi loại kính cũng cần có cách bảo quản riêng để tăng tuổi thọ cho kính. Khi lấy và đeo kính cần dùng cả hai tay, sau khi dùng xong cần lau chùi cẩn thận và bỏ vào hộp đậy kín. Kính dùng lâu cần lau chùi bằng dung dịch chuyên dụng. Đối với loại kính tiếp xúc trực tiếp với mắt như kính áp tròng, cần phải nhỏ mắt từ sáu lần đến tám lần trong vòng từ mười đến mười hai tiếng để bảo vệ mắt. Kính áp tròng đưa thẳng vào mắt nên phải luôn luôn ngâm trong dung dịch, nếu không sẽ rất dễ bám bụi gây đau mắt, nhiễm trùng các vết xước... Trong quá trình học tập, làm việc, đeo kính phù hợp sẽ giúp chúng ta tránh khỏi nhức mỏi mắt, đau đầu, mỏi gáy, mỏi cổ...

Đeo một chiếc kính trên mắt hẳn ai cũng tò mò muốn biết sự ra đời của kính? Đó là cả một câu chuyện dài. Vào năm 1266 ông Rodger Becon người Italia đã bắt đầu biết dùng chiếc kính lúp để có thể nhìn rõ hơn các chữ cái trên trang sách. Năm 1352, trên một bức chân dung người ta nhìn thấy một vị hồng y giáo chủ đeo một đôi kính có hai mắt kính được buộc vào một cái gọng. Như vậy chúng ta chỉ có thể biết được rằng đôi kính được làm ra trong khoảng thời gian giữa năm 1266 và 1352. Sự ra đời của những cuốn sách in trở thành động lực của việc nghiên cứu, sản xuất kính. Vào thế kỷ XV những cặp kính chủ yếu được sản xuất tại miền bắc nước Ý và miền nam nước Đức – là những nơi tập trung nhiều người thợ giỏi. Năm 1629 vua Charles I của nước Anh đã ký sắc lệnh thành lập hiệp hội của các thợ làm kính mắt. Đến năm 1784, ông Bedzamin Franklin người Đức đã sáng tạo ra những đôi kính có hai tiêu điểm.

Chiếc mắt kính đeo mắt là một vật dụng quen thuộc với đời sống hằng ngày. Nếu biết cách sử dụng và bảo quản tốt, kính sẽ phát huy tối đa công dụng của mình. Hãy cùng tìm hiểu về kính để có thể biến "lăng kính" của "cửa sổ tâm hồn" trở nên phong phú và hoàn thiện hơn

Đề 55: Thuyết minh cái phích nước.

Bài làm

Phích nước là đồ dùng để giữ nhiệt cho nước nóng, rất thông dụng và thường có trong mọi gia đình.

Phích nước có rất nhiều loại được làm từ những vật liệu khác nhau, có cấu tạo và hình dáng khác nhau. Về hình dáng phích nước thường có

hình trụ, cao khoảng 35 – 40cm, giúp cho phích có thể đứng thẳng mà không bị đổ.

Về cấu tạo: Phích nước được làm theo nguyên lý chống sự truyền nhiệt của nước, gồm hai bộ phận: ruột phích và vỏ phích. Ruột phích là bộ phận quan trọng nhất. Nó được làm bằng hai lớp thuỷ tinh. Ở giữa là môi trường chân không làm mất khả năng truyền nhiệt của nước ra ngoài. Ở phía trong lòng và ngoài của ruột phích là lớp thuỷ tinh được tráng bạc có tác dụng hắt nhiệt trở lại để giữ nhiệt. Càng lên trên cao đầu phích, miệng phích càng nhỏ lại để giảm khả năng truyền nhiệt của nước. Gắn với chiếc miệng nhỏ nhắn là cái nút có thể làm bằng gỗ hoặc bằng nhựa cứng luôn vừa khớp với miệng phích để cản trở sự thoát hơi nước và sự đối lưu truyền nhiệt của nước.

Ruột phích có hiệu quả giữ nhiệt cho nước rất tốt, trong vòng 6 tiếng đồng hồ, nước từ 100^0C còn giữ được 70^0C sẽ đảm bảo dùng nước được lâu và nước đủ nhiệt để pha chế trà, cà phê... tạo nên một nét đẹp văn hoá vừa mang tính chất cổ truyền của dân tộc vừa mang một phong cách hiện đại còn gọi là nét văn hoá "cafe" đậm đà bản sắc dân tộc. Chính vì ruột phích được làm bằng hai lớp thuỷ tinh nên rất dễ vỡ. Vì vậy vỏ phích là lớp để bảo quản ruột phích như là một tấm bình phong. Vỏ phích ngày xưa có thể làm bằng tre, mây, sắt, nhôm... Ngày nay công nghiệp nhựa phát triển, vỏ phích cũng được thay thế dần bằng nhựa cứng vừa nhẹ, đẹp lại vừa bền và tốt. Gắn trên vỏ phích là một chiếc quai bằng nhựa, sắt... tuỳ theo từng loại phích, chiếc quai đó có thể quay đi quay lại một cách dễ dàng giúp chúng ta có thể xách di chuyển đi chỗ khác mà không phải bưng bê. Trên chiếc nút phích là nắp phích, nó có chức năng năng bảo vệ nút phích không cho trẻ em nghịch ngợm gây bỏng nước nóng. Nút phích bằng các lớp ren xoáy chặt với miệng phích. Chiếc nắp phích đó có thể lấy làm cốc đựng nước cũng được.

Để bảo quản phích lâu hỏng ta nên làm một chiếc khung bằng gỗ để đặt phích và giữ chặt lấy phích. Đặt khuôn giữ phích ở nơi khô ráo, sạch sẽ, tránh nóng và xa tầm tay của trẻ em. Nếu để phích không đúng quy cách có thể gây tai nạn bỏng nặng vì phích giữ nhiệt cho nước sôi khá lâu.

Điều quan trọng nhất là ta phải giữ gìn chiếc núm phích, vì núm phích để giữ khoảng chân không góp phần làm giảm khả năng truyền nhiệt của nước. Chúng ta nên lưu ý khi rót nước nóng vào phích phải rót từ từ để ruột phích dễ thích nghi với nhiệt độ cao thì phích sẽ lâu hỏng hơn khi chúng ta không làm như vậy. Khi rót nước xong phải đậy nút phích cẩn thận. Đối với nút phích bằng nhựa thì phải xoáy đúng ren, xoáy thật chặt, còn với nút phích bằng gỗ ta cũng phải đậy cho vừa khít để nước nóng được lâu. Nếu chúng ta không làm đúng cách thì ruột phích sẽ chóng hỏng vì không khí bên ngoài xâm nhập vào ruột phích.

Phích nước là một đồ dùng rất tiện lợi cho cuộc sống hàng ngày trong mỗi gia đình. Nó như người bạn thân trong mỗi gia đình. Sáng sớm bác

nông dân mang phích nước nóng ra đồng thông buổi pha ấm trà nóng rít điếu thuốc lào khi đã cày xong thửa ruộng thì sảng khoái biết bao. Khách đến chơi nhà không phải "đốt than quạt nước" vì đã có phích ủ sẵn nước nóng pha trà mời khách rồi... Như vậy có thể nói: Phích nước đã góp phần tạo nên một nét đẹp văn hoá ở Việt Nam.

Đề 56: Thuyết minh về chiếc áo dài Việt Nam.

Bài làm

Đã từ lâu, khi nhắc đến người phụ nữ Việt Nam, bạn bè quốc tế lại trầm trồ nói về chiếc áo dài. Quả thực, chiếc áo dài Việt Nam xứng đáng được coi là loại trang phục truyền thống thể hiện được vẻ đẹp và tâm hồn người phụ nữ Việt Nam.

Gọi là áo dài là theo cấu tạo của áo, thân áo gồm 2 mảnh bó sát eo của người phụ nữ rồi từ đáy lưng ong 2 thân thả bay xuống tận gót chân tạo nên những bước đi duyên dáng, mềm mại, uyển chuyển hơn cho người con gái.

Tấm áo lụa mỏng thướt tha với nhiều màu sắc kín đáo trang nhã lướt trên đường phố trở thành tâm điểm chú ý và là bông hoa sáng tôn lên vẻ yêu kiều, thanh lịch cho con người và khung cảnh xung quanh. Chiếc quần may theo kiểu quần ta ống rộng bằng thứ vải đồng chất đồng màu hay sa tanh trắng nâng đỡ tà áo và làm tăng sự mềm mại thướt tha cho bộ trang phục mượt mà duyên dáng, gợi vẻ đằm thắm đáng yêu.

Đã ngót một thế kỷ nay, cô nữ sinh trường Quốc học Huế trong trang phục áo dài trắng trinh nguyên như là biểu trưng cho vẻ đẹp thanh khiết cao quý của tâm hồn người thiếu nữ đất Việt. Để đến bây giờ trang phục ấy trở thành đồng phục của nhiều nữ sinh trong các trường phổ thông trung học như muốn nói với mọi người với du khách quốc tế về văn hoá và bản sắc dân tộc. Tà áo trắng bay bay trên đường phố, tiếng cười hồn nhiên trong trẻo của những cô cậu học sinh vương lại phía sau cùng mảnh hoa phượng ở giỏ xe rơi lác đác gợi cho người qua đường một cảm giác lâng lâng, bâng khuâng nhớ về thuở học trò trong vắt những kỷ niệm thân thương.

Ngày Tết hay lễ hội quê hương, đám cưới hay những buổi lên chùa của các bà, các mẹ, các chị, chiếc áo dài nâu, hồng, đỏ... là một cách biểu hiện tấm lòng thành kính gửi đến cửa thiền một lòng siêu thoát, tôn nghiêm. Chiếc áo dài trùm gối, khăn mỏ quạ chít khéo như hoa sen, tay nâng mâm lễ kính cẩn lên cửa chùa, miệng "mô phật di đà"... hình ảnh ấy đã đi vào bức hoạ tranh dân gian Đông Hồ là một biểu tượng độc đáo của văn hoá Việt Nam.

Ngày nay trong muôn vàn sự cách tân về trang phục, váy đầm, áo ngắn, áo thời trang... chiếc áo dài Việt Nam vẫn chiếm độc tôn về bản sắc dân tộc, mang theo phong cách và tâm hồn người Việt đến với năm châu và trở thành trang phục công sở ở nhiều nơi.

Đề 57: Thuyết minh về cái quạt

Bài làm

Trong các đồ dùng sinh hoạt của con người, có lẽ chúng tôi thuộc vào loại thông dụng nhất. Chúng tôi phải làm việc căng thẳng vào những ngày hè oi bức, nóng nực. Chắc các bạn biết tôi là ai rồi chứ. Tôi là quạt đây mà. Tôi rất vui khi được gặp gỡ giao lưu với các bạn để giới thiệu về họ hàng của chúng tôi.

Có lẽ từ rất lâu rồi họ nhà quạt đã xuất hiện trên sự sống trái đất từ khi con người xuất hiện hay con người có cảm giác mà cũng có thể từ khi họ có hiểu biết. Tôi được nghe rất nhiều câu chuyện về loài quạt, có truyện kể rằng từ rất xa xưa quạt có thể tạo nên sức thần kỳ và còn được dùng cho các vua chúa cung đình. Kể từ đó chúng tôi ra đời trong niềm vui sướng của các bạn đấy. Thật là thú vị!

Họ quạt chúng tôi rất đông gồm hai dòng họ lớn là họ quạt điện và họ quạt thủ công. Tuy họ quạt điện có bề thế, chỗ đứng hơn trên thị trường nhưng quạt thủ công lại có bề dầy lịch sử và có ý nghĩa văn hoá. Chúng tôi luôn giúp đỡ nhau để phục vụ cuộc sống tốt đẹp hơn cho các bạn. Tôi luôn tự hào vì mỗi anh em họ quạt lại mang những nét riêng biệt với nhiều lợi ích sử dụng.

Dòng họ quạt điện gồm quạt trần, quạt cây, quạt treo và cả quạt bàn nữa. Họ được chế tạo bởi những công nghệ hiện đại gồm hai bộ phận chính là động cơ điện và cánh quạt.

Cánh của chúng tôi được lắp với trục động cơ điện, làm bằng nhựa hoặc kim loại. Cánh của họ quạt điện khiến đằng quạt giấy phải trầm trồ thán phục bởi kiểu dáng mới lạ để tạo ra gió khi quay. Các bạn có biết lưới bảo vệ là người bạn tốt nhất của chúng ta không, anh ấy luôn bảo vệ che chở cho đôi cánh của họ quạt đấy. Các bạn phải chăm sóc giữ gìn tốt vì lưới bảo vệ còn giữ an toàn cho người sử dụng.

Bộ phận chính thứ hai của họ quạt máy là động cơ điện chứa các thiết bị quan trọng để chúng tôi có thể hoạt động được. Phần động cơ điện của chúng tôi cũng chẳng khác nào bộ não của con người.

Ngoài ra họ quạt điện còn có vỏ bọc bên ngoài thường làm bằng nhựa để cách điện, chống điện ở bên trong rò rỉ ra ngoài gây nguy hiểm khi sử dụng trên thân của chúng tôi còn có bộ phận điều chỉnh tốc độ, thay đổi hướng gió và hẹn giờ. Ở quạt bàn và quạt cây thường có quai xách gần với lưới bảo vệ để tiện vận chuyển còn ở quạt trần và quạt treo tường còn có móc treo gắn tường. Ở cạnh chúng tôi các bạn sẽ luôn được an toàn. Ở một số anh em trong họ quạt điện còn có chân hình bánh tròn để dễ xê dịch. Nhưng các bạn ạ, chúng tôi sẽ luôn phục vụ tốt các bạn nếu các bạn biết giữ gìn những anh quạt điện. Các bạn nhớ phải lau chùi thường xuyên cho thân

hình chúng tôi được sạch sẽ. Có thể chúng tôi mới được mọi người để ý. Các bạn đừng quên lau dầu để chúng tôi hoạt động hiệu quả nhé.

Mặc dù quạt máy rất hiện đại và hữu ích nhưng không phải vậy mà xem thường quạt thủ công. Tuy được kết cấu đơn giản, vật liệu thô sơ chỉ bằng giấy hoặc nan tre chẻ mỏng nhưng cũng được nhiều người tin dùng. Từ xa xưa khi công nghệ chưa phát triển quạt thủ công đã gắn liền với người nông dân trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Các bạn cũng đã trông thấy trong các dịp lễ hội thường thấy chúng tôi xuất hiện trên tay các cụ già và những người dâng hương. Họ quạt giấy chúng tôi chỉ mặc một lớp áo mỏng bằng giấy hoặc nan tre và cũng có thể làm bằng vải lụa. Bộ xương mềm mại dẻo dai nhưng cũng rất rắn chắc của chúng tôi làm bằng tre. Với đời sống hiện đại khi khoa học kỹ thuật phát triển quạt thủ công ít được dùng trong khi có rất nhiều loại quạt điện. Nhưng trong những lúc mất điện thì quạt thủ công lại đóng vai trò hết sức quan trọng. Họ hàng quạt thủ công chúng tôi còn được vẻ vang hãnh diện hơn khi sau những câu quan họ mượt mà đằm thắm.

Không chỉ vậy chúng tôi còn được dùng để trang trí trong những căn nhà hoặc lễ hội. Tôi rất buồn vì họ quạt thủ công có tuổi thọ không cao. Nhưng chính vì vậy mà mọi người lại càng phải giữ gìn cẩn thận hơn. Tôi nghe nói ngày nay còn phát minh ra cả máy điều hoà nữa chứ nhưng không phải vậy mà chúng tôi thất nghiệp đâu vì con người luôn cần đến chúng tôi mà, phải không các bạn?

Chúng tôi hy vọng sẽ dốc hết sức mình phục vụ con người để không phụ lòng tin tưởng của các bạn. Nếu các bạn đối xử tốt với chúng tôi thì tôi tin chắc cuộc sống của các bạn sẽ thêm vui tươi, sảng khoái hơn bao giờ hết.

Họ quạt chúng tôi rất tự hào với chính mình bởi chúng tôi đã là một phần trong cuộc sống của các bạn. Được các bạn tin dùng và sử dụng họ quạt đã rất vui rồi. Tôi mong trong tương lai sẽ còn nhiều người biết đến chúng tôi hơn nữa. Thôi chào các bạn nhé, ông chủ đi làm về rồi, tôi phải làm việc đây.

Quạt là đồ dùng vô cùng gần gũi với người dân. Chiếc quạt đã tạo ra gió làm dịu đi cái nóng của mùa hè đối với con người. Không những thế, nó còn giúp con người ngủ ngon hơn, thoải mái hơn.

Quạt bây giờ có quạt điện và quạt thủ công. Tuy chúng có nhiều đặc điểm khác nhau nhưng đều có công dụng là làm mát. Ngoài ra quạt thủ công còn là đồ vật trang trí trong nhà, biểu diễn nghệ thuật.

Quạt thủ công đã xuất hiện từ rất lâu đời. Bà la sát đã dùng chiếc quạt ba tiêu của mình để quạt Tôn Ngộ Không bay xa tới mười nghìn dặm chỉ một cái vung tay. Ngô Thừa Ân đã nói quá sức mạnh của chiếc quạt. Nhưng thật sự quạt thủ công đã có vai trò rất lớn trong xã hội cũ. Từ vua chúa sử dụng những chiếc quạt làm bằng lông vũ xinh đẹp để tạo sự thoải mái

trong giấc ngủ trưa đến các sĩ tử dùng quạt giấy để biểu thị sự nho nhã, có học của mình trước công chúng. Bây giờ, theo tôi được biết, quạt thủ công chủ yếu là quạt giấy và quạt nan. Theo đúng tên gọi của nó, nguyên liệu làm quạt là giấy và nan tre nhỏ, mảnh. Người ta làm quạt theo một hình mẫu nhưng bây giờ có rất nhiều mẫu đẹp như hình rồng, hình phượng...

Hồi nhỏ, tôi đã hỏi bà:

– Bà ơi, tại sao cái quạt nhà mình lại tự quay được thế?

– Tại trong đó có tay thần cháu ạ – Bà tôi cười.

Bây giờ, tôi đã biết tại sao quạt điện lại tự chạy được. Trong quạt có bộ phận được gọi là roto và stato. Khi ta cắm phích điện vào ổ thì có một luồng điện truyền vào roto làm roto quay. Roto gắn với thanh sắt nối với cánh quạt. Vì vậy khi roto quay thì cánh quạt quay và tạo ra gió. Bộ phận chính của quạt là phần quay và phần điều chỉnh. Phần quay chính là stato, roto và cánh quạt. Còn phần điều chỉnh là các nút bấm. Ngoài ra, vỏ và lồng bảo vệ cánh quạt cũng là bộ phận không thể thiếu để làm nên chiếc quạt hoàn chỉnh. Chiếc quạt cóc gắn liền với nhân dân ta nửa cuối thế kỷ XX đã bị đào thải trên thị trường. Giờ đây có vô cùng những sản phẩm quạt điện từ rẻ tiền đến đắt giá. Từ chiếc "để bàn MD" đến "điều khiển Euro". Từ "Quạt cây ASIA" đến "quạt trần nhỏ xíu mắc màn". Tất cả đều là số ít trong hàng loạt sản phẩm quạt điện ngày nay. Tuy chỉ biết công đoạn dây chuyền để sản xuất quạt điện nhưng tôi vẫn công nhận rằng người phát minh ra động cơ điện là thiên tài.

Giờ đây, công nghệ làm mát hiện đại như máy điều hoà, máy lạnh đã quen thuộc trên thị trường, nhưng những chiếc quạt có lẽ sẽ luôn có "đất dụng võ".

Đề 58: Giới thiệu về một đồ dùng trong học tập hoặc trong sinh hoạt.

Bài làm

Trong thời đại khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ như ngày nay, đối với người học sinh, ngoài những người bạn thân quen như sách vở, bút thước... chúng em còn có thêm một người bạn đặc biệt khác: máy vi tính.

Chiếc máy vi tính đầu tiên ra đời năm 1956. Ban đầu, chiếc máy vi tính có kích thước rất lớn, nó to bằng cả một căn phòng và chỉ thực hiện được một số phép tính đơn giản.

Theo thời gian, bằng sự nỗ lực của các nhà khoa học, kích thước chiếc máy tính đã được thu gọn lại như ngày nay.

Máy vi tính để bàn gồm hai bộ phận lớn tách rời nhau là CPU và màn hình. CPU là bộ phận quan trọng nhất của máy vi tính, đó là nơi xử lí các thông tin dữ liệu rất tinh vi. CPU có hình hộp chữ nhật, kích thước thường là 50 cm * 10 cm * 40 cm. Vỏ ngoài được làm bằng kim loại có phủ sơn cách

điện. Bên trong là ổ cứng, bộ vi xử lí, các mạch điện, dây dẫn... Mặt trước của máy vi tính là hình chữ nhật kích thước 10 cm * 40 cm. Tại đây có các bộ phận nhỏ để nhận đĩa mềm, kết nối USB và máy, hệ thống nút điều khiển máy... Mặt sau của CPU là ổ cắm dây nối CPU với nguồn điện, màn hình, bàn phím và con trỏ chuột.

Màn hình máy vi tính thường có kích thước và hình dáng tương đương một chiếc ti vi 21 inch. Nhưng ngày nay do sự phát triển của công nghệ, màn hình máy vi tính chỉ mỏng chừng 2 cm đến 3 cm và được làm bằng tinh thể lỏng.

Ngoài hai bộ phận trên còn cần có bàn phím và con trỏ chuột mới có thể hoàn chỉnh một chiếc máy vi tính. Bàn phím có hình chữ nhật, kích thước vào khoảng 16 cm * 25 cm, có các phím chữ nổi lên giúp nhập thông tin vào máy. Con trỏ chuột thon nhỏ, vừa tay nắm, có ba nút để điều khiển các lệnh trên màn hình.

Việc sử dụng máy tính khá đơn giản. Với người học sinh, công dụng chủ yếu là tạo lập văn bản, sử dụng các phần mềm ứng dụng, khai thác Internet và ... chơi game!

Để sử dụng máy, trước tiên, ta phải cắm phích vào ổ điện, bật máy CPU và bật máy màn hình. Tiếp đó, nếu tạo lập văn bản, ta nhấn hai lần chuột trái vào biểu tượng "W" (microsolf word) trên màn hình rồi sử dụng các phím chữ, dấu... nhập thông tin vào trang trắng trên màn hình. Để sử dụng các chương trình khác, ta cũng mở máy rồi sử dụng bàn phím và con chuột để nhập thông tin và tạo các lệnh.

Nhờ chiếc máy vi tính, người học sinh có thể trao đổi thông tin học tập, tâm tư tình cảm nhanh chóng, tiện dụng, có thể xem và thực hiện các thí nghiệm vật lí, hóa học, có thể tìm kiếm các thông tin cần thiết cho việc học tập... Ngoài ra, ta có thể giải trí bằng cách chơi trò chơi trên máy tính...

Chiếc máy vi tính là người bạn vô cùng hữu ích đối với người học sinh. Để bảo vệ người bạn đặc biệt này, chúng ta cần thường xuyên vệ sinh bàn phím, phủi bụi cho các bộ phận của máy. Ngoài ra, ta cần để máy nơi khô ráo, tránh ẩm ướt. Đặc biệt, nên cài một chương trình diệt "virus" – tác nhân có thể phá hoại dữ liệu trong máy.

Đề 59: Chiếc nón lá Việt Nam.

Bài làm

Chiếc nón lá Việt Nam là một công cụ che nắng, che mưa, làm quạt, khi còn để che giấu gương mặt, nụ cười hay tạo thêm nét duyên dáng cho người phụ nữ Việt Nam.

Vật liệu để làm nên cái nón là lá cọ, chỉ tơ, móc, tre làm khung. Nón lá có cấu tạo đơn giản nhưng cũng đòi hỏi một sự khéo léo của người thợ. Nón

có hình chóp đều, thành được bao bọc bởi những chiếc vanh uốn quanh thành nhiều lớp. Vanh nón làm bằng tre, vót tròn như bộ khung nâng đỡ cái hình hài duyên dáng của nón. Ở phần đáy nón có một chiếc vành uốn quanh, cứng cáp hơn những chiếc vanh nón ở trên. Vanh nón, vành nón cứng hay giòn sẽ quyết định đến độ cứng cáp, bền lâu của chiếc nón.

Nhưng bộ phận quan trọng nhất của chiếc nón lại là hai lớp lá cọ – vật liệu chính để hình thành nên một chiếc nón. Lá cọ phải là lá non, phơi thật trắng. Lót giữa hai lớp lá cọ là lớp mo nang làm cốt, được phơi khô, lấy từ mo tre, mo nứa. Tất cả các vật liệu làm nên nón đều phải không thấm nước, dễ róc nước để chống chịu với những cơn mưa vùi dập, những ngày nắng oi ả thất thường.

Để tăng thêm nét duyên dáng, đồng thời giữ chặt nón vào đầu người đeo, người ta làm ra chiếc quai bằng lụa mềm gắn cùng hai chiếc nhôi đính vào mặt trong của chiếc nón. Nhôi nón được đan bằng những sợi chỉ tơ bền, đẹp. Người ta cũng có thể trang trí những hoa văn đậm nét dân tộc vào bên trong chiếc nón hoặc quét một lớp quang dầu thông bóng bẩy lên mặt ngoài chiếc nón.

Quy trình làm nón không khó lắm: trước hết, phơi lá nón (lá cọ non) ra trời nắng cho thật trắng, để rải trên nền đất cho mềm, rồi rẽ cho lá rộng bản. Sau đó, là lá trên một vật nung nóng cho phẳng. Vanh nón được vuốt tròn đều đặn. Việc cuối cùng là thắt và khâu khi lá đã đặt lên lớp vành khuôn. Sợi móc len theo mũi kim qua 16 lớp vòng bằng cột tre để hoàn chỉnh sản phẩm. Nón khâu xong có thể hơ trên hơi lửa cho thêm trắng và tránh bị mốc. Quy trình làm nón là vậy. Nói là: không khó lắm, nhưng thực ra đó là những tinh hoa, những đúc kết bao đời nay của nghệ thuật làm nón.

Ở Việt Nam, có nhiều vùng nổi tiếng về nghề làm nón: nón làng Chuông (Hà Tây cũ) vừa bền vừa đẹp; ở Huế có nón bài thơ thanh mảnh nhẹ nhàng; nón Quảng Bình, Nam Định cũng có những nét đẹp riêng.

Chiếc nón lá rất gần gũi với đời sống sinh hoạt của người dân Việt Nam. Nó che mưa, che nắng, là một món quà kỷ niệm đầy ý vị độc đáo, sâu sắc. Nó làm thêm phần duyên dáng cho các thiếu nữ Việt Nam trong các dịp hội hè. Còn gì đẹp hơn một người thiếu nữ mặc chiếc áo dài thướt tha, đội chiếc nón lá, bước đi uyển chuyển trong bài múa nón.

Chiếc nón đã thực sự trở thành một biểu tượng sinh động của người phụ nữ Việt dịu dàng, nết na, duyên dáng: anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang.

Ngày nay, trong cuộc sống hiện đại, chiếc nón đã không còn vị trí, vai trò như trước. Những chiếc mũ xinh xinh, những bộ quần áo mưa sang trọng đã thay dần chiếc nón bình dị xưa. Nhưng trong ý thức mỗi người dân Việt, hình ảnh chiếc nón cùng những nỗi nhọc nhằn, những mũi chỉ khâu tinh tế sẽ mãi mãi trường tồn vĩnh cửu. Nó mãi mãi là một nét đẹp trong nền văn hoá độc đáo của đất nước Việt Nam tươi đẹp.

Đề 60: Thuyết minh về một căn bệnh gây nguy hại đến tính mạng con người.

Bài làm

Trong nhiều năm trở lại đây, bên cạnh việc tiêm chủng phòng những căn bệnh nguy hiểm như ho gà, sởi, lao,... việc tiêm chủng phòng bện viêm não Nhật Bản cũng được nhắc đến như một yêu cầu cấp thiết. Căn bệnh viêm não Nhật Bản thực sự là một căn bệnh nguy hiểm đối với sự sống của con người.

Bệnh viêm não Nhật Bản khởi đầu với triệu chứng sốt rất cao khoảng từ 39 độ C đến 40 độ C. Người bệnh rét run, đau đầu, mệt lả, buồn nôn, nôn... Tình trạng này kéo dài từ một ngày đến sáu ngày. Sau đó là các biểu hiện sốt cao co giật, rối loạn ý thức, kích thích, vật vã, ngủ gà, lơ mơ, hôn mê...

Nguyên nhân mắc bệnh là do virus gây bệnh thuộc họ Togaviridae, xâm nhập cơ thể người qua vết muỗi Culex tritaeniorhynchus và Culex vishnui đốt. Đối tượng mắc bệnh thường là trẻ em, đặc biệt là trẻ em dưới mười lăm tuổi. Bên cạnh đó, người lớn cũng có nguy cơ mắc bệnh. Vừa qua, Viện các bệnh truyền nhiễm và nhiệt đới quốc gia, BV Bạch Mai tiếp nhận nhiều bệnh nhân mắc bệnh trên là người lớn. Khi gây bệnh ở người lớn, bệnh có nguy cơ gây biến chứng cao với những di chứng rất nghiêm trọng. Theo cảnh báo của Viện Vệ sinh Dịch tễ TW, hiện nay, hệ thống y tế và người dân chỉ tập trung cảnh báo viêm não Nhật Bản ở trẻ em. Trong khi bệnh viêm não Nhật Bản ở người lớn thì hầu như chưa được nhắc đến. Tỉ lệ mắc bệnh ở nhóm tuổi trên mười lăm tuổi chiếm từ 5% đến 10% tổng số bệnh viêm não Nhật Bản và khoảng 25% tổng số viêm não virus ở người lớn.

Viêm não Nhật Bản là căn bệnh để lại nhiều di hại. Những trường hợp mắc viêm não Nhật Bản thường bị nhiễm khuẩn thần kinh, có thể dẫn đến tổn thương não vĩnh viễn và tỉ lệ tử vong cao. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) khuyến cáo, 50% số người lớn khi mắc bệnh sẽ mang di chứng thần kinh và tâm thần vĩnh viễn. Thống kê trong thời gian qua, Khoa Thần kinh (BV Bạch Mai) tiếp nhận 60 bệnh nhân viêm não Nhật Bản là người lớn vào điều trị, trong đó 47 trường hợp có di chứng nặng, chín trường hợp tiến triển cấp tính, 4 người đã tử vong. Biểu hiện của các loại di chứng của viêm não Nhật Bản ở người lớn rất đa dạng và mang tính lan tỏa. Các di chứng về thần kinh – tâm thần đều chiếm đa số các trường hợp như liệt vận động, rối loạn trương lực cơ, tăng phản xạ gân xương, co giật (động kinh), rối loạn trí tuệ, rối loạn cảm xúc, biến đổi nhân cách. Điều đáng lo ngại là sau 3 năm di chứng của bệnh trở thành vĩnh viễn mặc dù đã được điều trị tích cực.

Mùa viêm não thường bắt đầu vào đầu tháng 4, đỉnh cao của dịch rơi vào tháng 6 đến tháng 7. Nguyên nhân do thời điểm đó là mùa hè nắng nóng, mưa nhiều, muỗi sinh sôi nảy nở nên khả năng bệnh lây lan nhanh. Từ đầu tháng 4, số người mắc viêm não Nhật Bản bắt đầu tăng nhanh và kết thúc vào tháng 9. Những vùng có nguy cơ cao tập trung chủ yếu ở các

tỉnh phía Bắc và bắc Trung bộ như Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Hà Nội, Thanh Hóa. Mỗi năm cả nước có từ 2500 ca đến 3000 ca viêm não, trong đó viêm não Nhật Bản chiếm tới 40% đến 60%.

Viêm não là căn bệnh gây tỉ lệ tử vong cao trong khi đó việc điều trị bệnh hiện nay còn gặp nhiều khó khăn vì chưa có thuốc đặc trị, bệnh nhân đến viện muộn. Bệnh nhân chủ yếu được điều trị triệu chứng như dùng thuốc hạ sốt, chống phù nề, co giật.

Các chuyên gia dịch tễ khuyến cáo, để ngăn ngừa mắc bệnh viêm não Nhật Bản, ngoài biện pháp tiêm phòng văcxin, người dân cần làm vệ sinh quanh nhà, phun hóa chất diệt muỗi, có lưới bảo vệ nhà, dùng màn chống muỗi, tránh các hoạt động ngoài trời vào chiều tối. ở một số vùng có nguy cơ cao, cần nhốt gia súc và làm chuồng gia súc xa nhà ở.

Đề 61: Viết bài văn thuyết minh về vai trò của rừng đối với sự sống con người.

Bài làm

Con người sống, tồn tại, làm việc, giải trí hàng ngày trong một môi trường sống trong sạch. Một trong những yếu tố tạo nên sự trong sạch đó chính là "rừng".

Không phải ngẫu nhiên mà trái đất được gọi là hành tinh xanh. Với diện tích lớn là biển, rừng và tầng ôzôn bao quanh, trái đất với điều kiện lý tưởng ấy là nơi bắt nguồn cho sự sống – một điều mà chưa hành tinh nào có. Đặc biệt là rừng – một yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống con người.

Rừng là gì? Đó là một quần lạc sinh địa, trong đó sinh vật rừng, đất và khí hậu tạo thành một thể thống nhất, có quan hệ tương hỗ chặt chẽ với nhau. Nó được tạo nên bởi nhiều thành phần mà cây là thành phần chính. Vậy thì tại sao rừng lại có một ảnh hưởng lớn như vậy đến cuộc sống con người?

Như chúng ta đã biết, thành phần chính của rừng là cây xanh. Mà cây xanh lại có tác dụng rất lớn đối với môi trường sống. Không đơn thuần là tạo bóng mát, làm đẹp phố phường mà hơn hết cây xanh điều hòa khí hậu giúp cho không khí trong lành, làm sạch bầu khí quyển. Hãy thử tượng tượng xem nếu như trái đất này không có cây xanh thì chắc chắn xung quanh ta sẽ chỉ là một bầu không khí bụi bặm, ô nhiễm nắng, nóng hoặc mưa lạnh giá, hạn hán ngập lụt sẽ giày xéo lên cuộc sống của người dân. Nói cách khác không có cây xanh sự sống của con người sẽ chấm dứt.

Cuộc sống con người không chỉ được quyết định ở yếu tố vật chất mà nó còn bị ảnh hưởng bởi điều kiện tự nhiên khách quan. Trong đó xói mòn đất là một hiện tượng tự nhiên thường xảy ra nơi những vùng đất trọc ít cây bao phủ. Xói mòn làm cho lớp đất mặt bị rửa trôi, tạo thành khe rãnh gây lũ lụt, đất trôi lở... ảnh hưởng nghiêm trọng tới sản xuất và đời sống con

người. Rồi hiện tượng gió, gió mạnh ảnh hưởng lớn đến cây rừng làm giảm 30 – 90% sự đồng hóa thực vật, gió nóng làm giảm khả năng thụ phấn của cây, đem cát vùi lấp đồng ruộng, nhà cửa... Tất cả những thiên tai khủng khiếp đó đều có thể được ngăn chặn hoặc giảm bớt bằng cách trồng cây xanh. Rừng điều hòa khí hậu, điều tiết dòng chảy trên mặt đất, bảo vệ, cải tạo làm tơi xốp đất, giữ nước cho sản xuất, hạn chế sức phá hoại của gió ngăn sự di chuyển của cát vào sâu đất liền, ngăn chặn gió, bão, làm hại mùa màng, làng xóm. Không chỉ thế rừng còn là nguồn cung cấp cho con người gỗ, củi, hoa quả và các sản vật khác. Có thể nói rừng đóng một vai trò rất quan trọng trong đời sống của mỗi con người.

Không chỉ là yếu tố, thành phần chính trong hoàn cảnh sống của con người mà rừng còn là môi trường sống của rất nhiều động vật quý hiếm. Rừng có các loại cây từ thấp lên cao. Ở mỗi tầng là một môi trường hoàn cảnh thích nghi riêng biệt với từng loài vật. Nào thỏ, hươu, nai, hổ đến khỉ, vượn, sóc, chim... đó là những loài động vật rất quý hiếm mà môi trường sống duy nhất của chúng chính là rừng – thiên nhiên hoang dã.

Trong rừng có rất nhiều loài gỗ quý hiếm như đinh, lim, sến, táu, hao.. rồi các loại thuốc quý như sâm, tam thất rất có lợi cho sức khoẻ. Hay có những khu rừng được con người trồng lên để phục vụ cho sự sống, công nghiệp như rừng cao su.

Bên cạnh đó rừng còn là môi trường sinh thái trong lành – một địa điểm du lịch lý thú, một danh lam thắng cảnh tuyệt với đầy bí ẩn, hoang dã và tràn đầy hấp dẫn, lôi cuốn.

Ảnh hưởng lớn và có tính chất quyết định đến sự sống con người, rừng còn rất có ích với các lĩnh vực khác như nông nghiệp, công nghiệp, du lịch, dịch vụ... Hiểu rõ được những lợi ích và ảnh hưởng của rừng ta mới thấy rõ vị trí và tầm quan trọng của nó như thế nào.

Đất nước ta với ba phần tư diện tích là rừng, đồi núi – một điều kiện thiên nhiên tuyệt vời. Vậy mà giờ đây diện tích rừng đó còn lại bao nhiêu? Không hiểu rõ tầm quan trọng của rừng, rất nhiều người đã chặt phá cây bừa bãi nhất là những người dân thiếu hiểu biết "đốt nương làm rẫy" khai phá rừng một cách vô ý thức. Nhưng cũng có những người biết được lợi ích của rừng hiểu được sự sai trái trong hành động của mình nhưng vẫn chặt trộm, khai khác rừng trái phép để kiếm lợi về mình. Hậu quả của những việc chặt phá, khai thác thiếu quy củ, đốt rừng, phá rừng ấy thật không thể tưởng tượng được. Ta từng tự hào với cánh rừng U Minh rộng lớn, phong phú nhưng chỉ vì thiếu ý thức, công tác quản lý kém mà hàng trăm, hàng nghìn hecta rừng bị phá hủy, thiêu rụi trong ngọn lửa làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sống và thiệt hại hàng trăm tỷ đồng của nhà nước. Những vùng đồi xanh đẹp đẽ xưa kia, những cánh rừng nguyên sinh xưa kia giờ đây chỉ còn là những quả đồi trọc, những khu rừng thứ sinh. Tiếp theo đó là những thảm họa thiên nhiên liên tục xảy ra nào hạn hán,

nao lũ lụt, nào sụt lở đất... làm thiệt hại bao tiền của và đau đớn hơn là lấy đi tính mạng của không ít những người dân vô tội. Không có rừng thì lấy cái gì để ngăn chặn lũ lụt, điều hòa không khử, để chống xói mòn, để bảo vệ làng mạc? Những tai hại to lớn và khủng khiếp ấy đều chỉ vì một sự vô ý thức, sự thiếu hiểu biết và hám lợi của một số cá nhân gây ra.

Mất rừng đồng nghĩa với việc môi trường sống của con người đang dần dần bị tàn phá, hủy hoại. Những loài động vật hoang dã cũng mất đi môi trường sống của mình. Đã bao loài động vật bị tuyệt chủng, bị đưa vào danh sách đỏ. Nguy cơ tuyệt chủng tất cả cũng vì chặt phá rừng.

Hiểu rõ tầm quan trọng, thấy rõ những hậu quả của việc tàn phá rừng, chúng ta thêm phần yêu quý và biết bảo vệ rừng hơn.

Hiện nay Đảng và chính quyền nhà nước ta đã có những biện pháp thích hợp và quản lý chặt chẽ trong việc khai thác rừng. Bằng cách khai thác hợp lý kết hợp với việc tái tạo rừng, nhiều khu rừng đã được phục hồi "phủ xanh đồi trọc".

Tác động của con người tới tái sinh tự nhiên là rất lớn bởi trong tái sinh tự nhiên thường gặp hoàn cảnh bất lợi, ảnh hưởng đến sự nảy mầm của hạt sự sinh trưởng của cây con. Để khắc phục người sản xuất phải chủ động tạo hoàn cảnh sống thích hợp bằng cách chặt phá những cây, cành mọc quá rậm, phát bớt bụi rậm để hạt dễ tiếp xúc nảy mầm và xới đất tơi xung quanh gốc. Là học sinh, sinh viên chúng ta có thể góp sức nhỏ của mình trong công cuộc cải tạo rừng bằng cách tuyên truyền tầm quan trọng của rừng, hậu quả của việc khai thác trái phép và có thể trồng cây quanh nhà để góp phần làm trong sạch không khí, môi trường sống trong xóm làng.

Hãy yêu quý và bảo vệ rừng để trái đất của chúng ta mãi là "hành tinh xanh" "Tổ quốc Việt Nam yêu dấu, có sạch đẹp mãi được không. Điều đó tuỳ thuộc hành động của bạn, chỉ thuộc vào bạn mà thôi".

Đề 62: Giới thiệu về một loài cây quen thuộc của quê em.

Bài làm

Đẹp vô cùng Tổ quốc ta ơi!
Rừng cọ đồi chè, đồng xanh ngào ngạt
Nắng chói sông Lô, hò ô tiếng hát
Chuyến phà dào dạt bến nước Bình Ca

(Tố Hữu)

Quê tôi, vùng quê trung du Bắc Bộ có "rừng cọ đồi chè" nhưng với tôi hình ảnh về quê hương và loài cây gắn bó quen thuộc nhất vẫn là cây na.

Không rậm rạp xanh tốt như cây roi, không tạo thế, đua chen và khoe dáng như lá cọ, na cứng cáp, khẳng khiu đứng riêng rẽ một mình trong khu

vườn đồi trọc. Mỗi năm khi bà già mùa đông mang cái lạnh về, na trút lá khẳng khiu gầy guộc nhưng kiên cường chịu rét giơ những cành những nhánh khô mà chống chọi với những trận gió bấc, mưa phùn, để rồi khi sơn ca báo hiệu xuân về cùng những đợt mưa xuân xôn xao phơi phới thì từ trong những cành khẳng khiu kia, na ươm trồi nảy lộc với những búp lá non xanh đẹp lạ kì. Lá na không to, hình bầu dục, mỗi nhánh nhiều lá giống kiểu xếp của lá phượng, lá me nhưng thưa hơn và thoáng hơn, to hơn, là loài cây ăn quả nên thân na phát triển không to. Trồng được 2 năm là na đã cho quả.

Quả na xanh tròn khía theo múi giống hình mắt. Kinh nghiệm của bà về na chín đã được nhà thơ Trần Đăng Khoa đưa vào thơ thật ngộ nghĩnh:

"Tiếng gà
Giục quả na
Mở mắt
Tròn xoe..."

Na mở mắt, nghĩa là những múi na (mắt na) căng phồng hết cỡ mang màu vàng hồng báo hiệu quả sắp chín. Có thể để na chín cây hoặc ngắt xuống độ một ngày sau na chín là ăn được. Bà tôi bảo: "Na sống ở khắp các tỉnh trong cả nước, nhưng ngon và bổ thì chỉ có na ở quê mình vì chất đất ở đây thích hợp nhất cho loại cây này". Quả đúng vậy na chín, vỏ mỏng, bóc trên tay đã thơm phức mùi hương, quyến rũ lạ thường. Vị ngọt sắc của na như nhắc người ta nhớ đến tháng ngày cây cần mẫn chắt chiu nhựa đất trên dải đất sỏi khô cằn.

Hoa na giống hoa lan nhưng dầy cánh và mùi hăng hắc. Hoa không nhiều nhưng có hoa là đậu quả. Mỗi cây trung bình hàng năm cho khoảng vài chục cân. Đến vụ, cả đồi na, bà thu hoạch được gần tấn, cũng được 6 – 7 triệu đồng.

Cứ như thế, mùa tiếp mùa, năm tiếp năm, na trở thành loại quả xuất khẩu và món ăn tráng miệng thường nhật cung cấp vitamin rất tốt. Mỗi cây na như nhắn nhủ với mọi người về sức sống bền bỉ và một cuộc đời cần mẫn chắt chiu như chính người trồng na vậy.

Đề 63: Hoa sen là loài hoa được chọn làm biểu tượng cho dân tộc Việt Nam. Em hãy viết bài văn giới thiệu loài hoa này với bạn bè thế giới.

Bài làm

Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng
Nhị vàng, bông trắng, lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn

Là người Việt Nam, hẳn ai cũng biết về bài ca dao trên và loài hoa quen thuộc được nói tới trong bài, một loài hoa đồng nội mộc mạc, giản dị, sống trong bùn lầy hôi tanh mà vẫn toả hương khoe sắc. Đó là hoa sen.

Nói đến hoa sen, ai cũng nhớ tới một loài hoa mộc mạc trong đầm, lá to, tròn nổi trên mặt nước. Thân và cuống của hoa đều có màu xanh. Búp sen có màu xanh lục, hình bầu dục. Khi nở, hoa sen màu hồng thắm, xen chút màu trắng. Nhị và nhụy sen màu vàng được gói kín bên trong toả hương thơm ngát. Đài sen nở to khi lá và nhị rụng còn trơ lại và phát triển thành bát sen.

Vào mùa hạt, chưa đi đến đầu làng, còn bước chân trên con đường cát sỏi bỏng rát, ta đã ngửi thấy hương thơm ngào ngạt của hoa sen bay trong gió quyện trong mùi lúa nếp thơm nồng như giục giã bước chân ai nhanh về quê mẹ. Những ngày rằm, mồng một hàng tháng, mùa hè sen được bán đắt hàng nhất trong các hàng hoa vì ai cũng hiểu sen tượng trưng cho tấm lòng thơm thảo, bình dị, mộc mạc của con cháu kính dâng lên tổ tiên, ông bà. Hương trầm quện trong hương sen gợi nhớ về cõi linh thiêng, đẹp nhất. Cuối hạ những bông sen tàn trơ lại bát sen xanh to bằng bát cơm với những hạt sen già mẩy căng tròn. Mỗi bộ phận của sen đều có những công dụng hữu ích giúp cho con người. Hoa sen rất thơm dùng để ướp trà. Nếu bạn là người thích uống trà thì bạn không thể bỏ qua món chè sen (chè được ướp hương sen bằng cách cho chè vào hoa sen và buộc lại để qua đêm, hay cho nhị sen pha lẫn với chè). Nó vừa thơm vừa đậm đà uống xong rất sảng khoái. Chè tâm sen (phần phôi xanh trong hạt sen) còn có tác dụng chữa bệnh mất ngủ rất tốt.

Hạt sen có thể ăn lúc non vừa ngọt vừa thơm, là món quà vặt của trẻ con thôn quê. Hạt sen già được các bà mẹ khéo tay nội trợ chế biến thành những món đặc sản nổi tiếng: chè sen (nấu nhừ hạt sen rồi thả vào nồi bột sắn trong suốt) ăn vừa mát vừa bổ. Món mọc trong cỗ bàn chính là cách ninh nhừ hạt sen trong nồi xương lợn, thả những viên mọc nấm hương vào lẫn tạo nên hương vị béo thơm thật hấp dẫn. Trước đây món này chỉ dành cho vua chúa, quý tộc... mới được dùng.

Nếu bạn đi qua cánh đồng chỉ ngửi thấy mùi thơm của hoa sen thì với tôi hương thơm ấy lại gợi về những kỷ niệm bên gia đình bè bạn với hương vị của cốm làng Vòng dẻo thơm bọc trong những lá sen to mát dịu. Những ngày hè nóng bức lá sen đội đầu thay thế cho những chiếc nón, mũ quả là tuyệt diệu. Bọn trẻ chăn trâu coi đây là thú vui nhất khi đua nhau ngụp lặn dưới đầm để mò ngó sen (phần thân và củ sen nằm sâu dưới bùn nước).

Có thể nói hoa sen từ lâu đã gắn với văn hoá tinh thần của người Việt. Hoa sen được ví đẹp như những người thiếu nữ Việt Nam, tượng trưng cho sự thanh cao giàu sức sống, biểu tượng của vẻ đẹp chân thực, giản dị, mộc mạc:

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn

Hình tượng đó đã đi vào ca dao thơ ca, lấy sen làm vẻ đẹp để tôn vinh so sánh với Bác Hồ.

Tháp Mười đẹp nhất bông sen
Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ

Sen còn là hoạ tiết chính trong các đồ vật trang trí trong các công trình văn hoá cổ, trong các bức tranh dân gian, các đồ vật trang nghiêm ở thủ đô Hà Nội. Chùa Một Cột nằm giữa hồ sen đã minh chứng cho sự quan trọng của hoa sen với đời sống của dân tộc ta. Và đặc biệt có cuộc thi đã lấy giải mang tên biểu tượng Bông sen vàng.

Có thể nói hoa sen là loài hoa đẹp, có nhiều lợi ích gắn bó với dân tộc Việt Nam từ bao đời nay. Vì vậy cứ nghĩ đến làng quê Việt Nam chúng ta lại nhớ đến hình ảnh bông sen nổi lên trên mặt nước, toả mùi hương thơm ngát... Một loài hoa đẹp, cao quý của đất nước Việt Nam.

Đề 64: Thuyết minh về một loài hoa mà em yêu thích.

Bài làm

Mỗi khi nhắc đến thế giới loài hoa, thật khó có thể quên được loài hoa hồng kiêu sa, kiều diễm – loài hoa vốn được mệnh danh là "nữ hoàng của các loài hoa". Đi sâu tìm hiểu về loài hoa này, chúng ta thấy có thật nhiều điều thú vị!

Hoa hồng vốn có nguồn gốc từ xứ sở Ba Tư xa xôi. Từ đất nước Ả-rập thần bí này, hoa hồng đến với khắp các quốc gia trên thế giới. Cho đến nay, có lẽ chưa có mảnh đất nào có bóng con người mà hoa hồng chưa đặt chân đến. Nhưng nổi tiếng nhất, có thể nhắc đến hoa hồng của những đất nước Bun-ga-ri. Một nhà thơ Việt nam đã từng thốt lên:

Hoa hồng Bun-ga-ri
Ôi! Loài hoa diệu kì!

Có lẽ chính vẻ đẹp và những ý nghĩa thiêng liêng của hoa hồng đã tạo nên sức hút diệu kì thu hút và chinh phục hàng triệu trái tim con người.

Hoa hồng thuộc giống thân cỏ và có rất nhiều loài. Có loài thân leo, có loài thân thẳng. Có loài không gai, có loài có gai,.... Tuy nhiên, phổ biến nhất vẫn là loài hồng thân thẳng. Thân hoa vươn lên cao chừng một mét. Lá mọc trực tiếp từ thân cây. Lá hoa thường có ba nhánh hình bầu dục, viền có răng cưa. Ngoài ra, trên thân cây thường có gai sắc, nhọn. Tuy nhiên, cũng có loài được lai ghép nên thân trơn nhẵn khiến người ôm hoa không sợ bị gai đâm. Nụ hoa được đặt trang trọng trên đỉnh của thân cây. Dưới nụ hoa xanh tươi còn có đài hoa nâng đỡ. Đủ ngày đủ tháng, nụ hoa bung nở hàng chục cánh hoa mềm mịn đan xếp vào nhau kiêu sa, quyến rũ. Cánh hoa hồng cũng có hình bầu dục, to hơn xu đồng tiền, cánh hoa rất mịn ("mịn như nhung", nên có loài hoa hồng tên gọi là hồng nhung) và êm nhẹ. Đặc biệt, cánh hoa hồng thường có rất nhiều màu: màu đỏ, màu hồng, màu vàng, màu cam... Với mỗi màu lại có những sắc độ khác nhau: đỏ tươi, huyết dụ, đỏ nhung,...

Hoa có rất nhiều tác dụng trong đời sống hàng ngày. Điều dễ thấy là hoa hồng được dùng để làm cảnh trong nhiều gia đình. Chúng ta trồng hoa

hồng trong vườn nhà, chúng ta cắm hoa hồng trong lọ, chúng ta tặng nhau những đoá hoa hồng... Sở dĩ hoa hồng thường được trao tặng nhau một cách trang trọng như thế bởi hoa hồng có nhiều ý nghĩa. Hoa hồng đỏ tượng trưng cho tình yêu cháy bỏng, nồng nàn. Hoa hồng vàng thể hiện tình bạn cao quý, chân thành. Hoa hồng cam thể hiện sự thành đạt, hiển vinh... Số lượng hoa hồng trong mỗi đoá cũng mang những ý nghĩa nhất định thể hiện suy nghĩ của người tặng, đặc biệt là đối với những đoá hồng đỏ. Không chỉ dùng để làm đẹp, hoa hồng còn rất nhiều tác dụng khác. Từ cánh hoa hồng, nhiều quốc gia đã chiết xuất tinh dầu tạo nên những nền công nghiệp nước hoa khổng lồ như Bun-ga-ri, Pháp,... Cũng từ hoa hồng, dân gian ta chế ra những bài thuốc chữa nhiều bệnh thông thường: cảm, đau bụng,...

Có nhiều tác dụng như vậy nhưng hoa hồng không hề khó tính chút nào. Hoa có thể nở bốn mùa trong năm để dâng hương sắc cho cuộc đời đầy ý nghĩa này. Ở nước ta, hoa hồng đẹp nổi tiếng nhất là hoa hồng của cao nguyên Đà Lạt. Từ Đà Lạt, hoa hồng chẳng những đi khắp mọi nẻo đường đất nước mà hoa còn đến với bạn bè khắp năm châu.

Biết về hoa hồng như vậy, mỗi khi cầm bông hồng trên tay, chúng ta hãy biết trân trọng và yêu quý bông hồng bạn nhé!

Đề 65: Giới thiệu về loài hoa của làng quê Việt Nam.

Bài làm

Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng
Nhị vàng bông trắng lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Bài ca dao về hoa sen gợi biết bao niềm yêu mến và tự hào về loài hoa hương đồng gió nội. Nhắc đến hoa sen là nhắc đến một loài hoa đẹp đẽ, thánh thiện, hoàn toàn thoát tục; một loài hoa trở thành biểu tượng cho tâm hồn và nhân phẩm Việt Nam.

Hoa sen là một trong những loài hoa truyền thống lâu đời nhất ở phương Đông. Đây là loài thực vật sống dưới nước có nguồn gốc Á châu và chiếm giữ một vị trí cổ xưa trong tất cả nền văn hóa, đặc biệt là của Phật giáo. Ta biết rằng nhắc đến Phật giáo là nhắc đến hình ảnh Phật ngồi trên đài sen thơm ngát. Phật giáo đã có hơn hai nghìn năm trăm năm, vậy ắt hẳn tuổi của loài sen còn nhiều hơn thế.

Một bông hoa sen ngắm lần lượt từ ngoài vào trong ta sẽ thấy "bông trắng, nhị vàng". Cánh hoa sen rất giống với hình trái tim, đáy tim hướng lên trên. Một bông sen có nhiều lớp cánh xếp lớp vào nhau; đến khi nở cũng ngần ấy cánh hoa xoè ra khoe sắc. Cánh hoa sen có thể có màu hồng hoặc trắng. Bên trong cánh sen là nhị sen màu vàng tươi rất nổi bật. Khi

sen đã già, nhị đã tàn có thể thấy rõ bát sen với những hạt sen lớn bằng đầu ngón tay. Toàn bộ bông sen được đỡ bằng một cuống hoa dài và đưa sen mọc khỏi trên mặt nước. Thân sen được cấu tạo rất đặc biệt. Bẻ đôi thân sen sẽ thấy hai nửa thân còn được nối với nhau bằng những sợi tơ dài. Chính đặc điểm đó của sen đã gợi hứng để đại thi hào Nguyễn Du viết nên câu thơ tuyệt bút: "Dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng". Bởi vậy, sen còn là biểu tượng của lòng thuỷ chung son sắt. Lá sen có hình tròn, rất rộng và có màu xanh. Mặt lá có một lớp nhung trắng, khi ánh nắng chiếu vào, lớp nhung trắng ấy óng ánh li ti mơ ảo rất đẹp. Hoa sen, lá sen, thân sen được nuôi sống bởi củ sen nằm sâu dưới lòng bùn. Hoa sen mọc trong bùn, sống trong bùn nhưng vượt lên khỏi nó để hướng đến mặt trời mà không hề bị bùn làm ô nhiễm, vấy bẩn. Thật đúng như lời ca dao: "Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn".

Trong bức tranh làng quê Việt Nam, sẽ thật thiếu sót nếu thiếu đi hình ảnh đầm sen bát ngát, mênh mông. Có điều ấy bởi từ Bắc vào Nam, sen có mặt khắp mọi nơi, gắn bó rất mật thiết với đời sống con người Việt Nam như cây tre, cây đa... vậy. Mùa hạ đến giữa cái nóng như thiêu như đốt, đi làm đồng hay đang trên đường đi xa, người ta chỉ ao ước đến gần một đầm sen. Hương sen thơm ngát, mát lành thoảng qua làm dịu đi cái nóng nực, oi nồng. Thêm nữa, nhìn hình ảnh đầm sen rờn sóng, lá sen lấp loáng, hoa sen lung linh, chỉ vậy thôi đã như cảnh tiên khiến người ta quên cả mệt mỏi. Vài cậu bé con tinh nghịch ngắt chiếc lá sen che lên đầu làm nón, ngất ngưởng ngồi lên lưng trâu đi về đường làng, hình ảnh ấy cũng thật nên thơ nên hoạ. Không chỉ vậy, nhắc đến hoa sen còn là nhắc đến một loài hoa quý. Ở Việt Nam, sen được xếp vào bộ tứ quý bốn mùa: lan, sen, cúc, mai và xếp vào hàng "tứ quân tử" cùng tùng, trúc, cúc. Hoa sen được dùng để làm đẹp cho những ngôi nhà đơn sơ, giản dị của người nông dân Việt Nam đồng thời làm sang cho những khu vườn kim chi ngọc diệp. Bên cạnh đó, sen còn là một món ăn rất ngon và bổ. Củ và ngó sen sau khi rửa sạch liền trở thành món ăn mát lành, một món đặc sản chốn đồng quê. Hạt sen cũng được dùng làm món ăn, vị thuốc công hiệu. Đặc biệt, nhị sen còn được dùng để ướp trà tạo nên thức trà sen nức tiếng. Sáng sớm, khi trời còn tinh sương, người ướp trà phải chèo thuyền ra hồ thả từng lá trà vào giữa bông sen rồi buộc nhẹ bông sen lại để chè được ngấm cái hương vị thơm lành của sen. Cầu kì hơn, có người còn đi thâu từng hạt sương đọng trên cánh hoa sen, lá sen để làm nước hãm trà... Vậy mới biết, sen được con người yêu thích đến nhường nào!

Khi mùa hạ qua đi, sen dần tàn lụi. Sen chỉ thích hợp với môi trường có khí hậu ấm nóng bởi vậy khi thu đến đông về, sen tạm thu mình xuống lớp bùn lạnh để chờ xuân sang vươn chồi non biếc và mùa hè đến thì xoè hoa, khoe lá. Nếu ở miền Bắc, hoa sen chỉ nở vào mùa hè, thì ở hầu khắp miền Nam quanh năm đâu đâu cũng thấy sen khoe sắc thắm. Làng quê nơi Bác

sinh ra cũng có tên là Làng Sen, và có lẽ hoa sen đẹp nhất khi được ví với hình tượng Bác Hồ, người cha già dân tộc, vị lãnh tụ kính yêu của chúng ta:

Tháp Mười đẹp nhất bông sen
Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ

Không chỉ có những giá trị thực dụng, sen còn thể hiện những ý nghĩa sâu sắc giàu tính triết lí. Sen sống trong bùn nhưng vẫn vươn lên trên lầy, toả hương thơm ngát. Sen có một sức sống mạnh mẽ đến kỳ lạ và tự tính của sen là tinh khiết, thanh thoát. Nó tượng trưng cho bản tính thân thiện, phong thái tao nhã, tinh thần "vươn dậy" trong mọi nghịch cảnh của cơn người Việt Nam. Đặc biệt trong tư tưởng Phật giáo, hoa sen được tôn quý và chiếm vị trí rất quan trọng bởi tôn giáo này quan niệm rằng bản thân bông sen đã thể hiện tinh thần "cư trần bất nhiễm trần" – ý nghĩa ấy biểu trưng cho những giá trị đạo đức, sự thuần khiết và thánh thiện,... Trong Phật giáo, phật tổ Thích Ca được sinh ra từ đóa sen vàng. Trong các công trình kiến trúc Phật giáo ở Việt Nam, sen luôn trở thành hình tượng nghệ thuật. Một trong những công trình kiến trúc tiêu biểu lấy cảm hứng từ hoa sen là chùa Một Cột. Theo truyền thuyết, ngôi chùa này được hình thành từ một giấc mộng đài sen của một vị vua triều Lí. Chùa có hình dáng hoa sen, mọc lên từ hồ nước, chỉ với "một cột" như một cọng sen. Tại đất nước Ai Cập, bông sen cũng được tôn thờ vì sự thanh khiết và thánh thiện. Đây là loài hoa duy nhất nở được trên dòng sông Nin huyền thoại bởi dòng chảy ở đây rất mạnh, các loài hoa khác đều bị vùi dập bởi sóng nước nhưng riêng hoa sen thì khác, hoa sen có thể đâm chồi, nảy lộc và đem lại vẻ đẹp không gì sánh bằng cho con sông giàu màu sắc thần bí này.

Hãng hàng không quốc gia của Việt Nam, Vietnam–airline, đã chọn hình ảnh bông sen sáu cánh làm biểu tượng của mình sau bao thời gian chắt lọc, suy nghĩ. Đó cũng là biểu tượng mà người Việt Nam muốn cho bạn bè quốc tế trên khắp năm châu được biết đến. Đóa sen hồng giờ đã được nâng lên không trung, bay đến với khắp mọi nơi trên thế giới, mang niềm vui đoàn tụ, hạnh phúc, hòa bình và đã giúp khoảng cách giữa người và người, giữa các cộng đồng trên thế giới được xích lại gần nhau. Trong mắt của bạn bè thế giới, hình ảnh của bông sen sẽ in đậm và động lại trong tư tưởng của mọi người về một đất nước anh hùng, bất khuất dù phải trải qua bao cuộc bể dâu, bao trận chiến tang thương, khốc liệt nhưng giờ đây vẫn vững bước đi lên hội nhập với thế giới.

Đề 66: Giới thiệu một loài hoa (như hoa đào, hoa mai,...) hoặc một loài cây (như cây chuối, cây na,...).

Bài làm

Cứ vào dịp Tết Nguyên Đán, nhà nhà lại nô nức chuẩn bị bao thức vật thơm ngon, đẹp đẽ cho dịp Tết trọng đại trong năm này. Và giữa bao nhiêu

bánh trái, đồ đạc,... mới mẻ, sặc sỡ, một cành đào tươi tắn rực rỡ vẫn được chờ đợi, ngóng trông nhất.

Hoa đào là loài hoa đặc trưng cho cái Tết và mùa xuân miền Bắc Việt Nam. Hoa đào được trồng ở hầu hết các tỉnh miền Bắc: Lạng Sơn, Lào Cai, Hà Nội,... Nhưng đẹp nhất, được yêu thích nhất vẫn là hoa đào Nhật Tân, Hà Nội. Gọi là hoa đào Nhật Tân vì giống hoa ấy được trồng ở làng Nhật Tân – một vùng đất ven sông Hồng của Hà Nội.

Hoa đào cũng có nhiều loại: đào bích, đào phai, đào bạch,... Trong đó, đào bích phổ biến hơn cả. Đó là loại đào mau cánh, cánh màu đỏ thẫm. Đào phai thì nhạt hơn, sắc đã ngả sang hồng. Riêng đào bạch thì đúng như tên gọi, cánh hoa có màu trắng; đây là loại hoa đào rất hiếm và khó trồng.

Hoa đào ưa đất phù sa ven sông và thích hợp với khí hậu ấm áp của mùa xuân. Đó là lí do để cứ mỗi khi Tết đến, xuân về hoa đào lại tưng bừng khoe sắc. Không chỉ vậy, hoa còn rất kén chọn cách chăm sóc, tưới bón. Tưới nước cho hoa đào phải tưới bằng nước sạch, nếu sử dụng nước bẩn bị ô nhiễm, đào nở hoa không đều và không đẹp. Hơn nữa, muốn hoa nở đúng dịp Tết phải biết cách tuốt lá đào vào dịp cuối năm.

Tuỳ theo tuổi đời, chủng loại và cách chăm bón của người trồng đào mà một cây đào có thể rất nhỏ hoặc rất rất lớn. Loại nhỏ nhất có thể cao vài chục xen–ti–mét, loại lớn nhất có thể cao đến vài mét. Đào là giống cây rễ cọc nên có một thân chính lớn và rất nhiều cành nhỏ vươn ra từ đây. Thân và cành đào được bao bọc bởi một lớp vỏ màu nâu xám. Từ hàng chục cành nhỏ lại nhú ra các lá đào xanh non và dưới mỗi lá là một nụ đào nhỏ xíu có một lớp lông phấn trắng phủ ngoài. Đến đúng dịp, từ mỗi nụ nhỏ xinh xắn, một bông hoa đào đỏ thắm ngơ ngác xoè cánh nhìn cuộc sống. Hoa đào có năm cánh thắm, ở giữa là nhị hoa màu vàng tươi trông rất bắt mắt; cả cánh hoa và nhị hoa lại được nâng đỡ bởi sắc xanh non của đài hoa nên một bông hoa đào là một hình ảnh hài hoà về màu sắc.

Hoa đào chỉ nở một lần trong năm vào dịp đầu xuân, chính đặc điểm này cùng với màu đỏ thắm của cánh hoa được con người trân trọng. Bởi màu đỏ là màu của điềm lành, của sự may mắn. Và hoa đào nở vào dịp đầu xuân giống như lời chúc cát tường, thịnh vượng cho mọi gia đình. Cùng với màu sắc của hoa, hình dáng cây hoa cũng là một đặc điểm quan trọng. Thông thường, các cành đào vươn lên khiến cây giống như một chùm đèn lồng xoay ngược hay một li rượu vang lớn. Nhưng người trồng đào hoàn toàn có thể tạo "thế" cho cây bằng cách uốn, tỉa thân, cành. Thân chính của cây được tạo dáng sao cho uốn lượn theo hướng vươn lên giống hình ảnh con rồng bay lên trời xanh. Hoặc có thể được uốn tỉa theo hình các con vật; rất phong phú đa dạng. Muốn cây đào có được vẻ xù xì, cổ kính mà không bị cồng kềnh, cao to, người trồng đào thường chọn những cây già rồi cắt gần sát gốc để từ cái gốc cổ thụ ấy lại vươn ra những thân đào khác... Thế mới biết, nghề trồng đào – chơi đào cũng lắm công phu.

Vào ngày Tết, cây đào được đặt ở vị trí trung tâm trong phòng khách, kiêu hãnh khoe cái vẻ tươi tắn rực rỡ của mình. Nhiều gia đình còn treo lên cành cây những phong bao lì xì, những vật trang trí vô cùng bắt mắt. Mỗi lần gió xuân đi qua, những vật nhỏ xinh ấy lại quay tròn ríu rít vỗ tay mừng hoa đào đã nở.

Cây hoa đào với những đặc điểm đáng quý của mình đã được con người Việt Nam trân trọng và nâng niu như thế. Và mỗi dịp Tết đến xuân về, lòng người lại háo hức với niềm vui được chờ đón hoa đào nở, được chờ đón một năm mới an lành, hạnh phúc.

Đề 67: Thuyết minh về một giống vật nuôi.

Bài làm

Có rất nhiều loài vật đã được con người thuần hoá, nuôi dưỡng và trở thành "thú cưng" trong mỗi gia đình. Nhưng trong số đó, có thể nói mèo là loài vật được yêu chiều, nâng niu nhất.

Mèo nhà là một phân loài trong họ mèo (trong họ mèo còn có báo, linh miêu...). Theo những căn cứ khoa học đáng tin cậy thì chúng đã sống gần gũi với loài người trong khoảng từ 3.500 năm đến 8.000 năm.

Có rất nhiều các giống mèo khác nhau, một số không có lông hoặc không có đuôi. Các màu lông mèo rất đa dạng: màu trắng, màu vàng, màu xám tro... Có những chú mèo mang nhiều màu lông nên có những tên gọi như mèo tam thể (có ba màu lông), mèo vằn (hai màu lông chạy xen nhau), mèo đốm,...

Mèo con từ 1 tháng tuổi trở lên đã được mèo mẹ dạy các động tác săn bắt mồi như chạy, nhảy, leo trèo, rình và vồ mồi. Mèo 4 tháng tuổi có thể bắt được chuột, gián, thạch sùng... Chúng giao tiếp bằng cách kêu "meo"/"mi–ao", "gừ–gừ", rít, gầm gừ và ngôn ngữ cơ thể. Mèo trong các bầy đàn sử dụng cả âm thanh lẫn ngôn ngữ cơ thể để giao tiếp với nhau.

Thông thường mèo nặng từ 2,5 kg đến 7 kg. Cá biệt, một số chú mèo từng đạt tới trọng lượng 23 kg vì được cho ăn quá nhiều. Trái lại, cũng có những chú mèo rất nhỏ (chưa tới 1,8 kg). Ở tình trạng nuôi trong nhà, mèo thường sống được từ 14 năm tới 20 năm. Chú mèo già nhất từng biết đến trên thế giới đã sống 36 năm. Mèo giữ năng lượng bằng cách ngủ nhiều hơn đa số các loài động vật khác, đặc biệt khi chúng già đi. Thời gian ngủ hàng ngày có khác nhau, thường là 12 giờ đến 16 giờ, mức trung bình 13 giờ đến 14 giờ. Một số chú mèo có thể ngủ 20 giờ trong ngày. Vì thường chỉ hoạt động nhiều lúc mặt trời lặn, mèo rất hiếu động và hay đùa nghịch vào buổi tối và sáng sớm.

Mèo là những "vận động viên điền kinh" tài giỏi có thể chạy rất nhanh và nhảy xuống đất từ độ cao lớn. Có điều đó vì chúng có cấu tạo cơ thể rất đặc biệt.

Mèo có bốn chân, mỗi bàn chân đều có vuốt và đệm thịt ở phần tiếp xúc với mặt đất. Giống như mọi thành viên khác của họ mèo, vuốt của mèo thu lại được. Bình thường, ở vị trí nghỉ các vuốt được thu lại trong da và lông quanh đệm ngón. Điều này giữ vuốt luôn sắc bởi chúng không tiếp xúc với mặt đất cũng như cho phép mèo đi nhẹ nhàng rình mồi. Các vuốt chân trước thường sắc hơn so với phía sau. Mèo có thể giương một hay nhiều vuốt ra tùy theo nhu cầu. Khi rơi từ trên cao xuống, mèo có thể sử dụng cảm giác thăng bằng sắc bén và khả năng phản xạ của nó tự xoay thân tới vị trí thích hợp. Khả năng này được gọi là "phản xạ thăng bằng." Nó luôn chỉnh lại thăng bằng cơ thể theo một cách, khiến chúng luôn có đủ thời gian thực hiện phản xạ này khi rơi. Giống như chó, mèo là loài vật đi trên đầu ngón chân: chúng bước trực tiếp trên các ngón, các xương bàn chân của chúng tạo thành phần thấp nhìn thấy được của cẳng chân. Mèo có thể bước rất chính xác, bởi vì khi đi, chúng đặt bàn chân sau (hầu như) trực tiếp lên dấu của bàn chân trước, giảm thiểu tiếng ồn và dấu vết để lại. Điều này cũng giúp chúng có vị trí đặt chân sau tốt khi bước đi trên bề mặt ghồ ghề.

Hỗ trợ đắc lực cho mèo trong quá trình di chuyển, ngoài chân ra còn có đuôi. Đuôi mèo dài và uyển chuyển, chúng được dùng để xua đuổi ruồi muỗi. Nhưng chức năng chủ yếu là giữ thăng bằng khi chạy nhảy leo trèo.

Tai mèo khá thính. Đa số mèo có tai thẳng vểnh cao. Nhờ tính năng động cao của cơ tai mà mèo có thể quay người về một hướng và vểnh tai theo hướng khác. Mắt mèo cũng là một bộ phận khá đặc biệt. Nghiên cứu cho thấy tầm nhìn của mèo tốt nhất vào ban đêm so với người, và kém nhất vào ban ngày. Màu mắt của mèo khá đa dạng: màu vàng, màu đen, màu nâu, màu xanh... Về thính giác, con người và mèo có tầm thính giác ở mức thấp tương tự như nhau, nhưng mèo có thể nghe được những âm thanh ở độ cao lớn hơn, thậm chí tốt hơn cả chó. Khi nghe âm thanh nào đó, tai mèo sẽ xoay về hướng đó; mỗi vành tai mèo có thể quay độc lập về hướng nguồn âm thanh. Khứu giác của mèo cũng rất phát triển. Nó mạnh gấp 14 lần so với của con người. Số lượng tế bào khứu giác ở mũi của chúng cũng nhiều gấp đôi, do dó mèo có thể ngửi thấy những mùi mà chúng ta không nhận thấy được.

Mèo là động vật ăn thịt thế nên đối tượng để nó săn mồi cho nhu cầu sinh tồn là những loài vật nhỏ như: chuột, rắn, cóc nhái, cá... Vũ khí để săn mồi là móng vuốt. Khi gặp con mồi, nó thường đứng từ xa cách con mồi khoảng chừng 5 đến 6 mét. Sau đó nó nằm bẹp hạ cơ thể xuống sát đất, mắt chăm chăm nhìn không nháy mắt đến đối tượng đồng thời bước tới con mồi cần săn rất nhẹ nhàng. Khi đến gần khoảng cách mà nó cảm thấy ăn chắc, loài mèo tung ra sức mạnh cuối cùng bằng cách đẩy mạnh 2 chân sau và đồng thời phóng mạnh toàn cơ thể tới phía trước và dùng móng sắc nhọn duỗi thẳng ra và chụp lấy con mồi. Ngày nay, loài mèo luôn sống với người qua nhiều thế hệ con cháu. Cho nên, thức ăn của loài mèo là cơm hoặc thức ăn sẵn. Nhưng thức ăn ưa thích nhất của loài mèo vẫn là nón cá.

Mèo thường tránh nơi ẩm ướt và ở rất sạch sẽ. Để làm vệ sinh cho cơ thể, nó thường thè lưỡi ra, tiết nước bọt vào chân của nó rồi bôi lên mặt và toàn thân thể. Hành động này cho thấy mục đích nó muốn xóa sạch các vết bẩn, ngay cả hơi tay của con người vừa mới bồng hay vuốt ve nó. Loài mèo luôn tự làm lấy vệ sinh cho cơ thể nhiều lần trong ngày, thường là lúc nó mới ngủ dậy hay đi đâu đó về. Hành động đó đã trở thành thói quen thường thấy ở loài mèo ngay cả khi cơ thể của nó không có vết bẩn nào cả.

Trải qua một thời gian dài được con người thuần dưỡng, ngày nay, mèo đã trở thành một loài vật cưng trong nhiều gia đình, đặc biệt là các em nhỏ. Mèo không chỉ là một "người bảo vệ", một "dũng sĩ diệt chuột" mà còn là một loài vật cảnh hết sức dễ thương. Có lẽ bởi vậy, tình cảm giữa con người và loài mèo sẽ ngày càng gắn bó hơn.

Đề 68: Viết bài văn ngắn thuyết minh về một loài chim mà em yêu thích.

Bài làm

"Vàng anh vàng anh, có phải vợ anh – chui vào tay áo...". Đó là câu nói quen thuộc của chàng hoàng tử khi gọi chị Tấm. Nhưng tôi không phải là hoàng tử, cũng chẳng phải Tấm đâu mà tôi là chim vàng anh đấy, các bạn đã nhận ra tôi chưa?

Tôi là một loài chim nhỏ có tiếng hát rất hay và có cái tên thật dễ thương phải không các bạn? Đi đâu tôi cũng hãnh diện và sung sướng trước dáng điệu nhỏ nhắn mảnh mai của mình lại được cha mẹ khoác cho bộ lông vũ óng ánh sặc sỡ pha trộn giữa màu đen huyền, màu phớt đỏ, vài ánh lông vàng, lông trắng. Đôi chân bé nhỏ xinh xinh của tôi trở thành điểm thu hút của bao chàng chim trong những đêm vũ hội của loài. Chiếc mỏ đỏ thắm cùng với đôi mắt nhỏ như hạt đậu, đen láy đã tô điểm cho khuôn mặt tôi thêm rạng rỡ.

Như các bạn đã biết, cuộc sống của các loài chim chúng tôi rất tự do. Chúng tôi được chiếm lĩnh khám phá cả một không gian rộng lớn. Mỗi buổi sáng tôi được bay lượn, chao liệng giữa không trung. Và có một cuộc phiêu lưu bổ ích. Họ hàng vàng anh chúng tôi được xếp vào loại chim quý. Ít anh em nên chúng tôi rất thèm được kết bạn với những loài chim khác. Bắt chước những chú chim Chích Bông bé tí tẹo, tôi cũng sà vào luống rau xanh ngó nghiêng tìm sâu mà rỉa. Đặc biệt những ngày nắng ráo, khi ông mặt trời thức dậy chiếu những tia nắng ban mai bảy sắc cầu vồng lên những vòm cây xanh là tôi lại cùng chị sơn ca cất lên bản nhạc chào ngày mới.

Nhưng điều tôi sợ nhất là tiếng súng của các bác thợ săn. Nếu không cẩn thận thì chúng tôi đã bị trúng đạn hoặc luôn bị trong tầm ngắm của họ rồi. Vì vậy chúng tôi luôn phải biết tự bảo vệ mình bằng cách nép vào những tán lá cây um tùm để không ai phát hiện được. Nhưng bạn tôi đã có người bị nhốt trong lồng sắt không bao giờ được cất cao đôi cánh giữa bầu

trời bao la nữa. Chính bởi những hành vi ấy của loài người đã khiến tôi mất đi những người bạn thân thiết.

Tuy chúng tôi không giúp gì nhiều cho các bạn nhưng chúng tôi xin góp lời ca tiếng hát của mình vào thế giới náo nhiệt này. Loài người đừng ép họ nhà chim chúng tôi vào những chiếc lồng gò bó mà cứ để chúng tôi được tự nhiên thanh thản. Tôi tin rằng khi điều ấy được thực hiện thì trái đất của các bạn sẽ mãi mãi màu xanh hoà bình và luôn vui tươi bởi có tiếng chim ca.

Đề 69: Giới thiệu về một dòng sông Việt Nam.

Bài làm

Dài hơn 980 km bắt nguồn từ Vân Nam (Trung Quốc) chảy qua các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Hoà Bình và đổ ra sông Hồng, đến sông Đà, du khách sẽ đến với các công trình thế kỷ, khám phá thời kỳ tiền sử của con người qua các di chỉ khảo cổ, chiêm ngưỡng cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ.

Từ ngàn xưa, sông Đà là con đường huyết mạch cho việc giao lưu văn hoá, buôn bán của người dân các đồng bào dân tộc vùng Tây Bắc nói chung với miền xuôi. Từ Ta Bơ (chợ Bờ – Hoà Bình) đến Bến Vạn, Tạ Khoa, Tạ Bú, Tạ Hè (Sơn La) đến Mường Lay (Điện Biên) là các bến đậu của các đoàn thuyền buôn từ kinh thành Thăng Long lên xứ Ta Lếnh (vùng Tây Bắc ngày nay) vào khoảng thế kỷ XII – XVI. Ngày nay, sông Đà được biết đến với tiềm năng lớn về thuỷ điện, trên sông đã có nhà máy thuỷ điện Hoà Bình (cung cấp điện năng lớn nhất nước ta hiện nay) và trong tương lai gần trên sông Đà có nhà máy thuỷ điện mới – thuỷ điện Sơn La lớn nhất khu vực Đông Nam Á.

Đến với sông Đà du khách sẽ đến với các công trình thế kỷ, khám phá thời kỳ tiền sử của con người qua các di chỉ khảo cổ, chiêm ngưỡng cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ: rừng xanh, núi cao, sông rộng, thác, ghềnh; khám phá những nét văn hoá đậm đà bản sắc các dân tộc: Thái, Mường, Tày, Mông, Dao... Ngược dòng sông Đà, theo con đường của các đoàn thuyền buôn xưa: từ chợ Bờ (Hoà Bình) – bến Vạn Yên – bến Tà Hộc – bến Tạ Bú (Sơn La) – điểm khởi công công trình thuỷ điện Sơn La. Từ chợ Bờ đến Tạ Bú là vùng hồ thuỷ điện Hoà Bình, nơi đây có nhiều hang động đẹp có giá trị khảo cổ học: rìu đá, tước đá, hòn kê, hòn mài được phát hiện tại hang Tăng, bản Bông Lau, xã Đá Đỏ, huyện Phù Yên; phát hiện trong một số hang tại xã Suối Bàng, huyện Mộc Châu với những cỗ quan tài bằng gỗ, hình thuyền. Theo đánh giá của các nhà khảo cổ học thì những ngôi mộ táng này có niên đại trên dưới 200 năm. Tại khu vực này không chỉ có dấu tích của thời kỳ đồ đá mà còn có các hiện vật thời kỳ kim khí: rìu đồng, trống đồng Heger.

Ngược Tạ Bú khoảng 3 km, du khách sẽ đến Pá Vinh (huyện Mường La).

Đây là nơi xây dựng đập thuỷ điện Sơn La để tận mắt chứng kiến sức vóc và trí lực to lớn của con người: xẻ núi, đắp đập, ngăn sông, chinh phục dòng nước lớn. Đây sẽ là công trình thuỷ điện lớn nhất khu vực Đông Nam Á, góp phần điều khiển nguồn nước cho đồng bằng Bắc Bộ, phát triển kinh tế xã hội cho vùng Tây Bắc và đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Tiếp tục ngược dòng sông Đà du khách sẽ đến với Mường Lay, đến với Điện Biên Phủ đánh dấu một mốc son chói lọi bằng vàng của lịch sử, với nhiều lễ hội độc đáo, các hoạt động văn hoá đặc sắc...

Dọc bờ sông Đà, du khách sẽ có cơ hội tìm hiểu, khám phá đời sống văn hoá của các dân tộc: Thái, Mường, Khơ Mú, Xinh Mun, Dao... Đặc biệt du khách dễ dàng bắt gặp những phiên chợ nổi trên sông. Chợ được hình thành bởi nhiều chiếc thuyền hàng ghép lại, địa điểm họp chợ nổi có thể thay đổi từ bến Khủa lên Vạn Yên đến Mường Sại, Tạ Khoa, Song Pe, Chim Vàn, Đá Đỏ, Pắc Ngà, Tà Hộc. Người dân đến chợ bằng nhiều phương tiện: ngựa thồ, xe máy và những thuyền chất đầy hàng hoá, nông sản, thổ cẩm, đồ đan lát... để trao đổi buôn bán với những người miền xuôi. Vào những phiên chợ, các chàng trai, cô gái các dân tộc vùng Tây Bắc trong những trang phục truyền thống đẹp nhất, nườm nượp trên bến, dưới thuyền, họ đến đây không chỉ mua bán mà còn muốn tìm cho mình một người bạn đời lý tưởng.

Nếu lưu lại qua đêm ở các bản làng dưới mái nhà sàn ấm cúng, du khách sẽ được sống trong những giờ phút đáng nhớ, cùng thưởng thức những đặc sản của núi rừng, ngây ngất trong men say rượu cần, hoà chung điệu xoè và nghe người già kể những huyền thoại, truyền thuyết về sông Đà.

Đề 70: Giới thiệu một danh lam thắng cảnh ở quê em.

Bài làm

"Mặt Hồ Gươm vẫn lung linh mây trời, càng toả mát hương hoa thơm Thủ đô...". Nhắc đến Hà Nội là nhắc đến hình ảnh Hồ Gươm trong xanh và bóng Tháp Rùa nghiêng nghiêng soi dáng. Hồ Gươm cùng quần thể kiến trúc của nó đã trở thành một biểu tượng đẹp đẽ và thiêng liêng về Hà Nội – trái tim hồng của cả nước.

Hồ Gươm đã tồn tại từ trước nay rất lâu. Cách đây khoảng 6 thế kỷ, theo những địa danh hiện nay, hồ gồm hai phần chạy dài từ phố Hàng Đào, qua Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt tới phố Hàng Chuối, thông với sông Hồng. Nước hồ quanh năm xanh biếc nên hồ Gươm cũng được gọi là hồ Lục Thuỷ.

Vào thế kỷ XV, hồ được đổi tên thành hồ Hoàn Kiếm. Sự kiện ấy gắn liền với truyền thuyết trả gươm thần cho Rùa Vàng của vị vua khai triều nhà Hậu Lê – người anh hùng của khởi nghĩa Lam Sơn chống lại giặc Minh (1417–1427), Lê Lợi. Truyền thuyết kể rằng khi Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn, có người dân mò được một lưỡi gươm, sau đó chính ông nhặt được một

cái chuôi ở trong rừng. Khi lưỡi gắn vào chuôi gươm thì thân gươm ánh lên hai chữ "Thuận Thiên" – "Thuận theo ý trời". Gươm báu này đã theo Lê Lợi trong suốt thời gian kháng chiến chống giặc Minh. Khi lên ngôi về đóng đô ở Thăng Long, trong một lần nhà vua đi chơi thuyền trên hồ Lục Thuỷ, bỗng một con rùa xuất hiện. Rùa vươn đầu cất tiếng nói: "Xin bệ hạ hãy hoàn lại gươm cho Long Quân". Lê Thái Tổ hiểu ra sự việc bèn rút gươm khỏi vỏ, giơ gươm ra thì gươm bay về phía con rùa. Rùa ngậm gươm lặn xuống đáy hồ, và từ đó hồ Lục Thuỷ có tên gọi mới là hồ Hoàn Kiếm (trả gươm) hay hồ Gươm. Chính truyền thuyết đặc sắc này đã khẳng định tấm lòng yêu chuộng hoà bình, ghét chiến tranh của người dân Thăng Long – Hà Nội nói riêng và nhân dân Việt Nam nói chung. Câu chuyện này đã được nhấn mạnh trong ngày lễ Hà Nội đón nhận danh hiệu "Thành phố Vì hoà bình".

Sau đó, cũng vào thời Lê, hồ còn được dùng làm nơi tập luyện của thuỷ quân nên có lúc được gọi là hồ Thuỷ Quân.

Hồ Hoàn Kiếm là một thắng cảnh nổi tiếng của Hà Nội. Quanh hồ trồng nhiều loại hoa và cây cảnh. Đó là những hàng liễu rủ thướt tha, những nhành lộc vừng nghiêng nghiêng đổ hoa soi bóng dưới lòng hồ. Giữa hồ có tháp Rùa, cạnh hồ có đền Ngọc Sơn có "Đài Nghiên Tháp Bút chưa sờn"... Hình ảnh hồ Gươm lung linh giống như một tấm gương xinh đẹp giữa lòng thành phố đã đi vào lòng nhiều người dân Hà Nội. Người dân Hà Nội sống ở khu vực quanh hồ có thói quen ra đây tập thể dục vào sáng sớm, đặc biệt là vào mùa hè. Họ gọi các khu phố nằm quanh hồ là Bờ Hồ.

Không phải là hồ nước lớn nhất trong Thủ đô, song với nguồn gốc đặc biệt, hồ Hoàn Kiếm từ đã gắn liền với cuộc sống và tâm tư của nhiều người. Hồ nằm ở trung tâm một quận với những khu phố cổ chật hẹp, đã mở ra một khoảng không đủ rộng cho những sinh hoạt văn hóa bản địa. Hồ có nhiều cảnh đẹp. Và hơn thế, hồ gắn với huyền sử, là biểu tượng khát khao hòa bình (trả gươm cầm bút), đức văn tài võ trị của dân tộc (thanh kiếm thiêng nơi đáy hồ và tháp bút viết lên trời xanh). Do vậy, nhiều văn nghệ sĩ đã lấy hình ảnh Hồ Gươm làm nền tảng cho các tác phẩm của mình. Nhà thơ Trần Đăng Khoa từng viết:

Hà Nội có Hồ Gươm
Nước xanh như pha mực
Bên hồ ngọn Tháp Bút
Viết thơ lên trời cao

Và như thế, Hồ Gươm sẽ mãi sống trong tiềm thức mỗi người dân Thủ đô nói riêng và người dân cả nước nói chung như một biểu tượng thiêng liêng về lịch sử và truyền thống văn hóa dân tộc.

Đề 71: Giới thiệu về ngôi nhà thân yêu của em.

Bài làm

Nếu có nơi nào để em dẫu đi xa đến mấy cũng nhớ về với biết bao yêu thương, mong nhớ thì đó chính là ngôi nhà thân yêu của em. Nơi đó có cha, có mẹ, có người anh trai yêu quý và có cả những cảnh trí vô cùng thân quen. Hình ảnh ngôi nhà đã in sâu vào tâm trí của em.

Ngôi nhà được ba mẹ xây dựng vào năm 1994, khi em chưa ra đời, và được hoàn thiện sau ba năm. Mẹ nói, ngôi nhà là kết quả của một quá trình lâu dài bố mẹ lao động, cố gắng: Bố mẹ đã từng đào đất làm gạch rồi xây lò nung gạch lấy nguyên liệu xây nhà. Mỗi lần nghe mẹ kể, em lại xúc động vô cùng.

Nhà em được bao quanh bởi một hàng rào cây găng. Bố em xén tỉa bờ tường tự nhiên ấy rất gọn gàng, đẹp mắt. Cổng nhà cao chừng hai mét, rộng một mét rưỡi được làm bằng sắt dựng trên hai trụ xây bằng gạch. Nhà có hai tầng, mặt tiền rộng bốn mét, cao bảy mét và chiều dài của ngôi nhà là mười hai mét. Mặt tiền quay về hướng nam được sơn màu xanh da trời, trước cửa nhà có trồng một giàn hoa ti-gôn. Trên đường đi học về, từ xa nhìn lại, ngôi nhà của em rất dễ nhận biết bởi giàn ti-gôn xanh tươi và những chùm hoa màu hồng duyên dáng gần như phủ kín phía trước.

Tầng một có bốn phòng. Bước qua cánh cửa gỗ màu nâu gụ là phòng khách rộng rãi, thoải mái. Phòng có chu vi 3m*4m và cao 4mét, ngoài cửa chính còn có hai cửa sổ mở ra hướng đông đón ánh mặt trời. Bộ ghế salon màu trắng sữa được đặt áp tường phía tây. Ở phía Bắc, ngăn cách phòng khách với nhà bếp là một chiếc tủ thấp chừng một mét. Trên tủ đặt ti vi và những đồ trang trí như búp bê Ma-tri-ô-ska, con lật đật,... Giữa chiếc tủ và tường phía đông có một lối đi rộng chừng mét rưỡi. Lối nhỏ ấy dẫn vào phòng bếp. Gọi là phòng bếp nhưng nơi đó kiêm luôn nhà bếp và nhà ăn. Phòng có chu vi 2,5m*4m, ở giữa đặt một chiếc bàn ăn hình tròn. Áp sát phía tây là kệ bếp ga, phía trên kệ bếp là giàn bát bằng gỗ. Liền ngay nhà ăn là cầu thang đi lên tầng hai. Kề tiếp cầu thang là nhà vệ sinh và nhà tắm. Phòng của bố mẹ em nằm sâu trong cùng. Căn phòng khá rộng và được trang trí chủ đạo bằng màu tím – màu mẹ em rất thích – trông vô cùng dịu mát.

Cầu thang dẫn lên tầng hai rộng chừng nửa mét được lát đá ga-ni-to. Đi hết các bậc cầu thang, lên đến tầng hai, nhìn sang bên phải là phòng của anh trai em và bên trái là căn phòng đáng yêu của em. Phòng anh trai em khá gọn gàng thể hiện rất rõ tính cách của anh. Áp sát tường phía tây là bàn thờ gia tiên. Phía đông là hai cửa sổ rất rộng. Tường phía nam được trổ một cửa phụ dẫn ra ban-công đón gió nam mát mẻ mỗi khi hè đến. Căn phòng của em sặc sỡ nhất trong căn nhà yêu dấu. Nó cao tới ba mét và có chu vi là 3m*4m được trang trí bằng một màu hồng rực rỡ. Chiếc giường

nho sát tường phía tây được trải ga hồng. Bàn học sát tường phía nam trải khăn hồng; phía trên đó, giá sách của em cũng được bọc dán bằng giấy hồng. Những bức tranh các nhân vật hoạt hình Sakura, Tiểu Anh Đào, Đô-rê-mi,... phần lớn cũng màu hồng. Và đặc biệt, các đồ trang trí "hand-made" của em như những chú hạc, những chiếc lọ hoa, những chiếc xúc xích cũng được làm bằng giấy hồng rất đáng yêu! Tường phía đông cũng có một cửa sổ rộng mở và tường phía bắc thì có một cửa trổ ra sân phơi. Khoảng sân khá rộng thường là nơi phơi quần áo hoặc những đồ lặt vặt trong nhà.

Ngoài ngôi nhà xinh xắn, nhà em còn có một khoảng sân vườn khá rộng. Trong đó, bố em trồng rất nhiều loại cây: cây xoài, cây bưởi, cây trứng gà... Những trưa hè nóng nực, được dạo dưới bóng mát khu vườn thì vô cùng thích thú!

Ngôi nhà thân yêu của em đã bao năm rồi không hề thay đổi, nó gắn bó với em như một người bạn lớn luôn bao dung và sẻ chia những niềm vui, nỗi buồn tuổi thơ. Nhớ về căn nhà ấm áp, những kỉ niệm xúc động lại ùa về khiến em thêm yêu ngôi nhà hơn nữa...

Đề 72: Giới thiệu một di tích lịch sử văn hoá của thủ đô Hà Nội.

Bài làm

Thủ đô Hà Nội có rất nhiều di tích lịch sử. Trong đó Văn Miếu Quốc Tử Giám là một trong những di tích tiêu biểu, ghi nhận những thành tựu văn hoá của Đại Việt đã ngót nghìn năm của Thăng Long cố đô.

Văn Miếu được xây dựng tháng 10 năm 1070 để làm nơi thờ các thánh hiền đạo Nho như: Khổng Tử, Mạnh Tử... những vị danh nho đáng kính được người đời vị nể tôn sùng. Sáu năm sau, năm 1076, nhà Quốc Tử Giám được xây dựng liền kề sau Văn Miếu. Ban đầu nơi đây dùng cho các hoàng tử đến học, sau mở rộng thu nhận thêm các học trò giỏi trong toàn quốc.

Đứng từ đường Quan Thánh bạn sẽ nhìn thấy Văn Miếu cổ xưa với lớp tường bao quanh bằng gạch, cổng chính được xây dựng theo điện hoàng môn với dòng chữ nho được khắc tạc đã phai màu theo thời gian: Văn Miếu Môn. Hai bên cổng là đôi rồng đá mang phong cách thời Lê sơ.

Từ phố xá tấp nập ồn ào, bước vào phía trong cổng Văn Miếu bạn sẽ cảm nhận được một không gian thoáng mát yên lành như bước vào cõi phật cõi tiên. Một khoảng sân rộng với nhiều tượng đá tạc chân dung các mãnh tướng sư tử, hổ... như gợi lại không khí linh thiêng oai hùng của lịch sử ngàn năm xưa bên những gốc si xanh già cổ thụ mấy trăm tuổi. Lối đi giữa dẫn đến cổng Đại Trung Môn, mở đầu cho khu thứ hai, hai bên còn có hai cổng nhỏ. Bạn đến đây muốn thắp nén nhang lạy tạ các thánh thần cầu ban phước lành trí tuệ anh minh thì hãy dừng chân tại Đại Trung Môn bên bát hương lớn đặt giữa cửa vào.

Tiếp sau Đại Trung Môn là Khuê Văn Các được xây dựng từ năm 1805, có kiến trúc đẹp, mang nhiều ý nghĩa và đã được chọn là biểu tượng chính thức cho thủ đô Hà Nội. Khu thứ ba là Khuê Văn Các tới Đại Thành Môn có tường bao quanh. Hai bên hồ là hai khu vườn bia, nơi dựng các tấm bia ghi tên những người đỗ tiến sĩ, những trạng nguyên khoa bảng ngày xưa. Hiện trong Văn Miếu còn lại 82 tấm bia tiến sĩ của 82 khoa thi từ năm 1442 đến năm 1779. Đây là những di vật quý nhất của Văn Miếu.

Bước qua cửa Đại Thành là tới khu thứ tư. Ở đây có sân rộng, hai bên là hai dãy Tả Vu và Hữu Vu, vốn dựng làm nơi thờ các danh nho. Cuối sân là nhà Đại Bái và Hậu Cung, kiến trúc đẹp và hoành tráng. Tại đây còn một số hiện vật quý: bên trái có chuông đúc năm 1786, bên phải có một tấm khánh đá, trên mặt khắc bài văn nói về công dụng của các loại nhạc khí này.

Sau khu Đại Bái là trường Quốc Tử Giám đời Lê, một loại trường Đại học đương thời. Khi nhà Nguyễn rời trường này vào Huế thì nơi đây chuyển làm đền Khải Thánh thờ song thân Khổng Tử, nhưng đền này đã bị hư hỏng trong chiến tranh. Nhà Thái Học đã được xây dựng lại vào dịp kỷ niệm 990 năm Thăng Long – Hà Nội.

Người Việt Nam và du khách nước ngoài nhớ về Hà Nội tìm về Văn Miếu như tìm về chốn văn hiến ngàn năm của nước Việt. Chính vì vậy từ rất lâu Văn Miếu trở thành điểm du lịch phổ biến đối với du khách trong và ngoài nước.

Văn Miếu mang một nét đẹp văn hoá trong lịch sử của dân tộc ta, mang ý nghĩa biểu trưng cho tiến trình văn hoá của Việt Nam, là một bằng chứng về sự đóng góp của Việt Nam vào nền văn minh Nho giáo của khu vực và nền văn hoá mang ý nghĩa nhân văn toàn thế giới. Mỗi năm vào dịp đầu năm học những "trạng nguyên" thời nay được tụ hội về đây dâng nén hương thơm tưởng nhớ và biết ơn tới các danh Nho xưa, đồng thời như một sự báo công cùng ý nguyện kế tục phát huy truyền thống văn hiến của dân tộc.

Đề 73: Thuyết minh về quần thể lăng Bác.

Bài làm

Chiến tranh đã đi qua gần nửa thế kỉ nhưng nỗi xót thương và niềm yêu kính của mỗi người dân Việt Nam dành cho Bác Hồ – vị Cha già kính yêu của dân tộc Việt Nam – chưa bao giờ nguôi cạn. Nhớ đến người, những dòng người hướng về lăng Bác tưởng như không bao giờ dừng lại.

Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và quần thể lăng gồm quảng trường Ba Đình, khu nhà sàn, vườn cây,... sau hai năm xây dựng, ngày 19/8/1975 đã được khánh thành.

Mặt chính của lăng nhìn ra hướng đông là Quảng trường Ba Đình. Lăng gồm ba lớp với chiều cao 21,6 mét. Lớp dưới kết cấu bậc nhiều cấp, có lễ đài

dành cho đoàn chủ tịch khi mít tinh. Phần giữa là kết cấu trung tâm của lăng, gồm phòng thi hài, hành lang, cầu thang lên xuống. Phần trên là mái lăng được tạo dáng cách điệu bông sen nở. Mặt chính lăng có dòng chữ "Chủ tịch Hồ Chí Minh" bằng đá hồng ngọc màu mận chín.

Lăng là nơi lưu giữ thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh, người Cha già dân tộc, người đã được UNESCO tặng danh hiệu Danh nhân Văn hóa thế giới và Anh hùng giải phóng dân tộc nhân kỷ niệm 100 ngày sinh (1890 - 1990).

Công trình lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh là kết quả lao động sáng tạo của nhiều nhà khoa học và công nhân hai nước Việt Nam – Liên Xô tỏ lòng tôn kính Chủ tịch Hồ Chí Minh và là sản phẩm của tình hữu nghị Việt – Xô.

Lăng Bác quay về hướng Đông để đón ánh mặt trời, trước cửa lăng là quảng trường Ba Đình lịch sử, nơi đây, ngày 2 tháng 9 năm 1945 đã chứng kiến những giờ phút thiêng liêng nhất của dân tộc khi Hồ Chí Minh đứng trước quốc dân đồng bào đọc "Tuyên ngôn Độc lập" công bố với thế giới nền độc lập lâu bền của dân tộc Việt Nam ta. Quảng trường Ba Đình dài 320m, rộng 100m, chia thành 240 ô cỏ xanh tươi là hình tượng những chiếc chiếu trải trên sân đình ở các làng quê Việt Nam xưa, là nơi nhân dân đến dự các buổi lễ trọng thể. Phía tây của Quảng trường là khu lưu niệm Hồ Chủ tịch. Tại đây còn có Bảo tàng Hồ Chí Minh, ngôi nhà sàn là nơi ở của Người, hồ cá, vườn cây, rặng dừa, những hàng rào dâm bụt... Tất cả đã đi vào thơ ca Việt Nam:

"Anh dẫn em vào cõi Bác xưa
Vườn xoài hoa trắng nắng đu đưa
Có hồ nước lặng sôi tôm cá
Có bưởi cam thơm mát bóng dừa".

(Tố Hữu)

Trong khu vườn rộng sau Phủ Chủ tịch, có một con đường hẹp trải sỏi, hai bên trồng xoài dẫn tới một ngôi nhà sàn nhỏ nhắn bình dị, nằm giữa những vòm cây. Hàng rào dâm bụt bao quanh nhà, cổng vào kết bằng cành cây đan xen nhau. Đó là ngôi nhà Bác Hồ ở và làm việc từ ngày 17–5–1958 cho tới khi Người qua đời. Tầng dưới nhà sàn là nơi Bác thường họp với Bộ Chính trị. Tầng trên là hai phòng nhỏ, nơi Bác làm việc và phòng ngủ với những vật dụng đơn sơ giản dị. Trước nhà là ao cá Bác nuôi, bên bờ ao là các loài hoa phong lan nở quanh năm.

Sau nhà là vườn quả với hàng trăm loài cây quý do các địa phương đưa về trồng, như cây vú sữa của đồng bào miền Nam gửi biếu Bác năm 1954, bưởi Phúc Trạch, Biên Hòa, Mê Linh; cam Hải Hưng, Xuân Mai, Vân Du, Xã Đoài; quýt Hương Cần, Lý Nhân; táo Thiện Phiến, Ngọc Hồ; song mai Đông Mỹ; hồng Tiên Điền (quê hương nhà thơ Nguyễn Du). Trong vườn còn có cả những loại cây từ nước ngoài như ngàn hoa, cây bụt mọc quanh ao, cây cau vua gốc từ Caribê...

Nhân dân từ mọi miền đất nước cũng như du khách quốc tế đến thủ đô Hà Nội, ai cũng muốn đến viếng lăng, thăm nhà ở của Bác và đi dạo quanh Quảng trường Ba Đình lịch sử. Nhắc đến lăng Bác, lòng người lại rưng rưng trong niềm thương nhớ:

"Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân"

("Viếng lăng Bác" – Viễn Phương)

Đề 74: Giới thiệu về một hải đảo của đất nước.

Bài làm

Phú Quốc là huyện đảo ngoài khơi lớn nhất Việt Nam, nằm trong vịnh Thái Lan, thuộc địa phận tỉnh Kiên Giang. Thị trấn Dương Đông – thủ phủ huyện đảo cách thị xã Rạch Giá 120km và cách Hà Tiên 45km. Đảo chính Phú Quốc rộng 578m^2, dài 51km và hơn 20 hòn đảo lớn nhỏ khác nhau tạo thành một quần thể đảo xanh tươi, thơ mộng ngay giữa đại dương. Eo biển xanh Phú Quốc được ví như vịnh Hawai trữ tình nổi tiếng của Mỹ với những bờ biển đẹp vào bậc nhất Việt Nam. Bãi Trường nằm phía tây đảo kéo dài từ Dương Đông tới An Thới khoảng 20km là bãi tắm sầm uất và là bãi biển duy nhất ở Việt Nam nơi bạn có thể ngắm mặt trời lặn xuống biển. Những bãi tắm khác ở Phú Quốc như bãi Kem, bãi Đầm, bãi Cửu Cần, bãi Đại, bãi Sao... nước trong vắt, cát trắng mịn như kem, cũng đầy hấp dẫn, có thể mang lại cho du khách những giây phút vui đùa, thư giãn thoả mái nhất giữa cảnh đẹp hoang sơ, khí hậu trong lành, sự bình yên hiếm có.

Phú Quốc nổi tiếng với đặc sản nước mắm, có vị ngon thơm đặc biệt, chế biến từ cá cơm, có độ đạm cao, khác hẳn với nước mắm những vùng biển khác. Mỗi năm, hàng trăm cơ sở sản xuất nước mắm của Phú Quốc cho ra thị trường 8 triệu lít nước mắm với sự hỗ trợ cuả 2.200 tàu đánh cá, sản lượng đánh bắt trung bình 40.000 tấn/năm. Nghề làm mắm ở Phú Quốc có lịch sử phát triển trên 200 năm, người dân ở đây tuân thủ nghiêm ngặt các phương pháp thủ công truyền thống để đảm bảo chất lượng, vệ sinh của đặc sản địa phương mình. Cá cơm còn tươi nguyên được ướp muối (muối vùng Bà Rịa – Vũng Tàu hoặc Cà Ná – Phan Thiết) ngay trên thuyền. Nước mắm được lên men trong thùng gỗ, từ 12 đến 15 tháng. Mắm Phú Quốc khi đó có màu cánh gián, nhẹ mùi, không tanh, không gắt, có vị ngọt đặc biệt. Vì thế mắm Phú Quốc không chỉ được ưa chuộng ở thị trường trong nước mà đã chinh phục cả những người nội trợ ở Pháp, Bỉ, Mỹ, Thái Lan...

Người ta ví, Phú Quốc như một cô gái trẻ, căng đầy sức sống, có vẻ đẹp bí ẩn, càng khám phá càng thấy lý thú, hấp dẫn của những vạt rừng nguyên sinh, lại vừa có vẻ đẹp quyến rũ, nồng nàn của đại dương hoang sơ. Cánh rừng nguyên sinh của Phú Quốc nằm ở trung tâm hòn đảo, rộng tới 37.000 ha, là nơi sinh sống của nhiều loài gỗ, chim muông quý.

Tuyến du lịch đang được ưa chuộng nhất trên đảo là Dương Đông – Hàm Ninh. Con đường chính của tuyến du lịch này được làm từ thời Pháp, uốn lượn quanh những ngọn đồi bạt gió. Du khách sẽ được thăm chùa Sư Môn, lội suối Tranh, thăm làng chài cổ Hàm Ninh, leo núi hoặc đến cơ sở nuôi cấy ngọc trai ở Nam đảo. Tuyến du lịch Đông Phương – An Thới cũng rất hấp dẫn khi dẫn tới một quần đảo gồm 15 hòn lớn nhỏ, nằm rải rác ở phía Nam, dài khoảng 40km. Quần đảo An Thới là một địa điểm lý tưởng để tổ chức các loại hình du lịch biển, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái. Các thắng cảnh: Dương Đông – Dinh Cậu, bãi Bàn, bãi Kem, lăng Ông Hải, nhà tù Phú Quốc, cảng An Thới đều là những điểm tham quan đầy ấn tượng. Hoặc bạn sẽ đi câu mực thẻ đêm, câu cá rồi nướng ngay trên biển hay tham gia tour lặn biển, thăm vương quốc san hô hùng vĩ, nhiều màu sắc lung linh nhưng thật tinh khôi trong lòng đại dương Phú Quốc. Câu lạc bộ bơi lặn của công ty du lịch Sài Gòn – Phú Quốc sẽ giúp bạn khám phá thế giới ngầm của hòn đảo đáng yêu này. Bạn sẵn sàng chưa?

Đề 75: Đất nước ta có nhiều di sản văn hoá nổi tiếng. Em hãy giới thiệu về một di sản văn hoá dân tộc có ở địa phương mình.

Bài làm

Vùng Bắc Tây Nguyên là thủ phủ của các dân tộc: Gia-rai, Ba-na, Xê-đăng, Dẻ-triêng, Brâu, v.v. Nơi đây là một vùng đất đậm đặc truyền thống sử thi và là nơi cội nguồn của ngôi nhà rông truyền thống. Toàn tỉnh Kon Tum hiện nay đã xây dựng được 381 nhà rông chiếm tỷ lệ trên 50% số thôn, buôn, làng mà tỉnh Kon Tum phấn đấu sẽ xây dựng 100% nhà rông vào năm 2005.

Hội thảo khoa học về "Nhà rông – nhà rông văn hoá" được tổ chức đầu tiên tại thị xã Kon Tum, tỉnh Kon Tum, đã quy tụ nhiều giới nghiên cứu khoa học xã hội ở Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và các tỉnh Tây Nguyên – Trường Sơn, duyên hải miền Trung. 52 bản tham luận khoa học, trong đó 2/3 số tham luận là của các nhà nghiên cứu ở các cục, vụ, viện trực thuộc Uỷ ban Khoa học Xã hội và Nhân văn và Bộ Văn hoá – Thông tin (Viện Nghiên cứu văn hoá nghệ thuật, Tạp chí *Văn hoá nghệ thuật* và Viện nghiên cứu Đông Nam Á, Ban Tôn giáo Chính phủ, Cục Bảo tồn bảo tàng, v.v.).

Hội thảo đã đặt ra nhiều vấn đề lý thú, tranh luận sôi nổi giữa các nhà nghiên cứu khoa học và các nhà quản lý văn hoá để tìm ra được tiếng nói chung về việc xác định nhà rông – ngôi nhà chung truyền thống của Tây Nguyên: hình dáng, kiến trúc vật liệu xây dựng, quy cách, quy trình xây dựng hay phần hồn với những tín ngưỡng, sinh hoạt văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc của nó. Câu trả lời thứ nhất của hội thảo là: Nhà rông là một di sản văn hoá độc đáo cần được bảo tồn và phát huy. Hàng trăm ngôi nhà rông của đồng bào Tây Nguyên đã sừng sững tồn tại với thời gian. Nhà

rông – niềm tự hào của đồng bào Tây Nguyên nói riêng và cả cộng đồng dân tộc Tây Nguyên – Trường Sơn và các tỉnh duyên hải miền Trung với nét độc đáo riêng biệt, dáng vươn cao vút, bề thế, thể hiện tính vươn lên mạnh mẽ, vượt qua gian lao, vất vả để tự khẳng định mình trong quá khứ và hiện tại. Sự ra đời của ngôi nhà chung (nhà rông) tự bản chất nó gắn với những hình thái kinh tế xã hội và điều kiện tự nhiên.

Nhà rông Tây Nguyên được xây dựng chủ yếu bằng các vật liệu của núi rừng Tây Nguyên, tranh, tre, gỗ, lồ ô, v.v. và được xây cất trên một khoảng đất rộng. Nằm ngay trong khu vực trung tâm của buôn làng, chức năng của nhà rông truyền thống là nơi thực thi các luật tục, nơi tiếp khách, nơi diễn ra các sự kiện trọng đại của buôn làng, nơi già làng tập hợp dân làng để bàn "việc làng, việc nước", nơi thể hiện các lễ hội – tâm linh cộng đồng và là nơi các thế hệ nghệ nhân già truyền đạt lại cho thế hệ trẻ những giá trị văn hoá truyền thống, v.v. Ngôi nhà chung ấy còn là nơi lưu giữ các hiện vật truyền thống: chiêng, trống, cồng, vũ khí, đầu các con vật hiến sinh trong các ngày lễ. Độ cao của ngôi nhà rông truyền thống có khi cao đến 18m và mái nhọn, cao vút, người thợ thủ công tài tình, khéo léo chỉ bằng vật liệu của núi rừng mà tạo nên lối kiến trúc độc đáo, bền vững với nhiều loại hoa văn phong phú mà gam màu chủ đạo là màu đen, trắng và nâu đậm.

Một câu hỏi đặt ra trong hội thảo là ngôi nhà rông văn hoá ra đời có làm mất đi những gì vốn có của nhà rông truyền thống hay không? Có nhà nghiên cứu cho rằng nhà rông có vai trò giống như ngôi đình của người Việt, song cũng có đa số ý kiến cho là khác, bởi lẽ nhà rông biểu trưng hướng về cõi dương. Đình làng của người Việt hướng về cõi âm, ở mỗi đình làng người Việt khi xây dựng mái thấp bé, phía trước và sau đình làng dựng theo thuyết phong thuỷ... Điều thống nhất trong hội thảo là đa số các nhà quản lý văn hoá và các nhà khoa học đều cho rằng, nhà rông văn hoá là một thiết chế văn hoá cơ sở hiện nay trong quá trình xây dựng đời sống văn hoá cơ sở. Tiếp thu có chọn lọc nhà rông truyền thống và đưa vào hoạt động như một điểm sinh hoạt văn hoá ở buôn làng, cho dù tên gọi là nhà rông, nhà Gươi, nhà Zơng, v.v. hay có nhà nghiên cứu gọi là "ngôi nhà sinh hoạt văn hoá mang hình dáng nhà rông", v.v. thì đại đa số vẫn thống nhất chung là chức năng tâm linh và các hoạt động "việc làng, việc nước" vẫn được tổ chức tại ngôi nhà chung cộng đồng ấy. Nhà rông chỉ có dân tộc Ba-na – Dơ-gao, người Giẻ-triêng, Xê-đăng, Gia-rai ở Bắc Tây Nguyên (tỉnh Gia Lai, tỉnh Kon Tum) mới có, ngoài ra các dân tộc khác như Ê Đê thì chỉ có nhà dài.

Nhà rông – nhà rông văn hoá là một biểu tượng văn hoá rất đáng tự hào của đồng bào các tỉnh Tây Nguyên – Trường Sơn và các tỉnh duyên hải miền Trung. Nhà rông là một di sản văn hoá đáng trân trọng, giữ gìn và phát huy giá trị của nó trong việc bảo tồn và giữ gìn văn hoá dân tộc.

Đề 76: Giới thiệu về một nét văn hoá truyền thống: Dân ca quan họ.

Bài làm

Trong dòng văn hoá và nghệ thuật âm nhạc dân gian chảy từ ngàn xưa, giữa sự đa dạng và đa diện của các dòng dân ca: chèo của Thái Bình, Nam Định, chèo tàu của Hà Tây, hát dặm Nghệ An, Hà Tĩnh, ca trù, ca Huế, dân ca Nam Bộ... vẫn lấp lánh một dòng dân ca riêng biệt, đặc sắc và độc đáo, tựa như:

Cây trúc xinh tang tình là cây trúc mọc...
Chị Hai xinh, tang tình là chị Hai đứng...

Đó là dân ca quan họ vùng Kinh Bắc – Bắc Ninh.

Quan họ vừa như một làn điệu hội tụ "khí chất" của rất nhiều làn điệu dân ca: cái trong sáng, rộn ràng của chèo; cái thổn thức, mặn mà của hát dặm; cái khoan nhịp sâu lắng của ca trù; cái khoẻ khoắn, hồn nhiên của dân ca Nam Bộ. Nhưng trên hết, quan họ mang "khí chất" của chính quan họ, là hồn của xứ sở quan họ, là "đặc sản" tinh thần của Kinh Bắc – Bắc Ninh.

Nằm kề cận với thủ đô, có diện tích nhỏ nhất nước, với sáu huyện, thị, nhưng khát vọng trí tuệ, khát vọng sống, khát vọng khẳng định mình của Kinh Bắc chẳng nhỏ tí nào. Sách cổ của người xưa từng ngưỡng mộ: "Kinh Bắc nổi tiếng văn nhã". Đất Kinh Bắc là nơi kết tụ của tài hoa các làng nghề: làng tranh Đông Hồ, làng giấy Đống Cao, làng chạm khắc Phù Khê, làng đồng Đại Bái, làng buôn Phù Lưu... là đất của hàng nghìn di tích lịch sử, danh thắng của các đình, đền, chùa nổi tiếng. Người Kinh Bắc thông minh, tinh tế. Ở bất cứ thời đại lịch sử nào Kinh Bắc cũng hiến cho đời không ít những danh nhân, nhân tài, kẻ sĩ, các bậc hiền tài... Các cộng đồng làng Kinh Bắc từ đời này sang đời khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác, gắn kết với nhau trong tình làng nghĩa xóm, trong lao động cần cù, trong khát vọng yêu thương, vượt lên thiên tai, địch hoạ, vượt lên gian khó, "thương người như thể thương thân", "tứ hải giao tình" (bốn biển một nhà) như lời dân ca quan họ. Chính cái khát vọng sống của người Kinh Bắc, đất Kinh Bắc đã hoá thân thành những làn điệu quan họ kỳ diệu: "lời thì giao duyên, tình thì anh em", vừa thực, vừa mơ, vừa giãi bày, vừa khúc chiết, vừa tình tự, vừa sâu sắc... Các làng quan họ hầu hết ở Bắc Ninh, mà theo các nghệ nhân, từng có tới 49 làng quan họ. Và như sông Cầu không bao giờ cạn, mạch sống của khúc nhạc, lời ca quan họ cũng không khi nào nhạt phai dù đã trải qua bao đời người và bao nhiêu biến động thời thế. Đến bây giờ Hội làng quan họ vẫn là nguồn cảm hứng mùa xuân bất tận của xứ Kinh Bắc. Các Hội làng gắn bó đặc biệt với hát quan họ, không thể nào có hội làng trên mảnh đất Bắc Ninh mà thiếu vắng sắc màu và âm thanh quan họ. Những hội hè này trải dài từ mồng 4 Tết âm lịch đến 28 tháng 3 âm lịch. Đặc sắc nhất vẫn là Hội Lim ở huyện Tiên Sơn. Vào những ngày hội, nam thanh nữ tú các nơi đổ về, trẩy hội tưng

bừng, để được nghe các liền anh, liền chị xiêm y mớ bảy mớ ba, hát đối đáp, hát canh, hát hội, hát mừng...

Dân ca quan họ quả là một tài sản vô giá của dân tộc Việt Nam, nó cần được tiếp tục nuôi dưỡng, trân trọng gìn giữ và lưu truyền lại cho các thế hệ mai sau, ở trong nước và cho cả cộng đồng Việt Nam hải ngoại. Trong suy nghĩ đó, CLB Văn hoá xin trân trọng giới thiệu những nét đặc sắc nhất của dân ca quan họ, từ khái quát về quê hương quan họ với những truyền thống xứ Kinh Bắc, về các làng quan họ, các lề lối ca hát và phong tục giao du; đến lời ca quan họ với sự phân tích về nội dung lời ca và nghệ thuật thơ ca. Âm nhạc trong dân ca quan họ cũng được điểm với những thể dạng, hình thức cấu trúc điển hình, mối quan hệ giữa âm nhạc với hình thức lời ca... Và không thể thiếu được là một số làn điệu quan họ, vừa có kinh điển, vừa có cả cải biên, được trình bày bởi tiếng hát dung dị, trữ tình của chính những liền anh, liền chị trên quê hương quan họ Kinh Bắc.

Đề 77: Giới thiệu một nét đẹp văn hoá của quê hương em.

Bài làm

Là một vùng đất trẻ, Cà Mau quê em mới chỉ được khai phá từ những thập niên cuối thế kỷ XVIII. Miền đất này được thiên nhiên ưu đãi, ban tặng cho những điều kiện mà nhiều nơi khác không có được: ba mặt tiếp giáp biển (tổng cộng là 250km) và một hệ thống sông rạch chằng chịt (chiều dài tổng cộng hơn 7000km). Chợ nổi Cà Mau chính là sự giao hoà của con người và thiên nhiên ở miền sông nước hữu tình này.

Chợ nổi nằm trên sông Gành Hào (thuộc trung tâm thành phố Cà Mau), cách cầu Gành Hào khoảng hơn 200km, thuộc địa bàn phường 8. Ngày trước, chợ ở giữa ngã ba Chùa Bà, cách đó khoảng hơn chục cây số. Xưa kia, đây là nơi tụ tập kiếm sống của người tứ xứ và bán nhiều loại hàng hoá khác nhau. Bây giờ, chợ chỉ còn bán các sản vật của miệt vườn.

Ngay mờ sáng, từ hàng trăm ngàn con sông rạch khác, các ghe xuồng từ các vùng quê của các huyện Ngọc Hiển, Đầm Dơi, Cái Nước, Năm Căn... đem hàng về chợ nổi trên sông Gành Hào này. Trong làn sương mù lãng đãng trên sông nước, những chiếc ghe to, ghe nhỏ chở nặng hàng đậu sát vào nhau trên mặt nước dập dềnh, chuẩn bị cho một ngày mới.

Chợ nổi Cà Mau hội tụ rất nhiều loại trái cây và sản vật miệt vườn như: đu đủ, xoài, ổi, chôm chôm, khóm thơm (dứa), dừa nước, dưa gang, khế, bí bầu, cà chua, khoai tây... Trong nắng gió phương Nam, chợ bừng lên hương sắc của những miệt vườn ở đâu đó bên sông Tiền, sông Hậu, sông Trẹm,... Đôi khi còn có những ghe bán chiếu rong – những ghe chiếu đã trở thành cảm hứng để soạn giả Viễn Châu thuở nào viết nên bài ca vọng cổ "Tình anh bán chiếu" nổi tiếng đến hôm nay.

Chợ trên sông nên khách mua hàng cũng phải đi xuồng hoặc đò. Khách đi chợ chỉ cần ngồi trên con đò lướt nhẹ qua những ghe hàng, nhìn những thứ được treo lúc lắc trên các nhánh cây dựng trên ghe (gọi là cây "bẹo") là sẽ biết ghe đó bán hàng gì. Đó là những lời chào mời lặng lẽ nhưng thật hấp dẫn. Nếu bạn ghé vào, sẽ được người bán hàng hiếu khách mời nếm thử một thứ trái cây với phong cách bình dị, chân thành và phóng khoáng thật dễ thương của con người đất Mũi.

Chợ nổi Cà Mau nhóm họp trên sông suốt từ khoảng 3–4 giờ sáng đến chiều tối. Ở đây, người ta cũng buôn bán theo phường, hội giống như các chợ khác trên bờ. Những chiếc ghe chở khẳm hàng đi tới và những chiếc ghe mua hàng rong nhẹ nhàng rời chợ, cứ thay nhau lui tới trong tiếng máy nổ âm vang trên mặt sông. Xen kẽ trong đó là những ghe hàng rong phục vụ nhu cầu của người trong chợ. Cũng giống như những chủ ghe hàng ngồi hút thuốc lá lặng lẽ đợi khách, các ghe hàng rong cũng không thấy cất lời rao, chỉ lặng lẽ len lách trong chợ với những khách hàng quen thuộc.

Du khách có thể ghé qua chợ nổi trên sông Gành Hào vào buổi chiều tối, khi chợ nổi đã lắng lại trong một sự im lặng lãng mạn cùng với gió và sóng nước. Những chiếc ghe trở thành những căn nhà nổi bồng bềnh vương vấn khói cơm chiều. Mấy đứa trẻ ngồi vắt vẻo câu cá trên sông; ánh mắt nhìn xa xăm của người thiếu nữ đang chăm sóc mấy chậu đất trồng hoa và rau trên mui ghe; tiếng đàn ghi ta phím lõm trầm buồn loang trên mặt sông trong khúc "Nam ai" hay "Dạ cổ hoài lang" buồn mênh mông; một giọng ai đó cảm khái cất lên câu vọng cổ... Đó là khi chợ nổi trở về với những nỗi niềm của cuộc sống lênh đênh sông nước, vọng nhớ về một dải đất liền ở đâu đó trong tiềm thức. Để rồi, từ 3 giờ sáng hôm sau, cả một khúc sông Gành Hào lại bừng tỉnh với những ghe hàng đầy ắp những trái cây và rau quả, bắt đầu một ngày mới, nhộn nhịp và lãng mạn. Nếu có dịp, xin ai đó đừng bỏ lỡ một lần đến với chợ nổi trên sông Gành Hào. Nắng, gió sông nước và sự bình dị, chân thành của con người, sản vật nơi đây chắc chắn sẽ để lại những dấu ấn thật sâu đậm cho khách phương xa.

Đề 78: Giới thiệu về một món ăn tiêu biểu của quê hương em.

Bài làm

Nam Bộ có nhiều món ăn độc đáo, nhưng phổ biến vẫn là món bún. Bún được chế biến nhiều món ăn đa dạng về hình thức, phong phú về chất lượng như: bún thịt xào, bún nem bì, bún cà ri, bún riêu cua, bún nước lèo, bún mắm... được mọi người ưa thích, từ giới bình dân cho đến kẻ giàu sang phú quý, nhưng hấp dẫn chắc vẫn là món bún mắm.

Ở Trà Ôn, người bán bún mắm không nhiều như ở miệt Trà Vinh, Sóc Trăng, bù lại có tiếng là ngon. Ngon từ sợi bún nhỏ nhắn, tròn trịa, dài mềm mại đến nước lèo, chất mắm. Cách nấu bún mắm ở đây được thêm thắt đôi

chút cho hợp khẩu vị của người ăn. Từ đó bún mắm tự dưng được mọi người xem như món ăn "đặc trưng" nơi đây và cả đồng bằng Tây Nam Bộ.

Nước lèo theo cách gọi chung được nấu chuyên nghiệp cho là đúng "gu" là không xài bột ngọt và đường, chỉ cốt lấy chất ngọt từ con cá lóc, xương heo cùng chất "tinh tuý" ở loại mắm sặc đồng, miệt Cà Mau, thường gọi là "mắm trờ" có mùi nặng đặc biệt. Mắm nấu sôi cho cá rã ra, lọc mắm qua rây lấy nước, bỏ xương. Cá lóc làm sạch cắt thành khúc, cùng xương heo thả trong nước lèo. Cá chín vớt ra, xắt thành từng miếng nhỏ dài lối ngón tay. Còn đầu cá no tròn, đùm ruột gan mỡ béo ngậy được xếp chồng lên trong dĩa bàn lớn, chưng cho "bắt mắt". Cặp trứng cá vàng ruộm bỏ trở lại nồi, dùng "dá" khoả đều cho trứng nổi lên trên mặt, cùng sả băm nhuyễn, nấm rơm búp, tép mỡ óng ánh lềnh bềnh càng tăng thêm chất lượng nồi nước lèo.

Khi ăn nồi nước lèo sôi ngùn ngụt được chan vào tô bún cho ngập nước, dùng "dá" chặn bún lại cho nước đổ trở lại nồi, đó là cách làm cho cọng bún mềm và nóng. Sau đó xếp từng miếng cá, lát thịt ba dọi, vài con tép bạc bên trên, kèm theo rau thơm, giá sống, bắp chuối, rau muống chẻ nhỏ, nước mắm ớt nguyên chất, nếu thích vắt thêm tí chanh. Công đoạn cuối cùng là chan nước lèo lại lần thứ hai. Tô bún mắm đã đầy đủ sẵn sàng mời khách. Cũng chưa hết, khách yêu cầu thêm cục xương heo hay cái đầu cá, đùm ruột béo ngậy, người bán cũng không từ chối, chỉ cần tính thêm tiền.

Đề 79: Giới thiệu về một món ăn dân gian.

Bài làm

Vào tháng Hai, tháng Ba âm lịch, khi mưa xuân giăng một màn bụi mỏng trắng mờ che phủ xóm làng, tiết trời đã ấm áp là lúc lá khúc bắt đầu lên mơn mởn các bãi đất ven đê dọc các triền sông. Chẳng ai trồng rau khúc. Nó tự nhiên âm thầm mọc lên, như có phần bẽn lẽn vì sự giản dị của mình, lặng lẽ mang đến cho con người những ngọn lá xanh mướt, mang vị thơm, vị bùi rất đặc biệt trong một thứ quà quê được gọi tên bằng chính loại lá độc đáo làm ra nó: bánh khúc. Chẳng biết bánh khúc có từ bao giờ, ai là người đầu tiên làm được món bánh này nhưng bánh khúc đã quen thuộc từ lâu với rất nhiều người dân vùng đồng bằng Bắc Bộ, từ nông thôn đến thành thị.

Làm bánh khúc không khó, nhưng đòi hỏi sự cần cù, tỉ mỉ và cả kinh nghiệm người xưa truyền dạy. Nguyên liệu chủ đạo làm nên hương vị độc đáo của món bánh này là lá khúc. Lá khúc hái từ buổi sớm, chọn những lá đang độ tươi non mơn mởn hái đem về giã cho nhuyễn rồi trộn với bột gạo làm vỏ bánh. Nhân bánh được làm từ đậu xanh đồ chín tới giã thật mịn, viên lại nhỏ bằng quả trứng gà ri cùng với thịt ba chỉ thái hạt lựu, rắc thêm chút hạt tiêu cho dậy mùi. Dàn mỏng lớp vỏ thật khéo bao kín nhân bánh, xếp từng lượt bánh vào nồi hấp như đồ xôi, mỗi lớp bánh lại rắc một

lượt gạo nếp ngon đã ngâm kỹ làm áo. Từ lúc nước sôi đến lúc bánh chín chừng tàn một que hương.

Bánh khúc là một thứ quà, trong những thứ quà bánh. Nó cũng có thể giúp người ta đỡ đói lòng khi nhỡ bữa vì thành phần dinh dưỡng khá cao. Thưởng thức bánh khúc khi còn nóng mới thấy hết được hương vị của bánh khúc, một thứ hương vị tổng hợp, kết hợp nhiều mùi vị tự nhiên của ruộng đồng một cách khéo léo tài tình gói gọn trong tấm bánh bé nhỏ, không cần tới sự trợ giúp của các loại hoá chất hay bất cứ thứ công nghệ thực phẩm nào. Bánh khúc là một món quà quê nhưng được người thành thị ưa thích. Người ta thích bánh khúc chính bởi cái tính "lành" của nó. Món bánh cổ truyền này vẫn sống trong xã hội hiện đại bên cạnh những loại bánh khúc được đóng gói trên dây chuyền công nghiệp.

Người ta có thể thưởng thức bánh khúc bất cứ khi nào thích nhưng bánh khúc thường được rao bán cùng với vài loại quà bánh khác vào buổi tối. Những tiếng rao "Ai khúc đê..." mang món quà quê bình dị này tới tận nơi len lỏi tới từng ngõ phố nhỏ. Chẳng biết khi nâng chiếc bánh khúc nóng hổi, bốc khói nghi ngút, thơm mùi gạo nếp, mùi lá khúc, quyện lẫn vị bùi, vị béo của thịt và đỗ có ai biết đến ngọn lá giản dị kia, và những người đang một nắng hai sương làm bánh khúc.

Đề 80: Giới thiệu một thức quà của người Việt.

Bài làm

Đã là người Hà Nội không ai là không từng thưởng thức món xôi một lần, phải nói rằng, xôi Hà Nội có một phong vị riêng mà không trùng với bất cứ xôi ở nơi nào khác. Buổi sáng sớm, tiết trời còn mát mẻ, sau một giấc ngủ êm đềm, con người tĩnh tại thoải mái, bạn có bao giờ nghĩ rằng thưởng thức một bát xôi vào buổi sáng là cách thư giãn tốt nhất không? Người Hà Nội thì hay có thói quen như thế, giản dị, mộc mạc và thanh bình biết bao nhiêu.

Mỗi loại xôi có một hương vị khác nhau và được ăn kèm với các loại thức ăn khác nhau. Chẳng hạn như xôi trắng ăn kèm với ruốc, thịt kho tàu, giò chả, lạp xường vừa thơm vừa mềm. Xôi gấc có vị ngọt được ăn kèm với chả mỡ. Xôi lạc, xôi đỗ xanh ăn kèm với vừng và ruốc. Còn xôi xéo, chắc chắn phải có thêm đậu xanh xắt lát mỏng và trên bát có hành phi thơm vàng ngậy...

Thật ra, việc nấu xôi cũng chẳng mấy khó khăn và bất kể ai cũng nấu được. Chẳng hạn như muốn nấu xôi đậu xanh, chỉ cần chọn loại gạo nếp hoa vàng, ngâm gạo, đậu xanh từ tối hôm trước, để qua đêm cho mềm. Sau đó, vo gạo, đãi đậu thật kỹ rồi trộn đều. Cho thêm một chút muối, xóc lẫn vào gạo, đậu rồi đổ vào chõ đồ cho đến khi hạt gạo dẻo trong và hạt đậu nở bung là được. Đối với xôi lạc, cách nấu có hơi khác. Người nấu phải luộc

chín nhân lạc trước cho mềm, sau đó bóc vỏ lạc rồi trộn với gạo nếp, pha thêm muối rồi đổ vào chõ đồ... Riêng xôi gấc, thay vì cho muối người nấu cần cho thêm đường. Trong các loại xôi, xôi xéo được coi là loại khó nấu nhất. Sau khi xôi chín, người nấu phải xới xôi cho tơi, để nguội rồi trộn với đậu xanh nấu chín. Đến lúc ăn xôi phải xắt mỏng nắm đậu xanh đã được đồ chín, thêm chút mỡ nước, hành phi vàng thơm phủ lên trên. Khi đó, bát xôi xéo sẽ có được vị ngọt của gạo nếp, vị bùi của đậu xanh, vị béo của mỡ nước và vị thơm của hành phi, ăn ngon tuyệt.

Đề 81: Thuyết minh về cách làm một món ăn mà em yêu thích.

Bài làm

Nhắc đến những món ăn được làm từ vịt: vịt quay Bắc Kinh, vịt quay Lạng Sơn, vịt nướng,... ai ai cũng nghĩ đến một món ăn béo ngậy. Nhưng có một món ăn cũng được chế biến từ vịt mà không hề gây cảm giác béo ngấy. Đó là món vịt quay me.

Nguyên liệu làm món vịt quay me khá cầu kì. Trước hết, ta cần có một con vịt cân nặng chừng 1,5 kg, chú ý mua vịt còn sống, tránh mua vịt làm sẵn; một miếng gừng khoảng 50 gram; ba thìa (muỗng) rượu trắng, hành ta, tỏi, tiêu, muối, đường, bột ngọt, dấm, hai thìa cà phê dầu mè, một quả dừa xiêm, hai thìa súp tương hột, một vắt me chín to, một muỗng súp bột năng, 100gram xà lách xoong, hai quả cà chua, hai quả ớt, hành lá, một củ cà rốt, một củ cải trắng, hai chiếc bánh mì.

Khi đã có đủ những nguyên liệu cần thiết, ta tiến hành sơ chế. Trước hết, với hành và tỏi ta cần băm nhỏ. Với vịt, cần cắt tiết, làm sạch lông, rửa sạch rồi moi dưới bụng lấy bộ lòng ra. Gừng giã nhỏ, hoà với rượu, vắt lấy nước, tẩm vào vịt, để độ nửa giờ để vịt bớt tanh. Sau đó, rửa sạch vịt, để ráo, ướp vào vịt những gia vị sau: hành tỏi băm nhỏ, một chút tiêu, muối, đường, bột ngọt và dầu mè sao cho vừa ăn. Tiếp đến cho vịt vào chảo mỡ đã khử tỏi, rán (chiên) vàng. Vịt rán xong đem chặt miếng vừa ăn.

Me chín ta cho nước nóng vào, tán cho me ra chất chua. Với cà chua, ớt, hành lá thì tỉa hoa; riêng ớt ta để lại một chút đem băm nhỏ, lọc bỏ hạt. Cà rốt, củ cải trắng cũng tỉa hoa rồi đem ngâm dấm và đường.

Sau những việc trên, ta cho vịt đã chiên vàng vào xoong, chế nước dừa vào cho ngập, bắc lên bếp, nấu cho vịt mềm.

Tiếp theo, bắc chảo mỡ nóng, phi thơm hành tỏi, cho tương hột và nước me vào, nêm chút đường, bột ngọt, tiêu vừa ăn, cho vào đó vịt đang hầm, nấu tiếp cho vịt thật mềm là được, nêm lại cho vừa ăn. Bột năng hoà nước cho vào cho nước nấu được sanh sánh, nhắc xuống.

Vậy là công đoạn nấu nướng đã xong, để việc chuẩn bị thưởng thức món vịt quay me được trọn vẹn, ta cần trang trí món ăn sao cho đẹp mắt. Ta xếp

vịt ra đĩa sao cho giống hình dáng con vịt đang ngồi, miệng vịt cho ngậm hoa ớt, đùi vịt quấn giấy cắt tua, giữa để cà chua và ớt tỉa hoa, xung quanh để xà lách xoong và cà rốt, củ cải trắng tỉa hoa cho xen kẽ. Món ăn này nên dùng nóng với bánh mì.

Món vịt quay me thường được thấy trong thực đơn của những nhà hàng sang trọng. Tuy nhiên, chúng ta cũng có thể tự làm món ăn này trong những ngày nghỉ rảnh rỗi có nhiều thời gian. Khi ấy, cả gia đình quây quần cùng thưởng thức món ăn sang trọng này thì thật thú vị!

Đề 82: Thuyết minh về một món ăn truyền thống của địa phương.

Bài làm

Vốn là mảnh đất ngàn năm văn hiến, Hà Nội đã hình thành cho mình một nét văn hóa ẩm thực rất riêng. Sau những ngày Tết bộn bề với thịt mỡ, bánh chưng... Người Hà Nội lại làm những bữa bún thang thanh đạm mà không kém phần hấp dẫn.

Bún thang ra đời từ khi nào không ai rõ. Chỉ biết rằng hình ảnh bát bún thang từ lâu đã gắn bó với hình ảnh những cô gái của Hà Nội băm sáu phố phường duyên dáng, khéo léo.

Để làm được món bún thang phải chuẩn bị nguyên liệu khá cầu kì: bún, thịt gà, trứng gà, tôm nõn, nem chạo, xương lợn, rau thơm.

Việc lựa chọn và chế biến các nguyên liệu ấy cũng rất tinh tế. Bún phải là thứ bún sợi nhỏ, trắng trong, không có mùi chua. Thịt gà luộc chín xé sợi nhỏ. Trứng gà lựa lấy lòng đỏ, tráng những lớp mỏng và khô rồi cuộn lại thái thành những sợi nhỏ. Với tôm nõn ta phải ngâm một lát, để ráo nước rồi giã bông. Rau thơm rửa sạch, thái nhỏ, riêng với nem chạo thì ta để nguyên.

Xương lợn là nguyên liệu dùng để nấu nước dùng vì vậy ta nên chọn xương ống, vừa rẻ vừa ngọt nước. Ta rửa sạch xương, chặt đôi từng khúc cho vào luộc sơ qua rồi rửa sạch. Xương sau khi rửa mới có thể nấu làm nước dùng. Khi nấu, ta cho đầy đủ gia vị, nếm vừa miệng là được. Ban đầu để lửa to, sau khi sôi để lửa nhỏ cho xương nhanh dừ.

Sau khi đã chế biến xong các nguyên liệu, ta chuẩn bị cho bữa ăn. Lấy một bát to, ta đặt vào đó lần lượt: bún, thịt gà xe sợi, trứng gà thái sợi, tôm bông, nem chạo, rau thơm rồi cho nước dùng vào. Ta sẽ có bát bún thang với màu trắng của bún, màu trắng ngà của thịt gà, màu vàng của trứng, màu hồng của tôm bông, màu nâu của nem chạo, màu xanh của rau thơm. Đặc biệt, sự trong veo của nước dùng sẽ làm nổi lên những màu sắc hấp dẫn của bát bún.

Hương vị của bún thang rất thanh đạm khác hẳn cái béo ngậy của thịt mỡ hay đồ nếp. Bún thang thường được dùng sau những ngày Tết ồn ào hay trong những ngày hè cần một món ăn nhẹ nhàng, mát dịu.

Bún thang cùng với phở, bánh tôm...đã trở thành đặc trưng của ẩm thực Hà Nội. Bát bún thang ẩn chứa trong đó sự khéo léo, tinh tế, tỉ mỉ của những "nghệ nhân" ẩm thực đất Hà thành. Và vì thế, bún thang đã "để thương để nhớ" cho tâm hồn bao người con đất Kinh kì cũng như những du khách may mắn trong đời có lần được đến với Thủ đô.

Đề 83: Thuyết minh về một món ăn mẹ làm

Bài làm

Nhắc đến người mẹ thân yêu là em nghĩ đến những bữa ăn gia đình ấm cúng với bao món ăn ngon do chính tay mẹ làm. Có một món được gọi là "món tủ" của người, nguyên liệu rất dễ tìm, đơn giản nhưng dưới đôi tay tài hoa của mẹ, chúng được chế biến thành món ăn thật hấp dẫn: món mì xào giòn.

Để làm món mì xào giòn, ta cần chuẩn bị mười hai vắt mì tươi, một cái cật heo, một bộ lòng gà, 100 gram nấm rơm búp, 100gram bông cải, 50gram đậu hoà lan, một chiếc đùi gà (hoặc ức gà), 150g tôm bạc thẻ, hai trái cà chua, hai trái ớt, 150gram xương heo nấu lấy một chén nước lèo, 50gram hành ta, một củ tỏi, một củ hành tây, hai muỗng cà phê dầu mè, một muỗng súp bột năng, nửa muỗng cà phê thuốc muối, 100gram bột mì hoặc bột năng để rắc mì, mỡ nước hoặc dầu ăn, muối, tiêu, đường, bột ngọt, xì dầu ngò, dấm.

Để chuẩn bị làm món ăn này, cần đem mì trụng sơ nước sôi rồi để ráo, sau đó gỡ mì cho rời ra. Cật heo bổ đôi, lạng bỏ lõm trong của cật rửa sạch, ngâm cật trong nước có pha chút dấm và muối độ 15 phút, vớt ra, rửa sạch, xắt ra từng miếng độ dày 1,5cm. Lòng gà và gan xắt mỏng, mề xắt hoa (khía ngang và khía dọc có bằng khoảng một li). Nấm rơm gọt rửa sạch, trụng sơ nước sôi có cho chút muối cho nấm được giòn. Bông cải cắt miếng vừa ăn, trụng sơ nước sôi. Đậu hoà lan tước xơ hai bên mép, trụng sơ nước sôi có cho chút muối và thuốc muối cho đậu được xanh. Với đùi gà ta lóc nạc, xắt mỏng; tôm bạc thẻ ta rửa sạch, bóc vỏ, rút bỏ chỉ đen, để ráo. Cà chua tỉa hoa một quả, còn lại xắt dọc theo trái độ 8 miếng (xắt theo múi xà). Hành ta và tỏi băm nhỏ. Còn hành tây tỉa lá, hoặc xắt dọc theo củ có bảng độ một cm.

Sau giai đoạn sơ chế, ta bắt đầu chiên mì. Đầu tiên, rây bột mì (hoặc bột năng) vào các sợi mì đã luộc chín, cho mì này vào chảo mỡ đã cho một ít tỏi đập dập, chiên từng cọng cho mì được vàng và giòn. Tiếp đến, ta xào thịt. Bắc chảo mỡ nóng, phi hành tỏi cho thơm, cho thịt gà vào xào. Với cật heo, lòng gà ta cũng xào lên cho đều, nêm tiêu, xì dầu, đường, bột ngọt cho vừa ăn. Khi thịt săn, cho nấm rơm, bông cải, đậu hoà lan, sau cùng cho cà chua và hành tây, nêm lại cho vừa ăn, nhắc xuống, cho dầu hào và dầu mè (xào cho rau cải vừa chín tới mới ngon).

Khi các phần của món ăn đã nấu xong, ta bắc ra trang trí món ăn. Đầu

tiên, cho mì ra đĩa, phía trên cho hỗn hợp rau và thịt. Khi gần ăn thì hâm sốt lại cho nóng chế lên mì, ở giữa để cà chua và ớt tỉa hoa, rắc tiêu và ngò cho thơm, dùng nóng với xì dầu, ớt xắt khoanh mỏng.

Món mì xào giòn có thể nấu dùng trong những bữa ăn thường ngày hoặc được nằm trong thực đơn của những quán ăn bình dân. Với riêng em, món ăn này gắn với hình ảnh người mẹ đảm đang và vô cùng khéo léo, tinh tế.

Đề 84: Giới thiệu về món ăn dân tộc.

Bài làm

Trong những ngày xuân đến rộn ràng, lòng người náo nức mừng dịp Tết Nguyên Đán, chúng ta lại nghĩ đến những món ăn đậm đà bản sắc dân tộc. Và bánh chưng là một món ăn không thể thiếu trong số đó.

Bánh chưng từ lâu đã là một loại bánh truyền thống của dân tộc Việt nhằm thể hiện lòng biết ơn của con cháu đối với cha ông và đất trời xứ sở. Tương truyền rằng vào đời vua Hùng Vương thứ sáu, sau khi đánh dẹp xong giặc Ân, nhà vua có ý định truyền ngôi cho con. Nhân dịp đầu xuân, vua Hùng họp các hoàng tử lại và yêu cầu các hoàng tử đem dâng lên vua cha thứ mà họ cho là quí nhất để cúng lên bàn thờ tổ tiên nhân ngày đầu xuân. Các hoàng tử đua nhau tìm kiếm của ngon vật lạ dâng lên cho vua cha, với hi vọng mình được vua cha truyền ngôi. Trong khi đó, người con trai thứ mười tám của Hùng Vương là Lang Liêu có tính tình hiền hậu, sống gần gũi với người nông dân lao động nghèo khổ nên ông lo lắng không có gì quí giá để dâng lên vua cha. Một hôm, Lang Liêu nằm mộng thấy có vị thần đến chỉ bảo cho cách làm một loại bánh từ lúa gạo và những thức có sẵn gần gũi với đời sống hàng ngày. Tỉnh dậy, ông vô cùng mừng rỡ làm theo cách chỉ dạy của thần. Đến ngày hẹn, các hoàng tử đều đem thức ăn đến bày trên mâm cỗ, đủ cả sơn hào hải vị, nem công chả phượng. Hoàng tử Lang Liêu thì chỉ có hai loại bánh được làm theo lời mộng. Vua Hùng Vương lấy làm lạ bèn hỏi, thì được Lang Liêu đem chuyện thần báo mộng kể, giải thích ý nghĩa của bánh. Vua cha nếm thử, thấy bánh ngon, khen có ý nghĩa, bèn đặt tên cho bánh là bánh chưng và bánh dày rồi truyền ngôi vua lại cho Lang Liêu.

Cách thức làm bánh rất đơn giản. Cũng theo truyền thuyết kể lại thì cách làm bánh ngày nay không khác so với lời báo mộng của thần cho Lang Liêu cũng như cách làm bánh của vị lang nặng tình với nhân dân là mấy. Nguyên liệu làm bánh bao gồm gạo nếp, đậu xanh, thịt lợn, lá dong. Những nguyên liệu ấy vừa dễ kiếm lại vừa giàu ý nghĩa: vật trong Trời Đất không có gì quý bằng gạo, vì gạo là thức ăn nuôi sống con người. Gạo nếp thường dùng là gạo thu hoạch vụ mùa. Gạo vụ này có hạt to, tròn, đều và thơm dẻo hơn các vụ khác. Cầu kì hơn còn có gia đình phải chọn bằng được nếp cái hoa vàng hay nếp nương. Đỗ xanh thường được lựa chọn công phu. Sau thu

hoạch đỗ cần phơi nắng đều thật khô, sàng sẩy hết rác, bụi, hạt lép, phân loại hạt rồi đóng vào hũ, lọ bằng sành là tốt nhất. Thịt lợn nên chọn lợn ỉn được nuôi hoàn toàn bằng phương pháp thủ công (nuôi chuồng hoặc nuôi thả, thức ăn bằng cám rau tự nhiên không dùng thuốc tăng trọng hoặc thức ăn gia súc). Khi chọn thịt thì lấy thịt ba chỉ (ba dọi) vừa có mỡ vừa có nạc khiến nhân bánh có vị béo đậm đà, không khô bã. Ngoài ra còn cần các gia vị như hạt tiêu, hành củ dùng để ướp thịt làm nhân; muối dùng để trộn vào gạo, đỗ xanh và ướp thịt. Đặc biệt thịt ướp không nên dùng nước mắm vì bánh sẽ chóng bị ôi, thiu. Lá để gói bánh thường là lá cây dong tươi. Lá dong chọn lá dong rừng bánh tẻ, to bản, đều nhau, không bị rách, màu xanh mướt. Tuy nhiên, tùy theo địa phương, dân tộc, điều kiện và hoàn cảnh, lá gói bánh có thể là lá chít hoặc vừa là lá dong vừa là lá chít. Lạt buộc bánh chưng thường dùng lạt giang được làm từ ống cây giang. Lạt có thể được ngâm nước muối hay hấp cho mềm trước khi gói.

Trước khi làm bánh cần có sự chuẩn bị sơ chế nguyên liệu kĩ lưỡng. Lá dong phải rửa từng lá thật sạch hai mặt và lau thật khô. Tiếp đó dùng dao bài cắt lột bỏ bớt cuộng dọc sống lưng lá để lá bớt cứng. Gạo nếp nhặt loại bỏ hết những hạt gạo khác lẫn vào, vo sạch, ngâm gạo ngập trong nước cùng 0,3% muối trong thời gian khoảng 12–14 giờ tùy loại gạo và tùy thời tiết, sau đó vớt ra để ráo. Có thể xóc với muối sau khi ngâm gạo thay vì ngâm nước muối. Đỗ xanh làm dập vỡ thành các mảnh nhỏ, ngâm nước ấm 40° trong 2 giờ cho mềm và nở, đãi bỏ hết vỏ, vớt ra để ráo. Thịt lợn đem rửa để ráo, cắt thịt thành từng miếng cỡ từ 2.5 cm đến 3 cm sau đó ướp với hành tím xắt mỏng, muối tiêu hoặc bột ngọt để khoảng hai giờ cho thịt ngấm.

Khi làm bánh, trước hết phải xếp lạt giang một cách hợp lí rồi trải lá dong, lá chít trước. Sau đó mới trải một lớp gạo rồi đến một lớp đỗ, đặt thịt vào giữa làm nhân rồi lại trải tiếp một lớp đỗ, một lớp gạo. Sau khi quấn lá chặt lại thì dùng lạt giang buộc chắc chắn.

Theo quan niệm phổ biến hiện nay, cùng với bánh giầy, bánh chưng tượng trưng cho quan niệm về vũ trụ của người Việt xưa: bánh chưng màu xanh lá cây, hình vuông tượng trưng cho Đất, bánh dầy tượng trưng cho trời. Tuy nhiên, theo một số học giả nổi tiếng, bánh chưng nguyên thủy có hình tròn và dài, giống như bánh tét, đồng thời bánh chưng và bánh giầy tượng trưng cho dương vật và âm hộ trong tín ngưỡng phồn thực Việt Nam. Bánh tét, thay thế vị trí của bánh chưng vào các dịp Tết trong cộng đồng người Việt ở miền nam Việt Nam, cũng theo những học giả trên là dạng nguyên thủy của bánh chưng.

Bánh thường được làm vào các dịp Tết Nguyên Đán cổ truyền của dân tộc Việt, cũng như ngày giỗ tổ Hùng Vương mùng 10 tháng 3 Âm lịch. Thiếu bánh chưng, bánh dầy ắt không thành cái Tết hoàn chỉnh: "Thịt mỡ bánh chưng xanh, dưa hành câu đối đỏ". Hơn thế, gói và nấu bánh chưng,

ngồi canh nồi bánh chưng trên bếp lửa đã trở thành một tập quán, văn hóa sống trong các gia đình người Việt mỗi dịp tết đến xuân về.

Là loại bánh có lịch sử lâu đời nhất trong ẩm thực truyền thống Việt Nam còn được sử sách nhắc lại bánh chưng có vị trí đặc biệt trong tâm thức của cộng đồng người Việt. Sự ra đời và tục lệ làm bánh chưng ngày Tết, ngày giỗ Tổ muốn nhắc nhở con cháu về truyền thống của dân tộc đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của cây lúa và thiên nhiên trong nền văn hoá lúa nước. Theo thời gian, nền văn minh công nghiệp đang dần được hình thành song ý nghĩa và vai trò của bánh chưng thì vẫn còn nguyên vẹn.

Phần III
VĂN NGHỊ LUẬN

Đề 85: Tình yêu quê hương là một tình cảm thiêng liêng đối với mỗi con người. Em hãy viết đoạn văn nghị luận về đề tài này.

Bài làm

Quê hương có một vị trí quan trọng trong lòng mỗi người. Mỗi người dân Việt Nam đều có tình cảm thiêng liêng gắn bó với quê hương xứ sở của mình. Đối với những con người lao động, nhất là người nông dân, họ đã gắn bó mật thiết với quê hương. Từ lúc cất tiếng khóc chào đời, rồi tuổi thơ đẹp đẽ, những công việc lao động, rồi cuộc sống gia đình, cho tới lúc chết họ đã sống gắn liền với làng quê. Tình cảm yêu quê hương đất nước là một truyền thống tốt đẹp và đáng quý của dân tộc Việt Nam. Cho dù có ở nơi xa nhưng mỗi người vẫn luôn nhớ về quê nhà của mình. Quê hương như một người mẹ hiền ôm ta vào lòng và dành cho ta những gì tốt đẹp nhất. Quê mẹ là nơi ấp ủ tình yêu thương, nơi nuôi ta lớn, dạy dỗ, an ủi che chở cho ta. Quê hương - hai tiếng thân thương mỗi lần nghe thấy chúng ta không khỏi xúc động bồi hồi. Tình yêu quê hương đã ăn sâu vào máu thịt, đi sâu vào lòng mỗi con người. Vì vậy nếu ai chưa nhận thức chưa có tình cảm gắn bó với xứ sở của mình thì hẳn họ chưa được coi là trưởng thành. Quê hương đi vào lòng con người một cách rất tự nhiên. Người ta có thể nhớ tới quê hương đất nước của mình chỉ qua một món ăn bình dị hay một địa danh đã gắn liền với những kỷ niệm đẹp...

Đề 85: Viết bài văn nêu cảm nghĩ của em nhân sự kiện Thăng Long – Hà Nội sắp tròn 1000 năm tuổi.

Bài làm

"Thành Đại La... là trung tâm trời đất có thế rồng cuộn hổ ngồi, đã đúng ngôi nam bắc đông tây, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi...". Gần một nghìn năm trước, vua Lí Công Uẩn đã sáng suốt nhận ra vị trí địa lí vô cùng linh thiêng của thành Đại La. Và sau đó, trong chuyến thiên đô về mảnh đất này, vị vua khai triều nhà Lý đã được nhìn thấy hình ảnh rồng bay lên báo trước những điềm lành cho tương lai dân tộc. Sự kiện đặc biệt ấy đã dẫn đến việc đổi tên của kinh đô mới: từ Đại La chuyển thành Thăng Long (rồng bay lên).

Từ năm 1010 đến nay, trải qua nhiều thăng trầm và những biến cố lịch sử quan trọng, trong đó có cả những lần đổi tên: Thăng Long, Đông Đô, kẻ chợ,... rồi Hà Nội, người và đất kinh thành đã khẳng định được vị thế quan trọng của mình đối với vận mệnh đất nước.

Là một mảnh đất trù phú về tài nguyên, dân cư chăm chỉ, cần cù lại có vị trí địa lí vô cùng đặc biệt nên dải đất hình chữ S Đại Việt – Việt Nam luôn bị hoạ xâm lăng đe doạ. Nhưng dù trong bất kì cuộc chiến nào, Thăng Long – Hà Nội cũng chứng tỏ được vị thế trung tâm chính trị của cả nước.

Năm 1258, 1285, 1287, ba lần quân Nguyên – Mông xâm lược nước ta, ba lần Thăng Long sát cánh cùng dân tộc đánh đuổi kẻ thù. Vua tôi nhà Trần cùng nhân dân kinh thành di tản kháng chiến thực hiện kế sách "vườn không nhà trống", thành Thăng Long cho giặc mượn tạm mình một đêm làm nơi trú ngụ để đến hôm sau cùng con người quét sạch giặc khỏi bờ cõi. Đến thế kỉ XV, sau những cay đắng ngậm ngùi phải chứng kiến cảnh giặc Minh giày xéo, năm 1428, sau khúc khải hoàn của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, thành Đông Quan (tên Thăng Long – Hà Nội khi ấy) vui mừng chứng kiến "Hội thề Đông Quan" binh tướng nhà Minh làm lễ tế trời đất rút quân khỏi bờ cõi nước ta. Cuối thế kỉ XIX, cuộc khởi nghĩa Tây Sơn thắng lợi thống nhất đất nước, đánh tan âm mưu xâm lược nước ta của nhà Thanh. Ngày mùng năm Tết Kỉ Sửu 1789, thành Thăng Long trong bầu không khí nồng khói thuốc súng và xôn xao tiếng cười, tiếng nói, niềm vui sướng của nhân dân kinh thành đón chào vị anh hùng áo vải Quang Trung Nguyễn Huệ với cành đào Nhật Tân tươi thắm trên tay.

Năm 1838, đất cố đô được đổi tên thành Hà Nội. Suốt những năm của thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, Hà Nội không còn là kinh đô của đất nước nhưng vị trí đặc biệt quan trọng về kinh tế – xã hội – chính trị của mảnh đất này không ai có thể phủ nhận được. Cũng trong thời gian ấy, Hà Nội cùng nhân dân cả nước chứng kiến thời kì suy thoái của chế độ phong kiến Việt Nam và cuộc xâm lược tàn bạo của thực dân Pháp. Những năm tháng đau thương qua đi, khi cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, ngày mùng

2 tháng 9, Hà Nội tưng bừng cờ hoa mừng ngày chiến thắng. Nắng Ba Đình như tươi hơn, trời mùa thu như trong xanh hơn, và người Hà Nội cũng vui tươi hơn bao giờ hết. Sau ngày thu lịch sử ấy, Hà Nội chính thức trở lại vị trí Thủ đô – trung tâm chính trị của cả nước – lại sát cánh cùng cả nước trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp quay trở lại xâm lược và cuộc kháng chiến chống Mĩ – nguỵ. Lịch sử kháng chiến của Hà Nội còn ghi nhận những ngày tháng oanh liệt và hào hùng khác: 10/10/1954, 18/12/1972 – 31/12/1972,... Có thể nói, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Hà Nội luôn hoàn thành sứ mạng của một kinh đô – Thủ đô anh hùng.

Không chỉ chứng tỏ vai trò quan trọng của mình trong những năm tháng chiến tranh khốc liệt, Hà Nội còn khẳng định được vị trí của mình trong thời bình. Dưới triều đại các vua Lí Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Lê Thánh Tông,... Thăng Long – Hà Nội là biểu tượng của sự phát triển, trù phú:

"Đời vua Thái Tổ Thái Tông
Thóc lúa đầy đồng trâu chẳng buồn ăn".

Điều đặc biệt nữa ở Thăng Long – Hà Nội là trải qua gần một nghìn năm hình thành và phát triển, dù bao lần bị kẻ thù đồng hoá nhưng đất kinh thành vẫn giữ vững những truyền thống văn hoá tốt đẹp đồng thời tiếp thu tinh hoa các nền văn hoá khác để làm giàu có, phong phú cho mình. Thăng Long – Hà Nội dưới thời Lí từng tồn tại tới ba tôn giáo làm nên hiện tượng Tam giáo đồng nguyên vô cùng thú vị: Đạo Nho, Đạo Phật, Đạo Giáo.

Đặc biệt, từ xa xưa, đây đã nơi tụ họp của tinh hoa học vấn khắp đất nước. Người kinh kì lấy việc học hành, tu rèn đạo đức làm trọng. Năm 1079, Văn Miếu – Quốc Tử Giám, trường đại học của nước ta, được xây dựng giữa chốn phồn hoa đô thị này, và từ đó đến nay, địa danh ấy trở thành biểu tượng cho tinh thần nhân văn, nhân ái và hiếu học của người Thăng Long. Dưới thời vua Lê Thánh Tông, vua từng sáng lập ra hội Tao đàn với Nhị thập bát tú nêu cao tinh thần yêu chuộng chữ nghĩa văn chương.

Trong lối sống và những phong tục tập quán hàng ngày, con người nơi này cũng tạo ra cho mình những nét riêng không thể trộn lẫn. Đó là phong cách thanh lịch, nho nhã:

"Chẳng thơm cũng thể hoa nhài
Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An".

Nét thanh lịch ấy thể hiện rất rõ trong cách nói năng, đi đứng, ăn uống của người Tràng An. Họ "đi nhẹ, nói khẽ", "ăn tròng nồi ngồi trông hướng",... Và họ cũng góp vào cho văn hoá dân tộc những nét đặc sắc trong trang phục, ẩm thực,... Nổi tiếng nhất phải kể đến món "Phở" làm say lòng mỗi du khách đến nơi này.

Gần một nghìn năm đã qua đi. Bụi thời gian không làm phai mờ được những chứng tích của một thời huy hoàng trong lịch sử: "Mặt Hồ Gươm vẫn

lung linh mây trời", "Đài Nghiên Tháp Bút chưa mòn", và vẫn còn đó những Gò Đống Đa, Văn Miếu – Quốc Tử Giám, bia chiến thắng B52,... Thăng Long – Hà Nội trở thành biểu tượng của niềm tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tháng 10 năm 2010, Thăng Long – Hà Nội tròn 1000 năm tuổi. Lòng người nao nức, khao khát thời đại mình sẽ đi vào lịch sử để đất kinh kì có một năm mừng tuổi huy hoàng.

Là những công dân nhỏ tuổi của Thủ đô, chúng em xúc động và tự hào biết bao vì đã được sinh ra và lớn lên trên mảnh đất đô thành linh thiêng này. Để góp vào đoá hoa mừng tuổi của Thủ đô, chúng em sẽ học thật tốt, giành nhiều điểm 10 tươi thắm góp phần hương sắc của mình vào vườn hoa rực rỡ ấy.

Đề 87: Cho câu chủ đề: "Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của nhân dân ta", em hãy viết một đoạn văn theo kiểu diễn dịch.

Bài làm

Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Đất nước ta vốn là nơi có nhiều tài nguyên thiên nhiên quý giá, bởi vậy luôn bị kẻ thù nhòm ngó rắp tâm xâm lược. Nhưng chưa khi nào dân ta cam chịu cảnh nô lệ lầm than, chưa khi nào bó tay nhìn giặc tràn sang xâm lấn. Từ những năm 40, Hai Bà Trưng với nỗi hận nợ nước thù nhà đã phất cờ nổi dậy đánh tuổi tên Thái thú Tô Định nhà Hán. Trong lời hịch xuất quân của Hai Bà có những lời thật hùng tráng:

"Một xin rửa sạch nước thù
Hai xin dựng lại nghiệp xưa họ Hùng
Ba kẻo oan ức lòng chồng
Bốn xin vẻn vẹn sở công lênh này".

Sau Hai Bà Trưng còn có Bà Triệu, Phùng Hưng, Mai Thúc Loan,... liên tục nổi dậy chống ách đô hộ của phong kiến Trung Quốc. Và đến năm 938, với chiến thắng Bạch Đằng lịch sử, Ngô Quyền đã khẳng định quyền tự chủ của đất nước, đưa giang san vào kỉ nguyên mới. Sau Ngô Quyền, tinh thần yêu nước của cha ông tiếp tục thể hiện đậm nét trong nhiều chiến thắng lớn. Đó là ba lần đánh đuổi giặc Nguyên – Mông của vua tôi nhà Trần. Đó là đại chiến mùa xuân 1789 đánh quân xâm lược nhà Thanh của Nguyễn Huệ... Và gần thời đại chúng ta nhất là chiến thắng Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu", là đại thắng mùa xuân 1975 đầy hào sảng...

Đề 88: Viết đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ của em về tình yêu đất nước.

Bài làm

Yêu nước là gì? Nhà văn Ilia Erenbua có một ý văn thật sâu sắc: dòng suối chảy vào sông, con sông đổ vào biển lớn, tình yêu quê hương trở thành tình yêu đất nước. Vậy tình yêu nước đâu phải điều gì xa xôi. Yêu nước là yêu chính người thân trong gia đình mình, yêu bố mẹ, anh chị,... yêu cái cây trước cửa, yêu con đường đến trường... Lớp lớp, triệu triệu con người Việt Nam đã từng xả thân hi sinh để bảo vệ những người mình yêu quý, những vật mình thân quen; động lực chiến đấu của họ chính từ tình yêu đối với những gì bình dị nhất.

Đề 89: Trong chương trình *Ngữ văn 8* có rất nhiều tác phẩm văn học thể hiện tình yêu đất nước và niềm tự hào dân tộc. Em hãy viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của bản thân về quê hương đất nước.

Bài làm

Quê hương mỗi người chỉ một
Như là chỉ một mẹ thôi
Quê hương nếu ai không nhớ
Sẽ không lớn nổi thành người

Trong trái tim mỗi chúng ta bao giờ cũng chỉ có một người mẹ, một người cha và một quê hương. Quê hương là nơi chúng ta sinh ra và lớn lên. Quê hương là nơi có hình ảnh người mẹ, người cha mà ta hằng yêu quý. Tình yêu quê hương đã rèn cho con người ta thêm dũng cảm hơn trên con đường đầy chông gai của cuộc sống. Tình yêu quê hương đó thôi thúc chúng ta sống có ích hơn cho đất nước. Quê hương còn là nỗi nhớ da diết của những người con khi xa quê. Chính nỗi nhớ quê hương đã luôn nhắc nhở họ phải cống hiến hết sức mình cho quê hương đất nước. Quê hương đã bồi đắp cho chúng ta nhiều tình cảm cao quý: phải biết nhớ khi xa quê, phải biết đau khi đất nước bị quân giặc xâm lược, phải biết yêu thương những gì thuộc về quê hương, phải biết hy sinh thân mình cho quê hương, đất nước. Cha mẹ chỉ có thể sinh ra và dạy bảo chúng ta, còn việc trở thành một người con chân chính của đất nước là do quê hương tạo ra: "Cha mẹ cho em cả hình hài. Thầy cô cho em cả kiến thức... Nhưng em chỉ thành người khi em sống giữa cuộc đời, em chỉ thành người khi em sống giữa quê hương.... Đất nước mến thương cho em thành người".

Đề 90: Văn học và tình thương.

Bài làm

Nhà phê bình Hoài Thanh trong văn bản "Ý nghĩa văn chương" từng viết: "Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có". Nhận định ấy đã nêu lên những tác động cơ bản của văn học đối với tình cảm con người. Không dừng lại ở đó, giữa văn học và tình thương còn có những mối quan hệ sâu sắc.

Văn học bao gồm những tác phẩm thơ, truyện, kịch, ca dao, hò vè... vô cùng đa dạng, phong phú. Một nội dung quan trọng của những tác phẩm ấy là phản ánh đời sống xã hội, thể hiện những tâm tư tình cảm của con người. Đó là tình anh em sâu nặng, tình bạn bè, cô trò cảm động trong "Cuộc chia tay của những con búp bê" (tác giả Khánh Hoài), "Bạn đến chơi nhà" của Nguyễn Khuyến; đó là tình cảm gia đình sâu sắc trong những bài ca dao về tình cảm gia đình; là tình thương đối với những kiếp người bé nhỏ, mong manh trong chùm ca dao than thân, trong bài thơ "Qua Đèo Ngang" của Bà Huyện Thanh Quan, trong vở chèo "Quan Âm Thị Kính",...

Qua những tác phẩm ấy, văn học đã ngợi ca tình yêu thương đẹp đẽ, trong sáng, cao thượng giữa người với người, giữa người với vạn vật xung quanh. Từ đó, văn học xây đắp, bồi dưỡng cho ta tình yêu thương đối với những người thân yêu, với những người hàng xóm, bạn bè, với quê hương đất nước... Đọc bài ca dao "Công cha như núi Thái Sơn...", người đọc thấm thía hơn công ơn "như núi", "như nước trong nguồn chảy ra" của cha và mẹ. Bài ca dao khiến ta biết yêu hơn, biết thương hơn những đấng sinh thành. Đọc truyện ngắn "Cuộc chia tay của những con búp bê" của Khánh Hoài, ai cũng rưng rưng cảm động và thấy xót thương cho những số phận bé thơ sớm phải chịu cảnh gia đình chia lìa đôi ngả. "Bạn đến chơi nhà" của Nguyễn Khuyến lại khiến người đọc thấy trân trọng và tin yêu vào tấm lòng của những người bạn hữu trong cuộc đời,... Có thể nói văn học chính là dòng suối ngọt mát bồi đắp những yêu thương cho tâm hồn con người. Nó khiến mỗi chúng ta biết yêu thương, quan tâm chia sẻ với nhau để sống nhân văn và ý nghĩa hơn giữa cuộc đời này.

Đến lượt mình, tình thương trở thành nguồn gốc, động lực cho sự ra đời của văn học. Trong "Ý nghĩa văn chương", Hoài Thanh đã dùng một câu chuyện – một hình ảnh thật hay để lí giải nguồn gốc của thơ ca hay chính là văn học nghệ thuật nói chung: Một tu sĩ khóc thương một con chim nhỏ bị thương, tiếng khóc – lòng thương của ông đã bật lên thành tiếng thơ ca. Thật vậy, phải có lòng yêu quý, trân trọng tấm lòng của bạn sâu sắc, Nguyễn Khuyến mới chấp bút viết nên "Bạn đến chơi nhà" hóm hỉnh. Phải có một tấm lòng đầy ưu tư, đa cảm trước tình đời, tình người Bà Huyện Thanh Quan mới viết nên những câu thơ đầy cảm động:

"Lom khom dưới núi tiều vài chú
Lác đác bên sông chợ mấy nhà
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia".

Trong nỗi "nhớ nước", "thương nhà" của tác giả là một khối sầu thương u ẩn về thời thế và cuộc đời...

Văn chương, nói như học giả Lê Quý Đôn: "Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần", thực sự được bắt nguồn từ tình yêu thương bao la giữa người với người, giữa con người và vạn vật.

Có thể nói, giữa văn học và tình thương có mối liên hệ qua lại rất mật thiết. Văn học bồi đắp tình thương và tình thương trở thành nguồn gốc, động lực của văn học. Điều đó cho ta những bài học quan trọng trong việc học văn và xây dựng tình cảm với người thân, bạn bè, cộng đồng. Học văn là để làm đẹp, làm phong phú cho tâm hồn và ngược lại, khi đọc văn – học văn phải biết "lấy hồn ta để cảm hồn người", có vậy mới thấm thía hết những giá trị nhân văn sâu sắc của các tác phẩm văn học.

Đề 91: Tục ngữ phương Tây có câu: *Im lặng là vàng*. Nhưng nhà thơ Tố Hữu lại viết:

Khóc là nhục. Rên, hèn. Van, yếu đuối
Và dại khờ là những lũ người câm
Trên đường đi như những bóng thầm
Nhận đau khổ mà gởi vào im lặng.

(Liên hiệp lại)

Theo em, mỗi nhận xét trên đúng trong những trường hợp nào?

Bài làm

Vàng là một thứ quý trên thế gian, người ta vẫn nói: "quý như vàng". Câu nói "Im lặng là vàng" mang hàm ý khuyên mỗi người trong giao tiếp nên biết giữ im lặng, không nên tự bộc lộ mình hoặc can thiệp vào công việc của người khác, đó mới là khôn ngoan, chín chắn. Sự đúng đắn của quan điểm ấy chúng ta đã từng phân tích, thừa nhận, ca ngợi rất nhiều. Song điều đó có hoàn toàn chính xác? Liệu có phải khi nào im lặng cũng là đúng đắn, tốt đẹp?

Trong cuộc sống, bên cạnh những cái hay cái đúng còn có những quan điểm, lời nói, hành động... sai trái cần lên án, tố cáo. Trong cơ quan, công sở có những kẻ tham ô, hối lộ. Ngoài đường ngoài chợ, có những tên buôn lậu, cướp giật. Trong lớp học, có những hành động tiêu cực trong kiểm tra, đánh giá... Lúc ấy, nếu im lặng tức là đã tiếp tay cho cái ác, cái sai trái hoành hành. Lúc ấy im lặng là vô trách nhiệm, hèn nhát.

Cũng có khi, trên đường có một cụ già đang run rẩy trước dòng người xuôi ngược, trong khi bạn đang lưỡng lự thì đã có một bạn khác nhanh chân hơn giúp cụ qua đường. Vậy là chỉ vì im lặng bạn đã lỡ mất cơ hội làm một việc tốt. Trong lớp học, thầy giáo đưa ra câu hỏi, bạn im lặng tức là đã đánh mất cơ hội để cất lên "tiếng nói của mình", cơ hội để thể hiện, cơ hội để thử sức. Những cơ hội, thời cơ nếu ta để lỡ thì sẽ mất đi vĩnh viễn. Khi ấy, im lặng là dại dột, ấu trĩ.

Im lặng trong một cuộc thảo luận, tranh luận của tập thể để đi đến thống nhất một vấn đề chung còn nói lên con người bạn nó thiếu quan điểm biết nhường nào. Khi ấy, bạn rất dễ trở thành ba phải trong vô vàn những quan điểm, xu hướng.

Như vậy là trong cuộc sống, cần phải biết xác định hoàn cảnh để im lặng hoặc phá vỡ im lặng đúng thời điểm.

Đề 92: Em hãy viết bài văn để thuyết phục các bạn chăm học hơn.

Bài làm

Công việc học tập đòi hỏi một người phải có lòng quyết tâm, kiên trì, có chí sẵn sàng bỏ cả cuộc đời mình để tìm hiểu nó, đi theo nó. Công việc học tập đó tuy khó khăn nhưng nó cần thiết trong cuộc sống và góp phần nâng cao năng lực của chúng ta. Học tập có vai trò rất quan trọng đối với mỗi người. Và bởi vậy, việc học tập đòi hỏi sự chăm chỉ và nỗ lực. Thật đúng như thế.

Con người cần phải có tri thức. Để có tri thức thì chúng ta phải học tập. Đác uyn đã nói: "Bác học không có nghĩa là ngừng học". Tuy đã thành một nhà bác học tài giỏi, nổi tiếng nhưng ông vẫn học tập, tìm tòi mặc cho con cái nói gì, khuyên gì. Đúng thế, việc học rất cần thiết, các bạn hãy cố gắng học tập, rèn luyện. Học tập không lúc nào là muộn cả, hãy quay đầu lại, đối diện với sự khó khăn trong việc học tập. Dù thất bại nhiều nhưng đừng nản chí vì "thất bại là mẹ của thành công". Việc học tập vất vả và khó khăn, nếu muốn học tốt thì không những chịu khó mà còn cần có lòng quyết tâm, kiên trì cố gắng vươn lên. Trong cuộc sống đã có rất nhiều tấm gương sáng như thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký từ một người tàn tật liệt cả hai tay nhưng nhờ lòng quyết tâm chịu khó thầy đã vượt qua và trở thành một thầy giáo giỏi. Thầy là một người thầy mà chúng em vô cùng kính trọng và khâm phục với đôi chân ngày đêm viết ra những bài học hay và bổ ích. Hay là anh Hoa Xuân Tứ do một lần sơ ý anh đã đưa cả hai tay mình vào trục quay mía làm đường nên đã mất cả hai tay. Tuy vậy anh vẫn cố gắng học tập và anh đã học hết phổ thông. Đấy là những tấm gương sáng vượt khó. Họ đã cho ta thấy họ tàn nhưng không phế. Họ vẫn là người có ích cho đất nước.

Hãy học tập từ khi còn trẻ, nếu không học tập thì lớn lên sẽ không làm được việc gì. Đúng đấy, khi còn trẻ, đầu óc còn thông minh, còn sáng rõ, còn đang phát triển có thể tiếp thu được nhiều kiến thức còn khi đã lớn, sự

tiếp thu khó khăn hơn, lúc ấy mới gắng học thì đã muộn. Đã có nhiều người nhờ có trí thông minh và vốn kiến thức phong phú đã phát minh ra các loại máy móc, giúp mọi lĩnh vực khoa học công nghệ trở nên tiên tiến hơn. Lênin từng nói "Học... học nữa... học mãi". Đó là điều thật chí lý. Sống ở trên đời thì ai cũng cần có kiến thức, cần phải học tập. Từ già đến trẻ, từ xưa đến nay, học tập vẫn cần được tiếp tục và phát triển nâng cao lên. Bởi không hiểu biết sẽ dẫn đến chuyện sự ngu dốt điều khiển mình đi theo con đường mòn; làm cho mình không tiếp cận được khoa học công nghệ tiên tiến, không hoà hợp mình với mọi người; làm mình trở thành các người vô dụng, tự đào thải mình ra khỏi xã hội. Hiện nay, nhất ở các thành phố có hiện tượng không ít thanh niên bỏ nhà đi bụi, đua đòi, cướp giật, lập băng nhóm, nghiện hút. Không chịu học tập, ném mình vào những cuộc chơi vô bổ, thậm chí phạm pháp, chính họ đã tự đóng cánh cửa tương lai của mình.

Công việc học tập là rất quan trọng đối với đời sống, học tập chịu khó khi còn trẻ là rất cần vì đó là nền tảng vững chắc khi ta lớn lên, tin tưởng vào lực học của mình để luôn đi trên đường đời mà không sợ ngã. Một lần nữa, em mong các bạn hãy cố gắng học tập tốt để đưa đất nước đi lên, xóa bỏ cái đói nghèo, lạc hậu vẫn còn tồn tại trên đất nước ta.

Đề 93: Dựa vào các văn bản *Chiếu dời đô* và *Hịch tướng sĩ*, hãy nêu suy nghĩ của em về vai trò của những người lãnh đạo anh minh như Lí Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn đối với vận mệnh đất nước.

Bài làm

Đối với một quốc gia, nhắc đến những nhà lãnh đạo đất nước là nhắc đến những người đứng đầu bộ máy hành chính nhà nước hay tổ chức quân sự, văn hoá...

Đứng trên cương vị một nhà lãnh đạo, trước hết họ phải là những người có tầm nhìn xa trông rộng, nhận định đúng tình hình đất nước, từ đó xác định đúng nhiệm vụ của cả dân tộc.

Lí Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn đều là những nhà lãnh đạo tài ba, uyên bác thông hiểu kim cổ đông tây. Vị vua đầu tiên của triều Lý đã nhắc đến gương chuyển đô của vua Bàn Canh nhà Thương, nhà Chu. Trần Quốc Tuấn lại nêu gương những anh hùng hào kiệt, biết xả thân vì chủ tướng vì đất nước: Do Vu, Dự Nhượng, Kỉ Tín,... Có thể nói, biết "ôn cố" để "tri tân" là một trong những tố chất không thể thiếu của một nhà lãnh đạo. Và từ việc "nhớ chuyện cũ", các nhà lãnh đạo tài ba đã thể hiện thiên năng "biết chuyện mới, chuyện đời nay" rất tài tình.

Nhà Đinh, Lê "không noi theo dấu cũ Thương Chu" giữ nguyên vị trí kinh đô tại Hoa Lư mà đất Hoa Lư chỉ là chốn núi rừng hiểm trở, khắc nghiệt. Điều đó khiến thời vận đất nước gặp nhiều trắc trở. Lịch sử cũng đã chứng minh điều đó, hai nhà Đinh Lê triều vận ngắn ngủi, nhân dân gặp

nhiều khó khăn... Có thể nói, việc phê phán hai triều Đinh, Lê một phần lớn đã thể hiện tầm nhìn lãnh đạo của Lí Công Uẩn. Ông đã nhìn rõ một thực tế quan trọng: đất nước đang bước vào thời bình, Hoa Lư không còn phù hợp với vị thế kinh đô nữa!

Trần Quốc Tuấn cũng vậy. Từ thực tế của việc giặc Nguyên Mông xâm lược nước ta lần một và thái độ của chúng hiện nay, ông đã thấu rõ nguy cơ của một cuộc chiến chống xâm lược. Sang nước ta, quân Nguyên Mông "uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt Tể phụ", "đi lại nghênh ngang", bắt dân ta cống nạp khoáng sản, vàng bạc... Vậy rõ ràng, chúng chưa hề thấm thía bài học từ thất bại của cuộc xâm lược lần một và đang mưu mô cuộc chiến tranh ăn cướp lần hai.

Giặc như vậy còn lực lượng quân sĩ ta thì sao? Vị nguyên soái lỗi lạc thêm một lần đau xót khi chứng kiến thực cảnh binh sĩ dưới quyền lơ là mất cảnh giác trước nguy cơ mất nước. Họ "hoặc thích chọi gà, hoặc mê tiếng hát", chơi cờ... Ông cay đắng chỉ ra một điều tất yếu là khi giặc đến những thú vui ấy chỉ trở thành tai họa "cựa gà trống không đâm thủng áo giáp của giặc", "tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai", "mẹo đánh cờ không thể dùng làm mưu lược nhà binh"...

Từ việc nhìn nhận thấu suốt tình hình đất nước, các nhà lãnh đạo anh minh đều xác định rõ nhiệm vụ của quân và dân. Điều quan trọng là họ có những quyết định đúng đắn, những hành động táo bạo để đưa đất nước đến được bến bờ của sự bình yên và phát triển.

Lí Thái Tổ xác định nhiệm vụ hiện tại là cần dời đô khỏi Hoa Lư. Nhưng dời đô đến đâu? "Thành Đại La... là nơi trung tâm trời đất,có thế rồng cuộn hổ ngồi lại tiện hướng nhìn sông dựa núi, dân cư không khổ vì ngập lụt, muôn vật phong phú tốt tươi. Xem khắp nước Việt ta chỉ có nơi đây là thánh địa". Từ việc có ý thức sâu sắc ưu thế của thành Đại La đối với việc phát triển đất nước, Lí Thái Tổ đã có quyết định đúng đắn là thiên đô về mảnh đất văn hiến này.

Trần Quốc Tuấn trên cương vị Tổng chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông đã khẳng định ý chí đánh giặc của toàn dân tộc đồng thời khuyến khích, động viên tinh thần chiến đấu của binh sĩ. Ông khuyên quân sĩ phải biết "kiềng canh nóng mà thổi rau nguội", phải biết ra sức tập luyện để sẵn sàng chiến đấu. Không chỉ vậy, ông còn soạn thảo "Binh thư yếu lược" làm sách lược cho binh sĩ tập luyện, rèn quân.

Đề 94: Câu nói của M. Go-rơ-ki "Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống" gợi cho em những suy nghĩ gì?

Bài làm

Câu nói của M.Gorki vận dụng lối diễn đạt rất logic: Hãy yêu sách – sách là tri thức – tri thức là con đường sống. Vậy nhà văn Nga lỗi lạc muốn

nhắn nhủ với người đọc rằng: Hãy biết yêu sách vì đó là con đường sống của nhân loại.

Vậy sách là gì? Trước đây, khi chưa có giấy, người cổ đại thường viết lại những hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân lên giấy papyrus (người Ai Cập), mai rùa, thân trúc (người Trung Quốc), đất sét, xương động vật (người Lưỡng Hà). Đó là cách đo đạc ruộng đất, cách xây dựng Kim tự tháp, các cuộc chiến tranh... Khi giấy viết ra đời, những hiểu biết ấy lại được sao chép và lưu truyền rộng rãi. Chúng được gọi là sách – là nơi lưu giữ những kho tàng tri thức nhân loại.

Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, sách trở thành nơi kết tụ những hiểu biết phong phú, đa dạng của con người về tự nhiên và xã hội. Những công thức toán học, những thí nghiệm vật lí, hóa học... giúp con người khám phá thế giới còn được lưu lại trong sách. Nhờ sách, ta biết đến Ơclit, Pitago, Edison, Giêm Oát... biết đến những vườn treo, những Kim tự tháp, những bóng đèn điện, dầu máy hơi nước... Cũng nhờ sách, ta biết đến những đất nước xa xôi, hiểu được các phong tục tập quán, các nền văn hóa, các mối quan hệ xã hội phong phú, đa dạng... Đó là dân tộc Nhật giàu ý chí nghị lực; dân tộc Trung Hoa thâm thúy, sâu sắc; con người Vương quốc Anh lại "phớt Ăng-lê" rất độc đáo... Đó còn là đạo Phật từ bi hỉ xả, là đạo Lão thần bí cao siêu, đạo Thiên Chúa bác ái nhân văn... Có thể nói, sách là nguồn tri thức vô tận giúp con người hiểu biết tận tường về thế giới bao la.

Nhưng tại sao chỉ có tri thức – chỉ có sách mới là con đường sống?

Sống là quá trình con người tác động vào thế giới tự nhiên và xã hội để tạo ra giá trị vật chất và tinh thần phục vụ đời sống cho bản thân và xã hội. Vậy muốn chinh phục đối tượng ấy phải có hiểu biết về chúng và tri thức chính là phương tiện giúp đỡ con người trên hành trình gian khó ấy.

Thật vậy, muốn trồng được cây lúa cho hạt thóc hạt gạo, người nông dân phải có hiểu biết về giống lúa, về cách cấy cày, chăm bón, gặt hái. Muốn làm được chiếc máy, người công nhân phải biết cách chế tạo các chi tiết máy, cách lắp ráp các bộ phận... Muốn dựng được một tiết mục múa người nghệ sĩ phải hiểu biết về văn hóa, về các động tác múa, về âm nhạc,... Muốn quản lí một doanh nghiệp, người giám đốc phải hiểu về cách thức quản lí, có tri thức về vấn đề nhân sự, về công việc... Có thể nói, tri thức là cây cầu dẫn đến sự sống và những cuốn sách đã hiến thân mình để làm nên những nhịp cầu ấy.

Sách có vai trò quan trọng như vậy, vậy chúng ta cần có thái độ như thế nào với sách? M.Gorki đã nhắn nhủ: "Hãy yêu sách". Đúng vậy, hãy biết nâng niu, gìn giữ những cuốn sách và đọc hiểu chúng. Cha ông ta từng nói: "Mười kho vàng không bằng một nang sách". Chính bởi những điều quí giá mà con người thu lượm được khi đọc sách. Và điều quan trọng là chúng ta cần biết cách đọc sách cũng như chọn lựa sách để đọc. Đọc sách có phương

pháp mới giúp ta đọc nhanh, đọc nhiều và nắm được thông tin cần thiết. Đọc sách cũng cần chọn lọc để tránh đọc phải sách mang nội dung xấu.

Là những người còn đang ngồi trên ghế nhà trường, chưa có nhiều hiểu biết cũng như kinh nghiệm cuộc sống, với người học sinh, việc đọc sách vô cùng quan trọng. Chúng ta đọc sách giáo khoa, đọc các sách tham khảo, đọc báo... Đó chính là chìa khóa giúp chúng ta mở cánh cửa vào cuộc sống.

Đề 95: Chứng minh văn học của dân tộc luôn ca ngợi những ai biết "thương người như thể thương thân" và nghiêm khắc phê phán những kẻ thờ ơ, dửng dưng trước người gặp hoạn nạn.

Bài làm

Bạn và tôi thuở ấu thơ trong nôi, chắc chúng ta ai cũng được nghe lời ru ngọt ngào của bà, của mẹ:

"À ơi... Nhiễu điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước (ơ) phải thương nhau cùng"

Gốc của thơ và nhạc là từ đó, vốn văn học nảy sinh từ nền văn hoá dân gian mang theo điệu hồn dân tộc ở trong mỗi người. Mỗi bài thơ ta đọc, mỗi bài văn thầy giảng em nghe đều thấm đẫm một triết lý nhân sinh cao cả nhắc nhở ta đạo làm người biết "thương người như thể thương thân" và nghiêm khắc phê phán những kẻ thờ ơ dửng dưng trước người gặp hoạn nạn. Đó chính là tư tưởng cốt lõi của văn hoá dân tộc.

Văn học là nhân học, gắn văn học với chức năng giáo dục tư tưởng thẩm mĩ, trong mỗi tác phẩm văn chương ở nhà trường, ta đều cảm nhận tinh thần nhân ái của con người Việt Nam, một truyền thống đạo lý tốt đẹp mà mỗi chúng ta luôn trân trọng nâng niu và soi vào đó để tự răn mình.

Từ buổi đầu tiên cắp sách đến trường, trong những lời cô giảng, câu ca dao trong SGK lớp 1 đã thấm vào hồn con lòng nhân ái yêu thương gần gũi như lời thủ thỉ tâm tình của người mẹ. Lớn lên học lớp 5, lớp 6 nghe thầy đọc những trang thơ, những truyện cổ hay, lòng em thấy xúc động nao nao: em thương cô Tấm thảo hiền, ghét Lý Thông ở ác, em thêm yêu quê hương qua lời thơ ngọt ngào của Trần Đăng Khoa:

Em nghe thầy đọc bao ngày
Tiếng thơ đỏ nắng xanh cây quanh nhà
Mái chèo nghe vọng sông xa
Êm êm như tiếng của bà năm xưa
Nghe trăng thở động tàu dừa
Ào ào nghe chuyển cơn mưa giữa trời
Thêm yêu tiếng hát nụ cười
Nghe thơ em thấy đất trời đẹp hơn.

(Nghe thầy đọc thơ)

Càng yêu thơ văn dân tộc ta càng khám phá được trong mỗi tác phẩm vẻ đẹp kì diệu lung linh của nó mà cơ sở cho sự sáng tạo chính là cội nguồn của tình yêu thương sự đồng cảm, chân thành của nhà văn với con người tạo nên linh hồn trong mỗi sáng tác.

Đọc truyện "Sơn Tinh Thuỷ Tinh" ai cũng hiểu đó là câu chuyện hoang đường nhưng sao nghìn đời nay ta vẫn yêu vẫn quí, đọc trăm lần không chán bởi hình tượng chàng Sơn Tinh chính là hình ảnh của dân Văn Lang thuơ hồng hoang khai thiên lập địa gặp muôn ngàn khó khăn. Càng đọc ta càng khâm phục sự sáng tạo kì diệu của nhân dân khi xây dựng hình tượng nghệ thuật này dưới câu chuyện tình lãng mạn đẹp thời cổ đại. Và càng đọc ta càng thấy dụng ý ngợi ca con người, sức mạnh và ý chí con người quả là lớn lao đáng khâm phục: bao lần đấu tranh, chiến sự xảy ra nhưng Sơn Tinh vẫn thắng, Thuỷ Tinh giao chiến mệt mỏi đành rút quân về. Ca ngợi con người, những con người chính nghĩa, bảo vệ cho công lý đó là chức năng của tác phẩm nghệ thuật nói chung và tác phẩm văn học nói riêng.

Hồi kí "Những ngày thơ ấu" của Nguyên Hồng sao đáng yêu đến thế. Bức chân dung chân thực mà sống động về một cậu bé bất hạnh sống thiếu tình thương nhưng vô cùng trong sáng hồn nhiên và có tình yêu thương mẹ mãnh liệt. Hình ảnh cậu bé Hồng trong tác phẩm chính là một con người đáng quí, đáng để các bạn nhỏ học tập noi gương về nghị lực sống, về tình yêu thương và lòng nhân ái vô bờ. Cậu bé mồ côi cha phải sống bên người bà cô cay nghiệt luôn lấy chuyện mẹ em có con với người khác, phải đi ở tha phương cầu thực mà nhiếc móc hành hạ em. Song tình yêu thương mẹ và niềm tin trong sáng của cậu bé 12 tuổi đã giúp em có thêm bản lĩnh sống và vượt qua mọi thử thách để rồi cuối cùng ước mơ được gặp mẹ đã toại nguyện. Cảm giác hạnh phúc đến vô bờ khi ngồi trong lòng mẹ được mẹ ôm ấp vỗ về, được ngắm nhìn khuôn mặt thân yêu của người mẹ, được mẹ gãi rôm ở sống lưng... của cậu bé Hồng được gợi lại chân thực và xúc động bằng một đoạn văn thấm đẫm chất trữ tình đã đưa mỗi chúng ta về với cội nguồn, về với tình mẫu tử thiêng liêng của chính mình mà vô tình ta chẳng nhận ra. Tập hồi kí hay và lắng đọng hồn người chính bởi tình thương, sự đồng điệu của trái tim nghệ sĩ đã hoà cùng nhân vật với niềm yêu thương xẻ chia với những cuộc đời đắng cay, bất hạnh.

Văn học thể hiện tình yêu thương ngợi ca những con người có trái tim nhân ái nhưng đồng thời văn học cũng bày tỏ thái độ phê phán nghiêm khắc những kẻ bạc ác, những kẻ thờ ơ dửng dưng trước những người gặp hoạn nạn.

Trong các tác phẩm của mình, người nghệ sĩ không chỉ tạo nên các nhân vật với tính cách một chiều. Chính vì vậy, ta đọc tác phẩm và thấy trong đó những con người với những tính cách đối lập. Phải chăng nhà văn muốn để ta so sánh đối chiếu họ với nhau mà nhận ra thái độ của tác giả, tìm đến sự đồng cảm với trái tim người nghệ sĩ mà yêu, ghét, giận hờn, ngợi ca hay khinh bỉ.

Đọc "Lão Hạc" của Nam Cao, ta càng yêu thương quí trọng lão nông già yếu nghèo khổ nhưng giàu lòng yêu thương và đức tự trọng để mà thêm mến thêm yêu Nam Cao, học được ở ông cái cách nhìn người "cố tìm hiểu họ" mà cảm thông chia sẻ..., thì ta càng chê trách Binh Tư, con người khoẻ mạnh mà lười biếng, nhân cách thoái hoá đi ăn cắp ăn trộm... đáng khinh bỉ.

Hai tuyến nhân vật tiêu biểu cho giai cấp thống trị – bị trị trong "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố là 2 bức tranh đối lập về con người mà qua đó nhà văn muốn nhắn gửi bức thông điệp, tiếng kêu cứu về số phận người nông dân dưới chế độ cũ. Chính vì vậy nhà văn Nguyễn Tuân đã từng nhận xét: Cái cách viết lách như thế, Ngô Tất Tố xui người nông dân nổi loạn.

Sự nổi loạn mà Nguyễn Tuân muốn nói đến trong "Tắt đèn" là sự nổi loạn đầy ý thức khi cái tốt, cái thiện bị ngược đãi, chèn ép nên tức "nước vỡ bờ". Mâu thuẫn cơ bản của xã hội thể hiện trong hai tuyến nhân vật rõ rệt: một bên là những kẻ thống trị cậy chức quyền hà hiếp dân lành mà tiêu biểu là quan Tri phủ Tư Ân, Nghị Quế, Lý trưởng, Chánh tổng... Và một bên là người dân lương thiện chịu cảnh bần cùng đè nén là chị Dậu. Mâu thuẫn đối kháng dâng lên đỉnh điểm nhưng Ngô Tất Tố chỉ đặt ra ở đó. Phải chăng bởi ý thức cách mạng chưa cập đến người dân hay bởi nhà văn mới bằng trái tim nhân đạo của mình rung lên hồi chuông cảnh tỉnh về những cuộc nổi loạn sẽ xảy ra khi những kẻ núp bóng quan Tây bị mất hết nhân tính chỉ mượn cớ đục nước béo cò...

Bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, văn học thể hiện tinh hoa văn hóa và khẳng định sự sáng tạo nghệ thuật của con người Việt Nam. Song điều cốt lõi và cội nguồn của văn chương chính là tình yêu thương, "thương người như thể thương thân". Tiếng nói yêu thương ấy của văn chương đã cất lên ru tâm hồn ta, khiến ta sống "người" hơn.

Đề 96: Con người không thể sống thiếu tình yêu thương. Tại sao vậy? Hãy viết đoạn văn bày tỏ những suy nghĩ của bản thân mình.

Bài làm

Mỗi con người luôn cần một tình yêu thương bên mình. Nó chắp cánh cho những ước mơ, hoài bão, vực bạn dậy khi buồn đau thất bại. Nếu như một ngày, trái đất không còn tình yêu thương thì tất cả sẽ ra sao? Ngoài kia, ánh nắng không còn đùa giỡn, trái tim mỗi người sẽ đóng băng, lạnh giá. Trái tim không còn mở cửa cho tình yêu thương. Nhân loại sẽ chìm trong lạnh giá. Mỗi người chỉ còn là cái xác vô hồn, không còn biết yêu, biết quan tâm tới nhau. Trái tim họ chứa đầy nỗi tức giận, căm phẫn, ghét bỏ. Ngày trái đất không còn yêu thương là ngày con người sẽ dần chết bởi sự vỡ vụn của trái tim. Rồi một ngày, tình yêu thương lại tới, con người biết chia sẻ và dần lìa xa thù hận. Phải chăng tình yêu thương là vật hữu hình – biểu hiện con người quan tâm tới nhau và cũng là vật vô hình. Tình yêu

thương là chất keo gắn kết mảnh vỡ tâm hồn, vực dậy những con người lầm lỗi. Có lẽ tình yêu thương là điều không thể thiếu trong mỗi trái tim con người, để trái tim xích lại gần nhau hơn. Bởi lẽ nếu không có yêu thương là mất đi sự sống.

Đề 97: Môi trường sống có vai trò rất quan trọng đối với sự sống con người. Vậy cần làm gì để môi trường sống luôn xanh, sạch? Hãy viết đoạn văn thể hiện những suy nghĩ của em về vấn đề này.

Bài làm

Chúng ta có nhiều cách để làm bản thân và môi trường sạch đẹp. Trước hết cần đảm bảo vệ sinh cá nhân sạch sẽ, có cách ăn mặc hợp người hợp cảnh. Cũng cần làm vệ sinh tại nơi mình sinh sống: trong nhà, ngoài ngõ. Thời gian gần đây, nhiều khu dân cư có ngày thứ 7 vệ sinh, cứ cuối tuần cả khu làm vệ sinh nơi ở. Điều đó thực sự đã và đang phát huy tác dụng. Mô hình này nên phát huy, nhân rộng. Đã sạch rồi, chúng ta cần làm đẹp bằng cách trang trí nhà cửa, trồng cây xanh lấy bóng mát, trồng hoa lấy hương thơm. Ngôi nhà không có bóng cây thực sự là thiếu đi điều gì rất lớn. Ở phạm vi rộng hơn cần sự can thiệp của các cơ quan chức năng. Ở Singapo, chính quyền phạt rất nặng những hành vi xả rác ra đường phố. Nên chăng chúng ta cần học tập điều đó? Việc quy hoạch đô thị, các địa điểm công cộng cần có kế hoạch, phương hướng rõ ràng. Tránh “đào lên lấp xuống”, “may vá” nham nhở như những con đường.

ĐỀ 98. Giải thích câu tục ngữ "Học đi đôi với hành".

Bài làm

Học tập là công việc suốt đời đối với mỗi một con người. Lê-nin từng nói: "Học, học nữa, học mãi". Nhưng phải học như thế nào cho đúng? Dân gian ta đã từng nhắc nhở: "Học đi đôi với hành". Chúng ta cần hiểu như thế nào về phương pháp học này?

"Học" là quá trình chúng ta tiếp thu kiến thức của nhân loại. Nội dung học là các kiến thức nhân loại được chọn lọc (được phân loại thành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội) cùng với đó là các kĩ năng, kĩ xảo tương ứng. Quá trình này nhằm đến một cái đích là làm phong phú những hiểu biết của con người, giúp phát triển vẹn toàn nhân cách và đặc biệt việc học trang bị cho mỗi chúng ta những kiến thức, những kĩ năng, kĩ xảo nghề nghiệp để từ đó tham gia vào hoạt động sản xuất của xã hội đem đến lợi ích cho bản thân, cho gia đình và cho đất nước. Như vậy, “học” ở đây được hiểu là gắn với vấn đề lí thuyết. Người học giỏi thường được hiểu là người nắm được nhiều nội dung lí thuyết.

Bên cạnh đó, "hành" là thực hành, là quá trình vận dụng kiến thức vào

cuộc sống, là đem những cái đã học được vào thực tế để kiểm tra độ đúng sai hay để làm sinh động nó. "Hành" có nhiều cấp độ: bắt chước người khác làm, làm lại theo những gì còn lưu trong trí nhớ, sáng tạo những cách thức hoạt động mới,... "Hành" được đến đâu, điều đó còn tùy thuộc vào tri thức mà bạn học được phong phú sinh động và sâu sắc đến bao nhiêu.

Trong việc học hàng ngày, tại sao lại cần "Học đi đôi với hành"? Vì chúng là hai mặt thống nhất với nhau, bổ sung cho nhau.

Như ta đã biết, nếu chỉ biết học lý thuyết mà không hề biết đến thực hành thì những lý thuyết ta học cũng chỉ là những tri thức chết, chúng không có tác dụng đối với đời sống. Đó là trường hợp nhiều học sinh Việt Nam đi thi học sinh giỏi quốc tế các môn khoa học tự nhiên. Chúng ta làm lí thuyết rất xuất sắc, thậm chí đạt điểm tuyệt đối. Nhưng khi thực hành, trong khi bạn bè các nước làm rất tốt thì chúng ta loay hoay hàng giờ, thậm chí phải bỏ cuộc. Đó cũng là trường hợp nhiều học sinh, sinh viên đạt kết quả học tập rất cao nhưng hoàn toàn không có kĩ năng sống thực tế. Họ không biết ứng xử sao cho hợp hoàn cảnh giao tiếp, không nấu được một bữa cơm, không tự viết được một lá đơn xin việc,... học như vậy chỉ phí phạm thời gian, công sức tiền bạc bởi thực tế học như vậy để làm gì nếu không thể ứng dụng vào đời sống? Như vậy, chúng ta không chỉ học lý thuyết mà còn phải biết áp dụng những lý thuyết đó phục vụ thực tế.

Mặt khác, có lúc những lý thuyết chúng ta đã được học khi đưa vào thực hành lại gặp phải rất nhiều khó khăn. Vì vậy, chúng ta phải biết kết hợp vừa học lý thuyết, và thực hành nhuần nhuyễn những điều đã học. Có như vậy, thì những kiến thức chúng ta được học sẽ trở nên sâu hơn, giúp chúng ta nắm vững nguồn tri thức. Nếu chỉ học mà không thực hành thì tất cả cũng chỉ là lý thuyết. Chính vì vậy, học phải đi liền với thực hành, có như vậy ta mới có thể đem hết những gì đã học cống hiến phục vụ cho đất nước.

"Học đi đôi với hành" là lời của người xưa đúc kết nhưng vẫn còn là bài học lớn của hôm nay và mai sau dành cho những ai thực sự cầu tiến bộ.

Đề 99 Dân gian ta có câu: "Một điều nhịn, chín điều lành"? Hãy viết đoạn văn nêu suy nghĩ gì về vấn đề này.

Bài làm

Nhân dân ta từ xưa đến nay luôn coi trọng hoà khí "Dĩ hoà vi quý". Vì vậy, trước những sự xích mích, trước những điều bực bội, dân gian thường nhắc nhở nhau: "Một điều nhịn, chín điều lành". "Một" và "chín" chỉ là những con số ước lệ, chúng thể hiện quan niệm của dân gian về mối quan hệ giữa tính nhẫn nhịn và sự bình yên: nếu biết nhẫn nhịn một chút thì sẽ có được hoà khí, sự yên bình lâu dài. Ý cả câu khuyên con người nên bình tĩnh, biết nhẫn nhịn, tránh nóng nảy để giữ hoà khí. Ở đây, ta cần hiểu "nhịn" không có nghĩa là thua kém, mà là nhường nhịn, im lặng, lùi một

bước; nhịn khi người khác không đủ bình tĩnh, tỉnh táo. Trong cuộc sống, chỉ có kẻ tầm thường, tiểu nhân mới không biết nhường nhịn, hay so đo, chấp vặt. Bạn đang đi ngoài đường, bất chợt có người sấn sổ lại mắng bạn tới tấp vì những lí do bạn không hiểu nổi. Kẻ tầm thường sẽ nóng nảy đối lại, đôi bên to tiếng không ai chịu ai có thể xảy ra xô xát. Người biết nhẫn nhịn sẽ chờ người kia bình tĩnh lại, hỏi đầu đuôi sự việc, tìm ra những nhầm lẫn để giải quyết. Làm như vậy không những tránh được xô xát mà còn giành được sự tôn trọng, vị nể của người khác. Nhưng "nhịn" cũng không có nghĩa là nhu nhược, hèn nhát, khi cần vẫn phải biết đấu tranh để thắng cái ác, cái phi lí. Trong cơ quan, công sở, là nhân viên biết rõ những hành vi phi pháp, tham ô, nhận hối lộ của cấp trên, sẽ có người im lặng không dám tố cáo. Đó là biểu hiện của sự nhu nhược, hèn nhát. "Nhịn" như vậy chẳng những không lành cho bản thân về lâu dài mà còn để hoạ cho xã hội. Lại có khi, trong cuộc sống, bạn bị một người khác, một thế lực khác khống chế về mặt nào đó chẳng hạn như tống tiền, bạo lực gia đình,... nếu bạn im lặng, không dám tố cáo, đấu tranh thì bạn sẽ phải gánh chịu những hậu quả thật tồi tệ. Tình cảnh đất nước ta trong một thời gian dài lịch sử cũng là một minh chứng sinh động cho điều này. Giặc phương Bắc xâm lược, đô hộ hơn một ngàn năm, thực dân Pháp, đế quốc Mĩ xâm chiếm áp bức, bóc lột,... nếu dân ta cứ nuốt nhục mà không đứng dậy khởi nghĩa, đánh đuổi lũ xâm lăng thì ngày nay hỏi nước ta sẽ đi đến đâu? Vậy là, "Một điều nhịn, chín điều lành" nhưng cần hiểu rõ bản chất đích thực của từ "nhịn" ở đây để tránh những điều đáng tiếc.

Đề 100: Một số bạn mới ít tuổi đã bắt chước hút thuốc. Khi được nhắc nhở các bạn ấy nói: "Thuốc lá có thể có hại, nhưng cũng có thể có mặt lợi nào đó. Nếu không thế thì xưa nay những ai hút thuốc đều làm chuyện vô bổ cả hay sao?". Anh (chị) hãy viết đoạn văn bình luận quan niệm đó.

Bài làm

Chưa khi nào xã hội đẩy mạnh việc cấm hút lá mạnh mẽ như hiện nay. Bất kì nơi công cộng nào cũng có những hàng chữ "Cấm hút thuốc", "No smoking",... Trên bao bì mọi hãng thuộc đều in một hàng chữ: "Hút thuốc lá có hại cho sức khoẻ". Vậy mà, thực tế vẫn có những bạn trẻ hút thuốc. Khi được hỏi, họ "lí sự" nghe rất "có lí": "Thuốc lá có thể có hại, nhưng cũng có thể có mặt lợi nào đó. Nếu không thế thì xưa nay những ai hút thuốc đều làm chuyện vô bổ cả hay sao?". Tại sao nói "có lí"? Bởi thực tế trong thuốc lá có chất kích thích có khả năng giúp đầu óc tỉnh táo; những người hay bị căng thẳng có thể dùng. Mặt khác, mùa đông, một điếu thuốc có thể giúp cơ thể ấm lên, đặc biệt trong những lúc phải chờ đợi ai đó! Nhưng hút thuốc lá lại vô cùng có hại. Chất nicôtin có trong thuốc lá có khả năng gây nghiện rất cao. Nguy hiểm hơn, thuốc lá làm suy nhược cơ thể một cách nặng nề.

Nhắc đến hút thuốc là nhắc đến lao phổi, đến suy gan,... Nhắc đến hút thuốc là nhắc đến ô nhiễm môi trường, gây hại cho người xung quanh; có thể gây đột biến sinh học..., những người không hút thuốc nhưng hít phải khói thuốc sẽ chịu độc gấp bốn lần người hút thuốc! Rõ ràng, hút thuốc là một chuyện "Lợi bất cập hại". Thứ chất độc ấy mà còn gây nghiện thì hậu hoạ sẽ đến đâu? Những người trẻ tuổi, đặc biệt là học sinh, mọi lí do hút thuốc chỉ là nguy biện, họ đã không tính đến những nguy hiểm lâu dài mà việc hút thuốc có thể gây ra. Chính vì vậy, toàn xã hội cần ra sức chống hút thuốc để bảo vệ sức khoẻ, bảo vệ môi trường và bảo vệ giống nòi.

Đề 101: Tuổi trẻ học đường cần tránh xa các tệ nạn xã hội.

Bài làm

Giờ đây, trên khắp mọi nẻo đường, hiếm có nơi nào chúng ta không thấy những khẩu hiệu bài trừ tệ nạn xã hội: "Hãy tránh xa tệ nạn xã hội", "Nói không với tệ nạn xã hội",... Đối với tuổi trẻ học đường điều đó càng trở nên quan trọng hơn nữa. Tại sao vậy?

Nhắc đến tệ nạn xã hội là nhắc đến cờ bạc, rượu chè, ma tuý, mại dâm, ... Và tuổi trẻ ngày nay đang bị tất cả những tệ nạn đó đe doạ đến sự phát triển, thậm chí là sự sống.

Thực tế cho thấy, trong những đám cưới, đám tang, ngày lễ tết, có những bạn trẻ ngồi chơi tú–lơ–khơ ăn tiền. Thậm chí, có một số bạn còn chủ động đánh lô, đề, ... Không những vậy, nhiều bạn còn uống rượu, say xỉn,... rồi đánh nhau, gây lộn. Đặc biệt nguy hiểm là hiện tượng có một số học sinh vướng mắc vào con đường ma tuý. Các bạn sử dụng thuốc phiện, hêrôin, hút chích. Mặt khác, thực tế cho thấy tệ nạn mại dâm cũng đã và đang tấn công giới trẻ hôm nay.

Thực trạng đau buồn trên tất yếu sẽ dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng. Ai cũng biết rằng tuổi trẻ là tương lai của đất nước. Lứa tuổi này cần thiết phải chuyên tâm học tập, rèn luyện để trưởng thành. Nhưng những tệ nạn xã hội đã lôi kéo, cám dỗ họ vào con đường sa đoạ, hư hỏng. Làm như thế người ta sẽ tiêu phí mất thời gian, sức lực, tiền bạc. Nguy hại hơn tệ nạn xã hội sẽ huỷ hoại đi sức khỏe quý giá của họ. Ai cam đoan được rằng sau những cuộc đỏ đen, rượu chè thâu đêm suốt sáng, mình không trở nên phờ phạc, hốc hác, mụ mị đầu óc? Ai khẳng định được rằng ma tuý không làm suy yếu đi những chức năng của các bộ phận trong cơ thể? Chẳng những thế, ma tuý, mại dâm còn là đồng hành của căn bệnh thế kỉ AIDS – một tai họa vô phương cứu chữa của cả loài người từ bao thập kỉ nay.

Không dừng lại ở việc hủy hoại bản thân người mắc tệ nạn xã hội, thảm họa này còn gây nguy hại đến những người xung quanh. Có những gia đình con giết cha mẹ chỉ vì không xin được tiền mua ma tuý. Lại có những người cha, người mẹ già nua còm cõi đi thăm con đang nằm tù, ... Biết bao

đau xót, biết bao bi thương, ... Và cũng từ đây, tệ nạn xã hội kìm hãm sự phát triển của đất nước vì đã làm thui chột đi những thế hệ người rường cột; phá hủy những tế bào xã hội vô cùng quan trọng.

Với biết bao tác hại mà tệ nạn xã hội đã đang và sẽ gây ra, tuổi trẻ hôm nay cần nâng cao tinh thần: Hãy tránh xa tệ nạn xã hội.

Để làm được như vậy, mỗi bạn trẻ cần xây dựng cho mình một bản lĩnh vững vàng. Đó trước hết là tri thức đầy đủ về vấn đề tệ nạn xã hội. Đó là tinh thần hướng thiện tập trung vào việc học tập rèn luyện. Đó là bản lĩnh rắn rỏi trước sự cám dỗ, rủ rê của những bạn bè xấu,... Không chỉ vậy, để giúp đỡ tuổi trẻ, gia đình – nhà trường cũng cần có sự quan tâm, quản lí thường xuyên hơn đến con cái, học sinh. Chúng em cần được yêu thương, quan tâm, sẻ chia và động viên định hướng trong con đường học tập, rèn luyện.

Tuổi trẻ đã và đang là thế hệ tiên phong trên nhiều mặt trận khó khăn của Tổ quốc. Chúng ta đã từng đánh Pháp, diệt Mĩ; chúng ta đã từng chung tay sản xuất, xây dựng nước nhà; chúng ta đã từng tình nguyện đến những bản làng nghèo khó, những hải đảo xa xôi để chung sức vì cộng đồng,... Vậy thì, ngày hôm nay, chúng ta hoàn toàn có thể chiến đấu và chiến thắng kẻ thù tệ nạn xã hội!

Đề 102: Suy nghĩ của em về tình cảm yêu nước thương dân được thể hiện trong các văn bản *Chiếu dời đô* của Lí Thái Tổ, *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn".

Bài làm

Tình cảm yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên suốt chiều dài lịch sử văn học dân tộc. Tình cảm đó được thể hiện mãnh liệt trong những lời tâm huyết của những nhà lãnh đạo đất nước từ xa xưa. Ta có thể kể đến những văn bản tiêu biểu như "Chiếu dời đô" của Lí Thái Tổ, "Hịch tướng sĩ" của Trần Quốc Tuấn.

Chiếu dời đô ra đời khi Lí Thái Tổ mới lên ngôi. Nhà vua mong muốn đất nước có một kinh đô đàng hoàng to rộng đặng bề phát triển đất nước. Đó là lí do vì sao ông đã phê phán và chỉ ra việc đóng đô ở vùng Hoa Lư đã không còn phù hợp nữa: "*Cứ đóng yên đô thành ở nơi đây, khiến cho triều đại không được lâu bền, số phận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tổn, muôn vật không được thích nghi*". Hoa Lư là vùng có địa thế hiểm trở, khi tiềm lực phát triển chưa đủ mạnh thì nó hợp với chiến lược phòng thủ. Nhưng đến đời Lí thì đất nước đặt ra nhu cầu phát triển, cho nên đô thành phải dời chuyển ra nơi có địa thế khác. Không chỉ có lí lẽ, Lí Công Uẩn bày tỏ cả tấm lòng mình: "*Trẫm rất đau xót về việc đó*". Tình cảm của một ông vua luôn hướng về vận mệnh, sự tồn vong của giang sơn xã tắc khiến người đọc cảm động.

Bởi tấm lòng đau đáu nghĩ đến một mảnh đất thiêng có thể phù trợ cho việc phát triển đất nước, nhà vua đã nhìn ra thế đất của thành Đại La. Đó là nơi có vị thế thuận lợi về nhiều mặt. Về mặt địa lí, tác giả phân tích rõ:

"Nơi trung tâm trời đất; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi", bốn hướng đều thông thoáng lại ở thế *"nhìn sông dựa núi"* vững vàng, *"địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng"*. Trên địa thế ấy, dân cư sẽ tránh được lụt lội mà *"muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi"*. Thuận lợi về mặt địa lí như vậy sẽ kéo theo những thuận lợi về thông thương, giao lưu: *"Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước"*. Nơi định đô mới này sẽ đáp ứng được vai trò là đầu mối trung tâm của kinh tế, chính trị, văn hoá của đất nước.

Trong "Hịch tướng sĩ" của Trần Quốc Tuấn, tấm lòng yêu nước lại được thể hiện trực tiếp qua nhiều phương diện.

Tác giả lột tả sự ngang ngược và tội ác của giặc: "Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thoả lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu vàng bạc, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau!". Qua những câu văn đó, bộ mặt của quân giặc được phơi bày đồng thời tác giả cũng bày tỏ thái độ căm thù, khinh bỉ cực độ của mình đối với bọn chúng. Điều đó được thể hiện đậm nét qua việc tác giả đã dùng lối nói hình ảnh so sánh, ẩn dụ: *lưỡi cú diều, thân dê chó, hổ đói,...* ; các hình ảnh được đặt trong thế đối sánh để tỏ rõ thái độ căm thù, khinh bỉ: uốn lưỡi *cú diều* – sỉ mắng *triều đình*, đem *thân dê chó* – bắt nạt *tể phụ*.

Sau khi tố cáo tội ác của giặc, Trần Quốc Tuấn đã bày tỏ lòng yêu nước, căm thù giặc của mình, có thể xem đây là đoạn văn hay nhất của bài hịch: *"Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa được xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng."* Nỗi đau trước cảnh nước mất nhà tan được diễn tả thống thiết: quên ăn, mất ngủ, lòng đau như dao cắt, nước mắt đầm đìa. Uất hận trào dâng đến cực điểm khi tác giả bộc lộ thái độ của mình đối với kẻ thù: *chỉ căm tức chưa được xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù.* Vị tướng đã tự xác định một tinh thần hi sinh hết mình cho đất nước: *Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.* Qua đoạn văn này, hình tượng người anh hùng yêu nước, sẵn sàng xả thân vì đất nước được khắc hoạ rõ nét. Những lời tâm huyết, gan ruột của vị tướng có sức lay động mạnh mẽ, truyền cho tướng sĩ tinh thần yêu nước nồng nàn, lòng căm thù giặc sục sôi và một thái độ xả thân, chấp nhận hi sinh vì non sông xã tắc.

Chẳng những vậy, tấm lòng yêu nước của vị đại tướng đáng kính còn được thể hiện sâu đậm qua tấm lòng của một chủ tướng đối với binh lính của mình: *"Các ngươi ở cùng ta coi giữ binh quyền đã lâu ngày, (...) lúc trận mạc xông pha thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà nhàn hạ thì cùng nhau vui cười."* Đó thật là tấm lòng phụ tử đáng cảm động vậy!

Có thể nói, tấm lòng yêu nước của các tác giả được thể hiện qua hai văn bản "Chiếu dời đô" của Lí Thái Tổ, "Hịch tướng sĩ" của Trần Quốc Tuấn" rất đa dạng, nhiều vẻ khác nhau song đều tựu chung ở mong muốn đất nước an bình, phát triển trù phú. Tấm lòng đó chẳng những được thể hiện một cách cảm động qua hai văn bản mà còn được hai nhà lãnh đạo kì tài chứng minh bằng những đóng góp thực tiễn cho lịch sử phát triển hào hùng của dân tộc.

Đề 103: Vai trò của sách đối với đời sống nhân loại.

Bài làm

Ngày nay, cả nhân loại đang trên đường hướng đến một xã hội học tập. Vì vậy, sách trở thành một phương tiện quan trọng để con người đến với tri thức. Càng ngày sách càng cho chúng ta thấy tầm quan trọng của mình với đời sống nhân loại.

Con người lưu lại vào sách những suy nghĩ tâm tư, tình cảm của mình về những vấn đề trong cuộc sống: khoa học, nghệ thuật, đời sống,... Sách được phân loại chẳng những theo thể loại, lĩnh vực mà còn theo độ tuổi, sở thích của từng đối tượng. Sách được in với nhiều thứ tiếng, nhiều ngôn ngữ khác nhau và có thể mang đến bất kì đâu trên thế giới.

Sách có một vai trò rất quan trọng đối với việc mở rộng hiểu biết của con người và từ đó góp phần phát triển thế giới.

Sách lưu giữ những thông tin, những giá trị vật chất và tinh thần của nhân loại. Như vậy, sách chứa đựng toàn bộ những giá trị nhân loại trong quá khứ cũng như trong hiện tại, để các thế hệ sau tiếp nối và phát triển. Những phát minh của người Ai Cập, Hi Lạp cổ đại,... những phát minh của các nhà bác học lỗi lạc,... tất cả được lưu lại trong những mảnh da, những mai rùa hay những trang giấy trắng... đều đã trở thành tài sản vô giá của nhân loại.

Sách không chỉ dùng để lưu trữ những giá trị đời sống mà sách còn cung cấp tri thức cho con người. Nhà văn M. Gorki đã nói: "Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới". Nhờ có sách mà con người thật sự người hơn. Sách cho ta những tri thức cần thiết trong học tập, trong công việc và trong đời sống. Ông cha ta từng dạy: "Một kho vàng không bằng một nang sách", sách không chỉ là một kho kiến thức vô tận mà còn là của kho vô tận. Sách đã trở nên vô giá với nhân loại. Những phát minh của Ê-đi-sơn, Niu-tơn,... nhờ được lưu giữ lại trong sách mà thế hệ sau có thể hiểu được những gì cha ông đã làm được từ đó kế thừa và tiếp tục phát triển những lĩnh vực khác.

Bên cạnh đó, sách còn giúp con người giao lưu với thế giới bên ngoài. Khi viết sách, người viết đã gửi gắm những kinh nghiệm, tâm tư, tình cảm,... của mình vào những trang giấy. Một quyển sách dù mỏng hay dày

đều chất chứa bao nỗi lòng của tác giả. Không chỉ thế, khi đọc sách người đọc cũng bộc lộ những cảm xúc, suy nghĩ của mình. Đó chính là những vui, buồn, hờn giận hay căm ghét, bực bội... mà cảm xúc của ta hướng đến khi đọc những câu chuyện, những trang thơ.

Đặc biệt, sách còn có tác dụng lớn đối với việc giáo dục. Đó là giáo dục tình cảm, đạo đức, giáo dục ý thức thẩm mĩ,... Sách văn chương cho ta những tình cảm yêu thương con người, cho ta những kiến thức về thẩm mĩ,... như những bài ca dao, những tác phẩm văn học ("Truyện Kiều" của Nguyễn Du, "Chinh phụ ngâm" của Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm,...). Sách đời sống lại cho ta những bài học đạo đức giá trị như câu chuyện "Cô bé bán diêm", "Chiếc lá cuối cùng" của O. Hen–ri,...

Khi đọc sách, chúng ta cần chú ý lựa chọn loại sách phù hợp với bản thân. Đó là sự phù hợp về lứa tuổi, về nhu cầu phát triển, thẩm mĩ. Trong quá trình đọc, cần có sự chuyên tâm và tập trung để đạt hiệu quả lớn nhất.

Sách giữ một vai trò quan trọng trong đời sống nhân loại. Nhờ có sách nhân loại mới tiến lên, xã hội mới phát triển. Với biết bao ích lợi từ việc đọc sách, mỗi người chúng ta đặc biệt là những người trẻ tuổi cần biết chăm chỉ, chuyên tâm vào việc đọc sách.

Đề 104: Lấy chủ đề: Chúng ta cần biết quan tâm và chia sẻ với những người nghèo. Em hãy viết đoạn văn bày tỏ ý kiến của mình.

Bài làm

Vì sao phải quan tâm đến những người nghèo? Vì đất nước ta còn nhiều gia đình khó khăn, có thể không có đủ cơm ăn, áo mặc. Ngày nay, khi kinh tế đất nước đã có những phát triển đáng kể, bên cạnh những toà nhà cao tầng, bên cạnh những tiện nghi đầy đủ... vẫn còn đó những ngôi nhà lụp xụp, những tấm áo vá, những bữa cơm đạm bạc, những đứa trẻ phải nghỉ học để lo kiếm sống... Con đường dẫn đến cái nghèo có muôn nghìn lối, nhắc đến chúng không ai tránh khỏi cảm thương, ngậm ngùi. Đất nước ta, điều kiện tự nhiên thuận lợi nhưng khó khăn cũng nhiều. Trong khi phần lớn người dân còn làm nông nghiệp bám vào đất, dựa vào sự thuận hoà của nắng mưa để kiếm kế sinh nhai thì mỗi năm trời lại giận dỗi, bão lũ đến vài ba lần: Chanchu, Shanshi... hay hạn hán vài ba bận: Thái Nguyên, Tây Nguyên... Một đầm cá trị giá vài chục triệu, một cơn lũ quét qua đủ biến một ông chủ thành con nợ. Ngô lúa, hoa màu đang đến mùa, đến vụ, một đợt hạn hán kéo dài, một trận dịch bệnh...là đủ để biến nhiều gia đình vào cảnh trắng tay. Thậm chí những cơn bão lũ còn cướp đi tính mạng con người, những mái nhà của cả một vùng... Di chứng chiến tranh còn lại sau gần nửa thế kỉ cũng đã là nỗi nhức nhối, nỗi đau âm ỉ trong lòng Tổ quốc. Có những gia đình từ cha đến con cháu đều nhiễm chất độc màu da cam, để gánh nặng gia đình dồn một mình lên vai người phụ nữ... Tự nhiên sinh ra con

người bình đẳng nhưng sự trôi dạt xô đẩy của hoàn cảnh đôi khi đã phân hoá, tạo ra những cảnh giàu – nghèo. Khoảng cách ấy, những con người Việt Nam chân chính ai cũng muốn lấp đầy, rút ngắn.

Đề 105: Lấy chủ đề: Tự học mang lại nhiều ích lợi to lớn. Em hãy viết một số đoạn văn bày tỏ những suy nghĩ của mình về vấn đề này.

Bài làm

Thông qua tự học, người học rèn cho mình khả năng làm việc tự lực. Nếu học trên lớp bạn có thể mượn vở bạn chép bài, thậm chí quay bài bạn khi kiểm tra. Nếu học nhóm bạn có thể ỷ lại vào khả năng học tập của người khác. Nhưng tự học thì không. Để có được tri thức, kĩ năng, kĩ xảo. bạn phải tự đọc sách, tự thí nghiệm, tự làm bài, tự kiểm tra lí thuyết,... thậm chí tự liên hệ để tham quan học tập. Tức là "tự thân vận động" trong suốt quá trình học tập. Điều đó khá vất vả nhưng bạn sẽ được rất nhiều. Trước hết là ý thức và khả năng "tự lực cánh sinh", độc lập trong lao động không phải dựa dẫm ỷ lại vào ai. Qua đó bạn sẽ tự tin, mạnh dạn, trưởng thành hơn rất nhiều.

Bên cạnh đó, trong quá trình tự học, bạn cũng sẽ có điều kiện xem xét đúng sức học, kiểm tra đúng trình độ của bản thân. Học trên lớp, học nhóm, quá trình kiểm tra đánh giá mang tính đại trà, chịu tác động của nhiều yếu tố: Sự trung thực của học sinh, độ bao quát kiến thức của đề bài, chút cảm tính trong cách đánh giá của giáo viên (ở các môn xã hội)... Vì vậy, sức học của người học được đánh giá qua đó chỉ mang tính tương đối. Nhưng nếu tự học, muốn tiến bộ thực sự, người học phải tỉnh táo, trung thực, đem so sánh những gì mình đã có được với yêu cầu của chương trình. Do đó việc đánh giá sẽ sát với tình hình thực tế hơn. Qua đây, ta dễ dàng nhìn ra được thế mạnh, điểm yếu của mình và tìm cách khắc phục.

Tự học còn giúp chúng ta chủ động, linh hoạt về mặt thời gian. Bạn hiểu vấn đề này đã khá sâu, bạn có thể đi lướt. Vấn đề kia bạn chưa rõ, bạn có thể nán lại đầu tư hơn về thời gian. Bạn bị hổng kiến thức phần này hôm nay bạn sẽ học nó... Trong khi ấy, học trên lớp ta phải theo một chương trình cố định, khó thay đổi. Thời lượng cho mỗi vấn đề eo hẹp, đôi khi cứng nhắc. Học nhóm cũng phải đáp ứng yêu cầu thời gian cho số đông, không thể vì cá nhân mà thay đổi. Đó là chưa kể đến việc học nhóm các bạn dễ sa vào "buôn chuyện", đi sớm, đi muộn, lãng phí thời gian, vỡ kế hoạch.

Rõ ràng, tự học bạn sẽ có khả năng tập trung cao hơn, không bị phân tán vì ngoại cảnh lớp học, những câu chuyện của bạn bè,... Qua đó, bạn có điều kiện theo đuổi những mục đích học tập của mình và hoàn thành đúng kế hoạch.

Đề 106: Lấy chủ đề: Vai trò của rừng đối với đời sống con người. Em hãy viết một số đoạn văn làm sáng tỏ chủ đề trên.

Bài làm

Vai trò quan trọng nhất của rừng đối với sự sống trên trái đất là thanh lọc không khí, cung cấp ôxi cho sự sống. Rừng là lá phổi của trái đất. Đời sống càng phát triển, càng nhiều nhà máy, càng nhiều các loại động cơ... càng cần có nhiều rừng để cân bằng không khí.

Trong việc bảo vệ đất, chống xói mòn, ngăn lũ lụt rừng cũng có vai trò quan trọng. Rễ cây rừng lâu năm rậm rạp bền bỉ bám đất, giữ đất chống lại những trận càn quét của lũ lụt. Lá rừng rậm rạp cản lại vận tốc của những cơn mưa rừng dữ dội tránh xói mòn. Còn gì nữa? Thân cây gỗ lớn, những loại cây bụi tầng thấp cản lại vận tốc dòng chảy của lũ, tạo thời gian để đất ngấm nước, ngăn lại những cơn lũ ào ạt.

Bên cạnh vai trò cân bằng tự nhiên, rừng còn là một tài nguyên quý giá tạo điều kiện cho kinh tế phát triển. Không ai có thể phủ nhận nguồn lợi có được từ những thân gỗ lâu năm, từ những loại thảo dược, từ những động vật rừng, từ các khu du lịch sinh thái...

Có thể nói, rừng là nguồn tài nguyên vô giá, nếu mất đi thì khó có thể khôi phục lại được.

Đề 107: Viết đoạn văn nêu ý kiến của em về hiện tượng phá hoại cây xanh nơi công cộng, trong đó có sử dụng câu nghi vấn.

Bài làm

Việc ta hái một cụm lá, bẻ một cành cây hay đơn giản là hái một bông hoa trong công viên, trong bồn hoa công cộng... liệu có gây hại gì không? Xin thưa các bạn là có. Thứ nhất, cây cối nơi công cộng không của riêng ai, nó là tài sản chung của tất cả mọi người nên chúng ta không có quyền hái, bẻ làm vật sở hữu riêng. Bởi vậy, hành động phá hoại những tài sản ấy có thể bị coi như hành động xâm phạm tài sản của đất nước. Không chỉ vậy, mỗi hành động đó tuy nhỏ nhưng có thể tạo nên những tấm gương xấu khiến người khác làm theo. Mỗi người bẻ một cành cây, hái một bông hoa... sẽ làm cây trong thành phố xơ xác, trơ trụi. Thành phố chúng ta vốn đã vắng bóng cây xanh bởi phải nhường chỗ cho những toà nhà đồ sộ, nguy nga sẽ càng trở nên lạnh lùng, khô khốc. Nguy hiểm nhất là cây xanh bị tàn phá còn kéo theo sự thiếu hụt oxy, sự ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng,...

Đề 108: Hiện nay một số bạn trẻ không thích sống với gia đình thường rong chơi, lêu lổng với bạn bè. Em hãy viết một bài văn nêu cảm nghĩ về một người thân yêu nhất để khẳng định rằng: gia đình vô cùng quan trọng đối với mỗi chúng ta.

Bài làm

Trong cuộc đời mình tôi đã gặp nhiều lần đề văn: suy nghĩ của anh (chị) về người thân yêu nhất. Trong khi bạn bè còn băn khoăn không biết nên viết về ai, về bà, về mẹ, về bố hay về ông thì tôi lại không hề do dự trong lựa chọn của mình: tôi làm gì có nhiều lựa chọn như thế? Đời tôi chỉ có mẹ, tất cả những yêu thương cuộc đời dành cho tôi đều được hiện hữu bằng tình cảm của người phủ bóng xuống đời tôi. Với tôi, mẹ là nguồn sống, lẽ sống, là niềm tôn kính, là ước mơ để tôi vươn tới.

Đời mẹ tôi đã vất vả nhiều. Không phải ngẫu nhiên tôi nói người thân yêu nhất với tôi chỉ có mẹ. Tôi lớn lên xung quanh chỉ có mẹ và ngôi nhà của mẹ. Vậy thôi. Ông bà tôi người còn người mất, nhưng những lúc tôi ốm đau, ngày đầu tiên tôi đi học và vô vàn những ngày trọng đại khác của đời mình đôi mắt non nớt của tôi chỉ in bóng hình gầy gò, xương xương của một mình mẹ. Dáng hình bé nhỏ ấy bao nhiêu năm nay từ ngày tôi còn bé xíu cho đến khi trở thành một cô bé lớp 10 dường như vẫn không hề thay đổi. Điều ấy với tôi quan trọng lắm vì ngày bé, mỗi khi mẹ về muộn tôi lại chạy ra đường cái ngóng mẹ về. Khi nào nhìn thấy dáng vẻ quen thuộc của người gò mình trên chiếc xe đạp cũ kĩ chống chọi với cái hun hút của gió mùa đông bắc mặt tôi mới nở nang ra được chút xíu, không còn cau có, lo âu. Giờ đây, mỗi lần đi học về, đạp xe qua cánh đồng làng, thấy dáng mẹ lom khom cày cuốc tôi lại sung sướng nhìn đường sau trước, rẽ ào xe sang đường chạy về phía mẹ đợi người cùng về. Tôi tự hỏi tại sao cái dáng vẻ ấy sau bao năm không hề thay đổi? Cuộc sống gia đình có khác trước nhờ những đổi thay chung của xã hội nhưng so với xóm làng vẫn còn khó khăn, vất vả. Mẹ không trẻ lại nhưng cũng không mỏi mòn, hao gầy đi bao nhiêu. Đã có lần tôi ngây ngô thắc mắc với mẹ điều ấy. Người cười cười giễu cợt hỏi tôi: Vậy con mong mẹ già đi sao? Đùa tôi một chút rồi mẹ xúc động thủ thỉ với tôi: ngày xưa mẹ gầy gò, vất vả vì một mình nuôi con bé; bây giờ dù cuộc sống vẫn khó khăn, thời gian chuyển dời nhưng mỗi ngày thấy con một lớn một khôn mẹ lại thấy sung sướng, vui vẻ, con chính là liều thuốc hoàn xuân cho mẹ. Tôi không nói gì, chỉ im lặng rưng rưng và thấy mắt mình nhoè ướt.

Tôi nhớ có một lần, khi ấy tôi học cấp một, bài tập đọc của tôi có tên là "Bàn tay mẹ". Tôi còn nhớ như in những câu văn trong bài tập đọc ấy: "Bàn tay mẹ thô ráp, gầy gầy, xương xương". Và cũng mới gần đây thôi, tôi đọc một câu chuyện về cách tuyển nhân viên của một giám đốc. Người giám đốc hỏi ứng viên xem đã bao giờ anh ta rửa chân cho mẹ chưa và đề nghị người ứng viên trở về làm điều ấy rồi hãy đến xin việc. Người ứng viên trở về xin

được rửa đôi chân của mẹ và anh ta đã bật khóc khi nhìn thấy đôi chân đen đúa, xương gầy vì bao năm trầy trật với đất đồng, sương gió. Tình yêu thương dành cho những người thân yêu nhất là cơ sở để con người biết yêu thương những điều khác quanh mình trong đó có công việc. Tôi xúc động vô cùng trước những mẩu chuyện như thế. Và ngay từ những ngày nhỏ tôi đã luôn ngắm nhìn mẹ từ làn da nâu vàng mỗi năm thêm những vết nám sậm màu, mái tóc mỏng đi xơ vàng, đôi tay khô lại xương xương đến đôi bàn chân thâm đen vì nhựa cỏ. Dáng hình người toát lên sự lam lũ, tảo tần và ấp ủ một tình yêu thương khôn nguôi dành cho con cái.

Tôi lớn lên trong tình mẹ dạt dào như thế. Mẹ nói tôi là lẽ sống của mẹ nhưng có một sự thật là ngược lại như vậy nữa. Mẹ cũng là lẽ sống của đời tôi. Có một người mẹ như thế, thật là nhẫn tâm nếu ai đó không biết cố gắng để vươn lên, để những tình cảm dạt dào của người cứ mỏi mòn không biết đâu là bến bờ mà dội tràn thấm ướt...

Cảm động vô bờ về tình mẹ, yêu thương người khôn nguôi nhưng tôi còn tự hào và khâm phục về mẹ nữa. Cuộc sống vất vả là thế nhưng mẹ luôn lạc quan tươi cười (về điều này mẹ cũng nói với tôi rằng tôi chính là cơ sở để mẹ lạc quan, tôi khôn lớn trưởng thành là đền đáp xứng đáng nhất mẹ nhận được sau những nỗ lực của mình). Tình yêu thương dồn lại cho tôi, cơm áo gạo tiền phải chật vật, vất vả lắm mới gom góp được nhưng chưa bao giờ mẹ chối từ giúp đỡ một ai. Với hàng xóm láng giềng mẹ tôi sống vui vẻ và hoà hợp rất mực. Tôi biết mẹ có những người hàng xóm tuyệt vời và bản thân người cũng là một người hàng xóm tốt của những người xung quanh. Nửa đêm tối tăm rét mướt, đang nằm trong chăn ấm nhưng nếu hàng xóm có chuyện mẹ sẵn sàng bật dậy sang giúp. Lại nữa, vụ mùa bận rộn, dù việc nhà có "ngập đầu" (câu nói mẹ và các cô bác hàng xóm thường dùng!) nhưng nếu có ai nhờ mẹ vẫn tranh thủ làm đồng giúp mọi người,...

Mẹ tôi là thế. Bao năm qua không hề thay đổi. Người trở thành một biểu tượng vững vàng của tình yêu thương và nhân cách để tôi yêu thương, khâm phục, tự hào và tôn thờ.

Đề 109: Viết đoạn văn trình bày những tác dụng to lớn của nước sạch đối với đời sống con người.

Bài làm

Nước sạch dùng cho sinh hoạt hàng ngày, nước để uống, nước để rửa thực phẩm, chế biến thực phẩm, nước để tắm rửa, để lau dọn... Cơ thể người có đến hơn 70% là nước. Như vậy, nước chiếm một vai trò rất lớn đối với sự sống con người: nước chiếm một lượng lớn trong tế bào, nước vận chuyển, đưa máu đi khắp cơ thể, nước thanh lọc thận... Người ta có thể nhịn ăn vài ngày nhưng không thể nhịn uống, không có nước, con người chết rất nhanh. Không có nước sạch, rau củ quả, thịt cá cũng không được rửa sạch, khi đó

con người cũng không được dùng chúng một cách ngon lành. Không có nước sạch, thực phẩm rất khó được chế biến, lúc đó biết đâu ta sẽ phải ăn sống hoặc ăn toàn đồ cháy? Có ai đó nói rằng: nước là thứ duy nhất trên cõi đời này trong sạch. Nước trong sạch trước hết trước bởi chính bản thân chúng trong sạch và còn bởi nước làm trong sạch nhiều thứ. Nước để giặt giũ, nước để lau dọn, để thanh lọc... Hãy thử tưởng tượng, nước bao trùm lên mọi thứ vì lí do này hay vì lí do khác kể cả con người, khi ấy nếu nước vấy bẩn thì mọi thứ cũng theo đó mà ô nhiễm, tanh hôi... Nước sạch còn là yếu tố không thể thiếu để sản xuất. Nước để tưới tiêu cho nông nghiệp. Nước để giảm nhiệt máy cho công nghiệp nặng, nước để làm sạch nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ... Nước sạch là một tài nguyên không thể thiếu cho sự duy trì và phát triển kinh tế.

Đề 110: Nguyên nhân của các vụ tai nạn giao thông là gì? Hãy viết đoạn văn bày tỏ suy nghĩ của em về vấn đề này.

Bài làm

Tai nạn giao thông có nhiều nguyên nhân phức tạp. Trước hết đó là do ý thức và khả năng của người tham gia giao thông. Không phải ngẫu nhiên mà số lượng tai nạn do mô tô, xe máy gây ra là phổ biến. Người điều khiển dễ điều khiển phương tiện này, nó lại tiện ích hơn cả. Vậy là người người xe máy, nhà nhà xe máy. Đường phố dù có mở rộng nhưng nhiều khi vẫn tắc nghẽn vì không theo kịp với mật độ giao thông dày đặc, nhất là ở những thành phố lớn.. Khi đi đường, nhiều người bất chấp đèn báo, gặp đèn vàng, đèn đỏ vẫn ung dung "thẳng tiến". Như vậy hỏi sao không tai nạn, mà tai nạn hỏi sao không nguy hiểm? Lại có những bác tài lái ô tô được mệnh danh là "tổ lái": lạng lách, vượt đèn,... là chuyện cơm bữa. Rồi uống rượu, ngủ gật cũng không phải chuyện hiếm. Họ không ý thức được trách nhiệm phải đảm bảo an toàn cho hàng chục con người đang ngồi sau vô lăng của họ. Cũng cần chú ý đến số đối tượng không có bằng lái nhưng vẫn điều khiển xe máy, ô tô. Nguy hiểm hơn có những cô cậu tuổi "choai choai" tổ chức đua mô tô, xe máy. Tai nạn xảy ra không chỉ cho họ mà cả những người vô tội khác.

Đề 111: Cha ông ta có câu: "Học đi đôi với hành". Em hiểu lời dạy đó như thế nào?

Bài làm

Học tập là công việc quan trọng đối với cuộc đời mỗi con người. Nhưng cần học tập như thế nào để đạt hiệu quả cao nhất? Cha ông ta từng căn dặn: "Học đi đôi với hành".

"Học" là một quá trình mà ở đó chúng ta tiếp thu kiến thức của nhân

loại dưới sự hướng dẫn của thầy cô. Học cũng có thể là một quá trình tự thân vận động. Quá trình ấy gọi là quá trình tự học: học trong sách vở, tài liệu hay học trong cuộc sống. Nội dung học là các kiến thức nhân loại được chọn lọc (được phân loại thành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội) cùng với đó là các kĩ năng, kĩ xảo tương ứng. Quá trình này nhằm đến một cái đích chung, đó là làm phong phú những hiểu biết của con người, giúp phát triển ven toàn nhân cách và đặc biệt việc học trang bị cho mỗi chúng ta những kiến thức, những kĩ năng, kĩ xảo nghề nghiệp để từ đó tham gia vào hoạt động sản xuất của xã hội đem đến lợi ích cho bản thân, cho gia đình và cho đất nước. Như vậy, "học" ở đây được hiểu là gắn với vấn đề lí thuyết. Người học giỏi thường được hiểu là người nắm được nhiều nội dung lí thuyết.

Bên cạnh đó, "hành" là thực hành, là quá trình vận dụng kiến thức vào cuộc sống, là đem những cái đã học được vào thực tế để kiểm tra độ đúng sai hay để làm sinh động nó. "Hành" có nhiều cấp độ: bắt chước người khác làm, làm lại theo những gì còn lưu trong trí nhớ, sáng tạo những cách thức hoạt động mới,... "Hành" được đến đâu, điều đó còn tùy thuộc vào tri thức mà bạn học được phong phú sinh động và sâu sắc đến bao nhiêu. Công việc của người nông dân làm việc trên đồng ruộng rất khác với người kĩ sư nông nghiệp làm việc trong phòng nghiên cứu. Tương tự, người công nhân vận hành máy móc trong nhà máy về bản chất rất khác với nhà khoa học thí nghiệm trong phòng chuyên dụng,... Điểm khác ấy chính là mức độ lao động của mỗi đối tượng.

Ta có thể khẳng định: giữa học và hành, học có tính chất quyết định. Vốn tinh hoa tri thức nhân loại ta học trong hơn chục năm là có thể coi như nhận thức được đa số. Nhưng cả đời người không thể thực hiện lại một phần nhỏ những gì lớp lớp cổ nhân từng làm. Bởi vậy, phải có đầy đủ lí thuyết trước mới đảm bảo cho thành công của công việc. Đó là lí do vì sao ta cần học giỏi, nắm vững được những kiến thức cần thiết.

Tuy nhiên, không thể tuyệt đối hoá vai trò của học bởi mục đích cuối cùng của mọi nỗ lực học tập là nhằm giúp mỗi người sống tốt trong xã hội con người. Vì vậy, học cần đi đôi với hành. Chúng là hai mặt thống nhất với nhau, bổ sung cho nhau. Bởi như ta đã biết, nếu chỉ biết học lý thuyết mà không hề biết đến thực hành thì những lý thuyết ta học cũng chỉ là những tri thức chết, chúng không hề có tác dụng đối với đời sống. Đó là trường hợp nhiều học sinh Việt Nam đi thi học sinh giỏi quốc tế các môn khoa học tự nhiên. Chúng ta làm lí thuyết rất xuất sắc, thậm chí đạt điểm tuyệt đối. Nhưng khi thực hành, trong khi bạn bè các nước làm rất tốt thì chúng ta loay hoay hàng giờ, thậm chí phải bỏ cuộc. Đó cũng là trường hợp nhiều học sinh, sinh viên đạt kết quả học tập rất cao nhưng hoàn toàn không có kĩ năng sống thực tế. Họ không biết ứng xử sao cho hợp hoàn cảnh giao tiếp, không nấu được một bữa cơm, không tự viết nổi một lá đơn xin việc,... học như vậy chỉ phí phạm thời gian, công sức tiền bạc bởi thực tế

học như vậy để làm gì nếu không thể ứng dụng vào đời sống? Như vậy, chúng ta không chỉ học lý thuyết mà còn phải biết áp dụng những lý thuyết đó phục vụ thực tế.

Mặt khác, có lúc những lý thuyết chúng ta đã được học khi đưa vào thực hành lại gặp phải rất nhiều khó khăn. Vì vậy, chúng ta phải biết kết hợp vừa học lý thuyết, và thực hành nhuần nhuyễn những điều đã học. Có như vậy, thì những kiến thức chúng ta được học sẽ trở nên sâu hơn, giúp chúng ta nắm vững nguồn tri thức. Nếu chỉ học mà không thực hành thì tất cả cũng chỉ là lý thuyết. Chính vì vậy, học phải đi liền với thực hành, có như vậy ta mới có thể đem hết những gì đã học cống hiến phục vụ cho đất nước.

Học đi đôi với hành, quan niệm ấy không mới bởi cha ông ta đã đặt ra vấn đề đó từ vài thế kỉ trước (Văn bản *Bàn luận về phép học* của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp là một bằng chứng sinh động) song là đó kim chỉ nam cho phương hướng học tập, rèn luyện của mọi người, mọi thời. Trong xã hội, chúng ta cần phổ biến rộng rãi, hiệu quả cách học này để đạt hiệu quả học tập cao nhất.

Đề 112: Đội mũ bảo hiểm là hành động vô cùng cần thiết khi tham gia giao thông nhưng nhiều người còn chưa ý thức đúng vấn đề này. Em hãy viết đoạn văn giải thích tác dụng của mũ bảo hiểm.

Bài làm

Mũ bảo hiểm là đồ dùng để bảo vệ bộ não khi tham gia giao thông. Nó gồm kính chắn gió ở đằng trước, bên ngoài là nhựa tổng hợp và bên trong là đệm lót nhằm giảm lực tác động lên đầu. Hãy tưởng tượng: đầu ta là một quả trứng gà, nếu thả rơi từ độ cao nửa mét thì chắc chắn sẽ vỡ. Nhưng đặt quả trứng đó vào ruột quả bóng tennít rồi thả thì không vỡ, chỉ bị nứt nhẹ. Từ đó ta thấy: khi bị tai nạn mà không có mũ bảo hiểm thì đầu ta sẽ chịu một lực va đập lớn, tỉ lệ tử vong lên tới chín mươi phần trăm. Nhưng nếu có mũ bảo hiểm thì ta sẽ hạn chế tối đa khả năng tử vong và làm giảm một nửa tỉ lệ chấn thương sọ não. Như vậy, việc đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy là hoàn toàn đúng đắn và cần thiết.

Đề 113: Em có suy nghĩ gì về việc chấp hành luật đội mũ bảo hiểm trong đời sống thực tế? Viết đoạn văn bày tỏ ý kiến của bản thân về vấn đề này.

Bài làm

Tác dụng bảo vệ của mũ bảo hiểm là không có gì để bàn cãi. Với lớp vỏ chắc chắn, nó bảo vệ đầu của người đeo tránh bị va đập trực tiếp một khi tai nạn chẳng may xảy ra. Và với chiếc mũ bảo hiểm trên đầu chúng ta có thể yên tâm khi đi lại trong tình trạng đường phố còn nhiều hạn chế ở Việt Nam. Con số những vụ tai nạn giao thông hay số người chết sẽ giảm đi rất nhiều nếu mỗi

người khi ra đường đều đội mũ bảo hiểm. Thế nhưng, trong khi Nhà nước yêu cầu đội mũ bảo hiểm trên toàn bộ đường phố thì vẫn còn một bộ phận nhỏ người dân vẫn chưa ý thức rõ tầm quan trọng của việc này. Vì vậy mới sinh ra tình trạng cố tình không đội, hay chỉ đội ở nơi nào có cảnh sát giao thông. Thậm chí, có một số người đội mũ mà không cài quai, rõ ràng, việc đội mũ chỉ là chống đối. Những người đó có hiểu rằng họ đã đùa giỡn với tính mạng của mình, để cái đầu của họ "thách đố" với mặt đường hay không?

Đề 114: Viết đoạn văn nêu ý kiến của em về việc một bộ phận học sinh hiện nay không tuân thủ việc mặc đồng phục khi đến trường, trong đó có sử dụng câu phủ định.

Bài làm

Việc không tuân thủ việc mặc đồng phục khi đến trường của một bộ phận học sinh hiện nay là một hành động cần kiểm điểm. Trên thực tế, việc mặc đồng phục góp phần tạo nên hình ảnh đẹp đẽ về môi trường học đường của một ngôi trường. Không chỉ vậy, nó khiến người học có ý thức về mối quan hệ giữa bản thân và tập thể, từ đó biết xây dựng tình đoàn kết, có lòng tự hào về tập thể... Không chỉ vậy, việc mặc đồng phục còn giúp học sinh tập rèn lối sống giản dị, hoà đồng với tập thể. Không mặc đồng phục chẳng những đi ngược lại với nội quy của nhà trường mà còn thể hiện sự hạn hẹp về trình độ nhận thức. Bởi vậy, chúng ta không thể nhân nhượng cho những hành động thiếu suy nghĩ ấy.

Đề 115: Viết đoạn văn nêu ý kiến của em về việc sử dụng lãng phí nước sạch trong sinh hoạt hàng ngày, trong đó có sử dụng câu cầu khiến.

Bài làm

Việc sử dụng nước sạch lãng phí trong sinh hoạt hàng ngày hiện nay đang diễn ra ở nhiều nơi, không phân biệt nông thôn hay thành thị. Ở nông thôn, nguồn nước sạch dồi dào hơn do hệ thống ao, hồ, sông và nước ngầm phong phú. Nhưng cũng vì mang tâm lí ấy mà nhiều người không có ý thức tiết kiệm nước sạch. Khi bơm nước, họ có thể bơm tràn bể một thời gian khá lâu. Khi sử dụng nước, nhiều người có suy nghĩ "xả láng" vì "nước là sẵn có, không phải đi mua như thành phố". Lúc giặt giũ, tắm táp hay rửa ráy đồ dùng, vật dụng họ đều xả nước vượt quá mức cần thiết. Trong thành phố, những tưởng nước sạch là một thứ hàng hoá phải mua bán thì người ta sẽ tiết kiệm. Nhưng không! Vẫn có những bể nước bị tràn nhiều lần. Vẫn có những dòng nước sạch bị xả lãng phí do tâm lí "còn tiền là còn nước", "đã mất công bỏ tiền mua thì phải dùng cho hết"... Nước sạch bị lãng phí góp phần gây ra nguy cơ cạn kiệt nguồn nước sạch của nhân loại. Khi đó, thảm hoạ sẽ thực sự xảy ra. Vì sự tồn vong của cả loài người, tất cả chúng ta hãy cùng hành động vì nguồn nước sạch của Trái đất!

Đề 116: Viết đoạn văn (8 – 10 câu) nêu lên tác hại của thuốc lá đối với đời sống con người trong đó có sử dụng hai câu ghép (gạch chân dưới những câu ấy).

Bài làm

Thuốc lá gây ra những tác hại rất lớn đối với đời sống con người. Trước hết, nó huỷ hoại sức khoẻ của những người trực tiếp hút thuốc. Trong thuốc lá có chứa nhiều chất độc, đặc biệt là chất ni–cô–tin. Chất ni–cô–tin có khả năng gây nghiện và nó cùng với những chất độc khác gặm nhấm sức khoẻ con người gây bệnh viêm phế quản, ho lao, ung thư phổi,... Điều này lí giải tại sao phần lớn những người hút thuốc nhiều đều mắc ít nhất một bệnh nào đó về phổi. Hơn thế nữa, thuốc lá còn gây ảnh hưởng xấu đến môi trường. Khói thuốc lá, đầu thuốc lá, tàn thuốc lá, chúng đã cùng với rác rưởi góp phần tạo nên thảm hoạ ô nhiễm môi trường. Nguy hiểm hơn, khói thuốc lá còn gây bệnh cho những người không hút thuốc. Những người xung quanh hít phải khói thuốc và khói thuốc khiến họ chịu độc gấp 4 lần người trực tiếp hút thuốc. Việc hút thuốc lá thụ động này cũng khiến những người này mắc những bệnh nghiêm trọng về tim phổi.

Đề 117: Cho câu chủ đề "Đọc sách là công việc vô cùng bổ ích vì nó giúp ta hiểu biết thêm về đời sống", em hãy viết một đoạn văn từ 8 câu đến 10 câu theo kiểu quy nạp.

Bài làm

Sách là kho tàng tri thức khổng lồ của nhân loại. Từ xưa, cha ông ta đã lưu lại những hiểu biết phong phú về mọi mặt đời sống xã hội và muôn hình vạn trạng trạng thái vận động của tự nhiên. Và như vậy, sách cung cấp cho ta những tri thức về hầu hết các lĩnh vực của đời sống. Nhờ đó, khi tiếp xúc với sách, con người có cơ hội tiếp xúc với toàn bộ kho tàng văn hoá của văn minh nhân loại. Đọc sách, ta biết về những gì đã xảy ra trong lịch sử loài người. Có xuất phát điểm từ loài vượn thông minh, con người dần gây dựng được những nền văn minh rực rỡ: văn minh Lưỡng Hà, văn minh Ai Cập, văn minh Hi Lạp – La Mã,... và từ đó trải qua bao hình thái kinh tế xã hội phức tạp mới có xã hội văn minh, hiện đại như ngày nay. Đọc sách, ta còn biết về những phát minh có ảnh hưởng quan trọng đến sự tiến bộ xã hội: đèn điện, máy bay, điện thoại,... Đặc biệt, nhờ có sách mà ngày nay, ta ngồi trong nhà mà có thể biết về mọi nơi trên thế giới, giống với đi du lịch vậy! Đọc sách quả là công việc vô cùng bổ ích vì nó giúp ta hiểu biết thêm về đời sống.

Đề 118: Cho câu chủ đề: "*Những chuyến tham quan, du lịch đem đến cho ta nhiều niềm vui*", em hãy viết một đoạn văn tổng phân hợp.

Bài làm

Những chuyến tham quan, du lịch đem đến cho ta rất nhiều niềm vui. Thú vui đầu tiên là được đi đây đó ngắm nhìn thiên nhiên và cảm nhận cuộc sống ở những nơi xa xôi. Cùng sống trên một đất nước, một hành tinh nhưng điều kiện tự nhiên nơi ta đang sống và nhiều nơi rất khác nhau. Được đến những vùng biển mênh mông nắng vàng, nước xanh, cát trắng mà nô giỡn với bao con sóng bạc đầu thì thật thú vị. Hay được đến những đỉnh núi cao chót vót, giữa mây trời trắng xoá mà hét lên một tiếng để đồi núi vọng về âm thanh tha thiết ấy thì cảm động biết bao! Không chỉ vậy, đến những vùng đất xa xôi ta còn được biết đến bao phong tục, tập quán lạ lùng. Đó là tục cướp vợ của người Mông, là họp chợ tình của Sa Pa, là chợ Viềng bán rủi cầu may,... Đó còn là Tết con trai của đất nước Nhật Bản, hội thi đấu bò tót Tây Ban Nha, cuộc thi uống bia của người Đức,... Thật là mỗi vùng đất một màu vẻ. Qua những điều mắt thấy tai nghe, điều thú vị lớn nhất là chúng ta học hỏi được nhiều điều bổ ích. Nói như cha ông ta, đó là "Đi một ngày đàng học một sàng khôn". Ta có thể học hỏi, giao lưu với các vùng đất khác những cái hay, cái đẹp. Đó là sự giao lưu về văn hoá, kinh tế. Ta có thể học được cách đan thổ cẩm của người Mông, cách nấu cơm nếp của người Thái,... Ta cũng có thể học được ở người Nhật sự chịu khó cần cù và sức sáng tạo không ngừng nghỉ; học ở người Mĩ sự tự do, phóng khoáng,... Chính bởi những chuyến tham quan du lịch đem lại cho ta nhiều niềm vui, nhiều điều bổ ích vậy nên mỗi chúng ta cần có ý thức đúng đắn đối với việc tham quan học hỏi ở những vùng đất khác lạ.

Đề 119: Học tập là công việc vô cùng quan trọng đặc biệt là đối với người học sinh. Em có suy nghĩ gì về công việc này của học sinh thời nay?

Bài làm

Công việc học tập đang từng ngày được xã hội hoá, nhà nhà học tập, người người học tập. Nhưng đến với công việc này, mỗi người có một cách thức học tập, một mục đích học tập khác nhau. Vậy cần nhìn nhận vấn đề học tập ngày nay như thế nào?

Học tập là một quá trình dài, là một cách để con người tiếp cận tri thức, nâng cao trình độ, mở mang trí óc để khám phá những điều hay lẽ phải. Học là việc cần thiết suốt đời bởi tri thức nhân loại là một kho tàng vô cùng phong phú, nó như biển cả mênh mông mà sự hiểu biết của con người lại có hạn. Đâu phải chỉ cần thời gian mà con người có thể hiểu biết được mọi điều trong cuộc sống. Con người ta khi sinh ra, chưa có hiểu biết về cuộc sống, chưa biết làm gì cả, vì vậy phải học từ việc nhỏ nhất, đơn giản nhất trở đi. Lớn lên đến trường phải học đọc, học viết, học những kiến thức

tự nhiên và xã hội để trang bị cho mình những tri thức cần thiết trong cuộc sống nhằm giúp mình sau này có thể làm việc tốt bởi trẻ mà không học thì sẽ rất khó để chúng ta có thể vào đời một cách vững vàng. Khi trưởng thành lại cần phải học. Những kiến thức ta được học trong trường không chỉ là nền tảng cơ bản trong cuộc sống, khi bắt tay vào công việc thường nảy sinh ra nhiều vấn đề. Để giải quyết được ta phải tự học, tự nâng cao kiến thức. Hiện nay trình độ khoa học kỹ thuật, văn hoá tri thức ngày càng phát triển, càng có nhu cầu đòi hỏi cao đối với con người. Nếu chúng ta ngừng học tập thì sẽ bị lạc hậu, tụt lùi, không đảm đương được các công việc được giao, không hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công. Không ngừng học tập thì mới trở thành người có ích cho gia đình và cho xã hội.

Ngày nay, mỗi con người đều có cách học riêng của mình. Nhiều bạn rất chăm chỉ, cần cù và giành được những thành công lớn. Đã có biết bao những bạn học sinh đạt thành tích cao trong học tập. Họ luôn lấy gương các vị danh nhân, các bậc cha anh đi trước để noi gương theo. Như Lênin với câu nói "Học, học nữa, học mãi" hay nhà bác học Đácuyn lừng danh cũng nói rằng: "Bác học không có nghĩa là ngừng học". Học tập là một yếu tố quan trọng, không những giúp cho chính bản thân mỗi học sinh chúng ta có một tương lai tốt đẹp mà còn giúp cho đất nước ngày một giàu mạnh. Có câu danh ngôn: "Đường đời là một chiếc thang không có nấc chốt và việc học là một quyển sách không có trang cuối cùng". Vì thế học sẽ không bao giờ là đủ và học tập là một việc vô cùng cần thiết đối với cuộc sống ngày càng phát triển như hiện nay.

Tuy nhiên vẫn có không ít những bạn học sinh mải chơi quên học, hoặc nếu có cũng chỉ là học vẹt, học đối phó. Đó quả thực là những hành động hết sức sai lầm. Các bạn hãy đến với những em nhỏ lang thang, hãy nhìn những khuôn mặt nhỏ bé, những đôi mắt thơ ngây luôn ao ước được một lần cắp sách tới trường như bao bạn nhỏ khác. Lúc đó các bạn sẽ nghĩ sao? Chúng ta được may mắn hơn các bạn bé nhỏ ấy, chúng ta được cha mẹ yêu thương, được thầy cô tận tình dạy dỗ, vậy mà chúng ta lại không học, lại coi thường việc học. Như vậy chẳng phải thật đáng trách sao? Lúc ấu thơ, ngoài bản năng tự nhiên là khóc và ăn thì mọi thao tác còn lại đều phải trải qua một quá trình học tập. Những người cha, người mẹ là những người thầy đầu tiên của trẻ, dạy cho trẻ biết lẫy, biết bò. Vậy đấy, ngay từ khi còn nhỏ, khi chưa phải đến trường thì bất kỳ một đứa trẻ nào cũng phải học, phải trải qua một sự khổ công. Để rồi đến khi lớn lên, cắp sách tới trường, thầy cô dạy ta biết đọc biết viết, học những thao tác ngồi, cầm bút viết. Lớn hơn nữa, thầy cô lại dạy cho ta kiến thức theo từng cấp học phù hợp với khả năng nhận thức, để sau này có thể vận dụng vào cuộc sống, công việc. Tất cả những điều đó đều giúp chúng ta trở thành những con ngoan trò giỏi. Học là để trưởng thành, để hoà nhập với cuộc sống văn minh, có khả năng thích ứng với những tiến bộ khoa học.

Quả thật, tương lai là ở trong tay chúng ta, nó sáng sủa hay mờ mịt là phụ thuộc vào sự nỗ lực học tập của mỗi con người. Vì thế chúng ta đừng để phí hoài những gì đã học được ở ghế nhà trường, bởi "một bước lỡ, nghìn thu ân hận". Nếu mải chơi chúng ta sẽ làm lỡ mất một chuyến tàu đi đến tương lai. Chuyến tàu đó không hề đi đến một cái đích nào nhất định. Chuyến tàu đó rất đặc biệt bởi người lái tàu là chúng ta và hành khách cũng chính là chúng ta. Nó được chèo lái bởi chính đôi bàn tay của chúng ta. Kiến thức trong trường ta học là nền tảng cơ bản để ta làm việc. Nhưng nhiều khi chính những kiến thức ấy cũng không đáp ứng đủ được những yêu cầu của sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật. Nếu không tiếp tục học chúng ta sẽ không có đủ khả năng để đảm đương công việc.

Việc học tập không phân biệt tuổi tác, trình độ, địa vị hay hoàn cảnh xã hội mà tuỳ theo ham muốn hiểu biết của mỗi con người. Khi còn nhỏ đang ở lứa tuổi cắp sách đến trường, thầy cô dạy cho ta rất nhiều kiến thức về tự nhiên, xã hội... vì vậy mà chúng ta phải không ngừng nâng cao hiểu biết, trau dồi tri thức, tận dụng mọi cơ hội để học tập. Và đến tuổi trưởng thành chuẩn bị bước chân vào đời, để tự lập bằng vốn kiến thức của mình được trang bị trong nhà trường, chúng ta vẫn phải tìm tòi nghiên cứu không ngừng trong công việc, sách báo... để nâng cao tay nghề, trình độ. Thông thường một người trong nhà trường học giỏi thì ra trường cũng sẽ làm việc tốt, nhưng không phải lúc nào cũng vậy. Vì vậy, chúng ta phải học ở mọi lúc mọi nơi, học ở những người đi trước mình, lớn tuổi hơn mình, những đồng nghiệp xung quanh mình để làm sao lấp đầy những khoảng trống mà mình thiếu sót trong quá trình học tập và làm việc...

Mỗi học sinh chúng ta cần phải nhận rõ bổn phận và trách nhiệm của mình, trong thời kỳ đang sống nhờ vào gia đình và xã hội. Nhưng học bằng cách nào để đạt kết quả tốt. Phương pháp học tập có rất nhiều ta có thể học qua sách vở. Ở trường, ta được sự dạy dỗ của thầy cô và bạn bè nhưng cũng cần đọc thêm báo chí, để có thể hiểu một cách sâu sắc hơn về xã hội ngày nay. Mỗi lúc vấp ngã ta đều phải tự biết rút cho mình những kinh nghiệm vì đó là những kiến thức thực tế quý báu, trang bị cho ta hành trang vào đời. Ở các thành phố hiện đại, việc học của học sinh, sinh viên được chăm lo đầy đủ nhưng ở các vùng quê nghèo thì việc học chưa được chú trọng. Người dân chưa nắm rõ được ý nghĩa lớn lao khi cho con em mình đến trường. Rất nhiều em học sinh phải bỏ dở việc học hành để sống cuộc sống "bán mặt cho đất, bán lưng cho trời" như cha ông họ. Thật là đáng tiếc thay khi có những học sinh được sự quan tâm của gia đình, xã hội được lo lắng đầy đủ vật chất lại không biết quý trọng. Đây là hiện tượng khá phổ biến của các học sinh "lười học". Đó không phải là những tấm gương "sáng". Chúng ta hãy học tập theo các thế hệ cha ông như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Lê Quý Đôn... những Lê Bá Khánh Trình, Tôn Thất Tùng, Đặng Thái Sơn... để trở thành con người có ích.

Ngày nay đất nước đã phát triển, việc học đã được chú trọng, tuy nhiên, việc học của học sinh vẫn còn nhiều hiện tượng gây bức xúc. Không chỉ có chuyện học lực kém của nhiều học sinh, mà còn nhiều vấn đề nữa rất đáng phải xem xét lại. Đó là tình trạng cận thị ở học đường. Do học quá nhiều, lại thêm chơi các trò chơi điện tử nên số lượng cận thị tăng lên rất nhanh. Một số học sinh có ý thức học tập rất kém, thường xuyên trốn tiết để đi chơi. Lười biếng và ham quậy phá, sẽ rất khó để họ trở thành những người có ích cho xã hội sau này. Đây là những "con sâu làm rầu nồi canh" cần được chỉnh đốn cách thức và mục đích học tập.

Việc học của học sinh thời nay là vô cùng cần thiết. Với xu thế hội nhập, học sinh ngày càng phải trau dồi vốn kiến thức hiểu biết của mình. Hành trang để vào đời chính là những kiến thức mà chúng ta tích luỹ được từ thuở ấu thơ, nó sẽ là vô giá nếu chúng ta tranh thủ học nhưng cũng sẽ là vô nghĩa nếu chúng ta mải chơi, lười học.

Đề 120: "Trên đường thành công không có dấu chân của người kẻ lười biếng" (Lỗ Tấn).

Em hiểu câu nói trên như thế nào?

Bài làm

Trong cuộc sống của chúng ta, mấy ai đạt được thành công mà không trải qua khó khăn gian khổ, cũng chẳng ai đạt được thành công mà không phải "đổ mồ hôi, sôi nước mắt". Sự cần cù chịu khó luôn là yếu tố chính dẫn đến thành công. Nhà văn lớn người Trung Quốc Lỗ Tấn từng nói: "Trên đường thành công không có dấu chân của những người lười biếng".

Thành công là hành động đạt tới mục đích bản thân đặt ra và được cả xã hội công nhận. "Đường thành công" chỉ khoảng thời gian từ lúc bắt đầu thực hiện mục đích tới lúc đạt được mục đích. "Đường thành công" tùy ở mỗi thì có thể dài hay ngắn. Còn "bước chân của người lười biếng" chỉ sự có mặt của sự lười biếng trên "đường thành công" của mỗi người. Những con người lười biếng là những con người không chịu lao động cho bản thân, cho xã hội. Câu nói của Lỗ Tấn khẳng định rằng muốn có được thành công, mỗi người đều phải cần cù, chăm chỉ; những người lười biếng thì không bao giờ hái được thành công.

Của cải vật chất trong xã hội đều do con người tạo ra. Để có được nó, con người phải lao động: người nông dân cuốc đất, trồng cây; người công nhân vận hành máy móc; nhà khoa học thực hiện các thí nghiệm,... Mỗi người đều phải chăm chỉ làm việc để gặt hái được thành công, ngoài sự chăm chỉ, họ còn phải vượt qua gian khó, có khi là cả sự thất bại. Sự cần cù ấy không phải tính bằng ngày, bằng giờ mà bằng năm tháng, có khi phải trả giá bằng cả cuộc đời mình. Nhưng họ đã đạt được những thành công trong cuộc sống của mình: người nông dân làm ra hạt gạo, cây rau để nuôi

sống bản thân, gia đình và xã hội; người công nhân làm ra máy móc phục vụ nhu cầu thị trường; nhà khoa học có những phát minh làm thay đổi đời sống. Trong số họ, còn có những người lưu danh trong sử sách. Đó là Mạc Đĩnh Chi xấu người mà tài giỏi. Nhờ chăm chỉ học tập, ông đã đỗ Trạng nguyên và đặc biệt, ông còn được vua nhà Nguyên phong làm "Lưỡng quốc Trạng nguyên" nhờ tài ứng đối khi đi sứ. Nói đến nghề thuốc phải kể đến Tuệ Tĩnh. Với ước muốn "Nam dược trị nam nhân", ông đã chăm chỉ học tập nghề thuốc va còn đi tìm hiểu nhiều sách thuốc. Cuối cùng, ông đã trở thành thầy thuốc nổi tiếng và thực hiện được ước muốn của mình. Với tài năng của mình, ông còn nổi tiếng ở Trung Quốc khi chữa khỏi bệnh cho Vương phi của vua nhà Minh.

Con những người lười biếng chỉ muốn hưởng mà không phải làm thì chẳng mấy chốc sẽ trở nên đói nghèo. Những người như vậy thì tự lo cuộc sống của bản thân mình còn khó thì nói gì tới việc đạt tới thành công trong sự nghiệp. Một xã hội mà có nhiều những con người như vậy là một xã hội lạc hậu, chậm phát triển. Nếu mỗi người không phải là con người lười biếng mà là những con người chăm chỉ, cần cù thì việc mỗi người đi tới thành công của mình sẽ không phải là điều khó khăn. Một đất nước có những con người như vậy đồng nghĩa đó là một đất nước phát triển, hiện đại. Để nêu lên một bài học, một kinh nghiệm trong cuộc sống, ông cha ta thường hay mượn hình ảnh của sự vật với nghĩa bóng có liên quan tới con người để thể hiện ý của mình. Một trong những bài học ấy được đúc kết trong câu tục ngữ hàm súc như:

"Có công mài sắt, có ngày nên kim"

Câu tục ngữ trên nêu một công việc tưởng chừng như khó khăn không thể làm nổi. Thế mà vẫn có người không quản ngại gian lao, không sá công phu, vẫn gắng sức làm cho kỳ được. Nghĩa đen của câu tục ngữ chỉ việc mài sắt thành kim, nhưng nếu suy ra nghĩa bóng thì đó lại là một lời khuyên, một bài học mà ông cha ta đã đúc kết từ ngàn đời truyền lại cho con cháu. Đó là lời răn dạy: Có sự cần cù nhẫn nại và quyết tâm lớn thì việc gì cũng có thể thành công cho dù việc đó rất khó khăn tưởng như không thể hoàn thành được.

Ngoài lời dạy từ ca dao tục ngữ, trong cuộc sống của chúng ta có biết bao tấm gương tiêu biểu. Tấm gương ấy không đâu xa lạ đó chính là Bác Hồ – người cha của dân tộc. Đất nước ta được hoà bình tự do như ngày nay chính là một phần nhờ vào lòng kiên trì, cần cù và chịu khó của Bác. Khi còn là chàng thanh niên trẻ tuổi, Bác đã từ biệt mọi người ra đi tìm đường cứu nước. Ở nơi đất khách quê người, Bác đã làm mọi việc để kiếm sống; làm phụ bếp trên tàu, làm người cào tuyết giữa mùa đông gió lạnh ở châu Âu và phải đi ngủ với một viên gạch nung nóng... Bao nhiêu vất vả cực nhọc Bác chẳng sờn lòng, Bác kiên trì đi đến rất nhiều các nước, các dân tộc trên thế giới để tìm hiểu con đường giải phóng dân tộc của họ. Cuối cùng, sự kiên

nhẫn, chịu khó của Bác đã được đền đáp xứng đáng. Người đã tìm thấy con đường đi cho dân tộc thoát khỏi cảnh nô lệ lầm than: con đường cách mạng vô sản.

Một tấm gương nữa rất gần gũi với chúng ta đó là anh Nguyễn Ngọc Ký. Anh bị liệt cả hai tay nhưng mong ước đến trường luôn thôi thúc anh. Thế là anh bắt đầu tập viết bằng chân. Những nét chữ đầu tiên thật khó nhưng anh không nản lòng, vẫn cần cù chịu khó và anh đã thành công. Bây giờ anh trở thành một nhà giáo ưu tú, được các em học sinh yêu quý, kính trọng.

Trong lao động, nhà bác học Lương Đình Của là một tấm gương hùng hồn để chứng minh "trên đường thành công không có bước chân của người lười biếng". Để lai tạo ra một giống lúa có năng suất cao, ông phải làm việc vô cùng vất vả, khó nhọc. Hàng ngày, từ tờ mờ đất, ông đã ra ruộng lội bì bõm, nghiên cứu, thử nghiệm đến tối mịt mới về. Qua vài vụ lúa, một giống lúa mới được tạo thành. Chính sự kiên nhẫn, bền bỉ của ông đã đem no ấm đến cho đời.

Bản thân Lỗ Tấn, nhà văn lớn của Trung Quốc, cả cuộc đời mình, ông luôn say mê với lao động nghệ thuật. Bằng tài năng, trí tuệ và sự cần cù, chăm chỉ, Lỗ Tấn được mọi người biết đến như lá cờ đầu của văn học Cách mạng Trung Quốc. Thành công ấy không dựa trên sự lười biếng mà chỉ, cần cù là nền tảng của mọi thành đạt trong cuộc sống con người. Những tác phẩm văn học được ra đời là cả một quá trình lao động lao động nghệ thuật không biết mệt mỏi của người nghệ sĩ, họ âm thầm sáng tác, để lại cho đời những dấu ấn riêng không thể xoá mờ. Tất cả chúng ta, những người bình thường không phải là một vĩ nhân đều có thể thành công trên con đường sự nghiệp nếu như biết cần cù, siêng năng.

Hiểu được ý nghĩa sâu xa lời dạy, mỗi chúng ta cần có ý thức rèn luyện ngay từ khi còn nhỏ ta phải tập tính kiên trì, nhẫn nại. Một bài toán khó, một bài văn quá nan giải, một bài tiếng Anh quá nhiều từ... ta cũng sẽ làm xong, làm đúng nếu ta không lười biếng mà chịu khó học tập. Đây là một đức tính cần có của người học sinh.

Những câu chuyện ngụ ngôn *Há miệng chờ sung* hay *Ôm cây đợi thỏ* chính là kết cục của những con người lười biếng, cuộc sống của họ chỉ như những mảnh đời vô nghĩa trôi qua trên dòng chảy cuộn xiết của cuộc đời, không để lại một dư âm hay một tiếng nói. Nghèo đói và trộm cắp hệ quả tất yếu của kẻ lười biếng, "sống nhàn rỗi quá còn mệt hơn là làm việc". Chính vì vậy ta hãy sống và làm việc hết mình để đạt được mục đích trong cuộc đời. Để đạt được những thành công đích thực, là học sinh, mỗi chúng ta luôn phải phấn đấu, không ngừng học hỏi để trở thành con ngoan, trò giỏi, có ích cho xã hội, cho đất nước.

Câu nói "Trên đường thành công không có bước chân của người lười biếng" của nhà văn Lỗ Tấn là một bài học, kinh nghiệm sống cho chúng ta: Cần cù, chăm chỉ, không lười biếng thì sẽ đạt tới thành công. Đây là một

đức tính không thể thiếu được ở mỗi người chúng ta từ lúc còn nhỏ đến lúc trưởng thành để vào đời.

Đề 121: M. Gorki từng nói: "Sách mở rộng ra trước mắt tôi những chân trời mới".

Em có suy nghĩ gì về câu nói trên?

Bài làm

Nhắc đến M. Gorki ta không chỉ nhắc đến sự vĩ đại của một nhà văn hiện thực Xã hội Chủ nghĩa mà còn nhớ đến một tấm gương sáng chói trong việc tự học thành tài. Trên con đường tự học đầy gian khổ của nhà văn, sách là người bạn lớn thân thiết và gắn bó. Nhà văn từng nói: "Sách mở rộng ra trước mắt tôi những chân trời mới". Câu nói vô cùng giản dị mà chứa đựng những ý nghĩa sâu xa.

Sách là kiến thức của con người đã được tích luỹ, chọn lọc, tổng hợp, là kho tàng vô tận chứa biết bao nhiêu điều có ích. Sách là những suy nghĩ, những ước mơ, hoài bão, những tình cảm mà con người muốn được cùng chia sẻ. Sách thật sự kỳ diệu và từ xa xưa, con người đã biết đến sự kỳ diệu đó.

Khi nền văn hoá chưa tiến bộ, máy in chưa ra đời, thậm chí cả giấy bút cũng chưa có, con người đã nghĩ ra một điều gì đó tương tự như "sách". Người Ai Cập cổ đại cũng dùng đất sét để ghi những lưu trữ cần thiết. Người Trung Quốc thì dùng mực viết lên các thẻ tre. Người Pháp thì lại dùng các tấm da dê... Đó chính là những hình thức đầu tiên của sách. Người ta đã nhận thấy tầm quan trọng của sách, họ cần sách để giữ lại những kinh nghiệm sống, những câu chuyện lịch sử... để truyền lại cho đời sau.

Ngày nay, khi nghề in đã vô cùng phát triển, hàng ngàn cuốn sách ra đời nhưng con người vẫn không mất đi hứng thú khi lật lại những trang sách cổ. Họ tìm tòi ý nghĩa của các hình vẽ, các loại chữ cổ để biết được thêm về đời sống ngày xưa. Bây giờ, ngôn ngữ của các nước khác nhau đều được mọi người biết đến, yêu thích và học hỏi, thì các cuốn sách lại càng được quý trọng. Không phải vì ngẫu nhiên mà một quyển sách lại được dịch ra nhiều thứ tiếng, đó là để mọi người hiểu nhau hơn, biết đến các tập tục, các kinh nghiệm... của nước bạn. Dường như sách đã vượt qua mọi không gian, mọi thời gian gắn kết mọi người với nhau.

Sách đã mở ra trước mắt ta một chân trời mới! Thật vậy, khi đọc những cuốn sách khoa học thì ta mới biết được ngoài trái đất thân yêu của chúng ta là một vũ trụ bao la rộng lớn. Những công nghệ khoa học hiện đại ở các nước tiên tiến cũng đều được viết vào sách, không chỉ có sách khoa học mà còn rất nhiều thể loại sách nữa như: sách văn học, sách xã hội, sách kinh tế, sách lịch sử... Chúng giúp ta trả lời các câu hỏi: Đỉnh núi nào cao nhất trên thế giới? Tại sao người Ai Cập biết ướp xác? Có phải từ mặt trăng ta có thể nhìn thấy Vạn lý trường thành hay không? Hay như trái đất có hình

gì? Tại sao bóng đèn lại phát sáng?... Sách xã hội giúp ta hiểu biết được phong tục tập quán, dân số và rất nhiều điều kì lạ của một đất nước rất nhỏ bé hay cả một châu lục nào đó. Còn sách văn học thì làm chúng ta tìm lại chính mình, biết được những suy nghĩ riêng của mình. Qua những trang sách văn học, ta cảm nhận được một thứ tình cảm đẹp trong sáng và cả những nỗi khổ, hạnh phúc của những con người trong những hoàn cảnh khác nhau. Sách văn học luôn luôn biến đổi một cách kỳ ảo, dẫn con người từ tác phẩm này sang tác phẩm khác, giúp con người hiểu thêm về nhau, về hoàn cảnh, tập tục của nhau. Họ cùng chia sẻ những tình cảm vui buồn. Con người tìm được sự đồng cảm sâu sắc trong mỗi trang sách, quan trọng hơn nữa họ có thể tìm thấy chính mình ẩn đâu đây trong những áng ăn thơ bất tận. Con người chợt thấy mình lãng mạn hơn, hay hiện thực hơn.

Trên thực tế, có những trang sách được cả triệu triệu người biết đến. Đó là những trang sách của Galilê giúp con người hiểu biết thêm về trái đất. Sách của Đácuyn càng làm rõ hơn về các loài sinh vật, sách của Êđixơn nói về các hiện tượng vậy lý, về bóng đèn, đầu xe hoả... mà sau này ứng dụng rất nhiều trong thực tế. Sách của Mác, Lênin đã giúp cho con người nhận thức được tầm quan trọng của tự do, đã phần nào đóng góp trong những cuộc cách mạng nổ ra giành lại hoà bình dân tộc. Ta đọc thơ V. Hugô, Lý Bạch, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du... để biết được cuộc sống xưa kia và tâm tư tình cảm của tác giả. Đọc truyện cổ Grim, truyện cổ tích Anđécxen, truyện ngụ ngôn La Phôngten để thấy được cách suy nghĩ của con người đồng thời rút ra bài học quý giá.

Học sinh ngày nay, bạn đồng hành đi học là sách vật lý, sách văn học, sách toán, sách kỹ thuật... đủ để cho thấy sách không thể thiếu trong đời sống. Sách cho con người tri thức, sách là hành trang cho con người bước vào đời. Có sách vật lý thì học sinh mới biết đến Galilê, Ampe, biết được vận tốc, gia tốc, có sách địa lý mới biết được các nước trên thế giới. Có sách lịch sử mới biết được nguồn gốc con người... Niềm vui khi được đi học của mỗi học sinh đã cho thấy sách đã mở rộng những chân trời mới mà ai cũng muốn được khám phá.

Sách là ước mơ, là khát vọng của con người. Sách đã trả lời biết bao nhiêu câu hỏi: Ta là ai? Ta là gì? Ta có quan hệ gì với hàng triệu con người khác? Ta ước mơ gì? Ta có khát vọng gì? Sách nói lên mơ ước của con người, giúp người đọc hiểu được cái sai, cái đúng, biết được đâu là hạnh phúc, đâu là bất hạnh, chỉ dạy cho con người cách sống sao cho có nghĩa, dạy cho con người mơ ước đến những điều tốt đẹp hơn cho mình và cho cả cộng đồng.

Vậy là những cuốn sách đã rất có ích cho con người. Và điều mà M. Gorki muốn gửi gắm qua câu nói đó là hãy không ngừng đọc sách vì sách là kho báu vô cùng kỳ diệu của con người.

Trước khi đọc một cuốn sách ta phải quý trọng, nâng niu từng trang sách. Từ một cuốn sách bị quăn mép cho đến cả một tủ sách không bị quăn

một cuốn nào đều là thái độ của người đọc với cuốn sách. Một con người mà không đọc sách hay không ham mê đọc sách là một điều không thể được. Có những người biết đọc, biết viết thì lại không hề có hứng thú với những cuốn sách, còn những con người không biết đọc, biết viết thì lại nâng niu từng trang sách mà họ mơ ước sẽ đọc được. Đọc sách thì cũng phải biết tập trung, đừng đọc khi đầu còn đang suy nghĩ vẩn vơ về những thứ khác. Phải tập trung thì ta mới hiểu một cuốn sách. Đọc sách thì phải biết hành động theo sách chứ chỉ đọc thì hàng trăm, hàng nghìn cuốn cũng đều trở nên vô dụng. Ta thấy rằng đọc sách là một cách tự bồi dưỡng kiến thức, một thú vui tinh thần cho mọi người. Nhưng cũng cần lưu ý đến cách chọn sách. Phải chọn những cuốn sách tốt, sách hay, chớ nên đọc những cuốn sách xấu.

Thế nào là sách tốt? Đó là một cuốn sách có thể giúp con người hiểu biết thật đúng đắn về cuộc sống để chúng ta hiểu biết mà có thái độ yêu ghét đúng đắn. Những cuốn sách đó phải khiến con người gần lại với nhau hơn. Chúng ươm mầm cho những tài năng tương lai. Chúng nuôi dưỡng, khích lệ những khát vọng vô cùng cao thượng. Sách còn khiến cho tâm hồn con người ngày càng phong phú và trong sáng như bầu trời xanh ngắt không gợn mây. Đó mới là sách tốt.

Còn sách xấu? Những cuốn sách này đã đưa ra những lời lẽ xảo trá để con người không thể biết được cuộc sống tươi đẹp xung quanh. Chúng đề cao dân tộc này nhưng lại bôi nhọ các dân tộc khác. Đó còn là những cuốn sách phản động, gây chia rẽ nội bộ trong một đất nước, một tập thể lớn. Như hồi kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Để lừa bịp dân chúng, những tên trùm đế quốc đã tung ra rất nhiều cuốn sách phản động gây mất lòng tin trong xã hội. Thừa cơ đó chúng có thể đục nước béo cò, bắt được những cán bộ cách mạng của ta. Vì vậy khi đọc những cuốn sách này, con người ta không hề tăng thêm sự hiểu biết mà chỉ tăng thêm lòng ghen ghét, đố kị lẫn nhau. Tâm hồn người đọc sẽ bị hoen ố bởi những điều độc hại được viết ra trong những cuốn sách này.

Sách là kiến thức, đọc sách là một cách bồi dưỡng kiến thức, một thú vui tinh thần, một việc mà ta nên làm. Nhưng không phải sách nào cũng đọc được, ta phải biết chọn sách cho phù hợp với mình, phải biết chọn sách tốt để đọc. Nếu chọn đúng loại sách, sách sẽ đem lại những điều ta cần biết, cần học hỏi, giúp ta sống đẹp hơn. Đọc sách là để rút ra những kinh nghiệm. Ngoài biết cách chọn sách, ta còn phải biết cách đọc. Vậy đọc như thế nào cho đúng? Đọc mà không biết vận dụng thì cũng chẳng có ích gì. Vì thế không chỉ đọc, ta còn phải biết ứng dụng những điều đó vào cuộc sống hàng ngày. Như thế đọc sách mới có ý nghĩa.

Lênin nói: "Không có sách thì không có tri thức, không có tri thức thì không có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản". Sách đã trở thành vô cùng quan trọng đối với con người. Không có sách thì con người sẽ không có kiến thức, văn minh nhân loại sẽ lụi tàn. Sách có giá trị to lớn và gắn liền với sự phát triển của đời sống hàng ngày.

Đề 122: Nhiều người còn chưa hiểu rõ thế nào là "học đi đôi với hành" và vì sao ta rất cần phải "theo điều học mà làm" như lời La Sơn Phu Tử trong bài "Bàn luận về phép học". Hãy viết một bài văn nghị luận để giải đáp ứng thắc mắc nêu trên.

Bài làm

Một trong những điều trọng yếu nhất của phương pháp học tập là "Học đi đôi với hành". Nguyên lý ấy đã được ông cha ta nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Trong bài tấu "Bàn luận về phép học" gửi vua Quang Trung, La Sơn Phu Tử cũng có viết, cần phải "theo điều học mà làm". Tuy vậy nhiều người trong chúng ta còn chưa hiểu rõ, hiểu một cách đầy đủ nguyên lý ấy, chân lý ấy.

Vậy thế nào là "học đi đôi với hành"? Thế nào là "theo điều học mà làm"? Học là học tập, học văn hoá, ngoại ngữ... học lý thuyết về khoa học kỹ thuật... Hành là hành động, là hoạt động. Học đi đôi với hành có nghĩa là vừa học văn hoá, lý thuyết, vừa tập tành vận dụng; lấy lý thuyết soi sáng thực hành, lấy thực hành củng cố lý thuyết; học tập phải gắn liền với sản xuất, với các hoạt động khác, nhất là hoạt động xã hội. "Theo điều học mà làm" có nghĩa là biến những kiến thức đã học được để làm ăn, phải biết làm theo điều đã học để phục vụ sản xuất, phục vụ cho việc tu dưỡng rèn luyện của bản thân và ứng dụng vào cuộc sống. Đúng như cụ Phan Bội Châu đã chỉ rõ "Học là bắt chước, học là cần cho biết, học là để mà làm".

Học đi đôi với hành là cách học phải hiểu và ứng dụng điều học có hiệu quả, điều đó khác với việc học chay, học vẹt, học lý thuyết suông, học một cách máy móc, sáo rỗng, có thể đọc nghìn cuốn sách "chữ chứa đầy bụng", nhưng khi bước vào đời thì ngu ngơ rỗng tuếch, trở thành kẻ "thầy dở, thợ dốt". Vì không "học đi đôi với hành", vì không biết "theo điều học mà làm" nên nhiều người "đua học hình thức cầu danh lợi" như La Sơn Phu Tử chê trách. Cho nên học tập phải thu nhận được kết quả thiết thực và hữu ích.

Học luân lí để bồi dưỡng phẩm hạnh, để trở thành con ngoan, trò giỏi, người công dân tốt. Học các môn khoa học xã hội và nhân văn không chỉ để có những hiểu biết, những kiến thức về văn, sử, địa... mà còn để bồi dưỡng tâm hồn... Học ngoại ngữ phải tập nói, tập dịch, để đọc sách, để có thêm một công cụ mà làm ăn, mà tiến thủ, chứ đâu phải là để nói một vài câu tiếng Tây, tiếng Tàu, tiếng Anh, tiếng Nhật... cho oai! Nước ta đang trên đường hội nhập và phát triển, cho nên "học đi đôi với hành", "theo điều học mà làm" là những phương châm giúp chúng ta cải tiến phương pháp học tập. Các môn khoa học tự nhiên cực kỳ quan trọng, sẽ trang bị cho thanh thiếu nhi bao kiến thức khoa học, kỹ thuật hiện đại. Phòng thư viện, phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn, nhất là phòng máy tính... đã và đang được xây dựng, phát triển ở các trường tiểu học, trường phổ thông trên phạm vi cả nước đã cho thấy việc "học đi đôi với hành", "theo điều học mà làm" được

ngành giáo dục và xã hội quan tâm, coi trọng như thế nào. Các phong trào mang tính xã hội rộng lớn của học sinh, sinh viên những năm gần đây như "phong trào tình nguyện", đóng góp quỹ từ thiện xoá đói giảm nghèo, giúp những người khuyết tật, những nạn nhân chiến tranh... không chỉ thể hiện tình tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, mà còn cho thấy trường học đã gắn liền với cuộc sống xã hội, phương châm "học đi đôi với hành" được hàng chục triệu thầy cô giáo và học sinh hưởng ứng.

Những hoạt động như cắm trại, tham quan, du lịch, sưu tầm văn học dân gian ở quê hương mình; những việc làm như trồng hoa, trồng cây, làm sạch trường, đẹp lớp... là vô cùng thiết thực, đúng là "theo điều học mà làm". Quét nhà, lau nhà, nấu cơm, giặt quần áo... trong gia đình là những công việc giúp tuổi trẻ trở nên tháo vát, khéo léo, biết yêu thương đỡ đần bố mẹ, sớm hình thành những đức tính tốt đẹp như siêng năng, cần cù, yêu lao động và biết quý trọng người lao động.

"Học đi đôi với hành", biết "theo điều học mà làm" là rất thiết thực, bổ ích. Nhờ đó mà lý thuyết được khắc sâu, lý thuyết được thực hành soi sáng, vừa học tập, vừa ôn vừa luyện nên dễ hiểu, dễ nhớ. Học đi đôi với hành hướng học sinh, sinh viên biết tìm tòi nghiên cứu, phát minh. Trong những kì thi: "Tuổi trẻ sáng tạo" ta thấy tuổi trẻ Việt Nam đã biết "theo điều học mà làm", có nhiều phát minh, ứng dụng trong lĩnh vực tin học và công nghệ thể hiện tài năng, trí tuệ Việt Nam.

"Học đi đôi với hành", "theo điều học mà làm" là phương châm, phương pháp giúp học sinh, sinh viên phát huy tinh thần chủ động, năng động trong học tập, sớm xác định được mục tiêu học tập đúng đắn. Học để mở mang tầm hiểu biết, để trở thành người lao động có kỹ thuật, để phục vụ công cuộc hiện đại hoá, công nghiệp hoá đất nước.

Hiện tượng "học giả mà bằng thật", mua bán bằng giả hiện nay đâu chỉ là hội chứng chạy theo bằng cấp, hư danh mà còn phản ánh một sự thật trong xã hội ta là nhiều người chưa hiểu "học đi đôi với hành", "theo điều học mà làm".

Con đường học tập đi tới tương lai của tuổi trẻ Việt Nam vô cùng tươi sáng và rộng mở. "Học đi đôi với hành", "theo điều học mà làm" là những bài học thiết thực, bổ ích đối với chúng ta. Những lời Bác Hồ viết trong "Thư trung thu" – 1952, ngày nay đọc lại ta càng thấm thía:

"Mong các cháu cố gắng
Thi đua học và hành
Tuổi nhỏ làm việc nhỏ
Tuỳ theo sức của mình
Để tham gia kháng chiến
Để gìn giữ hoà bình"...

Đề 123: Trong văn bản *Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000*, vấn đề bao bì ni lông đã được tác giả trình bày như thế nào?

Bài làm

Từ hàng triệu năm nay, loài người đã xuất hiện trên Trái Đất. Chúng ta được đất nuôi dưỡng, được hít thở bầu không khí trong lành,... Có thể nói, con người đã được hưởng lợi rất nhiều từ thiên nhiên, môi trường. Tuy nhiên, nhiều người không ý thức được rằng: rất nhiều những vật dụng phế thải của chúng ta đang dần dần huỷ hoại tự nhiên, đầu độc và làm ô nhiễm môi trường sống của chính chúng ta.

Hãy bảo vệ ngôi nhà chung, bảo vệ Trái Đất thân yêu – lời kêu gọi đó đã được cả thế giới hưởng ứng, và ngày 22 tháng 4 hàng năm đã trở thành Ngày Trái Đất. Văn bản này được soạn thảo nhân dịp Việt Nam tham gia chương trình nói trên. Thông tin về ngày Trái Đất đã được thu hẹp, thể hiện tập trung trong chủ đề: "*Một ngày không sử dụng bao bì ni lông*".

Văn bản này gồm ba phần: trình bày nguyên nhân ra đời của thông điệp Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000; phân tích tác hại và đưa ra những giải pháp cho vấn đề sử dụng bao bì ni lông; và kết lại bằng lời kêu gọi mọi người hãy quan tâm hành động vì môi trường bằng việc làm cụ thể: "*Một ngày không dùng bao bì ni lông*".

Trọng tâm thông điệp của văn bản này là phần thứ hai. Ở phần này, các nguyên nhân khiến cho việc dùng bao bì ni lông có thể gây nguy hại đến môi trường được đưa ra phân tích, làm cơ sở đề xuất những giải pháp khả thi. Nguyên nhân chính khiến cho việc dùng bao bì ni lông có thể gây nguy hại đến môi trường là "tính không phân huỷ của plaxtic". Xung quanh đặc tính của loại rác thải này là hàng loạt các khả năng nguy hại đến môi trường mà văn bản đã chỉ ra. Thêm nữa, trực tiếp hoặc gián tiếp ni lông có ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khoẻ con người (nguyên nhân của những căn bệnh hiểm nghèo: ngộ độc, ung thư, dị tật bẩm sinh,...). Như vậy, vấn đề "chúng ta cần phải làm" để giảm thiểu các khả năng nguy hại do sử dụng bao bì ni lông trở nên bức thiết. Bốn giải pháp mà văn bản đưa ra đã căn cứ trên tình hình thực tế, từ bản chất khoa học của vấn đề vừa thuyết minh, nên tỏ ra thuyết phục và có tính khả thi cao. Từ "vì vậy" có vai trò rất quan trọng trong lập luận của toàn văn bản, góp phần đảm bảo tính liên kết chặt chẽ giữa các đoạn. Những giải pháp cụ thể ở đây (tuy chưa giải quyết được tận gốc song đó là vấn đề nan giải đối với cả thế giới chứ không chỉ riêng chúng ta) nhằm hạn chế việc dùng bao bì ni lông. Tính khả thi của các giải pháp này là điều kiện để văn bản đưa ra lời kêu gọi ở phần thứ ba.

Nội dung kêu gọi giản dị, không "đao to búa lớn" nhưng thiết thực, và vì thế, có hiệu quả tác động rõ rệt. Hành động kêu gọi "Một ngày không dùng bao bì ni lông" sẽ khiến mọi người nâng cao ý thức giữ gìn, bảo vệ sự trong sạch của môi trường. Làm điều đó cũng vì chính cuộc sống của chúng ta.

Đề 124: Trình bày ý nghĩa tư tưởng của văn bản *Ôn dịch, thuốc lá* của Nguyễn Khắc Viện.

Bài làm

"Hút thuốc lá là có hại cho sức khoẻ". Thông điệp ấy được ghi trên hầu hết các vỏ bao thuốc lá, những người hút thuốc lá đều biết nhưng không phải ai cũng ý thức được tác hại nhiều mặt của thuốc lá đối với cộng đồng. Ngay từ đầu, nhan đề của văn bản: *Ôn dịch, thuốc lá* đã cho ta thấy tính chất nghiêm trọng và bức xúc của vấn đề.

Thuốc lá ở đây là nói đến tệ nghiện thuốc lá. Nó được ví một cách rất thoả đáng với *ôn dịch*, xem như một thứ bệnh nguy hiểm đến tính mạng của con người và rất dễ lây lan. Hơn nữa, từ *ôn dịch* còn mang sắc thái biểu cảm. Nghiện thuốc lá được nói đến trong một cảnh báo gay gắt, đến mức nó đáng trở thành một đối tượng để nguyền rủa.

Trong văn bản này, tác giả bắt đầu phần thứ hai bằng cách dẫn lời Trần Hưng Đạo bàn về cách đánh giặc (từ "*Ngày trước*"... cho đến "*tổn hao sức khoẻ*"). So sánh việc chống hút thuốc lá với đánh giặc ngoại xâm, tác giả đã tạo ra một ấn tượng mạnh trước khi tiến hành phân tích y học về tác hại của thuốc lá. Những kết quả nghiên cứu của y học trở thành hệ thống luận cứ rõ ràng, thuyết phục tuyệt đối. Thuốc lá gặm nhấm sức khoẻ của con người tựa như tằm ăn dâu. Nguy hiểm, đáng sợ hơn, sự *gặm nhấm* của thuốc lá lại vô hình, không nhìn thấy ngay được. Chỉ có hậu quả của nó, những căn bệnh hiểm nghèo là sờ sờ trước mắt chúng ta. Và, không chỉ có thế, tác giả tiến hành phân tích cả những ảnh hưởng thiệt hại của thuốc lá đến đời sống kinh tế của con người, dù chỉ là bệnh viêm phế quản...

Bằng giả định: "*Có người bảo: Tôi hút, tôi bị bệnh, mặc tôi!*", tác giả tiến tới lập luận về tác hại của thuốc lá đối với cả những người không hề hút thuốc lá. Phủ nhận nhận định trong giả định, chứng cứ khoa học cho thấy *hút thuốc lá chủ động* và *hút thuốc lá bị động* đều dẫn đến nguy hại cho sức khoẻ. Chống hút thuốc lá không còn là vấn đề chỉ của riêng cá nhân mà, vì nó trực tiếp làm hại cả cộng đồng, cho nên, chống thuốc lá là việc của toàn xã hội.

Tác giả đã so sánh tình hình hút thuốc lá ở Việt Nam với các nước Âu – Mĩ để đưa ra kiến nghị: Đã đến lúc mọi người phải đứng lên chống lại, ngăn ngừa nạn ôn dịch này, bởi: Thứ nhất, ta nghèo hơn các nước Âu – Mĩ rất nhiều nhưng tỉ lệ thanh thiếu niên ở các thành phố lớn của ta hút thuốc lá lại tương đương với họ. Nó không chỉ gây khó khăn về kinh tế, mà còn là con đường dẫn đến sự phạm pháp. Thứ hai, để chống tệ hút thuốc lá, người ta có những biện pháp mạnh hơn ta rất nhiều. Sự so sánh này đã góp phần khẳng định sự đúng đắn của những điều đã nói ở trên, đồng thời tạo tiền đề để đưa ra lời phán xét cuối cùng.

Đề 125: Vấn đề dân số đã được thể hiện như thế nào trong văn bản *Bài toán dân số* của Thái An?

Bài làm

Viết về hiểm hoạ của việc gia tăng dân số quá nhanh - một đề tài vừa khó vừa khô khan, tác giả của "Bài toán dân số" đã chọn cách vào đề thật hấp dẫn, vừa thực tế, vừa giàu sức thuyết phục. Từ câu chuyện nhà thông thái kén rể đến 64 ô bàn cờ với một lượng thóc "nhiều đến mức có thể phủ khắp bề mặt Trái Đất", bạn đọc dễ dàng hình dung về sự gia tăng dân số chóng mặt với tốc độ sinh sản như hiện nay.

Vấn đề chính mà tác giả đặt ra trong văn bản này là: Con người đang ngày càng tăng lên gấp bội. Nếu không hạn chế sự gia tăng dân số thì con người sẽ tự làm hại chính mình.

Điều làm tác giả "sáng mắt ra" ấy là: không ngờ một vấn đề rất hiện đại mới được đặt ra gần đây (vấn đề dân số kế hoạch hoá gia đình) thế mà dường như nó đã được đặt ra từ thời cổ đại.

Nhập đề dưới hình thức một bài toán cổ, kể về việc kén rể của nhà thông thái, phần kể của nhà văn đã vừa gây được sự tò mò, hấp dẫn của người đọc, vừa mang lại một kết luận rất bất ngờ ở phía cuối của câu chuyện kể. Lấy câu chuyện ấy làm tiền đề, tác giả đã so sánh ngay với sự bùng nổ và gia tăng dân số (cả hai đều tăng theo cấp số nhân). Cách so sánh ấy, quả thực đã làm cho người đọc hình dung một cách nhanh chóng đến tốc độ gia tăng kinh khủng của dân số. Và đây cũng chính là trọng tâm vấn đề mà bài viết muốn nêu lên.

Việc đưa ra tỉ lệ sinh con của phụ nữ ở một số nước theo thông báo của Hội nghị Cai-rô là rất có ý nghĩa. Trước hết, nó thông tin cho người ta thấy người phụ nữ có thể sinh rất nhiều con (ít như Việt Nam thì trung bình cũng là 3,7; nhiều như Ru-an-đa thì tới 8,1). Từ đó có thể thấy chỉ tiêu mỗi gia đình có hai con là rất khó khăn. Thứ hai, các con số thống kê còn cho thấy các nước chậm phát triển lại sinh con rất nhiều.

Các nước được kể trong văn bản thuộc hai nhóm:

– Châu Phi: Nê-pan, Ru-an-đa, Tan-da-ni-a, Ma-đa-gát-xca.

– Châu Á: Ấn Độ và Việt Nam.

Có thể rút ra nhận xét: Những nước kém phát triển ở hai lục địa nêu trên là những nước dân số tăng nhanh. Sự bùng nổ dân số sẽ đi kèm với sự nghèo nàn lạc hậu, kinh tế chậm phát triển, văn hoá, giáo dục không được nâng cao... Ngược lại, kinh tế, văn hoá, giáo dục càng yếu kém thì lại càng không thể khống chế được sự gia tăng dân số. Nói cách khác, hai vấn đề này quan hệ chặt chẽ với nhau và tác động đến nhau một cách sâu sắc.

Đề 126: Nêu ý kiến của em về vẻ đẹp của bài ca dao *Trong đầm gì đẹp bằng sen*.

Bài làm

Ca dao là tiếng nói tình cảm thể hiện đời sống tinh thần phong phú của nhân dân lao động. Đó là tấm lòng đối với người thân, với quê hương đất nước. Trong số những bài ca dao được sáng tác bởi nhân dân và được lưu truyền bởi nhân dân có không ít những kiệt tác. Bài ca dao sau là một trong số đó, không chỉ lấp lánh vẻ đẹp của thiên nhiên mà còn ánh lên vẻ đẹp trong tâm hồn con người:

"Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng
Nhị vàng bông trắng lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn".

Bài ca dao mở ra hình ảnh một đầm sen bát ngát. Đã là đầm sen thì hẳn hoa sen là thứ đẹp đẽ nhất:

"Trong đầm gì đẹp bằng sen"

Câu ca dao có dáng dấp của một câu hỏi "gì đẹp bằng sen" nhưng thực chất đó là một lời khẳng định: Trong đầm không có gì đẹp bằng sen, sen là đẹp nhất. Cách sử dụng câu hỏi tu từ như vậy bộc lộ niềm kiêu hãnh, tự hào về vẻ đẹp hiếm có của hoa sen.

Vậy sen đẹp như thế nào?

"Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng
Nhị vàng, bông trắng, lá xanh"

Những bộ phận, chi tiết của sen được ngắm nghía, nhận xét khá khắt khe từ "lá", "bông" đến "nhị". Màu sắc của chúng rất sắc nét, rõ ràng "Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng". Màu xanh, màu trắng, màu vàng. Câu ca dao hoàn toàn tả thực đồng thời làm nổi bật những sắc màu tự nhiên, hài hoà của sen. Từ "lại" nhấn mạnh đến sự phong phú, hài hoà rất tự nhiên, giản dị và cũng rất đẹp đẽ ấy. Câu ca dao tiếp hoàn toàn không có ý mới, chỉ là nhắc lại ý trên có đảo trật tự các cụm từ: "Nhị vàng, bông trắng, lá xanh". Vừa trên, bông hoa được ngắm nhìn từ ngoài vào trong, đến đây lại được ngắm từ trong ra ngoài. Sự xem xét ấy kĩ lưỡng, tỉ mỉ lắm, các vế câu đối nhau rất nhịp nhàng, được tách riêng ra bởi dấu phẩy (,); tưởng như người ngắm lật từng phần của sen mà chiêm ngưỡng vậy. Đến lần thứ hai này, sắc màu của sen không hề thay đổi, vẫn là những sắc màu rất giản dị và tự nhiên như thế. Hai câu ca dao lặp lại ý khiến người đọc tò mò về chủ định của tác giả. Và câu cuối cùng đã tháo gỡ những thắc mắc ấy:

"Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn"

Ý thơ mới tuyệt vời làm sao! Từ những sắc màu tươi tắn, thanh khiết của sen, tác giả dân gian liên tưởng đến sự trong sạch đến kì diệu của loài

hoa này: gần chốn đầm lầy bùn đọng hôi tanh nhưng không hề bị cái ô uế làm cho phai hương nhạt sắc. Thì ra, việc người thưởng hoa ngắm nghía, xem xét bông hoa kĩ lưỡng đến nhường kia là để chắc chắn về cái chất của nó. Khi sự xác minh đã hoàn tất, hoa sen đã vượt qua sự kiểm định khắt khe nhất và được vinh danh trong câu ca dao khép lại của bài: "Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn".

Nhưng bài ca dao không dừng lại ở việc ngợi ca loài hoa thân quen của chốn hương đồng gió nội. Ẩn sau đó là những tầng nghĩa sâu xa. Bùn trong đầm hôi tanh là có thực. Nhưng vẻ đẹp thuần khiết của hoa sen cũng là thực. Và trong cái nắng oi bức của trưa hè, mùi thơm ngát hương của sen còn khiến ta quên đi mùi bùn kia nữa. Khi đó, sự thanh cao đã lấn át, đã chiến thắng cái thấp hèn, nhỏ mọn. Không chỉ vậy, hoa sen còn là loài hoa rất gần gũi, thân thiết với đời sống lao động và sinh hoạt của người nông dân Việt Nam. Bởi vậy, ngợi ca hoa sen còn là thầm kiêu hãnh tự hào về vẻ đẹp tiềm ẩn của bản thân mình. Hoa sen đã trở thành hình ảnh ẩn dụ cho cả một giai cấp, cả một dân tộc. Con người Việt Nam dẫu nghèo đói, bần hàn, dẫu bị áp bức bóc lột rồi bị đẩy đến đáy cùng xã hội nhưng vẫn giữ được những bản chất tốt đẹp lương thiện. Nhắc đến đây, ta chợt nhớ đến những chị Dậu, lão Hạc... trong các thiên truyện đầu thế kỉ XX.

"Trong đầm gì đẹp bằng sen" là một bài ca dao hay và đẹp không chỉ ở hình ảnh thơ mà còn ở những lớp nghĩa sâu sắc, giàu tính nhân văn. Bài ca dao đã khép lại nhưng dư âm về một loài hoa diệu kì vẫn còn đó. Chính bởi vẻ đẹp giản dị, trong sáng và thanh cao của mình, hoa sen đã được chọn làm biểu tượng cho tâm hồn, tính cách người Việt Nam.

Đề 127: Nhân vật bà cô trong đoạn trích *Trong lòng mẹ* (*Những ngày thơ ấu* – Nguyên Hồng) có những lời nói và hành động thể hiện bản chất tàn nhẫn, mất hết tình người, đáng lên án. Phân tích nhân vật này để làm rõ ý kiến trên.

Bài làm

Nhân vật bé Hồng có một hoàn cảnh vô cùng bất hạnh. Cha mất, mẹ bỏ đi theo người khác nên bị gia đình chồng thù ghét, Hồng ở với họ hàng bên nội. Sau khi cha Hồng mất gần một năm, sắp đến ngày giỗ đầu của ông, mẹ ở Thanh Hóa vẫn chưa về. Người bà cô của Hồng gọi chú bé lại trò chuyện với một tâm địa xấu xa, độc ác. Bà ta vừa cười vừa hỏi Hồng. Đây không phải là sự lo lắng, nghiêm nghị, cũng không phải âu yếm. Cái cười này thể hiện một sự không thiện chí. Câu hỏi của mụ ta: có muốn vào Thanh Hoá thăm mợ mày không cũng chứa đựng ý nghĩa cay độc một sự giả dối.

Nhận ra ý nghĩ cay độc của cô, Hồng cúi đầu không đáp. Nhưng sau đó, chú cười đáp lại: "không cháu không muốn vào, cuối năm thế nào mợ cháu cũng về". Thái độ đó chứng tỏ chú rất yêu thương và kính trọng mẹ, chú

nhận ra được ý nghĩ cay độc của bà cô trong giọng nói và nét mặt khi cười rất kịch của bà cô. Em không thể để tình yêu thương và lòng kính mến mẹ bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến.

Người bà cô *"Giọng vẫn ngọt"*: "sao không vào mợ mày phát tài lắm, có như dạo trước đâu!", *"Hai con mắt long lanh của cô chằm chặp nhìn"* vào Hồng rồi *"Vỗ vai cười nói"* "mày dại quá, vào bắt mẹ mày may vá sắm sửa cho và bế em bé chứ". Giọng mụ ta bình thản nhưng mỉa mai. Cái nhìn của bà chứng tỏ bà cô rắp tâm muốn kéo đứa cháu đáng thương vào một trò chơi độc ác đã dàn tính sẵn. Cử chỉ vỗ vai, cười nói – thể hiện sự giả dối độc ác. Câu nói "mày dại quá..." không chỉ lộ rõ sự ác ý mà còn chuyển sang chiều hướng châm chọc, nhục mạ với một giọng điệu cay nghiệt, độc ác.

Vẫn chưa chịu buông tha Hồng, bà cô tiếp tục *kể về tình cảnh tội nghiệp của* mẹ Hồng. Đó là sự vô cảm sắc lạnh đến ghê người. Chúng khiến tâm trạng của Hồng đau đớn, uất ức đến cực điểm. Cử chỉ *đổi giọng, vỗ vai, nghiêm nghị* của bà cô thực chất là sự thay đổi đấu pháp tấn công. Khi thấy cháu tức tưởi phẫn uất bà mới hạ giọng tỏ sự ngậm ngùi thương xót người đã mất. Khi đó, sự giả dối thâm hiểm trơ trẽn của bà cô đã phơi bày toàn bộ.

Qua đoạn trích "Trong lòng mẹ" (*Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng) người bà cô bộc lộ bản chất là một kẻ lạnh lùng, độc ác, thâm hiểm. Đây là hình ảnh mang ý nghĩa tố cáo hạng người sống tàn nhẫn, khô héo cả tình máu mủ ruột rà trong xã hội thực dân nửa phong kiến lúc đó.

Nhân vật bà cô trong đoạn trích nói riêng và toàn bộ tác phẩm nói chung mang giá trị hiện thực sâu sắc. Nó ẩn chứa sức mạnh tố cáo hạng người giả dối, tàn nhẫn, mất hết sự trắc ẩn của tình người, tình máu mủ... Đồng thời, nó cũng khẳng định tấm lòng đồng cảm, yêu thương của nhà văn đối với những số phận bất hạnh trong xã hội phong kiến nửa thực dân xưa.

Đề 128: Nêu suy nghĩ về tình mẫu tử trong đoạn trích *Trong lòng mẹ* của Nguyên Hồng.

Bài làm

Trong mỗi chúng ta có lẽ "tình mẫu tử" vẫn là thứ tình cảm đẹp đẽ và thiêng liêng nhất. Bởi hình ảnh người mẹ đã in sâu trong tâm trí mỗi đứa con. Ta bắt gặp tình cảm thiêng liêng ấy trong đoạn trích *Trong lòng mẹ* của nhà văn Nguyên Hồng. Đọc đoạn trích người đọc không khỏi xúc động trước tình yêu thương của chú bé Hồng dành cho người mẹ đáng thương của mình. Hồng đã trải qua những thử thách không kém phần đau đớn để giữ trọn vẹn tình cảm yêu thương mẹ trong sự khinh bỉ, xoi mói độc địa của những người họ hàng giàu có. Cuối cùng, bao tháng ngày chờ mong, khát khao cũng được đền đáp, Hồng đã ở "trong lòng mẹ".

Chú bé Hồng – nhân vật chính của truyện lớn lên trong một gia đình sa

sút. Người cha sống u uất, trầm lặng, rồi chết trong nghèo túng, nghiện ngập. Người mẹ có trái tim khao khát yêu đương đành chôn vùi tuổi thanh xuân trong cuộc hôn nhân không có hạnh phúc. Sau khi chồng chết, người phụ nữ đáng thương ấy vì quá cùng quẫn phải bỏ con đi tha hương cầu thực và bị người đời gán cho cái tội "chưa đoạn tang chồng mà đã chửa đẻ với người khác". Hồng phải sống cuộc sống mồ côi cha, thiếu vắng tình thương của người mẹ, sống nhờ người họ hàng giàu có nhưng cay nghiệt. Hồng chịu cảnh cô đơn, bị hắt hủi.

Trái lại với thái độ căm thù và trách móc, Hồng thương mẹ và nhớ mẹ vô cùng. Em nuốt những giọt nước mắt đau đớn vào lòng khi luôn phải nghe những lời mỉa mai, bêu riếu xấu xa về mẹ của bà cô độc địa.

Đoạn trò truyện của Hồng với bà cô là một màn đối thoại đầy kịch tính đẩy tâm trạng em đến những diễn biến phức tạp, căng thẳng đến cao độ.

– Hồng, mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không?

Câu hỏi đầy ác ý ấy xoáy sâu vào tâm can của Hồng. Hồng hình dung vẻ mặt rầu rầu và sự hiền lành của mẹ, lại nghĩ tới những đêm thiếu thốn tình mẹ khiến Hồng phải khóc thầm thì Hồng muốn trả lời cô là: "có". Nhưng cậu bé đã nhận ra ý nghĩ cay độc qua cách cười "rất kịch" của cô, cô chỉ cố ý gieo rắc vào đầu óc Hồng những mối hoài nghi về mẹ cậu.

Hồng đã cúi mặt không đáp, sau đó Hồng nở nụ cười thật chua xót.

Hồng hiểu mẹ, hiểu được vì hoàn cảnh mà mẹ Hồng phải ra đi. Em đã khóc vì thương mẹ bị lăng nhục, bị đối xử bất công. Em khóc vì thân trẻ yếu đuối, cô đơn không sao bênh vực được mẹ. Càng thương mẹ, em càng căm ghét những hủ tục phong kiến vô lí, tàn nhẫn đã đầy đoạ, trói buộc mẹ em: "Giá như những cổ tục đã đầy đoạ mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thuỷ tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kỳ nát vụn mới thôi".

Chính tình thương mẹ đã khiến cho Hồng nhận ra đâu là lẽ phải, đâu là những con người, những tập tục đáng phê phán.

Tình thương ấy còn được biểu hiện rất sinh động, rất cụ thể trong lần gặp mẹ.

Thoáng thấy bóng một người trên xe rất giống mẹ, Hồng liền chạy, đuổi theo bối rối gọi: "Mợ ơi! Mợ ơi! Mợ... ơi!".

Những tiếng gọi ấy bật ra từ lòng khát khao được gặp mẹ của chú bé bấy lây nay bị dồn nén. Sự thổn thức của trái tim thơ trẻ bật thành tiếng gọi. Khi đuổi theo được chiếc xe đó, Hồng được lòng bàn tay dịu hiền của người mẹ xoa lên đầu. Hồng oà khóc. Trong tiếng khóc ấy có cả niềm hạnh phúc được gặp mẹ, cả nỗi tủi thân bởi lâu quá không được gặp mẹ, bởi bao niềm cay đắng bị lăng nhục tàn nhẫn cùng những uất ức dồn nén được giải toả.

Mải mê ngắm nhìn và suy nghĩ về mẹ, mải mê say sưa tận hưởng những cảm giác êm dịu khi được ngồi trong lòng mẹ để bàn tay người mẹ

vuốt ve. Trong giây phút này, Hồng như sống trong "tình mẫu tử" hạnh phúc ấy. Hạnh phúc *trong lòng mẹ* không chỉ là hạnh phúc, là niềm khao khát của riêng Hồng mà là khao khát, là mong muốn của bất kỳ đứa trẻ nào.

Từ lúc lên xe đến khi về nhà, Hồng không còn nhớ gì nữa. Cả những lời mẹ hỏi, cả những câu trả lời của cậu và những câu nói của người cô bị chìm ngay đi – Hồng không nghĩ đến nó nữa...

Sự xúc động của bé Hồng khi gặp mẹ càng chứng tỏ tình thương mẹ của Hồng là sâu đậm, là nồng thắm, là nguyên vẹn. Bất chấp tất cả sự ngăn cách của rào cản lễ giáo phong kiến hà khắc đối với người phụ nữ nói chung và đối với mẹ Hồng nói riêng.

Tình mẫu tử trong đoạn trích thật đẹp đẽ, thiêng liêng, xúc động. Nguyên Hồng đã mở ra trước mắt chúng ta một thế giới tâm hồn phong phú. Thế giới ấy luôn làm chúng ta ngạc nhiên vì ánh sáng nhân đạo lấp lánh của tình người.

Trong lòng mẹ chính là lời khẳng định chân thành đầy cảm động về sự bất diệt của tình mẫu tử!

Đề 129: Điều quan trọng làm nên thành công của đoạn trích *Trong lòng mẹ* (*Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng) là giọng văn giàu chất trữ tình. Em có đồng ý như vậy không? Viết đoạn văn nêu những ý kiến của em.

Bài làm

Điều quan trọng làm nên thành công của đoạn trích *Trong lòng mẹ* (*Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng) là giọng văn giàu chất trữ tình. Trước hết, tình huống đặt ra trong câu chuyện: đã lâu ngày mẹ không hỏi thăm, cô ruột lại ngồi kể về mẹ với thái độ mỉa mai, coi thường. Tình huống ấy dễ làm cho người con oán trách mẹ mình. Nhưng tình cảm của người con ở đây không hề một chút mảy may thay đổi; ngược lại, vẫn tràn đầy niềm yêu thương, tin tưởng và còn có mơ ước phá tan mọi cổ tục để cho mẹ không bị đau khổ. Dòng cảm xúc của nhân vật cũng được thể hiện mãnh liệt qua những chi tiết miêu tả cảm động nghẹn ngào. Sự căm giận, sự xót thương, sự đau khổ và niềm hạnh phúc luôn luôn đan xen lẫn nhau và dường như đều ở đỉnh điểm của tâm trạng. Những hình ảnh so sánh gây ấn tượng mạnh, giàu sức gợi cảm và lời văn dạt dào tình cảm: "Giá như những cổ tục đã đầy đoạ mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thuỷ tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kỳ nát vụn mới thôi","Phải bé lại và *lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng*"...

Đề 130: Tại sao nói Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ và trẻ em? Viết đoạn văn đưa ra lời lí giải của em.

Bài làm

Qua những sáng tác đậm chất nhân văn của nhà văn Nguyên Hồng, có thể khẳng định ông là nhà văn của phụ nữ và trẻ em. Nguyên Hồng viết khá nhiều về phụ nữ và nhi đồng. Những kiểu nhân vật này xuất hiện nhiều trong tác phẩm của ông. Có thể kể đến nhân vật Tám Bính trong "Bỉ vỏ", Huệ Chi trong "Cửa biển", bé Hồng trong "Những ngày thơ ấu",... Với những nhân vật ấy, nhà văn luôn dành cho họ những tình cảm chan chứa thương yêu và sự nâng niu trân trọng. Ông diễn tả thấm thía những nỗi cơ cực, tủi nhục mà họ phải chịu đựng trong cuộc sống của mình. Tám Bính từ một cô gái quê chất phác, xinh đẹp vì bị lừa lọc nên trôi dạt đến chốn phố phường xô bồ, đầy cạm bẫy. Cuối cùng, cô sống vùi trong tội lỗi, chính tay góp phần giết chết đứa con thân yêu của mình. Hay nhân vật bé Hồng trong "Những ngày thơ ấu". Mẹ chú bị họ nội ghẻ lạnh, xa lánh mà phải tha phương cầu thực; chú sống thiếu tình thương của cha của mẹ. Chẳng những vậy còn thường xuyên bị nghe những lời dèm pha độc ác của họ hàng... Nhưng trên tất cả, Nguyên Hồng vẫn khám phá để ngợi ca và trân trọng những vẻ đẹp cao quý trong tâm hồn các nhân vật yêu quý của mình. Từ trong thẳm sâu tâm hồn, Tám Bính là người phụ nữ lương thiện, yêu thương con tha thiết. Huệ Chi là cô gái trong trắng, thánh thiện tôn thờ Chúa và yêu kính mẹ. Chú bé Hồng là cậu bé ngoan ngoãn, có lòng yêu mẹ cháy bỏng,... Chính bởi tấm lòng nhân ái dành cho những kiếp người khổ đau trong xã hội cũ mà những trang văn Nguyên Hồng sẽ còn sống trong lòng nhiều thế hệ độc giả yêu văn.

Đề 131: Viết đoạn văn nhận xét về những hình ảnh so sánh trong văn bản *Tôi đi học* của nhà văn Thanh Tịnh.

Bài làm

Trong văn bản "Tôi đi học", nhà văn Thanh Tịnh đã sử dụng khá nhiều những hình ảnh so sánh giàu giá trị biểu cảm. Nghĩ đến những ngày đầu tiên đi học, tác giả bồi hồi viết: *"Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng"*. Hồi tưởng lại ngày đầu tiên đi học, tác giả lại thấy mình đã có những ý nghĩa mà chúng *"thoáng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi"*. Nhìn những cô cậu học trò ngày đầu tiên đến lớp như mình, nhân vật tôi lại có một niềm đồng cảm sâu sắc: *"Họ như con chim con đứng trên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ. Họ thèm vụng và ước ao thầm được như những người học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ."* Những so sánh nêu trên xuất hiện ở các thời điểm khác nhau để diễn

tả những cảm xúc phong phú của nhân vật "tôi". Các hình ảnh so sánh rất nhẹ nhàng, đẹp đẽ: mấy cánh hoa tươi, làn mây lướt, con chim non,... Nhờ các hình ảnh giàu sức gợi cảm mà cảm giác và ý nghĩ của nhân vật tôi được thể hiện cụ thể, rõ ràng hơn, đồng thời cũng gợi ra cho truyện cái chất thơ trong trẻo.

Đề 132: Em hãy cho biết những nét thành công về nghệ thuật của văn bản *Tôi đi học* (Thanh Tịnh). Sức cuốn hút của văn bản được tạo nên từ đâu?

Bài làm

Văn bản "Tôi đi học" của Thanh Tịnh được cấu tạo theo dòng hồi tưởng, mạch truyện phát triển theo trình tự thời gian và cảm nghĩ chân thành của nhân vật "tôi": Từ hiện tại nhớ về quá khứ: tiết trời cuối thu, hình ảnh các em nhỏ đến trường gợi cho nhân vật "tôi" nhớ lại; dòng hồi tưởng của nhân vật "tôi" trở về con đường cùng mẹ tới trường; cảm giác của nhân vật "tôi" khi nhìn thấy ngôi trường ngày khai giảng, khi nhìn các bạn, lúc nghe gọi tên mình vào lớp; tâm trạng hồi hộp của nhân vật "tôi" lúc ngồi vào chỗ của mình trong giờ học đầu tiên. Trong truyện, có sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa các phương thức kể và tả. Điều đó giúp cho cảm xúc, tâm trạng của nhân vật được thể hiện một cách tự nhiên, hợp lí.

Sức cuốn hút của tác phẩm được tạo nên từ nhiều yếu tố. Đó là tình huống truyện ngày đầu tiên đi học – một kỉ niệm thiêng liêng, ý nghĩa trong cuộc đời của mỗi người. Đó là những ý nghĩ ngây thơ, trong trẻo khiến xúc động lòng người của nhân vật "tôi". Đó còn là hình ảnh thiên nhiên, ngôi trường và những nhân vật khác qua lời kể của nhân vật "tôi". Tất cả hiện lên dưới cái nhìn đầy trong sáng, ngỡ ngàng và rất nhân ái của một tâm hồn non nớt, ngây thơ.

Đề 133: Phân tích giá trị nhân đạo trong truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao.

Bài làm

Nhắc đến Nam Cao là nhắc đến cây bút truyện ngắn hiện thực xuất sắc đầu thế kỉ XX của văn học Việt Nam. Qua các tác phẩm viết về người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945, Nam Cao đã bộc lộ một cái nhìn nhân đạo, đầy yêu thương, trân trọng về những người đồng bào lao khổ của mình. Tư tưởng ấy cũng được thể hiện sâu sắc qua truyện ngắn "Lão Hạc".

Giá trị nhân đạo của tác phẩm trước hết được khẳng định qua tấm lòng đồng cảm của nhà văn đối với những số phận bất hạnh của các nhân vật trong tác phẩm. Những con người trong tác phẩm này đều là nạn nhân của xã hội phong kiến nửa thực dân. Họ phải gồng mình chống lại nạn đói,

những hủ tục phong kiến,... Và mỗi người lại có những nỗi khổ riêng. Nhân vật chính, lão Hạc, là một người có hoàn cảnh vô cùng bi đát. Vợ mất sớm, đứa con trai duy nhất bỏ đi cao su. Một mình lão phải đối mặt với tuổi già, bệnh tật, cái đói và sự cô đơn. Nhà văn hay chính là nhân vật ông giáo trong tác phẩm đã không nén được những lời thương cảm: "luôn mấy hôm lão chỉ ăn khoai". Con trai lão Hạc cũng là một người đáng thương. Vì nhà nghèo, anh không lấy được người con gái mình yêu. Phẫn chí, anh bỏ làng đi cao su, cái đất cao su "đi dễ khó về", "khi đi trai tráng khi về bủng beo". Anh rời cha già luôn mấy năm, thiên truyện khép lại nhưng hình bóng anh người đọc cũng chưa được mục kích, câu hỏi về số phận của anh đành rơi vào câm lặng... Ông giáo, một nhân vật có uy tín ở làng, trong thời buổi ấy cũng túng thiếu dặt dẹo, đang sống cái đời "sống mòn", "rỉ ra, mốc lên". Có thể nói, "Lão Hạc" đã thể hiện lòng thương, sự đồng cảm với tất thảy những lớp người bần cùng trong xã hội Việt Nam khi ấy.

Nhưng sống trong nghèo đói mà không bị cái bần hàn bài mòn nhân phẩm, đó là một đặc điểm đáng quý của người nông dân Việt Nam. Và một biểu hiện quan trọng khác của giá trị nhân đạo trong tác phẩm là nhà văn đã biết khám phá để nâng niu trân trọng và ngợi ca phẩm chất ngời sáng trong tâm hồn những người đồng bào lao khổ của mình.

Các nhân vật trong "Lão Hạc" hầu hết đều là những người giàu tình thương. Tình phụ tử ở nhân vật lão Hạc đặc biệt cảm động. Dù rất đau lòng nhưng lão chấp nhận nỗi cô đơn hờn tủi, đồng ý để con trai ra đi theo chí hướng của mình. Con đi rồi, lão chỉ còn con chó Vàng làm bạn. Lão Hạc yêu con chó Vàng đến độ gọi nó là "cậu" Vàng, ăn gì cũng cho nó ăn cùng, cho nó ăn ra bát như người... Có điều đó không đơn giản bởi lão là người yêu động vật. Hãy nghe lời tâm sự của lão với ông giáo: con chó ấy là của cháu nó để lại. Vậy là lão Hạc yêu con Vàng phần lớn bởi đó là kỉ vật duy nhất do con để lại. Lão đã dồn toàn bộ tình cha cho con chó ấy. Khi bán con Vàng, "lão khóc như con nít", "mắt ầng ậng nước",... Không chỉ vậy, lão thậm chí còn chấp nhận cái chết để giữ đất cho con. Cái đói rượt lão gần đến đường cùng. Vẫn còn một lối nhỏ khác là bán mảnh vườn để lấy tiền ăn nhưng lão nghĩ rằng: đó là mảnh vườn của mẹ cháu để lại cho cháu... Và lão chọn cái chết chứ nhất quyết không bán đất của con. Con trai lão Hạc vì phẫn chí mà đi cao su nhưng trước khi đi vẫn để lại cho cha ba đồng bạc. Cả ông giáo, dẫu gia đình vẫn bữa đói bữa no nhưng luôn cố gắng giúp đỡ, cưu mang người hàng xóm bất hạnh...

Sống trong cái đói, cái nghèo nhưng không bị sự bần hàn làm cho quay quắt, hèn mọn, điều đáng quý nhất ở người nông dân Việt Nam trước Cách mạng là lòng tự trọng sáng ngời trong nhân phẩm. Lão Hạc thà nhịn đói chứ không chịu ăn không dù chỉ là củ khoai củ sắn của hàng xóm. Lão đã có thể bán vườn lấy tiền chống chọi với cái đói nhưng lão không làm vậy vì nhất quyết không ăn vào của con. Lão cũng có thể chọn con đường như

Bình Tư đi đánh bả chó lấy cái ăn. Và lão không hề làm vậy. Con người ấy, đến lúc chết vẫn còn lo mình làm phiền hàng xóm nên dành dụm gửi gắm ông giáo tiền làm ma. Cảm động hơn cả là nỗi lòng quặn thắt của lão sau cái chết của con Vàng. Lão dằn vặt bởi nghĩ mình "đã đi lừa một con chó". Lão Hạc ơi! Ẩn bên trong cái hình hài gầy gò, già nua của lão là một tâm hồn cao thượng và đáng trân trọng biết bao nhiêu!

Đồng cảm với số phận của người lao động, đặc biệt là người nông dân Việt Nam trước Cách mạng, đồng thời ngợi ca những phẩm chất cao quý của họ là những biểu hiện quan trọng của giá trị nhân đạo trong truyện ngắn "Lão Hạc" của Nam Cao. Viết về người nông dân Việt Nam trước Cách mạng, giọng văn Nam Cao lạnh lùng, bàng quan nhưng ẩn sâu trong đó là một tình thương sâu sắc và mãnh liệt.

Đề 134: Phân tích nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao, từ đó rút ra ý nghĩa nhân đạo của tác phẩm.

Bài làm

Nam Cao là một nhà văn lớn của người nông dân Việt Nam, đặc biệt là người nông dân trước Cách mạng tháng Tám 1945. Ông vẫn cảm nhận được những vẻ đẹp cao quý trong tâm hồn của họ trước bờ vực của cái đói, cái nghèo. Truyện ngắn "Lão Hạc" của nhà văn là một tác phẩm như thế. Nhân vật chính của tác phẩm – nhân vật lão Hạc – dù có một hoàn cảnh bất hạnh, đau đớn nhưng lão vẫn giữ được tình yêu thương đối với những người thân yêu và đặc biệt là một lòng tự trọng cao cả. Qua nhân vật này, nhà văn đã thể hiện tư tưởng nhân đạo tiến bộ và sâu sắc.

Lão Hạc cũng như bao người nông dân Việt Nam khác phải đối mặt với cái nghèo, cái đói của cuộc sống cơ cực, tăm tối trước Cách mạng. Nhưng lão còn có những hoàn cảnh riêng vô cùng bất hạnh. Vợ lão chết sớm. Con trai lão phẫn chí vì nghèo không lấy được người mình yêu nên bỏ đi đồn điền cao su. Lão chỉ có con Vàng là kỷ vật của con để làm bạn. Vậy là cùng một lúc lão phải đối mặt với bao đau khổ: cái đói, sự cô đơn và tuổi già với ốm đau, bệnh tật. Rồi cuộc đời cực khổ, dồn lão đến mức hết đường sinh sống. Lão phải dứt ruột bán đi con chó Vàng mà lão yêu thương nhất. Lão bán con chó trong niềm khổ đau tột cùng: "Mặt co rúm lại, những nếp nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra, cái đầu ngoẹo về một bên, cái miệng móm mém mếu như con nít", "lão hu hu khóc",...

Ban đầu là "luôn mấy hôm lão chỉ ăn khoai", "khoai cũng hết, lão chế tạo được món gì, ăn món ấy. Hôm thì lão ăn củ chuối, hôm thì lão ăn sung luộc, hôm thì ăn rau má, với thỉnh thoảng một vài củ ráy hay bữa trai, bữa ốc". Rồi đến mức chẳng còn gì để ăn, để sống. Rồi điều gì đến sẽ phải đến. Không còn đường sinh sống, lão Hạc chỉ còn đường chết. Và đó là một cái chết thật đau đớn, thật tủi nhục: chết "nhờ" ăn bả chó tự tử...! Cái chết của

lão dữ dội vô cùng: lão sùi bọt mép, lão co giật phải hai người đàn ông lực lưỡng đè lên... Cái chết ấy khiến người đọc liên tưởng đến cái chết của con chó Vàng để rồi rùng mình nhận ra rằng cái chết của lão đâu khác gì cái chết của một con chó.

Đói nghèo như thế, khổ đau như thế nhưng lão không vì vậy mà tha hóa về nhân phẩm. Binh Tư đã tưởng lão xin bả chó để ăn trộm. Ông giáo cũng nghi ngờ lão. Nhưng không. Lão Hạc vẫn giữ được vẹn nguyên tâm hồn dào dạt yêu thương đáng quý, đáng trọng của người nông dân và cả sự tự trọng cao đẹp của mình.

Lão yêu thương con rất mực. Văn học Việt Nam đã có những "Cha con nghĩa nặng" của Hồ Biểu Chánh, "Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng,... ngợi ca tình phụ tử. Và trong đó cũng cần nhắc đến "Lão Hạc" của Nam Cao. Vì thương con, lão chấp nhận đối mặt với cô đơn, với tuổi già để con ra đi cho thỏa chí. Con đi rồi, lão dồn cả yêu thương vào con chó Vàng. Đừng nghĩ đơn giản rằng lão cưng chiều "cậu" Vàng vì đó là con chó khôn, chó đẹp. Điều quan trọng nhất khiến lão yêu quý con Vàng đến mức chia với nó từng cái ăn, cho nó ăn vào bát như người, rồi đến lúc nó chết lão quằn quại, đau đớn,... là bởi con chó là kỉ vật duy nhất mà con trai lão để lại. Nhìn con chó, lão tưởng như được thấy con mình.

Không chỉ vậy, lão thương con đến độ chấp nhận cái đói, rồi cả cái chết chứ không chịu bán đi mảnh vườn của con. Nếu lão bán mảnh vườn, ắt lão sẽ đủ ăn tiêu để vượt qua thời khốn khó. Nhưng lão lại lo khi con trai về không có đất sinh sống làm ăn. Vậy là lão đã nhận lấy cái chết rồi nhờ ông giáo giữ đất cho con. Chao ôi! Tình yêu thương con của lão thật cảm động biết mấy!

Yêu thương những người thân yêu ruột thịt, lão Hạc còn là một người sống đầy tự trọng trước cuộc đời nhiều cám dỗ và tội lỗi. Vào hoàn cảnh như lão, người ta đã có thể ăn trộm, ăn cắp hay thậm chí ăn bám vào người khác (như Binh Tư chẳng hạn, hay người đàn bà trong "Một bữa no" của Nam Cao,...) nhưng lão Hạc thì không. Với sự giúp đỡ của ông giáo (mà cũng có gì đâu, đó chỉ là củ khoai, củ sắn) lão "từ chối gần như hách dịch" khiến ông giáo nhiều khi cũng chạnh lòng. Binh Tư ngỡ rằng lão xin bả để ăn trộm chó "lão cũng ra phết đấy chứ chẳng vừa đâu". Đến lượt ông giáo cũng nghi ngờ: ""con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn". Nhưng cuối cùng tất cả đều ngỡ ngàng, sửng sốt trước cái chết đột ngột của lão. Hay còn cách khác: lão có thể bán quách mảnh vườn đi. Nhưng lão lại nghĩ rằng đó là mảnh vườn của con lão. Và lão đã thà chết chứ không ăn của con!

Lòng tự trọng của lão Hạc rực sáng nhất ngay khi thân xác lão đau đớn nhất. Lão đã chọn cái chết, một cái chết khốc liệt để tâm hồn mình được trong sạch, được trọn vẹn tình nghĩa với tất thảy mọi người – kể cả với con chó Vàng tội nghiệp. Nhưng còn một chi tiết khác cũng cảm động vô cùng.

Lão đã tính toán để ngay cả khi chết đi rồi cũng không làm phiền đến mọi người: lão đã gửi ông giáo mấy chục đồng bạc, đặng khi mình nằm xuống thì nhờ ông giáo lo liệu ma chay khỏi làm phiền hàng xóm! Hỡi ôi lão Hạc!

Xây dựng nhân vật lão Hạc, Nam Cao đã sử dụng nghệ thuật khắc họa nhân vật tài tình. Điều đó được thể hiện trong đoạn văn miêu tả bộ dạng, cử chỉ của lão Hạc khi kể cho ông giáo chuyện lừa bán cậu Vàng, trong đoạn miêu tả sự vật vã đau đớn dữ dội của lão Hạc trước lúc chết. Ngôn ngữ nhà văn sử dụng trong tác phẩm sinh động, ấn tượng, giàu tính tạo hình và hết sức gợi cảm.

Qua nhân vật lão Hạc, nhà văn đã thể hiện tinh thần nhân đạo tiến bộ sâu sắc.

Nam Cao đã đồng cảm đến tận cùng với cái nghèo, cái đói của người nông dân Việt Nam trong nạn đói 1945. Thời cuộc đã dồn họ đến đường cùng và lối thoát nhanh chóng nhất là cái chết nghiệt ngã.

Nhưng trên hết, nhà văn đã biết nâng niu trân trọng vẻ đẹp tâm hồn cao khiết của người nông dân ngay cả khi họ bước vào đường cùng. Không chỉ giàu tình yêu thương, người nông dân còn sống đầy tự trọng. Trong cái đói, tự trọng là thứ gì đó xa xỉ vô cùng. Vì miếng ăn, người ta có thể tàn nhẫn, dã man, thậm chí mất hết nhân tính. Nhưng đáng trọng thay lão Hạc, lão không chỉ giữ được tình thương tươi mát mà còn giữ được lòng tự trọng vàng đá của mình.

Và chính nhờ vẻ đẹp tươi sáng ấy của lão Hạc mà Nam Cao đã chiêm nghiệm: "Cuộc đời chưa hẳn đáng buồn". Chưa đáng buồn bởi còn có những con người cao quý như Lão Hạc. Viết câu văn ấy, nhà văn đã bày tỏ thái độ tin tưởng đối phẩm cách tốt đẹp của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng. Điều ấy đáng quý vô cùng bởi trước Cách mạng, người nông dân bị coi rẻ như cỏ rác, thậm chí có nhà văn còn nhận định người nông dân "như những con lợn không tư tưởng". Và bởi thế, tư tưởng của Nam Cao đáng ca ngợi biết bao!

Nhân vật lão Hạc của nhà văn Nam Cao là một nhân vật có nhiều đặc điểm đáng quý, đáng trân trọng. Từ lão Hạc, người nông dân Việt Nam có quyền tự hào về tâm hồn và phẩm cách của mình. Dựng lên nhân vật này, nhà văn Nam cao đã khẳng định một quan điểm giàu tính nhân đạo sâu sắc.

Đề 135: Nêu cảm nghĩ nổi bật nhất về truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao.

Bài làm

Chúng ta đã từng học qua những truyện như *Lão Hạc, Tắt đèn* và chắc không mấy ai trong số chúng ta lại không trầm trồ thán phục tài năng nghệ thuật của Nam Cao hay Ngô Tất Tố. Với riêng tôi, dù đã đọc đi đọc lại truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao rất nhiều lần nhưng dường như lần nào

tôi cũng lại tìm thấy thêm được một vài điều lý thú. Nó cuốn hút tôi, lay động tôi, khi thì gợi trong tôi sự căm thù, khi lại gọi về chan chứa những yêu thương.

Lão Hạc là sản phẩm của một tấm lòng nhân đạo cao cả. Nó là tình yêu thương, là sự ngợi ca, trân trọng người lao động của Nam Cao. Giống như Ngô Tất Tố cùng nhiều nhà văn thời đó, Nam Cao đã dựng lên hình ảnh người nông dân Việt Nam trước cách mạng với những phẩm chất đáng quý, đáng yêu: chăm chỉ, cần cù, giàu tình yêu thương và giàu đức hy sinh.

Trước cách mạng, Nam Cao say sưa khám phá cuộc sống và tính cách của nông dân. Trong các tác phẩm của ông, môi trường và hoàn cảnh sống của nhân vật chính thường gắn liền với cái nghèo, cái đói, với miếng ăn và với các định kiến xã hội đã thấm sâu vào nếp cảm, nếp nghĩ vào cách nhìn của con người ở nông thôn.

Lão Hạc cũng vậy, suốt đời sống trong cảnh nghèo và cái đói. Lão đã dành hầu như cả đời mình để nuôi con mà chưa bao giờ nghĩ đến mình. Lão thương con vô bờ bến: thương khi con không lấy được vợ vì nhà ta nghèo quá, thương con phải bỏ làng, bỏ xứ mà đi để ôm mộng làm giàu giữa chốn hang hùm miệng sói. Và đọc truyện ta còn thấy lão đau khổ biết nhường nào khi phải bán đi cậu Vàng, kỷ vật duy nhất của đứa con trai. Không bán, lão biết lấy gì nuôi nó sống? Cuộc sống ngày thêm một khó khăn. Rồi cuối cùng, đến cái thân lão, lão cũng không giữ được. Lão ăn củ chuối, ăn sung luộc. Nhưng lão nghĩ, lão "không nên" sống nữa. Sống thêm, nhất định lão sẽ tiêu hết số tiền dành dụm cho đứa con mình. Vậy là, thật đớn đau thay! Lão Hạc đã phải tự "sắp xếp" cái chết cho mình. Cuộc sống của nông dân ta trước cách mạng ngột ngạt đến không thở được. Nhìn cái hiện thực ấy, ta đau đớn, xót xa. Ta cũng căm ghét vô cùng bọn địa chủ, bọn thực dân gian ác.

Lão Hạc chết. Cái chết của Lão Hạc sáng bừng phẩm chất cao đẹp của người nông dân. Nó khiến ta vừa cảm thương vừa nể phục một nhân cách giàu tự trọng. Lão chết nhưng đã quyết giữ cho được mảnh vườn, chết mà không muốn làm luỵ phiền hàng xóm. Cái chết của Lão Hạc thay cho lời tố cáo cái xã hội phi nhân đạo – một thứ sản phẩm hỗn tạp của phong kiến, thực dân.

Đọc Lão Hạc ta thấy đâu phải chỉ mình lão khổ. Những hạng người như Binh Tư, một kẻ do cái nghèo mà bị tha hoá thành một tên trộm cắp. Đó là ông giáo, một người trí thức đầy hiểu biết nhưng cũng không thoát ra khỏi áp lực của cảnh vợ con rách áo, đói cơm. Cái nghèo khiến ông giáo đã phải rứt ruột bán đi từng cuốn sách vô giá của mình. Nhưng cái thứ ấy bán đi thì được mấy bữa cơm? Vậy ra ở trong truyện tất cả đã đều là Lão Hạc. Lão Hạc phải oằn mình mà chết trước thử hỏi những người kia có thể cầm cự được bao lâu?

Ở tác phẩm *Lão Hạc*, ta có thấy niềm tin và sự lạc quan của nhà văn vào bản chất tốt đẹp của con người. Thế nhưng điều quan trọng hơn mà nhà văn muốn nhắn gửi đó là một lời tố cáo. Nó cất lên như là một tiếng kêu để cứu lấy con người. Từ chiều sâu của nội dung tư tưởng, tác phẩm nói lên

tính cấp bách và yêu cầu khẩn thiết phải thay đổi toàn bộ môi trường sống để cứu lấy những giá trị chân chính và tốt đẹp của con người.

Lão Hạc cho ta một cái nhìn về quá khứ để mà trân trọng nhiều hơn cuộc sống hôm nay. Nó cũng dạy ta, cuộc sống là một cuộc đấu tranh không phải chỉ đơn giản là để sinh tồn mà còn là một cuộc đấu tranh để bảo toàn nhân cách.

Đề 136: Em có suy nghĩ gì về cái chết của lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao?

Bài làm

Cái chết của lão Hạc không phải là sự manh động, tiêu cực. Lão đã rất bền bỉ, đã gắng để sống: "Luôn mấy hôm, tôi thấy lão Hạc chỉ ăn khoai. Rồi thì khoai cũng hết. Bắt đầu từ đấy, lão chế tạo được món gì, ăn món ấy. Hôm thì lão ăn củ chuối, hôm thì lão ăn sung luộc, hôm thì ăn rau má, với thỉnh thoảng một vài củ ráy hay bữa trai, bữa ốc" mà không được. Bi kịch là thế đấy. Nếu không muốn sống thì lão đã không phải cố duy trì sự sống bằng mọi cách như thế. Lão có thể tự sát ngay sau khi ủy thác cho ông giáo mảnh vườn và tiền làm tang. Dường như, trong mòn mỏi, lão vẫn cố chờ điều gì... Chờ con trai trở về. Biết đâu trong những ngày gắng sống ấy nó trở về! Không thể chờ thêm được nữa, cuối cùng (tận đến cuối cùng) thì lão Hạc phải chấp nhận một sự thật của chính mình, để lão không vi phạm lẽ sống của lão: *muốn sống mà vẫn tự chết*. Tại sao lão tự trọng đến "hách dịch" như thế cơ chứ? Lão có thể cậy nhờ để sống qua ngày cơ mà, dân gian chẳng đã từng nói "hàng xóm láng giềng tối lửa tắt đèn có nhau" là gì! Đến ngay tiền làm ma cho mình lão còn không động đến nữa là cậy nhờ! Thế mới là lão Hạc. Cậu Vàng chết để có thêm 5 đồng vào 25 đồng thành 30 đồng lão gửi ông giáo làm tang nếu lão có mệnh hệ nào. "Đâu vào đấy" là cay đắng thế ư? Khi con chó phải chết, lão Hạc mong hóa kiếp cho nó; đến khi lão chết, con chó còn là 5 đồng để tiễn đưa hương hồn lão. Cơ cực đến thế là cùng. Chẳng gì khác, xã hội thực dân nửa phong kiến đen tối đã đẩy cuộc sống người nông dân đến đường cùng; cái nghèo khó, cùng cực đã đẩy lão Hạc đến một lựa chọn đau đớn, nghiệt ngã.

Đề 137: Kể về lão Hạc, Binh Tư cho rằng lão "cũng ra phết chứ chẳng vừa đâu". Viết đoạn văn nêu ngắn gọn ý kiến của em về chủ đề này?

Bài làm

Chi tiết lão Hạc xin Binh Tư được Nam Cao sắp xếp vào phần sau của câu chuyện như là một chi tiết có ý "đánh lừa" dòng cảm xúc của người đọc. Kể về lão Hạc với ông giáo, Binh Tư cho rằng lão "cũng ra phết chứ chẳng vừa đâu". Sự việc và lời nhận xét ấy đã đẩy những suy nghĩ tốt đẹp của

người đọc và ông giáo sang hướng khác (hoài nghi, buồn). Thế nhưng cái chết bất ngờ của lão lại khiến cho cả ông giáo và chúng ta nữa phải giật mình suy ngẫm về số kiếp con người trong xã hội xưa. Cách sắp xếp tình tiết như vậy đã làm nổi bật lên giá trị nhân cách cũng như cái tình thế quẫn bách tột cùng của lão Hạc. Đồng thời cũng hiểu được sự cảm thông sâu sắc của ông giáo đối với lão Hạc. Ý nghĩ của nhân vật "tôi" (có thể coi là tác giả): "Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn là những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương (...) Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất" thể hiện một quan niệm và một triết lí sống sâu sắc và tiến bộ. Đây là một thái độ yêu thương, trân trọng nhằm khám phá những nét tốt đẹp của con người.

Đề 138: Viết đoạn văn (8 – 10 câu) chứng minh rằng lão Hạc là người cha rất mực yêu thương con, trong đó có sử dụng 1 *tình thái từ* và 1 *thán từ* (gạch chân dưới những từ đó).

Bài làm

Lão Hạc là một người cha rất mực yêu thương con. Đồng cảm với nỗi phẫn chí của đứa con tội nghiệp, lão Hạc chấp nhận để con đi cao su. Làm như vậy, lão đã vì con mà ngậm ngùi chịu cảnh già cả, cô đơn, bệnh tật. Ở một mình, lão dành rất nhiều yêu thương cho con chó Vàng: gọi nó là "cậu" Vàng, ăn gì cũng cho nó ăn cùng, đau khổ, khóc lóc khi trót lừa nó để bán... Lão yêu con chó Vàng đơn thuần vì lão rất yêu loài chó ư? Không lão yêu nó phần lớn bởi đó là kỉ vật của con trai để lại. Đặc biệt, cuối cùng lão Hạc đã chủ động tìm đến cái chết – một cái chết bi thương – cái chết bằng bả chó. Lão đã chấp nhận cái chết nghiệt ngã ấy để giữ lại cho con trai mảnh vườn đặng khi con về có vườn có đất làm ăn sinh sống. Chao ôi! Tình phụ tử ở lão Hạc thật khiến lòng ta cảm động.

Đề 139: Hãy chứng minh nhận định: "Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo" của Vũ Ngọc Phan là đúng.

Bài làm

Tác phẩm "Tắt đèn" của nhà văn Ngô Tất Tố là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất viết về đề tài người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám. Bao trùm "Tắt đèn" là một không gian chật chội, ngột ngạt bởi nỗi tủi nhục, sự ấm ức của người nông dân. Nhưng đó đây trong tác phẩm vẫn lóe lên những điểm sáng bất ngờ. Đọc đoạn trích "Tức nước vỡ bờ", nhà văn Nguyễn Tuân từng đánh giá đó là khoảnh khắc cháy sáng trong tác phẩm. Còn nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Phan thì nhận xét: "Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo".

Cái chật chội, ngột ngạt trong "Tắt đèn" bị gây nên bởi nạn sưu thuế trong xã hội Việt Nam phong kiến nửa thực dân xưa. Gia đình chị Dậu nghiêng ngả, xô dạt cũng vì cái nạn ấy. Vốn là gia đình nghèo khổ "hạng cùng đinh" trong làng, nhà chị Dậu không có tiền đóng sưu thuế cho anh Dậu. Để cứu chồng khỏi đòn roi tù ngục, chị Dậu đành cắn răng bán con bán chó. Nhưng tai họa vẫn tiếp tục ập xuống: chị Dậu còn phải đóng thuế cho người em chồng đã chết. Anh Dậu vừa về đã bị bọn lính lệ ập đến bắt đi. Đoạn trích "Tức nước vỡ bờ" trích từ chương XVIII trong tác phẩm thuật lại cuộc giằng co giữa chị Dậu và đám cai lệ đến bắt chồng chị. Đoạn trích đã thể hiện phẩm chất cao đẹp của chị Dậu, một người phụ nữ có lòng thương chồng rất mực đồng thời có tinh thần phản kháng thế lực áp bức.

"Cái đoạn chị Dậu đánh nhau với tên cai lệ là một đoạn tuyệt khéo". Nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Phan đã lấy nội dung sự việc trong đoạn trích để gọi tên đoạn trích. Và khi đánh giá đó là "một đoạn tuyệt khéo", Vũ Ngọc Phan đã đề cập đến thành công trong nghệ thuật khắc họa tính cách nhân vật, nghệ thuật miêu tả, ngôn ngữ tác phẩm...

Đoạn trích tuy ngắn nhưng tính cách các nhân vật hiện lên thật rõ nét, sinh động. Đặc biệt là nhân vật chị Dậu và tên cai lệ. Là một người phụ nữ nông dân, chị Dậu rất mực thương chồng. Với chồng, chị tỏ ra rất nhẹ nhàng, nấu cháo, mời chồng ăn cháo. Ngay cả với đám cai lệ và người nhà lí trưởng, lúc đầu chị cũng rất mực lễ phép: "van xin tha thiết", xưng "cháu" gọi "ông". Hơn cả lễ phép, đó còn là sự nhẫn nhục cam chịu đến hạ mình. Nhưng khi thái độ đó không lay chuyển được đám đầu trâu mặt ngựa, chị Dậu trở nên mạnh mẽ lạ thường. Chị "cự lại" hành động sấn đến bắt anh Dậu của tên cai lệ bằng lí lẽ: "Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!". Cách xưng hô đã thể hiện vị trí ngang hàng "tôi" – "ông". Rồi khi bị cai lệ "tát vào mặt", chị Dậu chuyển từ đấu lí sang đấu lực "Mày trói chồng bà đi, bà cho mày xem!". Cách xưng hô "bà" – "mày" đã thể hiện một vị thế khác của chị Dậu, một mối quan hệ khác giữa chị và cai lệ: "bà" – người trên, "mày" – kẻ dưới. Không dừng lại ở đó, chị còn thể hiện ở hành động quyết liệt "túm lấy cổ", "ấn dúi ra cửa", "túm tóc lẳng cho một cái"... Có thể nói, tính cách nhân vật chị Dậu trong đoạn trích này được khắc họa rất khéo léo, độc đáo. Vừa bộc lộ được những nét truyền thống vừa thể hiện được sức sống tiềm tàng, mạnh mẽ.

Bên cạnh hình ảnh chị Dậu với những đặc điểm tiêu biểu của người phụ nữ nông dân Việt Nam là nhân vật cai lệ, người nhà lí trưởng – đám đầu trâu mặt ngựa hung hăng bất nhân thú tính. Chúng là đại diện trực tiếp cho quyền lực bất nhân của "nhà nước", của chế độ thực dân phong kiến đương thời. Hình ảnh của chúng được khắc họa bằng những hành động, lời nói bộc lộ bản chất hung bạo, không chút tình người. Đến nhà một người ốm yếu, nghèo hèn mà chúng "sầm sập tiến vào", "trợn ngược hai mắt", "đùng đùng giật phắt cái thừng", "bịch luôn vào ngực chị Dậu"... Chẳng

những vậy, trước những lời "van xin tha thiết" và sự nhẫn nhục của chị Dậu, chúng chẳng chút động lòng vẫn sấn sổ đánh, bắt vợ chồng nhà chị.

Miêu tả các nhân vật và cuộc ẩu đả trong đoạn trích, Ngô Tất Tố cũng thể hiện một ngòi bút linh hoạt, sống động. Ngôn ngữ nhân vật rất độc đáo, thể hiện tính cách và những diễn biến tinh tế trong cảm xúc nhân vật. Chị Dậu ban đầu xưng "cháu" gọi "ông" với cai lệ. Khi ấy chị đang lo lắng cho sức khỏe của chồng và sợ hãi vì thái độ hung hãn của hai tên tay sai. Nhưng khi bị chúng "bịch vào ngực", lòng căm phẫn trào lên, chị "cự lại" xưng "tôi" gọi "ông". Và khi lòng căm phẫn dâng lên tột điểm, chị đã vùng lên xưng "bà" đầy uy quyền và gọi "mày" rất coi thường, khinh bỉ. Cuộc ẩu đả giữa chị Dậu và hai tên tay sai cũng được miêu tả rất chi tiết, tỉ mỉ và sinh động. Hành động của tên cai lệ được diễn tả bằng những động từ, tính từ giàu sức biểu cảm "sầm sập", "trợn ngược", "đùng đùng giật phắt"... Hành động vùng lên đánh lại hai tên tay sai lại càng đặc biệt. Chỉ trong một câu văn, Ngô Tất Tố dùng đến bốn động từ diễn tả sức mạnh và hành động chớp nhoáng của chị Dậu: "túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa, túm tóc lẳng cho một cái...". Trước sức mạnh của người đàn bà lực điền, hai tên mạt hạng "chổng quèo", "ngã nhào" ra hè.

Bên cạnh nghệ thuật miêu tả là ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ đối thoại khá đặc sắc. Nó vừa bộc lộ sắc nét tính cách nhân vật vừa phản ánh được những diễn biến tâm lí nhân vật.

"Tức nước vỡ bờ" quả là "một đoạn tuyệt khéo". Nhờ vậy, nhà văn đã dựng lên hình ảnh một người phụ nữ nông dân đầy sức mạnh, dám bứt phá để đòi quyền sống trong cái xã hội ngột ngạt đầy rẫy áp bức bất công. Cái khéo của Ngô Tất Tố là đã khêu một tia lửa lóe lên giữa bóng đêm phủ chụp "Tắt đèn". Và nói như Nguyễn Tuân, lúc ấy Ngô Tất Tố đã "xui người nông dân nổi loạn".

Đề 140: Nhà văn Nguyễn Tuân khi đọc đến đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* (tiểu thuyết *Tắt đèn*) đã cho rằng Ngô Tất Tố: "xui người nông dân nổi loạn". Viết đoạn văn nói rõ ý kiến của em.

Bài làm

Trong đoạn trích *Tức nước vỡ bờ,* ở thời điểm ra đời của nó, Ngô Tất Tố tuy chưa nhận thức được chân lí cách mạng (vì thế mà chưa chỉ ra được con đường đấu tranh tất yếu của quần chúng bị áp bức) nhưng bằng cảm quan hiện thực mạnh mẽ, nhà văn đã cảm nhận được xu thế tức nước vỡ bờ và sức mạnh to lớn của sự "vỡ bờ" đó. Đoạn trích có thể coi là cao trào của một vở kịch mà mâu thuẫn, xung đột được thể hiện tập trung trong mối quan hệ giữa nông dân và địa chủ. Những người nông dân bị đẩy đến bước đường cùng đã bật lên hành động phản kháng. Tuy chỉ là hành động tự phát nhưng nó đã báo hiệu ngày tận thế của chế độ thực dân nửa phong kiến đã

gần kề. Cái nhan đề do người soạn sách đặt đã thể hiện được đầy đủ cái tình thế ấy. Đoạn trích chẳng những cho ta thấy được cái lô-gíc hiện thực: có áp bức, có đấu tranh, mà còn cho thấy cái chân lí: con đường sống của quần chúng bị áp bức chỉ có thể là con đường đấu tranh để tự giải phóng mình. Vì thế, cũng có thể nói, đoạn trích như là một sự dự báo về một cơn bão táp cách mạng sẽ đến sau này.

Đề 141: Qua hai văn bản *Tức nước vỡ bờ* và *Lão Hạc*, chứng minh rằng: mặc dù gặp nhiều đau khổ bất hạnh, người nông dân trước cách mạng tháng Tám vẫn giữ trọn những phẩm chất tốt đẹp của mình.

Bài làm

Việt Nam, đất nước nông nghiệp, cái nôi của nền văn minh lúa nước. Trước cách mạng tháng Tám hơn 90% dân số sống bằng nghề nông. Và từ buổi đầu khi văn học ra đời và phát triển, đề tài người nông dân đã trở thành mảnh đất tốt để ươm lên những mầm cây văn học với những tác phẩm đặc sắc. "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố" và "Lão Hạc" của Nam Cao là hai tác phẩm như vậy. Đọc những sáng tác này ta thấy vẻ đẹp toả sáng trong tâm hồn của tầng lớp lao động: "Mặc dù gặp nhiều đau khổ bất hạnh nhưng người nông dân trước cách mạng tháng Tám vẫn giữ trọn phẩm chất tốt đẹp của mình".

Trước hết đọc hai văn bản điều làm ta ấn tượng về người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám chính là cuộc sống đau khổ, bất hạnh với cảnh lầm than khổ cực.

Chị Dậu trong "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố là một hình tượng tiêu biểu. Chị Dậu đầu tắt mặt tối không dám chơi ngày nào mà vẫn "cơm không đủ no, áo không đủ mặc". Gia đình chị đã "lên đến bậc nhì, bậc nhất trong hạng cùng đinh". Chồng chị ốm đau, vụ thuế đến cùng biết bao tai hoạ... Nào là phải chạy đôn, chạy đáo để cho đủ số tiền nộp sưu cho chồng mà không có một hạt cơm nào vào bụng. Chị như phải mò kim dưới đáy bể, như lạc vào cái sa mạc cát nóng bỏng, gió thổi tạt vào người như lửa. Trong cảnh "nửa đêm thuế thúc trống dồn" không có tiền nộp sưu cho chồng, vay mượn thì đều là bạn nghèo ai cũng không có, kẻ nhà giàu địa chủ thì đòi trả lãi với giá cắt cổ, chị đành phải bán đứa con ngoan ngoãn bé bỏng mà chị đã mang nặng đẻ đau, mà đã đến lúc nó có thể giúp chị rất nhiều. Chúng ta có thể cảm nhận được nỗi đau như đứt từng khúc ruột của chị khi bán cái Tý. Cái cảnh chị nuốt nước mắt vào trong mà van lạy cái Tý, thằng Dần để chúng đồng ý cho chị dẫn cái Tý sang nhà Nghị Quế làm người đọc không cầm lòng được. Cuộc đời chị bất hạnh này lại nối tiếp khổ đau kia. Sau khi bán con và đàn chó mới đẻ, cóp nhặt đem tiềm nộp sưu cho chồng xong tưởng chừng nạn kiếp đã xong mà cố gắng sống những ngày bình yên bên người chồng ốm yếu, nhưng bọn lý trưởng, chánh tổng trong làng lợi

dụng thuế má muốn đục nước béo cò bắt chị phải nộp thêm suất sưu cho em chồng đã chết từ năm ngoái. Người đã chết, đã đi vào cõi hư vô, còn đâu mà bắt người ta đóng thuế, thật quá bất công. Rồi chị còn phải chứng kiến cảnh chồng ốm đau bệnh tật, rũ rượi như một chiếc lá héo khô bị ném vào nhà, chị chăm sóc cho anh chưa kịp hoàn hồn thì bọn cai lệ và người nhà lý trưởng xông vào định bắt trói anh điệu ra đình vì thiếu sưu của em mình. Trong hoàn cảnh ấy không thể chịu đựng được nữa, tình yêu thương chồng và nỗi tức giận bị đè nén bấy lâu đã thôi thúc chị hành động. Chị đã xông vào bọn chúng đánh trả quyết liệt sau những lời van xin thiết tha không hiệu nghiệm để rồi kết quả là cả hai vợ chồng chị bị bắt giải ra đình để quan tư phủ xử tội vì đã chống lại "người nhà nước". Những khổ cực mà chị Dậu phải chịu cũng như những tâm lý uất ức trào dâng bột phát thể hiện thành hành động phản kháng của chị chính là hình ảnh chân thực về cuộc sống của người nông dân trước cách mạng tháng Tám.

Nếu đọc "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố, ta cảm thương cho thân phận của người phụ nữ nông dân dưới chế độ phong kiến thực dân bao nhiêu thì khi đọc "Lão Hạc" của Nam Cao ta lại càng thương cảm và xót xa cho số phận của người nông dân với cuộc sống mòn mỏi trong chờ đợi và hy vọng mong manh mà cuộc sống cô đơn gặm nhấm tâm hồn và thể xác già nua của lão Hạc. Lão phải sống cô đơn buồn tủi, trong những ngày xa con, lão chỉ có "cậu Vàng" làm bạn. "Vàng" là kỷ niệm thiêng liêng của đứa con để lại, càng thương nhớ con lão càng quý mến con Vàng. Lão âu yếm trò chuyện với nó như người ông hiền hậu ân cần với đứa cháu ngoan. Yêu thương cậu vàng như vậy nhưng bị dồn vào nước đường cùng, lão đành làm một việc nhẫn tâm là phải bán nó đi. Khi kể lại với ông giáo, lão đau đớn xót xa tột cùng: "Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những nếp nhăn xô lại ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít...". Lão khổ tâm dằn vặt vì chuyện bán chó. Và cái đói cứ đeo đẳng làm cho lão dù đã phải bòn củ chuối, rau má, sung luộc để kiếm bữa cho qua ngày mà vẫn không xong. Cuối cùng lão phải kết liễu cuộc đời bằng liều bả chó xin được của Binh Tư. Ôi cái chết thật đau đớn và dữ dội, lão "vật vã trên giường, đầu tóc rũ rượi, áo quần xộc xệch, lão tru tréo, bọt mép sùi ra...". Hình ảnh lão Hạc gợi trong ta ký ức buồn đau của thảm cảnh 2 triệu người chết đói năm 1945 trước khi cách mạng tháng Tám nổ ra.

Người nông dân trong xã hội cũ gặp nhiều đau khổ bất hạnh là thế nhưng vượt lên trên những đau khổ bất hạnh đó, họ vẫn luôn giữ trọn những phẩm chất cao đẹp của mình mà đọc tác phẩm dù hiện thực có buồn thương nhưng nhân cách và phẩm chất cao quý của họ vẫn ngời sáng trong đêm tối khiến ta thêm tin yêu con người, tin yêu cuộc sống.

Ngay trong hoàn cảnh bất hạnh khổ cực vì bị hà hiếp bóc lột chị Dậu vẫn thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ yêu thương chồng con đảm đang tháo vát. Trong văn bản "Tức nước vỡ bờ" hình ảnh chị dùng những

lời lẽ van xin thảm thiết và dám xông vào chống trả quyết liệt tên cai lệ và người là lý trưởng để cứu chồng là biểu hiện sâu sắc nhất tình cảm yêu thương hy sinh vì chồng con của chị Dậu. Cử chỉ bê bát cháo đến bên chồng với những lời nói tự nhiên như tấm lòng chân thành của chị đối với chồng "Thầy em cố dậy húp ít cháo cho đỡ mệt..." đã làm người đọc xúc động thực sự trước tấm lòng thơm thảo, vẻ đẹp nữ tính dịu dàng với tình cảm mộc mạc của người phụ nữ ấy. Ở chị là sự hội tụ những vẻ đẹp tự nhiên của người phụ nữ Việt Nam mà Ngô Tất Tố muốn ngợi ca.

Cũng xuất phát từ tình yêu chồng mà chị đã vùng lên quật ngã tên cai lệ và người nhà lý trưởng để bảo vệ chồng. Hành động của chị dù là bột phát nhưng suy nghĩ đầy ý thức "Thà ngồi tù, để cho nó làm tình làm tội mãi thế tôi không chịu được". Ý thức đó phải chăng là ý thức phản kháng tiềm tàng trong người nông dân mà Ngô Tất Tố dường như đang "xui người nông dân nổi loạn" (theo nhận xét của Nguyễn Tuân) để nhằm phản ánh quy luật: có áp bức có đấu tranh, "Tức nước vỡ bờ".

Nếu như chị Dậu tiêu biểu cho người phụ nữ nông dân trong những vẻ đẹp nhân ái vị tha và tiềm tàng sức sống, sự phản kháng mãnh liệt thì ở nhân vật lão Hạc ta lại cảm nhận được tâm hồn và tình yêu tha thiết, niềm tin cháy bỏng và một nhân cách cao thượng đáng nể trọng của người nông dân già nua nghèo hèn phải tìm đến cõi chết. Nếu nói lão Hạc chết vì đói nghèo quả là hoàn toàn chưa hiểu hết ý đồ của nhà văn. Nam Cao đã khơi vào "luồng chưa ai khơi" trong hiện thực lúc bấy giờ là tinh thần trách nhiệm, tình yêu thương nhân ái, đức hy sinh cao cả của người cha trong hoàn cảnh vật lộn với cái đói. Lão Hạc chết là để bảo toàn danh dự và nhân cách, để giữ trọn tình yêu cho con, để thanh thản ra đi sau những gửi gắm về mảnh vườn, tiền cưới vợ cho con, tiền lo ma chay để khi ra về nơi miền cực lạc xa xôi còn có hàng xóm lo cho. Chính sự chất phác lương thiện đã giúp lão có những hành động đầy tự trọng ấy, lão không muốn liên luy đến ai mà chỉ âm thầm chịu khổ một mình.

Lão Hạc còn là người rất đôn hậu và cao cả, lão đã khóc hu hu, đã xót xa đến tột cùng khi phải bán con chó, lão ân hận, lão khóc như người có tội, lương tâm lão bị dày vò, cấn dứt chỉ vì không thuỷ chung với một con chó. Lòng nhân ái của lão khiến ta cảm động biết nhường nào.

Những đức tính khiến chúng ta phải cảm phục nhất ở lão Hạc đó là lòng yêu thương con bao la, đức hy sinh cao cả. Chính tình yêu con đã giúp lão ngăn con không bán vườn. Lúc khoẻ lão cố cày thuê cuốc mướn, đồng áng từ lúc bình minh đến khi hoàng hôn buông xuống, tất cả chỉ để dành dụm cho con ít tiền. Nhưng sau trận ốm, lão đã chẳng còn gì, thương con nên lão không muốn tiêu phạm vào một đồng tiền nào dành cho con. Lão nhịn ăn, nhịn mặc, một lòng vì con: để rồi lão đã chọn con đường quyên sinh để giữ trọn mảnh vườn cho con. Cái chết dữ dội và kinh hoàng lắm. Lão thương con ngay đến những giây phút cuối cùng của cuộc đời, nhưng lòng lão thanh thản đến êm dịu.

Cảm ơn Ngô Tất Tố, cảm ơn Nam Cao! Họ đã cho chúng ta hiểu rõ cái cuộc sống cùng quẫn, bi thảm của người nông dân, làm chúng ta càng cảm phục trước những phẩm chất cao quý, đẹp đẽ và trong sáng của họ. Giữa bùn đen nhưng tâm hồn họ vẫn toả hương thơm ngát như đoá hoa sen đồng nội. Nhìn vào cuộc sống của người nông dân ngày nay ta càng xót xa cho cha ông thuở trước và thêm tin yêu cuộc sống mới.

Đề 142: Qua hai văn bản *Tức nước vỡ bờ* của Ngô Tất Tố và *Lão Hạc* của Nam Cao, em hãy viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của mình về người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945.

Bài làm

Đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* và truyện ngắn *Lão Hạc* được sáng tác theo phong cách hiện thực, phản ánh cuộc đời và tính cách của người nông dân trong xã hội cũ. Họ là người sống khổ cực vì bị áp bức bóc lột nặng nề, phải chịu sưu cao thuế nặng. Cuộc sống của họ lâm vào cảnh bần cùng, bế tắc. Tuy vậy, họ có những phẩm chất đáng quý là trong sạch, lương thiện, giàu tình thương yêu. Họ quyết liệt phản kháng hoặc thậm chí dám chọn cái chết để giữ gìn phẩm chất trong sạch của mình. Điều đó cho thấy: người nông dân trong xã hội cũ tiềm tàng một sức mạnh của tình cảm, một sức mạnh phản kháng chống lại áp bức, bất công.

Đề 143: Đọc bài thơ *Ông đồ* của Vũ Đình Liên, ông Vũ Quần Phương đã nhận xét: "Văn tả thật ít lời mà cảnh hiện ra như vẽ, không chỉ bóng dáng ông đồ mà cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt ông đồ".
Phân tích bài thơ để chứng minh ý kiến trên.

Bài làm

Trong phong trào Thơ mới 1932 – 1945, bên cạnh những vần thơ tình say mê rạo rực, bên cạnh những cái mới, cái "tân thời"... vẫn còn những nỗi niềm hoài cổ thê thiết xót xa. Người đọc bắt gặp những tứ thơ như thế trong bài thơ "Ông đồ" của Vũ Đình Liên. Khi đọc bài thơ này, Vũ Quần Phương đã nhận xét: "Văn tả thật ít lời mà cảnh hiện ra như vẽ, không chỉ bóng dáng ông đồ mà cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt ông đồ".

"Ông đồ" là những ai? Họ vốn là những thầy giáo mẫu mực, uyên thâm của chế độ cũ. Thuở đắc thế, họ được người đời trọng vọng, tôn kính. Ngày lễ tết hằng năm, người đời đến với họ không chỉ để bày tỏ tấm lòng thành mà còn để cung kính xin lấy những nét chữ "Tâm", "Đức', "Thọ", "Lộc",... vuông vắn, đầy đặn: cái chữ vừa thể hiện cái tài, vừa thể hiện cái tâm của người cầm bút.

Nhưng thời thế thay đổi, khi nền văn hóa phương Tây tràn vào nước ta rồi dần chiếm lĩnh vị trí độc tôn trong sự học thì những ông đồ dần vắng

bóng. Cái tài, cái tâm của họ chỉ còn được thể hiện qua con chữ được bày bán bên đường. Cảm với nỗi xót xa, bẽ bàng của "một lớp người tàn" ấy, Vũ Đình Liên viết nên một "Ông đồ" làm rung động lòng người.

Bài thơ là một thành công lớn của Vũ Đình Liên nói riêng và đối với Thơ mới nói chung. Bài thơ được viết theo thể năm chữ, vẻn vẹn năm khổ hai mươi câu nhưng đã làm sống lại hình ảnh ông đồ những năm đầu thế kỉ hai mươi và cả cái thời đại tiêu điều khi ấy. Bởi vậy, Vũ Quần Phương hẳn rất thấm thía bài thơ khi nhận xét rằng: "Văn tả thật ít lời mà cảnh hiện ra như vẽ, không chỉ bóng dáng ông đồ mà cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt ông đồ".

Trong hai khổ thơ đầu, hình ảnh ông đồ hiện lên cùng những hình ảnh tươi tắn, nhộn nhịp:

"Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua."

"Mỗi năm... lại thấy", hai cụm từ này cho thấy hình ảnh ông đồ đã trở nên quá quen thuộc. Cùng với màu thắm của hoa đào, màu đỏ của giấy, màu đen nhánh của mực tàu và sự đông vui tấp nập của phố phường, hình ảnh ông đồ đã trở nên không thể thiếu trong khung cảnh mùa xuân.

Ở khổ thơ tiếp theo, hình ảnh ông đồ đã trở thành trung tâm để mọi người chiêm ngưỡng và ngợi ca:

"Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài
Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay."

Từ "bao nhiêu" cho biết ông đồ đang được người đời trọng vọng, cần nhờ vả đến. Với tài năng của ông họ "Tấm tắc ngợi khen tài", ba phụ âm "t" cùng xuất hiện trong một câu thơ như tràng pháo tay giòn giã để ngợi khen sự tài hoa của ông đồ. Cái tài năng "Phượng múa rồng bay" của ông đồ dưới một bàn tay đầy khéo léo nghệ thuật đã làm rạng danh cho nền Hán học. Cái tài ấy của ông đã được tặng cho mọi người về làm quà đón xuân, trang trí ngôi nhà ấm cúng tình cảm gia đình thật ấm áp hơn.

Nhưng dẫu sao, trong tiếng cười vui vẫn không sao giấu được nỗi ngậm ngùi. Chữ Nho vốn được coi là chữ "Thánh hiền", chữ Nho ông đồ viết là sự tụ hội của cái tài và cả cái tâm người cầm bút. Nhưng giờ đây, những giá trị thiêng liêng ấy đã bị xô dạt đến bên đường phố để làm thứ cho "thuê". Chỉ một chữ ấy thôi mà đã thấy băn khoăn, thoảng buồn biết mấy.

Thật đáng buồn biết bao, một truyền thống đẹp của dân tộc đã bị mai một đi, một hình ảnh đầy sắc màu mùa xuân đã dần mất đi khi nền văn hoá

phương Tây du nhập vào nước ta. Rồi đã đến lúc người ta quên lãng đi câu đối tết để ngày Tết thưa thớt, thiếu vắng đi những bóng hình quen thuộc:

"Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sầu."

Cũng là "mỗi năm" nhưng lại thêm từ "mỗi" và lại đứng sau chữ "nhưng" – con chữ thường làm đảo lộn mọi trật tự quen thuộc. Vũ Đình Liên đã phác họa một cảnh tượng đầy xót xa. Vẫn trên nền hoa đào, ông đồ ngồi ủ rũ, thấp thoáng những bóng người xa dần. Giá như có một sự đột biến nào đó khiến người ta không thích chữ ông nữa thì là một lẽ, đằng này những người đến với ông đồ cứ vơi dần đi, lòng người với thư pháp cũng đã nhạt đi nhiều lắm. Họa chăng có ai còn nghĩ đến ông cũng chỉ bởi lòng thương hại đó thôi. Các thủ pháp nhân hoá được sử dụng liên tiếp "giấy đỏ buồn", "mực đọng", "nghiên sầu" chỉ tô đậm thêm nỗi thất vọng của ông đồ. Người buồn, nên những vật dụng từng gắn bó thân thiết với ông cũng sầu đạm theo: giấy không đỏ như xưa, mực trong nghiên cũng sầu não. Có lẽ, giấy, nghiên mực không có tâm trạng, nhưng cái bi kịch tâm trạng của giấy, mực cũng chính nhà thơ Vũ Đình Liên cũng không thể nhìn thấy nỗi xót xa, bẽ bàng của ông đồ nói riêng và lớp người xưa cũ nói chung. Nỗi buồn ấy không chỉ thấm vào phương tiện mưu sinh mà còn thấm đẫm vào cảnh vật thiên nhiên, cảnh vật đã làm cho không gian thêm hiu quạnh và hoang vắng.

"Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay."

Cho dù, ông đồ vẫn ngồi đấy nhưng đã bị mọi người quên lãng. Ông chỉ còn là một di tích tiều tuỵ đáng thương của "một thời tàn". Và có lẽ từ đó, ông vĩnh viễn vắng bóng. Có lẽ lúc bấy giờ trên thế gian này chỉ còn lại mỗi nhà thơ là có thể cảm thông được với nỗi buồn của ông đồ. Chỉ cảm thông thôi chứ nỗi buồn ấy lớn quá làm sao chia xẻ nổi. Sự cách biệt của tuổi tác, và nhất là của hai nền văn hóa khác nhau khiến cho nhà thơ chỉ biết đứng xa xa nhìn ông đồ mà thương cảm. Và kì lạ thay là một chiếc lá vàng:

Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay

Mưa bụi thì rõ, vì đang là tiết xuân. Nhưng sao lại có một chiếc lá vàng đơn độc? Đây chắc không phải là dấu vết của mùa đông mà chỉ có thể lý giải như thế này: nước ta thuộc miền nhiệt đới, bốn mùa cây cối xanh tươi, vậy thì lá vàng cũng có thể rơi bất cứ lúc nào. Nếu đang vui, có lẽ không ai để ý đến chiếc lá vàng lặng lẽ rời cành khi đã hoàn thành sứ mệnh của nó.

Nhưng lúc buồn tâm hồn ta rất nhạy cảm, và lại càng nhạy cảm với nỗi buồn. Thì ra đã suốt một đời nuôi cây, khi rụng xuống chiếc lá vàng vẫn còn kịp gửi đến người đời một bức thông điệp. Không phải là thông điệp về mùa thu mà là thông điệp về nỗi buồn của ông đồ, của một nền nghệ thuật đang dần đi vào quên lãng. Chiếc lá lẻ loi không chọn chỗ nào mà đậu mà lại đậu ngay trên trang giấy giờ đã trở nên vô tích sự, bằng chứng hiển nhiên cho nỗi buồn sâu nặng của ông đồ. Bây giờ thì có muốn đem lại những niềm vui dẫu thật nhỏ bé cho cuộc đời thì cũng không ai cần đến nữa.

Bức tranh thứ năm tương phản rõ rệt với bức tranh thứ nhất:

Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa...

Thông điệp mùa xuân đã gửi đến rồi. Nhà thơ theo thói quen lại ra phố ngắm cảnh cũ người xưa. Lẽ ra chẳng phải ngạc nhiên. Với tình cảnh như năm ngoái thì ông đồ không thể xuất hiện một lần nữa, không thể nuôi mãi hy vọng về một thời đã qua. Vậy mà trong tâm thức nhà thơ, hình ảnh ông đồ không thể thiếu trong bức tranh xuân của mình. Cho nên mới phải hẫng hụt. Ấn tượng sâu nặng quá khiến nhà thơ tưởng như ông đồ đã ra đi từ lâu lắm. Ông đã thành "ông đồ xưa", thành người "muôn năm cũ" khiến nhà thơ bật lên tiếng gọi:

Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?

Bài thơ tuy ngắn ngủi nhưng hàm súc, cô đọng và chứa đựng bao niềm đồng cảm, xót thương đối với những kiếp người tàn trong xã hội. Bài thơ quả đã dựng lên "bóng dáng ông đồ" và "cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt ông đồ".

Vũ Đình Liên đã dành cho số phận các ông đồ những tình cảm sâu sắc, xuất phát từ sự cảm thông rất đỗi chân thành. Đó không chỉ là sự cảm thông đối với một thế hệ bị lãng quên mà còn là nỗi xót xa trước một vẻ đẹp, một ngành nghệ thuật xưa cũ đã một đi không trở lại.

Đề 144: Phân tích bài thơ *Ông đồ* của Vũ Đình Liên.

Bài làm

Trong những ngày Tết đến xuân về náo nức trên mọi nẻo đường, người yêu thơ lại khẽ lắng mình trong một nhịp thơ giản dị đầy nhân văn của nhà thơ Vũ Đình Liên: bài thơ "Ông đồ".

Bài thơ ra đời khi ông đồ đã trở thành cái di tích của một thời tàn. Nho học đã bị thất sủng, người ta đua nhau chạy theo thời đại với chữ Pháp chữ Tây.

Hai đoạn đầu bài thơ, tác giả giới thiệu những ngày huy hoàng của ông đồ:

Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài
Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay.

Những lời khen thật hào phóng, nhưng nghĩ kĩ đó chỉ là lời khen của những người ngoài giới bút nghiên. Đi viết câu đối thuê, bản thân việc ấy đã là nỗi lận đận, là bước thất thế của người theo nghiệp khoa bảng. Đỗ cao thành quan nghè, quan thám, đỗ thấp thì cũng ông cử, ông tú, chứ ông đồ là chưa đỗ đạt gì, công chưa thành, danh chưa toại, đành về quê dạy học, bốc thuốc, hay xem lí số ở nơi đô hội như có lần Tản Đà đã làm. Ngày tết, mài mực bán chữ ngoài vỉa hè chắc cũng là việc bất đắc dĩ của nho gia. Chữ thì cho chứ ai lại bán. Bán chữ là cái cực của kẻ sĩ ở mọi thời. Bà con yêu quý và cũng thán phục cái thứ chữ mà bà con không biết, hay chỉ võ vẽ, nên mới khen lao đến vậy. Lời khen này không mang lại vinh quang cho ông đồ, có thể ông còn tủi nữa, nhưng nó an ủi ông nhiều, nó là cái tình của người đời vào hồi vận mạt của ông. Tác giả giới thiệu: cùng với hoa đào, mỗi năm mới có một lần chứ nhiều nhặn gì đâu, giấy đỏ mực tàu, chữ nghĩa thánh hiền bày trên hè phố. Đừng nghĩ đến chuyện khoa bảng, hãy nghĩ trên cương vị người bán, thì đây là hai đoạn thơ vui vì nó nói được sự đắt hàng, ông đồ còn sống được, có thể tồn tại trong cái xã hội đang biến động này. Nhưng cuộc đời đã không như thế mãi, cái ý thích của người ta cũng thay đổi theo thời cuộc. Lớp người mới lớn không có liên hệ gì để mà quyến luyến cái thứ chữ tượng hình kia. Cái tài viết chân, thảo, triện, lệ của ông đồ chữ tốt kia, họ không cần biết đến:

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sầu...
Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài giời mưa bụi bay

Ông đồ rơi vào tình cảnh một nghệ sĩ hết công chúng, một cô gái hết nhan sắc. *Còn duyên kẻ đón người đưa, Hết duyên đi sớm về trưa một mình.* Ông đồ vẫn ngồi đấy mà không ai hay. Cái hiện thực ngoài đời là thế và chỉ có thế, nó là sự ế hàng. Nhưng ở thơ, cùng với cái hiện thực ấy còn là nỗi lòng tác giả nên giấy đỏ như nhạt đi và nghiên mực hóa sầu tủi. Hay nhất là cộng hưởng vào nỗi sầu thảm này là cảnh mưa phùn gió bấc. Hiện thực trong thơ là hiện thực của nỗi lòng, nỗi lòng đang vui như những năm ông đồ "đắt khách" nào có thấy gió mưa. Gió thổi lá bay, lá vàng cuối

mua rơi trên mặt giấy, nó rơi và nằm tại đấy vì mặt giấy chưa được dùng đến, chẳng có nhu cầu gì phải nhặt cái lá ấy đi. Cái lá bất động trên cái chỗ không phải của nó cho thấy cả một dáng bó gối bất động của ông đồ ngồi nhìn *mưa bụi bay*. Văn tả thật ít lời mà cảnh hiện ra như vẽ, không chỉ bóng dáng ông đồ mà cả cái tiêu điều của xã hội qua mắt của ông đồ. Tác giả đã có những chi tiết thật đắt: nơi ông đồ là bút mực, nơi trời đất là gió mưa, nơi xã hội là sự thờ ơ không ai hay. Thể thơ năm chữ vốn có sức biểu hiện những chuyện dâu bể, hoài niệm, đã tỏ ra rất đắc địa, nhịp điệu khơi gợi một nỗi buồn nhẹ mà thấm. Màn mưa bụi khép lại đoạn thơ thật ảm đạm, lạnh, buồn, vắng. Như vậy cũng chỉ với tám câu, bốn mươi chữ, đủ nói hết những bước chót của một thời tàn. Sự đối chiếu chi tiết ở đoạn này với đoạn trên: mực với mực, giấy với giấy, người với người, càng cho ta cái ấn tượng thảng thốt, xót xa của sự biến thiên.

Có một khoảng thời gian trôi qua, khoảng trống của đoạn thơ trước khi vào bốn câu kết:

Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?

Hãy trở lại câu thơ đầu bài *Mỗi năm hoa đào nở* để thấy quy luật cũ không còn đúng nữa. Ông đồ đã kiên nhẫn *vẫn ngồi đấy*, nhưng năm nay ông không còn kiên nhẫn được nữa: *Không thấy ông đồ xưa*. Ông đã cố bám lấy xã hội hiện đại, lũ người hiện đại chúng ta đã nhìn thấy sự cố sức của ông, đã thấy ông chới với, nhưng chúng ta đã không làm gì, để đến bây giờ quay nhìn lại, mới biết ông đã bị buông rơi tự bao giờ. Bóng dáng ông đâu phải bóng dáng của một người, của một nghề, mà là dáng của cả một thời đại, bóng dáng kí ức của chính tâm hồn chúng ta. Đến bây giờ chúng ta mới thấy luyến tiếc, nhưng quá muộn rồi. Chúng ta hỏi nhau hay tự hỏi mình? Hỏi hay khấn khứa tưởng niệm, hay ân hận sám hối. Hai câu thơ hàm súc nhất của bài, chúng ta đọc ở đấy số phận của ông đồ và nhất là đọc được thái độ, tình cảm của cả một lớp người đối với những gì thuộc về dân tộc. Về ngữ pháp câu thơ này rất lạ, nhưng không ai thấy cộm: *Những người muôn năm cũ. Muôn năm,* thật ra chỉ là vài ba năm, nhưng nói muôn năm mới đúng, thời ông đồ đã xa lắc rồi, đã lẫn vào với những bút, những nghiên rất xa trong lịch sử. Chữ *muôn năm cũ* của câu trên dội xuống chữ bây giờ của câu dưới càng gợi bâng khuâng luyến nhớ. Câu thơ không phải là nỗi đau nức nở, nó chỉ như một tiếng thở dài cảm thương, nuối tiếc khôn nguôi.

Đề 145: Chứng minh rằng: Với bài thơ *Ông đồ* Vũ Đình Liên đã chạm được vào những rung cảm tâm linh của giống nòi nên nó còn tha thiết mãi.

Bài làm

Trước kia, vào những ngày Tết, trên bàn thờ tổ tiên, bên cạnh cặp bánh chưng, mâm ngũ quả là đôi câu đối Tết. Bởi chính vậy, những ông đồ già trên vỉa hè, phố xá rất đông khách thuê viết. Hình ảnh ông đồ đội khăn xếp, mặc áo the viết câu đối đã khắc ghi vào sâu trong tâm trí nhà thơ Vũ Đình Liên. Với bài thơ "Ông đồ", Vũ Đình Liên đã chạm được vào những dung cảm tâm linh của giống nòi nên nó còn tha thiết mãi đến những thế hệ sau này.

Nhà thơ viết lên bài với một tấm lòng yêu thương, trân trọng, ngợi ca những tài năng, sự đóng góp của những lớp người đi trước với nền văn hoá của dân tộc. Nhà thơ đã làm như vậy khi viết bốn câu thơ đầu:

"Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua."

"Một thời vang bóng" của lớp người đã được xã hội trọng vọng, lúc mà nền tảng Hán học đang có một địa vị vững chắc. Gắn liền với sự hưng trịnh đó là hình ảnh những ông đồ giữa phố phường đông vui đầy sắc màu. Màu thắm của hoa đào, màu đỏ của giấy, màu đen nhánh của mực tầu và mái tóc hoa râm của ông đồ. Tất cả đã hài hoà, quyện với nhau thành một tác phẩm tranh lộng lẫy, ngoạn mục giữa phố xá tấp nập. Một vẻ đẹp sao vui tươi quá vậy!

Đây mới là những hình ảnh thoáng qua như gió xuân hây hẩy nhưng cũng đã đủ để gợi lên cái gì đó thật quen trong lòng người.

Ở khổ tiếp theo, hình ảnh ông đồ vẫn không phai nhạt:

"Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài
Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay."

Quả thực, đến lúc này, tài năng của ông đồ đã được phô bầy trong không khí phố phường, lúc này mọi người chú ý và trân trọng tài năng đó. Cái tài năng "Phượng múa rồng bay" của ông đồ dưới một bàn tay đầy khéo léo nghệ thuật đã làm rạng danh cho nền Hán học. Những con người đi trước với nền văn hoá dân tộc. Những câu chữ thánh hiền ông viết đã tặng cho mọi người về làm quà đón xuân, trang trí ngôi nhà ấm cúng, tình cảm gia đình thật ấm áp hơn.

Thật đáng buồn biết bao, một truyền thống đẹp của dân tộc đã bị mai một đi, một hình ảnh đầy sắc màu mùa xuân đã dần mất đi khi nền văn

hoá phương Tây du nhập vào nước ta. Người ta quên lãng đi câu đối tết và thay vào đó những bức tranh màu sắc rất sặc sỡ.

"Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sầu."

Độc giả đã hụt hẫng, cảm xúc tươi vui đã bị mất đi khi đọc khổ thơ này.

Trước sự tàn tạ, ra đi của ông đồ và lớp người xưa cũ, lòng thương người của nhà thơ Vũ Đình Liên được biểu hiện ở sự cảm thông, nỗi xót xa và niềm tiếc nuối khôn nguôi. Ở 2 câu thơ:

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?

Ta như thấy nhà thơ bâng khuâng đi tìm lại bóng dáng của lớp người xưa cũ. Giọng thơ xót xa khi những con người tài hoa đã bị đẩy ra ngoài lề đường. Trong bối cảnh ấy, tình cảnh ông đồ dần trở nên buồn chán. Người thuê viết giảm đi theo thời gian và năm tháng "mỗi năm mỗi vắng". Hình ảnh ông đồ giữa đường phố đông vui chỉ còn là một thứ bóng mờ xa xôi. Nỗi xót thương của nhà thơ được bộc lộ rõ nét khi ông đồ và lớp người xưa cũ dần mất đi:

"Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sầu."

Người buồn, nên những vật dụng từng gắn bó thân thiết với ông cũng sầu đạm theo: giấy không đỏ như xưa, mực trong nghiên cũng sầu não theo. Có lẽ, giấy, nghiên mực không có tâm trạng, nhưng cái bi kịch tâm trạng của giấy, mực mà nhà thơ Vũ Đình Liên nhìn thấy chính là những nỗi xót xa, bẽ bàng của ông đồ nói riêng và lớp người xưa cũ nói chung. Nỗi buồn ấy không chỉ thấm vào phương tiện mưu sinh mà còn thấm đẫm vào cảnh vật thiên nhiên, cảnh vật đã làm cho không gian thêm hiu quạnh và hoang vắng.

"Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay."

Cho dù, ông đồ vẫn ngồi đấy nhưng đã bị mọi người quên lãng. Ông chỉ còn là một di tích tiều tuỵ đáng thương của "một thời tàn". Và có lẽ từ đó, ông vĩnh viễn vắng bóng. Đấy âu cũng là sự dĩ nhiên, phũ phàng. Một Tết nào đó, khi hoa đào lại nở, người đời đã thảng thốt nhận ra sự vắng bóng của ông đồ trước cảnh nhộn nhịp của chốn phố phường. Một tiếng gọi tha thiết vang lên:

"Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa

Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?"

Ở hai khổ thơ đầu gợi lên cho độc giả niềm phấn chấn, tươi vui thì ba khổ thơ sau là một hình ảnh buồn bã, xót thương, sắc màu cũng phai nhạt theo. Giờ đây, ông đồ và lớp người xưa cũ đã trở nên vô nghĩa giữa cuộc đời. Bài thơ khép lại bằng những hình ảnh, câu thơ mang nặng nỗi buồn tha thiết của tác giả Vũ Đình Liên.

Đọc bài thơ "Ông đồ" xong, ta thấy Vũ Đình Liên đã diễn tả được tình yêu thương con người sâu sắc trước số phận hẩm hiu của ông đồ, nhưng nó đẹp biết bao. Bài thơ còn thể hiện một tâm hồn cao cả và nhân hậu, một con người rất giàu tình yêu thương sâu đậm, ngợi ca những tài năng của người xưa và khuyên răn chúng ta hãy sống để giữ gìn và phát huy những tinh hoa văn hoá của dân tộc. Nền văn hoá đó xứng với một tầm cao mới.

Đề 146: Phân tích giá trị biểu cảm của hai câu thơ sau trong bài thơ "Ông đồ" của Vũ Đình Liên:

"Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sầu".

Bài làm

"Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sầu".

"Giấy đỏ" là giấy dùng để viết chữ của ông đồ. Thứ giấy ấy rất mỏng manh, chỉ một chút ẩm ướt giấy cũng có thể phai màu. "Giấy đỏ buồn không thắm", "không thắm" bởi đã lâu ngày không được dùng đến nên phôi pha, úa tàn theo năm tháng. Mực cũng vậy: "mực đọng trong nghiên sầu". Đó là thứ mực tàu đen thẫm, dùng để viết chữ lên "giấy đỏ". Khi viết, phải mài mực rồi dùng bút lông họa lên những nét chữ "Như phượng múa rồng bay". Nhưng nay "Mực đọng trong nghiên" có nghĩa là mực đã mài từ lâu, đã sẵn sàng cho bàn tay tài hoa của ông đồ thực hiện phép màu nhưng đành đợi chờ trong vô vọng. Các từ "buồn", "sầu" như thổi hồn vào sự vật. Nhờ phép nhân hóa này, nỗi sầu tủi về thân phận của ông đồ như đã thấm sâu vào từng sự vật, nó bao trùm không gian và đè nặng mỗi tấm lòng.

Đề 147: Viết đoạn văn phân tích cái hay của hình ảnh thơ:

"Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài giời mưa bụi bay"

(*Ông đồ* – Vũ Đình Liên)

Bài làm

"Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài giời mưa bụi bay"

Hình ảnh "lá vàng" gợi đến sự tàn phai, rơi rụng. Nhưng đầu xuân sao lại có "lá vàng"? "Lá vàng rơi trên giấy", giấy ấy chính là "Giấy đỏ buồn không thắm". Hình ảnh "lá vàng" gợi đến thân phận ông đồ trong bài thơ. Ông đã bị xã hội bỏ rơi, ông đã gắng níu kéo cuộc đời thầm lặng bẽ bàng ngồi bên lề phố "đông người qua" nhưng so với thời đại mới đang sục sôi, bon chen thì ông chỉ là chiếc lá úa tàn đang rụng rơi cay đắng. Nỗi buồn ấy âm thầm và tê tái, nó khiến cơn mưa xuân vốn chứa đựng sức sống bền bỉ, dai dẳng cũng trở thành đìu hiu, xót xa:

"Ngoài giời mưa bụi bay".

"Giời" chứ không phải là "trời". Đó là cách gọi của dân gian, của những "người muôn năm cũ", trong đó có ông đồ. Câu thơ gợi cái ngước nhìn buồn thảm của ông trước làn mưa bụi nhạt nhòa. Dẫu chỉ là mưa bụi, mưa bay nhưng nó cũng đủ sức xóa mờ đi dấu vết của cả một lớp người. Âu cũng bởi lớp người ấy quá mong manh, bé nhỏ!

Đề 148: Nêu cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

"Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt".

(*Nhớ rừng* – Thế Lữ)

Bài làm

Trong những năm tháng rực rỡ nhất của phong trào Thơ mới, Thế Lữ hiện lên như một vì sao mai sáng lòa, lấp lánh. Còn lại với thời gian hôm nay, Thế Lữ gắn bó với bạn đọc bởi bài thơ nổi tiếng nhất của ông: bài thơ *Nhớ rừng*. Bài thơ ấy dưới tiêu đề của nó, tác giả đã để một dòng chữ nhỏ: "Lời con hổ trong vương bách thú". Xuyên suốt tác phẩm, người đọc hiểu

rằng bài thơ là những tâm sự đầy uất hận của con hổ trước cảnh đời hiện tại bức bách, tù túng; nó mơ về những ngày xưa tung hoành, lẫm liệt. Bài thơ đã kín đáo bộc lộ tấm lòng yêu nước của người dân ta thuở đó. Nhưng không dừng lại ở đó, thành công của bài thơ còn nằm ở những đoạn thơ tả cảnh tuyệt mĩ – cảnh rừng sơn lâm trong hồi ức đau thương của con hổ "nhớ rừng". Tiêu biểu phải kể đến bức tranh tứ bình trong đoạn thơ sau:

"Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt".

(*Nhớ rừng* – Thế Lữ)

Đoạn thơ nằm trong chuỗi hồi ức về những ngày tháng lẫm liệt chốn rừng xanh uy nghi của con hổ. Giữa cảnh núi rừng dữ dội, lộng lẫy nó là vị chúa tể độc tôn. Đoạn thơ dựng lên bốn cảnh rừng tuyệt mĩ: cảnh đêm trăng, cảnh mưa rừng, cảnh bình minh và cảnh hoàng hôn. Mỗi cảnh được thể hiện bằng hai câu thơ, câu thứ nhất tả cảnh rừng, câu thứ hai miêu tả hình ảnh con hổ trên nền thiên nhiên kì vĩ ấy.

"Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan".

"Đêm vàng" là hình ảnh ẩn dụ chỉ đêm trăng sáng mọi vật như được nhuộm vàng, ánh trăng như vàng tan chảy trong không gian. Trong đêm trăng, đứng bên bờ suối càng khiến ta cảm nhận hết được sắc màu rực rỡ của thiên nhiên. Mặt nước trong trẻo đón nhận trọn vẹn sắc vàng của trăng càng trở nên lóng lánh kì lạ. Đứng trước khung cảnh ấy, con hổ "say mồi" không chỉ bởi bữa ăn no nê mà còn bởi "uống ánh trăng tan". Đó là một hình ảnh lãng mạn, nó tưởng như mình được chiếm lĩnh trọn vẹn cái đẹp của vũ trụ.

Nếu như hình ảnh đêm trăng thanh bình bao nhiêu thì cảnh mưa rừng dữ dội bấy nhiêu:

"Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới"

Cơn mưa ngàn dữ dội, mịt mờ làm rung chuyển núi rừng, làm kinh hoàng những con thú hèn yếu. Nhưng với hổ thì khác, nó không những không sợ hãi trước uy lực của trời đất mà còn coi đó là một thú vui: "Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới". Cái im lặng say mê trong từ "lặng ngắm" của hổ chứa đựng những sức mạnh chế ngự của một bản lĩnh vững vàng. Nó

đang lấy cái tĩnh của một vị chúa tể để chế ngự cái dữ dội của rừng già đại ngàn. Hình ảnh của hổ hiện lên thật phi thường, dũng mãnh.

Câu thơ vừa căng lên đã nhanh chóng tan ra trong tiếng reo ca của cảnh bình minh:

"Đâu những bình minh cây xanh nắng gội

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng".

Sau ngày mưa bầu trời bình minh tươi sáng hơn. Con hổ càng khẳng định được vị trí của mình. Ban đêm thì nó thức cùng vũ trụ. Ngày mưa nó "lặng ngắm" giang san. Lúc vạn vật thức dậy thì nó say sưa trong giấc ngủ. Hình ảnh của chúa sơn lâm tự do tự tại muốn gì được nấy, hổ có thể chi phối, chế ngự kẻ khác chứ không ai có thể chế ngự được mình.

Dữ dội nhất, say mê nhất là cảnh rừng thời khắc hoàng hôn:

"Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt".

Bức tranh rừng rực rỡ trong gam màu đỏ, đó là màu của máu, màu của ánh sáng mặt trời. Khi chiều tà, ánh mặt trời chuyển sang màu đỏ rực, đó cũng là lúc mặt trời lặn xuống. Nhưng trong con mắt của hổ, thứ ánh sáng bỏng rẫy kia là máu của mặt trời và mặt trời thì đang lịm dần trong cái chết dữ dội. Hổ đang giành lấy quyền lực từ tay vũ trụ để ngự trị.

Đoạn thơ là bộ tranh tứ bình đẹp lộng lẫy. Bốn cảnh thiên nhiên, cảnh nào cũng có núi rừng hùng vĩ tráng lệ với hình ảnh con hổ uy nghi. Nhưng đau xót thay, đây chỉ là cảnh trong dĩ vãng huy hoàng, chỉ hiện ra trong nỗi nhớ. Trước mỗi cảnh thơ đều xuất hiện cụm từ "nào đâu", "đâu những", chúng thể hiện niềm nuối tiếc khôn nguôi, nỗi xót xa đau đớn trong lòng hổ. Giấc mơ huy hoàng khép lại trong tiếng than: "Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu".

Đề 149: "Đằng sau sự hồi tưởng về một quá khứ huy hoàng của con hổ (trong bài thơ *Nhớ rừng* – Thế Lữ) ta còn thấy tâm trạng nuối tiếc đầy bất lực cùng một khát vọng tự do tha thiết. Và tất cả những điều đó đã được thể hiện bằng một ngòi bút thật tài hoa".

Phân tích đoạn thơ sau để làm rõ ý trên:

"Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?
"Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?
– Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?"

(Nhớ rừng – Thế Lữ)

Bài làm

Nếu Thế Lữ được coi là người mở đường thành công cho Thơ mới thì bài thơ "Nhớ rừng" của ông chính là tác phẩm giành cho Thơ mới sự thắng lợi hoàn toàn. Đọc "Nhớ rừng" của Thế Lữ, có ý kiến cho rằng: "Đằng sau sự hồi tưởng về một quá khứ huy hoàng của con hổ ta còn thấy tâm trạng nuối tiếc đầy bất lực cùng một khát vọng tự do tha thiết. Và tất cả những điều đó đã được thể hiện bằng một ngòi bút thật tài hoa".

Đoạn thơ sau trong bài thơ đã thể hiện rõ điều ấy:

"Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?
"Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?
– Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?"

(Nhớ rừng – Thế Lữ)

"Nhớ rừng" ra đời trong những năm tháng nước nhà bị tù túng trong cảnh xiềng xích nô lệ. Mỗi người dân Việt Nam chân chính đều không khỏi cảm

thấy ngột ngạt, bức bối... Một buổi trưa hè, khi Thế Lữ đang chậm chạp nện gót trên đường về, ông đi qua vườn bách thú bất chợt nhìn thấy vị chúa sơn lâm – con hổ đang ngồi trong lồng. Nhà thơ chạnh lòng nghĩ đến thân phận người dân nô lệ. Cảm xúc ấy đã khiến ông viết nên bài thơ tuyệt bút này.

Khổ thơ trên là khổ thơ thứ ba trong bài, tái hiện những ngày tháng oai hung của hổ giữa chốn rừng xanh dữ dội, hùng vĩ. Đó đồng thời là một bức tranh tứ bình tuyệt bút.

"Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?"

Buổi đêm là khoảng thời gian con hổ nhắc đến đầu tiên có lẽ bởi đó là thời khắc nó tung hoành chốn sơn lâm "bóng cả cây già". Gọi đó là "đêm vàng" bởi đêm trong vắt, ánh trăng tràn khắp nơi nơi. Không chỉ vậy, đó còn là ánh trăng chiếu rọi xuống lòng suối, ánh sáng phản chiếu khiến mặt suối bừng lên sắc vàng huy hoàng lộng lẫy. Nổi bật giữa cảnh tượng kì vĩ ấy là hình ảnh con hổ "say mồi đứng uống ánh trăng tan" như một vị vua đang say men chiến thắng. Phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác "uống ánh trăng tan" khiến ánh trăng thêm phần huy hoàng, ánh trăng giống như dòng ánh sáng tuôn xuống rừng đêm kì ảo vậy.

Trong nỗi nhớ của hổ có cả:

"Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới?"

Cơn mưa rừng dữ dội tạo nên những âm thanh vang động, ào ạt. Nó khiến muôn loài hoảng loạn trốn tránh, nín thở. Nhưng với hổ thì ngược lại, hổ lấy tư thế của một vị chúa sơn lâm để bình thản "ngắm giang san ta đổi mới". Từ "lặng ngắm" khiến hình ảnh hổ trở thành nốt nhạc trầm tĩnh trong bản hoà ca hùng tráng của cơn mưa rừng. Hổ đang lấy cái tĩnh của bản thân để chế ngự cái động dữ dội của đại ngàn. Sau những ngày mưa, bình minh rừng trở nên trong trẻo hơn bao giờ hết:

"Đâu những buổi bình minh cây xanh nắng gội
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?"

Thời khắc bình minh là lúc vạn vật bắt đầu ngày mới nhưng đó cũng là khi hổ bắt đầu giấc ngủ của mình sau bữa ăn đêm dữ dội. Cái xôn xao, rạo rực của vạn vật khi ngày mới bắt đầu, với hổ, đó lại là bản nhạc du dương đưa nó vào giấc ngủ. Hình ảnh của hổ oai hùng nhất, kì vĩ nhất được thể hiện trong ba câu thơ:

"Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?"

Khi hoàng hôn buông xuống, mặt trời khuất dạng phía tây để lại trần gian sắc đỏ gay gắt, rực rỡ. Nhưng với hổ, đó lại là máu của kẻ thù lênh

láng nơi bìa rừng sau trận đấu tàn khốc. Quả thực, thời điểm mặt trời khuất rạng cũng là khi hổ bắt đầu ngày lao động của mình. Đêm tối lạ lẫm và đầy sợ hãi kia thuộc hoàn toàn về nó. Và dưới mắt hổ, mặt trời – ông hoàng bất tử của vũ trụ cũng chỉ là kẻ bại trận thê thảm với cái chết thảm khốc "lênh láng máu sau rừng", "để ta chiếm lấy riêng phần bí mật".

Nhưng quá khứ vẫn chỉ là quá khứ. Bừng tỉnh khỏi những vinh quang chói lọi của ngày qua, trở về với thực tại tù túng, hổ ai oán thốt lên:

– Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu!

Những điệp từ "nào đâu...", "đâu..." thể hiện nỗi tiếc nuối khôn nguôi của hổ về quá khứ vinh quang, oai hùng. Đặc biệt, thán từ "than ôi!" cùng lời than "Thời oanh liệt nay còn đâu" còn là nỗi xót xa đau đớn của hổ khi phải đối diện với thực tại tầm thường giả dối nơi vườn bách thú tù túng này.

Khổ thơ trích dẫn trong bài là một khổ thơ đầy màu sắc huy hoàng, hình ảnh kì vĩ, nó chẳng những thể hiện tâm trạng nuối tiếc đầy bất lực của hổ mà còn bộc lộ khát vọng tự do tha thiết. Tất cả những điều đó đã được thể hiện bằng một ngòi bút thật tài hoa.

Đề 150: Em có nhận xét gì về câu nói của Hoài Thanh khi đọc bài *Nhớ rừng*: "Thế Lữ như một vị tướng điều khiển đội quân Việt ngữ với một mệnh lệnh không thể cưỡng lại được"?

Bài làm

Nhà phê bình Hoài Thanh đã đã ca ngợi Thế Lữ như một viên tướng điều khiển đội quân Việt ngữ bằng những mệnh lệnh không thể cưỡng được. Điều này nói lên nghệ thuật sử dụng từ ngữ điêu luyện, đạt đến độ chính xác cao. Chỉ riêng về âm thanh rừng núi, Thế Lữ cho ta nghe thấy tiếng gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi, tiếng thét khúc trường ca dữ dội. Để tạo ra sự nuối tiếc quá khứ oanh liệt, nhà thơ dùng những điệp từ "nào đâu...", "đâu..." thể hiện nỗi tiếc nuối khôn nguôi của hổ về quá khứ vinh quang, oai hùng. Cũng có thể thấy câu thơ Thế Lữ miêu tả dáng hiên ngang, hùng dũng, mềm mại của chúa sơn lâm:

Ta bước chân lên, dõng dạc, đường hoàng
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng
Vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc

Mấy câu thơ trên có sự nhịp nhàng, cân đối, gợi hình ảnh con hổ khoan thai, mềm mại, với bước chân chậm rãi thật tài tình.

Hay một đoạn khác tả cảnh tầm thường của con người bắt chước, học đòi thiên nhiên:

Những cảnh sửa sang, tầm thường giả dối
Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng
Dải nước đen giả suối, chẳng thông dòng

Câu thơ: "*Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng*" được viết theo cách ngắt nhịp đều nhau, có cấu tạo chủ vị giống nhau – điều đó như mô phỏng sự đơn điệu, tầm thường của cảnh vật.

Được sáng tác trong hoàn cảnh đất nước còn đang bị kẻ thù đô hộ, giày xéo, bản thân tác giả cũng không tránh khỏi thân phận của một người dân nô lệ nhưng *Nhớ rừng* không rơi vào giọng điệu uỷ mị, yếu đuối. Ngược lại, nó đã thể hiện một sức sống mạnh mẽ, tiềm ẩn, chỉ có ở những con người, những dân tộc không bao giờ biết cúi đầu, luôn khao khát hướng đến tự do.

Đề 151: Cảm nhận của em về khổ thơ sau:

"Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ".

(Quê hương – Tế Hanh)

Bài làm

Sau chuyến đi biển miệt mài, trở về đất liền, hình ảnh người dân chài hiện lên thật đẹp đẽ:

"Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm".

Không hề có dấu hiệu của sự mệt mỏi, biển đêm không khiến con người sợ hãi và yếu đuối. "Làn da ngăn rám nắng" là làn da đặc trưng của người dân vùng chài, vốn đã trải qua nhiều dầu dãi nắng mưa, nay ánh lên sự mạnh mẽ, rắn rỏi. Bước xuống đất liền từ con thuyền chòng chành cập bến, các anh giống như những Thạch Sanh vùng biển: "Cả thân hình nồng thở vị xa xăm". Không chỉ làn da mà còn từ ánh mắt, bàn tay, bước đi... từ "cả thân hình" đều nồng thở cái hương vị mặn mòi của biển cả. "Vị xa xăm" là hương vị từ phương xa, là gió đại dương, là muối đại dương, là nắng đại dương, là hơi thở của đại dương nữa... "xa xăm" vốn là cảm nhận của thị giác, chỉ sự xa xôi, mơ hồ; nay được kết hợp với từ chỉ xúc giác "vị" khiến cho câu thơ trở nên tinh tế vô cùng. Trong từ "nồng thở" còn như ẩn chứa một sức mạnh dồi dào, bền bỉ đã được tôi rèn từ lâu trong tâm hồn để từ làn da, đôi mắt, nụ cười... đều sáng bừng sự sống.

Cùng với các chàng trai vùng chài là những con thuyền "bạn người đi biển":

"Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ".

Sau thời gian lao động vất vả, con thuyền không giấu giếm vẻ mệt mỏi của mình: "Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm". Biện pháp nhân hoá khiến người đọc hình dung rất rõ dáng vẻ nặng nề, thấm mệt của chiếc

thuyền khi chậm chạp neo vào bến đỗ. Nó lặng im "Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ". Trong câu thơ này, Tế Hanh đã sử dụng biện pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác một cách một cách tinh tế. "Nghe" là động từ chỉ hoạt động của thính giác, "thấm" lại là cảm nhận của xúc giác. Con thuyền nằm nghỉ đồng thời cảm nhận từng chuyển động tinh vi nhất đang diễn ra trong mình. Cách viết ấy vừa gợi sự mệt nhọc thấm thía của con thuyền vừa thể hiện được sự tinh tế tuyệt vời của nhà thơ, tưởng như Tế Hanh đồng cảm sâu sắc với cảm giác, cảm xúc của con thuyền... Khổ thơ trên là một trong những khổ thơ hay nhất trong bài thơ "Quê hương" của Tế Hanh. Đọc khổ thơ, người đọc có thể cảm nhận trong đó bao nhiêu niềm yêu mến, tự hào về quê hương xứ sở của nhà thơ.

Đề 152: Hình ảnh người dân làng chài qua bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh.

Bài làm

Hình ảnh nổi bật trong bài thơ của Tế Hanh là hình ảnh làng chài với những sinh hoạt vô cùng thân thuộc, những người dân chài mạnh khoẻ, cường tráng và dương nhiên không thể thiếu hình ảnh những người dân chài bơi thuyền ra khơi và cảnh đón thuyền cá về bến – những hoạt động vốn được coi là biểu tượng của làng chài.

Đoàn thuyền ra khơi trong một ngày thật đẹp:

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng.

Thời tiết đẹp không chỉ thiết thực với người dân chài (thời tiết có đẹp thì mới ra khơi được) mà còn làm nổi bật vẻ đẹp của làng chài trong tình yêu và nỗi nhớ của nhà thơ. Sức lực tràn trề của những người trai làng như truyền vào con thuyền, tạo nên khung cảnh ấn tượng, rất mạnh mẽ và hoành tráng:

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã
Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

Những con thuyền rẽ sóng băng băng và lời thơ cũng theo đó mà bay bổng trong không gian vô cùng rộng rãi, khoáng đạt. Mọi hình ảnh đều được nâng lên đến mức biểu tượng. Chiếc thuyền thì "hăng như con tấu mã", một từ "phăng" thật mạnh mẽ, dứt khoát đã đưa con thuyền "mạnh mẽ vượt trường giang".

Sau cảnh "*khắp dân làng tấp nập đón ghe về*" (gợi tả không khí sinh hoạt vô cùng thân thuộc của làng chài), những câu thơ đột ngột chùng xuống:

Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;

Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

Từ tả thực, những câu thơ lại dần nghiêng về sắc thái biểu tượng lắng sâu. Điều đó góp phần tạo cho bài thơ một cấu trúc hài hoà, cân đối. Bên trên là cảnh rẽ sóng vượt trùng dương thì đến đây là cảnh nghỉ ngơi. Cái tĩnh đi liền ngay sau cái động nhưng không tách biệt hoàn toàn. Có một sợi dây liên kết, một sự gắn bó rất mật thiết phía sau hình ảnh "làn da ngăm rám nắng" và "thân hình nồng thở vị xa xăm" của những người trai làng chài, bên cạnh đó còn phải kể đến chi tiết rất gợi cảm: chiếc thuyền đã trở về nghỉ ngơi trên bến nhưng vẫn "nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ". Từ "chất muối" cho đến hơi thở "vị xa xăm" đều gợi đến biển cả, đến những chuyển động vượt qua muôn ngàn sóng gió. Đó chính là khát vọng chinh phục đại dương rất mãnh liệt, đã ngấm sâu trong huyết quản của những người dân làng chài, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Ai sinh ra ở vùng duyên hải hẳn chẳng lạ gì những cánh buồm. Thế nhưng những câu thơ của Tế Hanh vẫn có một cái gì đó là lạ và cuốn hút:

Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

Cánh buồm vô tri đã được người thi sĩ thổi vào một tâm hồn. Đó chính là cái hồn thiêng liêng (trong tâm khảm nhà thơ) của ngôi làng ấy. Nhà thơ đã lấy cái đặc trưng nhất (những cánh buồm) để mà gợi ra bao ước mơ khao khát về một cuốc sống no ấm, đủ đầy. Câu thơ sau thấm chí còn "có hồn" hơn. Thuyền không phải tự ra khơi mà đang "rướn" mình ra biển cả. Hình ảnh thơ đẹp và thi vị biết bao.

Hai câu thơ dưới đây lại mang một hương vị khác – hương vị nồng mặn của biển khơi:

Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,

Cả thân hình nồng thở vị xa xăm.

Hai câu thơ là một bức tranh vẽ phác về hình ảnh dân chài. Đó là những con người dường như được sinh ra từ biển. Cuộc sống biển khơi dãi dầu mưa nắng làm cho làn da "ngăm rám" lại, trong cả "hơi thở" của thân hình cũng là hương vị xa xăm của biển. Hai câu thơ không phải chỉ là sự miêu tả đơn thuần mà nó là sự cảm nhận bằng cả một tâm hồn sâu sắc với quê hương.

Trên đây là những hình ảnh sâu đậm, rõ nét nhất được tái hiện từ kí ức. Đến bốn câu thơ cuối, nhà thơ đã giãi bày trực tiếp tình cảm của mình với quê hương:

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ.

Trong nỗi nhớ lại thấp thoáng màu nước xanh, cát bạc, cánh buồm... và hẳn không thể thiếu con thuyền "rẽ sóng chạy ra khơi". Có thể thấy những

hình ảnh ấy cứ trở đi trở lại, day dứt mãi trong tâm trí nhà thơ để rồi cuối cùng lại làm bật lên cảm xúc:

Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!

Câu thơ được viết thật giản dị nhưng cũng thật gợi cảm, đủ nôn nao lòng người. Bởi nó có sức nặng ngay từ nỗi nhớ da diết và chân thành của tác giả đối với quê hương.

Nét đắc sắc nghệ thuật nổi bật nhất của bài thơ này là sự sáng tạo các hình ảnh thơ. Bài thơ cho thấy một sự quan sát tinh tế, một sự cảm nhận và miêu tả sắc sảo. Hình ảnh thơ phong phú, vừa chân thực lại vừa bay bổng và lãng mạn khiến cho cả bài thơ rất có hồn và tràn đầy thi vị.

Bài thơ sử dụng kết hợp phương thức miêu tả và biểu cảm. Nhưng yếu tố miêu tả chủ yếu nhằm phục vụ cho biểu cảm, trữ tình. Nhờ sự kết hợp này mà hình ảnh thơ vừa lột tả được chân thực, tinh tế cảnh vật và con người của cuộc sống miền biển vừa thể hiện sâu sắc những rung động của tâm hồn nhà thơ.

Đề 153: Phân tích giá trị của các biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

"Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió"

(*Quê hương* – Tế Hanh)

Bài làm

"Chiếc buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió"

Hai câu thơ trên đã vẽ lên một hình ảnh tuyệt đẹp: cánh buồm trắng no căng gió đưa con thuyền vượt lên phía trước. Tế Hanh đã có một so sánh rất lạ: "Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng". Phép so sánh thường lấy đối tượng trừu tượng so sánh với đối tượng cụ thể để người đọc, người nghe hình dung rõ về đối tượng trừu tượng đó. Trong phép so sánh của Tế Hanh, nhà thơ lại lấy một hình ảnh cụ thể "cánh buồm" để so sánh với một hình ảnh trừu tượng" mảnh hồn làng". Viết như vậy thật độc đáo! "Mảnh hồn làng" gợi đến truyền thống chăm chỉ, cần cù và bao đức tính quí báu của người dân vùng biển. So sánh "cánh buồm " với "mảnh hồn làng" khiến hình ảnh cánh buồm trở nên thiêng liêng, xúc động biết bao. Không chỉ vậy, cánh buồm "rướn thân trắng bao la thâu góp gió". Động từ "rướn " rất mạnh mẽ và hình ảnh "rướn thân trắng" cũng vô cùng gợi cảm, nó gợi đến sự trong sáng, vẻ thuần khiết của "cánh buồm" và cũng là của "mảnh hồn làng". Không chỉ vậy, cánh buồm "rướn thân trắng" để "bao la thâu góp gió" của đại dương và biển cả còn thể hiện khao khát chinh phục tự nhiên và vũ trụ của con người. Qua hình ảnh cánh buồm tuyệt đẹp, Tế Hanh đã thể hiện tâm hồn khoáng đạt của người dân làng chài "quê hương".

Đề 154: Lòng yêu nước của Trần Quốc Tuấn qua văn bản *Hịch tướng sĩ*

Bài làm

Trần Quốc Tuấn (1231 – 1300) – người đã được vua Trần giao cho thống lĩnh quân đội, đã lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên thắng lợi vẻ vang. Người nổi tiếng là biết trọng kẻ sĩ thu phục nhân tài. Trần Quốc Tuấn là một người anh hùng dân tộc, nhà quân sự thiên tài. Lòng yêu nước của ông nước thể hiện rõ qua văn bản "Hịch tướng sĩ", văn bản khích lệ tướng sĩ học tập cuốn "Binh thư yếu lược" do ông biên soạn.

Trước sự lâm nguy của đất nước, lòng yêu nước thiết tha của vị chủ soái Trần Quốc Tuấn được thể hiện ở lòng căm thù sục sôi quân cướp nước. Ta hãy nghe ông kể tội ác của giặc: "Ngó thấy sự giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thoả lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, vét của kho có hạn. Thật khác nào đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai hoạ về sau!". Tác giả gọi giặc là "cú diều, dê chó, hổ đói" không chỉ vạch trần sự tham lam, độc ác mà còn vạch rõ dã tâm xâm lược của giặc; thể hiện sự khinh bỉ, căm ghét tột độ. Không chỉ kể tội ác của giặc mà Trần Quốc Tuấn còn bày tỏ nỗi đau xót trước nỗi nhục của quốc thể, nỗi đau đớn xót xa. Đó là biểu hiện của sự sẵn sàng xả thân để rửa nhục cho nước, để bảo vệ nền độc lập của dân tộc, khát vọng nước xả thân cho nước: "Chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan, uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa ta cũng vui lòng".

Qua bài hịch, Trần Quốc Tuấn không chỉ thể hiện lòng căm thù sục sôi quân cướp nước mà còn thể hiện ý chí quyết chiến, quyết thắng, quyết xả thân cho độc lập dân tộc. Ông vạch ra hai con đường chính – tà cũng là một con đường sống chết để thuyết phục tướng sĩ. Trần Quốc Tuấn biểu lộ một thái độ dứt khoát: hoặc là địch hoặc là ta, không có vị trí chông chênh cho những kẻ bàng quan trước thời cuộc. "Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung, các ngươi cứ điềm nhiên không biết rửa nhục, không lo trừ hung, không dạy quân sĩ, chẳng khác nào quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, giơ tay mà không chịu thua giặc. Nếu vậy rồi đây sau khi giặc đã dẹp yên, muôn đời để thẹn, há còn mặt mũi nào đứng trong trời đất nữa?", đó là lời động viên tới mức cao nhất ý chí và quyết tâm chiến đấu của mọi người.

Tình yêu thương chân thành, tha thiết dành cho tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn đều được xuất phát từ lòng nhân hậu từ lòng yêu nước. Với quân sĩ dưới quyền, Trần Quốc Tuấn luôn đối xử như với con mình, với những người quen: "Các ngươi cùng ta coi giữ binh quyền đã lâu ngày, không có mặc thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho cơm; quan nhỏ thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng; đi thuỷ thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa; lúc trận mạc xông pha thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà nhàn hạ thì cùng nhau vui

cười". Đó là mối ân tình giữa chủ và tướng nhằm khích lệ ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người đối với lẽ vui tôi cũng như tình cốt nhục. Chính tình yêu thương tướng sĩ chân thành tha thiết mà Trần Quốc Tuấn đã phê phán những biểu hiện sai, đồng thời chỉ ra cho tướng sĩ những hành động đúng nên theo, nên làm. Những hành động này đều xuất phát từ ý chí quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược. Đó là sự băn khoăn trước tình trạng tướng sĩ không biết lo lắng cho đất nước: không thấy lo, thấy thẹn khi nhà vua và đất nước bị kẻ thù làm nhục; chỉ biết vui thú tiêu khiển, lo làm giàu, ham săn bắn, thích rượu ngon, mê tiếng hát,... Nguy cơ thất bại rất lớn khi có giặc Mông Thái tràn sang: "cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc, mẹo cờ bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh; dẫu rằng ruộng lắm, vườn nhiều, tấm thân quí nghìn vàng khôn chuộc; vả lại vợ bìu con díu; việc quân cơ trăm sự ích chi; tiền của tuy nhiều khôn mua được đầu giặc, chó săn tuy khoẻ không đuổi được quân thù, chén rượu ngon không thể làm cho giặc say chết, tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai. Lúc bấy giờ, ta cùng các ngươi sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào!". Chính lòng yêu nước mà Trần Quốc Tuấn đã chỉ ra cho tướng sĩ những hành động nên làm: "Nay ta bảo thật các ngươi: nên nhớ câu "đặt mồi lửa vào giữa đống củi' là nguy cơ, nên lấy điều "kiềng canh nóng mà thổi rau nguội" "làm run sợ. Huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên".

Bài "Hịch tướng sĩ" của Trần Quốc Tuấn phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta nói chung và Trần Quốc Tuấn nói riêng trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. Nó được thể hiện qua lòng căm thù giặc, ý chí quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược và những tình cảm dành cho tướng sĩ dưới trướng.

Đề 155: Từ trích đoạn *Nước Đại Việt ta* (*Bình Ngô đại cáo* – Nguyễn Trãi) em có suy nghĩ gì về lòng yêu nước?

Bài làm

Lòng yêu nước là một đề tài quan trọng xuyên suốt mấy thế kỉ của nền văn học Việt Nam. Trong buổi đầu non trẻ của văn học dân tộc, đề tài này đã được khai thác thể hiện lòng tự hào của mỗi người con dân đất Việt. Ta có thể kể đến các tác phẩm: "Nam quốc sơn hà" của Lí Thường Kiệt (?), "Phò giá về kinh" của Trần Quang Khải, "Bạch Đằng giang phú" của Trương Hán Siêu,... Và không thể không nhắc đến "Đại cáo bình Ngô" của Nguyễn Trãi. Trích đoạn sau đây của bài cáo nổi tiếng này chẳng những thể hiện sâu sắc lòng yêu nước của tác giả mà còn gợi nhiều suy nghĩ giàu ý nghĩa về lòng yêu nước:

"Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân

...

Chứng cớ còn ghi".

Trích đoạn "Nước Đại Việt ta" được trích từ "Bình Ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi. Bài cáo được viết cuối năm 1427 đầu năm 1428 sau khi Lê Lợi cùng nghĩa quân Lam Sơn đánh đuổi giặc Minh xâm lược. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa đã rửa sạch vết nhơ mất nước do nhà Hồ gây ra đồng thời chấm dứt hoạ đô hộ cùng những chính sách dã man, những hành động tàn bạo mà giặc Minh gây ra cho nhân dân ta. Ra đời trong hoàn cảnh đó, "Bình Ngô đại cáo" đã tái hiện quá trình hơn hai mươi năm khởi nghĩa đầy nhọc nhằn, khó khăn của nghĩa quân Lam Sơn; những nỗi đau mà dân tộc phải hứng chịu cũng như chiến thắng đầy hào khí của cuộc khởi nghĩa oanh liệt trước kẻ thù. Kết lại bài cáo, Nguyễn Trãi đã bố cáo cho toàn thiên hạ về nền độc lập lâu bền của đất nước và giương cao lòng nhân nghĩa trong nhân gian.

Nếu "Nam quốc sơn hà" của Lí Thường Kiệt được coi là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc thì "Bình Ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi chính là bản tuyên ngôn độc lập đầy hào sảng thứ hai của đất nước ta. Đoạn trích "Nước Đại Việt ta" chính là đoạn trích thể hiện rõ nhất nội dung tuyên ngôn ấy.

Mở đầu đoạn trích là tuyên ngôn nhân nghĩa của bài cáo:

"Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo".

Điều ấy có nghĩa là việc nhân nghĩa trên đời cốt ở việc giữ sự bình yên cho dân chúng, quân đội binh lính việc trước tiên là lo trừ bạo, trừ giặc cho dân. Hai câu văn ấy đã khẳng định tư tưởng lấy dân làm gốc "dĩ dân vi bản" đầy tiến bộ. Trong quan niệm của xã hội phong kiến xưa, tư tưởng nhân nghĩa thường bó hẹp trong cách hiểu là làm điều thiện giúp đỡ người khác. Như trong "Truyện Lục Vân Tiên" của Nguyễn Đình Chiểu, việc nhân nghĩa là việc cứu người bị nạn: Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga, ông ngư cứu Lục Vân Tiên... "Dốc lòng nhân nghĩa há chờ trả ơn". Nhưng với Nguyễn Trãi, ở cương vị một bậc quân sư tham mưu cho chủ tướng – nhà vua Lê Lợi, ông đã có cái nhìn khái quát và sâu sắc hơn. Xét đến tận cùng, bản chất của nhân nghĩa là yêu dân, thương dân, làm cho dân có được cuộc sống yên vui, no đủ. Không chỉ vậy, cũng theo quan niệm xưa, binh lính là lực lượng bảo vệ quyền lợi của nhà vua và giai cấp phong kiến. Song trong trích đoạn này, Nguyễn Trãi đã khẳng định rằng, nhiệm vụ thiêng liêng, cao cả nhất của quân đội là "lo trừ bạo" cho an dân, bình thiên hạ. Tư tưởng ấy chỉ có thể có ở một bậc ái quốc, ái dân vĩ đại.

Và cũng xuất phát từ tấm lòng thương dân tha thiết, Nguyễn Trãi có một lòng yêu nước, lòng tự tôn dân tộc sâu sắc. Xưa, trong "Nam quốc sơn hà", tác giả bài thơ "thần" đã khẳng định nền độc lập của đất nước trên phương diện lãnh thổ, đất đai và bộ máy quyền lực. Nay, Nguyễn Trãi đã bổ sung để hoàn chỉnh những yếu tố góp phần khẳng định quyền tự chủ độc lập đáng tự hào của dân tộc:

"Như nước Đại Việt ta từ trước
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu
Núi sông bờ cõi đã chia
Phong tục Bắc Nam cũng khác
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau
Song hào kiệt đời nào cũng có"

"Nước Đại Việt ta từ trước" đã vốn có nền văn hiến từ lâu. Văn hiến là những giá trị tinh thần mà con người đã sáng tạo ra, đó là tín ngưỡng, là tư tưởng, là đạo đức... Phải là một dân tộc có bề dày lịch sử, có trí tuệ, có chiều dài phát triển lâu bền mới xây dựng được cho mình một nền văn hiến riêng biệt. Nói cách khác, văn hiến là dấu hiệu của sự văn minh. Không chỉ có sự riêng biệt về nền văn hiến của dân cư, xét về cương vị lãnh thổ nước ta cũng có biên giới riêng biệt: "Núi sông bờ cõi đã chia". Câu văn này gợi đến cái hồn của câu thơ "thần" năm 1076 "Sông núi nước Nam vua Nam ở / Rành rành định phận ở sách trời". Núi sông bờ cõi và cương vực lãnh thổ của đất nước đã được phân chia rạch ròi trong lịch sử, trong tiềm thức của mỗi người dân hai quốc gia. Và chính điều tâm niệm thiêng liêng ấy đã tạo nên ý thức xây dựng, bảo tồn, phân biệt về phong tục tập quán của nhân dân hai đất nước: "Phong tục Bắc Nam cũng khác". Phong tục tập quán là những thói quen trong đời sống, sinh hoạt đã ăn sâu vào cách sống, cách nghĩ của con người. Có thể nói, cùng với nền văn hiến lâu đời, phong tục tập quán đã cùng góp phần tạo nên bản sắc văn hoá Việt Nam.

Nền độc lập tự chủ của đất nước không chỉ được tạo nên từ những nét riêng biệt trong quần chúng nhân dân và lãnh thổ đất nước mà còn được đánh dấu bằng sự độc lập về bộ máy chính quyền – triều đại trị vì và những cá nhân kiệt xuất:

"Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau
Song hào kiệt đời nào cũng có".

Hai câu văn điểm tên các triều đại hai đất nước đối nhau rất chỉnh, điều đó khẳng định vị thế ngang hàng nhau của các bậc vương tử hai nhà nước. Chữ "đế" trong câu thứ hai "mỗi bên xưng đế một phương" được dùng rất "đắc địa". Xưa nay, vua chúa Trung Hoa tự coi mình là "thiên tử" (con trời), họ tự xưng "đế" và gọi vua các nước khác là "vương". Trong bài cáo này, Nguyễn Trãi đầy tự hào khi khẳng định các nhà vua của ta cũng là "đế" sánh ngang hàng với vua chúa Trung Hoa: "mỗi bên xưng đế một phương", vậy nên không hề có quan hệ nước lớn – nước nhỏ như các triều đại phong

kiến phương Bắc từng quan niệm. Không chỉ vậy, khi nêu tên các triều đại hai đất nước, Nguyễn Trãi đã đặt nước ta lên trước. Chỉ một chi tiết nhỏ thôi song hàm ý ẩn chứa trong đó rất sâu sắc: nó khẳng định lòng tự tôn dân tộc của tác giả nói riêng và mỗi người Việt Nam nói chung.

Bên cạnh những ông vua hiền và các triều đại phong kiến tiêu biểu, nước ta cũng có những anh tài hào kiệt. Dù rất tự hào về dân tộc nhưng Nguyễn Trãi cũng không phóng đại những ưu điểm và không giấu giếm những giai đoạn suy thoái, ông viết "Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau". Để từ đó, lời khẳng định của ông đầy sức thuyết phục: "Song hào kiệt đời nào cũng có".

Bằng một đoạn văn ngắn ngủi, Nguyễn Trãi đã thuyết phục người đọc, người nghe về những yếu tố góp phần khẳng nền độc lập dân tộc. Chính bởi nền độc lập thiêng liêng ấy mà mỗi người dân Đại Việt đều sẵn sàng xả thân vì đất nước và dẫu kẻ thù có mạnh đến đâu cũng bị khuất phục bởi sức mạnh được khơi nguồn từ nền văn hiến lâu đời, từ chủ quyền lãnh thổ linh thiêng...

Bởi vậy:
Lưu Cung tham công nên thất bại
Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong
Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã
Việc xưa xem xét
Chứng cớ còn ghi"

Những dẫn chứng cụ thể của đoạn trích về những thất bại của giặc đanh thép như một bản cáo trạng. Hàng loạt tên của giặc được liệt kê: Lưu Cung, Triệu Tiết, Toa Đô, Ô Mã liền theo đó là những địa danh lẫy lừng gắn với thất bại thê thảm của giặc và cũng là chiến thắng vang dội của ta: cửa Hàm Tử, sông Bạch Đằng. Điều đặc biệt là đoạn văn này có nhịp câu thay đổi đột ngột, trở nên ngắn và đanh hơn; các câu lại đối nhau rất chặt "Lưu Cung" – "Triệu Tiết", "tham công" – "thích lớn", "nên thất bại" – "phải tiêu vong", "Cửa Hàm Tử" – "Sông Bạch Đằng", "bắt sống Toa Đô" – "giết tươi Ô Mã",... Những yếu tố đó khiến đoạn văn giống như lời cảnh cáo đối với những âm mưu xâm lược của kẻ thù đồng thời nêu cao niềm tự hào về truyền thống đánh giặc giữ nước của cha ông.

Có thể nói, đoạn văn bản "Nước Đại Việt ta" đã thể hiện một cách hùng hồn lòng yêu nước thông qua việc nêu cao ngọn cờ nhân nghĩa yêu nước thương dân đồng thời bày tỏ niềm tự hào về quyền độc lập tự chủ của đất nước và truyền thống đánh giặc giữ nước của tổ tiên. Lòng yêu nước là những điều thật giản dị, tình cảm ấy nằm ngay trong những suy nghĩ, cảm xúc của mỗi chúng ta về nơi mình sinh ra, lớn lên. Và chính những tình cảm ấy sẽ trở thành động lực để chúng ta phấn đấu học tập rèn luyện vì tương lai quê hương, đất nước mình.

Đề 156: Cho câu chủ đề: Sức thuyết phục của văn chính luận Nguyễn Trãi là ở chỗ kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và thực tiễn. Dựa vào văn bản *Nước Đại Việt ta*, em hãy viết đoạn văn tổng phân hợp để chứng minh ý kiến trên.

Bài làm

Sức thuyết phục của văn chính luận Nguyễn Trãi là ở chỗ kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và thực tiễn. Quả đúng như vậy! Người anh hùng Nguyễn Trãi đã tự tin khẳng định truyền thống văn hiến lâu đời của nước Việt ta. Và quả thực chúng ta rất tự hào bởi trên thực tế:

Núi sông bờ cõi đã chia

Phong tục Bắc Nam cũng khác

Nhân dân ta có chủ quyền, có thuần phong mỹ tục riêng làm nên hai phương Bắc – Nam khác biệt. Ta có nền độc lập vững vàng được xây bằng những trang sử vẻ vang. Hùng cứ cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên ở phương Bắc là các triều Triệu, Đinh, Lý, Trần ở phương Nam. Hơn thế nữa, bao đời nay:

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau

Song hào kiệt đời nào cũng có

So với *Nam quốc sơn hà*, khái niệm quốc gia dân tộc của Nguyễn Trãi hoàn thiện hơn nhiều. Vậy là sức mạnh của nhân nghĩa, một khái niệm chung chung trừu tượng đã được người anh hùng dân tộc làm cho sinh động bằng chính thực tiễn lịch sử oai hùng của dân tộc.

Đề 157: *Nước Đại Việt ta* là áng văn tràn đầy lòng tự hào dân tộc. Dựa vào văn bản *Nước Đại Việt ta* của Nguyễn Trãi hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

Bài làm

Trong lịch sử văn học dân tộc, áng thiên cổ hùng văn "Bình Ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi được coi là bản tuyên ngôn độc lập thứ hai. Đó là áng văn tràn đầy lòng tự hào dân tộc. Chỉ qua đoạn trích "Nước Đại Việt ta" (Sách giáo khoa *Ngữ văn 8* tập 2) ta đã thấy rõ điều đó.

"Bình Ngô đại cáo" ra đời sau khi Lê Lợi cùng nghĩa quân Lam Sơn đánh tan bè lũ xâm lược nhà Minh. Bài cáo ra đời bố cáo với toàn thiên hạ chiến thắng của dân tộc, khẳng định nền độc lập tự chủ của nước nhà đồng thời cảnh tỉnh ý thức của binh lính nhà Minh về cuộc chiến tranh phi nghĩa xâm lược nước ta.

Văn bản *Nước Đại Việt ta* là phần mở đầu của bài *cáo*. Tuy ngắn gọn nhưng đoạn trích nêu lên những tiền đề cơ bản, làm nổi bật những quan điểm tích cực, có ý nghĩa then chốt đối với nội dung của toàn bài. Những

tiền đề đó là chân lí về nhân nghĩa và chân lí về sự tồn tại độc lập có chủ quyền của dân tộc Đại Việt.

Văn bản được mở đầu bằng những lời văn đầy nhân nghĩa:

"Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo"

Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là "yên dân", "trừ bạo". Yên dân là làm cho dân được hưởng thái bình, hạnh phúc. Mà muốn yên dân thì trước hết phải diệt trừ bọn tàn bạo. Người dân mà tác giả nói đến ở đây là những người dân Đại Việt đang phải chịu bao đau khổ dưới ách thống trị của giặc Minh. Như vậy khái niệm nhân nghĩa của Nguyễn Trãi gắn liền với lòng yêu nước, gắn liền với quốc gia, dân tộc. Những kẻ bạo ngược mà tác giả nói đến ở đây không phải ai khác, đó chính là bọn giặc Minh nói riêng và bè lũ xâm lược nói chung.

Đoạn trích được nối tiếp bằng những dòng văn đầy tự hào:

"Như nước Đại Việt ta từ trước
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu
Núi sông bờ cõi đã chia
Phong tục Bắc Nam cũng khác
Từ Triệu Đinh Lí Trần bao đời xây nên độc lập
Cùng Hán Đường Tống Nguyên mỗi bên xưng đế một phương
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau
Song hào kiệt đời nào cũng có"

Để khẳng định chủ quyền độc lập của dân tộc, Nguyễn Trãi đã dựa vào các yếu tố như: *nền văn hiến lâu đời, cương vực lãnh thổ, phong tục tập quán, lịch sử riêng, chế độ riêng*. Với những yếu tố căn bản này, tác giả đã đưa ra một khái niệm khá hoàn chỉnh về quốc gia, dân tộc.

Sức thuyết phục của văn chính luận Nguyễn Trãi là ở chỗ kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và thực tiễn. Quả đúng như vậy! Người anh hùng Nguyễn Trãi đã tự tin khẳng định truyền thống văn hiến lâu đời của nước Việt ta. Và quả thực chúng ta rất tự hào bởi trên thực tế:

Núi sông bờ cõi đã chia
Phong tục Bắc Nam cũng khác

Nhân dân ta có chủ quyền, có thuần phong mỹ tục riêng làm nên hai phương Bắc – Nam khác biệt. Ta có nền độc lập vững vàng được xây bằng những trang sử vẻ vang. Hùng cứ cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên ở phương Bắc là các triều Triệu, Đinh, Lý, Trần ở phương Nam. Hơn thế nữa, bao đời nay:

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau
Song hào kiệt đời nào cũng có

So với ý thức về quốc gia dân tộc trong bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc – bài thơ "Sông núi nước Nam" – thì ở tác phẩm này của Nguyễn Trãi, ta thấy nó vừa có sự kế thừa lại vừa có sự phát huy và hoàn thiện. Ý thức về nền độc lập của dân tộc thể hiện trong bài *Sông núi nước Nam* được xác định ở hai phương diện: lãnh thổ và chủ quyền; còn trong bài *Nước Đại Việt ta*, ý thức dân tộc đã phát triển cao, sâu sắc và toàn diện. Ngoài lãnh thổ và chủ quyền, ý thức về độc lập dân tộc còn được mở rộng, bổ sung thành các yếu tố mới: đó là nền văn hiến lâu đời, đó là phong tục tập quán riêng, truyền thống lịch sử anh hùng. Có thể nói, ý thức dân tộc đến thế kỉ XV đã phát triển sâu sắc, toàn diện hơn nhiều so với thế kỉ X.

Trong phần văn bản "Nước Đại Việt ta", tác giả sử dụng nhiều lớp từ ngữ diễn đạt tính chất hiển nhiên, vốn có lâu đời của nước Đại Việt ta. Các từ như: *từ trước, vốn xưng, đã lâu, đã chia, cũng khác*,... Bên cạnh đó, biện pháp so sánh kết hợp với liệt kê cũng tạo cho đoạn văn hiệu quả cao trong lập luận (tác giả đặt nước ta ngang hàng với Trung Hoa về nhiều phương diện như: *trình độ chính trị, văn hoá*,...). Đặc biệt, những câu văn biền ngẫu chạy song song liên tiếp với nhau cũng giúp cho nội dung nghệ thật và chân lí mà tác giả muốn khẳng định chắc chắn và rõ ràng hơn.

Với tư cách là phần văn bản mở đầu áng thiên cổ hùng văn "Bình Ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi, văn bản "nước Đại Việt ta" đã khẳng định lí tưởng yêu nước, thương dân của những nhà lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Hơn thế, đoạn trích còn khẳng định vị thế dân tộc trên nhiều phương diện, từ đó thể hiện lòng tự hào dân tộc vô bờ của tác giả.

Đề 158: Em hãy cho biết: Để khẳng định chủ quyền độc lập của dân tộc, Nguyễn Trãi đã dựa vào các yếu tố nào? So với bài thơ Nam quốc sơn hà, đâu là những yếu tố kế thừa, đâu là những yếu tố phát triển?

Bài làm

Để khẳng định chủ quyền độc lập của dân tộc, Nguyễn Trãi đã dựa vào các yếu tố như: *nền văn hiến lâu đời, cương vực lãnh thổ, phong tục tập quán, lịch sử riêng, chế độ riêng*. Với những yếu tố căn bản này, tác giả đã đưa ra một khái niệm khá hoàn chỉnh về quốc gia, dân tộc.

So với ý thức về quốc gia dân tộc trong bài thơ Sông núi nước Nam, thì ở Nguyễn Trãi, ta thấy nó vừa có sự kế thừa lại vừa có sự phát huy và hoàn thiện. Ý thức về nền độc lập của dân tộc thể hiện trong bài *Sông núi nước Nam* được xác định ở hai phương diện: lãnh thổ và chủ quyền; còn trong bài *Nước Đại Việt ta*, ý thức dân tộc đã phát triển cao, sâu sắc và toàn diện. Ngoài lãnh thổ và chủ quyền, ý thức về độc lập dân tộc còn được mở rộng, bổ sung thành các yếu tố mới: đó là nền văn hiến lâu đời, đó là phong tục tập quán riêng, truyền thống lịch sử anh hùng. Có thể nói, ý thức dân tộc đến thế kỉ XV đã phát triển sâu sắc, toàn diện hơn nhiều so với thế kỉ X.

Đề 159: Hịch là gì? Viết đoạn văn nêu đặc điểm của thể hịch trong đó có sử dụng một *câu phủ định* (gạch dưới chân câu văn đó).

Bài làm

Hịch là một thể văn thư cổ mà các tướng lĩnh, vua chúa hoặc người thủ lĩnh một tổ chức, một phong trào dùng để kêu gọi cổ vũ mọi người hăng hái chiến đấu tiêu diệt kẻ thù. <u>Như vậy, hịch không phải là thể văn được sử dụng thông dụng trong thời bình như chiếu, phú, tấu, sớ...</u> Về hình thức, hịch thường được viết theo lối văn tứ lục, cũng có khi viết bằng văn xuôi hay thơ lục bát. Một bài hịch thường được cấu trúc theo ba phần chính: Phần đầu nêu lên một nguyên lí đạo đức hay chính trị làm cơ sở tư tưởng, lí luận; phần giữa nêu thực trạng đáng chú ý (thường là kể tội kẻ thù); phần cuối nêu giải pháp và lời kêu gọi chiến đấu.

Đề 160: Viết một văn (từ 8 đến 10 câu) về cảnh đẹp của quê hương em, trong đó có sử dụng dấu ngoặc kép.

Bài làm

"Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Trấn Vũ canh gà Thọ Xương
Mịt mù khói tỏa ngàn sương
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ".

Bài ca dao quả thực đã thể hiện được cái hồn thanh khiết mà bình dị của Hồ Tây quê em. Hồ Tây là hồ có diện tích lớn nhất Hà Nội, nước hồ trong trẻo luôn mang một sắc xanh mênh mông rợn ngợp đến khôn tả. Sáng sớm, sương mai bảng lảng mặt hồ, từ bờ bên này nhìn sang bờ bên kia chỉ thấy khung cảnh mờ mờ ảo ảo như chốn thần tiên nào. Đến khi mặt trời ló lên, hơi ấm dìu sương về vũ trụ, cảnh sắc mới hiện lên thật rõ ràng và không quên mang theo cái trong trẻo, mát lành rất hiếm có chốn Hà thành. Sau một đêm sương phủ, không khí như trong lành hơn, lá như xanh và non hơn, mặt hồ cũng như rộng và xa hơn nữa... Cái nắng trưa rải những tia vàng xuống kết duyên cùng mặt nước tạo nên những hạt sóng ngọc xôn xao ngụp lặn reo vui không ngớt. Dần dà, khi hoàng hôn xuống, sắc vàng diễm lệ chuyển sang một ráng đỏ huy hoàng mặt trời muốn gửi gắm xuống nhân gian. Nhìn đàn sâm cầm bất chợt bay ngang qua, lòng em lâng lâng một lời hát Trịnh Công Sơn: "Bầy sâm cầm nhỏ, vỗ cánh mặt trời...".

Đề 161: Em hãy cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản *Thuế máu (trích Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc).

Bài làm

Văn bản "Thuế máu" được trích từ chương I cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp* – một tác phẩm chính luận của Nguyễn Ái Quốc viết bằng tiếng Pháp, xuất bản lần đầu tiên tại Pa–ri năm 1925, xuất bản lần đầu tiên ở

Việt Nam năm 1946. Tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* ra đời trong thời kì chủ nghĩa thực dân Pháp thực hiện âm mưu "khai thác triệt để" thuộc địa. Sau đại chiến thứ nhất, bọn đế quốc Pháp phản bội mọi lời hứa hẹn tốt đẹp với nhân dân thuộc địa. Hơn nữa, chúng ra sức tăng cường toàn bộ chính sách bóc lột, đàn áp hết sức dã man, với những kế hoạch quy mô, những tổ chức có hệ thống về mọi mặt: kinh tế, chính trị, văn hóa. Hầm mỏ, nhà máy, đồn điền cao su tập trung hàng nghìn công nhân là những địa ngục trần gian. Thuế má nặng nề, phi lí, rượu cồn, thuốc phiện..., giam hãm người nông dân trong cảnh bần cùng, đói rét. Bộ máy quan lại được củng cố, trở thành những công cụ đắc lực, bắt bớ những người yêu nước và bóc lột đến tận cái khố rách của nhân dân thuộc địa. Chúng thi hành mọi chính sách thâm hiểm và trắng trợn chống lại nền văn hóa dân tộc. Nấp sau chiêu bài "Bình đẳng, Bác ái", và nhiều khi không cần chiêu bài gì, chúng muốn biến những dân tộc bị áp bức thành những dân tộc đời đời làm nô lệ. Để thực hiện những âm mưu ấy, chủ nghĩa đế quốc Pháp xuất khẩu những tên thực dân sang thuộc địa. Bọn này hùng hổ kéo từng đoàn, từng lũ sang thuộc địa để vơ vét, chém giết, dưới khẩu hiệu lừa bịp "khai hóa". Dù che giấu dưới cái vẻ hào nhoáng nào, chúng vẫn lộ nguyên hình là những con quỷ dữ. Đó là hình ảnh cụ thể nhất của chủ nghĩa đế quốc "ăn bám" và "thối nát". *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Hồ Chủ tịch đã miêu tả quá trình tiêu vong của chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn giãy chết của nó, qua hình tượng những tên thực dân dưới nhiều hình dáng.

Đề 162: Cái nhìn của tác giả Nguyễn Ái Quốc đối với các dân tộc bị áp bức được thể hiện qua *Bản án chế độ thực dân Pháp*.

Bài làm

Phong trào giải phóng dân tộc "đánh dấu một giai đoạn mới trong lịch sử thế giới vào đầu thế kỉ 20". Đặc biệt, chiến tranh đế quốc 1914 – 1918 và hòa ước Vécxây đáng sỉ nhục làm cho các dân tộc và các giai cấp bị áp bức trên toàn thế giới nhận định được rõ, thêm bản chất của chủ nghĩa tư bản. Các nước đồng minh "chiến thắng", một mặt tăng cường bóc lột giai cấp công nhân Châu Âu, Châu Mĩ, một mặt ra sức khai thác tàn nhẫn thuộc địa. Cách mạng Tháng Mười chỉ ra con đường đấu tranh của nhân loại cần lao. "Phương Đông thức tỉnh" sẽ góp phần quan trọng đánh đổ chủ nghĩa đế quốc. Nhân dân các nước bị nô dịch nổi dậy giành độc lập, tự do, có nghĩa là từng bộ phận của chủ nghĩa đế quốc sẽ sụp đổ, bão táp cách mạng sẽ nổi lên ở Châu Á, Châu Phi, Châu Mĩ latinh. Người anh hùng mới của thế kỉ 20 ra đời với một trách nhiệm lớn lao. Điều đó không thể vắng mặt trong văn học thế giới.

Hồ Chủ tịch, người chiến sĩ tiên phong đã phất cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, dành trọn cuộc đời mình cho công cuộc cách mạng vĩ đại ấy. Ở đâu, bất cứ lúc nào, Bác cũng hướng tình cảm, ý chí, hoạt động vào đó. Bác "tin

theo Lênin", tán thành Đệ tam Quốc tế, học tập, nghiên cứu, vào sinh ra tử cũng vì sự nghiệp giải phóng các dân tộc bị áp bức. Những phút xúc động nhất trong đời Bác, khi ở nước ngoài, thời trẻ, là những phút Bác nghĩ đến những dân tộc còn sống trong vòng nô lệ: khi Bác được tin ông Cúc (Cook) tuyệt thực và chết vì vấn đề độc lập của dân tộc mình, khi Bác thấy những người công nhân da đen bị nước biển cuốn đi. Những lần ấy, Bác đã khóc. Tâm hồn nghệ sĩ của Bác dễ rung cảm trước những cảnh hùng vĩ. Trần Dân Tiên kể rằng: trên tàu biển, anh Ba thích xem cảnh mặt trời mọc; những đêm trăng, anh đi đi lại lại trên tàu, "hầu như không ngủ", và anh Ba "ngây người nhìn một hòn đảo ở Tênêrippho, miệng nhắc đi nhắc lại:

– "Bốn! Anh nhìn kìa! Đẹp quá, hùng vĩ quá!".

Trái tim ấy hiểu thấu và thương cảm sâu xa hàng trăm triệu người sống cuộc đời lầm than, khổ nhục. Trái tim ấy càng thấy rõ cái "hùng vĩ" của những người nô lệ, những người có tâm hồn trong sáng, thủy chung, kiên cường – những người có đầy đủ chí khí để làm cách mạng. "Và muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình".

Hiểu rõ giai cấp công nhân, Bác Hồ biết tất cả nỗi khổ cực và sức mạnh của họ, những người duy nhất có khả năng lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc. Xuất thân từ một gia đình yêu nước, Bác thông cảm sâu sắc với nông dân. Hình ảnh người nông dân thuộc địa chiếm vai trò lớn trong tác phẩm *"Bản án chế độ thực dân Pháp"* (...) Đề bạt người nông dân như một người bạn chiến đấu dũng cảm của giai cấp công nhân, đó là một sáng tạo trong văn học lúc bấy giờ. Qua hình tượng người nông dân trong tác phẩm, Hồ Chủ tịch chỉ rõ rằng vấn đề thuộc địa thực chất là vấn đề nông dân.

Nói đến họ, lời văn *"Bản án chế độ thực dân Pháp"* bao giờ cũng đầm ấm, thiết tha, bác hiểu tấm lòng thương yêu quê hương đất nước của họ. Đàn cừu, mảnh vườn đối với họ là những gì thân thiết nhất: "Họ phải đột ngột lìa vợ, lìa con, bỏ đàn cừu, bỏ mảnh ruộng để vượt đại dương, đem xương phơi trên các bãi chiến trường Châu Âu". Dù có sống sót, họ cũng chỉ lê "tấm thân tàn ma dại" trở về sống kiếp trâu ngựa dưới cái chế độ "không hề biết gì đến công lí và chính nghĩa". Bọn thực dân kết án tử hình những người vô tội. Tiếng oán hờn thống thiết như thúc giục mọi người hãy thấm máu trên người, đứng dậy làm cách mạng, đánh đuổi bọn thực dân: "Máu của những người Việt Nam ấy nhuộm đỏ cánh đồng Mả – nguy, dù có phai với thời gian, nhưng vết thương lòng của những bà mẹ già, những em bé mồ côi, thì không bao giờ hàn gắn được". Chương *Những nỗi khổ nhục của người đàn bà bản xứ* chứa chan tình thương cảm xót xa của Bác.

Không phải Bác chỉ thấy ở nhân dân lao động thuộc địa cuộc đời đầy oan khốc, Bác còn thấy họ là những người khẳng khái, thương nước yêu nhà, và dũng cảm phản kháng cái chế độ thuộc địa bất lương ấy. Những người phụ nữ có chồng con, cha anh bị giam cầm, đã vượt mọi gian nguy

đến thăm họ: "Tất cả cái đám người đã kiệt sức ấy mang theo đủ mọi thứ, nào nón, nào quần áo rách, cơm nắm... để lên đưa cho người bị can, là cha, là chồng". Đó là những người nông dân "nổi lên chống tạp dịch", là những người Lào bỏ nhà bỏ cửa trốn đi, không chịu đi phu cho giặc, là "những vụ biến động lừng danh năm 1908 và năm 1916" ở Việt Nam. Đặc biệt, trong chương XII, *Nô lệ thức tỉnh*, tác giả đã kết thúc tác phẩm bằng hình ảnh đầy hứa hẹn của Trường Đại học Phương Đông, trên đất nước Liên Xô, một "dấu hiệu của kỉ nguyên mới" của các dân tộc bị áp bức.

Tóm lại, với *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Hồ Chủ tịch, một nhân vật tích cực đã ra đời trong văn học hiện đại: nhân vật đại diện cho các dân tộc bị áp bức ở thuộc địa vùng dậy làm cách mạng, đại diện cho một lực lượng cách mạng hiện nay đang làm cho chủ nghĩa đế quốc suy yếu và tan vỡ, và thúc đẩy quá trình diệt vong của nó; một nhân vật anh hùng mà giản dị, gian khổ mà trong sáng, kiên cường, bất khuất, một lòng thủy chung với cách mạng.

Đề 163: Em hãy viết đoạn văn cho biết kết quả sự hi sinh của những người dân các nước thuộc địa trong văn bản "Thuế máu" của Nguyễn Ái Quốc.

Bài làm

Trong văn bản "Thuế máu" của Nguyễn Ái Quốc, kết quả sự hi sinh của những người dân thuộc địa được trả bằng những cái giá thật tàn tệ. Chiến tranh kết thúc cũng là lúc những lời hứa trước đây của các ngài cũng tự dưng biến mất. Những người từng hi sinh xương máu cho mẫu quốc, những người trước đây đã từng được tâng bốc thì giờ đây, hỡi ôi, họ lại trở về với "cái giống người hèn hạ" như xưa. Bộ mặt lừa bịp của bọn thực dân được bộc lộ trắng trợn khi bọn chúng cướp hết những của cải mà người lính mua sắm được, đánh đập họ vô cớ hay đối xử với họ như súc vật vậy. Bỉ ổi hơn, nhằm vơ vét cho đầy túi, bọn thực dân còn cấp cả môn bài bán lẻ thuốc phiện cho thương binh người Pháp hay vợ con của tử sĩ người Pháp. Cách "báo ơn" ấy không chỉ càng làm cho những người Pháp nhục nhã hơn mà còn làm cho cả một dân tộc kiệt quệ, suy vong.

Đề 164: Trong văn bản *Thuế máu (trích Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc), em có nhận xét gì về thái độ của các quan cai trị thực dân đối với người dân thuộc địa ở hai thời điểm trước chiến tranh và khi chiến tranh xảy ra cũng như số phận bi thảm của những người dân thuộc địa trong các cuộc chiến tranh phi nghĩa của thực dân?

Bài làm

Văn bản "Thuế máu" của Nguyễn Ái Quốc đã vạch rõ thái độ đê mạt của đám quan cai trị thực dân đối với người dân thuộc địa ở hai thời điểm trước chiến tranh và khi chiến tranh xảy ra đồng thời đồng cảm sâu sắc với số phận bi thảm của những người dân thuộc địa trong các cuộc chiến tranh phi nghĩa của thực dân.

Trước chiến tranh, các đấng cai trị xem những người dân thuộc địa là *"những tên da đen bẩn thỉu... giỏi lắm thì cũng chỉ biết kéo xe tay và ăn đòn của các quan cai trị nhà ta"*. Chúng coi các dân tộc thuộc địa là chưa được "khai hoá văn minh", là "dã man", "mọi rợ",... Nhưng khi chiến tranh bùng nổ, lập tức họ được các quan cai trị tâng bốc lên, khoác cho những danh hiệu cao quý: những người bạn, những nhà ái quốc,... và rồi đẩy họ đi khắp các chiến trường.

Cách đối xử của bọn thực dân lộ rõ bản chất bỉ ổi và thủ đoạn lừa bịp của chúng. Những người An Nam nói riêng và người dân các nước thuộc địa nói chung, vô hình chung đã trở thành vật hi sinh, trở thành những tấm lá chắn cho Pháp trên khắp các chiến trường.

Và họ phải nhận lấy một số phận bi thảm, trở thành vật tế trong những cuộc chiến tranh phi nghĩa. Họ đành chấp nhận đột ngột xa gia đình, quê hương vì những mục đích vô nghĩa, vì những vinh dự hão huyền mà các đấng "khai hoá" khoác lên mình họ. Họ bị biến thành những vật hi sinh cho lợi ích của bọn cầm quyền: phơi thây trên các bãi chiến trường châu Âu, bỏ xác tại những miền hoang vu thơ mộng, trở thành mồi cho cá mập, vùi xác dưới những đáy biển lạnh lẽo,.... Những người không trực tiếp ra trận thì cũng bị vắt kiệt sức trong các xưởng thuốc súng ghê tởm hoặc bị nhiễm bệnh bởi muôn vàn các chất độc hại khác mà chết. Những thống kê số liệu về sự hi sinh của những người dân đen tội nghiệp ấy càng khắc sâu thêm tình cảnh bi thảm của họ: *Tổng cộng có bảy mươi vạn người bản xứ đặt chân lên đất Pháp; và trong số ấy, tám vạn người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa.*

Đề 165: Viết đoạn văn nêu nhận xét về cách đặt tên chương, tên các phần trong văn bản *Thuế máu (trích Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc).

Bài làm

Trong văn bản "Thuế máu", Nguyễn Ái Quốc đã có cách đặt tên chương, tên các phần rất ấn tượng. Chúng đã phản ánh chính xác thực tế cuộc sống, gợi được sự căm phẫn trong lòng người đọc cũng như chứng tỏ tinh thần chiến đấu mạnh mẽ và sự phê phán triệt để của Nguyễn Ái Quốc đối với bè lũ thực dân đế quốc. *Thuế máu* là cái tên chương rất sắc sảo khi phản ánh rất đúng thực tế ở thuộc địa khi dân chúng phải chịu đủ những thứ thuế bất công vô lí. "Thuế" là phần thu bắt buộc cố định theo kì hạn mà chính quyền yêu cầu người dân phải nộp. Ở các nước thuộc địa, nhân dân phải đóng thuế đất, thuế lúa, thuế muối,... rồi bất công hơn là thuế thân. Nhưng xót xa hơn cả, tàn nhẫn hơn cả là khi họ rơi vào hoàn cảnh bị bóc lột xương máu, phải đem máu và mạng sống của mình cống nạp cho chính quyền cai trị. Lúc ấy, thứ thuế họ phải đóng chính là dòng máu của mình – "Thuế máu". Trong

chương sách, trình tự và tên gọi các phần cũng rất mạch lạc và biểu cảm. Nó gợi lên rất rõ quá trình lừa bịp, bóc lột tàn tệ của bọn thực dân. Đó là một quá trình bóc lột rất tinh vi từ. *Chiến tranh và những người bản xứ* phản ánh tình trạng người dân thuộc địa trong thời kì trước và khi chiến tranh thế giới lần thứ nhất xảy ra. Phần *Chế độ lính tình nguyện* phân tích bản chất chế độ lính mà khi chiến tranh nổ ra, người dân thuộc địa "tình nguyện" đầu quân. Và rồi, cuối cùng tác giả chỉ ra *Kết quả của sự hi sinh* rất vô nghĩa của những người dân bản địa trong cuộc chiến ấy đồng thời chua xót lên án cách đối xử của chính quyền đối với binh lính thuộc địa sau mỗi cuộc chiến tranh ăn cướp. Cách đặt tên chương, tên các phần văn bản chẳng những tạo ra sự hấp dẫn đối với người đọc, người nghe mà còn khẳng định tài năng bậc thầy của Nguyễn Ái Quốc trong lĩnh vực văn học.

Đề 166: Phân tích bài thơ *Vọng nguyệt* (*Ngắm trăng*) của Hồ CHí Minh.

Bài làm

Sinh thời, Bác Hồ luôn chú tâm chăm lo cho sự nghiệp cách mạng của đất nước, Người không có ham muốn trở thành một nhà thơ nhưng như đã có lần Bác viết:

"Ngâm thơ ta vốn không ham
Nhưng ngồi trong ngục biết làm sao đây?"

Hoàn cảnh "rỗi rãi" khiến Người đến với thơ ca như một kì duyên. Trong những năm tháng bị giam trong nhà lao Tưởng Giới Thạch, Bác đã có một bài thơ thật hay: "Vọng nguyệt".

"Ngục trung vô tửu diệc vô hoa
Đối thử lương tiêu nại nhược hà?
Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt
Nguyệt tòng song khích khán thi gia"

Bài thơ được dịch là "Ngắm trăng":

"Trong tù không rượu cũng không hoa
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ"

Thi đề của bài thơ là "Vọng nguyệt" – "Ngắm trăng". Người xưa ngắm trăng trên những lầu vọng nguyệt, những vườn hoa với bạn hiền, túi thơ, chén rượu.. Nhưng nay, Bác ngắm trăng trong hoàn cảnh thật đặc biệt:

"Trong tù không rượu cũng không hoa"

Câu thơ hé mở bao điều bất ngờ. Người ngắm trăng là một người tù không có tự do "trong tù". Trong hoàn cảnh ấy, con người thường chỉ quay quắt với cái đói, cái đau và sự hận thù. Nhưng Hồ Chí Minh với tấm lòng

yêu thiên nhiên tha thiết, Người lại hướng đến ánh trăng trong sáng, dịu hiền. Chẳng những vậy, chốn ngục tù tăm tối ấy "không rượu cũng không hoa". Từ "diệc" trong nguyên văn chữ Hán (nghĩa là "cũng") nhấn mạnh những thiếu thốn, khó khăn trong điều kiện "ngắm trăng"của Bác.

Không tự do, không rượu, không hoa nhưng "Đối thử lương tiêu nại nhược hà?" – Đối diện với ánh trăng sáng ta biết làm sao đây? Nguyên văn chữ Hán là một câu hỏi đầy bối rối, đầy băn khoăn của tâm hồn thi nhân trước vẻ đẹp trong sáng, tròn đầy của ánh trăng. Không có những điều kiện vật chất tối thiểu, không có cả tự do nhưng ở Hồ Chí Minh đã có một cuộc "vượt ngục tinh thần" vô cùng độc đáo như Bác đã từng tâm sự:

"Thân thể ở trong lao
Tinh thần ở ngoài lao"

Thể xác bị giam cầm nhưng tâm hồn Bác vẫn bay bổng với thiên nhiên. Điều đó được lí giải bởi tình yêu của Bác đối với thiên nhiên và còn bởi một tinh thần "thép" không bị khuất phục bởi cái xấu, cái ác. Trăng trong sáng, lòng người cũng trong sáng nên giữa trăng và người đã có sự giao hòa tuyệt vời:

"Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt
Nguyệt tòng song khích khán thi gia"

Bản dịch thơ:

"Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ"

Trong bản nguyên tác chữ Hán, nhà thơ sử dụng phép đối giữa hai câu thơ "nhân" – "nguyệt", "hướng" – "tòng", "song tiền" – "song khích", "minh nguyệt" – "thi gia". Điều đó thể hiện sự đồng điệu, giao hòa giữa người và trăng để trăng và người giống như đôi bạn tri âm tri kỉ. "Nhân" đã chẳng quản ngại cảnh lao tù mà "hướng song tiền khán minh nguyệt". Trong tiếng Hán, "khán" có nghĩa là xem, là thưởng thức. Đáp lại tấm lòng của người tù – thi nhân, vầng trăng cũng "tòng song khích khán thi gia". Trong tiếng Hán, "tòng" là theo; trăng theo song cửa mà vào nhà lao "khán" thi gia. Đó là một cảm nhận vô cùng độc đáo. Vầng trăng là biểu tượng cho vẻ đẹp vĩnh hằng của vũ trụ, là niềm khát vọng muôn đời của các thi nhân. Vậy mà nay, trăng len mình qua song cửa hẹp, đặt chân vào chốn lao tù ẩm ướt hôi hám để chiêm ngưỡng nhà thơ hay chính là tâm hồn nhà thơ vậy. Điều đó đã khẳng định vẻ đẹp trong con người Hồ Chí Minh.

"Vọng nguyệt" ra đời trong những năm 1942 – 1943 khi Bác Hồ bị giam trong nhà lao Tưởng Giới Thạch. Bài thơ thể hiện phong thái ung dung, coi thường hiểm nguy gian khổ của Bác. Dù trong bất kì hoàn cảnh nào, Người cũng hướng đến thiên nhiên bộc lộ tấm lòng ưu ái rộng mở với thiên nhiên. Đó là một trong những biểu hiện quan trọng của tinh thần thép Hồ Chí Minh.

"Vọng nguyệt" không chỉ là một bài thơ tả cảnh đơn thuần. Thi phẩm còn là một bức tranh chân dung tinh thần tự họa của Hồ Chí Minh. Và như thế, bài thơ thực sự là một thi phẩm đáng trân trọng trong kho tàng thi ca Việt Nam.

Đề 167: Hình ảnh Bác Hồ hiện lên qua bài thơ *Ngắm trăng* (Hồ Chí Minh).

Bài làm

Tháng 8–1942, Hồ Chí Minh từ Pác Bó (Cao Bằng) bí mật lên đường sang Trung Quốc để tranh thủ sự viện trợ quốc tế cho cách mạng Việt Nam, nhưng khi đến gần thị trấn Túc Vinh thì Người bị chính quyền địa phương ở đây bắt giữ, giải đi khắp gần 30 nhà giam của 13 huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, bị đày đoạ hơn một năm trời. Thời gian này, Người đã viết *Nhật kí trong tù* bằng thơ chữ Hán, gồm 133 bài, phần lớn là thơ tứ tuyệt. Tập thơ thể hiện một tâm hồn cao đẹp, ý chí cách mạng kiên cường và nghệ thuật thi ca đặc sắc. Bài thơ *Ngắm trăng* được trích trong tập *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh.

"Ngục trung vô tửu diệc vô hoa
Đối thử lương tiêu nại nhược hà?
Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt
Nguyệt tòng song khích khán thi gia"

Bài thơ được dịch là "Ngắm trăng":

"Trong tù không rượu cũng không hoa
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ"

Trong các các câu thơ dịch, câu thứ hai trong nguyên tác có nghĩa là "Trước cảnh đẹp đêm nay biết làm thế nào?". Câu thơ dịch dịch thành: *Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ* đã làm mất đi cái xốn xang, bối rối của nhân vật trữ tình (cũng là mất đi sự lãng mạn và nhạy cảm trước thiên nhiên trong tâm hồn của Bác). Hai câu thơ cuối (bản dịch) cũng kém phần đăng đối hơn so với phiên âm. Hơn nữa từ *nhòm* và *ngắm* trong câu cuối là hai từ đồng nghĩa, khiến cho lời dịch không bảo đảm được sự cô đúc của ý tứ và thể thơ.

Thường người ta ngắm trăng vào những lúc thảnh thơi, thư thái. Thế nhưng ở đây, Hồ Chí Minh lại ngắm trăng trong một hoàn cảnh rất đặc biệt: ở trong tù. Khi Bác nói "*Trong tù không rượu cũng không hoa*" thì không có nghĩa là Bác đang than thở cũng không phải đó là một lời phê phán. Chỉ có thể nghĩ rằng, trước đêm trăng tuyệt đẹp ấy, Bác mong được thưởng trăng một cách trọn vẹn (và đúng là thật tiếc nếu không có rượu, có

hoa). Chính việc nhớ đến rượu và hoa trong cảnh ngục tù này đã cho thấy, người tù không hề vướng bận gì về vật chất và những gian nan mà mình đang phải chịu. Người tù vẫn ung dung tự tại, vẫn thả hồn mình cùng với thiên nhiên.

Hai câu cuối của bài thơ chữ Hán đối nhau rất chỉnh:

Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,

Nguyệt tòng song khích khán thi gia.

Các từ chỉ người (*nhân, thi gia*) và các từ chỉ trăng (*nguyệt*) đặt ở hai đầu, ở giữa là cửa nhà tù (*song*). Thế nhưng, giữa người và trăng vẫn tìm được sự giao hoà với nhau. Cấu trúc đối này đã làm nổi bật tình cảm mãnh liệt giữa người và trăng, nổi bật sự gắn bó thân thiết của một mối quan hệ từ lâu đã trở thành tri kỉ (Bác với trăng).

Hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh hiện lên trong bài thơ nổi bật ở khía cạnh người chiến sĩ không chút bận tâm về gông cùm, đói rét,...Trước khó khăn, Bác vẫn giữ được phong thái ung dung, tự tại. Bài thơ còn thể hiện nổi bật tâm hồn nghệ sĩ của Bác Hồ, một tâm hồn luôn rộng mở với thiên nhiên.

Cuộc ngắm trăng trong bài *Vọng nguyệt* có hoàn cảnh không giống như các cuộc ngắm trăng khác: bài thơ được Bác làm khi phải chịu cảnh tù đày. Và có thể nói, mỗi bài thơ Bác viết về trăng lại có những nét riêng: trăng đầy sức sống, đầy sức xuân trong *Rằm tháng giêng (Nguyên tiêu)*; trăng thi vị và tri kỉ trong *Báo tiệp (Tin thắng trận)*,...Nói chung, ở tất cả những bài này, Bác đều đã cho người đọc thấy vẻ đẹp của một tâm hồn thi sĩ, luôn mở rộng lòng để giao hoà cùng với thiên nhiên.

Đề 168: Phân tích những nét đặc sắc nghệ thuật trong hai câu thơ cuối bài thơ *Vọng nguyệt – Ngắm trăng* của Hồ Chí Minh.

Bài làm

Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,

Nguyệt tòng song khích khán thi gia.

Trước hết, có thể thấy hai câu thơ trên đối nhau rất chỉnh: nhân – nguyệt, hướng – tòng, khán minh nguyệt – khán thi gia. Phép đối ấy thể hiện sự hô ứng đồng điệu về trạng thái, tâm hồn giữa người và trăng. Điều kì lạ là các từ chỉ người (*nhân, thi gia*) và các từ chỉ trăng (*nguyệt*) đặt ở hai đầu, ở giữa là cửa nhà tù (*song*). Thế nhưng, giữa người và trăng vẫn tìm được sự giao hoà với nhau: người "hướng" đến trăng và trăng "tòng" theo người. Điều này đã làm nổi bật tình cảm mãnh liệt giữa người và trăng, nổi bật sự gắn bó thân thiết của một mối quan hệ từ lâu đã trở thành tri kỉ (Bác với trăng). Không chỉ vậy, Bác dùng từ "tòng" rất "đắt". "Tòng" là "theo" (giống chữ "tòng" trong "Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng

phu, phu tử tòng tử"). Vầng trăng muôn đời này là niềm mộng ước của các thi nhân, trăng đại diện cho cái đẹp, cái hoàn mĩ, cái thanh cao. Vậy mà nay, trăng "tòng" theo khe cửa nhà tù chật hẹp, hôi hám để "khán" thi gia thì hẳn người thơ ấy phải thanh cao, đẹp đẽ đến nhường nào. Hai câu thơ không chỉ làm nổi bật mối quan hệ tri kỉ giữa người và trăng mà còn khẳng định vẻ đẹp tâm hồn người tù cách mạng Hồ Chí Minh.

Đề 169: Chép lại chính xác bài thơ *Đi đường* của Hồ Chí Minh.

Viết đoạn văn (6 – 8 câu) nêu cảm nghĩ của em về Bác Hồ sau khi học bài thơ *Đi đường*, trong đó có sử dụng 1 câu nghi vấn (gạch dưới chân câu văn đó).

Bài làm

Đi đường

– Hồ Chí Minh –

Đi đường mới biết gian lao
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng
Núi cao lên đến tận cùng
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.

Qua bài thơ "Đi đường" của Hồ Chí Minh, người đọc đã cảm nhận được một nhân cách cao đẹp trong con người của Bác. Có lẽ trên thế giới ít có vị lãnh tụ nào phải chịu nhiều cảnh tù đày, khổ đau như Bác. Bài thơ "Đi đường" cùng tập thơ "Nhật kí trong tù" chẳng phải đã ra đời trong những năm tháng tù đày đầy oan khuất của Bác đó sao? Cùng với tù đày là những nỗi đớn đau tột cùng về thể xác bởi đường đi có quá nhiều gian khó:

"Đi đường mới biết gian lao
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng"

Đường đi chuyển lao gian khó cũng có nghĩa là con đường hoạt động cách mạng nhiều gian khó: hình ảnh "Núi cao rồi lại núi cao trập trùng" gợi đến những cảnh tù đày, bắt bớ, những giam cầm,... Nhưng vượt lên tất cả, tâm hồn Bác toả sáng bởi tấm lòng rộng mở đối với thiên nhiên, và đặc biệt là bởi sự lạc quan với tầm nhìn lãnh tụ. Chỉ điều đó mới giúp Bác vượt qua tất cả những đau đớn về thể xác để có thể hạ xuống câu thơ:

"Núi cao lên đến tận cùng
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non".

Đề 170: Phân tích bài thơ *Đi đường* của Hồ Chí Minh để làm sáng tỏ nhận định sau:

"Từ những bài thơ viết trong hoàn cảnh nhà tù dưới chế độ Tưởng Giới Thạch tàn bạo và mục nát toát ra một phong thái ung dung, một khí phách hào hùng, một ý chí sắt đá, một tinh thần lạc quan cách mạng không gì lay chuyển nổi".

Bài làm

Bác Hồ từng tự sự: "Ngâm thơ ta vốn không ham / Nhưng mà trong ngục biết làm sao đây?". Và bởi thế, ra đời trong những năm tháng Bác bị giam cầm, tập thơ "Nhật kí trong tù" từng được ví như một đoá hoa mà vô tình văn học Việt Nam nhặt được bên đường. Toát lên từ tập thơ là một tinh thần "thép" rắn rỏi, lạc quan: "Từ những bài thơ viết trong hoàn cảnh nhà tù dưới chế độ Tưởng Giới Thạch tàn bạo và mục nát toát ra một phong thái ung dung, một khí phách hào hùng, một ý chí sắt đá, một tinh thần lạc quan cách mạng không gì lay chuyển nổi". Bài thơ "Đi đường" là một trong những số ấy.

"Tài lộ tài tri tẩu lộ nan
Trùng san chi ngoại hựu trùng san
Trùng san đăng đáo cao phong hậu
Vạn lí dư đồ cố miện gian".

Bài thơ được dịch là:

"Đi đường mới biết gian lao
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng
Núi cao lên đến tận cùng
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non".

Bài thơ ra đời trong những năm tháng Bác Hồ bị bắt giam trong nhà lao Tưởng Giới Thạch. Bác bị chúng giải đi hết nhà lao này đến nhà lao khác. Đường chuyển lao không những dài dặc mà còn vô cùng gian lao, phải trải qua núi non trùng điệp và những vực thẳm hun hút hiểm sâu. Nhưng dẫu vậy, từ trong khổ đau vẫn bừng lên ý chí "thép" mang đậm phong cách Hồ Chí Minh. Bài thơ "Đi đường" – "Tẩu lộ" đã thể hiện rõ điều đó.

"Đi đường mới biết gian lao"

Câu thơ là một nhận định nhưng đồng thời cũng là một chân lí: Có đi đường mới biết những sự vất vả, khó khăn của việc đi đường. Vậy những điều "nan", "gian lao" ấy là gì?

"Núi cao rồi lại núi cao trập trùng"

Đường chuyển lao là những con đường đi qua các vùng núi hiểm trở của tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Tầng tầng lớp lớp những ngọn núi tiếp nối nhau chạy mãi đến chân trời. Hết ngọn núi này lại đến ngọn núi khác, vậy

nên mới có hình ảnh "Núi cao rồi lại núi cao trập trùng". Trong nguyên văn chữ Hán là "Trùng san chi ngoại hựu trùng san". "Trùng san" có nghĩa là trùng trùng lớp lớp núi cao; "hựu" là "lại", câu thơ mang ý nghĩa: trùng trùng núi cao bên ngoài lại có núi cao trùng trùng. Một câu thơ mà có tới hai chữ "trùng san", huống chi lại có chữ "hựu", bởi vậy, câu thơ nguyên gốc gợi nên hình ảnh những đỉnh núi nhọn hoắt cao vút trời xanh trập trùng chạy mãi đến chân trời. Con đường ấy, mới chỉ nhìn thôi đã thấy đáng sợ. Nếu tù nhân là một người tù bình thường, ắt hẳn họ đã bị nỗi sợ hãi làm cho yếu mềm, nhụt chí. Nhưng người tù ấy lại là một người cộng sản vĩ đại: Hồ Chí Minh. Và bởi vậy, hai câu thơ cuối bài đã thực sự thăng hoa:

"Trùng san đăng đáo cao phong hậu
Vạn lí dư đồ cố miện gian"

Hai câu thơ được dịch khá sát là:

"Núi cao lên đến tận cùng
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non".

Sau những vất vả, nhọc nhằn của con đường leo núi, khi đã lên đến tận đỉnh người tù cách mạng được chứng kiến một hình ảnh vô cùng hùng vĩ: "muôn trùng nước non". Theo tâm lí thông thường, trên con đường gian lao trập trùng đồi núi, khi lên đến đỉnh, con người dễ lo lắng, mệt mỏi khi nghĩ đến con đường xuống núi dốc thẳm cheo leo và những quả núi ngút ngàn khác. Nhưng Hồ Chí Minh thì ngược lại. Điều Người cảm nhận là niềm tự hào, sung sướng khi được đứng từ trên đỉnh cao chiêm ngưỡng sự hùng vĩ, bao la của nước non, vũ trụ. Hình ảnh "thu vào tầm mắt muôn trùng nước non" thật hào sảng. Nó gợi đến hình ảnh bé nhỏ của con người đang đối diện trước cái mênh mông, trập trùng của giang san. Con người ấy không choáng ngợp trước sự kì vĩ của đất trời mà rất vui sướng, bồi hồi như lần đầu tiên được tận mắt nhìn thấy gương mặt của nước non. Chính cảm quan ấy đã nâng vị thế con người sánh ngang tầm non nước. Đứng trước một sự thật khách quan, mỗi con người có một cảm nhận khác nhau. Cảm nhận ấy phụ thuộc vào thế giới quan và bản lĩnh của con người. Ở Hồ Chí Minh, Người đã có những cảm nhận lạc quan, tươi sáng về cuộc đời. Người không bị cái nhọc nhằn của thể xác lấn át đi ước mơ, khát vọng và lí tưởng mà ngược lại, đã vượt qua gian lao để khẳng định ý chí bền bỉ, sắt đá và niềm lạc quan, tin tưởng vào cách mạng của bản thân mình. Đó là tinh thần "thép" là vẻ đẹp tâm hồn Bác.

Bài thơ "Đi đường" – "Tẩu lộ" không chỉ là bức tranh về con đường chuyển lao đầy rẫy nhọc nhằn trở ngại, đó còn là bức tranh chân dung tinh thần tự hoạ Hồ Chí Minh. Từ bài thơ, người đọc có thể cảm nhận hình ảnh Bác vừa có thần thái ung dung, bình tĩnh của một bậc tiên phong đạo cốt vừa có nét kiên cường rắn rỏi, đầy lạc quan của một người chiến sĩ cách mạng. Và như thế, bài thơ "Đi đường" – "Tẩu lộ" cùng với nhiều bài thơ khác trong tập thơ "Nhật kí trong tù" thực sự là một đoá hoa đáng trân trọng của văn học Việt Nam.

Đề 171: Con người Hồ Chí Minh hiện lên qua bài thơ *Tức cảnh Pác Bó*.

Bài làm

Nhắc đến Bác Hồ là nhắc đến người lãnh đạo thiên tài của Cách mạng Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới. Nhưng nhắc đến Bác, còn là nhắc đến một lối sống thanh bạch, khiêm nhường, suốt đời chỉ chăm lo đến sự nghiệp cách mạng của đất nước. Điều đó được thể hiện rất rõ qua bài thơ "Tức cảnh Pác Bó":

"Sáng ra bờ suối tối vào hang
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng
Cuộc đời cách mạng thật là sang".

Bài thơ ra đời năm 1942, một thời gian ngắn sau khi Bác Hồ về nước. Trở lại Tổ quốc sau hơn ba mươi năm bôn ba, lặn lội, Bác Hồ ở trong một hang nhỏ tại Pác Bó, Cao Bằng. Khung cảnh thiên nhiên và đời sống sinh hoạt nơi đây đã khiến Người "tức cảnh sinh tình" và viết nên bài thơ này.

"Sáng ra bờ suối tối vào hang
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng"

Trong ba câu đầu của bài thơ, Bác nhắc đến điều kiện ở – ăn – làm việc của mình. Ở và ăn là hai nhu cầu tất yếu của con người. Và riêng với Hồ Chí Minh, khi nói đến đời sống sinh hoạt của mình, Người luôn đề cập thêm vấn đề công việc. Ấy bởi Bác là người luôn luôn làm việc, suốt đời làm việc, suốt đời lo cho dân, cho nước. Với Hồ Chí Minh, làm việc như một nhu cầu tất yếu, một bản năng. Điều đó cho thấy tấm lòng dành cho dân, cho nước của Bác vĩ đại nhường nào!

Nơi thâm sơn cùng cốc ấy, Người ở – ăn – làm việc như thế nào?

"Sáng ra bờ suối tối vào hang", câu thơ cho biết không gian sống của Bác là không gian núi rừng hoang sơ, dân dã: suối, hang. Không phải là tòa biệt thự đồ sộ, không phải là giường ấm, đệm êm dù Bác đang là một yếu nhân của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Trong hoàn cảnh khắc nghiệt, gian lao của đất nước, Người sẵn sàng sẻ chia thiếu thốn. Câu thơ có sự đối xứng nhịp nhàng: "sáng" – "tối", "suối" – "hang", "ra" – "vào". Không gian và thời gian khép lại câu thơ đầy bóng tối: "tối", "vào", "hang". Điều đó đã nhấn mạnh những gian khổ trong điều kiện ở của Bác. Chẳng những vậy, điều kiện ăn uống của Bác cũng rất hạn chế: "Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng". "Cháo bẹ " là cháo ngô, loại thức ăn đạm bạc thường ngày của đồng bào dân tộc Việt Bắc. "Rau măng" cũng vậy. Nhà thơ Phạm Tiến Duật từng viết "Hết rau rồi em có lấy măng không?", nghĩa là măng còn đạm bạc hơn cả rau rừng (vốn đã bị coi là đạm bạc rồi!). Nhưng dầu thiếu thốn, gian khổ đến vậy, Người "vẫn sẵn sàng" cho công việc cách mạng, phục vụ cho lợi ích của nước, của dân.

Và điều kiện làm việc của Người cũng không tránh khỏi những thiếu thốn "bàn đá chông chênh dịch sử Đảng". Từ "chông chênh" là từ láy chỉ tư thế không vững chãi, ở vị trí bấp bênh. Hình ảnh "bàn đá chông chênh" vừa gợi sự gian khổ của điều kiện làm việc vừa gợi tình thế gian nan của sự nghiệp cách mạng nước nhà. Hình ảnh Bác Hồ đăm chiêu làm việc bên một "bàn đá chông chênh" gợi bao niềm cảm động trong lòng độc giả. Nhưng Bác không để cảm hứng bài thơ xuôi theo cảm xúc ủy mị, yếu ớt của sự thiếu thốn, gian khổ. Câu thơ hợp của bài tứ tuyệt thật độc đáo:

"Cuộc đời cách mạng thật là sang!"

"Cuộc đời cách mạng" chính là cuộc sống với cái ở, cái ăn và sự làm việc như ba câu thơ trên. Bác dùng từ "thật là" mượn của khẩu ngữ rất tự nhiên, nó thể hiện sự cảm thán của người viết. Và chữ kết lại bài thơ thật bất ngờ: "thật là sang!". Chữ "sang" mang ý nghĩa là sang trọng, đầy đủ. Chữ "sang" làm bật lên tiếng cười vui vẻ, niềm lạc quan trước cuộc sống gian khổ, thiếu thốn. Chính tinh thần ấy đã trở thành động lực để Bác cùng những người đồng chí vượt qua sự ngặt nghèo của đời sống và tình thế cách mạng để làm việc và chiến đấu. Chỉ một chữ mà khắc họa chân dung tinh thần của một con người. Chữ "sang" xứng đáng là "nhãn tự" của bài thơ tứ tuyệt "Tức cảnh Pắc Bó".

"Tức cảnh Pác Bó" của Hồ Chí Minh thể hiện tinh thần lạc quan của Bác Hồ trong những năm tháng khó khăn của đời sống cách mạng. Dù những điều kiện sinh hoạt vô cùng hạn chế song bằng tinh thần làm việc hăng say và niềm tin vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc, Bác vẫn lạc quan mỉm cười để lấy đó làm động lực hoạt động. Bài thơ sử dụng một thể thơ cổ (thất ngôn tứ tuyệt) song ngôn ngữ rất giản dị, gần gũi, thậm chí có cả khẩu ngữ. Điều đó thể hiện tinh thần dân tộc trong ngòi bút thơ ca Hồ Chí Minh. Bài thơ cũng rất tinh tế trong việc lựa chọn trật tự từ, sử dụng từ ngữ... điều đó góp phần không nhỏ trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm.

Cùng với "Vọng nguyệt", "Nguyên tiêu", "Cảnh khuya"...,"Tức cảnh Pác Bó" xứng đáng là một trong những bức chân dung tinh thần xinh xắn của con người vĩ đại Hồ Chí Minh.

Đề 172: Em có nhận xét gì về giọng điệu của bài thơ *Tức cảnh Pắc Bó* của Hồ Chí Minh?

Bài làm

Giọng điệu chung của bài thơ là giọng sảng khoái, tự nhiên, hóm hỉnh pha chút vui đùa. Điều đó cho thấy, dù sống trong gian khổ nhưng tâm trạng của Bác vẫn rất lạc quan, hơn thế, Bác còn cảm thấy vui thích và thoải mái với cuộc sống nơi rừng núi hoang vu. Làm cách mạng và được sống hoà hợp với thiên nhiên là một niềm vui lớn của nhà cách mạng, nhà thơ Hồ Chí Minh. Những năm tháng sống và làm việc ở Pác Bó, thực tế

Bác đã phải trải qua rất nhiều những khó khăn. Thế nhưng những gian khổ ấy, những cháo bẹ, rau măng, bàn đá chông chênh,...không làm mờ đi được niềm tin và niềm vui vì thời cơ của cuộc giải phóng đang tới gần. Có được niềm tin ấy thì những gian khổ nhỏ nhoi trong sinh hoạt cá nhân kia có nghĩa lí gì, thậm chí, tất cả đều trở nên sang trọng cả. Bài thơ cho thấy nhân cách cao khiết của Hồ Chí Minh, cho thấy sự hi sinh thầm lặng của Người cho đất nước.

Đề 173: Trong văn bản *Côn Sơn ca* của Nguyễn Trãi (Ngữ văn 7) tác giả từng ca ngợi "thú lâm tuyền". Niềm vui đó của Nguyễn Trãi có gì giống và khác với Hồ Chí Minh trong bài *Tức cảnh Pác Bó*?

Bài làm

Nguyễn Trãi từng ca ngợi "thú lâm tuyền" (niềm vui thú được sống với rừng, suối) trong bài *Côn sơn ca*. Trong bài thơ này, Hồ Chí Minh cũng cho thấy niềm vui thú đó. Thế nhưng "thú lâm tuyền" của Nguyễn Trãi, ấy là cái "thú lâm tuyền" của người ẩn sĩ bất lực trước thực tế xã hội muốn "lánh đục về trong", tự tìm đến cuộc sống "an bần lạc đạo". Ở Hồ Chí Minh, cái "thú lâm tuyền" vẫn gắn với con người hành động, con người chiến sĩ. Nhân vật trữ tình trong bài thơ tuy có dáng vẻ của một ẩn sĩ nhưng thực tế đó lại là một người chiến sĩ đang tận tâm, tận lực vì tự do độc lập của non sông (*Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng*).

Đề 174: Hình ảnh Bác Hồ qua những bài thơ em đã học và đọc thêm trong chương trình Ngữ văn THCS.

Bài làm

Thế giới có hơn 6 tỉ người nhưng danh nhân văn hoá là con số đếm được trên đầu ngón tay. Và trong số đó lại càng hiếm hơn những người là danh nhân văn hoá kiệt xuất. Nước Việt Nam của chúng ta tự hào vì đã có một con người như thế. Người là Chủ tịch Hồ Chí Minh, là Bác Hồ giản dị muôn vàn kính yêu của mỗi chúng ta.

Tháp Mười đẹp nhất bông sen
Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ

Bác đã từ lâu đã trở thành nguồn cảm hứng của thơ và nhạc. Hình ảnh Bác vị lãnh tụ kính yêu từ cuộc đời thật bước vào tác phẩm nghệ thuật đẹp đẽ lạ kì: vừa giản dị, gần gũi vừa vĩ đại thiêng liêng. Hình ảnh Bác là bất tử, là bài ca không bao giờ tắt trong dòng văn học Việt Nam.

Hình ảnh Bác thể hiện ý chí đấu tranh giành độc lập, tự do của dân tộc. Thơ ca Việt Nam theo chân Người trong cuộc ra đi tìm đường cứu nước rồi đến khi Người trở về Tổ quốc thân yêu. Ít có nhà thơ nào lại viết được hay

như Chế Lan Viên. Cảm xúc về cuộc hành trình của vị lãnh tụ được nhà thơ diễn tả thật xúc động:

Đất nước đẹp vô cùng. Nhưng Bác phải ra đi.

(Người đi tìm hình của nước)

Người cất bước ra đi mà lòng nặng trĩu nỗi buồn chia xa đối với quê hương xứ sở, một cuộc hành trình thầm lặng của một con người mà đầy ý nghĩa lớn lao với lịch sử của một dân tộc. Cái tôi vĩ đại ở Bác đã hoà vào cái "ta" chung của dân tộc, đối lập với những "cái tôi" bé nhỏ tầm thường:

Lũ chúng ta ngủ trong giường chiếu hẹp
Giấc mơ con đè nát cuộc đời con.
Hạnh phúc đựng trong một tà áo đẹp
Một mái nhà yên rủ bóng xuống tâm hồn.

Và sau những tháng năm cay đắng, khổ tận đã đến ngày cam lai, Người đã tìm ra con đường, tìm ra chân lý sống còn cho cả dân tộc.

Luận cương đến. Và Người đã khóc
Lệ Bác Hồ rơi trên chữ Lê-nin
Bốn bức tường im nghe Bác lật từng trang sách
Tưởng bên ngoài đất nước mong tin

Trong niềm xúc động nghẹn ngào vì đã tìm ra ánh sáng của con đường cách mạng mà Người đã cố kiếm tìm, Bác đã reo lên với nhiều cảm xúc vui mừng khôn xiết. Từ lời kể chân thành giản dị của Người, Chế Lan Viên đã viết lên nhiều vần thơ như tạc vào lịch sử một sự kiện vô cùng trọng đại:

Bác reo lên một mình như nói cùng dân tộc
"Cơm áo là đây! Hạnh phúc đây rồi!"
Hình ảnh Đảng lồng trong hình của nước
Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười.

Còn niềm sung sướng nào hơn niềm sung sướng này? Còn sự xúc động nào ngọt ngào hơn với Bác như lúc này? Người đã phát hiện ra chỉ có con đường cách mạng vô sản mà luận cương của Lên-nin đã chỉ ra mới đem lại hạnh phúc ấm no cho dân tộc. Vậy là dân tộc Việt Nam đã có ánh sáng thái dương đem áng sáng lí tưởng cách mạng soi rọi cho triệu triệu người, là biểu hiện của nỗi khát khao độc lập vô bờ của nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Cảm xúc của Bác lắng đọng trong từng câu chữ của Chế Lan Viên và hình ảnh Bác trong "Người đi tìm hình của nước" thật vĩ đại, là ước vọng của tự do, độc lập của các dân tộc khắp năm châu.

Không chỉ thế, hình ảnh Bác với tình thương bao la của mình là đề tài chủ yếu của thơ ca Việt Nam. Với toàn thể nhân dân, tình thương của Bác thể hiện thật sâu sắc. Minh Huệ đã phản ánh điều này trong bài thơ "Đêm nay Bác không ngủ" rất chân thực.

"Rồi Bác đi dém chăn
Từng người từng người một
Sợ cháu mình giật thột
Bác nhón chân nhẹ nhàng."

Đó là sự chăm sóc ân cần với những người chiến sĩ. Còn đây là tình cảm của Người đối với đoàn dân công vất vả, thiếu thốn, chịu đựng gian khổ khó khăn vì cuộc kháng chiến dân tộc:

Bác thương đoàn dân công
Đêm nay ngủ ngoài rừng
Rải lá cây làm chiếu
Manh áo phủ làm chăn
Trời thì mưa lâm thâm
Làm sao cho khỏi ướt
Càng thương càng nóng ruột
Mong trời sáng mau mau.
(Đêm nay Bác không ngủ)

Tình thương của Bác thể hiện ở nhiều cung bậc khi là sự "nóng ruột" bồn chồn không ngủ được vì lo cho bộ đội, dân công, khi lại thao thức năm canh vì lo vận mệnh đất nước. Đặc biệt tình cảm Bác dành cho đồng bào Miền Nam thật sâu nặng nghĩa tình. Tố Hữu cho ta cảm nhận được điều đó trong bài "Bác ơi":

Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà
Miền Nam mong Bác nỗi mong cha.

Quả là những tình cảm gắn bó máu thịt thiết tha. Tiếc thay đến ngày nước nhà thống nhất thì Bác đã không còn. Người ra đi vĩnh viễn nhưng vẫn để lại muôn vàn tình thương.

Tình thương ấy rõ nét nhất với thiếu niên nhi đồng. Bác thương một cháu bé trong nhà lao Tân Dương của Tưởng Giới Thạch mới nửa tuổi đã phải đến ở chốn tù lao với mẹ vì cha cháu trốn lính:

Oa...! Oa...! Oa...!
Cha trốn không đi lính nước nhà
Nên nỗi thân em vừa nửa tuổi
Phải theo mẹ đến ở nhà pha.
(Nhật kí trong tù – Hồ Chí Minh)

Nhà thơ Tố Hữu trong "Theo chân Bác" đã nói được niềm sâu thẳm trong tâm hồn Bác nỗi lòng hướng đến trẻ thơ, đến các cháu thiếu niên nhi đồng:

Ô! vẫn còn đây của các em
Chồng thư mới mở, Bác đang xem

Chắc Người thương lắm lòng con trẻ
Nên để bâng khuâng gió động rèm.

Tình thương luôn là vô hình nhưng lại hữu hình trong tình thương của Người với dân tộc. Một tình thương bao la rộng lớn mà ta cảm thấy và muôn triệu lớp lớp người Việt Nam đều cảm thấy ấm lòng khi nghĩ về vị cha già dân tộc Hồ Chí Minh.

Không những thế ta còn cảm nhận qua các bài thơ về Bác nhiều phong cách Hồ Chí Minh rất gần gũi, đặc biệt. Người là con người giản dị thanh đạm.

Mong manh áo vải hồn muôn trượng
Hơn tượng đồng phơi những lối mòn.

Cuộc đời của vị Chủ tịch nước mà thanh đạm vô cùng.

Nhà gác đơn sơ một góc vườn
Gỗ thường mộc mạc chẳng mùi sơn
Giường mây chiếu cói đơn chăn gối
Tủ nhỏ vừa treo mấy áo sờn.

Ở Bác ta luôn thấy phong cách của một con người bình thường mà vĩ đại, một con người hiểu biết uyên thâm nhưng rất gần gũi, bình dị.

Thêm nữa ta thấy ở Người một bản lĩnh phi thường, một phẩm chất cao quí có sự hoà hợp giữa chất thép và tình. Dẫu hoàn cảnh tù đầy nhưng Người luôn kiên cường bất khuất, giữa chốn địa đầy đau khổ nhưng vẫn yêu thiên nhiên.

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

Ôi! Thật là sang cuộc đời cách mạng, thơ ca Việt Nam đồng tình với Người, đồng tình với tư tưởng và lòng yêu nước cao cả. Hình ảnh Bác với phong thái của mình sẽ mãi là bài ca yêu nước và tự hào dân tộc mà Viễn Phương đã viết lên bản tình ca về Bác thật sâu sắc, cảm động.

"Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bẩy mươi chín mùa xuân.

(Viếng lăng Bác)

Người đã ra đi nhưng thơ ca Việt Nam, đất nước và con người Việt Nam còn nhắc mãi tên Người: "Hồ Chí Minh tên Người là cả một niềm thơ". Quả như vậy, hình ảnh Bác Hồ là hình của nước là muôn thế hệ sau vẫn ngợi ca tự hào, vẫn mãi là nguồn cảm hứng không nguôi cho mảnh đất văn nuôi dưỡng tâm hồn.

Đố ai đếm được lá rừng
Đố ai đếm được mấy tầng trời cao

Đố ai đếm được vì sao

Đố ai đếm được công lao Bác Hồ

Bác Hồ là vị cha chung

Là sao Bắc Đẩu, là vầng Thái Dương.

Đề 175: Tâm trạng người chiến sĩ cách mạng trong bài thơ *Khi con tu hú* của nhà thơ Tố Hữu.

Bài làm

Tố Hữu là nhà thơ của lí tưởng cộng sản, thơ ông ngập tràn những hình ảnh lãng mạn cách mạng. Tâm trạng người chiến sĩ cách mạng trong bài thơ *Khi con tu hú* của ông tiêu biểu cho phong cách ấy.

Nhan đề của bài chỉ là một cụm từ chỉ thời gian (vẫn chưa đầy đủ). Nhan đề của bài thơ là một ẩn ý vừa chỉ một thời điểm bừng lên của thiên nhiên, tạo vật, vừa chỉ sự khát khao hoạt động của con người.

Có thể tóm tắt nội dung bài thơ như sau: *Khi con tu hú gọi bầy (cũng là khi mùa hè đang đến), người tù cách mạng càng thấy ngột ngạt, cô đơn trong phòng giam chật hẹp, càng khát khao được sống cuộc sống tự do bay bổng ở ngoài kia.*

Sở dĩ, tiếng tu hú kêu lại có tác động mạnh đến tâm hồn của nhà thơ bởi, nó là tín hiệu báo những ngày hè rực rỡ đến gần. Nó cũng là biểu tượng của sự bay nhảy tự do.

Khi con tu hú gọi bầy

Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần.

Không phải tiếng chim đơn độc mà là tiếng chim "gọi bầy", tiếng chim báo tin vui. Nghe chim tu hú gọi nhau biết rằng "lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần". Nhưng không phải chỉ có thế. Tiếng chim gợi lên một thế giới tràn ngập âm thanh, màu sắc, hình ảnh:

Vườn râm dậy tiếng ve ngân

Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào

Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...

Đó là những sắc màu, âm thanh của cuộc sống hằng ngày. Màu vàng của ngô, màu hồng của nắng nổi bật trên cái nền xanh của đất trời, quyện với tiếng ve ngân và còn được điểm xuyết thêm bằng hình ảnh "Đôi con diều sáo lộn nhào từng không". Không gian tràn trề nhựa sống, đang vận động, sinh sôi nảy nở từng ngày.

Đọc kĩ lại những câu thơ, ta bỗng phát hiện thêm nhiều điều kì lạ khác nữa. Các sự việc không được miêu tả trong trạng thái bình thường, chúng được tô đậm, được đẩy lên mức cao nhất có thể. Không phải "hạt bắp vàng"

mà là "bắp rây vàng hạt" nắng là "nắng đào" màu sắc lộng lẫy nhất, trời xanh thì "càng rộng càng cao" tầm mắt cứ được mở rộng ra thêm mãi. Tiếng ve không chỉ "ngân" mà còn "dậy" lên, hai tính từ miêu tả âm thanh kết hợp với nhau khiến cho tiếng ve rộn rã khác thường. Chừng như để hoà điệu với những âm thanh và hình ảnh đó, cách diều sáo cũng không chịu "lững lờ" hay "vi vu" mà "lộn nhào từng không". Cánh diều như cũng nô nức, vui lây trong không gian lộng lẫy màu sắc và rộn rã âm thanh đó.

Sở dĩ có hiện tượng đó là bởi tác giả đã không trực tiếp quan sát và miêu tả cảnh vật. Nhà thơ đang bị giam trong tù. Những bức tường kín mít vây xung quanh làm sao cho phép nhà thơ nhìn ngắm hay lắng nghe... Tất cả đều được tái hiện từ trí tưởng tượng, trí nhớ và hơn thế nữa là tình yêu, lòng khát khao mãnh liệt được tháo cũi sổ lồng. Trong cảnh tù đày, màu ngô lúa hay màu nắng, màu của trời xanh bỗng trở nên quý giá vô ngần, bởi thế nên những màu sắc, âm thanh hết sức bình thường bỗng trở nên lung linh, huyền ảo, rực rỡ hẳn lên. Đoạn thơ này thể hiện tình yêu sâu sắc của nhà thơ đối với cuộc sống, đối với quê hương.

Mộng tưởng càng tươi đẹp bao nhiêu thì hiện thực lại càng cay đắng, nghiệt ngã bấy nhiêu.

Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!
Ngột làm sao, chết uất thôi
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!

Tưởng như sự liên kết giữa hai đoạn thơ này không thật chặt chẽ và tứ thơ không liên tục. Khi hướng ra bên ngoài, nhà thơ tả cảnh nhưng khi hướng vào trong lại tả tâm trạng. Kì thực đây chính là sự liên kết vô cùng khéo léo và tinh tế. Mối dây liên kết ấy chính là tiếng chim tu hú. Tiếng chim gọi bầy tha thiết gợi mở một thế giới bao la và vô cùng sinh động. Nhưng thế giới đó càng rộng rãi, rực rỡ bao nhiêu thì lại càng khiến cho người tù (đã bị tách biệt khỏi thế giới ấy) cảm thấy ngột ngạt và khao khát bấy nhiêu.

Tiếng chim tu hú ở đầu và cuối của bài thơ tuy đều biểu trưng cho tiếng gọi tha thiết của tự do, của cuộc sống ngoài kia đầy quyến rũ đối với người tù nhưng tâm trạng của người tù khi nghe tiếng tu hú lại rất khác nhau. Ở câu thơ đầu, tiếng tu hú gợi hình ảnh cuộc sống đầy hương sắc, từ đó gợi ra cái khát khao về cuộc sống tự do. Thế nhưng, đến câu kết, tiếng chim ấy lại khiến cho người tù có cảm giác bực bội, đau khổ vì chưa thể thoát ra khỏi cảnh tù đày.

Bài thơ hay ở những hình ảnh thơ gần gũi, giản dị mà giàu sức gợi cảm, ở nghệ thuật sử dụng thể thơ lục bát uyển chuyển, tự nhiên và cả ở những cảm xúc thiết tha, sâu lắng, thể hiện được nguồn sống sục sôi của người cộng sản.

Đề 176: Bức tranh thiên nhiên trong bài thơ *Khi con tu hú* của nhà thơ Tố Hữu.

Bài làm

"Nơi hầm tối là nơi sáng nhất
Nơi con tìm ra sức mạnh Việt Nam"

Trong những năm tháng nô lệ đau thương của đất nước, rất nhiều những chiến sĩ trung kiên của cách mạng Việt Nam đã bị bắt giam trong những nhà tù thực dân. Nhưng từ bóng đêm câm hờn vẫn vút lên những tiếng thơ bày tỏ niềm say mê, khao khát với cuộc đời. Bài thơ "Khi con tu hú" của Tố Hữu là một trong số ấy. Sáu câu thơ đầu của bài thơ là bức tranh phong cảnh thiên nhiên rực rỡ thể hiện sự phong phú, sôi nổi và niềm yêu đời tha thiết của người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi:

Khi con tu hú gọi bầy
Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần.
Vườn râm dậy tiếng ve ngân
Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào
Trời xanh càng rộng càng cao
Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...

Bài thơ " Khi con tu hú" sáng tác tháng 7 năm 1939, khi nhà thơ trên bước đường hoạt động cách mạng bị địch bắt giam tại lao Thừa Thiên – Huế (Tố Hữu bị địch bắt tháng 4–1939 – khi nhà thơ mới 19 tuổi). Bài thơ thể hiện tâm trạng ngột ngạt của người cộng sản trẻ tuổi sôi nổi yêu đời bị giam cầm giữa bốn bức tường vôi lạnh. Tâm trạng ấy càng trở nên bức bối khi nhà thơ hướng tâm hồn mình đến với bầu trời tự do ở bên ngoài.

Giữa tháng hè nắng lửa, giữa cái im lìm đáng sợ của chốn lao tù chợt vang lên tiếng tu hú gọi bầy:

"Khi con tu hú gọi bầy"

Trong tiềm thức của con người Việt Nam, tiếng tu hú là tiếng gọi mùa: "Tu hú kêu, tu hú kêu, hoa phượng nở, hoa gạo đỏ đầy ước mơ hi vọng...". Đó là mùa hạ chói chang ánh nắng và đi cùng với đó là những sắc màu rực rỡ của thiên nhiên. Tiếng tu hú thân quen bất chợt vang vọng gợi lên trong tâm hồn người thanh niên trẻ tuổi đang sục sôi ước mơ, khát vọng nhưng bị mất tự do ấy bao suy tưởng về một mùa hè ngập tràn màu sắc và niềm vui.

Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần.
Vườn râm dậy tiếng ve ngân
Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào
Trời xanh càng rộng càng cao
Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...

Mùa hè được tái hiện trong tâm trí người tù rất chân thực, màu sắc hài hòa với những âm thanh sống động. Đó là màu rộm vàng của lúa chín, sắc

đỏ lấp ló của quả ngọt, màu vàng tươi của ngô, sắc đào tươi của nắng, màu xanh thẳm của trời cao... tiếng ve ngân râm ran, tiếng sáo diều vi vút... Chao ôi! Đẹp đẽ quá! Rạo rực quá! Mới hồi tưởng thôi đã đủ cồn cào khao khát lao ra trời cao mà nhảy nhót hát ca. Tác giả đã vẽ lên bức tranh mùa hè sống động và tươi tắn bằng những từ ngữ giản dị, nhưng đầy sức gợi hình, gợi cảm. Nếu không có niềm gắn bó tha thiết với cuộc đời, không có niềm khao khát tự do mãnh liệt, không có một tâm hồn tinh tế nhạy cảm và một trí tưởng tượng vô cùng phong phú thì nhà thơ không thể viết được những câu thơ tuyệt vời đến thế....

Đoạn thơ sử dụng nghệ thuật tả cảnh rất sinh động, cụ thể và gợi cảm, các từ ngữ lựa chọn có giá trị tạo hình. Đặc biệt, phép liệt kê được vận dụng tạo ra những ấn tượng huy hoàng về một mùa hè phong phú, sôi động đong đầy ước mơ và khát vọng tuổi trẻ.

Hình ảnh thiên nhiên mùa hè hiện lên trong tâm hồn nhà thơ trong cảnh lao tù ấy đã thể hiện niềm khát vọng tự do cháy bỏng không thể kìm nén nổi. Đoạn thơ đã cho ta hiểu thêm nét đẹp trong tâm hồn người cộng sản trẻ tuổi. Người chiến sĩ xả thân vì lí tưởng cao đẹp đó có một thế giới nội tâm rất mực phong phú, rung động mãnh liệt với nhịp đập của cuộc sống, gắn bó thiết tha với quê hương ruộng đồng.

Đề 177: Phân tích giá trị của việc sử dụng từ địa phương trong câu thơ sau:

Nỗi niềm chi rứa Huế ơi!
Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên.

(Tố Hữu)

Bài làm

Nỗi niềm chi rứa Huế ơi!
Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên.

(Tố Hữu)

Viết về xứ Huế, ngoài thể thơ lục bát truyền thống, nhà thơ Tố Hữu đã lựa chọn sử dụng những từ ngữ địa phương của xứ sở mộng và thơ này để làm tăng giá trị biểu đạt cho thi phẩm của mình.

Từ địa phương trong hai câu thơ trên là "chi" và "rứa". Trong tiếng toàn dân, hai từ này có nghĩa là "gì", "thế" – "vậy". Câu thơ được hiểu là: "Nỗi niềm gì thế (vậy) Huế ơi! / Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên". Từ địa phương trước hết tạo nên màu sắc xứ Huế cho câu thơ. Thơ viết về Huế và từ ngữ cũng đặc trưng cho xứ Huế. Không chỉ vậy, hai từ "chi rứa" rất nhẹ nhàng, đằm thắm. Nó lại nằm trong một lời hỏi thăm "Huế ơi!" bởi vậy, càng làm câu thơ trở nên thiết tha, gợi niềm xúc động. Âm "r" trong từ "rứa" là một âm rung, hai từ "chi rứa" tạo cho lòng người bao niềm rung cảm.

Có thể nói, việc sử dụng từ ngữ địa phương trong hai câu thơ trên vừa tạo ra màu sắc địa phương vừa tạo được âm điệu ngọt ngào cho câu thơ điều đó gợi lên cái hồn của xứ Huế thiết tha, nồng thắm.

Đề 178: Phân tích bài thơ *Muốn làm thằng Cuội* của Tản Đà.

Bài làm

Tản Đà – Nguyễn Khắc Hiếu xuất hiện trên văn đàn Việt Nam những năm đầu thế kỷ với một cá tính độc đáo: một nhà thơ của sầu và mộng, ngông và đa tình. Bài thơ *Muốn làm thằng Cuội* đã thể hiện rất rõ cá tính ấy của ông.

Bài thơ *Muốn làm thằng Cuội* in trong tập *Khối tình con* (1916). Mặc dù tác phẩm được làm theo thể thất ngôn bát cú Đường luật song người đọc sẽ thấy ở đây, dưới cái hình thức còn là của thơ cổ ấy những dấu hiệu mới mẻ của cảm xúc. Tâm sự của nhà thơ ở một thời đại mới đã khiến cho cái hình thức thơ cũ có chiều hướng giảm nhẹ đi tính trang trọng, mực thước. Sự giản dị, trong sáng gần với khẩu ngữ tự nhiên làm nên nét duyên của bài thơ này.

Ngay từ nhan đề của bài thơ đã cho thấy một giọng điệu suồng sã, như là đã giải tỏa được một nhu cầu nói thật, thẳng thắn của nhà thơ và cũng lại cho thấy cái ngông nghênh, bất đắc chí: *muốn ở* đây như một nhu cầu bức xúc, chẳng cần giấu giếm, vòng vo. Nhưng muốn cái gì? Muốn làm *cuội* thì đích thực là muốn thoát lên trên rồi. *Ước vọng lên trên* thơ mộng thế mà nói tựa như là muốn ăn, muốn uống, muốn ngủ... thật là thành thực!

Và, nếu muốn thoát tục, lên trên thì thiếu gì những hình mẫu tiên để ước sao cứ phải là *thằng Cuội? Thằng* chứ không phải *chú* – cũng là một kiểu nói ngông.

Thế thì chính là thi sĩ đa tình này muốn lên cung trăng rồi!

Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi,
Trần thế em nay chán nửa rồi!

Chị Hằng thì phải ở cung trăng chứ còn gì nữa! Thì ra thi sĩ của chúng ta muốn làm thằng Cuội để tâm sự cùng chị Hằng Nga xinh đẹp. Hai câu mở đầu bài thơ như một tiếng kêu than. Chẳng cần phải mượn cái khác để diễn tả nỗi buồn trong lòng mình, thi sĩ bộc bạch ngay nỗi lòng mình. Hai chữ *buồn lắm* thật chân thành. Thi sĩ chỉ lòng mình ra trong tiếng gọi tha thiết. Ta thường gặp trong thơ Tản Đà một vẻ buồn chán, cái buồn lan trùm tất cả. Vì *buồn lắm* như thế nên thi sĩ mới *"muốn làm thằng Cuội"*. Nhưng không phải là cái buồn vô cớ, càng không phải kiếm cớ buồn để được lên tiên. Cái buồn ở đây là cái buồn đời, buồn chán cuộc đời tối tăm, đen bạc, đảo điên. Không ít lần Tản Đà kêu chán đời: "Đời đáng trách biết thôi là đủ – Sự chán đời xin nhủ lại tri âm", "Gió gió mưa mưa đã chán

phèo – Sự đời nghĩ đến lại buồn teo"... Sống trong bối cảnh xã hội thực dân nửa phong kiến những năm đầu thế kỉ XX, chẳng phải chỉ riêng Tản Đà buồn chán. Không khí tù hãm, u uất của một dân tộc bị mất nước bao trùm hết thảy, đè nặng tâm trí con người, nhất lại là những con người nhạy cảm như thi nhân. Tâm trạng buồn chán là tâm trạng của thời đại. Có trăm ngàn vẻ buồn khác nhau song đều thấy điểm chung là sự bế tắc trước thực tại cuộc đời, từ đó mà sinh ra chán nản, bất mãn đối với thời cuộc.

Cái buồn của Tản Đà cũng bắt nguồn từ đấy. Và thế là thi sĩ tìm lối thoát bằng cách thoát li khỏi cuộc đời, sống trong một thế giới khác, thế giới mộng mơ, thần tiên. Thi nhân gọi trăng là *chị* xưng với trăng là *em* thì vừa là muốn thân tình, gần gũi để giãi bày, vừa là chơi ngông. Bốn câu thơ tiếp càng thể hiện cái ngông của Tản Đà:

Cung quế đã ai ngồi đó chửa?
Cành đa xin chị nhắc lên chơi

Ngông thực chất là một thái độ ứng xử đối với cuộc đời, một biểu hiện khác của sự chán ngán, bất mãn với thời cuộc. Phải là người yêu đời lắm, tha thiết với cuộc sống lắm thì mới tỏ ra buồn chán đến bất hòa trước cuộc đời đang rối ren, đen tối như thế. Câu 3 của bài thơ là lời ướm hỏi, rồi đến câu 4 là lời đề nghị. Nếu *Cung quế* chưa có ai thì *chị* cũng buồn, cũng cô đơn lắm nên hãy để em lên chơi cùng, em đỡ buồn mà chị cũng bớt cô đơn. Tính từ đấy mà cũng ngang tàng đấy! Xin *chị* đừng từ chối nhé, bởi vì em có lí lẽ đây này:

Có bầu có bạn, cùng tri kỷ
Cùng gió cùng mây, thế mới vui.

Cái lí của thi nhân thật là thuyết phục. Song trong sự thuyết phục để thoát li, xa lánh trần thế ấy chúng ta thấy một thực trạng buồn vắng, cô đơn của tâm hồn thi sĩ. Vốn đa tình đa cảm nên thi nhân luôn luôn có khát vọng được người tri kỉ, mà cõi trần thì "Chung quanh những đá cùng cây; Biết người tri kỉ nơi đâu mà tìm". Cái vui của thi nhân là cái vui được tâm giao, tâm đồng. *Gió, mây* thơ mộng được không nếu chẳng *có bầu có bạn*". Khát vọng lên trên, lánh đời ở đây thực ra là một cách bộc lộ khao khát đồng cảm, tri âm trong cuộc đời của Tản Đà. Và cái cách ở đây là *ngông*. Chưa hết, thi nhân còn vẽ ra viễn cảnh:

Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám
Tựa nhau trông xuống thế gian cười

Lãng mạn hết mức, tưởng tượng ra cảnh *"tựa nhau"* cùng chị Hằng thì quả là cái ngông đã đến đỉnh điểm. Tác giả hạ chữ *cười* ở cuối bài thật đắt. *Cười* ở đây chứng tỏ cái hả hê thỏa mãn khi trong ước vọng được thoát tục, rồi bỏ được trần ai mà lên tiên. *Cười* còn là thái độ mỉa mai, khinh khi cái cuộc đời đang đầy những sầu khổ, cô đơn dưới kia. Cười thách thức. Cười ngông.

Bài thơ tuân thủ khuôn mẫu của một bài thất ngôn bát cú Đường luật cổ điển. Nhưng nguồn cảm xúc tự nhiên, không chừng bay bổng đã tự tìm đến những lời thơ tựa như lời nói hàng ngày: "buồn lắm chị Hằng ơi", "em nay chán nửa rồi", "đã ai ngồi đấy chưa", "xin chị nhắc lên chơi", "thế mới vui", "tựa nhau trông xuống thế gian cười"; xưng hô khẩu ngữ *(chị - em)* tự nhiên, không đẽo gọt cầu kì và ngữ điệu biểu hiện đa dạng *(ơi, rồi, đó chửa, xin, thế mới)*. Lên tiên, thoát tục là thì đề quen thuộc trong thơ cổ, ở đây cái không mới ấy đã được làm mới bằng giọng điệu, bằng lời thơ.

Cái ngông của Tản Đà trong bài thơ này là một hình thức ứng xử vốn nằm trong cốt cách của nhà nho tài tử trong thơ truyền thống. Song, như chúng ta đã thấy, cái ngông ấy lại là thái độ của Tản Đà đối với xã hội ta những năm đầu thế kỉ XX, bộc lộ một nguồn xúc cảm mới, đầy cá tính đa tình, phóng túng. Cái mơ mộng thành ra cái ngông thì quả là đậm chất riêng của Tản Đà.

Đề 179: Cảm nhận của em về tâm trạng của Tản Đà qua bài thơ *Muốn làm thằng Cuội.*

Bài làm

Người ta nhắc tới Tản Đà với nhiều ấn tượng sâu đậm: là thi sĩ khởi đầu cho nền thơ lãng mạn, là người chắp viên gạch nối thơ cổ đại với thơ hiện đại. Trong chất lãng mạn đó ẩn chứa tư tưởng, tình cảm và tấm lòng yêu nước sâu sắc của ông. Bài thơ: "Muốn làm thằng Cuội" là một ví dụ tiêu biểu. Như ta đã biết - xã hội ông đang sống quá coi trọng đồng tiền và địa vị. Tài năng - sức lao động - tình cảm sâu đậm không đem lại hạnh phúc cho con người. Bao trùm bên trong là nỗi buồn về thực tại. Tản Đà đã bật lên một lời gọi, lời nhắn gửi chị Hằng - người bạn muôn đời của những kẻ cô đơn:

Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!
Trần thế em nay chán nửa rồi.

Mở đầu bài thơ là một lời than thở, một nỗi sầu da diết. Giọng điệu thân thiết pha chút mỉa mai bởi cuộc đời ngột ngạt, bon chen vì công danh dang dở: "Tài cao, phận thấp, chí khí uất". Là thi sĩ nên nỗi buồn đã kết thành nỗi sầu. Đây là thái độ không chấp nhận thực tại, bất hoà thực tại, bất hoà với trần thế.

Ông khát khao một cuộc sống đẹp hơn, vượt lên trên cái thấp hèn:

Cung quế đã ai ngồi đó chửa?

Đó là thế giới mà ông mơ ước, là cõi đời trong sáng, tinh khiết, không vướng bẩn, không lo lắng, bon chen.

Hai câu thơ là câu hỏi, là lời đề nghị, là lời cầu xin được lên cung trăng, nơi thanh cao, không phải chịu cảnh đời trần thế nhố nhăng tù hãm. Nỗi

sầu của Tản Đà là nỗi sầu của người nô lệ. Bất lực trước thực tại, Tản Đà muốn lẩn trốn vào thiên nhiên bằng mộng tưởng:

Có bầu có bạn, can chi tủi
Cùng gió cùng mây thế mới vui

Thi sĩ lên cung quế có bạn, có bè quên đi nỗi ngán ngẩm, chán nản, và giải toả được nỗi buồn – ông đã "vui' đã "cười" – ông cười tất cả những giành giật, nhố nhăng nơi trần thế, "cười" sung sướng khi thấy cõi trần không ai được như ông, được hưởng cuộc sống thần tiên thoát tục.

Hai câu thơ:

Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám
Tựa nhau trông thấy thế gian cười

thật độc đáo và lãng mạn. Rằm tháng tám là khi trăng trong nhất, đẹp nhất và cũng là sáng nhất. Vào lúc tuyệt vời nhất của trăng ấy, nhân vật trữ tình ước muốn cùng chị Hằng; ngồi bên chị Hằng tựa vào nhau mà nhìn xuống trần thế để cười.

Câu thơ là đỉnh cao của cái ngông rất phù hợp với tính chất Tản Đà. Ngồi bên cạnh người đẹp, đó đã là một niềm hạnh phúc. Hơn thế nữa thi sĩ còn tự đặt mình lên một địa vị cao để mà cười cợt. Cái ngông này thật hiếm có, đáng yêu, đáng trân trọng ở trong giai đoạn này. Bởi các thi sĩ lãng mạn yêu nước nhưng không đủ dũng khí để chiến đấu – thường tìm đến thiên nhiên hoặc trốn vào mộng tưởng để trốn đời.

Cả bài thơ là giấc mộng kỳ thú, là niềm khao khát về cuộc đời đẹp, về một cõi mơ trong sáng, không vướng bận sự đời.

Tóm lại, tâm trạng bao trùm cả bài thơ là tâm trạng buồn chán thất vọng với cuộc đời. Đó là thái độ không dung hoà với thực tại, là sự phản kháng gián tiếp với cuộc đời. Thi sĩ khát khao một xã hội tự do, tươi đẹp và trong sạch. Hình ảnh chị Hằng với cung quế, cây đa là những hình ảnh của cõi tiên đầy lãng mạn. Cõi tiên ấy là cả một thế giới mà Tản Đà mong muốn có. Thực ra, sự chán chường và niềm khát khao ấy xuất phát từ lòng yêu nước thầm kín của Tản Đà – nỗi buồn xuất phát từ nỗi nhục của người nô lệ và ước muốn xuất phát từ khát vọng được tự do.

Đề 180: Viết đoạn văn (8 – 10 câu) nêu cảm nhận của em về hai câu thơ mà em thích nhất trong bài thơ *Muốn làm thằng Cuội* của Tản Đà, trong đó có sử dụng hai *từ tượng hình* (gạch chân dưới những từ ấy).

Bài làm

Để cứ mỗi năm rằm tháng tám
Tựa lưng trông xuống thế gian cười.

"Rằm tháng tám" là thời điểm mặt trăng viên mãn tròn đầy nhất. Đó cũng là thời điểm cả nhân gian ngước nhìn chiêm ngưỡng mặt trăng. Khi

ấy, nhân loại sẽ dáo dác khi thấy một Tản Đà ngông ngạo "tựa lưng" cùng chị Hằng xinh đẹp, thần phép. Với tư thế ngồi "tựa lưng" thân thiết, tình tứ, từ trên cao lơ lửng của vũ trụ, họ cùng nhìn xuống mà nở nụ cười thách thức nhân gian ô trọc, bé nhỏ, hèn mọn. Hình ảnh này đã thể hiện đậm nét sự lãng mạn và cái ngông của Tản Đà, bộc lộ một nguồn xúc cảm mới, đầy cá tính đa tình, phóng túng. Không chỉ vậy, cái cười ở đây của nhà thơ vừa thể hiện niềm vui vì đã thoả mãn được cái khát vọng thoát li mãnh liệt, xa lánh hẳn được sự bụi bặm của cõi trần, vừa là tiếng cười mỉa mai, khinh bỉ cõi trần – nó thật nhỏ bé trước con mắt và tầm vóc lớn lao của nhà thơ.

Đề 181: Chép lại chính xác một bài thơ 7 chữ đã học mà em thích nhất. Viết đoạn văn (5 – 8 câu) nêu ngắn gọn một lí do em thích bài thơ đã chép, trong đó có sử dụng *dấu ngoặc đơn* và *dấu hai chấm*.

Bài làm

Muốn làm thằng Cuội

– Tản Đà –

Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!
Trần thế em nay chán nửa rồi
Cung quế đã ai ngồi đó chửa?
Cành đa xin chị nhắc lên chơi
Có bầu có bạn can chi tủi
Cùng gió cùng mây thế mới vui
Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám
Tựa nhau trông xuống thế gian cười.

Bài thơ "Muốn làm thằng Cuội" của Tản Đà hấp dẫn người đọc ở giọng thơ "ngông" rất thú vị. Tản Đà là một "người trần mắt thịt" nhưng khi buồn lại than với cả chị Hằng (đây là nhân vật chỉ có trong truyền thuyết, nàng nổi tiếng bởi sắc đẹp và sự màu nhiệm thần kì). Điều đó chứng tỏ Tản Đà tự coi mình có vị thế ngang cùng những bậc tiên nhân. Chẳng những vậy, ông còn có một ước muốn rất ngông cuồng: sánh đôi cùng chị Hằng xinh đẹp! Ai chẳng biết Hằng Nga là niềm ngưỡng vọng của bao thế hệ thi nhân, là niềm ước mong của bao người trần thế. Nhưng thể hiện niềm mong mỏi ấy giống như Tản Đà thì có lẽ chưa có ai. Thi nhân đã nghĩ đến cảnh "tựa lưng" cùng chị Hằng nhìn xuống nhân gian trong khi cả nhân gian ngước lên nhìn hai người bên nhau cười ngạo nghễ! Câu thơ cuối cùng là sự tột đỉnh cái ngông trong bài thơ vậy!

Đề 182: Phân tích bài thơ *Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông* của Phan Bội Châu.

Bài làm

Cuối thế kỷ XIX, khi các phong trào đấu tranh chống Pháp lần lượt bị thất bại, đất nước chìm ngập trong đau thương. Bước sang đầu thế kỷ XX, hưởng ứng luồng gió mới từ phương Tây thổi tới, những con người yêu nước, quyết chí dành tự do cho dân tộc lại náo nức bước vào một cuộc đấu tranh mới, theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

Phan Bội Châu xuất thân nho học song lại là người sớm có tinh thần tiên tiến, bắt nhịp với thời đại mới. Cái chí khí "phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất" (giàu sang không thể làm cho mê đắm, nghèo khó không thể làm cho thay lòng đổi dạ, uy vũ không thể làm cho khuất phục) của một nho gia đã biến thành bản lĩnh vững vàng, thành cốt cách anh hùng trước cơn tai biến nguy nan của một chí sĩ cách mạng. Ngày 19–1–1914, Phan Bội Châu bị bắt giam vào ngục Quảng Đông. Trước đó, thực dân Pháp đã kết án tử hình vắng mặt đối với ông. Bài thơ *Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông* nằm trong *Ngục trung thư* – một huyết tâm thư tuyệt mệnh. Ngay từ đêm đầu tiên vào ngục Phan đã làm hai bài thơ Nôm (*Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông* là một trong hai bài ấy): "Làm xong hai bài thơ tôi ngâm nga lớn tiếng rồi cả cười, vang động cả bốn vành, hầu như không biết thân mình đang bị nhốt trong ngục". Xem ra, tù ngục cũng chẳng mảy may khiến bậc trượng phu nao núng.

Đây là bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật. Hai câu vào bài thể hiện ngay khẩu khí của bậc anh hùng:

"Vẫn là hào kiệt, vẫn phong lưu
Chạy mỏi chân thì hãy ở tù".

Nhân vật trữ tình hiện ra với một phong thái đường hoàng, tự tin đến ngang tàng, ngạo mạn. Giọng đùa vui, tự trào làm tan biến đi cảm giác của một người tù, chỉ thấy một tư thế cao ngạo, xem thường hiểm nguy. Cổ nhân nói: Trí hơn vạn người gọi là "anh", trí hơn nghìn người gọi là "tuấn", trí hơn trăm người gọi là "hào", trí hơn mười người gọi là "kiệt". Kẻ tài trí hơn người, phong thái ung dung, đường hoàng (phong lưu) đang ngân nga tỏ chí. Hai từ *vẫn* trong câu thơ đầu mang đậm tính khẩu ngữ. Một sự việc nghiêm trọng (tù) được nói đến bằng một thái độ cười cợt, xem thường. Bị giam hãm trong tù ngục (lại là tử tù!) mà cứ như khách tài tử tạm dừng chân trên chặng đường dài dặc. Hoàn cảnh dù có đổi thay, tai biến có thể đến bất cứ lúc nào nhưng chí khí thì chẳng khi nào dời đổi.

Hai câu tiếp, giọng thơ chợt chuyển:

Đã khách không nhà trong bốn biển,
Lại người có tội giữa năm châu

Tác giả tự nghiệm về thân thế của mình. Một cuộc đời bôn ba đầy sóng

gió. Phan Bội Châu từng phiêu bạt khắp nơi (khi Trung Quốc, khi thì Nhật Bản, Thái Lan). Trên hành trình lưu lạc ấy ông đã phải trải qua biết bao cay đắng, cực khổ.

Chỉ vì hết lòng muốn tìm đường cứu nước, chỉ vì yêu đất nước, dân tộc mình mà người chí sĩ bị xem như một tội nhân, bị truy nã khắp nơi. Phiêu bạt, lênh đênh, chẳng được yên ổn bao giờ, con người ấy cất tiếng than cho mình cũng là đau cho nỗi đau chung của một đất nước đang mất chủ quyền. Tiếng thở dài ấy là của bậc anh hùng. Cái buồn ấy là cái buồn của một người tù yêu nước, của một nhân cách phi thường. Một phút ngẫm ngợi về mình để rồi lại sang sảng ca lên âm giai lãng mạn:

Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế

Mở miệng cười tan cuộc oán thù.

Kinh tế – kinh bang tế thế, người chí sĩ chẳng lúc nào thôi ôm ấp hoài bão trị nước cứu đời. Đấy là con đường Phan đã chọn, nguyện dấn thân. Vẫn là cái khẩu khí hơn người, tiếng "cười" của một người tù sao mà khoáng đạt đến thế. Đến độ ta chỉ còn thấy âm hưởng hào hùng bao trùm tất cả, lấn át tất cả như cánh buồm thênh thênh lướt sóng đại dương. Lối nói khoa trương đã được sử dụng để biểu đạt cái chí lớn lao, khát vọng xoay chuyển càn khôn. Như trong bài thơ *Chơi xuân*, Phan viết:

Phùng xuân hội, may ra, ừ cũng dễ,

Nắm địa cầu vừa một tí con con.

Đạp toang hai cánh càn khôn,

Đem xuân vẽ lại trong non nước nhà...

Hai liên giữa câu 3 – 4 và câu 5 – 6 của bài thơ *Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông* đã tuân thủ khuôn mẫu của một bài thơ thất ngôn bát cú luật Đường trong đối ý, đối lời. Sự đăng đối, hài hòa ở những câu thơ này góp phần tạo ra ấn tượng về cái vững vàng. Các cặp từ đối: *bốn biển – năm châu, bủa tay – mở miệng, bồ kinh tế – cuộc oán thù* khiến cho tầm vóc của người chí sĩ trở nên phi thường phù hợp với âm hưởng chủ đạo của bài thơ.

Bản lĩnh và tư thế khác người của người anh hùng yêu nước được khẳng định dứt khoát trong hai câu thơ kết bài:

Thân ấy hãy còn, còn sự nghiệp,

Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu!

Con người ấy còn sống là còn tranh đấu đến cùng cho lý tưởng chính nghĩa của mình. Hai chữ *còn* ngắt ra, điệp lại càng tăng thêm sắc thái mạnh mẽ, dứt khoát cho câu thơ. Ý chí thép sẽ chiến thắng hiểm nguy.

Cả bài thơ toát lên một tinh thần bất khuất, một tư thế vững vàng của bậc trượng phu trong cơn sóng gió. Truyền thống yêu nước, chí khí anh dũng của dân tộc đang tiếp tục mạch chảy bất tận trong tâm huyết chí sĩ Phan Bội Châu. Hình ảnh người anh hùng đã tạc vào lịch sử như một minh chứng cho tinh thần yêu nước, xả thân vì lý tưởng chính nghĩa.

Đề 183: Phân tích bài thơ *Đập đá ở Côn Lôn* của Phan Châu Trinh.

Bài làm

Phan Châu Trinh là một trong những chí sĩ cách mạng nổi tiếng đầu thế kỷ XX. Bài thơ *Đập đá ở Côn Lôn* làm trong thời gian ông bị đày ở đảo Côn Lôn thể hiện khí phách quật cường, một bản lĩnh ngang tầm với dũng sĩ thần thoại.

Nhà tù thực dân Côn Đảo là một địa ngục trần gian. Bọn thực dân dùng nơi này để đày đọa những con người yêu nước ưu tú hòng làm nhụt chí khí đấu tranh của họ. Trong đó, đập đá là một trong những công việc cực nhọc mà người đi đày phải làm. Phan Chu Trinh cũng ở trong số tù khổ sai ấy. Nhưng giữa nắng gió biển khơi khắc nghiệt, người tù Phan Chu Trinh đã dựng lên cả một tượng đài bằng thơ thể hiện một vẻ đẹp lẫm liệt, phong thái cứng cỏi ngang tàng của người anh hùng cứu nước. Bốn câu thơ đầu tác giả miêu tả cảnh tượng đập đá của người tù và cũng bằng những hình ảnh ấy mà khắc họa dáng vóc phi thường của người anh hùng đấng nam nhi:

Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn

Câu mở đầu, tác giả phác ra bối cảnh không gian, gợi mở âm hưởng hùng tráng bằng tư thế hiên ngang, sừng sững của phận "làm trai" đầu đội trời, chân đạp đất kiêu hùng. Dân gian từng có câu: "Làm trai cho đáng nên trai". Nguyễn Công Trứ thì viết: "Chí làm trai Nam, Bắc, Tây, Đông; Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể". Phan Bội Châu cũng đề cao chí hướng làm trai: "Đã sinh làm trai thì cũng phải khác đời"... Điều đó cho thấy quan niệm về *chí trai, làm trai* có mạch nguồn trong quan niệm nhân sinh truyền thống. Trong câu thơ của Phan Chu Trinh quan niệm ấy được khẳng định trong một bối cảnh cụ thể: "... *đứng giữa* đất Côn Lôn" là "đứng giữa" biển – trời – đất, thật kiêu hãnh, đường hoàng, đúng là tư thế của người làm chủ giang sơn. Ba câu thơ tiếp theo, qua những hình ảnh chân thực diễn tả công việc nặng nhọc (khai thác đá) tác giả đã khắc họa thành những hình ảnh biểu trưng cho tầm vóc sức mạnh dời non lấp bể, kinh thiên động địa của nhân vật trữ tình. Những hành động mạnh mẽ cho phép ta hình dung ra hình ảnh người dũng sĩ với sức vóc thần kỳ đang xung trận: "xách búa", "ra tay"; và "lừng lẫy" những chiến công "lở núi non", "đánh tan năm bảy đống", "đập bể mấy trăm hòn". Những từ ngữ cực tả sức mạnh dũng mãnh đã làm nổi bật hình tượng con người trong tư thế ngạo nghễ, lớn ngang tầm vũ trụ. Giữa không gian biển trời bao la sừng sững một tượng đài kết bằng những hình khối phi thường.

Bốn câu cuối bộc lộ trực tiếp cảm xúc và suy nghĩ của người anh hùng:

Tháng ngày bao quản thông sành sỏi,
Mưa nắng càng bền dạ sắt son.
Những kẻ vá trời khi lỡ bước,
Gian nan chi kể việc con con!

"Thân sành sỏi", "dạ sắt son" sẽ bền bỉ trụ lại được cùng "tháng ngày", "mưa nắng". Thế đối lập ở câu 5 – 6 thể hiện sự kiện tâm, vững trí của nhà cách mạng dù trong bất kỳ hoàn cảnh khắc nghiệt nào. Tấm lòng thủy chung, son sắt "mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen" (Nguyễn Trãi) kia cũng là sự kế thừa truyền thống anh hùng bất khuất đã được khẳng định trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Vững vàng đến "trơ gan cùng tuế nguyệt", đến ngạo nghễ đã là đạo sống, phẩm cách của người chiến sĩ chẳng tiếc thân mình cho sự nghiệp chung. Phan Chu Trinh xuất thân nho học, ở những vần thơ này ta thấy bản lĩnh của nhà nho đã hòa thấm thuần thục với tinh thần yêu nước, ý chí cách mạng. Trong bối cảnh đầy những gian nan, thử thách hồi đầu thế kỷ XX người chiến sĩ dám dấn thân vì giang sơn xã tắc cũng phải là những con người bất chấp hy sinh, nguy khó, biết quên thân mình. Có khi còn phải biết gồng mình lên, chiến thắng hoàn cảnh bằng ý chí. Cảm hứng lãng mạn hào hùng tiếp tục được đẩy lên đỉnh điểm ở hai câu thơ kết với hình ảnh thơ mang đậm chất sử thi. Hai chữ "vá trời" lấy từ tích *Nữ Oa vá trời*. Tầm vóc, sức mạnh ở đây đã được thi vị hóa đến mức thần kỳ, giống như bà Nữ Oa trong truyền thuyết đội đá vá trời. Hình ảnh "những kẻ vá trời" vừa thực vừa bay bổng, khoa trương. Thực ở mức liên hệ với hình ảnh những người tù lao động khổ sai đập đá, làm lở núi non đã được miêu tả ở 4 câu thơ đầu. Bay bổng, khoa trương ở lối ví với nhân vật trong thần tích. Hai câu thơ cuối này gợi tả sự đối lập giữa cái lớn lao, kỳ vĩ (*vá trời*) với thực tế gian nan chỉ là "việc con con". Sự đối lập ấy là kết quả của một ý chí sắt đá, niềm tin lớn vào sự nghiệp chính nghĩa, *kẻ vá trời* bằng sức mạnh *đội đá vá trời* có thể đè bẹp mọi trở ngại gian nan. Thực tế thì những khó khăn tác giả đang phải đương đầu không "*con con*" chút nào nhưng chỉ có bằng cách ấy, bằng ý chí quật cường tích tụ từ nguồn mạch dân tộc người chiến sĩ mới có thể tiếp tục được con đường dằng dặc chông gai trước mắt. Đó cũng là một cuộc chiến thắng chính mình.

Đập đá ở Côn Lôn và *Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông* là hai bài thơ của hai nhà nho yêu nước tiêu biểu trong phong trào cách mạng những năm đầu thế kỷ XX. Qua đó chúng ta nhận ra cái mạch chảy dào dạt của chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng trong truyền thống dân tộc Việt Nam. Rồi đây cái mạch nguồn ấy lại bừng lên thành những đợt sóng mãnh liệt và thể hiện trong văn học kháng chiến chống Mỹ, chống Pháp.

Đề 184: Phân tích văn bản *Hai chữ nước nhà* của Trần Tuấn Khải.

Bài làm

Trần Tuấn Khải thường mượn những chuyện lịch sử để giãi bày tấm lòng yêu nước, nỗi đau mất nước, qua đó mà thức tỉnh tinh thần của đồng bào. Ở những năm đầu thế kỉ XX, ông là một trong những gương mặt thơ

tiêu biểu với giọng điệu bi tráng, thống thiết. *Hai chữ nước nhà* là tác phẩm tiêu biểu của ông. Dưới hình thức song thất lục bát, bài thơ *Hai chữ nước nhà* để lại một ấn tượng mạnh mẽ, sâu sắc trong lòng người đọc. "Tâm trạng xã hội khoảng 1926 uất ức, bi tráng, điều lục bát du dương êm hòa không đủ, mà đòi hỏi một điệu thơ song thất lục bát để toát, để thoát, để xé nỗi niềm u uất đè nặng tâm hồn" (Xuân Diệu).

Cuộc chia tay cảm động giữa hai cha con Phi Khanh và Nguyễn Trãi trong bối cảnh nước mất nhà tan trong bài thơ là những khoảnh khắc đặc biệt, có sức lay động lớn đã được Trần Tuấn Khải sử dụng để kí thác tâm trạng, cảm xúc hiện tại, thực của mình. Lời trăng trối của người cha đối với con khi vĩnh biệt trĩu nặng ân tình, nhuốm đậm những đau thương. Tiếng lòng sầu thảm, ai oán kia khi thì trùng điệp dồn nén, khi thì da diết xót xa. Tác giả quả là đã không uổng công chút nào khi lựa chọn âm điệu phong phú của thể thơ song thất lục bát để dồn tả những tiếng lòng ấy.

Có thể hình dung bố cục của văn bản trích *Hai chữ nước nhà* thành ba phần. Phần 1 (8 câu thơ đầu): diễn tả tâm trạng của người cha trong cảnh ngộ éo le, đau lòng; phần 2 (20 câu tiếp): phác họa tình cảnh đau thương tang tóc của đất nước; phần 3 (8 câu thơ còn lại): xót phận mình bất lực, người cha trao gửi cho con tâm nguyện cứu nước. Đi vào tìm hiểu từng phần ta sẽ cảm nhận được mạch xúc cảm thống thiết, chân thành của bài thơ.

Ở 8 câu thơ đầu, tác giả gợi ra bối cảnh không gian biên ải ảm đạm, heo hút và tâm trạng của nhân vật trữ tình. Bốn câu đầu là không gian chia li:

Chốn ải Bắc mây sầu ảm đạm,
Cõi giời nam gió thảm đìu hiu.
Bốn bề hổ thét chim kêu,
Đoái nom phong cảnh như khêu bất bình.

Trong cuộc ra đi không có ngày trở lại thì biên ải này chính là điểm mà Nguyễn Phi Khanh vĩnh biệt tổ quốc, quê hương, vĩnh biệt người con thân yêu của mình. Tâm trạng của kẻ sắp ra đi vĩnh viễn phủ lên khung cảnh vốn đã heo hút, ảm đạm một màu tang tóc, thê lương. Tâm sầu, cảnh sầu cứ khơi gợi lẫn nhau thành một mối sầu thảm tái tê, u hoài dằng dặc. Đoạn thơ này tạo ra không khí chung cho toàn bài, không khí thời cuộc năm xưa (thời Phi Khanh – Nguyễn Trãi) và cũng là không khí của xã hội Việt Nam những năm 20 thế kỉ XX. Bốn câu tiếp đầm đìa máu lệ:

Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước,
Chút thân tài lần bước dặm khơi,
Trông con tầm tã châu rơi,
Con ơi, con nhớ lấy lời cha khuyên.

Giờ phút này đây, cha sẽ ra đi mà chẳng bao giờ về nữa. Đất nước lầm than, cha con li biệt, tình đất nước lớn lao hòa trong tình phụ tử sâu nặng.

Nguyễn Phi Khanh bị giải sang Tàu. Để làm tròn đạo hiếu với cha già, Nguyễn Trãi muốn đi theo để phụng dưỡng. Nhưng Phi Khanh gạt tình riêng, dặn lòng khuyên con trở lại để trả thù nhà, đền nợ nước. Người sắp ra đi vĩnh viễn thường nói những lời gan ruột, những lời mà người còn sống phải khắc cốt ghi xương.

Tấm lòng đối với đất nước của người cha thật cảm động. Ở những câu thơ tiếp theo trong phần 2 tác giả đã hóa thân vào người trong cuộc li tan để phác ra tình cảnh đau thương của đất nước lầm than nô lệ. Trong đó tác giả sử dụng cả tự sự và miêu tả xen lẫn những lời cảm thán để làm nổi bật nỗi đau mất nước nhà tan, tất cả đang chìm ngập trong thảm họa "xương rừng máu sông"; uất hận sầu đau đang ngùn ngụt ngút trời:

Thảm vong quốc kể sao xiết kể,
Trông cơ đồ nhường xé tâm can,
Ngậm ngùi đất khóc giời than,
Thương tâm nòi giống lầm than nỗi này!

Nỗi đau ở đây là một nỗi đau lớn, vượt lên nỗi đau riêng để thành nỗi đau cao cả, thiêng liêng của cả đất nước, giống nòi. Sự lớn lao ấy được diễn tả bằng hàng loạt các hình ảnh mang tầm vóc vĩ mô: *vong quốc, cơ đồ, đất khóc, giời than, nòi giống*. Dòng xúc cảm mãnh liệt thống thiết biểu hiện qua những từ ngữ diễn tả tình cảm ở cung bậc mạnh, bi thiết: *kể sao kể xiết, xé tâm can, ngậm ngùi, khóc than, thương tâm*. Mỗi dòng thơ là một tiếng kêu than đứt ruột, đầy những hờn căm, bi phẫn. Chẳng đủ nước mắt để khóc than cho những đớn đau đang tràn ngập giang sơn, đắng cay đành nuốt sâu trong dạ, người cha nhắn nhủ tâm huyết lại cho con:

Cha xót phận tuổi già sức yếu,
Lỡ sa cơ đành chịu bó tay,
Thân lươn bao quản vũng lầy,
Giang sơn gánh vác sau này cậy con.
Con nên nhớ tổ tông khi trước,
Đã từng phen vì nước gian lao.
Bắc Nam bờ cõi phân mao,
Ngọn cờ độc lập máu đào còn đây...

Nói phận mình bất lực để ủy thác tất cả cho con, cha "tuổi già sức yếu", lại gặp cơn nguy nan, đành uất hận, tủi hờn mà bó tay. Khơi gợi lại truyền thống kiên cường bất khuất của tổ tiên, người cha muốn thắp lên trong người con tin yêu của mình ngọn lửa căm thù xâm lăng, ngọn lửa ý chí quyết tâm khôi phục cơ đồ nước nhà và là cả niềm hi vọng lớn vào con trước khi đi mãi. Lời trao gửi nặng tựa Thái sơn. Nước mất thì nhà cũng tan, thù nhà chỉ có thể trả được khi thù nước đã rửa sạch. Nguyễn Phi Khanh muốn con mình biến nỗi đau mất cha thành nỗi hận mất nước.

Mượn xưa để nói nay, mượn người để nói ta vốn là thủ pháp có từ lâu đời trong truyền thống văn học. Trần Tuấn Khải đã rất thành công khi lựa chọn chuyện chia li giữa hai cha con Nguyễn Phi Khanh và Nguyễn Trãi để gửi gắm tâm sự, nỗi đau mất nước nhằm khơi gợi tinh thần yêu nước thương nòi khi non sông đang bị giày xéo bởi gót giày thực dân. Bằng tình cảm sâu đậm, mãnh liệt, với một giọng điệu thống thiết, thán ca, tác giả của *Hai chữ nước nhà* đã thực hiện bổn phận, sứ mệnh cao cả của người nghệ sĩ yêu nước. Thơ ông thôi thúc lòng người, khích lệ mọi người tranh đấu cho giang sơn độc lập, tự do.

Đề 185: Trong số những tác phẩm đã học và đọc thêm, em thích tác phẩm nào nhất? Phân tích tác phẩm đó để làm rõ lí do.

Bài làm

Nhắc đến thơ Hàn Mặc Tử là người ta nghĩ ngay đến những vần thơ điên của ông, khi đọc chúng ta thấy phải rùng mình. Nhưng trong tập "Thơ điên" này, Hàn lại có một bài thơ hay đến mềm mại, nhẹ nhàng. Đó là bài: "Mùa xuân chín".

Trong làn nắng ửng khói mơ tan.
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.
Sột soạt gió trêu tà áo biếc,
Trên giàn thiên lí. Bóng xuân sang.

Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời,
Bao cô thôn nữ hát bên đồi;
– Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...

Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi,
Hổn hển như lời của nước mây...
Thầm thĩ với ai ngồi dưới trúc,
Nghe ra ý vị và thơ ngây...

Khách xa gặp lúc mùa xuân chín,
Lòng trí bâng khuâng sực nhớ làng.
– Chị ấy năm nay còn gánh thóc
Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?

Được chiêm ngưỡng những tác phẩm của ông, ta mới thấy đây là một tài thơ, một hồn thơ luôn trỗi dậy ngay cả trong hoàn cảnh khó khăn nhất. Thi

sĩ Hàn viết bài thơ này khi căn bệnh phong đang tàn phá cơ thể ông rất dữ dội. Ấy vậy mà lời thơ vẫn say đắm, trẻ đẹp, mùa xuân ấy vẫn thấm màu sự sống.

Ta đã thường thấy mùa xuân về trong thơ của Nguyễn Bính

"Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay
Hoa xoan lớp lớp rụng rơi đầy"

Đây cũng là mùa xuân nhưng lại như vừa đến mang theo mưa xuân lất phất. Hàn Mặc Tử sao lại gọi là mùa xuân "chín"?

Xuân đến là mùa hội lại về, có biết bao nhiêu nắng vàng điểm trên mái nhà tranh. Lại còn những làn "khói mơ", làn khói mờ mờ nửa hư nửa thực, như đang bước vào thế giới của các nàng tiên. Vì đoạn thơ xuất hiện tà áo biếc, một thoáng của các cô thôn nữ đang khăn áo đi xem hội. Phải nói rằng tác giả rất tinh tế đã cảm nhận được cả tiếng động "sột soạt" của những tà áo biếc. Không biết là gió thổi mà gây ra tiếng động hay tại các cô rao bước nhanh quá làm tà áo lất phất bay trong gió. Vậy là bức tranh đầu tiên đã hiện ra, có cái nắng, có khói sương, có gió, tà áo biếc là dấu hiệu có con người. Và đặc biệt là sự phát hiện mới mẻ của nhà thơ: "Bóng xuân sang", mùa xuân đã đến.

Bài thơ vừa có tính hiện đại nhưng lại đậm chất cổ điển. Câu thơ: "Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời" gợi cho ta nhớ đến: "Cỏ non xanh tận chân trời" của thi hào Nguyễn Du ngày nào. Nhưng cái độc đáo của chàng thi sĩ Hàn Mặc Tử ở chỗ thể hiện được một không gian rộng mà thoáng không một đứt đoạn, cỏ mà như sóng, phải chăng lòng người cũng đang có những đợt sóng ngầm nào đó? Đến khi con người xuất hiện thì mới thấy rõ hơn. Bài thơ có hai chỗ như một lời nói trực tiếp, thì đây là lời nói trực tiếp đầu tiên, nhưng không biết là lời của nhà thơ hay lời của một người nào đó. Bức tranh đang vui vẻ nhộn nhịp, tưởng như tràn đầy những lời ca tiếng hát của những cô thôn nữ, thì xuất hiện một lời:

"Ngày mai trong đám xuân xanh ấy
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi"

Đây là lời nhắc nhở hay một lời phán truyền? Có lẽ là một lời nhắc nhẹ nhàng mà thôi. Nhưng không chỉ các cô thôn nữ kia phải giật mình mà ngay cả người đọc cũng phải gật đầu mà tấm tắc như ngộ ra rằng: lẽ đời là thế! Một giấc mơ đẹp như thế này đâu dễ có, vậy mà Hàn lại kéo họ ra để họ nhìn thấy hiện tại nghiệt ngã này. Lời thơ như bùi ngùi lắng xuống, các cô gái xuân kia có biết rằng hội xuân năm sau sẽ không có đông đủ như vậy không? Sẽ có nhiều cô bỏ bạn, bỏ hội mà theo chồng và mãi mãi các cô không còn được bên nhau thế này nữa. Ta cũng thấy rằng chính nhà thơ cũng bất lực trước hiện thực này, có lẽ chỉ thở dài một cái và nghĩ mà buồn vì không có cái gì là ổn định bất biến. Những cái tốt đẹp thường đến muộn mà đi nhanh trong phút chốc, còn những nỗi buồn thì đến nhanh quá, hiện

thực phũ phàng quá! Chỉ riêng câu thơ này thôi cũng làm tôi phải thấy quý những người bạn của mình hơn, quý những phút giây bên nhau hơn. Bởi lẽ sẽ có lúc chính mình phải từ bỏ "cuộc chơi" để đeo vào mình cái nghiệp chồng con. Đây đúng là cái vốn có của con người, được Hàn Mặc Tử gói lại trong vài câu thơ của mùa xuân.

Nỗi buồn chỉ thoáng qua rồi không khí mùa xuân lại trở lại với tiếng hát của đám hội xuân:

Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi,
Hổn hển như lời của nước mây...
Thầm thĩ với ai ngồi dưới trúc,
Nghe ra ý vị và thơ ngây...

Tưởng chừng như tiếng hát rất mỏng manh, nhẹ như một làn khói mỏng. Ta cứ cảm thấy tiếng hát này có thể nhìn thấy, nhìn rõ là đằng khác vì có sự định vị ở nơi "lưng chừng núi". Còn có âm vực rất yếu ớt "hổn hển", gợi ra một hơi thở có khi là gấp gáp nhưng biết đâu lại khó khăn. Chính vì tiếng hát này không mạnh mà rất nhỏ, chỉ "thầm thì" nên nghe có vẻ là ý vị, thơ ngây. Phải chăng lúc này mùa xuân đang chín? Nhưng có ngẫm ra mới thấy cái âm thanh mỏng manh kia thật vô định và khó nắm bắt được nó. Vừa là hữu hình vì thấy nó ở giữa lưng chừng một ngọn núi, nghe thấy lời nhưng lại là cái vô hình, non nớt khó có thể tồn tại lâu được. Chắc chắn lời ca ấy sẽ tan biến, sẽ mất ngay sau đó! Vậy là bức tranh xuân ngoài kia dù có đẹp đến đâu, có nắng ửng đến hồng bao nhiêu đi nữa thì cũng làm nhà thơ thấy cái thực tại xung quanh mình không sao nắm giữ được, nó luôn bất ổn và làm tâm hồn nhà thơ có một chút bất an. Một ý nghĩa cuộc sống nữa được nhà thơ chiêm nghiệm ra, đó là những gì xung quanh ta tưởng rằng có thể nắm bắt, có thể lấy làm của ta nhưng mới chỉ là "nghe ra" thôi chứ chưa phải là "chắc chắn là vậy".

Cuối bài thơ lại là hình ảnh người phụ nữ với một vẻ đẹp "chân quê", đậm chất đồng nội hiện lên trên nền trắng có "nắng chang chang". Người lữ khách nhìn cảnh xuân mà nhớ về quê nhà. Đúng theo kiểu: "Nghe mưa nơi này lại nhớ mưa xưa", nghĩa là hiện tại giúp người ta nhìn về quá khứ nhưng cũng đôi chút dự cảm về tương lai. Mùa xuân đã chín, lòng người cũng vì thế mà đang dần nghĩ suy chăng? Xuân đã chín thì tất theo lẽ thường phải sang mùa, con người hết tuổi "hát bên đồi" thì cũng phải chuyển sang tuổi "theo chồng bỏ cuộc chơi". Thế nên vào những thời điểm như vậy "chẳng lẽ ôm lòng chờ đợi mãi, cô đành lỗi bước với tình quân..." ắt phải sang lòng. Một câu hỏi ở cuối bài nhưng không chỉ cho ta nhiều câu trả lời mà còn cho ta thấy tâm tư, nỗi lòng của người khách xa khi gặp đúng khi mùa xuân đương chín. Có thể đứng ngắm nhìn cảnh sắc, nghe tiếng hát, xem các cô thôn nữ đi hội mà lòng muốn hướng về dĩ vãng xa xôi. Người đó cũng có một người thương nơi quê nhà, và không biết giờ này

đang làm gì nữa, cô có còn chờ đợi không hay đã gặp tình cảnh khác mất rồi. Chỉ hai, ba hình ảnh miêu tả mùa xuân mà có tới vài ba nét tâm trạng trong đó.

Bài thơ "Mùa xuân chín" đã cho người đọc thấy một hồn thơ Hàn Mặc Tử đầy nỗi niềm u uất nghĩ suy. Một cảm nhận từ bài thơ đó là một bức tranh mùa xuân chín nhưng không khí lại ảm đạm, buồn đến não nề, càng cảm thụ càng thấy các tầng ý nghĩa nhưng lại bất lực trước nó. Bởi lẽ hạnh phúc đâu có dễ nắm lấy, đôi khi nó hữu hình nhưng hầu như là vô hình nên thường cho người ta những sự nghi cảm. Chính thiên nhiên và con người luôn thay đổi mà cho ta những lo lắng đó, đúng như tâm trạng của Hàn trong một bài thơ khác: "Ai biết tình ai có đậm đà?". Nhà thơ lúc này đang phải chiến đấu rất mệt mỏi với bệnh tật mà vẫn để lại một mùa xuân chín, một hoài cảm, một dự báo cho tương lai là một điều đáng kính phục lắm. Từ bài thơ này, người ta có thể nhận ra nhiều tầng ý nghĩa để thấy tâm hồn nhà thơ không hề yếu ớt, mà vẫn còn tinh tế, đa chiều khi nhìn nhận sự việc.

Đề 186: Phân tích nhân vật Đôn Ki-hô-tê trước khi đánh nhau với cối xay gió (đoạn trích "Đánh nhau với cối xay gió" - Xéc-van-téc).

Bài làm

"Đôn Ki-hô-tê" là tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Xéc-van-téc và của nền văn học Tây Ban Nha. Đoạn trích "Đánh nhau với cối xay gió" là đoạn trích tiêu biểu góp phần làm nổi bật tính cách nhân vật chính: nhân vật Đôn Ki-hô-tê, một con người có lí tưởng tốt đẹp nhưng vì mê muội bởi những tác phẩm tiểu thuyết kiếm hiệp lỗi thời nên hành động mê muội, đáng cười.

Trên đường đi thực hiện những ý định viển vông, hai thầy trò phát hiện thấy ba bốn chục chiếc cối xay gió giữa đồng. Đôn Ki-hô-tê tưởng tượng đó là những tên khổng lồ, và quyết giao chiến. Bỗng lúc đó gió nổi lên, cối xay gió bắt đầu chuyển động và Đôn Ki-hô-tê càng hăng máu xông vào. Giáo gãy, ngựa và người văng ra, Đôn Ki-hô-tê bị đau như trời giáng. Kết cục, hai thầy trò đi về phía cảng La-pi-xê, vì Đôn Ki-hô-tê nghĩ: "con đường này có lắm người qua lại chẳng thể nào không gặp nhiều chuyện phiêu lưu khác nhau".

Đoạn trích này làm hiện lên rất rõ tính cách của Đô Ki-hô-tê. Sự mê muội do đọc quá nhiều sách kiếm hiệp đã khiến người hiệp sĩ tưởng những chiếc cối xay gió là bọn khổng lồ gian ác, sau đó lại tưởng là phép thuật của pháp sư Phơ-re-xtôn. Vì thế mà, không một chút ngần ngại, lão hiệp sĩ đã lao vào để tiễu trừ cái lũ gian ác ấy. Ước mơ và khát vọng của người hiệp sĩ không phải là không tốt đẹp và dũng cảm nếu đối thủ là quân gian ác thực sự, nhưng nó lại là hành động thật nực cười bởi đối thủ của anh ta lại là... những chiếc cối xay gió. Tính cách của Đôn Ki-hô-tê còn được thể hiện rõ

ở đoạn tiếp theo: lão bị trọng thương nhưng không hề rên rỉ (lão cần phải chứng tỏ mình là một hiệp sĩ giang hồ); lão cũng không quan tâm đến chuyện ăn, chuyện ngủ bởi lão còn đang mơ đến... "tình nương".

Tuy có nhiều khía cạnh tốt đẹp nhưng vì ngấm quá nhiều truyện kiếp hiệp nên Đôn Ki-hô-tê trở thành một nhân vật nực cười, vừa đáng trách lại vừa đáng thương.

Đề 187: Cảm nhận của em khi đọc đoạn trích *Đánh nhau với cối xay gió* (tiểu thuyết *Đôn-ki-hô-tê* của Xéc-van-téc).

Bài làm

Đánh nhau với cối xay gió là một chiến công đặc biệt của hiệp sĩ Đôn Ki-hô-tê tài ba xứ Mantra. Hiệp sĩ này là nhân vật chính do nhà văn Tây Ban Nha Xec-van-tex sáng tạo ra trong cuốn tiểu thuyết cùng tên. Đôn Ki-hô-tê vốn là một nhà quý tộc nghèo, tuổi đời ngót nghét năm mươi, suốt ngày chỉ lấy sách vở làm bạn bè và làm thú vui tiêu khiển. Nhưng sách vở mà nhà quý tộc đọc lại là truyện kiếm hiệp phiêu lưu, là các truyện hiệp sĩ mà phần lớn là bịa đặt chứ không có thật. Nhà quý tộc bị mê hoặc bởi thế giới các hiệp sĩ và các chiến công của họ đã quyết tâm bỏ nhà ra đi làm hiệp sĩ, sống cuộc đời lang thang nay đây mai đó. Mục đích ra đi của Đôn Ki-hô-tê là diệt trừ cái ác và lập lại công bằng, cứu nghèo cứu khổ. Đắm mình trong thế giới hiệp sĩ, Đôn Ki-hô-tê cũng chìm đắm trong thế giới hoang tưởng. Vì thế trên mọi nẻo đường ông đi ở đâu ông cũng thấy những tên khổng lồ những con yêu tinh... đang hoành hành gây tội ác. Những tên khổng lồ, những con quái vật đều gắn liền với trí tưởng tượng của Đôn Ki-hô-tê. Trên con đường đi tìm lẽ công bằng ở đời, Đôn Ki-hô-tê còn có một người giám mã rất đỗi trung thành và rất đúng hình mẫu sách vở mà ông đã đọc, đó là người nông dân Xantrô Panxa tốt bụng, hay ăn vô lo và cũng rất yêu đời. Họ cùng đi với nhau trên mọi nẻo đường đất nước, cùng chung hoạn nạn, cùng sẻ chia mọi nỗi buồn.

Ở đây những tên khổng lồ xuất hiện trên con đường thực hiện công lý của nhà hiệp sĩ là những cối xay gió, tới *"ba bốn chục chiến cối xay gió giữa đồng"*, chúng dường như hiện ra đột ngột, bất ngờ và nhanh chóng tạo ra một hoang tưởng trong đầu óc của nhà hiệp sĩ cao lênh khênh mà lại gầy còm một cách thảm hại đang ngất nghểu trên lưng con chiến mã Rôxinantê cũng gầy còm tới mức chỉ còn da bọc xương. Luôn luôn mơ ước lập được các chiến công như các hiệp sĩ thời xưa cho nên Đôn Ki-hô-tê thấy rằng đây là một dịp tốt: *"Vận may dun dủi khiến cho sự nghiệp của chúng ta đẹp quá sự mong muốn. Này, anh bạn Xantrô Panxa, anh có trông thấy mấy chục tên khổng lồ kia không? Để ta xông ra kết liễu đời chúng; với những chiến lợi phẩm thu được chúng ta sẽ trở nên giàu sang phú quý..."*. Một cánh đồng mênh mông, những chiếc cối xay gió sừng sững quả là một bối cảnh

nên thơ cho trí tưởng tượng hoang tưởng, điên rồ của nhà hiệp sĩ. Tuy nhiên người giám mã của chàng thì lại không hoang tưởng chút nào. Vì thế khi nghe chủ nhân nói tới những tên khổng lồ anh ta hỏi ngay: *"Những tên khổng lồ nào cơ?"* – một câu hỏi cơ hồ như anh ta ở trên trời rơi xuống chứ không phải là giám mã luôn luôn đi kèm sát bên hiệp sĩ mà mình phải phò tá. Đôn Ki-hô-tê chỉ ngay cho anh ta thấy: *"Những tên mà anh nhìn thấy ở trước mặt kia kìa. Cánh tay chúng rất dài, có cái tới gần hai dặm"*. Đầu óc thực tiễn của Xantrô nhận ra ngay sự nhầm lẫn của ông chủ. Anh ta thấy sự cần thiết phải giải thích cho ông chủ: *"xin ngài coi chừng. Cái mà ngài tưởng là người khổng lồ chỉ là những chiếc cối xay gió, còn cái vật trông giống cánh tay là những cánh quạt, khi có gió sẽ quay tròn làm chuyển cối đá bên trong"*.

Ở đây có một điểm tương đồng: Đôn Ki-hô-tê nhìn những chiếc cánh quạt như là những cánh tay, còn Xantrô cũng cho là *"giống cánh tay"*. Nhưng sự tương đồng này sẽ bị khúc xạ bởi hai đầu óc khác nhau: một thì hoang tưởng, một thì tỉnh táo, để rồi làm bật ra một tiếng cười hóm hỉnh nhẹ nhàng. Nhà hiệp sĩ thấy rằng cần phải chứng minh cho người giám mã không hiểu biết gì về những chuyện phiêu lưu bằng một sự khẳng định chắc chắn: "Quả là anh chẳng hiểu gì những chuyện phiêu lưu mạo hiểm. Đó chính là những tên khổng lồ. Nếu anh sợ thì hãy mau mau lánh ra xa mà cầu kinh trong lúc ta đương đầu với chúng trong một cuộc giao tranh gay go và chênh lệch". Sự *"chênh lệch"* thì đã quá rõ, còn *"phiêu lưu"* thì cũng dễ nhận ra, *"gay go"* thì khỏi phải nói. Trước hết Đôn Ki-hô-tê chủ động chấp nhận trận đấu không cân sức bằng cách *"thúc con Rôxinantê xông lên"*, *"chẳng thèm để ý"* đến mọi lời khuyên can. Giữa cái bối cảnh hùng vĩ và nên thơ ấy và trước những đối thủ câm lặng, nhà hiệp sĩ tài ba đưa ra lời tuyên chiến của mình bằng cách *"thét lớn"*: ""*Lũ súc sinh kia không được chạy trốn! Có ta là hiệp sĩ một thương một mã đến đọ sức với bọn ngươi đây*". Bọn khổng lồ cũng không vừa, chúng cũng ra tay đối phó: *"một cơn gió nhẹ làm quay những cánh quạt"*. Và thế là nhà hiệp sĩ lên tiếng khẳng định sức mạnh tài ba của mình: *"Dù cho bọn ngươi có vung nhiều cánh tay hơn cả khổng lồ Bri-a-rê-ô, các ngươi cũng sẽ phải đền tội"*.

Nhưng đây còn là cuộc chiến sĩ giữa chiến diệt yêu quái và lũ yêu quái, nên thể thức cũng có những cái khác thường. Đó là theo truyền thống hiệp sĩ, khi vào trận chiến các hiệp sĩ đều hướng lời cầu nguyện của mình về tình nương mà mình tôn thờ. Không trái với phong tục, Đôn Ki-hô-tê cũng cầu cứu nàng Đuyn-xi-nê-a, xin nàng hãy giúp cho trong cơn nguy biến này. Cũng vẫn nói thêm rằng nàng Đuyn-xi-nê-a người mà trái tim của hiệp sĩ Đôn Ki-hô-tê tôn thờ chỉ là một sản phẩm hoang tưởng của đầu óc mụ mị bởi ảnh hưởng của các tiểu thuyết mà nhà quý tộc kia đã đọc trong mấy chục năm qua. Khi cầu nguyện như vậy thì dường như sức mạnh được nhân đôi, lòng dũng cảm cũng được tăng lên gấp bội, khi đó *"Đôn Ki-hô-tê*

vừa lấy khiên che kín thân, tay lăm lăm ngọn giáo, thúc con Rôxinantê phi thẳng tới chiếc cối xay gió gần nhất". Hình ảnh người hiệp sĩ mới đẹp làm sao, hình ảnh đó toát ra một phẩm chất anh hùng lẫm liệt, một dáng dấp oai phong. Hình ảnh đó sẽ trở lên tuyệt vời nếu những tên khổng lồ, những con yêu tinh kia là thực. Còn ở đây chỉ là những chiếc cối xay gió bình thường thực tới mức hai năm rõ mười, cho nên hình ảnh ấy trở nên buồn cười như chính những gì đã xảy ra: *"Đúng lúc chàng đâm mũi giáo vào cánh quạt cối xay, gió nổi lên dữ dội, cánh quạt quay tít khiến ngọn giáo gãy tan tành, cả người lẫn ngựa ngã chổng kềnh ra đất"*. Mọi cái hoang tưởng đều biến đi, chỉ còn Đôn Ki-hô-tê *"nằm không cựa quậy sau cái ngã như trời giáng"*. Cuộc chiến cũng kết thúc.

Trận chiến đấu diễn ra rất bài bản, tuần tự nhưng diễn biến thì rất chóng vánh, chỉ trong chớp mắt, tới mức giám mã *"Xantrô Panxa thúc lừa tới cứu"* thì cũng không kịp: chủ nhân của anh ta đã bị thất bại. Anh ta chỉ còn biết cách kêu trời và lên án những câu chuyện hoang tưởng. Cách lập luận của Xantrô càng thực tế hơn bao giờ hết: *"Tôi đã chẳng bảo ngài phải coi chừng việc làm của mình rồi đấy ư? Rằng đó chỉ là những chiếc cối xay gió thôi ư? Ai mà chả biết thế, trừ kẻ nào đầu óc cũng quay cuồng như cối xay vậy"*. Anh ta lo cho chủ nhân, buồn cho sự đau đớn của chủ nhân, còn anh ta cũng chẳng hề quan tâm tới việc thắng thua, bởi lẽ đánh nhau với cối xay gió chỉ là việc rồ dại. Chủ nhân của anh ta, hiệp sĩ Đôn Ki-hô-tê trứ danh cho dù đau đớn, cho dù thất bại thì vẫn đang chìm đắm trong trò chơi hiệp sĩ hoang tưởng. Chàng chỉ cho giám mã của mình biết: *"Thôi im đi, anh bạn Xantrô. Phải biết rằng cái nghề cung kiếm này hơn các nghề khác ở chỗ luôn luôn biến chuyển. Đúng là lão pháp sư Phơ-re-xtôn trước đây đã đánh cắp thư phòng và sách vở của ta, bây giờ lại biến những tên khổng lồ này thành những chiếc cối xay gió để tước mất của ta phần vinh quang chiến thắng. Hắn thâm thù ta như vậy đó. Nhưng rồi pháp thuật của hắn cũng sẽ bị thanh kiếm lợi hại của ta khuất phục thôi"*. Những hư cấu từ các tiểu thuyết hiệp sĩ đã đọc luôn luôn ám ảnh Đôn Ki-hô-tê. Do đó vinh quang đáng lẽ thuộc về anh thì lại bị một gã pháp sư có nhiều pháp thuật hơn tước đoạt mất, vì thế anh lại cùng người giám mã của mình đi tìm những cuộc phiêu lưu mới.

Nỗi buồn lớn nhất của anh là trên đường đi anh không còn giáo nữa. Anh nhớ tới hiệp sĩ Đi-ê-gô Pêrex đê Vagax trong một cuốn sách. Trong một trấn chiến đấu hiệp sĩ này đã bị gẫy gươm nhưng chàng không nao núng, chàng đã nhổ một cây sồi làm vũ khí và đã giết được không biết bao nhiêu là giặc. Đôn Ki-hô-tê kể lại chuyện đó với người giám mã của mình và hứa với Xantrô là sẽ noi gương người hiệp sĩ kia. Song cú ngã như trời giáng ban nãy đang làm cho anh *"vẹo vọ"* đi và cho dù vậy thì anh cũng chẳng dám kêu đau vì theo luật giang hồ các hiệp sĩ *"có bị thương cũng không được rên rỉ, dù xổ cả ruột ra ngoài"*. Một tiếng cười hóm hỉnh lại bật

ra khi Xantrô đưa ra ý kiến so sánh: *"Riêng phần tôi, chỉ cần bị gai đâm là tôi kêu đau ngay, trừ phi người ta cấm cả giám mã của hiệp sĩ giang hồ kêu"*. Sự hóm hỉnh ở đây góp phần thể hiện sự tương phản giữa hai tính cách: một bên hoang tưởng còn bên kia rất thực tế, một bên điên rồ, một bên rất tỉnh táo. Đây cũng là lần đầu tiên Xantrô bỏ nhà ra đi làm giám mã cho một hiệp sĩ và đây cũng là lần đầu tiên anh ta chứng kiến vị hiệp sĩ của mình ra trận không phải tả xung hữu đột, như múa như bay giữa trận tiền mà *"ngã như trời giáng"*. Tuy nhiên Xantrô rất quý ông chủ vì ông ta cho phép anh được ăn, được ngủ thoải mái. Vừa đi, anh ta *"vừa ăn một cách khoái trá"*, vừa *"nghiêng bầu rượu tu một hơi ngon lành"* khiến Xantrô *"cảm thấy cái nghề đi tìm kiếm chuyện phiêu lưu này tuy có nguy hiểm song cũng không đến nỗi vất vả"*. Như vậy tính chất thực tiễn lại xuất hiện: làm hiệp sĩ lang thang trở thành một cái nghề có thể kiếm sống được.

Một ngày được khép lại cùng giấc ngủ nặng nề đang kéo đến với Xantrô. Còn hiệp sĩ Đôn Ki-hô-tê thì lại tiếp tục bắt chước các trang hiệp sĩ khác từng thức đêm thức hôm để nhớ tới tình nương sau khi đã *"bẻ một cành khô, rút cái mũi sắt ở cái cán gẫy lắp vào làm thành một ngọn giáo mới"*. Chàng hiệp sĩ không ngủ để mà nghĩ tới nàng Đuyn-xi-nê-a, cho dù trong trận chiến đấu chống lại lũ khổng lồ có hình thù là những chiếc cối xay gió kia nàng đã không tỏ ra hào hiệp giúp chàng, nàng cũng lại thờ ơ với cả cú *"ngã như trời giáng"* của chàng nữa. Cho dù vậy, là một hiệp sĩ chân chính Đôn Ki-hô-tê luôn tỏ ra trung thành với tình nương của mình mà biểu hiện độc đáo nhất là không ăn không ngủ, bởi vì chàng *"nghĩ đến người yêu cũng đủ no rồi"*. Tiếng cười nhẹ nhàng vừa giễu cợt vừa trêu chọc đã làm cho nhân vật trở nên sống động.

Cho dù những hành động trong thực tế mang tính điên rồ ảo tưởng song lý tưởng vị tha mà Đôn Ki-hô-tê theo đuổi lại rất đáng trân trọng, bởi lẽ anh là người hiệp sĩ chân chính đi tìm tự do, khi Tây Ban Nha tự do bị bóp nghẹt, quyền sống bị chà đạp; ở đó bọn khổng lồ, bọn yêu tinh có mặt khắp nơi, hoành hành mọi nẻo; ở đó cái ác đang tồn tại và vì vậy cũng cần tới những hiệp sĩ chân chính để phò nguy cứu khổ, để tiêu diệt cái ác. Sự kết hợp giữa hai thầy trò Đôn Ki-hô-tê cũng là một sự kết hợp độc đáo, bởi lẽ ở đây vừa có sự huyễn hoặc lại vừa có sự tỉnh táo mà các nét này lại được phân bố ở cả hai người. Nếu thực hiện một phép lựa chọn theo kiểu tước bỏ những nét tiêu cực ở cả hai nhân vật và kết hợp chúng lại, ta sẽ có một nhân vật hoàn chỉnh đạt tới mức độ lý tưởng. Đó là nhân vật của ước mơ, của khát vọng của những người dân lương thiện ở Tây Ban Nha trong thời kỳ Phục Hưng.

Đề 188: Phân tích trích đoạn kịch Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục (Trưởng giả học làm sang, Mô-li-e).

Bài làm

Mô-li-e được coi là nhà viết kịch có nhiều tác phẩm đạt đến mức cổ điển của thế giới. Vở kịch "Trưởng giả học làm sang" là một tác phẩm nổi tiếng của ông, trong đó trích đoạn "Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục" là một trích đoạn tiêu biểu.

Lớp kịch này được chia làm hai cảnh, dấu hiệu nhận biết trên văn bản là đoạn chỉ dẫn sân khấu "*Bốn tay thợ phụ bước vào...*". Cả hai cảnh này đều diễn ra trong không gian phòng khách nhà ông Giuốc-đanh – nhân vật chính. Không khí kịch càng về sau càng sôi động, cho đến cuối cảnh sau thì không khí hài kịch thực sự náo nhiệt. Trên văn bản, ta thấy ở cảnh trước gồm những lời thoại của hai nhân vật: ông Giuốc-đanh và bác phó may; cảnh sau là những lời đối thoại của ông Giuốc-đanh và tay thợ phụ. Cảnh trước, trên sân khấu xuất hiện bốn nhân vật (ông Giuốc-đanh và một gia nhân, bác phó may và tay thợ phụ mang bộ lễ phục). Cảnh sau, xuất hiện thêm bốn tay thợ phụ nữa. Cảnh trước, ông Giuốc-đanh và bác phó may đối thoại với nhau. Cảnh sau, ông Giuốc-đanh nói với một tay thợ phụ "mang lễ phục", xuất hiện từ cảnh trước nhưng xung quanh ông là cả bốn tay thợ phụ đến sau đang xúm vào để giúp ông thử lễ phục mới nên như là nói với cả bọn. Thêm nữa, cảnh trước cử chỉ, động tác của các nhân vật ít hơn (chỉ là những cử chỉ, động tác kèm theo đối thoại của hai nhân vật), đến đoạn sau các thợ phụ nhộn nhịp cởi quần áo cũ, mặc lễ phục mới cho ông Giuốc-đanh... Thêm nữa, khi ông Giuốc-đanh mặc lễ phục còn có cả nhảy múa và âm nhạc!

Ở cảnh đầu của lớp kịch, tính cách của Giuốc-đanh thể hiện trong đối thoại với bác phó may. Nào là chuyện đôi bít tất, chuyện bộ tóc giả, lông đính mũ song chủ yếu là chuyện xoay quanh bộ lễ phục mới, với những bông hoa ngược! Làm sao mà biết được là do bác phó may dốt, do sơ suất hay cố ý may thành những bông hoa ngược? Chỉ biết rằng chính ông Giuốc-đanh phát hiện ra sự cố này. Khổ một cái, cái bác phó may với tay nghề khó hiểu này lại bảo rằng người quý tộc người ta vẫn mặc vậy. Mà ông Giuốc-đanh thì đang học đòi làm sang. Thế là ông hoàn toàn bị khuất phục bởi sự láu cá của bác phó may. Kịch tính được đẩy lên khi bác phó may liên tiếp ra đòn: "*Nếu ngài muốn thì tôi sẽ xin may hoa xuôi lại thôi mà*", "*xin ngài cứ việc bảo*". Sợ cơ hội làm sang sẽ tuột mất, ông Giuốc-đanh cứ chối đây đẩy: "*Không, không*", "*tôi đã bảo không mà*". Rồi lại chính ông Giuốc-đanh phát hiện ra bác phó may ăn bớt vải của mình. Song bác phó may đã nắm chắc điểm yếu của đối phương, chỉ cần bác lảng sang chuyện thử bộ lễ phục mới là ông Giuốc-đanh chẳng còn để ý đến chuyện ăn bớt vải nữa. Chẳng thế mà bác phó may lại quá tự tin khi mặc đúng cái áo may bằng vải ăn bớt của ông Giuốc-đanh đến nhà ông Giuốc-đanh.

Sang cảnh sau của lớp kịch, tính cách trưởng giả học đòi làm sang của ông Giuốc–đanh tiếp tục được bộc lộ. Lần này đến lượt tay thợ phụ lợi dụng ông ta. Nếu anh này cứ gọi ông Giuốc–đanh như thông thường (*ông* hoặc *ngài*) thì đã không có chuyện gì xảy ra (và chắc cũng không được tiền uống rượu). Đằng này lại xưng tôn là "ông lớn", lại đúng vào lúc ông đang mặc lễ phục và say sưa với cảm giác trở thành quý phái. Thế là y được thưởng vì tiếng "ông lớn" sang trọng ấy. Tay thợ phụ ranh ma này nắm thóp được ông Giuốc–đanh thì liên tiếp tung ra những câu nịnh hót để moi tiền. Và y đã rất thành công. Những tiếng "cụ lớn", rồi "đức ông" đều đem lại cho y tiền thưởng. Không phải ông Giuốc–đanh không nghĩ gì đến túi tiền của mình (*Nó như thế là phải chăng, nếu không ta không mất tong cả tiền cho nó thôi*) mà là tại vì cái mộng quý phái còn lớn hơn cả sự tiếc tiền! Như vậy cũng đủ thấy tính cách học đòi làm sang của ông Giuốc–đanh mạnh đến mức nào.

Sự chênh lệch, mất cân xứng giữa nội dung và hình thức, giữa cái bên trong và bên ngoài là nguyên tắc cơ bản để nhà văn tạo ra cái hài. Ở lớp kịch này cũng vậy, Mô–li–e đã xây dựng một nhân vật hài kịch bất hủ khi tạo ra sự khập khiễng, bất hoà giữa cái ngu dốt, ngớ ngẩn và cái sang trọng học đòi ở nhân vật ông Giuốc–đanh, với hàng loạt các tình tiết gây cười: bộ lễ phục với những bông hoa ngược, tiền thưởng cho những tiếng tôn xưng quý phái hão, vẻ vênh vác rởm hợm của ông Giuốc–đanh khi mặc lễ phục cũng như khi được tôn xưng... qua đó nhà văn chế giễu thói học đòi làm sang vẫn thường thấy trong xã hội.

Đề 189: Cảm nhận của em về truyện *Cô bé bán diêm* của An–đéc–xen.

Bài làm

An–đec–xen là nhà kể chuyện cổ tích nổi tiếng của thế giới phương Tây. Ngoài việc sưu tầm ông còn sáng tạo. Cô bé bán diêm là một sáng tác độc đáo, một câu chuyện cổ tích về thời hiện đại, thể hiện tài năng kể chuyện bậc thầy của ông. Thời hiện đại ở đây chính là thời đại mà tác giả sống, thời đại mà con người đã biết chế tạo và sử dụng diêm, con người biết đi lại bằng những cỗ xe song mã, biết tổ chức đón giao thừa với những cây thông Nô–en lộng lẫy. Câu chuyện *Cô bé bán diêm* kể về xã hội ấy, kể lại cái chết thương tâm của một cô bé nghèo khổ.

Mở đầu câu chuyện, tác giả giới thiệu một bối cảnh khắc nghiệt và khác thường. Khắc nghiệt bởi vì "trời đã tối hẳn" mà "tuyết rơi" không ngừng, và "rét dữ dội". Khác thường là vì: "Đêm nay là đêm giao thừa" nghĩa là một thời điểm đặc biệt đối với mỗi gia đình và đối với mỗi người. Đêm giao thừa ở đâu cũng vậy, đều là thời điểm mà năm cũ với những buồn vui lẫn lộn lùi vào quá khứ và một năm mới với những hi vọng tràn trề đang chờ đợi mọi người được mở ra. Nhưng đêm giao thừa ở phương Tây rất rét, vì lúc này

đang giữa mùa đông. Khắp nơi đầy tuyết phủ, khắp nơi đầy giá lạnh. Ấy thế mà trong cái giá lạnh đó, trong cái đêm giao thừa đó "một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất, đang dò dẫm trong đêm tối". Em bé đi đâu vậy? Em phải đi bán diêm vì "nếu không bán được ít bao diêm, hay không ai bố thí cho một đồng xu nào" thì "em không thể nào về nhà", bởi lẽ khi đó "nhất định là cha em sẽ đánh em". Bởi vì từ khi "Thần Chết đã đến cướp bà em đi mất, gia sản tiêu tan, và gia đình em đã phải lìa ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân bao quanh, nơi em đã sống những ngày đầm ấm, để đến chui rúc trong một xó tối tăm, luôn luôn nghe những lời mắng nhiếc chửi rủa". Hơn nữa "ở nhà cũng rét thế thôi. Cha con em ở trên gác sát mái nhà, và mặc dầu đã nhét giẻ rách vào các kẽ hở lớn trên vách, gió vẫn thổi rít vào trong nhà". Như vậy em bé bán diêm này là một em bé có hoàn cảnh nghèo khổ.

Em bé đáng thương không tên tuổi này giống như kẻ lạc loài, bơ vơ trên mặt đất đầy tuyết phủ. "Em cố kiếm một nơi có nhiều người qua lại. Nhưng trời rét quá, khách qua đường đều rảo bước rất nhanh, chẳng ai đoái hoài đến lời chào hàng của em cả". Vì thế "suốt ngày em chẳng bán được gì cả và chẳng ai bố thí cho em chút đỉnh. Em bé đáng thương vẫn bụng đói cật rét lang thang trên đường". Em đi dưới trời mưa tuyết tới mức: "bông tuyết bám đầy trên mái tóc dài xõa thành từng búp trên lưng em, em cũng không để ý" và những người qua đường cũng không ai để ý đến một đứa trẻ đang bị tuyết phủ dần dần. Chắc chắn là em đã đi trong mưa tuyết như vậy rất lâu. Giờ đây em không còn đi được nữa. "Em ngồi nép vào một góc tường, giữa hai ngôi nhà, một cái xây lùi vào chút ít". Đó là một nơi mà ai đi qua cũng phải tránh nhưng cũng buộc mọi người phải chú ý. Em bé ngồi chỗ đó với hy vọng sẽ có người chú ý đến em, sẽ có người mua diêm cho em. Xung quanh em "cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sực nức mùi ngỗng quay". Mùi ngỗng quay nhắc em "đêm nay là đêm giao thừa". Mùi ngỗng quay còn nhắc em nhớ tới thời kỳ đầm ấm của gia đình em trước đây. Còn hiện tại em đang ngập chìm trong tuyết lạnh. "Em thu đôi chân vào người, nhưng mỗi lúc em cảm thấy rét buốt hơn". "Lúc này đôi bàn tay" của em bé bán diêm tội nghiệp "đã cứng đờ ra". Em bé nghĩ tới việc đánh diêm để "hơ ngón tay". Và "em đánh liều một que". Ngọn lửa bùng lên trong đêm giao thừa giá lạnh, mang lại cho em một niềm vui. "Ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói trông đến vui mắt". Em bé hơ bàn tay giá lạnh trên ánh lửa nhỏ nhoi của que diêm mà tưởng tượng rằng em đang ngồi trước một cái lò sưởi nơi đó đang "tỏa ra một hơi nóng dịu dàng". Nhưng đây chỉ là một điều mong ước, chỉ là một điều mộng tưởng. Bởi lẽ "em vừa duỗi chân ra sưởi thì lửa vụt tắt, lò sưởi biến mất". "Em bần thần cả người và chợt nghĩ ra rằng cha em đã giao cho em bán diêm". Thật đáng buồn biết bao vì giữa ước mơ và hiện thực là một khoảng cách xa vời. Một cái lò sưởi trong đêm đông giá rét, một mái nhà ấm cũng mãi mãi là ước mơ, là khát vọng của em bé.

Cùng với cái rét, cái đói cũng hiện về. Que diêm thứ hai "cháy và sáng rực lên". Que diêm cho em thấy: "bàn ăn đã dọn, khăn trải bàn trắng tinh, trên bàn toàn bát đĩa sứ quý giá, và có cả một con ngỗng quay. Nhưng điều kỳ diệu nhất là ngỗng ta nhảy ra khỏi đĩa và mang cả dao ăn, phuốc–sét cắm trên lưng, tiến về phía em bé". Thật hấp dẫn biết bao. Một bữa ăn vừa ngon vừa sang dành cho em bởi vì em đói lắm rồi, song bữa ăn đó cũng chỉ là ước mơ, mộng tưởng. Vì thế khi que diêm vừa tắt thì "thực tế đã thay cho mộng mị: chẳng có bàn ăn thịnh soạn nào cả, chỉ có phố xá vắng teo, lạnh buốt, tuyết phủ trắng xóa, gió bấc vi vu và mấy người khách qua đường quần áo ấm áp vội vã đi đến những nơi hẹn hò, hoàn toàn lãnh đạm với cảnh nghèo khổ của em bé bán diêm". Bên cạnh em giờ đây chỉ có đói và rét, và để chống lại em dùng ánh sáng và hơi ấm của que diêm. Trong ánh sáng ngắn ngủi của que diêm, em tưởng tượng ra những thứ mình cần, em tạo ra thế giới cho riêng em, bởi lẽ gió rét ngăn cản mọi người đến với em, cái đói cũng ngăn cản những người khác đến với em, trước mặt em cũng như sau lưng em chỉ còn lại "những bức tường dày đặc và lạnh lẽo". Những bức tường câm lặng, những bức tường không biết nói do chính con người tạo ra để che chở cho người này và để tạo ra sự cách ngăn với người khác.

Em bé còn lại một mình trong cái thế giới của em, thế giới đó bị tuyết trắng và đêm đen bao phủ. Để xua đi màn đêm và giá rét, "em bé quẹt que diêm thứ ba". "Em thấy hiện ra một cây thông Nôen", "cây này lớn và trang trí lộng lẫy" với "hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi, và rất nhiều bức tranh màu sắc rực rỡ"... Cây thông Nôen gợi nhớ một truyền thống tặng quà và quan tâm đến trẻ em của phong tục phương Tây, nhưng có lẽ câu chuyện về ông già Nôen cũng chỉ là một huyền thoại xa vời còn trong thực tại em bé bán diêm còn đang ngập chìm trong tuyết lạnh. Em cũng chẳng cần đến những món quà của ông già Tuyết nữa bởi lẽ tuyết và giá rét quanh em đã quá thừa rồi. Que diêm thứ ba cũng tắt. Sự sống của nó cũng quá ngắn ngủi. Nó không xua đi được màn đêm, nhưng màn đêm không thắng nổi nó. Que diêm tắt thì tất cả những ngọn nến mà cô bé bán diêm thấy trên cây thông Nôen cũng "bay lên, bay lên mãi rồi biến thành những ngôi sao trên trời". Khi đó em nghĩ tới cái chết, vì bà em, "người hiền hậu độc nhất đối với em" thường nói: "Khi có một vì sao đổi ngôi là có một linh hồn bay lên trời với Thượng đế". Nhưng thật buồn vì bà em đã chết từ lâu. Nhưng cũng chẳng hề gì bởi những người đang sống không ai nghĩ về em, không ai nghĩ đến em thì em đi tìm nguồn an ủi nơi người bà yêu quý. Và thế là em quẹt diêm. "Em thấy rõ ràng là bà em đang cười với em", "em reo lên" và van xin bà "cho cháu đi với", "cháu van bà, bà xin Thượng đế chí nhân, cho cháu về với bà. Chắc người không từ chối đâu".

Thật đau đớn xiết bao khi em bé bán diêm bị xã hội bỏ rơi, bỏ quên trong tuyết phủ đã quyết khước từ cuộc sống, quyết tâm tìm về thế giới bên kia. Trong thế giới của những người sống em không có chỗ đứng, không có

điều kiện để sống. Bởi lẽ chỉ cần bán được vài bao diêm thôi cũng đủ mang lại cho em cuộc sống, nhưng cả cái thế giới đi xe song mã ấy, cả cái thế giới nấp sau những cánh cửa sổ sáng rực ánh đèn ấy "chẳng ai đoái hoài đến lời chào hàng của em". Không giao tiếp được với thế giới những người đang sống, em bé bán diêm tìm cách xác lập mối quan hệ giao tiếp với bà em. "Em quẹt tất cả những que diêm còn lại trong bao để níu bà em lại". Kết quả là "Chưa bao giờ em thấy bà em to lớn và đẹp lão như thế này. Bà cụ cầm tay em, rồi hai bà cháu bay vụt lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét đau buồn nào đe dọa họ nữa".

Em bé đã chết một cách thê lương như vậy trong đêm giao thừa. Cái chết mang trong nó sức mạnh tố cáo xã hội. Cho dù người ta nhìn thấy trong xó tường "một em bé gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười", bên cạnh "một bao diêm đã đốt hết nhẵn" thì những người đang sống cũng không thể nào biết được "những cái kỳ diệu mà em bé đã trông thấy, nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón những niềm vui đầu năm". Bởi vì những người đó ngoài việc sử dụng cái đói, cái rét để tạo sự ngăn cách của họ với em bé thì họ còn xây dựng những bức tường hoặc hữu hình hoặc vô hình để tạo ra sự ngăn cách mới giữa họ và em bé. Họ không có quyền được nhìn thấy, được tận hưởng những gì do mộng tưởng của em tạo ra. Bởi vì em thuộc về một thế giới khác. Cái chết của em bé còn là sự phê phán lối sống ích kỷ, co cụm, chỉ biết mình của thế giới hiện đại. Đó là sự cảm thông sâu sắc của nhà kể chuyện thiên tài Anđecxen.

Đề 190: Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về cô bé bán diêm trong tác phẩm cùng tên của nhà văn An-đéc-xen.

Bài làm

Em bé bán diêm thật tội nghiệp. Người đời đối xử với em biết mấy. Họ chẳng thèm để ý đến những lời chào hàng tha thiết của em, thậm chí đến lúc chết, cái thi thể lạnh cóng của em cũng chỉ nhận được những ánh nhìn lạnh nhạt. Trong cái xã hội thiếu tình thương ấy, nhà văn An-đéc-xen đã tỏ lòng thương cảm sâu sắc đối với em bé bất hạnh. Chính tình yêu ấy đã khiến nhà văn miêu tả thi thể em với đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười, đồng thời tưởng tượng ra cảnh huy hoàng của hai bà cháu lúc về trời. Song nhìn chung cả câu chuyện nói chung và đoạn kết của truyện nói riêng là một cảnh tượng thương tâm thực sự. Nó gợi lên ở chúng ta bao nỗi xót xa cho những kiếp người nghèo khổ.

Đề 191: Tại sao nói rằng trong truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng* của O.Hen-ri, chiếc lá cụ Bơ-men vẽ trên tường là một kiệt tác?

Bài làm

Có thể nói trong truyện ngắn "Chiếc lá cuối cùng" của O.Hen–ri, chiếc lá cụ Bơ–men vẽ trên tường là một kiệt tác. Chiếc lá ấy là sản phẩm nghệ thuật của một hoạ sĩ. Nó là một kiệt tác trước hết bởi nó sinh động và giống như thật. Giống đến mức con mắt hoạ sĩ của cả Giôn–xi và Xiu–đi đều không phát hiện ra. Cụ Bơ–men đã vẽ chiếc lá ấy với tất cả tài năng, tâm huyết của cả đời mình. Tấm vải vẽ căng ra đợi chờ hai mươi năm trong phòng cụ chứng tỏ chiếc lá là tác phẩm duy nhất trong khoảng thời gian đằng đẵng ấy. Hơn thế, cụ đã vẽ nó bởi tình yêu thương tha thiết cụ dành cho Giôn–xi, con mèo nhỏ, người họa sĩ trẻ mà có lẽ cụ coi như đứa con, đứa cháu nhỏ của mình. Chiếc lá đã được vẽ bằng tâm hồn, bằng tấm lòng và cả mạng sống của một người nghệ sĩ tâm huyết với nghệ thuật và cuộc đời. Không những thế, chiếc lá cuối cùng đã cứu sống được Giôn–xi, nhờ chiếc lá, cô đã khỏi bệnh. Kiệt tác của cụ Bơ–men đã khẳng định sự phụng sự chân thành của nghệ thuật đến sự sống tuyệt vời của con người.

Đề 192: Suy nghĩ của em về hình ảnh hai cây phong trong tác phẩm *Người thầy đầu tiên* của Ai-ma-tốp.

Bài làm

Với mỗi chúng ta, ai cũng có những kỷ niệm về miền quê yêu dấu, khi nhớ về quê hương, lòng ta lại bồi hồi xao xuyến thức cùng những hình ảnh thân thuộc, gắn bó in đậm trong ký ức bấy lâu một giếng nước, một hàng cây hay một góc ao đình... Với nhân vật An–tư–nai trong tác phẩm "Người thầy đầu tiên", nhớ về làng Ku–ku–rêu là cô nhớ về hình ảnh đẹp đẽ: Hai cây phong. Hai cây phong mang đầy ý nghĩa biểu tượng.

Chưa cần xem nội dung lời tả và giới thiệu, chỉ cần nghe giọng kể của An–tư–nai (cô viện sĩ đã trưởng thành ở Matxcơva) ta đã có thể hiểu được tình cảm trân trọng và yêu quý hai cây phong cũng như cái làng Ku–ku–rêu cổ xưa của cô biết nhường nào. Hai cây phong trở thành linh hồn của làng quê, là biểu tượng của quê hương trong cô mà cô lưu giữ bao kỷ niệm tuổi ấu thơ. Điều ấy đã được cô bộc bạch trong tác phẩm "... Tôi cũng không biết giải thích ra sao, – phải chăng người ta vẫn đặc biệt trân trọng, nâng niu những ấn tượng thời thơ ấu... – nhưng cứ mỗi lần về quê, khi xuống xe lửa, đi qua thảo nguyên về làng, tôi đều coi bổn phận đầu tiên là từ xa đưa mắt tìm hai cây phong thân thuộc ấy".

Dù chưa hiểu nguồn gốc gắn bó của nhân vật với hai cây phong nhưng qua lời giới thiệu của An–tư–nai ta cảm nhận sự đồng cảm của nhân vật với hai cây phong thật sâu sắc. Dường như mọi chuyển động của hai cây thực

vật này đều được người kể hiểu thấu bằng một trái tim đồng điệu: "Hai cây phong này khác hẳn – chúng có tiếng nói riêng và hẳn phải có một tâm hồn riêng, chan chứa những lời ca êm dịu". Người phụ nữ ấy nghe lá cây lay động mà nghe như "một tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm chuyền qua lá cành như một đốm lửa vô hình", lúc lại cảm nhận nó "khắp lá cành lại cất tiếng thở dài một lượt như thương tiếc người nào"... Cảm xúc tinh tế đầy chất thơ ấy là của một tâm hồn giàu chất thơ, một trái tim giàu tình yêu và trí tưởng tượng phong phú.

Sở dĩ hai cây phong đi vào ký ức của nhân vật bởi nó gắn liền với những kỷ niệm tuổi thơ cay đắng và tình yêu thương ấm áp của người thầy truyền cho cô, một tình yêu thương nhân ái vô bờ. Chính vì vậy nhân vật đã tự bộc lộ "và cho đến tận nay tôi vẫn thấy hai cây phong trên đồi có một vẻ sinh động khác thường. Tuổi trẻ của tôi đã để lại nơi ấy, bên cạnh chúng như một mảng vỡ của chiếc gương thần xanh...".

Hai cây phong nơi ấy chứa bao kỷ niệm của tuổi học trò với những trò chơi thuở nhỏ "Khi bắt đầu nghỉ hè, bọn con trai chạy ào lên đấy phá tổ chim". Song ấn tượng sâu đậm trở thành điểm nhớ về hai cây phong trong ký ức của nhân vật ở đây chính là "thế giới diệu kỳ được mở ra trong tâm hồn trẻ thơ" từ góc nhìn, tầm nhìn mà hai cây phong ấy đem lại.

Trước hết là hai cây phong là điểm tựa để bọn trẻ đua nhau thể hiện ý chí: "Chúng tôi cứ leo lên cao nữa – nào xem ai can đảm và khéo léo hơn ai!". Nhưng thế giới xung quanh mới là điều kinh ngạc và quyến rũ bọn trẻ "Chúng tôi cố giương hết tầm mắt nhìn vào nơi xa thẳm biêng biếc của thảo nguyên và nhìn thấy không biết bao nhiêu, bao nhiêu là vùng đất mà trước đây chúng tôi chưa từng biết đến, thấy những con sông mà trước đây chúng tôi chưa từng nghe nói. Những dòng sông lấp lánh tận chân trời như những sợi chỉ bạc mỏng manh... Chúng tôi ngồi nép trên các cành cây, lắng nghe tiếng gió ảo huyền, và tiếng lá cây đáp lại lời gió, thì thầm to nhỏ về những miền đất bí ẩn đầy sức quyến rũ lẩn sau chân trời xa thẳm và biêng biếc kia".

Càng đọc ta càng cảm nhận được chất hoạ sĩ ở người kể chuyện, càng cảm nhận được thế giới "bí ẩn đầy sức quyến rũ" của những miền đất lạ đã thu hút tâm hồn trẻ thơ, đọng lại một khoảng sáng trong tâm hồn cô bé An–tư–nai để khi trưởng thành nỗi nhớ về ký ức tuổi thơ và hình ảnh hai cây phong lại rực lên những hình ảnh lung linh kỳ thú thuở nào để rồi xa quê lâu ngày lòng cô lại thao thức. Và trong cõi sâu thẳm ta hiểu rằng nỗi nhớ và cảm xúc cùng thế giới tuổi thơ vẫn đọng lại nguyên vẹn trong hai cây phong ấy chính là tình yêu quê hương da diết.

Nhưng nguyên nhân sâu xa là ở chỗ hai cây phong là nhân chứng của câu chuyện hết sức xúc động về Đuy–sen, người thầy đầu tiên và cô bé An–tư–nai gần bốn mươi năm về trước. Chính thầy Đuy–sen đã đem hai cây phong về trồng trên đồi cao này cùng với cô bé An–tư–nai và thầy đã gửi

gắm ở hai cây phong non ước mơ, hy vọng những đứa trẻ nghèo khổ, thất học như An-tư-nai sau này sẽ lớn lên, ngày càng được mở mang kiến thức và trở thành những con người hữu ích.

Hai cây phong chắt chiu nhựa đất cằn trên đồi cao lớn lên và lưu giữ kỷ niệm của bao thế hệ học trò làng Ku-ku-rêu bé nhỏ. Từ câu chuyện về hình ảnh hai cây phong, Ai-ma-tốp gợi lên trong lòng người đọc về cuộc sống tình yêu với quê hương đất nước trong mỗi người – nơi cội nguồn của mỗi cuộc đời – thật giản dị, sâu sắc mà cảm động bởi hình ảnh quê hương được gửi gắm qua hình tượng hai cây phong in đậm trong tâm trí người kể chuyện y nguyên chẳng phai mờ.

Phần I
VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH
VĂN BẢN THÔNG BÁO

Đề 193: Viết văn bản tường trình về một vụ lộn xộn mới xảy ra trong lớp.

Bài làm

Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hoà Bình, ngày 15 tháng 02 năm 2009

BẢN TƯỜNG TRÌNH

Về việc xảy ra vụ lộn xộn trong lớp ngày 14 tháng 02 năm 2009

Kính gửi: Ban Giám hiệu Trường THCS Hải Tân

Tên em là: Hoàng Thu Hồng, lớp trưởng lớp 8H trường THCS Hải Tân

Ngày 14 tháng 02 năm 2009 vừa qua, tại phòng học lớp 8H xảy ra một vụ lộn xộn, thay mặt tập thể lớp, em xin tường trình lại vụ việc như sau:

Vào khoảng 07h 15' ngày 14 tháng 02 năm 2009, vào thời gian nghỉ 5' giữa tiết 1 (môn Hoá học) và tiết 2 (môn lịch sử), khi cô giáo vừa rời lớp, bạn Trần Minh Việt, học sinh lớp 9B, có mang một bó hoa vào lớp tặng cho bạn Nguyễn Thị Minh Hoà và đề nghị bạn Hoà ra ngoài. Nhưng bạn Hoà có trả lời là đang giờ nghỉ ngắn, không được phép ra ngoài nên không thể vi phạm nội quy nhà trường. Bạn Việt đồng ý rồi hẹn bạn Hoà vào giờ ra chơi. Bạn Việt rời khỏi lớp, bạn Hoà đặt bó hoa xuống bàn học trống cuối lớp.

Sau tiết học thứ hai, vào khoảng 8h 05', cô giáo đã rời phòng học, cả lớp đang cất sách vở thì có tiếng đạp cửa phòng học rất mạnh. Bạn Trần Bích Vân, học sinh lớp 9B cùng một nhóm các bạn nữ cũng lớp xông vào lớp, lao đến chỗ bạn Hoà. Bạn Vân vừa nói tục vừa lăng mạ bạn Hoà, trong đó có

những lời như "cướp người yêu của tao", "mày chán sống à",... Bạn Nguyễn Ngọc Trúc lấy bó hoa đập liên tục vào bạn Hoà, bạn Nguyễn Ngọc Minh dùng tay đánh bạn Hoà,... Học sinh trong lớp 8H không kịp phản ứng trước những hành động của nhóm học sinh nữ lớp 9B. Bạn Trần Hoà Bình liền đi gọi tổ bảo vệ. Các bạn nam trong lớp giữ tay nhóm học sinh nữ lớp 9B khiến hai bên xảy ra xô xát. Đến khi các chú bảo vệ lên thì nhóm học sinh nữ lớp 9B mới ngừng lại.

Em xin cam kết những điều em nêu trên là đúng sự thực. Nếu sai, em xin chịu mọi hình thức kỉ luật của nhà trường.

Người viết tường trình

Hồng

Hoàng Thu Hồng

Đề 194: Một bạn trong lớp bị mất cặp sách khi cả lớp ra sân tập thể dục. Bạn đó viết bản tường trình để nộp cho cô giáo chủ nhiệm.

Bài làm

Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2009

BẢN TƯỜNG TRÌNH

Về việc mất cặp sách

Kính gửi: Cô giáo chủ nhiệm lớp 8B trường THCS Phan Đình Giót

Tên em là: Trần Thu Minh, học sinh lớp 8B trường THCS Phan Đình Giót.

Thứ 2 ngày 14 tháng 12 năm 2009 vừa qua, em bị mất chiếc cặp sách tại lớp. Sự việc cụ thể như sau:

7h 30', sau giờ truy bài, khi nghe tiếng trống chào cờ, em cất cặp sách vào ngăn bàn của mình (bàn thứ 4 của tổ 3) rồi xuống sân trường tập trung. Em là một trong những học sinh đầu tiên của lớp ra khỏi phòng học, bởi vậy, khi em rời lớp, trong phòng vẫn còn rất nhiều bạn.

8h 20', khi em lên lớp, cả lớp đã gần như đông đủ. Em lấy cặp sách chuẩn bị tiết học Ngữ văn thì đã không thấy cặp sách đâu. Em có hỏi các bạn xung quanh nhưng không ai nhìn thấy, cũng không ai giấu đùa.

Trong chiếc cặp sách có 10 cuốn sách giáo khoa và vở môn Ngữ văn, Lịch sử, Vật lí, Địa lí; 01 hộp bút, 50.000 đồng cùng thẻ học sinh, vé và khoá xe đạp.

Em xin cam đoan những điều em tường trình trên là sự thật. Nếu sai, em xin chịu mọi hình thức kỉ luật của cô giáo và tập thể lớp.

Người viết tường trình

Học sinh

Minh

Trần Thu Minh

Đề 195: Em bị mất xe đạp khi vào hiệu sách. Hãy viết bản tường trình về việc đó gửi các chú công an.

Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 7 tháng 06 năm 2009

BẢN TƯỜNG TRÌNH

Về việc mất xe đạp

Kính gửi: Ban công an phường Lê Thanh Nghị

Tên tôi là Nguyễn Thúy Hiền, hiện là học sinh lớp 8B trường THCS Bình Hàn, trú tại số nhà 12/7, phố Tuệ Tĩnh, phường Bình Hàn.

Tôi xin tường trình sự việc như sau: Vào khoảng 16h 30' ngày 7 tháng 06 năm 2009, tôi khóa xe ở vỉa hè bên ngoài để vào hiệu sách Thế Kỉ Mới, số 22 đường Lê Thanh Nghị mua sách. Khoảng 15 phút sau trở ra, tôi không thấy xe của mình. Tôi đã hỏi người xung quanh nhưng không ai để ý cả. Tôi làm bản tường trình này kính mong Ban Công an phường tìm giúp tôi chiếc xe. Đó là một chiếc mini Nhật cũ, màu trắng, chuông có một vệt lõm sâu.

Tôi xin cam đoan những điều tôi tường trình trên đây là sự thật.

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Người viết tường trình

Hiền

Nguyễn Thúy Hiền

Đề 196: Em đang đi trên đường thì gặp một vụ ẩu đả nghiêm trọng. Em là nhân chứng duy nhất của vụ ẩu đả đó. Hãy viết bản tường trình giúp công an xã (phường) điều tra sự việc.

Bài làm

Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hoà Bình, ngày 17 tháng 09 .năm 2009

BẢN TƯỜNG TRÌNH

Về vụ ẩu đả trên đường Bình Minh

Kính gửi: Ban Công an phường Bình Minh

Tên tôi là Trần Bình Thuận, hiện là học sinh lớp 8B Trường THCS Bình Minh, trú quán tại số nhà ... phường Bình Minh

Vào khoảng 18h 30' ngày 17 tháng 09 năm 2009, tôi đang trên đường

đi học thêm về thì thấy một nhóm khoảng 4, 5 người đang cầm gậy đánh hai người khác (sau này tôi được biết đó là anh Nguyễn Vĩnh Tiến và Trần Văn Hoàng) ở khu vực Ngã Năm. Đến gần, tôi phát hiện nhóm người có những hành vi xấu kia gồm 5 thanh niên. Do trời tối, tôi không nhìn rõ mặt năm người này. Khi tôi hô "Cứu! Cứu! Đánh người!" thì nhóm thanh niên kia lên hai chiếc xe máy bỏ chạy. Nhờ đèn hậu của xe mà tôi còn nhớ rõ biển số là.... và .... Hai chiếc xe một chiếc là WaveS màu đỏ, một chiếc là Wave an pha màu bạc.

Tôi xin cam đoan những điều tôi tường trình trên đây là sự thật. Nếu sai, tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.

Người viết tường trình
Thuận
Trần Bình Thuận

Đề 197: Ban chỉ huy liên đội thông báo kế hoạch cắm trại nhân Ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11.

Bài làm

Trường THCS Võng La	Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Liên đội trường THCS Võng La	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 05 tháng 11 năm 2009

THÔNG BÁO

Về kế hoạch cắm trại nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11

Nhân kỉ niệm Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11, được sự đồng ý của Ban Giám hiệu nhà trường, Ban chỉ huy Liên đội Trường THCS Võng La tổ chức cắm trại chào mừng. Kế hoạch cụ thể như sau:

– Thời lượng: 01 ngày

– Thời gian: ngày 19 tháng 11 năm 2009

– Địa điểm: Sân trường THCS Võng La

– Hình thức: Mỗi chi đội làm 01 trại theo phạm vi không gian đã được phân

Thi cắm trại giữa các chi đội, có trao thưởng theo phạm vi khối lớp

Trại được chấm hai lần vào 09h và 15h ngày 19/11/2008;

Trong thời gian diễn ra buổi cắm trại, Liên đội sẽ tổ chức các trò chơi như nhảy dây, kéo co, ... Chi đội nào có số lượng đội viên tham gia đông đảo, nhiệt tình và nghiêm túc sẽ được cộng điểm vào điểm trại (tối đa cộng 02/20 điểm).

BCH Liên đội yêu cầu:

– Các chi đội chuẩn bị những vật dụng cần thiết để đảm bảo cho hoạt

động diễn ra đúng kế hoạch;

– Các đồng chí đội viên nhiệt tình, hăng hái chuẩn bị cho hội trại của Liên đội để hoạt động diễn ra sôi nổi, bổ ích.

Nơi gửi:
– Các chi đội trường THCS Võng La;
– BGH nhà trường ;
– Lưu.

T/M BCH Liên đội
Liên đội trưởng
Nguyễn Văn Quyền
(Đã kí)

Đề 198: Tổ trưởng dân phố thông báo họp tổ dân phố.

Bài làm

Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Sơn, ngày 14 tháng 03 năm 2009

THÔNG BÁO

Về việc họp tổ dân phố

Trong những ngày đầu năm, do việc tổ chức lễ hội nên tình hình tổ dân phố có một số hiện tượng gây rối làm mất trật tự an toàn xã hội. Vậy kính mời đại diện các hộ gia đình tổ dân phố đến họp để bàn về một số biện pháp đảm bảo an ninh trật tự khu dân cư.

Thời gian: 20h 00' ngày 18/03/2009

Địa điểm: nhà ông tổ trưởng tổ dân phố số 206, phố Thanh Sơn.

Kính mong các ông (bà) đến đầy đủ và đúng giờ.

Thông báo này thay cho giấy mời.

T/M Ban quản lí tổ dân phố
Tổ trưởng
Nam
Vũ Văn Nam

Đề 199: Ban Giám hiệu thông báo ngày giờ thi nghề.

Bài làm

Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2009

THÔNG BÁO

Về thời gian thi nghề đối với học sinh lớp 9

Theo kế hoạch của Phòng Giáo dục Đào tạo huyện Đông Anh, Ban Giám hiệu Trường THCS Đại Mạch thông báo thời gian thi nghề dành cho đối

tượng là học sinh lớp 9 Trường Đại Mạch như sau:

– Đối với học sinh thi nghề chăn nuôi tại trại gà Nguyên Khê, thời gian thi là từ 07h 30' đến 11h 30' ngày 25 tháng 12 năm 2009 ;

– Đối với học sinh thi nghề điện tại trung tâm số 06, thời gian thi là từ 13h 30' đến 17h 30' ngày 25 tháng 12 năm 2009 ;

– Đối với học sinh thi nghề tin học tại trung tâm số 06, thời gian thi là từ 08h 00' đến 12h 00' ngày 25 tháng 12 năm 2009 ;

– Đối với học sinh thi nghề tin học tại Trường THCS Nam Hồng, thời gian thi là từ 13h 00' đến 17h 00' ngày 25 tháng 12 năm 2009 ;

Đề nghị các thí sinh tham dự kì thi nghề đến đúng giờ.

T/M Ban Giám hiệu
Hiệu phó
Khôi
Trịnh Đình Khôi

Nơi gửi:
- Phòng GD – ĐT huyện Đông Anh ;
- Phòng văn thư trường (chuyển thông báo tới học sinh) ;
- Lưu.

MỤC LỤC